

**MỤC LỤC**  
**(KINH TẬP – BỘ 12)**

<b>SỐ 674 – KINH CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA.....</b>	<b>3</b>
<b>QUYỂN THƯỢNG .....</b>	<b>3</b>
<b>QUYỂN HẠ.....</b>	<b>32</b>
<b>SỐ 675 – KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT.....</b>	<b>53</b>
<b>QUYỂN 1 .....</b>	<b>53</b>
Phẩm 1: TỰA QUY MẠNG ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MÂU-NI .....	53
Phẩm 2: THÁNH GIẢ HỎI BỒ-TÁT THIỆN VẤN .....	55
Phẩm 3: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT THỬA HỎI.....	58
Phẩm 4: THÁNH GIẢ ĐẠI BỒ-TÁT THIỆN THANH TỊNH TỰ THỬA HỎI .....	60
Phẩm 5: TỰE MẠNG TU-BỒ-ĐỀ THỬA HỎI .....	64
Phẩm 6: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUẢNG TỰE THỬA HỎI.....	68
<b>QUYỂN 2 .....</b>	<b>71</b>
Phẩm 7: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT CÔNG ĐỨC LÂM THỬA HỎI .....	71
Phẩm 8: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT THÀNH TỰU ĐỆ NHẤT NGHĨA THỬA HỎI.....	74
<b>QUYỂN 3 .....</b>	<b>90</b>
Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THỬA HỎI (Phần 1) .....	90
<b>QUYỂN 4 .....</b>	<b>113</b>
Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THỬA HỎI (Phần 2) .....	113
Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN THỂ TỰ TẠI THỬA HỎI (Phần 1).....	117
<b>QUYỂN 5 .....</b>	<b>135</b>
Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN THỂ TỰ TẠI THỬA HỎI (Phần 2).....	135
Phẩm 11: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHÁP VƯƠNG TỬ THỬA HỎI .....	140
<b>SỐ 676 – KINH GIẢI THÂM MẬT.....</b>	<b>155</b>
<b>QUYỂN 1 .....</b>	<b>155</b>
Phẩm 1: MỞ ĐẦU.....	155
Phẩm 2: THẮNG NGHĨA (THẮNG NGHĨA ĐẾ TƯỚNG).....	157
Phẩm 3: TÂM THỨC (TÂM Ý THỨC TƯỚNG) .....	169

<b>QUYỂN 2</b> .....	<b>172</b>
Phẩm 4: TỰ TÁNH (NHẤT THIẾT PHÁP TƯỚNG).....	172
Phẩm 5: VÔ TÁNH (VÔ TỰ TÁNH TƯỚNG).....	175
<b>QUYỂN 3</b> .....	<b>189</b>
Phẩm 6: DU-GIÀ (PHÂN BIỆT DU-GIÀ).....	189
<b>QUYỂN 4</b> .....	<b>212</b>
Phẩm 7: ĐỊA ĐỘ (ĐỊA BA-LA-MẬT-ĐA).....	212
<b>QUYỂN 5</b> .....	<b>233</b>
Phẩm 8: PHẬT SỰ (NHƯ LAI THÀNH SỞ TÁC SỰ).....	233
<b>SỐ 677 – KINH GIẢI TIẾT</b> .....	<b>247</b>
Phẩm 1: BẤT KHẢ NGÔN, VÔ NHỊ.....	247
Phẩm 2: VƯỢT HƠN CẢNH GIỚI GIÁC QUÁN.....	250
Phẩm 3: QUÁN NHẤT DỊ.....	253
Phẩm 4: NHẤT VỊ.....	256
<b>SỐ 678 – KINH TƯỚNG TỤC GIẢI THOÁT ĐỊA BA-LA-MẬT LIỄU NGHĨA</b> .....	<b>261</b>
<b>SỐ 679 – KINH TƯỚNG TỤC GIẢI THOÁT NHƯ LAI SỞ TÁC TÙY THUẬN XỨ LIỄU NGHĨA</b> .....	<b>279</b>
<b>SỐ 680 – KINH PHẬT ĐỊA</b> .....	<b>293</b>
<b>SỐ 681 – KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM</b> .....	<b>305</b>
<b>QUYỂN THƯỢNG</b> .....	<b>305</b>
Phẩm 1: HỘI MẬT NGHIÊM.....	305
Phẩm 2: DIỆU THÂN SINH (Phần 1).....	318
<b>QUYỂN TRUNG</b> .....	<b>340</b>
Phẩm 2: DIỆU THÂN SINH (Phần 2).....	340
Phẩm 3: THAI SINH.....	354
Phẩm 4: HIỂN THỊ TỰ TÁC.....	355
Phẩm 5: PHÂN BIỆT QUÁN HÀNH.....	366
Phẩm 6: KIẾN LẬP A-LẠI-DA.....	369
<b>QUYỂN HẠ</b> .....	<b>376</b>
Phẩm 7: CẢNH GIỚI TỰ THỨC.....	376
Phẩm 8: A-LẠI-DA VI MẬT.....	377
<b>SỐ 682 – KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM</b> .....	<b>419</b>
<b>QUYỂN THƯỢNG</b> .....	<b>421</b>

Phẩm 1: ĐẠO TRÀNG MẬT NGHIÊM.....	421
Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 1) .....	434
<b>QUYỂN TRUNG.....</b>	<b>460</b>
Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 2) .....	460
Phẩm 3: SINH THAI TẠNG .....	478
Phẩm 4: CẢNH GIỚI TỰ (GIÁC) TÁC .....	481
Phẩm 5: BIỆN QUÁN HẠNH.....	496
Phẩm 6: HƯỚNG VÀO A-LẠI-DA .....	502
<b>QUYỂN HẠ.....</b>	<b>515</b>
Phẩm 7: CẢNH GIỚI NGÃ, THỨC .....	515
Phẩm 8: A-LẠI-DA CHÍNH LÀ MẬT NGHIÊM .....	516
<b>SỐ 683 – KINH CHỮ ĐỨC PHƯỚC ĐIỀN.....</b>	<b>569</b>
<b>SỐ 684 – KINH ÂN CHA MẸ KHÓ BÁO ĐÁP.....</b>	<b>579</b>
<b>SỐ 685 – KINH VU-LAN-BỒN .....</b>	<b>581</b>
<b>SỐ 686 – KINH BÁO ÂN PHỤNG BỒN .....</b>	<b>585</b>
<b>SỐ 687 – KINH HIẾU TỬ .....</b>	<b>587</b>
<b>SỐ 688 – KINH VỊ TÀNG HỮU .....</b>	<b>591</b>
<b>SỐ 689 – KINH THẠM HY HỮU.....</b>	<b>595</b>
<b>SỐ 690 – KINH HY HỮU GIẢO LƯỢNG CÔNG ĐỨC .....</b>	<b>601</b>
<b>SỐ 691 – KINH TỐI VÔ TỶ .....</b>	<b>609</b>
<b>SỐ 692 – KINH TẠO HÌNH TƯỢNG PHẬT .....</b>	<b>619</b>
<b>SỐ 693 – KINH PHẬT THUYẾT TẠO LẬP HÌNH TƯỢNG PHƯỚC BÁO .....</b>	<b>623</b>
<b>SỐ 694 – KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC.....</b>	<b>629</b>
<b>QUYỂN THƯỢNG .....</b>	<b>629</b>
<b>QUYỂN HẠ.....</b>	<b>642</b>
<b>SỐ 695 – KINH QUÁN TẢY PHẬT HÌNH TƯỢNG .....</b>	<b>657</b>
<b>SỐ 696 – KINH MA-HA SÁT ĐẦU .....</b>	<b>661</b>
(CŨNG GỌI LÀ KINH QUÁN PHẬT HÌNH TƯỢNG).....	661
<b>SỐ 697 – KINH DỤC TƯỢNG CÔNG ĐỨC.....</b>	<b>667</b>
<b>SỐ 698 – KINH DỤC PHẬT CÔNG ĐỨC.....</b>	<b>673</b>

<b>SỐ 699 – KINH TẠO THÁP CÔNG ĐỨC</b> .....	<b>679</b>
<b>SỐ 700 – KINH CÔNG ĐỨC NHIỀU BÊN PHẢI THÁP PHẬT</b> .....	<b>681</b>
<b>SỐ 701 – KINH ÔN THẮT TẮY DỤC CHÚNG TĂNG</b> .....	<b>687</b>
(KINH XÂY NHÀ TẮM CÚNG TĂNG).....	687
<b>SỐ 702 – KINH THÍ ĐĂNG CÔNG ĐỨC</b> .....	<b>693</b>
(KINH CÔNG ĐỨC CÚNG ĐÈN).....	693
<b>SỐ 703 – KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN</b> .....	<b>715</b>
<b>SỐ 704 – KINH LÂU CÁC CHÁNH PHÁP CAM LỘ CỎ</b> .....	<b>727</b>
<b>SỐ 705 – KINH BỐ THÍ</b> .....	<b>733</b>
<b>SỐ 706 – KINH NGŨ ĐẠI THÍ</b> .....	<b>739</b>
<b>SỐ 707 – KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC</b> .....	<b>741</b>
<b>SỐ 708 – KINH LIỄU BẢN SINH TỬ</b> .....	<b>749</b>
(KINH BIẾT RÕ NGUỒN GỐC SINH TỬ).....	749
<b>SỐ 709 – KINH ĐẠO VU</b> .....	<b>757</b>
(KINH NÓI VỀ CÂY LÚA CÂY KHOAI).....	757
<b>SỐ 710 – KINH TỪ THỊ BỒ-TÁT SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA DUYÊN SINH ĐẠO</b> <b>CÁN DỤ</b> .....	<b>767</b>
<b>SỐ 711 – KINH ĐẠI THỪA XÁ-LÊ-SA-ĐAM-MA</b> .....	<b>777</b>
<b>SỐ 712 – KINH ĐẠI THỪA ĐẠO VU</b> .....	<b>787</b>
<b>SỐ 713 – KINH BỒI ĐA HẠ TƯ DUY THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN</b> .....	<b>797</b>
<b>SỐ 714 – KINH DUYÊN KHỞI THÁNH ĐẠO</b> .....	<b>803</b>
<b>SỐ 715 – KINH CỰU THÀNH DỤ</b> .....	<b>809</b>
<b>SỐ 716 – KINH DUYÊN SINH SƠ THẮNG PHẦN PHÁP BẢN</b> .....	<b>815</b>
<b>QUYỂN THƯỢNG</b> .....	<b>815</b>
<b>QUYỂN HẠ</b> .....	<b>831</b>
<b>SỐ 717 – KINH PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI SƠ THẮNG PHÁP MÔN</b> .....	<b>849</b>
<b>QUYỂN THƯỢNG</b> .....	<b>849</b>
<b>QUYỂN HẠ</b> .....	<b>864</b>
<b>SỐ 718 – KINH PHÂN BIỆT DUYÊN SINH</b> .....	<b>885</b>

<b>SỐ 719 – KINH THẬP NHỊ DUYÊN SINH TƯỜNG THỤY.....</b>	<b>889</b>
(KINH ĐIỂM LÀNH CỦA MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN).....	889
<b>QUYỂN THƯỢNG .....</b>	<b>889</b>
<b>QUYỂN HẠ .....</b>	<b>902</b>
<b>SỐ 720 – KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP.....</b>	<b>911</b>
<b>QUYỂN THƯỢNG .....</b>	<b>911</b>
<b>QUYỂN TRUNG.....</b>	<b>924</b>
<b>QUYỂN HẠ.....</b>	<b>937</b>

\* \*  
\*



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH  
TẬP 65

BỘ KINH TẬP  
12

SỐ 674 → 720

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN





SỐ 674

# KINH CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Địa-bà-ha-la.*

## QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bạc-già-phạm đang ở trong vườn cây rộng lớn bên ao nước trong mát trên đỉnh núi Đại Ma-la-da, là chỗ của các vị Thần linh trì chú và Phi nhân chứng quả, Tiên thông thành tựu vô thượng, cùng với đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ. Đều là các đại Thanh văn đã làm xong, nghĩa là vượt qua tất cả các địa vị Duy-na phạm phu. Những vị tên đó là Trưởng lão A-nhã Kiền-trần-như, A-thuyết-thị-đa, Đại Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đều là những bậc Thượng thủ, cùng với các Đại Bồ-tát, hết thảy đều là bậc chứng quả, các Bồ-tát chứng Đà-la-ni Tam-muội, hiện tiền tự tại vô ngại, trụ vào địa vị của tất cả Bồ-tát, những vị đó tên là Thánh giả Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Đại Tuệ, Bồ-tát Thắng Tuệ, Bồ-tát Kiên Tuệ, Bồ-tát Tịch Tuệ, Bồ-tát Vô Tận Tuệ, Bồ-tát Vô Biên Tuệ, Bồ-tát Hải Tuệ, Bồ-tát An Tuệ, Bồ-tát Vô Cấu Tuệ, Bồ-tát Trí Tuệ, những Đại Bồ-tát như thế đều là bậc đứng đầu, được thọ ký, ở trong thế giới chứng thành Chánh đẳng giác và chuyển bánh xe chánh pháp và các vị Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tiên thông, Quỷ thần, vô số hình tướng, vô số y phục,

vô số mũ đẹp, cầm vô số binh đao, vô số cờ hiệu, đều đến trong hội nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn diễn nói pháp vi diệu, đầu, giữa, sau đều thiện nghĩa lý rõ ràng, đại chúng đông như biển vây quanh chiêm ngưỡng, cúng dường, duy nhất khai mở giảng nói phạm hạnh thanh tịnh đầy đủ trọn vẹn.

Lúc ấy, ở đại thành Lăng-già, có La-sát vương tên Tỳ-tỳ-sản, làm chủ thành kia. Khi đó, Tỳ-tỳ-sản nghe có Đức Phật Thế Tôn đang ở trên đỉnh núi Ma-la-da nơi các bậc Đại tiên trú ngụ và đang trong vườn cây lớn, bên ao nước trong là chỗ dạo chơi của các vị Tiên, phi nhân tu hành chứng quả. Cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và các Đại Bồ-tát với các chư Thiên... đều đến trong hội lớn vây quanh nghe giảng nói pháp vi diệu cho đến khai mở hiển bày, phạm hạnh thanh tịnh. Lúc đó, chủ Tỳ-tỳ-sản, suy nghĩ rằng: “Tiếng Phật khó được nghe như hoa Ưu-đàm, huống chi là gặp được Phật ở đời lãnh thọ chánh pháp, như rùa mù trong biển gặp được bọng cây nổi thật là rất khó. Đức Phật khó được gặp, giác pháp khó được nghe, nay được nghe pháp, hiểu đạo, gặp Đức Phật Thế Tôn đạt được đại Bồ-đề và giác ngộ chúng sinh. Rất khó gặp được! Rất khó gặp được! Ta bấy lâu nay rất khó gặp được, vậy phải mau chóng chuẩn bị đem vô số ngọc báu, chuỗi Anh lạc, vô lượng vòng hoa, hương đốt, hương xoa, hương bột, y phục, lộng lụa, phướn, cờ hiệu, các thứ kèn, trống, nhạc và các kỹ nữ, cùng những thuộc hạ đến chỗ Phật, cúng dường để thưa hỏi chánh pháp. Thật là chẳng uổng một đời, lại báo thân này được lợi ích lớn”.

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản bảo các thuộc hạ. Các người mau đem nhiều của báu, như vàng, bạc, ma-ni, trân châu lưu ly, san hô, mã não, xích châu, ngọc kha, chuỗi ngọc, hương hoa thượng hạng, cho đến các loại kèn trống nhạc và các kỹ nữ múa hát đến cúng dường, mau chuẩn bị cùng ta đem đến chỗ của Đức Như Lai Pháp chủ, Bạc tôn kính tối thượng của Tam giới với đầy đủ trí tuệ, tri kiến, phước báo vô lượng mà thân cận cúng dường. Vì sao? Vì Đức Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu-đàm đúng thời hiện một lần và ruộng phước kia trong

giây lát hiếm có, tiếng của Tam bảo thế gian khó được nghe, nên không thể bỏ lỡ, chủ Tỳ-tỳ-sản bảo bằng kệ:

*Khi Phật hiện ra đời  
Khoảnh khắc khó gặp được  
Trải năm ngàn ức kiếp  
Hiếm khi gặp được Phật.  
Đạo sư rất khó gặp  
Giống như hoa Ưu-đàm  
Vô biên cõi chúng sinh  
Lưu chuyển trong sáu nẻo,  
Chịu khổ cực địa ngục  
Súc sinh và ngạ quỷ  
Sống ở trong tám nạn  
Xa rời các Như Lai.  
Ánh sáng Thánh ra đời  
Lợi ích các chúng sinh  
Mặt trời trí tuệ lớn  
Chiếu sáng diệt tối tăm.  
Hôm nay cùng đến có  
Cùng sửa soạn cúng dường  
Ma-ha Na-già Tôn  
Đạo Sư các thế gian.  
Thầy dẫn đường trời, người  
Cúng dường được quả lớn.*

Khi ấy, Tỳ-tỳ-sản nói kệ rồi, nhờ thần lực của Phật, cho nên ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng từ chỗ Đức Phật phát ra, bay lên giữa hư không chiếu vào đại thành Lăng-già, chiếu đến Tỳ-tỳ-sản và các thuộc hạ, Tỳ-tỳ-sản gặp được ánh sáng này hết sức vui mừng và trong vầng sáng nhiệm mầu bao phủ ấy tự phát ra bài kệ diễn pháp vi diệu, sâu xa:

*Các pháp vốn lặng  
Tánh không vô ngã  
Tất cả chúng sinh*

Điều không thể được.  
 Không đầu, không giữa  
 Cũng không sau cùng  
 Giả dối không thật  
 Như giặc chiêm bao,  
 Như mây, như chớp  
 Sóng nắng, bọt nước  
 Như vòng lửa tròn  
 Như nước tụ bọt,  
 Nhân duyên sinh pháp  
 Điều không tự tánh  
 Các pháp hữu vi  
 Thấy đều như thế.  
 Vô minh khát ái  
 Là gốc sinh tử  
 Chiêm nghiệm tu tập  
 Không vô minh, ái,  
 Tất cả các pháp  
 Xa lìa nói năng  
 Thật tánh thanh tịnh  
 Cũng như hư không.

Tiếng kệ phát ra trong ánh sáng vừa dứt, chủ đại thành Lăng-già Tỳ-tỳ-sản, liền đạt được pháp Nhãn vô ngã thâm sâu, các bộ chúng thuộc hạ kia đạt được nhãn, hoặc có người phát tâm Bồ-đề, hoặc có người đạt được thuận nhãn, hoặc có người Kiến đế (chứng ngộ chân lý), chủ Tỳ-tỳ-sản đã đối với Phật, Pháp, Tăng tâm đã đạt được tín tâm vô ngại, lại suy nghĩ: “Ta phải tin vững chắc để chứng được quả Phật”, liền nói kệ:

Trời, Người, A-tu-la  
 Đạt vô thượng tối thắng  
 Chủ Phạm các Thiên chúng  
 Không thấy, chẳng hay biết.  
 Nay ta ở thế gian

Đạt được pháp như vậy  
 Trí của Nhất thiết trí  
 Chắc chắn không còn nghi.  
 Sẽ ở thế giới này  
 Thành Phật độ chúng sinh  
 Vô biên, vô số ức.  
 Khai bày pháp Phật tịnh  
 Vô lậu Bát giải chi  
 Đạo chân chánh vô thượng  
 Hiển bày trí vô biên  
 Đủ ba mươi hai tướng  
 Thành Phật chứng Bồ-đề  
 Dùng thân này trang nghiêm  
 Khiến cho khắp chúng sinh  
 Tu hành nghiệp thanh tịnh  
 Vượt khỏi dùng sinh tử  
 Diệt trừ các sợ hãi  
 Giữ gìn đức giới hạnh  
 Cứu vớt làm lợi ích  
 Thân như mặt trăng sáng  
 Diệt trần phá sinh tử  
 Giữ đức sẽ thành Phật  
 Thị hiện trong ba cõi.

Lúc đó, Tỳ-tỳ-sản nói kệ này rồi, liền đạt được tâm bất thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề. Và đem theo vô lượng, các vật đặc biệt, diệu kỳ như tâm mong muốn, mỗi mỗi hiển hiện vô số vòng hoa, hương đốt, hương bột, hương xoa, y phục, cờ phướn, ma-ni, các thứ lụa báu màn che, chuỗi hạt trân châu trang nghiêm đầy đủ, kèn trống các thứ âm nhạc ca hát tiếng hay vừa lòng đầy khắp hư không, đều đến cúng dường khen ngợi công đức trang nghiêm sắc tướng của Phật, cùng các thuộc hạ từ giữa không trung, bước xuống giống như ngỗng chúa đến trước chỗ Phật, đến bên Phật quỳ ngồi xuống đất đánh lễ chân Phật trăm lạy, đi quanh bên Phật ngàn vòng, chủ

Tỳ-tỳ-sản ở trước Phật cúi mình xuống đất, như cây lớn ngã, thưa rằng: “Nam-mô Nam-ma Vô Biên Diệu Đức Trang Nghiêm Thân Tôn Tối Thượng Trượng Phu Trượng Phu Sư Tử Tam Giới Tối Thắng Bà-già-bà-đê Thích-ca Mâu-ni Như Lai A-la-ha Tam-miêu-tam Phật-đà”. Nói xong đứng dậy chấp tay nhất tâm ca tụng công đức của Phật.

*Vô biên, vô lượng kiếp  
 Góp tu hạnh thanh tịnh  
 Làm những hạnh khó làm  
 Khó được nhân Bồ-đề  
 Ăn uống, áo, xe cộ  
 Chuỗi ngọc, vàng, bảy báu  
 Ban cho người cầu xin  
 Vô lượng trăm ngàn ức.  
 Bỏ cả nước, thành, ấp  
 Người thân và thuộc hạ  
 Phước Thắng vua giàu mạnh  
 Tích chứa nhiều cửa báu  
 Chí dũng đều song toàn  
 Cứu vớt không nghĩ bàn  
 Trăm ngàn vạn ức kiếp  
 Luôn làm không bỏ dờ  
 Lúc xưa làm vương tử  
 Tên gọi Tu-đạt-nô  
 Ở trong rừng khổ hạnh  
 Bỏ vợ và nam, nữ  
 Xưa gặp cọp con đói  
 Từ bi bỏ thân mình  
 Vì cứu chim bồ câu  
 Cho thịt mình không tiếc  
 Thấy Bà-la-môn mù  
 Xin mắt liền móc cho  
 Chưa từng sinh khổ não*

Tâm cũng không hối hận  
Thấy người đến cầu xin  
Cung kính vui bố thí  
Vì tu nhân Bồ-đề  
Bỏ đầu dưng người xin  
Đêm dài giữ gìn giới  
Không nhớ không thiếu sót  
Thánh hạnh thuần trong sạch  
Không còn các tạp xấu  
Chẳng giết mạng chúng sinh  
Không trộm vật người khác  
Phạm hạnh luôn thanh tịnh  
Không luyến tiếc đấm nhiễm  
Miệng không nói giả dối  
Không uống các loại rượu  
Bình đẳng xem chúng sinh  
Cùng với ta không khác  
Nghe nói không làm theo  
Gièm pha phá người khác  
Không phát ra lời ác  
Nói thêu dệt vô nghĩa.  
Thường làm Thiện hữu ích.  
Ngăn trừ các tổn hại.  
Đối với các chúng sinh  
Không khởi tâm giận tức  
Thường đoan dứt tà kiến  
Chuyên giữ đức chánh thiện.  
Đối với Phật, Pháp, Tăng  
Chí thành tu cúng dường  
Xưa xả bỏ ngũ dục  
Xuất gia xa ái nhiễm  
Giữ giới Phật thanh tịnh  
Ba-la-đề-mộc-xoa

Xưa thực hành đức nhẫn  
 Bình thản nhận khổ đau.  
 Đánh đập giận mắng chửi  
 Ác độc khổ đều nhẫn.  
 Tâm chưa từng hối hận  
 Cũng chẳng sinh ác tâm  
 Đối với các chúng sinh  
 Không tổn thương, hiềm khích  
 Mắt từ xem chúng sinh  
 Khắp đều như con cá.  
 Để thoát khổ độc lớn  
 Vô lượng trăm ngàn ức  
 Trong đời đời kiếp kiếp  
 Luôn tu hạnh nhẫn lớn  
 Xưa là tiên Đại Nhẫn  
 Tu đạo diễn pháp mâu  
 Vương phi cùng cung nữ  
 Hoan hỷ lại nghe pháp  
 Vua tức, ghen Đại Nhẫn  
 Tâm an vui nhẫn nhục  
 Bạc Thánh tu vững tiến  
 Ưc kiếp chẳng nghĩ màng  
 Tâm tà vạy, yếu đuối  
 Thường ngăn không để khởi.  
 Chí lớn luôn siêng năng  
 Khai ngộ Phật Bồ-đề  
 Lại lấy đạo Bồ-đề  
 Soi sáng khắp tất cả.  
 Xưa làm hạnh khó làm  
 Siêng năng không biếng nhác  
 Cúng dường và tôn trọng  
 Vô lượng các Như Lai  
 Cho đến vì chúng sinh



Mà ở nơi sinh tử  
Thuận theo làm tội tớ  
Biết bao phương tiện dẫn  
Vô lượng trăm ngàn kiếp  
Siêng năng tu khổ hạnh  
Tích góp tu pháp Phật  
Mong chứng ngôi vô thượng.  
Thuở xưa tu thiền định  
Tịch tĩnh điều phục tâm  
Tứ thiền và Ngũ thông...  
Vô sắc đều đạt đến  
Suy nghĩ về Tam-muội  
Vô lậu định trọn đầy.  
Khi xưa tu Bát-nhã  
Đầy đủ trí vô lậu  
Biết rõ pháp tánh không  
Huyền, hư, giả, dối, hoặc  
Không có ta, chúng sinh.  
Thọ mạng và nuôi dưỡng.  
Sống là Nhân, Nghiệp chuyển  
Phiền não liên tục trói  
Cõi dục thường bất tịnh  
Bốn phiền não nhiễm đầy  
Cõi chúng sinh thanh tịnh  
Mới biết gốc phiền não  
Được thanh tịnh chân thật  
Thấy chúng sinh kiếp trước  
Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định,  
Trí tuệ đều vượt qua.  
Vì nghĩa gì khai mở?  
Phương tiện và trí độ  
Phước thù thắng vô biên  
Thẳng đến ngôi Chánh giác

*Siêng tu thân, khẩu, ý.  
 Chứng quả Phật chân thật  
 Con nay cúi đầu lạy  
 Bạc cha lớn thế gian.  
 Con nguyện ở đời sau  
 Sẽ thành Phật chánh giác.*

Khi ấy, chủ Tỳ-tỳ-sản dùng kệ ca tụng Đức Phật xong, đem vô lượng, vô số vòng hoa đẹp nhất, hương đốt, hương xoa, hương bột, y phục, cờ hiệu, lọng, phướn, kèn trống, các thứ âm nhạc ca hát khen tụng, cùng thuộc hạ một lòng chí thành, cung kính như pháp cúng dường Phật và các chúng Thanh văn, Bồ-tát. Lúc đó, Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có vài điều muốn thưa Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, nguyện thương xót chấp nhận cho.

Phật bảo Tỳ-tỳ-sản:

–Ông cứ hỏi, tùy theo ý của ông, ta sẽ giải thích nói rõ.

Chủ Tỳ-tỳ-sản được Phật cho phép, tức liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa chúng sinh như thế nào?

Phật bảo chủ Lăng-già:

–Chúng sinh là: Do các tánh, tướng hòa hợp. Đó là đất, nước, lửa, gió, không, thức, danh sắc, giới, nhập, duyên khởi và nhân, nghiệp, quả, hợp hội đối đãi nhau mà sinh ra. Như cỏ lau mọc trên đất, hoặc chấp ngã, hoặc chấp chúng sinh, con người, người nuôi dưỡng, người trượng phu, hoặc gọi Phú-già-la, hoặc xưng Ma-na-bà, hoặc gọi trí, hoặc là nhìn thấy, hoặc là tạo tác, thọ nhận, suy nghĩ. Nay chủ Lăng-già nên biết! Chúng sinh đều tướng như vậy.

Tỳ-tỳ-sản lại bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Những chúng sinh ấy lấy gì làm nguồn gốc? An trụ chỗ nào? Lưu chuyển ra sao?

Đức Phật dạy:

–Tất cả chúng sinh lấy vô minh làm gốc, an trụ vào ái, lưu chuyển theo nghiệp.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nghiệp có mấy loại?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Có ba loại nghiệp và ba loại tướng của nghiệp. Thế nào là ba nghiệp? Đó là nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý. Thế nào là ba tướng của nghiệp? Đó là tướng thiện, tướng bất thiện và tướng thiện bất thiện.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì sao chúng sinh chết rồi lại thọ sinh? Khi bỏ thân này lại thọ thân mới như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Thân của chúng sinh chết rồi, nhưng thần thức theo gió nghiệp lưu chuyển thọ nhận quả do nghiệp thiện, bất thiện, thiện bất thiện đã tạo tác. Và theo như những nghiệp thiện đó dẫn đến nhận lấy báo thân, hoặc thọ noãn sinh, hoặc thọ thai sinh, hoặc thọ thấp sinh, hoặc thọ hóa sinh đều là theo gió nghiệp vận hành một cách tất nhiên.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng sinh chết rồi thọ thân trung ấm, khi chưa thọ thân mới thì trụ ở đâu?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Ý đó thế nào? Như hạt giống nảy mầm thì hạt giống diệt trước mầm sinh ra sau, vì mầm sinh ra trước hạt giống diệt sau, hạt giống diệt thì phải trải qua thời gian lâu mầm mới sinh ra.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải hạt giống diệt trước rồi mầm mới sinh sau, không phải mầm sinh trước rồi hạt giống mới diệt sau, sinh diệt đồng lúc, không trước không sau.

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Không phải thân cũ sau khi thức diệt rồi thì thân mới, mới bắt đầu thức sinh ra; cũng không phải thân mới mới bắt đầu thức sinh rồi thì thân cũ sau đó thức mới diệt, sinh diệt cùng lúc không có trước không có sau. Này chủ Lăng-già! Như nói di trùng

bò đi, đầu đến chỗ nào thì toàn thân theo đến đó, không di chuyển một phần trước để gì mà đi, như vậy không có thức gá vào thân thì toàn cả thức đều thuộc vào đó, một khi đã nương gá thì không xa lìa cho đến chết mới rời bỏ.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Nếu như vậy thì có thân trung ấm không?

Đức Phật đáp:

–Này chủ Lăng-già! Như chúng sinh thuộc noãn sinh (sinh ra từ trứng) bỏ thân nương gá vào noãn (trứng) do gió nghiệp lực kết tụ lại ở trong trứng mà không biết, đến lúc trứng thành thực thì thức mới phân biệt. Vì nghiệp, pháp như thế. Vì nghiệp lực nên chúng sinh thuộc noãn sinh khi trứng chưa đến lúc thành thực không nhận biết gì được. Lại như, vua Chuyển luân và con của vua Chuyển luân, do bởi phước nghiệp nên lúc thọ thân, không bị thai ứ làm ô nhiễm, không bị thai ứ lẫn lộn, bởi không nhiễm thai ứ nên phần nhiều là hóa sinh. Hoặc như thai sinh liền có phôi thai không nhiễm thai ứ, đến lúc thành thực rồi thì tách phôi mà ra. Này chủ Lăng-già! Nên hiểu thân trung ấm là thế.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thần thức mức độ ra sao? Có hình sắc gì?

Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Thức không có hạn lượng, không sắc không hình, không thể hiển hiện, không ngăn ngại, không tương tự, không an trụ, không hình dạng.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thể của thức không hạn lượng, không sắc không hình, không thể hiển hiện, không ngăn ngại, không tương tự, không an trụ, không hình dạng, thì há không phải đoạn dứt tướng ư?

Phật nói:

–Không phải. Này chủ Lăng-già! Nay ta lấy ví dụ để khai mở tâm người khiến cho người tỏ ngộ, như người đang ở trong cung điện của mình, có thể nữ, bộ thuộc hầu hạ vây quanh, giường nằm trải đủ các thứ ưa thích, vô số thứ đẹp dùng trang điểm nơi thân. Lúc đó,

không nghĩ trong vườn cây lớn rải các thứ hoa đẹp phát ra, hoặc theo gió nhẹ nhàng thổi, hoặc gió mạnh nổi lên, không nghĩ hương thơm từ cây bay vào cung điện. Này chủ Lăng-già! Ý đó thế nào? Gió thơm ấy có thể ngửi biết không?

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có thể phân biệt biết rõ.

–Này chủ Lăng-già! Cũng có thể phân biệt biết hương thơm của hoa gì không?

–Bạch Thế Tôn! Có thể phân biệt biết.

–Này chủ Lăng-già! Nhờ ngửi nên có thể biết, nhưng có thể thấy thể của hương thơm có hạn lượng hình sắc không?

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì sao? Vì thể của hương không có sắc hiển hiện, không thể nắm giữ, không có tướng tự giống, không hình dạng, không an trụ, lẽ nào thấy được hạn lượng, hình sắc ấy!

–Này chủ Lăng-già! Ý đó thế nào? Đâu phải vì người không thể thấy thể hương thơm có hạn lượng hình sắc mà cho là đoạn dứt tướng.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể. Nếu đã đoạn dứt tướng thì đâu thể ngửi biết. Đúng vậy! Đúng vậy! Này chủ Lăng-già! Nếu thể của thức chấm dứt tức không có tướng sinh tử rõ ràng. Này chủ Lăng-già! Nên biết thể của thức rất thanh tịnh vi diệu, nhưng bị nhiễm bởi khách trần ô nhiễm như bị vô minh che lấp, khao khát ái dục, nhiễm dần thành Nghiệp... ví như hư không vốn trong sạch, nhiễm mầu, nhưng bị vẩn đục bởi khói, mây, bụi bặm, sương mù bốn thứ. Này chủ Lăng-già! Thể của thức thanh tịnh không sắc, không hạn lượng, không nắm giữ, không gì ngăn được. Khách trần nhiễm uế cũng như vậy. Vì sao? Vì thật trí quán sát hoàn toàn không có chúng sinh, không sinh mạng, không sinh ra, không có trượng phu, không có Phù-dà-la, không nhận biết, không tưởng, không thọ, không làm, không nghe, cho đến không có sắc, thọ, tưởng, hành...

Này chủ Lăng-già! Thật trí quán sát rõ ràng không có đủ đặc, tự

tánh các pháp đều hòa hợp sinh ra không có tánh khác. Nay chủ Lăng-già! Nên tu tập như thế tức thành chúng sinh chân thật, vì diêu, chớ hướng theo cõi sinh tử rỗng không. Thế nào là chúng sinh chân thật? Đó là sớm chứng đắc đại trí.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bị nghiệp dất lưu chuyển  
Chưa đạt tám Thánh đạo  
Thoát nghiệp được vô lậu  
Làm lợi ích cho đời.*

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản lại bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Cảnh giới của chúng sinh vô lượng, vô biên như cát trong sông Hằng, để được vượt qua ba cõi rộng lớn như biển ấy, hoặc dùng Thanh văn thừa vượt qua, hoặc dùng Độc giác thừa vượt qua, chứng đắc đại trí Vô thượng thành bậc Đẳng chánh giác, không có bờ mé không có tận cùng, vô lượng vô số, tương lai cũng vậy. Dùng ba thừa để vượt qua sớm chứng đắc Niết-bàn, số ấy vô lượng, vô biên như cát trong sông Hằng, mà cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm. Bạch thế Tôn! Con thấy việc này không biết chỗ nào bỏ nghiệp?

Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Chớ bỏ nghiệp. Vì sao? Vì cảnh giới của chúng sinh không có bắt đầu không có kết thúc, cảnh giới hư không và pháp giới cũng như vậy.

Này Chủ Lăng-già! Nên biết, cảnh giới của chúng sinh không thể nói tăng, không thể nói giảm, ba cõi rộng lớn như biển chúng sinh trong đó số đã vượt qua, đang vượt qua cũng nhiều vô số, mà cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm, như cõi hư không chẳng tăng chẳng giảm, không có đầu, giữa và cuối, mà cõi hư không biến khắp tất cả không chướng ngại, không tổn sức, không tạo tác, không phân biệt. Như vậy, chủ Lăng-già! Cảnh giới chúng sinh hoặc đầu hoặc giữa hoặc cuối đều không thể chứng đắc, hoặc chứng đắc pháp Thánh, thì cảnh giới của chúng sinh hoàn toàn không giảm hết, nhưng được vượt qua. Vì sao? Vì cảnh giới chúng sinh, pháp vốn như thế

không có khởi đầu không có kết thúc.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

– Bạch Thế Tôn! Biển sinh tử như thế nào?

Đức Phật đáp:

– Nay chủ Lăng-già! Biển sinh tử giống như biển lớn.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

– Giáo pháp Phật dạy như thế nào?

Đức Phật nói:

– Giáo pháp của chư Phật phải biết như chiếc thuyền.

Lại hỏi:

– Xuất gia làm Tỳ-kheo đầy đủ pháp như thế nào?

Đức Phật đáp:

– Tỳ-kheo đầy đủ pháp như thương nhân đi thuyền.

Lại hỏi:

– Đại sư dạy giới giữ gìn không thiếu sót như thế nào?

Đức Phật đáp:

– Mến pháp, trì pháp, tri túc, giữ giới, tuân thủ nghiêm mật lời Đại sư dạy không thiếu sót. Ví như phải sửa sang thuyền cho chắc chắn, chuẩn bị mọi thứ đầy đủ thì thương nhân mới có thể vượt qua biển lớn.

Lại hỏi:

– Thế nào là Thiện tri thức?

Phật đáp:

– Thiện tri thức như người thuyền trưởng lèo lái con thuyền kia.

Hỏi:

– Năng lực của tám Thánh đạo như thế nào?

Phật đáp:

– Tám Thánh đạo như sức gió của chánh tín đưa con thuyền đi nhanh.

Hỏi:

– Thế nào là thiền định đạt đến Tam-muội Tam-bát-đề?

Đáp:

–Như thuyền đến được đảo châu báu.

Hỏi:

–Thế nào là bảy Bồ-đề phần?

Đáp:

–Bảy Bồ-đề phần như bảy loại báu vật.

Hỏi:

–Được bảy Bồ-đề phần chứng đắc Đại thừa như thế nào?

Đáp:

–Như người buôn kia lấy được bảy báu vật, tùy ý xử dụng trở nên giàu có.

Này chủ Lãng-già! Được bảy Bồ-đề phần, chứng đắc Đại thừa, tu hành an ổn thành Phật vô thượng, cũng hiểu như thế. Lành thay! Được xuất gia ở trong giáo pháp của Như Lai. Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Những cõi khổ tối tăm  
Trói buộc nơi chúng sinh  
Cứu mình và mọi người  
Dứt các khổ buộc kia  
Xuất gia theo pháp Phật  
Như con thật Như Lai.  
Mang sứ mạng của ta  
Cứu đời, nên tu tập.*

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh xuất gia theo Phật thọ giới, không trì giới tốt, hủy phạm giới cấm, hoặc xuất gia không tu phạm hạnh, giữ giới thiếu sót, bỏ tu hoàn tục những người ngu này, nên hiểu thế nào?

Đức Phật đáp:

–Như người đi buôn nường vào thuyền vỡ, nước trôi mà chết. Này chủ Lãng-già! Hạng người ngu kia xuất gia tu theo giáo pháp của ta, thọ giới mà không trì giới tốt, hủy phạm rất nhiều, ắt phải luân hồi trong ác đạo. Phải hiểu như thế.



–Bạch Thế Tôn! Nếu có người phá giới không tu phạm hạnh, mà tạo bề ngoài như là phạm hạnh thanh tịnh, hoặc phá giới bỏ tu hoàn tục, những hạng người này sau khi bỏ thân có sinh về cõi Thiện không? Ví dụ thế nào?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Ví như thương nhân trên biển lớn, thuyền vỡ bị đắm, gặp được mảnh ván vỡ, hoặc thấy người chết, hoặc ráng sức nường theo giòng nước xuôi đi. Được tấm ván vỡ nhờ sức gió đưa đến đảo. Được thấy chết vì ở biển không giữ xác chết nên cứ thế trôi đi mà sống; nhờ chú tâm ráng sức nường theo dòng nước khiến cảm động Thần biển tiếp sức vào bờ còn nuôi hy vọng. Ở trong pháp của ta xuất gia phá giới, hoặc phá giới hoàn tục nhưng vẫn một lòng trong sạch, tin Phật, chí thành sám hối, hoặc thẳng thẳng gột rửa trong sạch tâm ý, hoặc tuy phạm giới nhưng tâm vẫn thường muốn ban vui, cứu khổ chúng sinh, hoặc thọ giới lại rồi tự giữ gìn.

Này chủ Lăng-già! Vì những nhân duyên này nên ở trong pháp của ta xuất gia phá giới, hoặc bỏ giới hoàn tục, cũng được sinh trong cõi thiện.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Muôn ức kiếp nhiều đời  
Tích tập bao nghiệp tội  
Sám hối tự thọ giới  
Tội hết không còn tăng.*

Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu pháp trợ Bồ-đề?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Có ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề. Đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, gọi là ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có mấy cửa giải thoát?

Đức Phật đáp:

–Có ba cửa giải thoát, đó là cửa Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Tu tập được thành tựu như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Tu tập được thành tựu có ba, đó là tu lìa nhiễm, tu diệt trừ, tu Niết-bàn độ.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Có mấy pháp đối trị?

Đức Phật đáp:

–Tóm lược có ba pháp: Người nhiều tham dục dùng pháp quán bất tịnh đối trị, người nhiều giận giữ dùng pháp quán từ bi đối trị, người nhiều ngu si dùng pháp quán duyên khởi đối trị.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Có mấy cách tu Thiện.

Đức Phật đáp:

–Có bốn. Đó là Ngũ ấm thiện, tu Lục giới thiện, tu thập nhị thiện, tu phương tiện thiện.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Phải quán sát như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Này chủ Lăng-già! Phải quán sát tường tận lý duyên khởi, nhân quả và Tứ diệu đế.

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản nhiễu Phật ba vòng, dùng châu báu, hoa thơm, tung lên tán thán, rồi quỳ gối chấp tay hướng về Đức Phật, vui mừng khôn xiết như chưa từng có. Dùng kệ hỏi rằng:

*Bồ-tát hành hạnh gì  
 Dững mãnh lợi thế gian  
 Thí, Giới, Định, Nhẫn, Tấn  
 Phát Bồ-đề vô thượng.  
 Cầu chánh trí vô lậu  
 Dẫn dắt các chúng sinh  
 Ruộng tối thắng không nơ  
 Thành Phật báu trang nghiêm.*

Nói kệ rồi, Đức Phật bảo Tỳ-tỳ-sản:

–Lành thay! Lành thay! Đây chủ Lãng-già! Người hỏi Như Lai về ý nghĩa này. Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ghi nhớ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho ông.

Này chủ Lãng-già! Bồ-tát thường luôn tu hành sáu pháp Ba-la-mật, đối với tất cả chúng sinh tâm không quản ngại. Đây chủ Lãng-già! Bồ-tát thực hành như vậy, chớ để lui giảm, đừng nhiễm pháp đời, lại tinh tấn tu hành pháp tối thắng của Phật, thành tựu vô biên chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, chứng đắc Đại trí vô chướng ngại Phật.

Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay tu hành như thế nào để chứng được quả Vô thượng Bồ-đề?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lãng-già! Phải bỏ sự kiêu mạn, lỗi xấu, không ghen ghét, không keo kiệt, thực hành bốn phạm hạnh, suy nghĩ làm lợi ích tất cả chúng sinh, không sát sinh, không nói dối, không uống rượu, không tà dâm, không trộm cắp, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời không, thích hợp thường tu hành tâm Bồ-đề, tâm sáu Ba-la-mật, tâm lợi ích chúng sinh, tâm tịch tĩnh thanh tịnh, quan sát các thứ lo sợ của các cõi, độ thoát chúng sinh khổ não nơi ba cõi. Đây chủ Lãng-già! Hôm nay người muốn cầu quả vị Phật, nên hiểu như thế. Nói là quả vị Phật, chỉ là ngôn từ mượn đặt ra thôi. Vì sao? Đây chủ Lãng-già! Vì thể của Phật là vô thể, thể của Phật không nguồn gốc, thể của Phật không trụ, thể của Phật thanh tịnh, thể của Phật không trần cấu, thể của Phật vô ngã, thể của Phật không chấp chủ, thể của Phật không hình, thể của Phật không tướng, thể của Phật không nhập vào, thể của Phật không xuất ra, thể của Phật không mệt mỏi, thể của Phật không có chi phần, thể của Phật không chấp trước, thể của Phật không đấm nhiễm, thể của Phật không hạn lượng, thể của Phật không có sở duyên, thể của Phật không có tạp nhơ, thể của Phật vượt qua các nhập, thể của Phật xa lìa tất cả phân biệt, vọng tưởng, tính toán, thể của Phật siêu vượt các cõi, thể của Phật khó nhập, thể của Phật

khó biết, thể của Phật thâm sâu, thể của Phật không có tên, thể của Phật không có sắc, thể của Phật vốn vắng lặng, thể của Phật vi diệu không cấu uế, thể của Phật vô thượng, thể của Phật không thể ví dụ, thể của Phật không thể thủ đắc, thể của Phật không thể đoạn dứt, thể của Phật không thể phá hoại, thể của Phật không thể phân biệt, thể của Phật không thể suy nghĩ, thể của Phật không có tự tánh, thể của Phật không có xứ sở, thể của Phật không có thị hiện, thể của Phật không ngăn ngại, thể của Phật không tượng trợ, thể của Phật không phải dứt đoạn, thể của Phật không phải thường còn, thể của Phật như hư không, thể của Phật không mọi thứ..., thể của Phật không thể nói.

Này chủ Lăng-già! Thể của Phật là như thế, người muốn cầu thành Phật phải bằng tâm không cầu mà cầu quả vị Phật, vì sao? Vì không thể dùng tánh tướng mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, không thể dùng ngã tưởng, chúng sinh tưởng mạng tướng và các tướng như sinh ra, nuôi dưỡng trợ giúp, Phú-dà-la, tạo tác, thọ nhận, hiểu biết, nhìn thấy, suy nghĩ mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Không khởi tướng hữu vi, không khởi pháp chấp, không khởi các chấp về ấm, giới, cho đến không khởi chấp về Phật, Bồ-tát mới có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Này chủ Lăng-già! Vì Bồ-đề không thể chấp duyên, không thể chấp tánh, không thể chấp thường, chấp đoạn mà chứng đắc được. Vì sao? Này chủ Lăng-già! Vì bằng tất cả pháp ấy ắt về sau phải bị hủy hoại.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp hữu vi như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Này chủ Lăng-già! Các pháp hữu vi như huyễn, như mộng, như sóng nắng, như trăng dưới nước, như thành Càn-thát-bà, phải nhận biết như vậy, phải giác ngộ như vậy.

Khi nói pháp này chủ Tỳ-tỳ-sản liền đạt được các pháp Tam-muội Cự trí quang tràng Bồ-tát, tất cả ngôn ngữ Đà-la-ni, vô lượng Tam-muội Đà-la-ni không gì bằng. Chủ Tỳ-tỳ-sản được các Tam-muội Đà-la-ni rồi liền bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay con thấu hiểu các pháp hữu vi.

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Hôm nay, người hiểu các pháp hữu vi như thế nào?

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Như mộng, như huyễn, như âm vang, như thác trên núi, như trăng dưới nước, như sức gió mạnh thổi hoa hư không, như mây mùa thu, như ánh điện chớp, như giọt sương trên ngọn cỏ, như bọt nước, như ngọn đèn, như thành Càn-thát-bà, như cầu vòng, như sóng nắng, hôm nay con đã hiểu rõ tự tánh của pháp hữu vi thấy đều như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ trên đỉnh đầu phóng ra vô biên ánh sáng và ức triệu trăm ngàn pha lê, dây bạc, vô số màu xanh, vàng, đỏ, trắng, xen nhau, chiếu soi đến các cõi Phật rồi, thu tướng ánh sáng vào lại trên đỉnh đầu. Bấy giờ, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, quỳ gối chấp tay bằng kệ hỏi:

*Thắng đức ở đời có nguyên nhân  
Hiện vô biên ánh sáng trong suốt  
Ai ngộ thắng tuệ được Phật ký  
Mâu-ni chiếu soi trăm ánh sáng.*

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ông thấy chủ thành Lăng-già tên Tỳ-tỳ-sản đang đứng chấp tay ở trước ta, nhờ cúng dường nhiều, cúng dường cho ta và các Thanh văn các chúng Bồ-tát, nhờ căn lành đó nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề không?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch:

–Con thấy bạch Thế Tôn! Con thấy thưa Thiện Thệ!

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Chủ thành Lăng-già Tỳ-tỳ-sản này cúng dường cho ta và ức triệu trăm ngàn Đức Phật rồi, giữ gìn căn lành này khi bỏ hóa thân sinh ra trên hoa sen, sống ở thế giới Đức Phật hiệu là Liên Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang thuyết pháp giáo hóa bền vững ở thế giới thanh tịnh, Đức Phật ấy sống lâu vô lượng, Tỳ-tỳ-sản sinh ở nước

Đức Phật ấy, tức đạt được địa vị thứ nhất của Bồ-tát, cho đến đạt được địa vị thứ mười của Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp sẽ ở thế giới Ta-bà này thành Bạc Đăng Chánh Giác, hiệu là Diệu Hùng Mạnh Lôi Âm Hồng Thượng Trang Nghiêm Kim Quang Oai Thanh Tịnh Vô Cấu Quang Minh Tràng Sí Thắng Bảo Tích Chúc Công Đức Trang Nghiêm Đảnh Kế Trang Nghiêm Khai Phu Diệu Sinh Vô Biên Quang Tỳ-lô-giá-na Tự Tại Vương gồm đủ mười tên Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, thế giới tên là Điện châu man, cõi đó đất bằng phẳng không có cao thấp gò, núi hầm, hố sỏi đá đồ như ướ, không có người nữ và các cõi ác, nước ấy trang nghiêm thanh tịnh chúng Bồ-tát rất đông, qua thế giới của Như Lai Vô Biên Quang, kiếp tên là Chiếu ám, Đức Phật ấy sống lâu vô lượng, vô biên.

Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Vì nhân duyên này nên Như Lai Ứng Chánh Đăng Giác vui vẻ mỉm cười, trên đỉnh đầu hiện ra tướng ánh sáng.

Khi ấy, Tỳ-tỳ-sản được Đức Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề, hết sức vui mừng toàn thân rung động bay lên hư không cao bảy cây đala, ở giữa hư không nói kệ:

*Tất cả các pháp  
Giả dối, như mộng  
Tự tánh tánh không  
Tịnh như hư không  
Ngã là vô ngã  
Cũng không tự tánh  
“Ngã” biết là giả  
Như luồng sấm chớp  
Mới có sinh tử  
Mạng sống chúng sinh.  
Đầu, giữa và cuối  
Pháp thể không thiếu  
Nhưng nghiệp quả khác*

*Chúng sinh các cõi*

*Nếu tu Bồ-đề*

*Tịnh trí mới biết*

*Pháp không tự tánh.*

Lúc ấy, Tỳ-tỳ-sản nói kệ này rồi, từ hư không bước xuống quanh Phật ba vòng ngồi một bên thọ nhận lời Phật dạy. Bấy giờ, Trời, Rồng, A-tu-la ở trong đại hội chứng ngộ pháp như biển; Dạ-xoa, La-sát đều phát tâm Bồ-đề; Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đối với pháp của Phật đạt được vô ngại tín; Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Trì Minh Tiên Thông đạt được Tam-muội Đà-la-ni, chứng ngộ pháp bất thoái chuyển, lúc đó đại địa chấn động, ánh sáng vi diệu chiếu soi tất cả, kể cả trong chỗ tối tăm của thế giới Đức Phật kia ánh sáng đều chiếu đến, tất cả đường ác và các khổ não đều chấm dứt, chư Thiên giữa hư không mưa các hoa trời, đánh trống, ca hát xen nhau các thứ y phục vật báu xinh đẹp đặc biệt.

Bấy giờ, chủ La-sát Tỳ-tỳ-sản quay nhìn các thuộc hạ của mình và bảo:

–Các ông đều có thể cùng đến chỗ Phật tôn trọng cúng dường phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Lúc đó, vô lượng trăm ngàn La-sát đều đến chỗ Phật, nghiêng mình chấp tay, bạch:

–Hôm nay chúng con cùng ở trước Phật, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, phát tâm Bồ-đề, hướng đến Đại thừa, thọ trì Đại thừa, nguyện ở đời vị lai ở cõi Ta-bà này thành Phật Thế Tôn diệt trừ tội lỗi không còn như trước, làm lợi ích lớn tất cả chúng sinh.

Phật khen:

–Lành thay! Lành thay! Hôm nay các ông vì muốn cầu thành Phật cho nên phát tâm Bồ-đề, phải tu bốn pháp. Những gì là bốn?

1. Nguyện tu hành không thiếu sót.
2. Đối với các chúng sinh luôn khởi tâm Từ.
3. Mỗi ngày ba thời đều chí thành cúng dường cung phụng Tam bảo.
4. Tâm không thích cầu quả Thanh văn, Độc giác, Nhị thừa.

Các ông chuyên cần tu bốn pháp này, tức không bị mê hoặc bỏ mất tâm Bồ-đề.

Bấy giờ, vua Rồng Bà-kiệt-la từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải quỳ xuống đất, chấp tay cúi xuống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chủ thành Lãng-già Tỳ-tỳ-sản này đời trước tu căn lành gì hôm nay làm việc cúng dường lớn như vậy? Cúng dường Như Lai, chúng Thanh văn và các Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề lại được thọ ký, ở nơi Vô thượng Chánh đẳng giác không còn thoái lui.

Đức Phật bảo vua rồng Bà-kiệt-la:

–Thời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ở thế giới Ta-bà này có Phật tên là Đại Bi Sinh Trí Sí Tăng, đủ mười hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, thế giới cũng gọi là Ta-bà, cõi nước có trăm thứ ô uế giống như ngày nay, Đức Phật đó dùng pháp Tam thừa giáo hóa chúng sinh, có năm trăm Thanh văn Tỳ-kheo, lúc đó Đức Phật đang ở trên đỉnh núi Ma-la-da, có vô lượng trời, rồng, cho đến phi nhân, đại chúng vây quanh thuyết pháp. Chủ thành Lãng-già Tỳ-tỳ-sản này lúc đó là La-sát trẻ tuổi tên Tỳ-tỳ-sản, ở trong đại thành Lãng-già, khỏe mạnh to người hàm răng xấu xí dung mạo đáng sợ, bụng lớn mặt nhỏ uống máu ăn thịt. Nay Long vương! Lúc đó La-sát trẻ tuổi nghe Đức Phật đang ở trên đỉnh núi Ma-la-da, liền suy nghĩ: “Ta không thể chịu được, nay phải đuổi vị Sa-môn và chúng Tỳ-kheo ấy rời khỏi núi này đi khỏi địa phận của ta. Vì sao? Vì Sa-môn này còn ở trên đỉnh núi Ma-la-da, khiến cho ta không ở trong biển lớn bắt giết chúng sinh nên chịu đói khát liền nói với các chúng La-sát, các người đều có sức lực mạnh mẽ lớn, nên sửa soạn đầy đủ các thứ như áo giáp, cây gậy, cung tên, chó sóc, Già-la-đô, cá sấu, dao nhọn, kích dài, mâu ngắn, giáo vàng cứng chắc, xe chiến, đạn bắn, búa rìu và vô số dụng cụ chiến đấu, mau đến chỗ ta, phải đuổi Sa-môn và các đồ chúng kia đi ra khỏi địa phận của ta, cấm tuyệt đối không cho quấy nhiễu trong khu vực.

Lúc đó, vị thiếu niên La-sát Tỳ-tỳ-sản mặc áo giáp, cầm gậy



cùng với các La-sát đem các đồ dụng cụ chiến đấu, bay đến chỗ Như Lai Đại Bi Sinh Trí Sí Tràng, đứng giữa hư không cùng với các La-sát nói với Đức Phật ấy rằng: “Này Sa-môn! Hãy đi mau, rời khỏi đỉnh núi này cách xa địa phận của ta, người và đồ chúng chớ để bị giết.” Bấy giờ, Như Lai Đại Bi Sinh Trí Sí Tràng hiện ra thần thông lớn, thần lực của Phật làm cho La-sát đều thấy thân mình bị năm thứ trói buộc, mười gốc lưỡi sắt bao vây ép lại, chạy trốn không được cũng không có chỗ đứng, các La-sát chiến đấu rất lo sợ, liền nghĩ, hôm nay chúng ta làm sao trở về và người nào có thể cứu giúp che chở?

Khi ấy, trong hội của Đức Phật kia có Trì Minh Tiên vương, tên là Diệu Thâm Định Đức Tích Oai Quang, cùng thiếu niên La-sát Tỳ-tỳ-sản trước đây là bạn thân, nên Trì Minh Tiên vương nói với thiếu niên: “Đại sư của trời, người phước đức vô biên, giáo pháp đầy đủ viên mãn, là bậc Đại bi tối tôn cứu giúp các chúng sinh khắp ba cõi. Đức Bạc-già-phạm biết là bạn bè, có thể cùng bộ chúng nhanh đến quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, ba quy đầy đủ rồi phát tâm Bồ-đề, các thứ trói buộc tự nhiên cởi ra.” Khi Trì Minh Thiên vương nói rồi, nhờ thần lực của Phật nên thiếu niên La-sát cùng với bộ chúng, chấp tay đồng thanh thưa: “Nam-mô Nam-ma Vô Biên Diệu Đức Trang Nghiêm Thân Tôn Vô Thượng Đại Bi Tam-miệu-tam Phật-đà, hôm nay chúng con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, chúng con quy y Tam quy rồi, trụ vào Tam quy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.” Khi nói lời này, thiếu niên La-sát cùng các La-sát các thứ trói buộc xuống đều mở ra, từ giữa hư không bước xuống đến chỗ Phật Đại Bi Sinh Trí Sí Tràng Vương, đi quanh ba vòng đánh lễ nơi chân Phật, sám hối Đức Phật rồi trở về chỗ cũ.

Này Long vương! Người chớ có nghi ngờ, chủ Tỳ-tỳ-sản này tức là vị thiếu niên La-sát lúc xưa tên là Tỳ-tỳ-sản, các thuộc hạ bây giờ tức là các La-sát của thiếu niên La-sát lúc xưa, bạn thân của thiếu niên tên Diệu Thâm Định Đức Tích Oai Quang Trì Minh Tiên vương, tức là Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông.

Khi nói lời này thì tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động lớn, chao động không vững như thuyền giữa biển. Lúc đó, các chúng sinh không còn lo sợ tổn hại, tất cả an vui đều tu Tập thiện, tam thiên đại thiên thế giới này không còn Di-lâu, Tu-di và các sông, biển, thành ấp, xóm làng, núi đồi, bãi nước, chim chóc, gò đồng, núi cao hiểm nguy, núi Hắc phong, hầm hố, vườn, rừng, ao tắm, suối hồ, chỗ cao thấp, gập ghềnh, cạm bẫy, đất, đá, cát, sạn, trùng bò, bùn, phân, các vật ô uế thủy đều thanh tịnh, tam thiên đại thiên thế giới, cõi Ta-bà này, ánh sáng lớn của vàng Diêm-phù-đàn chiếu rọi khắp cả, cho đến núi Thiết vi và các chỗ tối tăm ánh sáng của vàng chiếu đến đều diệt trừ tối tăm, ắt hẳn ánh sáng mặt trời, mặt trăng không hiện ra được; tất cả súc sinh và ngạ quỷ khổ đau đều chấm dứt, trời người vui vẻ không còn khổ hoạn, đói được ăn đồ thượng hạng, khát được uống nước thơm ngon, rách rưới được y phục, nghèo cùng được của báu, người mù có thể thấy, người điếc có thể nghe, người câm có thể nói, người bệnh có thể khỏi, người thiếu căn được toàn vẹn, người tội được thả ra, lúc đó các chúng sinh được an vui khoái lạc, không bị tham, sân, si phiền não bức bách, không ganh ghét, không keo kiệt, cùng nghĩ đến nhau, giúp đỡ làm lợi ích cho nhau như cha mẹ anh em ruột thịt... hòa thuận vui vẻ, tai không nghe tiếng tranh cãi ầm ĩ, lo buồn mệt mỏi thủy đều chấm dứt. Đất bằng như bàn tay, xinh đẹp như ngọc lưu ly, vô số thứ trang hoàng lộng lẫy rất đẹp đẽ, các ao bằng bảy báu đầy nước tám Thánh đạo, cát vàng trải dưới đáy nước trong ngậm tinh khiết, các hoa sen xinh đẹp rực rỡ xòe nở như bánh xe lớn, ở trong ao sinh ra bảy thứ hoa sen báu trời, vô số ánh sáng màu sắc, vô số hương thơm, sờ vào hoa ấy mềm mại như Ca-già-lân-đà, chở trăm ngàn ức các thứ ưa thích thượng diệu khắp nơi xếp thành hàng lối, trong hoa sen báu ấy hoặc có hơn một do-tuần, hoặc hai do-tuần, hoặc ba, bốn, năm, cho đến mười do-tuần, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi do-tuần, cho đến nhiều trăm do-tuần, nhiều ngàn do-tuần, hoa sen báu trời hiện ra ở cõi Phật Ta-bà, ao thơm nước mát thuần nhã ưa thích hòa với gió thổi nhẹ, mưa các hoa đẹp, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Nguyệt, hoa Đại Nguyệt, hoa Quang minh, hoa Đại

quang minh, hoa Quảng nghiêm... đầy quanh rơi xuống, trầm thủy Đa-già hắc, trầm Ngũ đầu, Long trình chiêm-đàn, các thứ khói bay ta thơm phức, bay đầy cõi Phật này ức na-do-tha trăm ngàn vạn ức vô lượng a-tăng-kỳ, các số ấy cao rộng hợp thành thể bảy báu, cây cổ thụ cao lớn, treo vô số trân báu y phục, lục thuê màu sắc nối nhau, cờ phát lam bà, chuông linh trang nghiêm các thứ rất đẹp, mưa xuống các thứ vàng, bạc, ma-ni, ngọc trân châu, lưu ly, ma-yết pha lê, san hô, mã não, xích châu, anh lạc, ngọc bích vô số bảy báu rực rỡ sáng ngời rơi xuống, lại mưa vô số lụa thêu y phục nhà cao đầy đủ, Già-thì-già, Kiều-thi-ca, lụa đẹp của chư Thiên, lại mưa xuống vàng Diêm-phù-đàn, vô số hoa báu đẹp trang nghiêm, đủ mũ đẹp hoa ngọc đeo trên cổ, trang sức nửa cổ sau cả cổ trước theo hình bán nguyệt, tai đeo châu ngọc, tay mang vòng ngọc và tay chân đeo xuyên trang sức như mưa, ở trên các cây cổ thụ và bốn góc đều một do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần rơi xuống đầy khắp, dưới các cây cổ thụ đều có ức na-do-tha trăm ngàn tòa Sư tử bảy báu xinh đẹp, tòa ấy đều cao đến bảy trượng, trên các tòa ấy có Bồ-tát hiện ngồi tòa ấy. Đây đủ ba mươi hai tướng xinh đẹp trang nghiêm ánh sáng chiếu rọi rực rỡ, ở trước các Bồ-tát đều có ức na-do-tha xe bảy báu, trên các chiếc xe đều có hàng ngàn Thiên tử ngồi, vang lên năm thứ âm nhạc trời, âm thanh giai điệu hợp với lời hát xen nhau, cùng lời hay ý đẹp bằng giọng nói trong trẻo rất hay diễn kệ:

*Vô đẳng, đẳng đẳng*

*Vô tánh, ngã tánh*

*Các đức, đức tánh*

*Thế gian đặc biệt*

*Tu tập giới hạnh*

*Đạt pháp thanh tịnh*

*Thắng diệu trang nghiêm*

*Hiện khắp thế gian*

*Chấm dứt địa ngục*

*Các đường khổ ác*

*Diệt trừ nhiễm hại*

Ngu si, ganh ghét  
 Cho đến thanh tịnh  
 Thanh tịnh nhân gian  
 Cõi nước rộng lớn  
 Bằng phẳng không gò  
 Không núi ao biển  
 Di-lâu, Tu-di  
 Đất như bàn tay  
 Trong như trời xanh  
 Rừng báu đủ màu  
 Ngay hàng thẳng lối  
 Các chúng Bồ-tát  
 Đều ngồi tòa báu  
 Ánh sáng rực rỡ  
 Che lấp trời trăng  
 Vô số ao báu  
 Đầy nước tám Thánh  
 Sen báu như xe  
 Trong ao tươi tốt  
 Cung điện báu trời  
 Trăm ức rực rỡ  
 Chư Thiên, chúng sinh  
 Trối nhạc trời hay  
 Âm điệu ngọt ngào  
 Vui tai thỏa thích  
 Như Lai thân lực  
 Giảng pháp an vui.

Trong các âm thanh ấy, diễn ra vô lượng, vô số câu pháp vi diệu. Lúc đó, các trời, người đang ở trong hội của Đức Phật, pháp tâm hưởng theo Đại thừa, cầu Đại thừa, đều thấy vô biên ánh sáng thân thông Như Lai và công đức trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật như thế, các trời, người thực hành thừa Thanh văn, Độc giác, không thấy không biết cõi Phật thanh tịnh công đức trang nghiêm, các chúng Bồ-

tát nhìn thấy ánh sáng thần thông trang nghiêm cõi Phật của Như Lai, liền đạt được vô lượng Tam-muội Đà-la-ni vô ngại giải thoát, các đại Thanh văn không hay biết không biết điều nhập diệt định.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện đủ sắc thân không ai sánh bằng, Bạc Chánh Đẳng ngồi kiết già trên tòa Sư tử cao rộng trăm ức do-tuần, được phủ bằng y báu của chư Thiên. Hiện ở trước Phật có bảy hoa sen báu, cao rộng bằng tám mươi bốn do-tuần, lại có vô lượng ức na-tha trăm ngàn hoa sen trang nghiêm xòe nở mềm mại ánh sáng hiện rõ, cây đó có vô lượng, vô số cờ hiệu, phướn, lọng báu trang hoàng rất đẹp, lại có vô lượng chuỗi ngọc, các chuông báu ở giữa hư không rủ xuống, đại thần thông và vô lượng, vô số công đức trang nghiêm như vậy, không thể nói hết, không thể nêu bày, thật chưa từng thấy, chưa bao giờ nghe, các pháp rất ít có thị hiện cõi Phật này.



## KINH CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA

### QUYỂN HẠ

Khi ấy, Đại Bồ-tát Di-lặc suy nghĩ: “Vì nhân duyên gì mà hôm nay Đức Phật hiện ra thân thông lớn trang nghiêm cõi Phật, là việc chưa từng có, vậy nên hỏi Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác giải rõ những điều chưa hiểu.” Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc từ chỗ ngồi đứng dậy bày vai bên phải, quỳ gối phải trên hoa sen, chấp tay cúi xuống cạnh Đức Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con có đôi điều nghi ngờ muốn thưa hỏi rõ ràng, xin được cho phép.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Ông còn điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác sẽ giải thích dứt trừ cho ông.

Đại Bồ-tát Di-lặc được Đức Phật cho phép liền bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì nhân gì, duyên gì và là của ai mà thế giới Ta-bà này hiện ra pháp lớn đặc biệt chưa từng có: Thân thông của Đức Như Lai làm cho công đức trang nghiêm tất cả cõi Phật, ánh sáng lớn rực rỡ thanh tịnh, trừ tất cả việc xấu không thể nói, từ xưa chưa từng thấy, chưa từng nghe? Bạch Thế Tôn! Việc này thế nào? Tất cả Bồ-tát thấy thân thông lớn hiện ra ở thế giới này đều không hiểu được.

Bồ-tát Di-lặc dùng kệ hỏi:

*Vì sao Đại Mâu-ni  
Đặc biệt hiện điều này  
Đất động thấu biển cả  
Trụ thế giới thanh tịnh,  
Ánh sáng vàng chiếu khắp  
Diệt hết tối thế gian*

*Sen báu vô số ức  
 Cây báu hoa trang nghiêm,  
 Ước lộng, cờ và phướn  
 Ngọc châu báu chuông linh  
 Ánh sáng phước trí tuệ  
 Dứt sạch các đường ác  
 Ai nhân duyên trì đức  
 Ta-bà tịnh cõi Phật?*

Nói kệ này rồi, Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ông có thể ngồi, ta sẽ giảng nói nhân duyên, về pháp chưa từng có hiện ở thế giới này. Đây Bồ-tát Di-lặc! Phương Đông cách đây vô số hằng hà sa cõi Phật có thế giới tên là Thắng diệu thanh tịnh công đức tụ bảo trang nghiêm tràng tác quang minh, Đức Phật hiệu là Tối Thượng Vi Diệu Khai Phu Quang Minh Trang Nghiêm Thần Thông Pháp Giới Tràng Nhất Cái Hiển Hiên Hống Âm Tự Tại Giáo Trí Tỳ-lô-giá-na Tạng Kiến Lập Thần Thông Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Hiện nay đang thiết lập sự an ổn nên thuyết giáp giáo hóa thế giới thanh tịnh không có các đường ác; chúng Đại Bồ-tát Địa thứ mười trụ trong đó. Cõi ấy có Đại Bồ-tát tên là Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, thông đạt tất cả thiền định Tam-muội, thần thông Tam-muội, Đà-la-ni của Bồ-tát không ngăn ngại, nay cùng với cung điện trang nghiêm bằng các báu và hơn số lượng các Đại Bồ-tát, nương theo hư không đến cõi Phật Ta-bà này, bậc Chánh sĩ đó hiện thần thông trang nghiêm này để làm hiện tướng đầu tiên.

Khi Đức Phật nói lời này, thì ánh sáng lớn nơi cung báu hiện ra vô lượng ức lưới ánh sáng vây quanh trang nghiêm giữa hư không, phát ra trăm ngàn âm nhạc, ca hát hòa hợp, rải các thứ hoa trời, trăm ức na-do-tha các thứ ánh sáng rực rỡ chiếu soi khắp nơi, thấu đến thế giới Ta-bà này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, để cung báu trang nghiêm ở giữa cõi Dục và cõi Sắc, đồ chúng vây quanh từ hư không bước xuống, đi đến chỗ Đức Phật, chấp

tay cúi đầu đánh lễ nơi chân Đức Phật, đi quanh bên phải ba vòng, cung kính xong, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyên xin thương xót nhận cung điện báu trang nghiêm của con, Đức Phật và các Đại Bồ-tát ngồi trên cung điện này, giảng pháp vi diệu thâm sâu không gì bằng.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Lành thay! Lành thay! Này Chánh sĩ! Ông đem cung điện báu trang nghiêm dâng cúng Như Lai Chánh Đẳng Giác. Đối với Đức Phật Tỳ-bà-thi và ngàn Đức Phật ở hiền kiếp, ông đã đem cung điện báu trang nghiêm lần lượt cúng dường, hôm nay lại cúng dường cho ta. Lành thay! Này Chánh sĩ! Đem cung điện báu trang nghiêm này mà trang nghiêm cõi Phật ở Ta-bà.

Khi ấy, Long vương Ta-kiệt-la bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cung điện báu trang nghiêm hôm nay ở chỗ nào, kích thước lớn hay nhỏ?

Đức Phật bảo vua Rồng Ta-kiệt-la:

–Cung điện báu trang nghiêm hôm nay đang trụ ở giữa hư không thuộc cõi Dục và cõi Sắc, kích thước lớn nhỏ như tam thiên đại thiên thế giới. Này Long vương! Cung điện báu trang nghiêm ấy, là tất cả oai lực thần thông Tam-muội của Phật, Bồ-tát phát ra; tất cả pháp của Bồ-tát là du hý, cúng dường Như Lai. Sở hành của Phật đã dừng căn lành của Phật đã thành tâm thanh tịnh của Bồ-tát chiếu sáng thế giới trong mười phương, làm cho tâm vô lượng chúng sinh tràn đầy vui mừng, vượt qua tất cả cung điện của chư Thiên. Bồ-tát ở khắp mười phương đều tụ hội, vô biên màu đẹp trang nghiêm rực rỡ.

Này Long vương! Cung điện báu trang nghiêm đó, đất làm bằng ngọc lưu ly trắng, tường vách làm bằng vàng Diêm-phù-đàn, lan can làm bằng tạng báu thù thắng, các cửa lầu gác đều làm bằng ngọc mã não, giường nằm bằng ngọc báu ma-ni, lan can làm bằng ngọc báu sáng trong suốt, đài điện làm bằng báu đẹp chiếu sáng, dùng các thứ



báu đẹp hình bán nguyệt che phía trên, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp vô biên cõi, trong cung báu có tám mươi cây có ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng trang nghiêm hiện rõ, đủ loại vòng báu đẹp trang sức chính giữa, đều là thắng cảnh thích hợp với Như Lai, chuỗi anh lạc rủ xuống trên các cây, các cột cờ, treo vô lượng, vô biên, vô số phướn dù dây lụa, linh lưới đẹp đẽ, chiêm-đàn Long trình mãi沸 lên mặt đất, mùi thơm tinh khiết như nước hương trầm, hoa báu Long châu, đủ loại hoa trời rải khắp cúng dường, trên các cây cờ có ngàn ức chư Thiên, đồng tử ngồi tấu các loại âm nhạc, năm thứ tiếng hòa lẫn nhịp nhàng, trong trời rất hay, tâm vui tai thích, vang khắp thế giới thấy đều ưa thích.

Này Long vương! Phía trên cung điện báu trang nghiêm lâu lâu gió thổi; có ngàn ức các ao bảy báu, cát vàng trải đầy, trong sạch đẹp đẽ, mỗi ao có tám chi lưu đầy nước, vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn các hoa sen bảy báu nhiều màu xinh đẹp có ánh sáng rực rỡ, nở ra to lớn giống như bánh xe, rừng báu vây quanh cây cối ngay hàng, đủ các loài hoa báu, đủ các loại lưới chuông, các thứ đồ đạc như chuỗi ngọc đeo cổ, dây lụa, y phục, ca-la-ba... đều trang nghiêm vi diệu, mùi thơm phảng phất đài báu san sát, ánh sáng rực rỡ phát ra mùi thơm, dưới những cây báu đều có tòa Sư tử cao rộng trang nghiêm đầy đủ, trái y trời đẹp rủ xuống che xung quanh, làm chỗ ngồi của Phật, Bồ-tát khắp mười phương thế giới đều đẹp đẽ trang nghiêm rất đặc biệt và mưa xuống các hoa báu thơm, đều hiện ở trong cung báu ấy. Này Long vương! Hình dáng và kích cỡ của cung báu trang nghiêm là như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo chúng của Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Này các Chánh sĩ! Nên cùng ta đồng bay lên cung báu. Ta ngồi nơi cung báu sẽ làm cho sở nguyện của Đại Bồ-tát Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông được đầy đủ. Lúc đó, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, vô số chúng Đại Bồ-tát cung kính, cúng dường vây quanh trước sau. Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông hầu bên phải, Bồ-tát Di-lặc hầu bên trái, nét mặt vui vẻ nương theo hư không mà đi. Đức Phật cùng chúng Bồ-tát bay lên giữa cung

báu ngồi nơi tòa Sư tử cao rộng vô lượng do-tuần xoay mặt về hướng Đông. Khi Đức Phật bay lên tòa Sư tử, cung báu trang nghiêm chấn động sáu cánh, có ức na-do-tha trăm ngàn dây bạc, pha lê đủ loại màu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng khác nhau, ánh sáng lớn từ nơi cung điện phóng ra, chư Thiên, đồng tử đánh thối ca, xướng, tấu các thứ âm nhạc mưa xuống nhiều hoa trời, đốt hương thơm trời, mùi thơm ngạt ngào phảng phất rải xuống cùng khắp.

Đức Phật bảo các Bồ-tát:

– Các ông hãy ngồi lên mỗi hoa sen đã sắp đặt.

Lúc đó, các Bồ-tát vâng theo lời Phật ngồi lên. Khi các Bồ-tát đều ngồi rồi, Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông cùng các Bồ-tát đứng ở trước Đức Phật suy nghĩ: “Hôm nay chúng ta nên cúng dường Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và thưa hỏi Phật địa.”

Khi đó, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, từ chỗ ngồi đứng dậy, như tâm đã nghĩ, làm vô lượng, vô biên đủ các loại vòng hoa, đốt hương bột hương xoa, sấm y phục, cờ phướn, đánh thối ca hát, các thứ âm nhạc hơn hẳn cảnh giới người và phát ra tiếng khen ngợi, cùng các Bồ-tát cung kính tôn trọng, hết sức chí thành cúng dường Phật và Bồ-tát rồi, lại còn chuẩn bị việc cúng dường vô thượng để cúng dường Phật, chuỗi ngọc báu đeo nơi cổ và chiêm-đàn long trịnh, nhị hoa bảy báu, kho báu đầy ắp, báu Ma-ni lớn, ánh sáng trong suốt, đem rải chỗ Như Lai và dùng trái ra khắp đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, đi quanh bên phải trăm ngàn vòng, chấp tay hương về Đức Phật nói kệ:

*Hiện ra các tướng đẹp thù thắng  
Thân trang nghiêm viên mãn ai bằng  
Búi tóc trên đầu xoắn bên phải  
Giống như khổng tước Hắc phong quang.  
Trán rộng bằng phẳng tươi nhuận sáng  
Lông dài trắng đẹp mọc đều đặn  
Đôi mày cong như trăng đầu tháng  
Tướng mũi thẳng cao đẹp tuyệt vời.*

Mắt như cánh sen xanh mới nở  
 Tai dài mềm mại như ba tiêu  
 Răng đẹp trắng bóng đều và khít  
 Sáng sữa giống như hoa mới nở.  
 Lưới rộng dài đỏ như đồng đỏ  
 Hưởng vị ngon nhất trong các vị  
 Mặt như trăng tròn chiếu ánh sáng  
 Môi màu đỏ như trái Tần-bà.  
 Má, cằm đầy đặn lại cân phân  
 Cánh tay dài xuống như Sa-la  
 Ngón tay dài đẹp và có màng  
 Móng tay đẹp sáng như đồng đỏ.  
 Lòng bàn tay có tướng bánh xe  
 Chứa ức công đức bố thí lớn  
 Phần trước Mâu-ni như sư tử  
 Cổ cao xinh đẹp tướng trang nghiêm,  
 Lưng cứng chắc che sóng bụng  
 Tướng nam căn ẩn kín không hiện  
 Đùi chân thẳng dài như vòi voi  
 Ngón chân dài đẹp có màng mỏng,  
 Dưới chân bằng có tướng bánh xe  
 Thánh Tôn bước đi như sư tử  
 Đủ các tướng đẹp thành Chánh giác  
 Nay con đành lễ đức tướng Phật.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông nói kệ ca tụng Đức Phật xong, rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi, xin Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác thương xót cho phép.

Đức Phật nói:

– Nay Chánh sĩ! Tùy ý ông cứ hỏi, theo câu hỏi ấy ta giảng giải để cho ông hiểu.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, được Đức Phật cho phép, liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu ngôi vị của Như Lai mà tất cả Bồ-tát không thực hành được, không phải là cảnh giới của hàng Thanh văn và Độc giác?

Đức Phật khen Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Lành thay! Lành thay! Này Chánh sĩ! Hôm nay ông hỏi Như Lai về ý nghĩa này? Vì các Bồ-tát nên mới phát ra ánh sáng lớn khai bày trí chân thật của Phật, làm lợi ích lớn, an vui lớn. Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Suy nghĩ kỹ, ta sẽ giải rõ cho ông. Này Chánh sĩ! Ngôi vị của Như Lai có mười, tất cả Đại Bồ-tát còn không thể thực hành, hướng chi các hàng Thanh văn và Độc giác. Mười ngôi vị của Như Lai:

1. Ngôi vị ánh sáng trí tuệ thù thắng sâu xa rộng lớn khó biết.
2. Ngôi vị ánh sáng oai lực vô cấu thân trang nghiêm không thể nghĩ bàn.
3. Ngôi vị hải tạng nguyệt tràng bảo sí ánh sáng vi diệu.
4. Ngôi vị trí thần thông công đức có ánh sáng vàng vi diệu thanh tịnh.
5. Ngôi vị vi tràng oai tạng ánh sáng chiếu soi khắp.
6. Ngôi vị đem ngọn đuốc thấp sáng khắp hư không thanh tịnh vô cấu.
7. Ngôi vị ánh sáng pháp giới tạng rộng lớn.
8. Ngôi vị ánh sáng của tạng Phật thanh tịnh tối thắng chiếu khắp làm thanh tịnh các chướng ngại do trí thông.
9. Ngôi vị ánh sáng vô biên trang nghiêm ức nguyện Tỳ-lô-giá-na.
10. Ngôi vị biến trí giúp Tỳ-lô-giá-na.

Này Chánh sĩ! Đó là mười ngôi vị của Như Lai trí không thể nêu bày.

Ngôi vị đầu tiên của Như Lai tập khí vi tế đều đã đoạn tuyệt, đối với tất cả các pháp tự tại vô ngại. Ngôi vị thứ hai của Như Lai chuyển bánh xe chánh pháp hiển hiện pháp sâu xa. Ngôi vị thứ ba của Như Lai trình bày giáo giới Thanh văn và an lập ba thừa. Ngôi

vị thứ tư của Như Lai giảng nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, hàng phục bốn ma. Ngôi vị thứ năm của Như Lai bẻ gãy các luận thuyết đạo khác và pháp tà vạy của họ, điều phục tất cả những người đi theo con đường ác. Ngôi vị thứ sáu của Như Lai là an lập vô biên chúng sinh nơi sáu Thần thông và sáu Đại thông, nghĩa là thị hiện ra vô biên cõi Phật, dùng công đức trang nghiêm thanh tịnh của Phật, thị hiện vô biên Bồ-tát hầu cận vây quanh, thị hiện cõi Phật rộng lớn vô biên, thị hiện tự thân ở trong vô biên cõi Phật, thị hiện diệt độ cho đến hiện pháp ẩn một, thị hiện vô biên thần lực, thần thông biến hóa. Ngôi vị thứ bảy của Như Lai đối với bảy phần pháp Bồ-đề không có tự tánh, không còn chấp trước, vì các Bồ-tát diễn rõ như thật. Ngôi vị thứ tám của Như Lai dùng bốn pháp thọ ký cho tất cả Bồ-tát chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngôi vị thứ chín của Như Lai dùng phương tiện thiện xảo chỉ bày cho Bồ-tát. Ngôi vị thứ mười của Như Lai là dùng tất cả pháp vô tánh dạy cho các Bồ-tát khai mở tiếng đại Bát-niết-bàn, giảng nói tất cả các pháp rốt ráo Bát-niết-bàn.

Khi Phật nói tên mười ngôi vị của Như Lai, từ cõi Phật Ta-bà, cho đến vô số cõi nước của chư Phật trong mười phương đều hiện ra mười tám tướng lớn, đó là chấn động, chấn động lớn và chấn động khắp, lay, lay lớn và lay khắp, chuyển, chuyển lớn và chuyển khắp, kêu, kêu lớn và kêu khắp, rống, rống lớn và rống khắp, va chạm, va chạm lớn, va chạm khắp, tất cả cõi Phật, hiện bên Đông ẩn bên Tây, hiện bên Tây ẩn bên Đông, hiện bên Nam ẩn bên Bắc, hiện bên Bắc ẩn bên Nam, hiện chính giữa ẩn một bên, hiện một bên ẩn chính giữa, các cõi Phật đều hiện mười hai tướng chuyển mà các chúng sinh không có lo sợ, đều được an ổn. Tất cả cõi Phật phóng ánh sáng lớn, tất cả thế giới tối tăm nhất cho đến thế giới tối tăm vừa đều chiếu sáng rõ ràng; tất cả thế giới hoặc thành, hoặc hoại, có Phật hay không Phật, đều hiện ở cõi này; các hoa trời xinh đẹp rơi xuống khắp vô biên cõi Phật không thể nói trong mười phương, đó là hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa ánh sáng, hoa ánh sáng lớn, hoa mặt trăng, hoa mặt trăng lớn, cho đến tất cả các dụng cụ âm nhạc của cõi Phật, không thổi mà tự kêu

đều hiện ra pháp lớn chưa từng có. Tất cả thị giả của Phật trong các cõi Phật đều từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa hỏi Phật của mình về pháp rất đặc biệt chưa từng có này. Chư Phật đều theo câu hỏi mà giảng giải rộng rãi.

Khi ấy, Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông đang ngồi trên cung điện báu trang nghiêm, các Bồ-tát trong hội đều khen ngợi. Sở hành của chư Phật là cảnh giới thâm sâu của Như Lai, vi diệu tối thượng khó biết khó thấy. Các Bồ-tát không thể làm được, huống là các hàng Thanh văn và Độc giác. Vì sao? Vì mười ngôi vị của Như Lai không thể nghĩ bàn này, chúng ta từ xưa chưa từng nghe đến, hôm nay cùng nhau thưa Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác giải rõ ý nghĩa này. Lúc ấy, các Bồ-tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu chấp tay, bằng kệ thưa:

*Thế Tôn không ai bằng  
Nói tên ngôi vị Phật  
Từ xưa chưa từng nghe  
Vô thượng không sánh kịp  
Tâm vui mừng thưa hỏi,  
Mong giảng ý nghĩa ngôi vị  
Như đói nghĩ ăn ngon  
Khát mong uống nước mát  
Nguyện Phật rủ lòng thương  
Nói ngôi vị Như Lai.*

Các chúng Bồ-tát nói kệ thưa Đức Phật xong, đi quanh bên phải ba vòng đánh lễ nơi chân Phật, đều lui về ngồi trên tòa hoa sen. Bấy giờ, Đức Thế Tôn như sư tử duỗi mình ngó khắp mười phương, bảo Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Này Chánh sĩ! Ý nghĩa ngôi vị của Như Lai vi diệu sâu xa vô cùng, khó hiểu, khó nhập, khó ngộ, chẳng phải là cảnh giới của ngôn ngữ, vượt qua tất cả âm thanh bàn luận. Vì sao? Vì ngôi vị của hàng Thanh văn, Độc giác còn không thể bàn luận, huống chi ngôi vị của Bồ-tát và ngôi vị của Như Lai mà có thể trình bày được.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn có mấy ngôi vị?

Đức Phật đáp:

–Hàng Thanh văn có mười ngôi vị. Đó là:

1. Ngôi vị An trụ tam quy hành.
2. Ngôi vị Tùy tín hành.
3. Ngôi vị Tùy pháp hành.
4. Ngôi vị Thiệt phạm phu.
5. Ngôi vị Học giới.
6. Ngôi vị Bát nhân.
7. Ngôi vị Tu-đà-hoàn.
8. Ngôi vị Tư-đà-hàm.
9. Ngôi vị A-na-hàm.
10. Ngôi vị A-la-hán.

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu ngôi vị của Độc giác?

Đức Phật đáp:

–Độc giác có mười ngôi vị. Đó là:

1. Ngôi vị vốn liếng các thiện.
2. Ngôi vị tự giác ngộ duyên khởi sâu xa.
3. Ngôi vị hiểu rõ bốn Thánh đế.
4. Ngôi vị trí sắc bén thù thắng thâm diệu.
5. Ngôi vị con đường Thánh tám nhánh.
6. Ngôi vị biết pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới.
7. Ngôi vị chứng diệt.
8. Ngôi vị tánh sáu thông.
9. Ngôi vị nhập vi diệu.
10. Ngôi vị tập khí mỏng.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có mấy ngôi vị?

Đức Phật trả lời:

–Bồ-tát có mười ngôi vị. Đó là:

1. Ngôi vị Hoan hỷ.
2. Ngôi vị Vô cấu.

3. Ngôi vị Minh.
4. Ngôi vị Diệm.
5. Ngôi vị Cực nan thắng.
6. Ngôi vị Hiện tiền.
7. Ngôi vị Viễn hành.
8. Ngôi vị Bất động.
9. Ngôi vị Thiệt tuệ.
10. Ngôi vị Pháp vân.

– Bạch Thế Tôn! Tất cả ngôi vị từ đâu sinh ra?

Đức Phật nói:

– Này Chánh sĩ! Từ ngôi vị Như Lai sinh ra ngôi vị ấy.

– Bạch Thế Tôn! Những sự giải thoát khác nhau như thế nào?

Đức Phật nói:

– Nước sông và nước biển cả khác nhau thế nào?

– Bạch Thế Tôn! Nước sông, nước biển có nhiều ít khác nhau.

Đức Phật nói:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Này Chánh sĩ! Sự giải thoát của hàng Thanh văn, Độc giác như nước trong sông, sự giải thoát của Như Lai giải thoát như nước trong biển cả.

– Bạch Thế Tôn! Sông lớn, sông nhỏ và tất cả các dòng, há không chảy vào trong biển cả?

Đức Phật đáp:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông vừa nói, nếu pháp của Thanh văn, hoặc pháp của Độc giác, hoặc pháp của Bồ-tát, hoặc pháp của Phật, tất cả đều chảy vào trong biển trí Tỳ-lô-giá-na.

– Bạch Thế Tôn! Xin nguyện Thế Tôn hiện trụ ngôi vị đầu tiên của Như Lai. Cảnh giới của Như Lai, tất cả Bồ-tát đều không biết, huống chi các hàng Thanh văn, Độc giác.

Lúc ấy, Đức Phật hiện ra cõi Phật tên là Vô biên a-tăng-kỳ công đức bảo cái bất khả tư nghì trang nghiêm, cõi ấy rộng lớn có ức triệu hằng hà sa cõi Phật nhiều như số vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, mỗi một thế giới đều nhập vào vô biên, vô số lượng



báu, công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn trong cõi Phật chủ, trong cõi Phật chủ ấy, có núi Di-lâu, núi Tu-di, núi Đại di-lâu và các núi Hắc, những dòng sông, biển khơi, dòng suối, đồi núi hiểm trở, đất đá, gạch ngói, phân nhơ, các côn trùng, bùn lầy ô uế không sạch, cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Diêm-ma, Quỷ, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân và cõi Phật cũ trang nghiêm thấy đều trừ bỏ, đất bằng phẳng như bàn tay, do ngọc lưu ly làm thành. Trong cõi Phật chủ đất báu xanh biếc, từ kim cang tế khởi, có hoa báu đẹp đẽ tối thượng trang nghiêm, thọ vương Bồ-đề vô ưu, thể bằng bảy báu, thẳng đứng, đẹp đẽ rực rỡ, cao vô lượng hằng hà sa thế giới như vi trần của cõi Phật, chiều rộng cũng như vậy, đủ các loại lá báu, hoa báu, trái báu trang nghiêm, cành nhánh gốc rễ tươi tốt, đều bằng báu xinh đẹp, ánh sáng của ngọc Ma-ni, nhụy báu đều phát ra, chuỗi ngọc, dây lụa, lưới linh treo rủ xuống, phát ra ánh sáng của điện chớp, ánh sáng tràng hoa, ánh sáng vàng, ngọc ma-ni để thanh pha lê, mặt trời, mặt trăng, lại xuất ra mùi thơm như Trầm thủy, Đa-già-ha hắc trầm, Đa-ma-la diệp, Ca-la-nô-ba-lợi, chiêm-đàn Long trịnh, chiêm-đàn Ngư đầu và đủ các loại mùi thơm thắng diệu vừa ý đầy khắp cõi Phật. Các âm nhạc hòa theo âm thanh vang khắp tất cả thế giới, mưa xuống các báu. Phía Đông cây Bồ-đề có ao Bồ-đề chứa tên là Vô cấu tối thượng thanh tịnh; ao ấy rộng lớn bằng vô lượng hằng hà sa thế giới nhiều như vô số vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, thể bằng bảy báu, có tám nhánh nước tràn đầy, cát vàng Diêm-phù-đàn trải khắp đáy ao, bốn góc, bốn thêm đều trang sức bằng các báu, đủ các thứ giường báu, lan can chung quanh, sắp xếp thẳng hàng.

Trong ao Bồ-đề có hoa sen Bồ-đề chứa tên là Diệu khai phu điện, rộng lớn bằng vô lượng hằng hà sa thế giới nhiều như số vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, cánh hoa sen ấy bằng vô lượng ức triệu trăm ngàn thứ báu trang nghiêm; cánh hoa mềm mại sáng bóng, hương thơm tinh khiết vi diệu, trên đài hoa sen có cung điện Bồ-đề chủ tên là Vô biên trang nghiêm, cao rộng bằng vô số hằng hà sa thế giới nhiều như số vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, thể bằng

bảy báu, hiển hiện thân thông vi diệu đẹp đẽ vô cùng, hơn cung điện báu trang nghiêm trước ỨC ỨC LẦN. Ví như ánh sáng đóm đóm so với mặt trời, cung báu trang nghiêm đối với điện BỒ-ĐỀ, các ánh sáng không hiện được, cũng như vậy, điện BỒ-ĐỀ chứa có vô biên ánh sáng thân thông trang nghiêm thù thắng rực rỡ nên ánh sáng của mặt trời, mặt trăng ngưng chiếu, màu sắc không còn oai lực; ánh sáng của tất cả ĐẾ THÍCH, PHẠM THIÊN, trời Tịnh cư... đều bị che lấp, không hiện ra được.

Trong điện BỒ-ĐỀ có tòa chứa Sư tử đại BỒ-ĐỀ, tên là Diệu quang minh bất không nhụy nghiêm. Tòa ấy cao rộng bằng nhau, như thế giới nhiều như số vi trần của vô lượng, triệu hằng hà sa thế giới, ánh sáng màu sắc rất đẹp, đủ loại bảy báu trang nghiêm xung quanh. Các loại lụa trời đẹp đẽ như Ca-thi-ca, Tỳ-đà-ha, Kiêu-xà-da... đều che rủ xuống. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, hiệu là Như Lai Vô Cấu Quang Minh Công Đức Hoa Ly Nhiễm Nguyệt Chiếu Bội Lô-giá-na Tạng Tràng Tỳ-lưu-ly Tràng Trang Nghiêm Viên Quang Diệu Tướng Công Đức Thần Thông Tháng Tạng Nhật Nguyệt Trí Quang Vương, ngồi trên tòa Sư tử BỒ-ĐỀ, thân to lớn như tam thiên đại thiên thế giới nhiều như số vi trần của ức trăm hằng hà sa cõi Phật, thân thể đầy đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp; vòng hào quang trang nghiêm trên đỉnh không ai có thể nhìn thấy, ánh sáng thanh tịnh vi diệu giống như ánh sáng của mặt trời chiếu vào gương sáng, không phải thân Ca-la-la bằng máu thịt xương tủy, nên có ánh sáng rất vi diệu thanh tịnh, đỏ, như vàng Diêm-phù-đàn, ánh sáng rực rỡ trong suốt như ngọc báu Tỳ-lưu-ly, để thanh... diệt trừ tất cả tập khí vi tế, Đại giác Thế Tôn là bậc Thầy đầy đủ tất cả sự tối thắng Nhất thiết trí, đối với tất cả pháp tự tại vô ngại, hiểu biết tất cả, vượt qua tất cả, là bậc Đại bi tối thượng, là bậc Trượng phu tối thượng, là bậc Sư tử trượng phu, dứt sạch dòng lậu, thân như Kim cang, trăm phước trang nghiêm, đầy đủ mười Lực của Phật, công đức lớn, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng của Phật, rống tiếng rống sư tử, sống lâu vô lượng, vô biên không có già yếu, ở cõi thanh tịnh, chứng đắc Chánh đẳng giác, nên có được ánh sáng tự thân chân thật, hóa sinh vô lượng chúng Đại Bồ-tát vây quanh cúng dường. Các Bồ-tát đó đều dùng sắc

tướng của mình, ngồi trên tòa Sư tử dưới cây báu trong cung điện báu đài hoa sen nơi ao báu, mỗi Bồ-tát đều tự trang nghiêm như Phật đã ứng hiện trang nghiêm. Thế giới của Phật này công đức trang nghiêm, thanh tịnh thù thắng. Thân Phật, đồ chúng đều thanh tịnh thù thắng vi diệu, kiếp thanh tịnh thắng diệu, kiếp tên là Đại kiếp vương, mức độ của kiếp và sự trang nghiêm của kiếp ấy đều không thể nói, giới hạn cõi Phật giống như cảnh giới của Như Lai, siêu vượt ngôn ngữ, không có nơi chốn, như vậy là chứng Chánh đẳng giác, gọi là trụ vào ngôi vị của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Này Chánh sĩ! Ông thấy việc lớn ấy của Như Lai không?

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông thưa:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Thật là sâu xa tối thắng khó hiểu, trí tuệ sáng suốt rộng lớn làm ngôi vị thứ nhất của Như Lai, Phật trụ vào ngôi vị này thì thần thông như vậy. Giống như hôm nay Như Lai hiện thần thông, Đức Như Lai Quyết Định Nguyên Trang Nghiêm Công Đức Sĩ Tràng Nhất Cái Âm Tự Tại Oai Vương Bảo Tích Bội Lô-giá-na Tạng Thắng Tướng Khởi Đảnh Bối Thanh Tịnh Diện A-súc Vô Gián Quang, ở thế giới Hoan hỷ cũng hiện thần thông lớn như vậy, được trời, người cung kính phụng sự; lại có Như Lai Thắng Oai Đức Liên Hoa Sinh Chúng Đức Thắng Trang Nghiêm Ma-ni Quang Vương, Như Lai Vô Biên Quang, Như Lai Liên Hoa Khai Phu Túc Vương Thần Thông Na-già Tự Tại Vương, Như Lai Bảo Tích, các Đức Phật như vậy và chư Phật hiện tại, tương lai ở trong nước Thắng diệu thanh tịnh, nên biết sẽ trụ vào ngôi vị của Đức Phật ấy.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật hiện tại và tương lai, ở trong đời ác năm trước thành Bạc Đẳng Chánh Giác, lẽ nào không được ngôi vị của Như Lai chăng?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Chư Phật Bồ-tát dùng phương tiện đại Bi, thấy các chúng sinh chìm sâu nơi ba cõi, ở trong màn vô minh tối tăm, dây ai trôi buộc tà kiến điên đảo, tín căn khuyết giảm rơi vào trong vô biên cõi khổ, qua lại nơi sáu nẻo, các chúng sinh bị trôi lăn trong dòng sinh tử từ vô thủy không biết rõ nguồn gốc của mình, không biết Phật, không biết pháp Phật, không biết pháp Bồ-tát, không biết như thật đạo xuất ly. Chư Phật, Bồ-tát thương xót những chúng sinh ấy, cho nên bằng hóa thân xuất hiện ở cõi ác, hoặc hiện sự diệt, thiên chuyển, hoặc hiện vào bào thai sinh ra ở trong cung, lớn lên thọ hưởng sự vui chơi, hoặc hiện sự nhàm chán xuất gia tu khổ hạnh, đến nơi đạo tràng hàng phục ma quân chứng thành Chánh giác, chuyên thỉnh giảng pháp, chuyển bánh xe pháp lớn, bẻ gãy luận thuyết của ngoại đạo, phá tan pháp tà kiến, người theo đường ác đều làm cho trở về đường chánh, cho đến thị hiện mạng sống ngắn ngủi nhập đại Bát-niết-bàn, dùng oai lực Tam-muội đập nát chi phần nơi thân giống như hạt cải, xây cất vững chắc ức triệu trăm ngàn tạng xá-lợi. Vô lượng trời, rồng cho đến nhân và phi nhân... đặc biệt chí thành tôn trọng cúng dường, hoặc dạy thọ nhận giáo pháp xuất gia tu hành, hoặc gieo trồng quả Phật vượt thoát biển sinh tử.

Này Chánh sĩ! Pháp tánh vi diệu của chư Phật như vậy, nhằm cứu giúp vô biên, vô số chúng sinh bị lưu chuyển trong biển khổ sinh tử, dùng phương tiện thần thông thị hiện sinh ra cõi uest trước này, hoặc Bồ-tát dùng phương tiện thần thông để hóa thân, thị hiện Bồ-tát và chúng Bồ-tát.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai có mấy thân?

Đức Phật đáp:

–Này Chánh sĩ! Nói tóm lược thì Như Lai có ba thân. Đó là Mãn tư dụng thân, Hóa thân, Tự tánh thân.

–Bạch Thế Tôn! Mãn tư dụng thân của Như Lai như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Nay ông nhìn thấy ta, đó là Mãn tư dụng thân

của Như Lai. Ngoài ra, chư Phật ở nước Thanh tịnh đã chứng đắc Chánh đẳng giác, hiện đang chứng đắc và sẽ chứng đắc. Gọi là Báo thân Như Lai.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Hóa thân Như Lai?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Như Phật Lực Siêu Dũng, Phật Pháp Ma, Phật Đại Bi Tư và chư Phật khác, hiện ở cõi uế chứng thành Chánh đẳng giác, đã chứng đắc, hoặc sẽ chứng đắc, hoặc thị hiện tịch diệt, hoặc thị hiện trụ các pháp như chánh pháp, tượng pháp, thậm chí thị hiện tất cả pháp Phật diệt tận. Này Chánh sĩ! Ông chớ cho là thật. Vì sao? Vì các pháp này, ông nay nên biết, đều là phương tiện đại Bi như như cầu mà hóa hiện.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Pháp thân Như Lai?

Đức Phật đáp:

–Này Chánh sĩ! Pháp thân là không màu sắc, không hiển hiện, không ngăn ngại, không tương tự, không biểu thị, không an trụ, không nương dựa, không chấp thủ, không diệt, không sinh, không thể ví dụ. Này Chánh sĩ! Như thế thì thân tự tánh của Như Lai không thể nói bàn, thân của Như Lai là thân pháp, thân trí, thân vô đẳng, thân vô đẳng đẳng, thân bội Lô-giá-na, thân hư không, thân bất đoạn, thân bất hoại, thân vô lượng, thân tối thượng, thân chân thật, thân không ví dụ, thân tự tánh

–Bạch Thế Tôn! Thân tự tánh Như Lai là vô sắc không hiển hiện cho đến không thể nói bàn, há không phải là tướng đoạn dứt sao?

Đức Phật đáp:

–Này Chánh sĩ! Ý ông thế nào? Cõi hư không là đoạn dứt chẳng? Hay là có tướng chẳng?

–Bạch Thế Tôn! Cõi hư không, chẳng phải đoạn, chẳng phải có. Vì sao? Vì cõi hư không nếu là đoạn thì chướng ngại, có tác dụng, nếu là có, thì tích chứa màu sắc vật thể. Bạch Thế Tôn! Vì thế nên cõi hư không, không phải đoạn, không phải có, mà cùng khắp tất cả.

Đức Phật khen:

–Lành thay! Lành thay! Này Chánh sĩ! Đúng vậy! Đúng vậy! Thân tự tánh của Như Lai không phải đoạn dứt không phải có. Vì sao? Này Chánh sĩ! Vì thân tự tánh của Như Lai nếu là đoạn diệt thì không có Phật xuất hiện ở đời, thị hiện vô lượng thân thông làm lợi ích lớn, còn nếu là có thì phải có chỗ tích chứa, có thể nắm bắt thì có khác gì tất cả phàm phu..., không có trước sau đồng cùng thành Phật, thế nên thân tự tánh của Như Lai chẳng phải đoạn chẳng phải có cùng tất cả chúng sinh làm Phật sự.

–Bạch Thế Tôn! Cúng dường thân tự tánh, thân Mãn tự dụng, thân biến hóa của Như Lai, phước lớn như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Nếu cúng dường một thân Như Lai tức là cúng dường tất cả thân Như Lai. Vì sao? Vì tất cả ánh sáng chiếu soi trừ hết tối tăm, không có ánh sáng nào cùng tồn tại với bóng tối. Này Chánh sĩ! Như thế, các thân của Như Lai tùy thuận sự cúng dường, đều là căn lành lớn, diệt trừ tất cả bóng tối vô minh, mở bày con đường Niết-bàn giải thoát, tất cả tối tăm không còn tồn tại.

–Bạch Thế Tôn! Xin chỉ dạy ngôi vị thứ hai của Như Lai.

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Ông có thể nhìn thấy chăng?

–Bạch Thế Tôn! Mong được nhìn thấy.

Lúc đó, từ một lỗ chân lông của Phật phóng ra ánh sáng vô tánh và chiếu khắp các cõi Phật không thể nói, không có tất cả sắc, phàm vết có tướng đều không hiện.

Đức Phật bảo các Bồ-tát:

–Hôm nay các ông đã nhìn thấy như thế nào?

Khi ấy, các Bồ-tát đều bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chỉ thấy ánh sáng, còn không thấy gì hết.

Đức Phật hỏi:

–Các ông đã thấy ánh sáng, vậy ánh sáng ấy như thế nào?

Các Bồ-tát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chỉ nhìn thấy một làn ánh sáng

chiếu khắp cõi Phật nhiều như số vi trần của vô lượng hằng hà sa ức triệu trăm ngàn cõi Phật.

Chư Bồ-tát nói:

–Như vậy rồi, Đức Phật thu nhiếp ánh sáng ở các cõi Phật trở lại.

Đức Phật bảo các Bồ-tát:

–Các ông đối với ngôi vị thứ hai của Như Lai, còn không thể biết, không hiểu rõ, huống là có thể nói, có thể nhìn thấy ngôi vị thứ ba cho đến ngôi vị thứ mười của Như Lai. Nay các Chánh sĩ! Ví như mặt trời, mặt trăng, chúng sinh dựa vào ánh sáng ấy để nuôi sống mình, do mặt trời, mặt trăng xoay chuyển mà có ngày đêm, lấy thời gian tính làm năm, tháng cố định, phân khí hậu thời tiết để chúng sinh biết được, nhưng các chúng sinh chỉ nhìn thấy tướng ánh sáng của cung mặt trời, mặt trăng, chớ không nhìn thấy đầy đủ sắc tướng của mặt trời, mặt trăng. Nay các Chánh sĩ! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nuôi dưỡng tất cả chúng sinh, nhờ Như Lai cho nên chúng sinh biết rõ pháp thiện, pháp thế gian và xuất thế gian, pháp hữu lậu và vô lậu. Các chúng sinh biết rồi tu hành chân chánh, vượt qua các con đường sinh tử khổ đau, nhưng các chúng sinh không thể nhìn thấy đầy đủ hình sắc thân Mãn tư dụng của Như Lai, chỉ nhìn thấy thần lực đại Bi phương tiện ứng hóa của Như Lai. Nay các Chánh sĩ! Nên biết ngôi vị của Như Lai vượt hết tất cả âm thanh ngôn ngữ, nay ta chỉ dùng danh tự để nói thôi.

Bấy giờ, Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể vượt qua tất cả đường ác?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người này nhập tất cả cảnh giới Phật trí, thêm vào mười Địa Như Lai sâu xa tối thắng của Tạng Tỳ-lô-giá-na, chứng khế nhập môn Đại thừa, hoặc nghe kinh điển, nghe rồi tin hiểu một cách sâu xa, tin rồi thọ trì, đọc tụng, ghi chép và giảng nói cho người khác, lưu truyền khắp nơi, hoặc chỉ thọ trì tên của pháp môn thôi, thì cũng được vượt khỏi tất cả các nẻo khổ của đường ác.

– Bạch Thế Tôn! Ai đã phát tâm Bồ-đề?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Người thọ trì pháp môn này, cho đến thọ trì tên (pháp môn) gọi là người phát tâm Bồ-đề.

– Bạch Thế Tôn! Ai đã thực hành hạnh Bồ-tát?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Thọ trì pháp môn này là người thực hành hạnh Bồ-tát.

– Bạch Thế Tôn! Ai có thể mau chóng đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Là người thọ trì pháp môn này.

– Bạch Thế Tôn! Ai có thể được thành Phật?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Người nghe pháp môn này.

– Bạch Thế Tôn! Ai có thể được thọ ký?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Là người giữ gìn pháp môn bí mật thâm thúy của Như Lai.

– Bạch Thế Tôn! Ai vì tất cả chúng sinh làm Đại sư dẫn đường?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Là người thọ trì Như Lai tạng.

– Bạch Thế Tôn! Ai là đệ tử của Phật?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Là người tin tưởng sâu sắc pháp môn này.

– Bạch Thế Tôn! Ai đạt được tất cả ngôi vị của Bồ-tát?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Người lắng nghe pháp môn này.

– Bạch Thế Tôn! Ai đạt được tất cả pháp của Phật?

Đức Phật nói:

– Đây Chánh sĩ! Người cúng dường tôn trọng ngọn đèn chánh pháp này.



–Bạch Thế Tôn! Ai biết pháp của thừa Thanh văn và Độc giác mà không dùng thừa ấy để vượt qua?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người tu hành kho tàng chánh pháp.

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và phụng trì như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Kinh này tên là Chứng Khế Đại Thừa, cũng gọi là Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Trí Bồ-lô-giá-na Tạng. Phải thọ trì như thế.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu muốn chứng ngộ Chánh đẳng giác  
Đạo chân thật bao la rộng lớn  
Nghe trí tối thượng không nghĩ bàn  
Chuyển bánh xe pháp mầu vô lậu  
Muốn diệt cờ pháp, đánh trống pháp  
Thắp sáng đuốc pháp, thổi loa pháp  
Muốn dùng trí sáng phá vô minh  
Giải thoát chúng sinh đến bờ giác  
Hàng phục ma quân, cúng dường Phật  
Ánh sáng tối thượng chiếu khắp cả  
Pháp đời không chấp, chẳng đắm nhiễm  
Làm lợi chúng sinh tu Tịnh độ  
Đều nghe rồi thọ trì kinh này  
Ghi chép, đọc tụng, lưu truyền mãi  
Giảng nói, tư duy kinh tạng Phật  
Các ngôi thâm diệu của Như Lai.*

Phật nói kinh này rồi, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông và các Đại Bồ-tát, nghe Đức Phật giảng dạy, vui vẻ phụng hành.





SỐ 675

# KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

*Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi,  
người nước Thiên Trúc.*

## QUYỂN 1

### Phẩm 1: TỰA QUY MẠNG ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MÂU-NI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn đang ở tại điện Pháp giới, thuộc cảnh giới của Như Lai, là chỗ được trang nghiêm tốt nhất, bằng tất cả các loại báu sáng ngời, có ranh giới đến khắp vô lượng các thế giới. Đức Thế Tôn phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp mọi nơi, vô lượng sự khéo léo, những nơi ở khác nhau, không có ngăn mé, hoặc quá hơn ngăn mé, quá hơn tất cả cảnh giới ba cõi, vượt lên trên cảnh giới thành tựu căn lành của xuất thế gian, khéo đến được nơi thanh tịnh tự tại giải thoát vô ngại. Đó là thần lực của chư Phật Như Lai nắm giữ; là nơi sở hành của vô lượng Bồ-tát; là nơi sở hành của vô lượng các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... là nơi đại pháp giới rớt ráo đầy đủ vui thích; là nơi hoàn toàn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh; là nơi lìa tất cả phiền não như bản; là nơi lìa tất cả các ma oán địch, đạt được sự trang nghiêm trụ trì của chư Phật; là nơi đại pháp ý sáng suốt; là nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na Đại thừa; là nơi nhập vào Không, Vô tướng, Vô nguyện đạt đại giải thoát; là nơi được trang nghiêm bằng vô lượng

công đức các hoa sen báu lớn. Đức Thế Tôn trụ ở những nơi không nghĩ bàn và tự tại như vậy.

Chư Phật Như Lai khéo hiểu điều cần hiểu, lia hai hạnh đạt đến chỗ vô tướng. Thực hành hạnh chư Phật; đạt được tất cả bình đẳng cho đến không còn chỗ chướng ngại của các Đức Như Lai; có khả năng đạt đến tất cả pháp luân bất thoái; có khả năng đạt đến cảnh giới không thể hàng phục, thể tánh không thể nghĩ bàn; có khả năng đạt đến tất cả bình đẳng ba đời, thân bao trùm khắp tất cả pháp giới; có khả năng đạt đến các pháp vô ngại; có khả năng đạt đến tất cả trí hạnh rốt ráo; có khả năng đạt đến pháp trí vô ngại, được tất cả các thân không phân biệt. Trí có khả năng trả lời tất cả các câu hỏi của các Bồ-tát; có khả năng đến bờ bên kia mà không hai hạnh; có khả năng đạt đến trí giải thoát không có sai biệt của chư Phật; có khả năng đạt đến Tam-muội vô biên vô trung, cảnh giới rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không cho đến tận vị lai. Cùng đầy đủ các chúng Thanh văn, tâm khéo điều phục, đều là Phật tử. Khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát, khéo đạt được giới thanh tịnh. Người cầu pháp, ham thích sự thành tựu học rộng, nắm giữ sự học rộng, đầy đủ mọi sự học; khéo nghĩ những gì cần nghĩ, nói những điều cần nói, làm những việc cần làm, mau chóng đạt được tất cả trí tuệ; khéo đạt được trí tuệ mau chóng, đạt được trí tuệ dũng mãnh nhạy bén; đầy đủ ba minh, thấy pháp đệ nhất, được hạnh cứu cánh, tu hành thanh tịnh, thành tựu đầy đủ, lãnh thọ đại thí chủ, oai nghi vắng lặng, thành tựu rốt ráo, nhẫn nhục nhu hòa, khéo lãnh thọ lời Phật dạy, thực hành đúng như đã nói.

Lúc đó, có vô lượng đại chúng Bồ-tát, từ vô lượng các cõi Phật đến tập hội. Các Bồ-tát này, đều trụ vào tất cả chỗ sở cầu to lớn, nắm giữ rốt ráo đại pháp vô thượng, được tâm bình đẳng của tất cả chúng sinh, lia mọi phân biệt, hàng phục tất cả các ma oán địch, lia mọi chỗ sở niệm của Thanh văn, Bích-chi-phật, luôn ưa thích đầy đủ đại pháp vị, vượt qua năm sợ hãi, được địa vị bất thoái, thể tánh Nhất thừa, có khả năng diệt sự sợ hãi trước mắt của tất cả chúng sinh. Các vị Bồ-tát như thế nhiều không thể nói hết, không

thể nghĩ bàn, không thể nêu bày, không thể đo lường, không thể đếm xuể.

\*\*  
\*

## Phẩm 2: THÁNH GIẢ HỎI BỒ-TÁT THIỆN VẤN

Khi ấy, Đức Thế Tôn được trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ đại chúng, trước sau vây quanh vì các Bồ-tát nói pháp sâu dày.

Lúc đó, trong đại chúng, có Thánh giả Đại Bồ-tát, tên là Thiện Vấn, đang ngồi trong chúng, nương vào Đệ nhất nghĩa để vô ngôn không có hai tướng, hỏi Thánh giả Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát:

–Thưa Phật tử! Nói tất cả pháp là không hai. Tất cả pháp không hai ấy, sao lại là tất cả pháp? Sao gọi là không hai?

Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát bảo Bồ-tát Thiện Vấn:

–Này thiện nam! Nói tất cả pháp, ấy là nói có hai pháp:

1. Pháp hữu vi.

2. Pháp vô vi.

Này thiện nam! Pháp hữu vi là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Pháp vô vi là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Bồ-tát Thiện Vấn hỏi:

–Thưa Phật tử! Sao gọi là pháp hữu vi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi? Sao gọi là pháp vô vi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi?

Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát đáp:

–Này thiện nam! Nói pháp hữu vi, đó chỉ là danh tự nói pháp của Như Lai. Nói rằng Như Lai dùng danh tự nói pháp cũng chỉ là để phân biệt ngôn ngữ, gọi là nói pháp.

Này thiện nam! Nếu chỉ là danh tự để phân biệt ngôn ngữ, gọi là nói pháp, thì thường không bằng các danh tự tập hợp mà thành ngôn ngữ. Thế cho nên, nói không phải hữu vi.

Này thiện nam! Nói vô vi là chỉ cái thể của ngôn ngữ.

Này thiện nam! Giả sử lia cả hữu vi, vô vi, thì pháp ấy cũng như vậy.

Này thiện nam! Tuy không ngôn ngữ, nhưng không phải không có việc gì để nói.

–Thưa Phật tử! Thế nào là việc, mà không có gì để nói? Nghĩa là Thánh nhân biết, Thánh nhân thấy, Thánh trí biết, Thánh trí thấy, không có pháp để ngôn ngữ chứng. Vì muốn nói pháp không ngôn ngữ ấy, cho nên nương vào tướng, mà nói hữu vi, vô vi.

Này thiện nam! Nói vô vi chỉ là danh tự nói pháp của Như Lai. Danh tự nói pháp chỉ là để phân biệt. Tướng phân biệt là tướng ngôn ngữ.

Này thiện nam! Tướng ngôn ngữ tức là pháp tập hợp của danh tự. Tập hợp danh tự tức là pháp giả dối. Pháp giả dối, thể của nó thường không như vậy, bởi do các sự phân biệt. Danh tự không thành, tức là tướng ngôn ngữ. Thế cho nên, ta nói chẳng phải vô vi.

Này thiện nam! Nói hữu vi, chỉ là danh tự. Nếu lia pháp hữu vi, vô vi, thì nó cũng như vậy.

Này thiện nam! Nói như thế nhưng chẳng phải không có việc gì để nói.

Này thiện nam! Thế nào là việc mà nói Thánh trí biết, Thánh trí thấy, không có pháp để ngôn ngữ chứng? Vì ngôn ngữ không có pháp để chứng cho nên nói là chẳng phải hữu vi.

Bồ-tát Thiện Vấn hỏi:

–Thưa Phật tử! Sao gọi việc ấy là vô ngôn sở chứng? Thánh trí biết, Thánh trí thấy mà nói đó là vô ngôn chứng pháp, mà nói đó là ngôn ngữ hữu vi, vô vi?

Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát đáp:

–Này thiện nam! Ví như người làm trò ảo thuật và học trò của ông ta ở tại ngã tư đường chắt chứa cỏ cây, nhánh lá, ngói gạch lại một chỗ, rồi biểu diễn các trò ảo thuật như binh lính, voi, ngựa, xe, bộ, ma-ni, trân châu, lưu ly, kha cụ, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, tiền tài, lúa thóc, gấm lụa và các kho chứa các vật. Biểu diễn rất nhiều trò khác lạ như vậy.

Này thiện nam! Nếu lúc đó, có những kẻ ngu si, vô trí, thấy nghe việc ấy, không biết đó chỉ là cỏ cây, ngói đá, mà sinh tâm cho là có thật, các loại voi, ngựa, xe, bộ, binh lính, ma-ni, trân châu, lưu ly, kha cụ, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, tiền tài, lúa thóc, vải vóc và kho chứa các vật. Do chứng kiến như thế, cho nên người ngu kia liền ôm giữ sự thấy nghe đó mà tu hành, cho việc đó là hoàn toàn có thật, ngoài ra đều là hư vọng.

Này thiện nam! Người ấy lại cần cầu pháp tối thượng.

Này thiện nam! Lại có người trí tuệ, không phải là ngu si, thấy voi, ngựa... biết rằng đó chính là cỏ, cây, ngói gạch... thấy nghe thế rồi, người này sinh tâm biết voi ngựa, xe... không phải là thật, từ ảo thuật mà làm ra, là tướng giả dối, mọi việc khác thường chỉ làm mê hoặc mắt người. Thấy nghe như thế, người trí không cho nó là thật, cũng không dính mắc, cũng không bám lấy, rốt ráo là thật, ngoài ra là giả dối. Biết ý nghĩa để nắm lấy ngôn ngữ, người này không cần quán thắng pháp.

Này thiện nam! Chúng sinh phàm phu, chưa được trí Thánh nhân xuất thế gian, cũng lại như vậy. Phàm phu ngu si biết không đúng như thật pháp không ngôn ngữ, thấy nghe pháp hữu vi, vô vi, liền sinh tâm suy nghĩ: “Có pháp hữu vi, vô vi, như tôi thấy nghe”. Thế nên, theo sự thấy nghe, người này ôm giữ nó cho đó là thật. Bởi thế, nên người này, đã lãnh thọ thực hành như đã thấy nghe, cho nó là thật còn các việc khác là giả dối. Người ấy liền siêng năng quán sát thắng pháp.

Này thiện nam! Lại có chúng sinh, không phải là ngu si, thấy rõ thật đế, đạt được trí Thánh nhân xuất thế gian, có khả năng biết như thật tất cả các pháp, chứng pháp thể chân thật không ngôn ngữ. Nhưng chúng sinh đó thấy nghe pháp hữu vi, vô vi, lại sinh tâm suy nghĩ: “Không có các pháp danh tự hữu vi, vô vi... như đã thấy nghe.” Rồi lại nghĩ: “Lời nói hữu vi, vô vi là có đó.” Từ hành tướng giả dối phân biệt sinh ra; như pháp ảo thuật ấy mê hoặc người trí; sinh ra hữu vi, vô vi với danh tướng khác lạ. Người ấy hiểu biết như đã nghe thấy, nên không dính mắc vào những gì đã thấy nghe. Đó mới là chân thật, còn các cái khác là giả dối. Vì nghĩa rõ ràng ấy mà nắm bắt

ngôn ngữ, người ấy không cần quán thắng pháp.

Này thiện nam! Trí Thánh nhân biết các việc như vậy. Thánh nhân trí thấy biết chứng được vô ngôn. Vì muốn chứng pháp vô ngôn ấy mà nói đó là danh tướng hữu vi, vô vi.

Lúc đó, Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát nói kệ:

*Nghĩa sâu không ngôn ngữ  
Chư Phật nói không hai  
Người si nường vô minh  
Hý luận chấp hai pháp,  
Làm lớn đường thế gian  
Qua lại không dừng nghĩ  
Sinh trong loài súc sinh  
Do là nghĩa thứ nhất.*

\*\*  
\*

### Phẩm 3: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT THƯA HỎI

Lúc đó, Thánh giả Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, nường vào nghĩa Đế như thật thứ nhất, vượt qua tướng cảnh giới giác quán của thế gian, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ đời quá khứ, lại còn vượt qua đời quá khứ đó nữa, cách thế giới này bảy mươi bảy hằng hà sa thế giới, vượt hơn vô lượng hằng hà sa thế giới ấy, có cõi Phật, tên là Thế giới danh xưng. Trong thế giới ấy, có Đức Phật, hiệu là Tỳ-ma-la-kiết-đế Như Lai, hiện đang ở cõi nước đó. Khi con giáo hóa chúng sinh, đến thế giới này thấy có một thầy ngoại đạo đang đứng một chỗ, đồng thời có bảy vạn bảy ngàn đệ tử cũng đang tụ tập nơi ấy, nường vào tướng Đệ nhất nghĩa mà suy nghĩ các pháp. Các ngoại đạo đó, cùng nhau suy tìm tướng Đệ nhất nghĩa, xưng lường tướng Đệ nhất nghĩa, suy nghĩ tướng Đệ nhất nghĩa, tuy quán sát nhưng không thấy tướng Đệ nhất nghĩa. Do đó sinh ra ý sai khác, thấy cũng sai khác, rồi dính mắc vào sai khác, thành lập bè phái khác, khởi lên tranh luận, hai bên đấu



khẩu với nhau, buông ra những lời không tốt, cùng nhau nổi loạn rồi giải tán.

–Bach Thế Tôn! Lúc đó con liền sinh tâm nhớ nghĩ, thật hiếm có chư Phật Như Lai xuất thế. Do nương vào Như Lai xuất thế gian, cho nên, nay được thấy nghe tướng Đệ nhất nghĩa vượt qua khỏi cảnh giới thế gian, được chứng tướng Đệ nhất nghĩa, thấy tướng Đệ nhất nghĩa và chứng tất cả tướng diệt.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Này Đàm-vô-kiệt! Đúng vậy! Đúng vậy! Ta hiểu các tướng Đệ nhất nghĩa vượt qua khỏi cảnh giới thế gian. Hiểu như vậy rồi, đem nói cho mọi người, chỉ bày mọi người, hiện rõ cho mọi người tạo lập pháp này. Vì sao? Ta vì Thánh nhân nói pháp tự chứng của nội thân. Vì các phàm phu nói cảnh giới hiểu và thấy, cùng nhau biết được điều đó.

Này Đàm-vô-kiệt! Nay người nên nương vào nghĩa này, mà biết đó là tướng Đệ nhất nghĩa vượt qua khỏi cảnh giới thế gian.

Này Đàm-vô-kiệt! Ta nói nghĩa thứ nhất là vượt qua khỏi cảnh giới của tất cả các tướng. Thấy, hiểu gọi là cảnh giới các tướng. Như vậy, ta nói nghĩa thứ nhất, là cảnh giới vô ngôn. Sự thấy hiểu gọi là cảnh giới lời nói.

Này Đàm-vô-kiệt! Ta nói lìa các ngôn ngữ là tướng của nghĩa thứ nhất, sự thấy hiểu danh tự là tướng thế đế. Như vậy, ta đã nói lìa các tranh luận là tướng của nghĩa thứ nhất, sự thấy hiểu danh tự là tướng tranh luận.

Này Đàm-vô-kiệt! Nương vào nghĩa tướng này, nay ông nên biết. Cảnh giới sự thấy hiểu vượt qua khỏi các thế gian, là tướng của nghĩa thứ nhất.

Này Đàm-vô-kiệt! Ví như có người, trọn đời ăn vị cay đắng, mà người ấy không biết, không cảm giác, không nêu bày được vị cay đắng đó và cũng không tin rằng có vị ngọt ngon của thạch mật A-bà-bà.

Này Đàm-vô-kiệt! Có người suốt đời tin vào cái vui ham muốn, đắm chìm vào ham muốn, bị lửa ham muốn thiêu đốt nội tâm, thân

không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so sánh, không còn khả năng tin lia tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, để không còn vui trong ham muốn nữa.

Này Đàm-vô-kiệt! Có người suốt đời tin vào phân biệt, vui với phân biệt, không thể biết, không thể giác ngộ, không có khả năng so lường, không còn khả năng tin vào cái vui không phân biệt của sự vắng lặng nội thân.

Này Đàm-vô-kiệt! Có người suốt đời thấy, nghe, hiểu, biết, vui, tin, ưa thực hành. Người ấy lại không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so lường, không còn khả năng tin, lia cái vui thấy nghe hiểu biết của sự vắng lặng nội thân.

Này Đàm-vô-kiệt! Như có người, suốt đời bám lấy chính mình ôm giữ tướng ngã, vui tin mà làm. Người ấy không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so lường, không còn khả năng tin vào cái vui “Không có ngã, ngã sở của cõi Uất-đơn-việt phương Bắc.”

Này Đàm-vô-kiệt! Người có thấy hiểu như vậy, không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so lường, không có khả năng tin lia các tướng thấy biết của nghĩa thứ nhất.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ta nói thân chứng pháp  
Thứ nhất là ngôn cảnh  
Lìa tướng thấy, hiểu, tranh  
Vô ngôn, nghĩa thứ nhất.*

\*\*  
\*

#### Phẩm 4: THÁNH GIẢ ĐẠI BỒ-TÁT THIỆN THANH TỊNH TUỆ THƯA HỎI

Lúc đó, Thánh giả Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ nương vào nghĩa thứ nhất vượt quá các tướng nghiêng về một phía bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo nói tướng của nghĩa thứ nhất

đế, thật là pháp mầu hiểm có, nghĩa rất sâu dày, đã vi tế càng vi tế, vượt qua mọi tư tưởng lệch về một phía, đúng là pháp rất khó chứng.

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa, tại một chỗ nọ, thấy các Bồ-tát trụ hạnh Tín địa, ngồi một chỗ, suy nghĩ về hạnh hữu vi Đệ nhất nghĩa đế, nó là một hay là khác. Trong số đó có Bồ-tát nói: “Hành tướng hữu vi khác với nghĩa thứ nhất.”

Lại có Bồ-tát nói: “Chẳng phải hạnh hữu vi khác nghĩa thứ nhất, mà hạnh hữu vi không khác với nghĩa thứ nhất.”

Lại có Bồ-tát sinh tâm nghi, khởi lên ý khác, nói như vậy: “Trong số các vị Bồ-tát này, vị nào nói chân thật, vị nào nói giả dối, vị nào tu hành pháp nhớ nghĩ chân chánh, vị nào tu hành pháp nhớ nghĩ không chân chánh?”

–Bạch Thế Tôn! Con thấy các Bồ-tát suy nghĩ như thế. Các thiện nam này đều là ngu si, chẳng phải là người có trí tuệ, không khéo biết chánh pháp, rơi vào nhớ nghĩ không chân chánh. Vì sao? Vì không có khả năng biết hạnh của hữu vi, tướng của nghĩa thứ nhất vi tế, không tướng, nó vượt qua tướng nghiêng về một phía.

Lúc đó, Đức Phật khen Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ:

–Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả thiện nam đó đều là ngu si, không có trí sáng suốt, không biết chánh pháp, rơi vào tà niệm. Vì sao? Vì do không có khả năng biết được hành tướng vi tế, tướng nghĩa thứ nhất vượt qua tướng lệch một phía. Vì sao? Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hạnh hữu vi không khác tướng của nghĩa thứ nhất, thì tất cả phàm phu ngu si, đều cũng ứng thấy nghĩa thứ nhất đế, tức là thân phàm phu, đều cũng ứng được cái vui Niết-bàn thanh tịnh vô thượng; đều cũng ứng được với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hạnh hữu vi không khác tướng của nghĩa thứ nhất, thì khi thấy Đệ nhất nghĩa đế, cũng ứng thấy hành tướng hữu vi. Nếu hành tướng hữu vi là có tướng, thì tướng liền bị trói buộc, không ứng với giải thoát. Nếu thấy thật đế không lìa tướng trói buộc, thì không ứng với giải thoát, cũng không thoát khỏi sự trói buộc

của phiền não. Do không lìa hai thứ trói buộc này, cho nên không ứng với cái vui Niết-bàn thanh tịnh vô thượng, cũng không ứng với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Vì nghĩa đó, cho nên kẻ ngu si phạm phu, không thấy thật đế, không thể từ thân phạm phu này mà chứng đắc Niết-bàn thanh tịnh và cũng không thể từ thân phạm phu này mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên, người thấy thật đế thì không ứng với hành tướng hữu vi, hành tướng nghiêng về một phía. Người ấy thấy hành tướng hữu vi, tức tướng của nghĩa thứ nhất, nghĩa của nhất dị bất thành nhất dị.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ông nên biết! Các Bồ-tát ấy nói hạnh hữu vi của tướng nghĩa thứ nhất là một, là khác. Các Bồ-tát ấy, chẳng phải có nhớ nghĩ chân chánh mà là nhớ nghĩ tà vạy.

Lại nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi, tướng nghĩa thứ nhất, cả hai không khác, thì hạnh hữu vi ấy rơi vào nhiễm tướng, tướng nghĩa thứ nhất cũng rơi vào nhiễm.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi lìa tướng nghĩa thứ nhất khác, như vậy, tất cả hạnh hữu vi không đồng với nghĩa thứ nhất.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Đệ nhất nghĩa đế không rơi vào tất cả nhiễm phiền não. Do vậy cho nên, nói hạnh hữu vi đồng tướng với Đệ nhất nghĩa đế. Thế nên, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ông không nên nói hành tướng hữu vi, Đệ nhất nghĩa đế có một, có khác.

Lại nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi và tướng Đệ nhất nghĩa, cả hai không khác, thì Đệ nhất nghĩa đế không khác tất cả các hạnh hữu vi. Tất cả hạnh hữu vi như vậy, cũng không khác tướng Đệ nhất nghĩa. Nhưng hữu vi lại khác Đệ nhất nghĩa. Nếu không khác, thì người thấy nghe hiểu biết hành tướng hữu vi sẽ thực hành như thật, không cần cầu pháp thù thắng vô thượng.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa không khác, thì hạnh hữu vi mới gọi là không ngã, không

có tướng tự thể, mới là tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu lại có lỗi lầm, nhất thời phân biệt các tướng khác nhau, cho đây là tướng nhiễm, đó là tướng tịnh. Thế nên, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Tướng Đệ nhất nghĩa khác hành tướng hữu vi, mà chẳng phải không khác hành tướng hữu vi. Thế nên, người thực hành như thật, về thấy nghe hiểu biết lại cầu ở thắng pháp. Do biết hạnh hữu vi như thật, cho nên được gọi vô ngã Đệ nhất nghĩa. Nhưng không phải trong một lúc, có hai tướng có nhiễm, có tịnh, sai khác. Thế nên, lìa hành tướng hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa không một, không khác. Nghĩa cũng không thành.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Các Bồ-tát ấy nói như vậy: “Hành tướng hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa không một, không khác.” Các Bồ-tát ấy nói như vậy thì không được gọi là khéo nói.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ông nên biết, các Bồ-tát ấy không được gọi là chánh niệm tu hành như thật. Đó gọi là tà niệm.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ví như bạch mã nào, không thể nói một, không thể nói khác. Như vậy, tiếng kim huyền vi diệu của đàn không hầu, hương thơm trầm thủy, vị cay của lá lốt, vị cay của cây Ha-lê-lặc, vị ngọt của cây mía, Đậu-la nhu nhuyễn, tô cho đến ĐỀ hồ, không thể nói một, không thể nói khác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Tất cả hạnh hữu vi, hình thể là tướng vô thường, không thể nói một, không thể nói khác. Tất cả hữu lậu với mọi tướng khổ của nó, không thể nói một, không thể nói khác. Tướng vô ngã trong tất cả pháp, không thể nói một, không thể nói khác. Tướng tham, sân, si, nhiễm, không vắng lặng, không thể nói một, không thể nói khác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như vậy tất cả hạnh hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa, không thể nói một, không thể nói khác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như vậy là ta được tế vi tế, sâu dày, thật khó chứng, vô cùng khó chứng, vượt qua khỏi “nhất dị tướng”, hiểu nghĩa thứ nhất đế. Hiểu rõ rồi, đem diễn nói mở bày và tạo dựng cho mọi người.

Lúc đó, Đức Như Lai liền nói kệ:

*Cõi hữu vi thật đế  
 Phải lìa “tướng nhất dị”  
 Nếu phân biệt một, khác  
 Là si, không chánh niệm,  
 Người ấy bị tướng trói  
 Bị phiền não ràng buộc  
 Tu Tỳ-bà-xá-na  
 Xa-ma-tha, được thoát.*

\*\*  
 \*

### Phẩm 5: TUỆ MẠNG TU-BỒ-ĐỀ THƯA HỎI

Khi ấy, Đức Thế Tôn nương vào Nhất thiết xứ, nhất vị, đẳng vị, Đệ nhất nghĩa đế, bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ông có biết! Trong tất cả cõi chúng sinh có bao nhiêu chúng sinh, nương ngã, nương mạn, nói ngã sở đắc?

Này Tu-bồ-đề! Ông có biết! Trong tất cả cõi chúng sinh có bao nhiêu chúng sinh lìa ngã, lìa mạn, nói ngã sở đắc?

Tu-bồ-đề bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với cõi chúng sinh, con thật ít thấy chúng sinh lìa ngã, lìa mạn, nói ngã sở đắc. Bạch Thế Tôn! Nhưng con thật thấy vô lượng a-tăng-kỳ bất khả thuyết chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh lại nương ngã, nương mạn, nói ngã sở đắc.

Bạch Thế Tôn! Con nhớ đời quá khứ, ở một nơi trong vườn A-lan-nhã, lúc đó có rất nhiều Tỳ-kheo đang ở xung quanh con. Bạch Thế Tôn! Lúc mặt trời lặn dần về Tây, con thấy các Tỳ-kheo ấy, tụ tập lại một chỗ đem các pháp tướng ra nói và cho là đã chứng đế pháp. Bạch Thế Tôn! Có các Tỳ-kheo bám lấy tướng của ấm nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thấy ấm sinh tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thấy ấm diệt tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo nói ấm diệt pháp.

Có các Tỳ-kheo nói ấm diệt hiện chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thấy nhập tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng mười hai nhân duyên nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng khởi hành nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo nắm lấy đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ nhân tướng của đế nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng biết đế nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo quăng bỏ đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thủ chứng đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ sự tu hành đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ giới pháp tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ nơi giới tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng đủ các loại giới tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng của vô lượng giới nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng diệt giới nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng diệt giới chứng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo như vậy ôm giữ tướng bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng của bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng bốn Niệm xứ đối trị nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng tu hành bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ bốn Niệm xứ chưa sinh làm tướng tu hành sinh khởi bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ bốn Niệm xứ đã sinh làm tướng tu hành không mất nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ bốn Niệm xứ tướng đã sinh làm tướng tu hành tăng trưởng rộng nói là chứng pháp.

Các Tỳ-kheo này ôm giữ bốn Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác đạo, chưa sinh, là sinh, là trụ, là không quên mất, là tăng trưởng, ôm giữ tướng đó nói là chứng pháp.

Bạch Thế Tôn! Con thấy các Tỳ-kheo ấy sinh ý niệm như thế. Các Tỳ-kheo này do dính mắc vào ngã tướng, ôm giữ tướng ngã mạn nên nói chứng như vậy. Vì sao? Vì không có khả năng biết tướng Đệ nhất nghĩa đế nhất vị đẳng vị. Bạch Thế Tôn! Do vậy con nghĩ: “Đức Thế Tôn ra đời thật là hiếm có! Thật hiếm có! Khéo nói pháp thù thắng Nhất thiết xứ, Đệ nhất nghĩa, Nhất vị đẳng vị rất hay, rất sâu xa, khó hiểu, khó biết. Như thế, hàng ngoại đạo làm sao có thể hiểu được!”

Đức Phật khen Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Pháp mà ta đã chứng là vi diệu và thật hết sức vi diệu; là sâu dày và cực kỳ sâu dày, khó giác ngộ và thật khó giác ngộ là tướng Nhất thiết xứ, nhất vị đẳng vị. Đệ nhất nghĩa đế là sở chứng của ta. Chứng rồi, ta vì mọi người mà mở bày, giảng nói rộng rãi, cho thật sáng tỏ, rõ ràng, cụ thể. Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Vì đó là những gì được gọi là ấm, giới, nhập, nhân duyên, khởi hành, cảnh giới thật đế, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo...

Này Tu-bồ-đề! Ta nói trong năm ấm quán thanh tịnh, ba mươi bảy phẩm là tướng Đệ nhất nghĩa. Tất cả ấm, giới, nhập, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo là tướng nhất vị, đẳng vị.

Này Tu-bồ-đề! Nương vào nghĩa này nay ông nên biết, Nhất thiết xứ, Nhất vị đẳng vị là tướng của nghĩa thứ nhất.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tỳ-kheo tu hành như thật, biết đúng như thật, một ấm như là pháp Đệ nhất nghĩa đế vô ngã; ngoài ra giới, nhập, nhân duyên, khởi hành giới, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo... thì không quán riêng pháp chân như Đệ nhất nghĩa vô ngã, chỉ nên nương và tùy thuận chân như, nương vào



pháp không hai mà chứng Nhất thiết xứ, Nhất vị đẳng vị, tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Ông nương vào nghĩa này, nên biết như vậy: Cái được gọi là nhất vị đẳng vị là tướng Đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như ấm, giới, nhập, nhân duyên, khởi hành giới, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo... ấy, có sai khác. Nếu pháp chân như Đệ nhất nghĩa để vô ngã mà có tướng sai khác, thì việc chứng đắc pháp chân như Đệ nhất nghĩa để, cũng ứng có nhân. Nếu có nhân, thì ứng với nhân mà sinh. Nếu từ nhân sinh ra thì ứng với hữu vi. Nếu là hữu vi, thì không được gọi là Đệ nhất nghĩa để. Nếu chẳng phải Đệ nhất nghĩa để, thì nên tìm cầu Đệ nhất nghĩa để.

Này Tu-bồ-đề! Thế nên, pháp chân như Đệ nhất nghĩa để vô ngã, chẳng phải từ nhân sinh, cũng không phải là pháp hữu vi, cũng chẳng phải là không Đệ nhất nghĩa để, cũng chẳng phải đó là Đệ nhất nghĩa để, phải liền cầu Đệ nhất nghĩa để. Đó là phải làm thường xuyên, luôn luôn làm. Như Lai ra đời, hoặc không ra đời, pháp tánh vẫn thường trụ, pháp giới vẫn thường trụ, pháp thể vẫn thường trụ.

Này Tu-bồ-đề! Ông nương vào nghĩa này, mà biết tất cả các pháp tướng ấy là Nhất vị đẳng vị, Đệ nhất nghĩa để.

Này Tu-bồ-đề! Ví như vô lượng sự sai biệt các thứ sắc tướng, không tướng, không có phân biệt, không có sai khác, tất cả nơi chốn, hư không, vị bình đẳng, một thể, một tướng.

Này Tu-bồ-đề! Tự tướng của tất cả các pháp là sai biệt. Nhất thiết xứ, nhất vị đẳng vị là tướng của Đệ nhất nghĩa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai ứng nói pháp  
Tất cả tướng một vị  
Không lìa nghĩa thứ nhất  
Thấy khác là kiêu ngạo.*

\*\*  
\*

## Phẩm 6: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUẢNG TUỆ THƯA HỎI

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Quảng Tuệ nương vào tướng của tâm, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói, các Bồ-tát khéo biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát khéo biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa?

Bạch Thế Tôn! Vì nghĩa gì mà Thế Tôn nói, các Bồ-tát khéo biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa?

Đức Phật khen Bồ-tát Quảng Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Quảng Tuệ! Chỉ có ông, mới có khả năng, hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa như thế.

Này Quảng Tuệ! Ông nay đã có khả năng làm an ổn cho tất cả chúng sinh và cũng khiến cho họ được đầy đủ.

Này Quảng Tuệ! Ông vì thương xót các hàng trời, người, đã làm nhiều an lạc và nhiều lợi ích cho phần đông, cho nên mới hỏi ta nghĩa như vậy.

Hay thay, này Quảng Tuệ! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông, nói về tâm ý, ý thức, nghĩa bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Đối với việc sinh tử trong sáu đường; các loài chúng sinh nào là sinh từ trứng, sinh từ bào thai, sinh do ẩm thấp, sinh do biến hóa; thọ thân, rồi sinh thân và thân được nuôi lớn. Ban đầu, tất cả chủng tử tâm tánh đó hòa hợp, không đồng, tăng trưởng, sai biệt; mọi sự thành tựu đều nương vào hai thứ chấp giữ:

1. Nương vào sắc, tâm căn mà chấp giữ.
2. Nương vào tướng không phân biệt, huân tập ngôn ngữ hý luận mà chấp giữ.

Này Quảng Tuệ! Trong cõi Sắc nương vào hai thứ chấp giữ mà sinh, trong cõi Vô sắc chẳng phải hai thứ chấp giữ mà sinh.

Này Quảng Tuệ! Thức ấy được gọi là A-đà-na thức (tâm thức). Vì sao? Vì A-đà-na thức đó bám lấy thân tướng ứng thân này. Này

Quảng Tuệ! Thức đó cũng gọi là A-lê-da thức (Thánh giả thức). Vì sao? Vì trụ dính vào thân ấy, cho nên tương ứng nhất thể.

Này Quảng Tuệ! Thức đó cũng gọi là tâm. Vì sao? Vì tâm ấy là sự tăng trưởng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Này Quảng Tuệ! Nương vào A-đà-na thức có thể sinh ra sáu thức. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thức.

Này Quảng Tuệ! Nếu một cảnh giới hiện tiền, một thức thân được phát khởi, thì không thể phân biệt ý thức liền với nhãn thức cùng lúc đều sinh ra.

Này Quảng Tuệ! Nếu hai, ba, bốn, năm cảnh giới hiện tiền, năm thức thân được phát khởi, thì không thể phân biệt ý thức liền với năm thức cùng một lúc đều sinh.

Này Quảng Tuệ! Ví như dòng nước chảy, nếu có một duyên khởi lên thì một gợn sóng sẽ nổi lên. Nếu hai, ba cho đến rất nhiều nhân duyên đồng khởi lên, thì nhiều đợt sóng lại nổi lên. Này Quảng Tuệ! Nhưng dòng nước ấy, vẫn không bị ngắt quãng.

Lại nữa, này Quảng Tuệ! Ví như mặt gương sạch không nhơ. Nếu có một hình đối diện thì liền thấy một bóng. Nếu có hai, ba hoặc nhiều hình tượng thì liền thấy rất nhiều hình tượng sai khác. Này Quảng Tuệ! Nhưng mặt gương sáng đó vẫn chiếu rõ các hình tượng, không có gì khác.

Này Quảng Tuệ! Như vậy dòng nước chảy, gương sáng, hình bóng đều nương vào A-đà-na thức, nắm giữ A-đà-na thức; nếu một nhãn thức nhân duyên hiện ra trước, thì một ý thức cùng với nhãn thức đồng thời ôm giữ lấy cảnh.

Này Quảng Tuệ! Nếu năm thức thân, năm loại nhân duyên mà nhất thời hiện ra, thì ý thức không phân biệt liền cùng với năm thức, nhất thời giữ lấy cảnh.

Này Quảng Tuệ! Như vậy, Đại Bồ-tát nương vào pháp trí trụ, sẽ khéo biết như thật tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Nhưng Phật không nói các Bồ-tát... là phải khéo hiểu biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Nếu Bồ-tát không thấy trong ngoài A-đà-na,

không thấy A-đà-na thức, có khả năng biết như thật, không thấy A-lê-da, không thấy A-lê-da thức, không có tâm hý luận, không thấy mắt, không thấy sắc, không thấy thức của mắt; không thấy tai, không thấy tiếng, không thấy thức của tai; không thấy mũi, không thấy hương, không thấy thức của mũi; không thấy lưỡi, không thấy mùi vị, không thấy thức của lưỡi; không thấy thân, không thấy tiếp xúc, không thấy thức của thân.

Này Quảng Tuệ! Bồ-tát không thấy ý trong ngoài, không thấy pháp trong ngoài, không thấy ý thức trong ngoài có khả năng biết như thật.

Này Quảng Tuệ! Ta nói, các Bồ-tát như vậy, khéo biết nghĩa thứ nhất.

Này Quảng Tuệ! Thế nên, ta nói Bồ-tát nên biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Bồ-tát hiểu biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa như vậy rồi, ta cho rằng, người này là Bồ-tát chân chánh.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Các thứ A-đà-na  
Hay sinh ra các pháp  
Ta dụ như nước, gương  
Không vì người ngu nói.*



# KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

## QUYỂN 2

### Phẩm 7: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT CÔNG ĐỨC LÂM THƯA HỎI

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Công Đức Lâm, nương vào tất cả các pháp tướng, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói các Bồ-tát khéo biết pháp tướng. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát khéo biết các pháp tướng ấy, sao gọi là khéo biết các pháp tướng?

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có khả năng biết được bao nhiêu pháp mới được gọi là khéo biết tất cả pháp tướng, đúng với Như Lai đã nói Bồ-tát khéo biết tất cả pháp tướng?

Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Công Đức Lâm:

– Hay thay! Hay thay! Nay Công Đức Lâm! Chỉ có ông mới có thể hỏi ta về nghĩa này.

Này Công Đức Lâm! Ông vì tất cả chúng sinh, mà khiến họ được đầy đủ sự an ổn, vui vẻ.

Này Công Đức Lâm! Ông có lòng thương xót tất cả hàng trời, người, làm an lạc và đem nhiều lợi ích cho phần đông; nên mới có thể hỏi ta về nghĩa này. Hay thay! Hay thay! Nay Công Đức Lâm! Ông nay hãy một lòng lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói.

Này Công Đức Lâm! Tất cả pháp tướng có ba loại tướng: Là giả đối phân biệt tướng, nhân duyên tướng và tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Công Đức Lâm! Thế nào là tướng giả đối phân biệt? Là tên gọi tướng “sở thuyết pháp thể” và đủ các loại tướng dùng gọi tên các nghĩa.

Này Công Đức Lâm! Sao gọi là pháp nhân duyên tướng? Là mười hai nhân duyên, nương vào pháp này, sinh ra pháp kia. Nghĩa là

nướng vào vô minh duyên hành, cho đến sinh đại khổ tụ xứ.

Này Công Đức Lâm! Sao gọi là các pháp Đệ nhất nghĩa tướng? Đó là thể chân như của các pháp. Các Bồ-tát chánh niệm tu hành, cho đến tâm tu hành chứng pháp không hai. Chứng pháp đó rồi mới thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Công Đức Lâm! Ví như có người mắt bị màng, nhãn thức bị mờ. Này Công Đức Lâm! Giả dối phân biệt, cũng lại như vậy.

Này Công Đức Lâm! Ví như có người mắt bị bệnh, thấy cuộn dây tơ và hạt mè xanh mà thành ra các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng...

Này Công Đức Lâm! Tướng nhân duyên cũng lại như vậy.

Này Công Đức Lâm! Ví như có người mắt sáng, không bị bệnh, thì mắt người ấy sẽ thấy cảnh giới của tự tánh không sinh sai lầm.

Này Công Đức Lâm! Tướng của Đệ nhất nghĩa cũng lại như vậy.

Này Công Đức Lâm! Ví như ở thế gian, có ngọc lưu ly trong sáng, đặt nó vào chỗ màu xanh, tức thì Nhân-đà-la màu xanh phát ra ánh sáng đại Nhân-đà-la ma-ni báu. Nhân-đà-la màu xanh và ánh sáng đại Nhân-đà-la ma-ni báu hiện ra, mê hoặc chúng sinh, nên cho báu đó là thật.

Này Công Đức Lâm! Thể lưu ly trong sáng đó, đặt trong màu đỏ, thì báu Ba-đầu ma-ni đó, phát ra màu đỏ. Chúng sinh mê hoặc, cho đó là báu đỏ.

Này Công Đức Lâm! Thể lưu ly trong sáng đó, đem đặt trong màu lục, thì báu ma-ni này, phát ra ánh sáng màu lục. Chúng sinh mê hoặc, cho là báu màu lục.

Này Công Đức Lâm! Thể lưu ly trong sáng đó đặt vào trong màu vàng, thì báu ma-ni này, phát ra ánh sáng màu vàng. Chúng sinh mê hoặc, cho đó là màu vàng.

Này Công Đức Lâm! Lưu ly trong sáng ấy, có đủ màu sắc như thế. Như vậy, trong tướng nhân duyên tha lực; hình thể của giả dối phân biệt, danh tự, chương cú, huân tập, cũng vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Như lưu ly Nhân-đà-la trong sáng ấy, nó là màu xanh Nhân-đà-la; nhân màu xanh mà có màu đỏ, màu xanh lục, màu vàng, màu vàng ròng; các báu đó mỗi mỗi hiện ra. Chúng sinh mê hoặc, cho đó là báu.

Này Công Đức Lâm! Như vậy, trong tướng tha lực nhân duyên, giả dối phân biệt, danh tự, chương cú cũng vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Như thể lưu ly trắng trong sáng đó, thì tha lực nhân duyên cũng vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Thể lưu ly trong sáng kia, không có Nhân-đà-la màu xanh, đại Nhân-đà-la màu xanh, thì không có báu màu xanh, cũng không có các báu màu đỏ, màu lục, màu vàng, vàng ròng. Như vậy, thể của báu là luôn luôn như thế, mãi mãi như thế. Tất cả thể của các loại báu, không hề có như vậy.

Này Công Đức Lâm! Đó tức là trong tướng tha lực nhân duyên, thì giả dối phân biệt, danh tự, chương cú luôn như thế, mãi mãi như thế. Nhưng với thể của giả dối phân biệt, danh tự, chương cú thì không có tướng như vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Nhưng lại cứ nương vào tướng nhân duyên danh tướng, tướng nhân duyên phân biệt.

Công Đức Lâm nên biết! Nương vào nhân duyên giả dối, dính mắc danh tướng. Thế nên thấy tha lực nhân duyên.

Này Công Đức Lâm! Nương vào tha lực nhân duyên, dính mắc vào tướng giả dối phân biệt, thấy tướng của nghĩa thứ nhất.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát đối với tướng nhân duyên ấy, có khả năng biết như thật. Đó là biết được tướng giả dối phân biệt. Bồ-tát được như vậy, thì gọi là có khả năng biết các pháp vô tướng.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát nếu biết nhân duyên pháp tướng, biết các pháp nhân duyên như thật rồi, thì có khả năng biết các pháp nhiệm tướng như thật. Biết các pháp nhiệm tướng như thật rồi thì có khả năng biết tướng của nghĩa thứ nhất. Biết tướng của nghĩa thứ nhất như thật rồi, thì có khả năng biết pháp tướng thanh tịnh như thật.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát nếu đối với pháp nhân duyên tha

lực, có khả năng biết như thật pháp vô tướng. Biết như thật rồi, xa lìa pháp nhiễm. Xa lìa pháp nhiễm rồi, liền chứng được tất cả pháp tướng thanh tịnh.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát có khả năng biết như thật pháp tướng giả dối thì có khả năng biết pháp tướng tha lực nhân duyên; có khả năng biết tướng của nghĩa thứ nhất là vô tướng; có khả năng biết như thật nhiễm tướng, tịnh tướng, lìa pháp tướng nhiễm, chứng pháp tướng tịnh.

Này Công Đức Lâm! Đại Bồ-tát nên khéo biết các pháp như vậy. Thế nên Phật nói, Đại Bồ-tát khéo biết các pháp!

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Biết các pháp như tha biết  
 Liền bỏ tướng nhiễm pháp  
 Bỏ tướng nhiễm pháp rõ  
 Chứng được pháp thanh tịnh.  
 Không quán lỗi hữu vi  
 Biếng nhác, buông lung, hại  
 Các pháp thường không động  
 Lìa tướng là Bồ-tát.*

\*\*  
 \*

### Phẩm 8: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT THÀNH TỰU ĐỆ NHẤT NGHĨA THỪA HỎI

Khi ấy, Thánh giả Bồ-tát Thành Tựu Đệ nhất nghĩa, nương vào vô thể tướng Đệ nhất nghĩa tướng, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lúc một mình con ngồi ở chỗ vắng lặng, sinh tâm thấu hiểu, bèn suy nghĩ: Đức Như Lai dùng mọi cách nói về pháp tướng tự thể của các ấm. Nghĩa là, có khả năng biết được tướng sinh diệt, lìa các nhập nhân duyên, khởi lên các hành như vậy. Nói tướng tự thể của các đế như vậy. Nghĩa là biết lìa chứng tu. Nói tướng tự thể của các giới như vậy, mỗi mỗi biệt tướng, mỗi mỗi giới tướng, vô



lượng giới tướng. Nói các Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo, tự thể, đối trị mà tu hành như vậy, chưa sinh khiến sinh, sinh rồi khiến tăng rộng.

Bạch Thế Tôn! Lại nói tất cả pháp, xưa nay không có thể tánh; tất cả pháp, xưa nay không sinh; tất cả pháp, xưa nay không diệt; tất cả pháp, xưa nay vắng lặng; tất cả pháp, xưa nay tự tánh Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Vì thế, nên con thưa hỏi Đức Như Lai về nghĩa này. Vì sao ý Như Lai nói như thế?

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa:

–Hay thay! Hay thay! Nay Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ông cứ như vậy mà chánh niệm, suy nghĩ, sinh sự thấu hiểu này. Hay thay! Nay Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chỉ có ông mới có khả năng hỏi Như Lai về nghĩa này. Vì sao? Vì ông muốn làm an lạc cho tất cả chúng sinh, làm an ổn cho tất cả chúng sinh, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, an ổn tất cả hàng trời, người, cho nên mới hỏi ta về nghĩa này.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nay ông một lòng lắng nghe ý của ta. Vì sao ta nói: Tất cả pháp xưa nay không thể tướng, tất cả pháp xưa nay không sinh, tất cả pháp xưa nay không diệt, tất cả pháp xưa nay vắng lặng, tất cả pháp xưa nay Niết-bàn.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ý của ta là nương vào ba thứ tướng vô thể của các pháp mà nói như vậy. Tất cả các pháp không có tự thể. Những gì là ba? Là nương vào các pháp không có tướng tự thể, không sinh thể tướng, Đệ nhất nghĩa đế, không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các pháp không có tướng tự thể, ấy là các tướng phân biệt. Vì sao? Vì các pháp ấy tùy danh tướng mà nói, chẳng phải có tự thể. Vì thế, ta nói không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nào là các pháp không sinh thể tướng? Nghĩa là các pháp không thể tướng. Vì sao? Vì sinh các pháp ấy phải nương vào tha lực nhân duyên, nên chẳng phải tướng tự thể. Thế nên, ta nói không sinh thể tướng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nào là Đệ nhất nghĩa không có tướng tự thể? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đệ nhất nghĩa không có tướng tự thể là thể của tất cả các pháp vốn không sinh. Thế nên, ta nói tất cả các pháp không có tướng tự thể; do nương vào nhân duyên mà sinh, do nương vào Đệ nhất nghĩa không có thể tướng. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ở trong các pháp, quán tướng thanh tịnh. Ta nói đó là tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ở trong tha lực tướng, quán thanh tịnh. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa để không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Tất cả các pháp không có tướng thành tựu. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa để không có tướng tự thể. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Vì các pháp vô ngã, vô ngã thể tướng. Thế nên, ta nói tất cả pháp không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Do pháp ấy nương vào vô thể, mà được tên. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa để, không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Như hoa giữa hư không, không có tướng tự thể. Tất cả các pháp không có tướng tự thể, cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói tất cả các pháp, không có tướng tự thể. Pháp ứng như vậy.

Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa nên biết! Ví như người làm trò ảo thuật, làm ra các sắc tượng. Các pháp nhân duyên không có tướng tự thể, cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói tất cả các pháp, không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đệ nhất nghĩa để không có tướng tự thể, cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa để không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Như hoa giữa hư không, sắc không có thể tướng, mà được tên. Như vậy, Đệ nhất nghĩa để không có tướng tự thể, cũng lại như vậy.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ý ta là nương vào ba pháp này, không có tướng tự thể, cho nên nói các pháp không có tướng tự thể.

Lại nữa, này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ý của ta là nương vào tướng, không có tướng tự thể. Thế nên nói, các pháp không có tướng tự thể. Pháp ấy xưa nay không sinh, pháp ấy xưa nay không diệt, pháp ấy xưa nay vắng lặng, pháp ấy xưa nay Niết-bàn. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu tất cả pháp không có tướng tự thể, thì pháp ấy không sinh. Nếu pháp ấy đã không sinh, thì pháp ấy không diệt. Nếu không diệt, không sinh, thì pháp ấy xưa nay vắng lặng. Nếu pháp ấy xưa nay vắng lặng, thì pháp ấy xưa nay thanh tịnh. Nếu pháp ấy xưa nay thanh tịnh, thì pháp ấy xưa nay Niết-bàn. Nếu như thế, thì pháp ấy, không có một pháp nhỏ nào có thể diệt, khiến nhập Niết-bàn.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ý ta là nương vào tướng đó, mà nói pháp ấy không có tướng tự thể. Do vậy, ta nói tất cả các pháp xưa nay không sinh.

Lại nữa, này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đệ nhất nghĩa là nương vào vô ngã mà được tên. Thế nên, ý ta nương vào Đệ nhất nghĩa không có tướng tự thể, cho nên nói, các pháp xưa nay không sinh. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Vì pháp Đệ nhất nghĩa vô ngã mà được danh. Thế nên gọi là Đệ nhất nghĩa để không có tướng tự thể, luôn luôn thế và mãi mãi như thế. Thể của tất cả pháp là thường trụ, thể của vô vi là lìa tất cả các phiền não tương ứng. Nếu pháp luôn luôn như thế, mãi mãi như thế, thì nương vào thể của pháp ấy mà trụ; pháp ấy không sinh, không diệt vì đó là vô vi. Nếu pháp vô vi thì pháp ấy xưa nay vắng lặng; Nếu pháp ấy xưa nay vắng lặng, thì pháp ấy xưa nay Niết-bàn. Do xa lìa tất cả độc hại của phiền não tương ứng, cho nên pháp Đệ nhất nghĩa vô ngã mà được tên. Ta nói các pháp không có tướng tự thể, tất cả pháp xưa nay không sinh, tất cả pháp xưa nay không diệt, tất cả pháp xưa nay vắng lặng, tất cả pháp xưa nay Niết-bàn là vì vậy.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Tất cả chúng sinh, trong cõi chúng sinh, không hay không biết thể của pháp giả dối phân biệt là sai biệt, cũng không có khả năng biết thể của pháp tha lực nhân duyên là sai biệt, cũng lại không thấy thể của pháp Đệ nhất nghĩa để là sai biệt. Thế nên, ta nói ba thứ pháp không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nhưng các chúng sinh, lại giả dối phân biệt thể tướng của các pháp, thể pháp tha lực, thể của Đệ nhất nghĩa đế; giả dối phân biệt thể tướng danh tự; nói là pháp nhân duyên, pháp Đệ nhất nghĩa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Tất cả chúng sinh là như vậy, nói như vậy, thọ dụng như vậy, tâm nương vào danh tự; tâm nương vào sự tùy thuận; tâm nương vào tên được sử dụng; nương vào sự phân biệt danh tự thể tướng, dính mắc vào thể của pháp tha lực nhân duyên, thể của Đệ nhất nghĩa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Dính mắc như vậy, như vậy. Cứ nương vào pháp tha lực như vậy, như vậy. Giả dối dính mắc vào thể pháp nhân duyên; nương vào nhân duyên đó sinh đời vị lai thể pháp tha lực, bị phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, sinh nhiễm; luân chuyển sáu đường, chịu khổ muôn đời, không thể thoát khỏi sự trói buộc của khổ sinh tử; trong các nẻo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, Trời, Người.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chúng sinh theo nghiệp không trông căn lành, không thể làm trong sạch tất cả tội nghiệp, không thể thành tựu các sức căn lành, ít tin pháp, không tích tập sự nghiệp công đức trí tuệ. Ta vì chúng sinh ấy nói các pháp không sinh. Các chúng sinh này nghe ta nói thế, nhân duyên hòa hợp, sinh hạnh hữu vi. Chúng sinh ấy biết các pháp là vô thường, không lâu bền, không thể nương tựa, lần lần chuyển diệt; đối với tất cả các hạnh hữu vi sinh tâm sợ hãi, sinh tâm xa lìa. Sinh tâm sợ hãi, xa lìa, rồi không làm ác pháp, tu hành pháp lành. Người tu hành pháp lành nương vào nhân pháp lành. Người không trông căn lành, thì nay lại trông căn lành. Người tội, nghiệp không trong sạch thì nay tội nghiệp trong sạch. Người các căn không thành thực, khiến được thành thực, nương vào sức căn lành thành thực, đó mà có thể đặt nhiều lòng tin nơi chánh pháp. Người có nhiều lòng tin nơi chánh pháp, thì có khả năng tích tập kho tàng công đức trí tuệ.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, tuy trông căn lành, cho đến tích tập tất cả các tạng công đức trí tuệ; nhưng này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, đối với thể nhân

duyên các pháp lại không sinh thể tướng và Đệ nhất nghĩa không có pháp thể tướng, không biết như thật. Do không biết như thật, cho nên, đối với tất cả các hạnh hữu vi, không sinh nhàm chán, không thể xa lìa. Thế nên, các chúng sinh ấy, không thể thoát khỏi phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Như Lai vì các chúng sinh ấy, một lần nữa, nói lại pháp ấy. Điều mà gọi là nhân duyên không thể, Đệ nhất nghĩa không thể; khiến chúng sinh ấy, đối với hạnh hữu vi, sinh tâm nhàm chán, xa lìa, liền được giải thoát phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm. Do các chúng sinh ấy, nghe ta nói thế, nên ở trong các pháp đó không sinh tướng; ở trong tất cả pháp giả dối phân biệt, ở trong nghĩa đế thứ nhất không có thể tướng; liền sinh chánh tín suy nghĩ pháp ấy để hiểu biết như thật. Đối với tha lực không sinh sự dính mắc, giả dối phân biệt thể tướng của các pháp, biết đó chỉ là tên sử dụng mà được danh; chỉ là tùy thuận tên sử dụng mà được danh, chỉ là tùy thuận tên sử dụng các phiền não ấy, mà được danh. Thế nên, các chúng sinh đó, có khả năng diệt các tướng tha lực nhân duyên, nương vào sức trí tuệ hiện pháp, cắt đứt tất cả nhân duyên vị lai. Thế nên, nương vào nhân duyên chánh kiến ấy, thì có khả năng lìa tất cả các hạnh hữu vi; nhàm chán, xa lìa các hạnh hữu vi rồi, sẽ được chánh giải thoát, xa lìa nghiệp nhiễm, phiền não nhiễm và sinh nhiễm.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chúng sinh tánh Thanh văn, nương vào đạo này, nương vào pháp này mà được Niết-bàn Thanh văn. Chúng sinh tánh Duyên giác cũng lại như vậy. Nương vào đạo này, nương vào pháp này, mà được Niết-bàn Duyên giác. Chúng sinh tánh Phật thừa, cũng lại như vậy; nương vào đạo này, nương vào pháp này, mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ta nói Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều một đạo thanh tịnh.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chỉ có một đạo thanh tịnh, chứ không có hai. Ý ta nương vào đó mà nói Nhất thừa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nhưng trong cõi chúng sinh,

chẳng phải không chủng chủng tánh, chúng sinh các căn nhu nhuyễn trung thượng!

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Người tánh Thanh văn vắng lặng, tất cả chư Phật sẽ tận lực giáo hóa, nhưng không thể khiến họ, ngồi nơi đạo tràng, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Vì tự tánh của chúng sinh ấy, xưa nay yếu kém hạn hẹp, tâm Từ bi lại cạn kiệt, luôn sợ hãi mọi khổ đau. Do Từ bi kém cỏi, cho nên không làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu chỉ sợ khổ, lìa các hạnh hữu vi, thì người ấy xa lìa lợi ích chúng sinh, xa lìa khả năng hóa độ nghiệp tội chúng sinh. Thế nên, ta nói, người ấy không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà chỉ là Thanh văn vắng lặng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thanh văn phát tâm Bồ-đề, thì ta gọi người ấy là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy, trước đã lìa chướng phiền não, được tuệ giải thoát; sau lìa trí chướng được tâm giải thoát. Bồ-tát ấy ban đầu đã được Như Lai giáo hóa, nương vào lợi ích của tự thân, mà được giải thoát. Thế nên, ta nói người tánh Thanh văn ấy là Bồ-tát.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Trong pháp lành mà ta nói, trong pháp như ý, trong pháp Tỳ-ni, trong pháp lành thanh tịnh, trong pháp thanh tịnh không có sai lầm, nương vào đủ các pháp tánh mà nói đủ các pháp tướng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ý Như Lai là nương vào ba tướng pháp vô thể này, mà nói pháp Tu-đa-la bất liễu nghĩa. Đó là điều mà gọi là các pháp xưa nay không sinh, xưa nay không diệt, xưa nay vắng lặng, xưa nay Niết-bàn.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu có chúng sinh trông tất cả căn lành tăng thượng, thanh tịnh được tội nghiệp, thành tựu các căn, có nhiều lòng tin nơi chánh pháp, khéo tích tập tất cả căn lành trí tuệ. Các chúng sinh ấy nghe ta nói pháp, có khả năng biết đúng như thật. Các chúng sinh ấy, tin pháp của ta, tin nghĩa của ta, trí tuệ quán sát

giác ngộ như thật; nương vào pháp chứng ấy, tùy thuận vào sức mà hành, mau chóng chứng đắc rốt ráo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả chúng sinh ấy, nương vào ta, đối với thân ta, sinh tâm cung kính tự nói ra: “Đây là Bạc Chánh Giác, biết tất cả pháp. Thế nên gọi là Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.”

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu có chúng sinh không trông tất cả căn lành tăng thượng, không thể thanh tịnh tất cả tội nghiệp, không thể thuần thực tất cả thiện căn, ít có lòng tin chánh pháp, không có tâm tăng thượng, không có tích tập tạng công đức trí tuệ, trực tâm thể tánh, không thể quán sát pháp đúng pháp sai, pháp nào nên giữ, pháp nào nên bỏ. Nương vào sự nhận thức của tự tâm, rồi dính mắc vào đó, mà thực hành. Các chúng sinh ấy, tuy nghe ta nói pháp, nhưng lại không biết rằng ta nương vào ý nào mà nói. Các chúng sinh ấy, tin vào pháp của ta, cung kính pháp của ta và nói rằng: “Con tin vào Tu-đa-la mà chư Phật đã nói, tướng thật sâu xa, thật sâu xa; nương không tương ứng, khó thấy khó biết, không thể hiểu được hình tướng, không thể hiểu các vi tế và rất vi tế. Người sáng suốt cảnh giới trí tuệ, Như Lai nói các nghĩa Tu-đa-la, con không thể biết, im lặng tin theo, rồi nói Bồ-đề của chư Phật sâu xa! Thể tướng của các pháp cũng lại sâu xa, chỉ có Phật mới biết, chẳng phải cảnh giới của con. Chư Phật Như Lai, tùy theo mỗi mỗi lòng tin của chúng sinh, mà nói các pháp. Do các Đức Như Lai có vô lượng trí tuệ, sự hiểu biết như biển; còn cái biết của con, thì như nước đọng dấu chân bò.” Thế nên, chúng sinh đối với Tu-đa-la, có khả năng chí tâm, thọ trì, ghi chép, chép rồi giữ gìn đọc tụng, cúng dường, truyền đạt cho mọi người tụng, thường tùy hỷ tụng cho người khác. Nhưng chúng sinh ấy, không thể tu hành như thật. Do chưa biết được ý sâu xa của ta, do bất giác vậy.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, nương vào nhân công đức trí tuệ tăng trưởng đầy đủ đó, cũng có thể khiến cho người tâm chưa thuần thực được thuần thực.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Lại có chúng sinh, trong cõi chúng sinh, không thể gieo trồng tất cả căn lành, cho đến không thể thành tựu sự nghiệp công đức trí tuệ, tâm không ngay thẳng, ý lại

quanh co. Nhưng mà chúng sinh ấy, biết được pháp đúng pháp sai, cái nào nên giữ, cái nào nên bỏ, tự trí thấy được cái nào có thể giữ, cái nào có thể bỏ. Những chúng sinh ấy, nghe ta nói pháp sâu xa, không biết ý ta, thế nên không thể biết pháp như thật. Bởi không biết pháp như thật, cho nên không có khả năng hiểu biết tất cả các pháp. Nghe tiếng đã dính mắc, nghĩa cũng lại như vậy. Do đó, tất cả các chúng sinh ấy, đều nói: “Các pháp không có thể tướng, tất cả pháp xưa nay không sinh, xưa nay không diệt, xưa nay vắng lặng, tất cả pháp xưa nay Niết-bàn.” Nhưng các chúng sinh lại nương vào cái nhân thấy đó, cho nên đối với các pháp, khởi lên tà kiến; không có các pháp tướng, rơi vào tà kiến, do thấy các pháp không không tướng. Bởi do thấy các pháp không không tướng, cho nên chê bai tất cả các pháp là không. Đó là tướng giả dối phân biệt, thể tướng của pháp nhân duyên, thể tướng của pháp Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Đây Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nương vào thể tướng nhân duyên tha lực ấy, nương vào thể tướng Đệ nhất nghĩa để, có tướng danh tự.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu chúng sinh thấy thể tướng nhân duyên, tướng Đệ nhất nghĩa mà nói là vô tướng, thì chúng sinh ấy, chê bai giả danh tướng danh tự. Thế nên, ta nói các chúng sinh ấy chê bai ba tướng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, đối với không pháp, khởi lên pháp tướng; đối với vô nghĩa sinh nghĩa tướng, không pháp nương pháp để gìn giữ, không nghĩa nương nghĩa để gìn giữ.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, nương vào ta, mà tin pháp, làm tăng trưởng pháp lành, nhưng lại cho phi nghĩa là nghĩa trí, không tăng trưởng. Người mà trí không tăng trưởng thì lia các pháp lành. Chúng sinh nghe pháp nắm giữ phi pháp mà cho là pháp, phi nghĩa mà cho là nghĩa, tức rơi vào tà kiến. Chúng sinh ấy ôm giữ không pháp cho là pháp tướng, vô nghĩa cho là nghĩa tướng. Bởi do ôm giữ không pháp cho là pháp, phi nghĩa cho là nghĩa tướng, cho nên các chúng sinh đó, đã nương vào nhận thức sai lầm nên lia các pháp lành.

Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa nên biết! Lại có chúng sinh nghe



pháp sai lệch của người tà kiến; họ cho rằng các pháp là vô thể, không sinh, không diệt, vắng lặng, Niết-bàn, nên sợ hãi kinh hoàng mà nói: “Đây chẳng phải lời Phật nói, mà là ma nói.” Thế nên, các chúng sinh tà kiến đó, chê bai các Tu-đa-la, lừa dối Tu-đa-la, hủy phá các Tu-đa-la, nói đó chẳng phải pháp. Các chúng sinh này, do chê bai pháp, nên mắc vô lượng tội, phải gánh lấy vô lượng nghiệp tội cực ác.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ta nói chúng sinh chê bai chánh pháp, thấy không có các pháp, cũng không có nghĩa, nương nghĩa đó mà nói pháp, thì phải chịu vô lượng tội nghiệp cực ác, nhưng cũng khiến cho vô lượng chúng sinh sinh nhiều tội nghiệp.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu có chúng sinh, không trông các căn lành, không thanh tịnh tội nghiệp, không thuần thực thân nghiệp, ít có lòng tin nơi chánh pháp, không có khả năng tích tập công đức trí tuệ, tâm không ngay thẳng, không tùy thuận tâm ngay thẳng; nhưng lại nương vào cái nhận thức tà trí của chính mình, mà phân biệt pháp đúng, pháp sai, pháp này có thể giữ, pháp này có thể bỏ. Các chúng sinh ấy tuy nghe pháp ta, nhưng không hiểu ý ta, không sinh lòng tin, cũng lại không có khả năng biết như thật ý ta nói. Thế nên, các chúng sinh ấy, đối với phi pháp, lại tưởng là chánh pháp; đối với phi nghĩa, lại tưởng là nghĩa; dính mắc phi pháp tưởng là chánh pháp, dính mắc phi nghĩa tưởng là chánh nghĩa. Lại còn nói: “Đây chẳng phải lời Phật nói ra, mà là ma nói.” Những chúng sinh ấy là tà trí nên mới hiểu như vậy. Từ đó sinh ra chê bai các pháp, không thuận các pháp, hủy hoại các pháp, coi thường luận pháp, đối với chánh pháp gá thêm tà pháp. Như thế là diệt Tu-đa-la, là hoại Tu-đa-la, là không thực hành Tu-đa-la, là không nói Tu-đa-la, đối với người tin Tu-đa-la lại sinh ý tưởng oan gia. Các chúng sinh ấy, có vô lượng nghiệp chướng nặng. Lại nhân cơ hội chê bai pháp rồi lại chê bai người. Do vậy, càng tăng trưởng vô lượng tội chướng. Cội rễ tội chướng ấy, không bao giờ nói hết; huống chi là tội hủy báng chánh pháp, sẽ đọa vào địa ngục lớn không có kỳ ra, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp. Số năm ấy nói mãi cũng không thể hết.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ta nay khéo nói các pháp như vậy; khéo khai thị, khéo thanh tịnh, khéo nói về mỗi mỗi lòng tin sai khác, mỗi mỗi nhận thức sai khác của chúng sinh như vậy.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Không pháp thể không sinh  
Vốn vắng lặng không diệt  
Pháp tự tánh Niết-bàn  
Thế nên ta nói thường.  
Ba thứ không thể tướng  
Đệ nhất nghĩa không thể  
Nếu hay biết ý ta  
Là người được giải thoát.  
Hướng đến pháp nhất đạo  
Các chúng sinh giải thoát  
Thế nên pháp Nhất thừa  
Tùy nghe nói sai biệt.  
Các chúng sinh vô lượng  
Là thân cầu Niết-bàn  
Như Lai rất hiếm có  
An ổn các chúng sinh.  
Nếu chúng pháp vô lậu  
Tướng bình đẳng không hai  
Thành tựu nghĩa chư Phật  
Người ấy là phiền não.*

Khi ấy, Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa bạch Đức Phật:

–Thật hiếm có! Bạch Thế Tôn! Chưa từng có, chưa từng nghe! Lời dạy của Như Lai vi tế, cực vi tế như vậy, sâu xa rất sâu xa, khó giác ngộ, thật khó giác ngộ! Ý hướng của chư Phật Như Lai khó biết.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa ý mà Như Lai đã nói; đó là cảnh giới phân biệt, nó nương vào đó mà phân biệt hành tướng hữu vi; đối với danh tự, nói sắc ấm là tướng tự thể, tướng danh là tướng

tướng. Đó là sắc ấm sinh, sắc ấm diệt, lia sắc ấm, biết sắc ấm. Thế nên, Như Lai nương vào pháp tướng ấy, nói các pháp đó là không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Cảnh giới phân biệt ấy, nương vào cảnh giới phân biệt hành tướng là tha lực tướng. Thế nên, Như Lai nương vào pháp ấy, mà nói các pháp không sinh, các pháp không thể, cũng nương vào pháp ấy, mà nói Đệ nhất nghĩa, là không thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa mà Đức Như Lai nói pháp, tức là nương vào cảnh giới phân biệt; giả dối phân biệt hành tướng hữu vi, tức là tướng giả dối phân biệt ấy. Không có tướng như vậy, tức là không thể tướng ấy. Pháp không thể tướng là vô ngã, là tướng chân như thanh tịnh quán, là Đệ nhất nghĩa. Thế nên, Đức Như Lai nương vào Đệ nhất nghĩa, nói các pháp ấy, là không thể tướng. Như một sắc ấm, nhiều ấm cũng vậy. Như vậy, mười hai nhập, mười tám giới, mỗi mỗi nhập, tất cả pháp cũng đều như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa của pháp mà Đức Như Lai đã nói. Nào là trong cảnh giới phân biệt, giả dối phân biệt những hành tướng hữu vi. Nào là Khổ đế, biết Khổ đế nương vào danh tự, nói tự thể tướng thắng tướng, giả dối phân biệt. Như Lai nương vào đó nói, các pháp không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Tướng cảnh giới phân biệt ấy, chỉ nương vào hành tướng phân biệt hữu vi, gọi là tướng nhân duyên.

Bạch Thế Tôn! Thế nên, con nói, con biết nghĩa của pháp mà Đức Như Lai đã nói. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Tức là cảnh giới phân biệt, các tướng phân biệt, nó chỉ nương vào hành tướng giả dối mà sinh. Nhưng hành tướng giả dối phân biệt ấy, không có thể như vậy, không có tướng như vậy, đó là pháp vô ngã, chân như thanh tịnh, xem xét và gọi là Đệ nhất nghĩa. Cho nên, Đức Như Lai nương vào pháp ấy, nói Đệ nhất nghĩa là không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Như Khổ đế, các đế khác cũng lại như vậy. Như thế, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Thánh đạo; nói tóm lại, tất cả các pháp cũng lại như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa của pháp mà Đức Như Lai đã nói, đối với cảnh giới phân biệt, nương vào giả đối phân biệt các hành tướng hữu vi. Chánh giác Tam-muội đối trị, đối trị sinh chánh Tam-muội. Sinh Tam-muội rồi, lại nắm giữ không quên, không mất, tu hành tăng trưởng, danh tự sở thuyết pháp tướng, thắng tướng, là phân biệt tướng. Thế nên, Đức Như Lai nương vào pháp tướng ấy, mà nói các pháp không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Cảnh giới phân biệt ấy, nương vào tha lực. Nhân duyên hành tướng là tướng tha lực. Thế nên, Đức Như Lai nương vào pháp tướng ấy, nói các pháp không có thể tướng, cũng nói Đệ nhất nghĩa không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Con biết Thế Tôn đã nói nghĩa tướng, tức là cảnh giới danh tự phân biệt; nương vào hành tướng danh tự phân biệt, thì sự phân biệt ấy không có tướng như vậy; không tướng, tức là không tướng thể. không thể pháp, là vô ngã, là quán tướng chân như thanh tịnh, tức là Đệ nhất nghĩa. Thế nên, Đức Như Lai nói các pháp, không có thể tướng là tướng Đệ nhất nghĩa.

Bạch Thế Tôn! Ví như cây cỏ thuốc Tỳ-thư-bà, nó nhiễm vào trong các cây thuốc khác và cả trong thức ăn.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói pháp cũng lại như vậy. Các pháp không thể tướng, các pháp không sinh, các pháp không diệt, các pháp vắng lặng, các pháp tự tánh Niết-bàn. Nói hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la phải đặt nó vào trong tất cả không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la.

Bạch Thế Tôn! Ví như vẽ xuống đất mỗi một tướng với các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thì sẽ có khả năng phân biệt rõ mỗi một tướng được vẽ.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói pháp, cũng lại như vậy. Các pháp không thể tướng, không sinh, không diệt, vắng lặng, tự tánh Niết-bàn. Hiểu rõ nghĩa của những lời chỉ giáo, đặt vào trong tất cả cái không hiểu rõ nghĩa, thành tướng nhất vị, cũng có thể hiểu khác cái không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la... danh tự ấy.

Bạch Thế Tôn! Ví như các món ăn, nếu đặt trong sinh tô, thì nó càng tăng thêm thượng vị. Đức Phật nói pháp này, cũng lại như vậy.

Nương vào tất cả pháp không có thể tướng, không sinh, không diệt, vắng lặng, tự tánh Niết-bàn. Nói hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la này, đặt vào trong tất cả cái không hiểu rõ nghĩa, có khả năng làm cho sự vui vẻ hớn hở tăng trưởng.

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không, nhất thiết xứ... đối với tất cả mọi loại tạo nghiệp không có chướng ngại, thấy đều thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng vậy, nói các pháp không có thể tướng, các pháp không sinh, các pháp không diệt, các pháp vắng lặng, tự tánh các pháp là Niết-bàn. Nói hiểu rõ nghĩa kinh, đối với tất cả là không hiểu rõ nghĩa kinh, thấy đồng một vị. Thành tựu cho tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật; Đại thừa tu hành, cũng không bị chướng ngại.

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa:

–Hay thay! Hay thay! Đây Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa!

Rồi khen tiếp:

–Hay thay! Hay thay! Đây Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ông có khả năng biết đúng như thật, về ý nghĩa của chư Phật Như Lai khi nói pháp. Ông nay khéo nói các nghĩa thí dụ này: Như cây cỏ thuốc Tỳ-thư-bà, như vẽ đất, như đặt thức ăn vào trong sinh tô, như hư không... như các dụ trên...

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đúng vậy! Đúng vậy! Thật đúng như lời ông nói! Ông nói không sai khác, cứ nên thọ trì như vậy.

Lúc đó, Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lúc Như Lai mới thành Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, tại vườn Tiên nhân tập, thuộc thành Ba-la-nại, đó là chỗ của các cầm thú dạo chơi, vì các vị tu hành hạnh Thanh văn; lần thứ nhất chuyển xe pháp Tứ đế hiếm có. Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian; Trời, Người, Ma, Phạm đều không thể chuyển. Nếu ai có khả năng chuyển y pháp tương ứng, thì không thể có!

–Bạch Thế Tôn! Chuyển xe pháp lần thứ hai này, nói tướng thượng pháp, có thể nhập vào pháp tướng, phân biệt các “bất liễu nghĩa” Tu-đa-la ấy. Vì các chúng sinh trụ Đại thừa mà nói các pháp

không có thể tướng, các pháp không sinh, các pháp không diệt, các pháp vắng lặng, các pháp tự tánh Niết-bàn. Trong cái hiếm có lại thêm hiếm có.

–Bạch Thế Tôn! Chuyển xe pháp lần thứ ba; vì tất cả chúng sinh trụ Đại thừa, nói các pháp không thể tướng, không sinh, không diệt, vắng lặng, tự tánh Niết-bàn; khéo nói tướng sai biệt hiếm có của bốn Đế, thật là hiếm có! Không ai có khả năng ngộ nhập, không ai có khả năng đối đáp, không ai có khả năng tranh luận không có gì sánh bằng, không có gì cao tột hơn, hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la, không còn chỗ bàn luận.

Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa lại tiếp tục bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, nghe Như Lai nói, các pháp xưa nay không thể tướng, xưa nay không sinh, xưa nay không diệt, xưa nay vắng lặng, xưa nay tự tánh Niết-bàn; có lòng tin chân chánh, ghi chép rồi thọ trì, cúng dường, ban bố cho mọi người. Lại tự nói, tự tụng, tự đọc, tu hành tùy hỷ. Như thế thì thiện nam, thiện nữ ấy, sẽ có được bao nhiêu công đức?

Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa vừa thưa xong, Đức Phật liền bảo:

–Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thiện nam, thiện nữ ấy thành tựu vô lượng a-tăng-kỳ công đức.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Công đức của thiện nam, thiện nữ ấy, không thể thí dụ được, huống gì là nói. Nói tóm lại, chỉ nêu ra một phần nhỏ nào thôi.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ví như đất trên đầu móng tay, so với đất của đại địa; trăm phần không bằng một, ca-la phần không bằng một, ưu-ba-ni-sa-đa phần không bằng một, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể bằng một.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ví như đem nước có dưới dấu chân bò, so với biển cả, trăm phần không bằng một, ca-la phần không bằng một, ưu-ba-ni-sa-đa phần không bằng một, cho đến tính đếm thí dụ cũng không bằng một.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ta nói như vậy: Tin không

hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la, cho đến tu hành không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la, công đức có được, cũng nương vào đó mà nói về hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la; đối với lòng tin, cho đến tu hành đều đạt được công đức; thọ trì đọc tụng, không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la ấy, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, vạn phần không bằng một, ca-la phần không bằng một, ưu-ba-ni-sa-đà phần không bằng một, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể biết.

Bấy giờ, Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa bạch:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn Tu-đa-la bí mật sâu xa giải thoát này, tên gọi là gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo:

–Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Pháp môn này tên là: “Đệ nhất nghĩa liễu nghĩa Tu-đa-la.” Ông nên như vậy thọ trì.

Đức Phật nói pháp môn này, có sáu ngàn chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; có ba trăm ngàn Thanh văn xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Lại có năm trăm ngàn Thanh văn được tâm vô lậu giải thoát. Bảy vạn năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhãn.



# KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

## QUYỂN 3

### Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI (Phần 1)

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Di-lặc nương vào Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na (Chỉ Quán), sở nhiếp pháp tướng, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nương vào pháp nào, nắm giữ pháp nào, ở trong Đại thừa tu hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Này Di-lặc! Nương vào tướng sai biệt để nói các pháp và có khả năng giữ vững tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Di-lặc! Như ta đã nói bốn quán pháp. Bồ-tát nương vào bốn pháp quán ấy mà tu hạnh Đại thừa Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Bốn pháp quán ấy là:

1. Phân biệt quán.
2. Vô phân biệt quán.
3. Sự biệt.
4. Việc làm thành tựu.

Bồ-tát Di-lặc thưa hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu loại Xa-ma-tha quán?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Chỉ có một Xa-ma-tha quán. Đó là vô phân biệt quán.

Bồ-tát Di-lặc lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu Tỳ-bà-xá-na quán?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Chỉ có một thứ là sai biệt quán.



Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu gọi là hưởng đến hai quán?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Có hai thứ:

1. Sự biệt.

2. Sự hoặc tự.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát nương vào bốn pháp tu hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na quán, khéo biết Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Ta đã nói pháp tướng sai biệt, cho các Bồ-tát. Đó là Tu-đà-la, Kỳ-dạ, Hòa-già-la, Na-già-tha, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-bà-đà-na, Y-đế-ưu-đa-già, Xà-đa-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đàn-ma, Ưu-bà-đề-xá.

Này Di-lặc! Tất cả Bồ-tát đối với các Tu-đà-la như vậy, phải khéo lắng nghe, miệng thường khéo tụng, tâm thường khéo biết, trí thường khéo quán, tuệ giác như thật.

Này Di-lặc! Các Bồ-tát đã khéo suy nghĩ Tu-đà-la rồi, nên ngồi ở chỗ vắng lặng mà quán sát. Quán sát tâm ấy bên trong luôn tùy thuận. Quán sát tâm như vậy, không cắt đứt tâm như vậy, thì Bồ-tát ấy, thân được vui và tâm cũng được vui.

Này Di-lặc! Đây là ta nói pháp tu hạnh Xa-ma-tha của Bồ-tát. Thân tâm của Bồ-tát ấy đã vui mừng rồi, thì nương vào thân tâm vui ấy, mà quán pháp đã được nói ra. Như vừa rồi, suy nghĩ tất cả các pháp, trong tâm quán sát cảnh tượng thế giới Tam-muội, để có khả năng tin các pháp, lìa hẳn sự suy nghĩ.

Này Di-lặc! Các Bồ-tát quán cảnh tượng Tam-muội như vậy, thì có thể biết nghĩa ấy, dò xét suy nghĩ, nhãn mong được thấy ý hiểu biết được hiện tiền.

Này Di-lặc! Ta nói, các Bồ-tát tu hành Tỳ-bà-xá-na là như vậy. các Bồ-tát cũng nên biết như vậy về Tỳ-bà-xá-na.

Lúc đó, Thánh giả Bồ-tát Di-lặc, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát trong tâm chưa được quán cảnh tượng,

chưa được thân vui; chưa được tâm vui, Đức Phật nói quán, gọi là những quán gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Chẳng phải là Xa-ma-tha, mà là tùy thuận Xa-ma-tha. Thế nên, ta nói đó là tùy thuận tín Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chưa được thân vui, thân vui, trong thân quán cảnh giới Tam-muội, suy nghĩ về pháp ấy, tâm quán như vậy; Đức Phật nói, quán ấy là những quán gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói quán ấy chẳng phải là Tỳ-bà-xá-na, mà gọi là tùy thuận tín Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nói hạnh Xa-ma-tha, hạnh Tỳ-bà-xá-na, là một hay là khác?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói chẳng phải khác, chẳng phải không khác.

Này Di-lặc! Vì nghĩa gì ta nói không khác? Vì quán Tỳ-bà-xá-na, không lìa Xa-ma-tha. Thế nên không khác.

Này Di-lặc! Vì nghĩa gì ta nói là khác? Vì quán phân biệt, cảnh tượng phân biệt. Thế nên là khác.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cảnh giới Tam-muội Tỳ-bà-xá-na là khác tâm ấy hay là không khác tâm ấy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói không khác. Nghĩa thế nào là không khác? Chỉ là tâm quán cảnh tượng ấy. Vì sao? Vì ta nói chỉ là tâm ý thức quán được danh.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu cảnh tượng của tâm ấy, không khác đối với tâm, thì sao gọi là tâm có thể quán tâm?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nơi ấy không có một pháp, có thể quán một pháp, nhưng tâm ấy sinh thì thấy ngay như vậy.

Này Di-lặc! Ví như gương sáng; nếu có cảnh tượng đối diện, thì thấy được cảnh tượng. Nhưng không khởi tâm, ta vẫn thấy cảnh tượng, nường vào cảnh tượng đó mà thấy ngay cảnh tượng. Này Di-lặc! Như tâm sinh ấy không lìa nơi tâm, lìa tâm thấy cảnh, cảnh tượng Tam-muội ấy thấy ngay cảnh giới.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cảnh giới mà tất cả chúng sinh có được sắc của tâm pháp, là khác tâm hay không khác tâm?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Không khác tâm. Nhưng vì phàm phu ôm giữ trí điên đảo, không thể biết được đó chỉ là tâm pháp. Do không biết như thật các loại cảnh tượng ấy ôm giữ điên đảo, cho là pháp điên đảo.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nhất hướng tu hành Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tùy thuận quán tâm tướng ấy không dứt. Như vậy là Bồ-tát nhất hướng tu hành Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nhất hướng quán pháp Xa-ma-tha ấy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tùy thuận quán tâm tướng ấy không dứt, thì đó là Bồ-tát nhất hướng quán pháp Xa-ma-tha ấy.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nhất thời tu hành hai pháp hòa hợp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán tâm nhất tâm, thì đó là Bồ-tát

nhất thời tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Những gì là tâm tướng?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Đó là phân biệt cảnh tượng của cảnh giới Tam-muội, quán Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là tâm tướng.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là tâm không gián đoạn?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Là quán tượng tâm Xa-ma-tha quán. Đó gọi là tâm không gián đoạn.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là tâm, nói là nhất tâm?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Là quán cảnh tượng Tam-muội ấy, để hiểu biết tâm này. Hiểu biết tâm này rồi, tu quán chân như.

Này Di-lặc! Đó gọi là nhất tâm.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hạnh Tỳ-bà-xá-na có bao nhiêu thứ?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Tỳ-bà-xá-na có ba thứ:

1. Tướng.
2. Tu hành.
3. Quán.

Này Di-lặc! Thế nào là tướng Tỳ-bà-xá-na? Nghĩa là Chỉ Quán cảnh giới Tam-muội, phân biệt cảnh tượng. Đó gọi là tướng Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Thế nào là tu hành Tỳ-bà-xá-na? Nghĩa là trí tuệ khéo thấy được đây đó pháp tướng. Đó gọi là tu hành Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Thế nào là quán Tỳ-bà-xá-na? Nghĩa là trong mỗi pháp đây đó ấy, trí tuệ khéo quán đây đó pháp tướng, nhưng không chứng được giải thoát vắng lặng ấy.

Này Di-lặc! Đó gọi là khéo quán sát tu hành Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hạnh Xa-ma-tha có bao nhiêu thứ?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Căn cứ theo pháp, trước sau có ba thứ, cũng nên biết như vậy.

Lại nữa, này Di-lặc! Xa-ma-tha có tám thứ:

1. Sơ thiền Xa-ma-tha.
2. Nhị thiền.
3. Tam thiền.
4. Tứ thiền như vậy.
5. Vô biên không xứ.
6. Vô biên thức xứ.
7. Kiến thiếu xứ.
8. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, này Di-lặc! Cũng có bốn loại Xa-ma-tha:

1. Từ Xa-ma-tha.
2. Bi Xa-ma-tha.
3. Hỷ Xa-ma-tha.
4. Xả Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Đức Thế Tôn nói, nương tựa vào Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, hay không nương tựa vào Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Bạch Thế Tôn! Thế nào là nương tựa pháp, thế nào là không nương pháp?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Như pháp đã nghe, tùy thuận pháp tướng.

Này Di-lặc! Đó gọi là nương tựa pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Lìa pháp đã nghe, suy nghĩ giữ pháp, nương theo lời dạy của người khác, mà quán nghĩa Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Nghĩa là, quán các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, hôi thối rã ra. Tất cả

hữu hành đều là vô thường, khổ; tất cả pháp đều là vô ngã, tất cả pháp đều là vắng lặng, tất cả pháp đều là Niết-bàn. Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na... cũng đều như vậy.

Này Di-lặc! Đó gọi là pháp không nương tựa Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Di-lặc nên biết! Điều mà gọi là nương tựa pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na là do ta vì lợi căn các Bồ-tát, mà tùy thuận pháp tướng nói ra như vậy.

Này Di-lặc! Không nương pháp để tùy thuận lời dạy của người khác, nhưng ta vì Bồ-tát căn cơ còn yếu mà nói ra như vậy thôi.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Đức Thế Tôn nói, có sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, hay không có sai biệt quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Bạch Thế Tôn! Thế nào là sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Thế nào là không sai biệt quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát cứ nhất nhất quán các pháp Tu-đa-la, nắm bắt những gì đã nghe, suy nghĩ các pháp, tu hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tu các pháp Tu-đa-la, mà hành trì từng đoạn, từng phần, từng tụ, suy nghĩ tất cả pháp như vậy, tùy thuận chân như, thuận theo chân như, tùy hưởng chân như. Tùy thuận chân như ấy, là tùy thuận Bồ-đề, tùy thuận Niết-bàn, tùy tâm thức chuyển, tùy thuận pháp ấy, tùy hưởng pháp ấy, có khả năng biết như thật vô lượng a-tăng-kỳ các tướng pháp lành.

Này Di-lặc! Đây gọi là không sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói: Thiếu tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; đại tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Bạch Thế Tôn! Thế nào là thiếu tướng sai biệt quán pháp Xa-

ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Thế nào là đại tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Thế nào là vô lượng tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát sai biệt quán từng mỗi một Tu-đa-la, cho đến Ưu-ba-đề-xá, suy nghĩ từng đoạn.

Này Di-lặc! Đó gọi là thiếu tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát thực hành Tu-đa-la... không sai biệt suy nghĩ từng đoạn.

Này Di-lặc! Đó gọi là đại tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát, chư Phật, Như Lai nói vô lượng pháp, vô lượng danh tự, vô lượng câu sách, vô lượng thượng thượng trí tuệ, nhạo thuyết biện tài, suy nghĩ từng đoạn.

Này Di-lặc! Đó gọi là vô lượng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát chứng đắc sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có năm cách để quán pháp ấy. Những gì là năm? Đó là:

1. Suy nghĩ Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, từng niệm diệt tất cả phiền não.

2. Thân lìa các tướng, đạt được pháp lạc.

3. Biết như thật mười phương vô lượng không ngần mé.

4. Biết ánh sáng pháp vô lượng, việc làm thành tựu tương ứng phân thanh tịnh, tướng không phân biệt hiện tiền.

5. Vì được thành tựu Pháp thân, chứng được nhân tối thượng tối thắng.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có cách nào, để tùy thuận tu hành, sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Cách nào chứng được sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Đại Bồ-tát ở bậc Sơ địa Hoan hỷ, đã tùy thuận chứng được một ít. Ở Địa thứ ba Quang minh Bồ-tát sẽ khéo chứng đắc. Di-lặc nên biết! Bồ-tát mới học, cũng phải tu hạnh sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, học tập suy nghĩ không dừng nghỉ.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na có giác có quán Tam-muội? Thế nào là không giác có quán Tam-muội? Thế nào là không giác không quán Tam-muội?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát nhiếp thọ các pháp theo những gì đã nghe, đối với tất cả tướng pháp giác quán, tùy thuận thô tế, thì có thể sinh pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là có giác có quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát đối với pháp tướng ấy, không hiểu rõ tướng tận tướng thô tế, tùy thuận pháp ấy mà tu hành, chứng đắc được pháp Quang minh chánh niệm tâm, tùy thuận tinh tế việc xem xét kỹ Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Đó gọi là không giác có quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát xa lìa tất cả tướng, tự nhiên tùy thuận pháp, suy nghĩ xem xét kỹ Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là không giác không quán Tam-muội.

Lại nữa, này Di-lặc! Mới bắt đầu tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là có giác có quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán tất cả pháp, thì đó gọi là không giác thiếu quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán pháp không sai biệt Tam-muội, thì đó gọi là không giác không quán Tam-muội.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng Xa-ma-tha? Thế nào là nắm



giữ tướng Xa-ma-tha? Thế nào là bỏ tướng Xa-ma-tha?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tâm dao động, tâm nghi hoặc, tâm sinh sợ hãi hoặc muốn xa lìa, suy nghĩ các pháp mà không cất dứt. Đó gọi là tướng Xa-ma-tha.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tâm chìm đắm, tướng nghi ngờ chìm đắm, suy nghĩ về pháp, sinh tâm vui vẻ. Đó gọi là giữ tướng Xa-ma-tha.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát hướng thẳng đến đạo Xa-ma-tha, hướng thẳng đến đạo Tỳ-bà-xá-na, quán cả hai pháp ấy mà tâm không nhiễm phiền não, suy nghĩ tự nhiên; tự nhiên, tùy thuận tu hành theo pháp ấy. Đó gọi là bỏ tướng Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn dạy, Bồ-tát tu hành pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, biết pháp như thật, biết nghĩa như thật.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát biết pháp, biết nghĩa?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết năm cách quán pháp, thì được gọi là biết pháp như thật. Những gì là năm?

1. Tên gọi.
2. Câu.
3. Chữ.
4. Sai biệt.
5. Đồng.

Này Di-lặc! Thế nào là tên gọi? Nghĩa là đối với pháp nhiễm, pháp tịnh, xem xét tự thể tướng nói pháp tướng. Này Di-lặc! Đó gọi là tên gọi.

Này Di-lặc! Thế nào gọi là câu? Nghĩa là pháp ấy có đủ các danh tướng, tích tụ pháp nhiễm, pháp tịnh là tên gọi, nương vào nắm giữ mà dùng. Đó gọi là câu.

Này Di-lặc! Thế nào là chữ? Nghĩa là tên gọi câu ấy, nương vào tên gọi một pháp. Đó gọi là chữ.

Này Di-lặc! Thế nào là sai biệt? Nghĩa là nhất nhất các pháp sai biệt đều phải quán. Đó gọi là sai biệt.

Này Di-lặc! Thế nào là đồng? Nghĩa là quán pháp không sai biệt. Đó gọi là đồng.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán như vậy, thì gọi là biết pháp như thật.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát quán nghĩa? Bồ-tát quán nghĩa có mười thứ.

1. Tu hành ứng hợp với trình độ.
2. Tu hành đạt đến chỗ rốt ráo.
3. Biết có khả năng nắm giữ nghĩa.
4. Biết có thể nắm bắt nghĩa.
5. Biết gìn giữ nghĩa.
6. Biết thọ dụng nghĩa.
7. Biết nghĩa diên đảo.
8. Biết nghĩa không diên đảo.
9. Biết nghĩa nhiệm.
10. Biết nghĩa tịnh.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát ở trong pháp nhiệm, pháp tịnh, tu hành tất cả các thứ sai biệt. Nghĩa là ấm có năm loại số, nội nhập có sáu loại số, ngoại nhập có sáu loại số, tu hành sai biệt như vậy. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát tu hành ứng hợp với trình độ.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát ở trong pháp nhiệm, tịnh, biết như thật về chân như. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát tu hành đạt đến chỗ rốt ráo.

Lại nữa, này Di-lặc! Chân như có bảy thứ. Nghĩa là vô thủy hữu vi hành tướng chân như. Tướng chân như là ngã không pháp không. Duy thức chân như là biết hành hữu vi chỉ là tâm. Dính mắc chân như là ta nói Khổ đế. Tà hạnh chân như là ta nói Tập đế. Thanh tịnh chân như là ta nói Diệt đế. Chánh tu hành chân như là ta nói Đạo đế.

Này Di-lặc! Hành tướng chân như, dính mắc chân như, tà hạnh

chân như; ba chân như này, tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Tướng chân như, duy thức chân như; hai chân như này, tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Thanh tịnh chân như, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Tu hành chân như, như nghe pháp vi diệu, sai biệt quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, thu giữ trí tuệ bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Bồ-tát có khả năng giữ nghĩa, đó là năm thứ nhập tướng và tâm ý, ý thức, tâm số pháp. Đó gọi là có khả năng giữ nghĩa.

Này Di-lặc! Có thể giữ nghĩa, đó là sáu nhập bên ngoài.

Này Di-lặc! Người hay giữ nghĩa, tức có thể giữ nghĩa. Đó gọi là biết giữ, có khả năng giữ nghĩa.

Này Di-lặc! Bồ-tát biết giữ gìn nghĩa, là thế giới trụ xứ của chúng sinh, nương vào trụ xứ ấy, có thể thấy chúng sinh. Đó là xóm, làng, ruộng, đất; trăm xóm làng đất đai, ngàn xóm làng đất đai, ngàn vạn xóm làng đất đai, thì gọi là tận bờ cõi biển cả. Trăm ngàn, trăm ngàn Diêm-phù-đề, trăm ngàn, trăm ngàn vạn, thì gọi một ngàn thế giới. Gấp trăm lần một ngàn thế giới, gấp trăm ngàn lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần, thì gọi là hai ngàn trung thế giới. Gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần hai ngàn trung thế giới, thì gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Gấp trăm lần tam thiên đại thiên thế giới, lại gấp ngàn lần, gấp ngàn lần ấy, lại gấp trăm ngàn vạn lần, gấp trăm ngàn vạn lần ấy, thì gọi là một ức. Gấp trăm lần một ức, gấp trăm lần, lại ngàn lần, gấp ngàn lần lại một ức, một ức lại ngàn ức, lại trăm ngàn ức thì gọi là một a-tăng-kỳ. Trăm ức, ngàn ức, ngàn ức, trăm ngàn ức, trăm ngàn ức a-tăng-kỳ, a-tăng-kỳ, trăm a-tăng-kỳ, trăm a-tăng-kỳ, ngàn a-tăng-kỳ, trăm ngàn a-tăng-kỳ, trăm ngàn vạn tam thiên đại thiên, trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ thế giới, trăm ngàn vạn số vi trần, mười phương thế giới, vô lượng thế giới.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết giữ gìn nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa tư sinh? Nghĩa là ta vì chúng sinh nói đủ các thứ vật dụng riêng tư cần cho đời sống.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa điên đảo? Nghĩa là nắm giữ sự thọ dụng ấy. Đối với nghĩa vô thường, lại sinh tướng luôn điên đảo, tướng tâm điên đảo, tướng thấy điên đảo; đối với khổ, sinh tướng vui điên đảo; đối với cái không sạch sinh tướng sạch điên đảo; đối với không ngã, sinh tướng ngã điên đảo, tâm tướng tâm điên đảo, tướng thấy điên đảo.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết nghĩa điên đảo.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết không phải nghĩa điên đảo?

Này Di-lặc! Là xa lìa bốn điên đảo ấy. Đó là Bồ-tát biết không phải nghĩa điên đảo.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa nhiệm tướng?

Này Di-lặc! Ở trong ba cõi, có ba thứ nhiệm tướng là phiền não nhiệm, nghiệp nhiệm và sinh nhiệm.

Này Di-lặc! Đó là Bồ-tát biết nghĩa nhiệm.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa tịnh?

Này Di-lặc! Là xa lìa ba thứ nhiệm ấy, tu hành pháp Bồ-đề phần.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết nghĩa nhiệm tịnh.

Này Di-lặc! Mười nghĩa này tóm thâu tất cả nghĩa.

Di-lặc nên biết! Đó gọi là Bồ-tát biết nghĩa tướng như thật.

Lại nữa, này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết năm pháp, thì Bồ-tát ấy, được gọi là khéo biết nghĩa. Những gì là năm?

1. Có thể biết cảnh giới.
2. Có thể biết nghĩa.
3. Biết pháp.
4. Nướng vào sự hiểu biết mà chứng quả.
5. Thọ pháp như thật.

Này Di-lặc! Thế nào là có thể biết cảnh giới?

Này Di-lặc! Tất cả cảnh giới đó là năm ấm, các nhập bên trong và các nhập bên ngoài. Đó gọi là biết cảnh giới.

Này Di-lặc! Thế nào là có thể biết nghĩa?

Này Di-lặc! Có vô lượng cách quán để biết pháp ấy như thật. Đó là thế đế, Đệ nhất nghĩa đế, pháp công đức, pháp lỗi lầm, pháp nhân duyên, pháp ba đời, pháp sinh, pháp trụ, pháp diệt, các pháp bệnh... pháp khổ tập... pháp chân như, pháp thật tế, pháp pháp giới, pháp sơ sai, pháp rộng rãi, pháp nhất hướng sai biệt thưa hỏi, pháp trả lời thẳng, pháp bí mật, pháp nói thẳng.

Này Di-lặc! Các pháp như thế, có thể biết nghĩa.

Di-lặc nên biết! Thế nào là biết pháp? Di-lặc! Là có khả năng phát sinh sự hiểu biết ba mươi bảy phẩm như bốn Niệm xứ... cho đến tám Thánh đạo.

Này Di-lặc! Đó gọi là biết pháp.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát nương vào sự hiểu biết mà được chứng pháp? Nghĩa là, diệt trừ tham, sân, si, phiền não; xa lìa tham, sân, si, phiền não, đạt được bốn quả Sa-môn. Nghĩa là, ta nói tất cả công đức của Thanh văn, Như Lai, thế gian và xuất thế gian, các công đức ấy đều chứng biết như thật.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát nương vào sự hiểu biết mà chứng pháp quả.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát thọ pháp như thật?

Này Di-lặc! Là chứng pháp ấy, biết giải thoát, thọ giải thoát, lại giảng nói, mở bày, chỉ rõ cho mọi người. Di-lặc nên biết! Năm pháp này tóm thâu tất cả nghĩa.

Lại nữa, này Di-lặc! Bồ-tát biết bốn cách quán, thì gọi là biết như thật nghĩa. Những gì là bốn?

1. Biết nghĩa tâm sinh.
2. Biết nghĩa thọ dụng.
3. Biết nghĩa tùy tâm.
4. Biết nghĩa tịnh nhiễm.

Này Di-lặc! Bồ-tát được bốn nghĩa rất ráo, cũng gọi là tóm thâu tất cả nghĩa, nên biết như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát biết như thật ba thứ pháp, cũng gọi là biết như thật nghĩa. Những gì là ba?

1. Tự nghĩa.
2. Nghĩa của nghĩa.
3. Giới nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là tự nghĩa? Đó là danh thân... Di-lặc nên biết! Đó gọi là tự nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là nghĩa nghĩa? Nghĩa nghĩa có mười thứ. Đó là thật tướng; tri tướng; viễn ly tướng; chứng tướng; tu hành tướng tức là thật tướng... ấy; chủng chủng sai biệt tướng; y chỉ sở, y chỉ tướng; ứng tướng tức là tri tướng... ấy, chướng ngại tướng; tùy thuận pháp tướng, bất tri quá cửu tướng; tri lợi ích tướng. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết tướng nghĩa nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết giới nghĩa tướng?

Này Di-lặc! Giới nghĩa tướng có năm. Đó là:

1. Thế giới.
2. Cõi chúng sinh.
3. Pháp giới.
4. Khả hóa giới.
5. Khả hóa phương tiện giới.

Này Di-lặc! Nên biết, năm giới này tóm thâu tất cả nghĩa.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Điều gọi là văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, ba nghĩa tu hành, ba tuệ này sai biệt như thế nào?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Người tu hành văn tuệ, nương theo danh tự, như nghe rồi mà không xứng ý, chẳng phải hiện tiền giải thoát, tùy thuận giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là nghĩa Văn tuệ tu hành.

Này Di-lặc! Nghĩa tư tuệ tu hành là, này Di-lặc! Tư tuệ cũng nương tựa danh tự, chỉ như nghe, mà tâm không tùy thuận như vậy, chẳng phải hiện tiền giải thoát, nhưng lại chuyển chuyển tùy thuận

giải thoát, chẳng phải hiện chứng giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là nghĩa Tư tuệ tu hành.

Này Di-lặc! Nghĩa tu tuệ tu hành là, này Di-lặc! Bồ-tát nương vào danh tự mà không nương danh tự, nương như đã nghe, không nương như đã nghe, tùy thuận tâm, tùy trí có thể biết pháp, cảnh giới Tam-muội, tướng hiện tiền, chuyển chuyển tùy thuận giải thoát, tăng trưởng giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là nghĩa Tu tuệ tu hành.

Này Di-lặc! Đó là nghĩa tam tuệ tướng sai khác.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, những gì là trí, những gì là thấy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta cho rằng, những điều ấy, có vô lượng tướng trí kiến. Nói tóm lại, đối với tướng pháp sai biệt Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, Bát-nhã đó là trí.

Này Di-lặc! Quán các pháp, không có tướng sai biệt, đó là kiến.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, dùng những tâm nào quán những pháp tướng nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Quán tâm chân như, tu hành nghĩa tướng, pháp tướng; cũng không thấy tên gọi cũng không thấy thể tướng của tên gọi, cũng không thấy tướng nhân duyên của danh tự ấy. Như vậy nên biết câu chữ, tất cả nghĩa, cho đến không thấy tướng tự thể của mười tám giới, cũng không thấy tướng nhân duyên của tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, nên biết, đó gọi là nghĩa tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành nghĩa tướng chân như, có tu hành tướng ấy không?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Hình tướng chân như là không tướng, có thể thấy. Nếu không tướng thì làm sao tu hành. Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành tướng chân như, là hàng phục tất cả pháp, tất cả nghĩa tướng. Nhưng các pháp ấy thì không thể hàng phục nghĩa tướng chân như.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thường nói, khí cụ không thanh tịnh, gương không trong sáng, các dòng nước đục không thể thấy hình bóng. Các khí cụ mà trong sáng thì thấy được hình tướng. Như vậy, bạch Thế Tôn! Người có tâm không tu hành như thật, thì không thể thấy tất cả các pháp tướng, còn người tu hành thì thấy được.

Bạch Thế Tôn! Nương vào những tâm nào để quán? Những chân như nào để quán, mà nói nghĩa như vậy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nương vào ba cách quán mà nói nghĩa như vậy. Những gì là ba? Là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Với ba cách quán, tâm có thể biết được chân như. Này Di-lặc! Ta nương vào nghĩa như vậy mà nói.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ-tát hiểu nghĩa các pháp, tu hành tướng các pháp, có bao nhiêu tướng pháp khó tu hành, dùng những pháp nào, những quán gì, để quán các pháp khó tu hành đó?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có mười thứ tướng khó tu hành, phải nương vào mười tám không, để quán tướng khó tu hành đó. Những gì là mười?

Này Di-lặc! Quán tướng pháp nghĩa, tướng chủng chủng danh tự, nương vào tất cả pháp không, có thể đoạn khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ tướng thọ dụng như thật. Đó là tướng sinh, tướng diệt, tướng trụ, tướng dị, tướng tướng ứng hành, nương tựa vào tướng không, vô thủy, không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ có thể thủ nghĩa tướng, đó là nương vào thân tướng, nương vào ngã tướng, nương vào nội không, nương vào bất kiến không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ có thể nắm giữ tướng, đó là tướng tư sinh,



nướng vào ngoài không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ nghĩa thọ dụng tướng. Nam nữ với đủ các loại tư sinh. Nghĩa là tướng trong ngoài thanh tịnh, nướng trong ngoài không, tự tánh không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ nghĩa gìn giữ, có vô lượng tướng, nướng vào đại không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ tướng vô sắc tu hành, tướng bên trong vắng lặng giải thoát, nướng vào hữu vi không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ nghĩa tướng chân như, nghĩa là ngã không pháp không, chỉ là tướng tâm Đệ nhất nghĩa, nướng vào vốn không, vô vật không, tự thể không, vô thể tự thể không, Đệ nhất nghĩa không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ tướng nghĩa chân như vô vi thanh tịnh, các tướng lìa, tướng không khác, nướng vào vô vi không, không khác không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ vô vi không, không khác không ấy, là đoạn tướng không đó. Đối trị vô vi không, không khác không, nướng vào không không, để đoạn nhị không ấy.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành mười tướng như vậy, đối với những tướng trói buộc nào mà được giải thoát?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Tu hành cảnh giới Tam-muội, thấy tướng hình tượng, bị phiền não nhiễm trói buộc, mà được giải thoát, tức là quán cảnh tượng ấy mà không nắm giữ tướng cảnh giới. Đó gọi là đoạn tướng khó tu hành ấy.

–Di-lặc nên biết! Đứng trên lập trường sai biệt mà nói, thì các cái không này đối lại với mười thứ tướng, chẳng phải cứ mỗi cái không, không có khả năng đối trị đoạn mười thứ tướng.

Này Di-lặc! Ví như vô minh, không thể sinh ra sinh, cho đến già, chết bị phiền não nhiễm... chỉ nướng vào căn bản mà nói, thì vô minh duyên hành sinh, nướng vào nhân duyên gần, nên nói như vậy.

Này Di-lặc! Nên biết nghĩa như vậy.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng không sơ lược? Bồ-tát biết tướng không ấy không mất tất cả tướng không, lia tất cả sự kiêu mạn tướng không.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Di-lặc:

–Hay thay Di-lặc! Hay thay Di-lặc! Ông nay có khả năng hỏi Như Lai về nghĩa này. Này Di-lặc! Ông có thể vì các Bồ-tát, không mất tướng không, cho nên hỏi nghĩa như vậy. Hay thay câu hỏi này. Vì sao? Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát không biết tướng không, thì mất hết tất cả pháp tướng Đại thừa.

Này Di-lặc! Ông nay hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói sơ lược nghĩa tướng không.

Này Di-lặc! Đối với tướng tha lực, tướng Đệ nhất nghĩa, tướng không nhiễm tịnh trong tất cả pháp, thì tướng giả dối phân biệt kia, thường lia tướng ấy, không thấy có tướng. Đó gọi là lược nói tướng không trong Đại thừa.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na nhiếp bao nhiêu Tam-muội?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói đủ các loại Tam-muội đó là những Tam-muội của Thanh văn, Bồ-tát, Như Lai. Nên biết các Tam-muội ấy gom thu nắm lấy tất cả Tam-muội.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na đó, có thể thành tựu nhân của những pháp nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có thể thành tựu nhân của giới thanh tịnh, có thể thành tựu nhân của văn tuệ, tư tuệ và kiến.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nhân của giới thanh tịnh văn, tư, tuệ, thành tựu những quả gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có thể thành tựu quả tâm thanh tịnh, quả trí tuệ thanh tịnh.

Lại nữa, Di-lặc nên biết! Cũng có thể thành tựu tất cả các pháp lành thế gian và xuất thế gian; thành tựu tất cả quả Thanh văn, Bồ-tát, chư Phật, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na tạo những nghiệp gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Xa lìa hai thứ trói buộc. Hai thứ đó là lìa xa tướng trói buộc và xa lìa phiền não trói buộc. Đó gọi là nghiệp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật nói có năm thứ chướng, vậy có bao nhiêu thứ chướng Xa-ma-tha, có bao nhiêu chướng Tỳ-bà-xá-na, có bao nhiêu thứ hưởng đến hai chướng?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Tiếc thân, tư sinh; hai cái này làm chướng ngại Xa-ma-tha.

Này Di-lặc! Thánh nhân đã nói: Tất cả pháp lành được nghe đều không vui, cái này hay làm chướng ngại Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Ưa ở chỗ ồn ào, được ít cho là đủ; hai cái này hay làm chướng ngại Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Di-lặc nên biết! ưa ở chỗ ồn ào thì không thể phát tâm tu hành giáo pháp; được ít cho là đủ, thì không thể rốt ráo được chỗ rốt ráo.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói có năm thứ che lấp; vậy có bao nhiêu thứ làm chướng ngại Xa-ma-tha, bao nhiêu thứ làm chướng ngại Tỳ-bà-xá-na, có bao nhiêu thứ chướng ngại hưởng đến hai pháp này?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Cái tâm ăn năn, day dứt không yên, là chướng ngại của Xa-ma-tha. Nghi ngờ và mất tri giác là chướng ngại của Tỳ-bà-xá-na. Dục, sân: Hai thứ chướng này, làm chướng ngại hưởng đến hai pháp.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là khéo thanh tịnh đạo Xa-ma-tha?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Khéo điều phục sự hôn mê mất tri giác như vậy, là khéo thanh tịnh đạo Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là khéo thanh tịnh đạo Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu có khéo đoạn trừ cái tâm ăn năn, day dứt không yên, hai thứ che lấp như vậy, thì gọi là khéo có khả năng thanh tịnh đạo Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; có bao nhiêu pháp, có khả năng biết tâm tán loạn, không gọi là tương ứng?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Bồ-tát biết năm pháp:

1. Chánh niệm tán loạn.
2. Ngoại tâm tán loạn.
3. Nội tâm tán loạn.
4. Tương tán loạn.
5. Phiền não tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát xả bỏ tướng chánh niệm Đại thừa tương ứng, theo đó nhớ nghĩ đến tướng tương ứng Thanh văn, Bích-chi-phật. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát chánh niệm tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát ngoại tâm chìm đắm năm dục, ưa thích chỗ ồn ào, chìm đắm trong các giác quán, nhớ nghĩ tùy thuận vào phiền não. Đó gọi là ngoại tâm tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát mất khả năng tri giác, bất lợi, tâm chìm đắm trong Tam-muội và ngoài Tam-muội, chìm đắm trong Tam-ma-bà-đề, đó là chỗ để đắm chìm. Này Di-lặc! Đó gọi là nội tâm tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát nương vào ngoại tướng, nội thân, Tam-muội cảnh giới tướng suy nghĩ. Đó gọi là tướng tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát nương vào nội tâm suy nghĩ về nhân duyên, sinh giác quán phiền não. Như vậy, tâm là ngã. Này Di-lặc! Đó gọi là tâm phiền não tán loạn.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; từ Bồ-tát Sơ địa cho đến Như Lai địa, đối trị những pháp nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; đối với Sơ địa, nó đối trị nghiệp ác đạo phát sinh phiền não nhiễm. Trong Địa thứ hai, đối trị lỗi lầm vi tế. Trong Địa thứ ba, đối trị lỗi lầm ham muốn, đạt được pháp lành. Địa thứ tư, đối trị với ái được tâm Tam-ma-bạt-đề. Địa thứ năm, đối trị lỗi lầm thế gian, Niết-bàn, nhất hưởng hiện tiền, không nhất hưởng hiện tiền. Địa thứ sáu, đối trị các lỗi của hành tướng. Địa thứ bảy, đối trị lỗi hành tướng vi tế. Địa thứ tám, đối trị lỗi của hạnh vô tướng, hạnh tự nhiên. Địa thứ chín, đối trị tất cả lỗi nói pháp không được tự tại. Địa thứ mười, đối trị lỗi chưa được Pháp thân đầy đủ.

Này Di-lặc! Trong Địa thứ mười một, đối trị chướng ngại của trí tế, cực tế, vi tế.

Này Di-lặc! Bồ-tát cắt đứt tất cả chướng đó rồi, liền được Nhất thiết trí không chướng ngại, thành tựu pháp mong cầu, được Pháp thân thanh tịnh.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, nương

vào bảy thứ Chân như làm gốc. Ví như nghe, rồi suy nghĩ pháp, nhập vào định tâm, tức là đã nhớ nghĩ pháp ấy. Như văn, tư, tuệ, khéo suy nghĩ sai biệt trong tâm quán chân như ấy. Bồ-tát quán pháp chân như đó, còn xả tâm tu hành vi tế, hướng là pháp thô thiển!

Này Di-lặc! Thế nào là tu hành tâm tướng vi tế? Nghĩa là sinh tâm thức, thọ tâm thức, nhiễm tịnh thức, trong ngoài và hai sự tu hành lợi ích tất cả chúng sinh. Trí chân như là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, hữu vi, vô vi, thường, vô thường. Khổ tập không khác, tự tánh nghiệp là tướng hữu vi. Tất cả nhân vô ngã, pháp vô ngã tướng, các pháp như vậy là tu hạnh xả tâm.

Này Di-lặc! Bồ-tát phát tâm tu hành như vậy, tu hành nhiều như vậy, trong từng sát-na lia tất cả sự che lấp, đạt được tâm thanh tịnh. Được tâm thanh tịnh rồi, nhập vào bảy chân như. Nên biết, trong thân đã chứng bảy thứ giác tướng ấy.

Này Di-lặc! Đó gọi là Đại Bồ-tát đạt được Kiến đạo. Bồ-tát đạt được trí Kiến đạo rồi, thì gọi là Bồ-tát định tụ, sinh vào nhà Phật, thọ dụng lợi ích vui vẻ ở Địa thứ nhất. Bồ-tát này trước đã tu hành đạo Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, nên đối với pháp này được xem xét rõ ráo. Bồ-tát này tu hành trong các Địa càng cao hơn, nhớ nghĩ đến hai quán đó, nên lia các tướng vi tế.

Này Di-lặc! Giống như có người khéo léo, dùng cái chốt nhỏ, để đẩy cái chốt lớn.

Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, quán tướng nội tâm, lia tất cả các phần tướng nhiễm. Lia các phần tướng nhiễm rồi, lia sự nắm bắt tất cả các tướng pháp lành. Lia sự nắm bắt tất cả các tướng pháp lành rồi, lia tất cả tướng. Như vậy, lần lượt trong các Địa thượng thượng, nhớ nghĩ pháp tướng tự, trong tâm thanh tịnh, cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như vậy là sự tu hành giác hạnh đã được thành tựu.

Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành như vậy, sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.



# KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

## QUYỂN 4

### Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI (Phần 2)

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát, hiện được quả thù thắng vi diệu?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát, có khả năng biết như thật sáu pháp, thì người ấy đạt được quả Bồ-tát vi diệu. Những gì là sáu? Đó là:

1. Khéo biết tâm sinh.
2. Khéo biết tâm trụ.
3. Khéo biết tâm khởi.
4. Khéo biết pháp lai.
5. Khéo biết pháp lành tăng trưởng.
6. Khéo biết phương tiện khéo léo.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết tâm sinh? Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết mười sáu loại tâm sinh. Nghĩa là không hay, không biết, không động, khí thế gian thức. Ví như A-đà-na thức, nắm lấy đủ các tướng quán thức. Ví như nhất thời nắm lấy sắc... có thể nắm lấy, cảnh giới không phân biệt, ý thức, biết sắc trong ngoài. Trong khoảng một niệm, nhập vào vô lượng Tam-muội, thấy vô lượng cõi Phật, thấy vô lượng chư Phật.

Này Di-lặc! Tướng nhỏ quán tướng ứng thức. Ví như tướng cõi Dục, tướng ứng thức.

Này Di-lặc! Tướng lớn quán tướng ứng thức. Ví như tướng cõi Sắc, tướng ứng thức.

Này Di-lặc! Tướng vô lượng quán tướng ứng thức. Ví như tất cả

hư không, tất cả tướng thức, tướng ứng thức.

Này Di-lặc! Tướng rất nhỏ quán tướng ứng thức. Ví như tướng nhỏ tướng ứng thức.

Này Di-lặc! Tướng rộng khắp quán tướng ứng thức. Ví như phi tướng phi phi tướng tướng ứng thức.

Này Di-lặc! Tướng vô cùng nhỏ quán tướng ứng thức. Ví như tướng xuất thế gain tướng ứng thức.

Này Di-lặc! Tướng khổ quán tướng ứng thức. Ví như ác đạo thức.

Này Di-lặc! Tướng tạp tướng thọ quán tướng ứng thức. Ví như cõi Dục thức.

Này Di-lặc! Tướng vui quán tướng ứng thức. Ví như Sơ thiên, Nhị thiên thức.

Này Di-lặc! Tướng ưa thích quán tướng ứng thức. Ví như đệ Tam thiên thức.

Này Di-lặc! Tướng không khổ, không vui quán tướng ứng thức. Ví như đệ Tứ thiên cho đến phi tướng phi phi tướng thức.

Này Di-lặc! Tướng nhiễm quán tướng ứng thức. Ví như nhiễm phiền não tùy thuận phiền não thức.

Này Di-lặc! Tướng pháp lành quán tướng ứng thức. Ví như tu hành tín... tướng ứng thức.

Này Di-lặc! Tướng vô ký quán tướng ứng thức. Ví như xa lìa hai pháp thức ấy.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết các pháp sinh.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết như thật các pháp trụ?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát có khả năng biết như thật, thì chỉ là thể của thức. Đó gọi là Bồ-tát biết các pháp trụ.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khó biết các pháp khởi?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát có khả năng biết như thật hai thứ tướng phiền não trói buộc, biết điều đó rồi, liền suy nghĩ bỏ pháp ấy.

Này Di-lặc! Bồ-tát như vậy là khéo biết các pháp khởi.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết pháp lai?



Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát khéo biết phiền não ấy đối trị tâm tăng trưởng. Biết các pháp tăng trưởng rồi, thì gọi là Bồ-tát khéo biết pháp tăng trưởng của ta.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết các pháp hạ?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết đối trị pháp ấy, tướng phiền não nhiễm, tâm hạ tổn, khéo biết các pháp tổn.

Này Di-lặc! Đó là Bồ-tát khéo biết các pháp hạ.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết phương tiện khéo léo?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán sát chỗ tất cả nhập hơn cả giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát khéo biết phương tiện khéo léo.

Này Di-lặc! Đại Bồ-tát khéo biết như vậy, tu hành hạnh Bồ-tát, thì có khả năng đạt được quả Bồ-tát tối thắng vi diệu. Tất cả Bồ-tát ở quá khứ cũng như vậy. Tất cả Bồ-tát vị lai cũng như vậy. Tất cả Bồ-tát hiện tại cũng như vậy, tu hành hạnh Bồ-tát thì được quả Bồ-tát vi diệu.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói, trong cảnh giới Vô dư Niết-bàn, tất cả thọ diệt hết, không còn gì.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là thọ tướng, mà nói rằng tất cả thọ tướng diệt?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Lược nói, có hai thứ thọ diệt, đó là kiến thân thọ tướng diệt, thọ cảnh giới quả ấy thọ tướng diệt.

Này Di-lặc! Thân thọ tướng diệt, là nên biết, có bốn thứ thọ:

1. Nướng vào sắc thọ tướng.
2. Nướng vào phi sắc thọ tướng.
3. Thành tựu quả thọ tướng.
4. Không thành tựu quả thọ tướng.

Này Di-lặc! Thành tựu quả thọ tướng là hiện tiền thọ tướng. Không thành tựu quả thọ tướng là thọ nhân đời vị lai. Cảnh giới của

quả báo thọ tướng, cũng có bốn thứ. Đó là trụ trì thọ tướng, tư sinh thọ tướng, thọ dụng thọ tướng và đối thọ tướng.

Này Di-lặc! Trong cảnh giới Hữu dư Niết-bàn, chẳng phải thành tựu thọ tướng quả, mình xúc thọ tướng thọ. Thế nên, nương vào đó, đối với tất cả thọ tướng, chưa diệt do có thừa thọ tướng.

Này Di-lặc! Thành tựu quả tướng thọ tướng tất cả thứ, hai thọ tướng diệt đó chỉ có mình xúc thọ tướng thọ. Trong cảnh giới Vô dư Niết-bàn, thọ ấy cũng diệt. Vì trong vô dư Niết-bàn không có mình xúc tướng. Thế nên ta nói, trong vô dư Niết-bàn, diệt tất cả thọ tướng.

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Hay thay! Hay thay! Này Di-lặc! Ông nương vào sự tu hành như thật, nên mới hỏi Thế Tôn về hành tướng thanh tịnh đầy đủ của Bồ-tát.

Này Di-lặc! Ông đối với pháp, tu hành như thật, khéo học đầy đủ, cho nên mới hỏi ta về hành pháp như thật.

Di-lặc nên biết! Ta cũng đã khéo nói pháp tu hành thanh tịnh đầy đủ của Bồ-tát.

Này Di-lặc! Chư Phật quá khứ, cũng nói như vậy; chư Phật vị lai, cũng nói như thế; chư Phật hiện tại, cũng nói như vậy. Các thiện nam đời quá khứ vị lai và hiện tại cũng hỏi như vậy. Thế nên, các thiện nam, thiện nữ... phải nên hết lòng thực hành hạnh Bồ-tát.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Trong hạnh nói pháp này  
 Nếu người không buông lung  
 Người trí nghĩ chân chánh  
 Hay được đạo Vô thượng.  
 Nếu người nắm pháp tướng  
 Muốn được thể pháp ấy  
 Là hạnh như thật đó  
 Không địa bất tương ưng.  
 Thấy là tánh chúng sinh  
 Lợi chúng sinh dưng mãi*

*Được tướng không dính mắc  
Tất cả xuất thế gian.  
Vì muốn cầu thuyết pháp  
Người ấy lại được pháp  
Được pháp bảo vô giá  
Khất cầu hạnh thế gian.  
Giải thoát các hý luận  
Tinh tấn hành kiên cố  
Vì lợi ích chúng sinh  
Tu hành thật hạnh này.*

Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh Thâm Mật Giải Thoát này nên gọi pháp môn đó là gì, phụng trì ra sao?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Pháp môn này tên là Tu Hành Liễu Nghĩa Tu-đa-la Như Thật, ông nên phụng trì.

Khi Đức Phật nói về Tu Hành Liễu Nghĩa Tu-đa-la Như Thật này, có sáu ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba ngàn Thanh văn xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Mười vạn năm ngàn Thanh văn lìa các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Bảy vạn năm ngàn Bồ-tát được quán thành tựu tu hành như thật của Đại thừa.

\*\*  
\*

### Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN TỰ TẠI THỪA HỎI (Phần 1)

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã vì các Bồ-tát nói sự sai biệt của mười Địa như Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Quang minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiền tiền địa, Viên hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa; thứ mười một là Phật địa.

Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu thứ thanh tịnh? Nhiếp các Địa này có bao nhiêu phần?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có bốn thứ thanh tịnh, mười một phần nhiếp các Địa này, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Tăng thượng thanh tịnh nhiếp Địa thứ nhất; tăng thượng giới thanh tịnh nhiếp Địa thứ hai; tăng thượng tâm thanh tịnh nhiếp Địa thứ ba; tăng thượng tuệ thanh tịnh nhiếp Địa thứ tư; cho đến thượng thượng thắng diệu, sau Địa thứ tư cho đến Phật địa.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết đó là bốn thứ thanh tịnh nhiếp các Địa.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là mười một phần, nhiếp nghĩa các Địa?

Này Quán Thế Tự Tại! Từ lúc Bồ-tát khởi tín hạnh Địa, tu hành mười thứ tín tâm, có khả năng khéo suy nghĩ Bồ-tát thừa. Việc tu hành tín hạnh địa vượt hơn tín địa ấy, nhập vào định tụ, đầy đủ phần ấy.

Này Quán Thế Tự Tại! Các Bồ-tát đó tuy đầy đủ các phần ấy, nhưng trong hạnh vi tế, không có khả năng tu hành như thật, nên các Bồ-tát đó chưa đầy đủ các phần đó; vì muốn đầy đủ, cho nên tinh tấn mong cầu được phần đầy đủ; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể đầy đủ thế gian Tam-muội Tam-ma-bạt-đề như thật và chưa đầy đủ Văn trì Đà-la-ni. Các Bồ-tát này, không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ, cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc phần đầy đủ ấy; tuy đầy đủ phần ấy, như Bồ-đề phần; nhưng vẫn chưa thể tu hành như thật; tâm không thể xả bỏ Tam-muội ái pháp. Các Bồ-tát không thể đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ, cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu được đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể quán sát như thật tất cả các đế, cũng không thể xả bỏ phương tiện đã nhiếp Tu-bồ-đề phần; Niết-bàn thế gian nhất hương hiện tiền, nhất hương không hiện tiền. Các Bồ-tát ấy không thể đầy đủ phần đó, vì muốn đầy đủ, cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu, chứng đắc đầy đủ phần ấy;

tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể biết như thật các sinh tử thế gian; hiện tại thấy tu hành, vô tướng chánh niệm, không có khả năng tu nhiều. Các Bồ-tát này không thể đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể biết như thật vô gián bất đoạn, vô tướng chánh niệm, không có khả năng tu nhiều. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy nhưng vẫn không thể đối với các tướng của đủ các loại danh tự vô ngại mà nói tất cả các pháp và không có khả năng nói pháp tự tại. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu được đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy nhưng vẫn không thể đối với các tướng của đủ các loại danh tự vô ngại mà nói tất cả các pháp và không có khả năng nói pháp tự tại. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng không thể đầy đủ Pháp thân và không có khả năng được thọ lạc Pháp thân. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng không thể được ở trong tất cả các cảnh giới tướng, không chướng, không ngại, đầy đủ trí tuệ. Các Bồ-tát không đầy đủ phần ấy vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy được đầy đủ phần ấy rồi, gọi là đầy đủ tất cả Bồ-đề phần. Được đầy đủ Bồ-đề phần thì gọi là Phật.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, mười một phần như vậy nhiếp các Địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Có gì Thế Tôn nói Địa thứ nhất là Hoan hỷ địa, cho đến Phật địa gọi là Phật địa?

Đức Phật nói:

– Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát ban đầu lia sinh tử, được lợi lớn xuất thế gian, được thanh tịnh thù thắng, vi diệu hoan hỷ, phấn khởi. Thế nên Địa thứ nhất gọi là Hoan hỷ địa. Xa lia tất cả những

cái nhỏ nhất chướng ngại, phá giới, thế nên thứ hai gọi là Ly cấu địa. Nướng vào ánh sáng trí tuệ vô lượng, chiếu rạng ngời các Tam-muội và Văn trì Đà-lân-ni mà đạt được sự tự tại phóng ánh sáng; thế nên thứ ba gọi là Quang minh địa. Lửa trí hừng hực đốt sạch phiền não tập cấu của Bồ-đề phần; thế nên, thứ tư gọi là Diệm địa. Khó vượt nhưng đã vượt qua phương tiện tu hành Bồ-đề phần đó; thế nên, thứ năm gọi là Nan thắng địa. Chánh niệm tư duy các hạnh hữu vi, hiện tiền chứng biết các pháp vô tướng; thế nên, thứ sáu gọi là Hiện tiền địa. Không gián, không đoạn, vô tướng chánh niệm, từ xa đã nhập hạnh vi diệu, gần với thanh tịnh địa; thế nên, thứ bảy gọi là Viễn hành địa. Không có các tướng, tướng tu hành tự nhiên không thể lay động; thế nên, thứ tám gọi là Bất động địa. Nói tất cả pháp, tất cả các loại trí, vô ngại tự tại, được trí to lớn, kẻ khác không thể hàng phục; thế nên, thứ chín gọi là Thiệt tuệ địa. Thân chúng sinh phiền não lỗi lầm như hư không; Pháp thân Như Lai cũng giống như đám mây lớn che mát cõi chúng sinh, hiện ra nói pháp; thế nên thứ mười gọi là Pháp vân địa. Lìa tất cả vô minh, tập khí nhỏ nhất, lìa tất cả cảnh giới, tập khí trí chướng, không chướng, không ngại, tự tại trong tất cả pháp; thế nên, thứ mười một gọi là Phật địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các địa này có bao nhiêu thứ vô minh, có bao nhiêu thứ chướng đối?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có hai mươi hai thứ vô minh, mười một thứ chướng đối.

Này Quán Thế Tự Tại! Đối với Địa thứ nhất dính mắc vào nhân ngã, pháp ngã vô minh và ác đạo phiền não nhiễm tướng vô minh, mê muội chìm đắm trong hai con đường ấy, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ hai, lỗi vi tế vô minh và các nghiệp đạo vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ ba, muốn cầu pháp vô minh, muốn đầy đủ văn trì Đà-la-ni vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó,

cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ tư, yêu thích Tam-ma-bạt-đề vô minh và yêu thích pháp vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ năm; đối với thế gian chánh niệm suy nghĩ, chẳng phải nhất hướng trái với thế gian, chẳng phải nhất hướng hiện thế gian vô minh; đối với Niết-bàn chánh niệm suy nghĩ, chẳng phải nhất hướng trái với Niết-bàn, chẳng phải nhất hướng thú Niết-bàn vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ sáu, không biết như thật hạnh hữu vi hiện tiền vô minh, tích tập nhiều tướng vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ bảy, tướng hạnh vi tế vô minh, nhất hướng suy nghĩ phương tiện vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ tám, không tự nhiên không tướng vô minh, các tướng không được tự tại vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ chín, nói pháp vô lượng, danh cú vô lượng, trí tuệ vui nói tối thượng Đa-la-ni vô minh, nhạo thuyết biện tài tự tại vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ mười, đại thông vô minh; nhập vào bí mật vi tế vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Phật địa, với tất cả cảnh giới cực vi tế vô minh, tha chướng vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là hai mươi hai thứ vô minh, mười một thứ chướng, nói các Địa sai biệt.

Này Quán Thế Tự Tại! Nhưng bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không tướng ứng với các pháp này.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại khen ngợi:

–Thật hiếm có! Bạch Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là lợi lớn quả lớn. Các Bồ-tát phải cắt đứt lưới lớn vô minh chìm đắm, cũng diệt tất cả rừng rậm giả dối đối ngại, mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Quán Thế Tự tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói các Địa này có bao nhiêu việc thù thắng?

Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có tám thứ thanh tịnh:

1. Tâm ngay thẳng thanh tịnh.
2. Lòng lành thanh tịnh.
3. Lòng thương xót thanh tịnh.
4. Đáo bỉ ngạn thanh tịnh.
5. Thấy chư Phật cúng dường thanh tịnh.
6. Giáo hóa chúng sinh thanh tịnh.
7. Sinh thanh tịnh.
8. Sức thanh tịnh.

Này Quán Thế Tự Tại! Đối với Địa thứ nhất, từ tâm ngay thẳng thanh tịnh, cho đến sức thanh tịnh. Lại có thượng thượng địa cho đến Phật địa, cũng tâm ngay thẳng thanh tịnh, sức thanh tịnh, thanh tịnh cực thanh tịnh, tăng thượng thanh tịnh, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Trừ Phật địa, sinh thanh tịnh, nghĩa là các công đức Địa thứ nhất, của các Địa tiếp theo, cho đến thượng thượng địa, thì công đức của Địa thứ nhất ấy, bình đẳng, không sai khác. Nhưng trong từng địa, có công đức thù thắng, nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có gì Đức Thế Tôn nói trong tất cả các sinh, các Đại Bồ-tát sinh là tối thắng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có bốn pháp, đó là:

1. Khéo tập hợp các căn lành thanh tịnh.
2. Được nội tâm phương tiện.
3. Khởi đại Từ bi cứu độ các chúng sinh.
4. Chính mình không dính mắc và cũng có khả năng khiến cho tất cả chúng sinh không dính mắc.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có gì Đức Thế Tôn nói, các Bồ-tát có khả



năng phát tất cả diệu nguyện, thắng nguyện, thù thắng lực nguyện?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có bốn pháp.

1. Bồ-tát có khả năng biết như thật cái vui Niết-bàn vi diệu, mau chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

2. Lại có thể xả bỏ sự mau chóng chứng được hạnh vui Bồ-đề thắng diệu.

3. Không vì báo ân mà phát đại tâm.

4. Vì lợi ích chúng sinh trong sáu đường mà nhiều kiếp chịu mọi khổ não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nên ta nói, các Đại Bồ-tát diệu nguyện, thắng nguyện, thù thắng lực nguyện.

Bồ-tát Quán Thế Tự tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có bao nhiêu thứ việc phải học?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Tự Tại:

–Này Quán Thế Tự Tại! Việc học của Bồ-tát có sáu. Đó là:

1. Bồ thí ba-la-mật.
2. Trì giới ba-la-mật.
3. Nhẫn nhục ba-la-mật.
4. Tinh tấn ba-la-mật.
5. Thiền định ba-la-mật.
6. Trí tuệ ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáu thứ học này, có bao nhiêu tăng thượng giới học? Bao nhiêu tăng thượng tâm học? Bao nhiêu tăng thượng tuệ học?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Ba pháp học đầu, là Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật là tăng thượng giới học. Thiền định ba-la-mật là tăng thượng tâm học. Trí tuệ ba-la-mật là tăng thượng tuệ học. Tinh tấn ba-la-mật có mặt khắp cả các Ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, ba thứ tăng thượng nhiếp sáu thứ việc phải học.

Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáu pháp tu hành này, có bao nhiêu công đức trang nghiêm? Bao nhiêu trí tuệ trang nghiêm?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Tăng thượng học giới là công đức trang nghiêm. Tăng thượng tuệ học là trí tuệ trang nghiêm. Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật có khắp các Ba-la-mật. Nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát học các học này?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có năm cách quán pháp để học về các học này. Những gì là năm? Nghĩ là nương vào các Ba-la-mật mà nói pháp; nương vào Bồ-tát tạng từ đầu cho đến tít tâm.

Lại có mười thứ pháp hạnh, tu hành văn, tư, tu, tuệ, trí như thật, đạt được các tâm Bồ-đề, gần kề bạn lành, tu hành tất cả các căn lành không dứt.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đây gọi là Bồ-tát học các việc phải học.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các việc phải học này, có gì nói là sáu thứ số?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có hai nghĩa. Những gì là hai?

1. Năm bắt lấy tất cả chúng sinh.

2. Đối trị các chướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Ba thứ học năm bắt lợi ích chúng sinh; ba thứ học để đối trị các chướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát tu hành về Bồ thí ba-la-mật, đem lợi ích tư sinh năm bắt chúng sinh. Bồ-tát tu hành Giới ba-la-mật,

không nào không hại, đem vô úy thí nắm bắt chúng sinh. Bồ-tát tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật, lấy tâm không báo oán nắm bắt chúng sinh.

Này Quán Thế Tự Tại! Đem ba học này mà nắm bắt chúng sinh.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát tu hành Tinh tấn ba-la-mật, làm chuyển động các phiền não, sát hại các sử; trong phần tu hành không bị phiền não làm động. Bồ-tát tu hành Thiền ba-la-mật trói chặt các phiền não. Bồ-tát tu hành Trí tuệ ba-la-mật cắt đứt tất cả sử.

Này Quán Thế Tự Tại! Ba thứ Ba-la-mật này, đối trị sở tri phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có gì Đức Thế Tôn nói, ngoài bốn Ba-la-mật, chỉ có bốn số?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Vì muốn thành tựu sáu Ba-la-mật bạn, cho nên nói có bốn Ba-la-mật khác.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát có ba Ba-la-mật nắm bắt chúng sinh, việc đó phải có sự phương tiện, để nắm bắt chúng sinh đặt vào trong pháp lành. Thế nên, ta nói phương tiện Ba-la-mật cùng với ba Ba-la-mật kia là bạn.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát hiện thân, nương vào nhiều phiền não mà loạn tâm ấy, không thể tu hành các pháp như thật, nhưng lại tin vui, ít hành, ít pháp, tâm ngay thẳng mỏng manh, không thể nắm lấy sự chánh định trong tâm, nghe Bồ-tát tụng như để nghe mà xem xét, chứ không thể nhập định, không thể khởi trí xuất thế gian, chỉ tu một ít phần công đức về tướng trí tuệ trang nghiêm. Nương vào ít phần trí tuệ trang nghiêm đó, làm mỏng dần phiền não ở vị lai, mà khởi nguyện. Bồ-tát tu hành Nguyện ba-la-mật này, nguyện đời vị lai, làm mỏng các phiền não, có khả năng thành tựu Tinh tấn ba-la-mật. Thế nên, ta nói, Nguyện ba-la-mật cùng làm bạn với Tinh tấn ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát gần gũi với bạn lành tri thức, cho

nên nghe được chánh pháp, có khả năng suy nghĩ mà như thật tùy thuận, tu hành như thật, chuyển tâm mỏng manh tăng trưởng sức lạnh. Đối với pháp giới chân như, được sức tăng thượng, đó là Bồ-tát Lực ba-la-mật định được nội tâm. Thế nên, ta nói Lực ba-la-mật cùng làm bạn với Thiền ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát nương vào Bồ-tát tạng, xét chân chánh văn, tuệ, tu Thiền ba-la-mật. Đó là Bồ-tát Trí ba-la-mật. Bồ-tát này nương vào Trí ba-la-mật để có khả năng phát sinh Trí tuệ ba-la-mật xuất thế. Thế nên, ta nói Trí ba-la-mật cùng làm bạn với Trí tuệ ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cổ gì Đức Thế Tôn nói sáu Ba-la-mật thứ lớp như vậy.

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nương trước sau thượng thượng chuyển thắng. Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát xa lìa thọ dụng của lòng ham muốn, thọ trì giới trong sạch. Thọ trì trong sạch giới rồi có khả năng nhịn nhục các ác. Có khả năng nhịn nhục các ác rồi, thì có khả năng sáng suốt tiến tới. Có khả năng thành tựu sự sáng suốt tiến tới rồi, thì có thể nhập vào các thiền. Có khả năng nhập vào các thiền rồi, thì có khả năng được trí tuệ xuất thế gian.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nên, ta nói sáu Ba-la-mật thứ lớp là như vậy. Phải nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói các Ba-la-mật, mỗi thứ có bao nhiêu sai biệt?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Các Ba-la-mật mỗi thứ có ba sai biệt.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ thí ba-la-mật có ba thứ là Bồ thí pháp, bồ thí của cải và bồ sự không sợ hãi. Giới ba-la-mật có ba thứ: Giới lìa các ác, hạnh giới, tu các hạnh lành giới, lợi ích cho cõi chúng sinh. Nhẫn nhục ba-la-mật có ba thứ: Nhẫn các ác nhẫn, nhẫn các khổ nhẫn, nhẫn các pháp nhẫn. Tinh tấn ba-la-mật có ba thứ: Tinh tấn

phát khởi, tinh tấn tu hành pháp lành, tinh tấn vì lợi ích chúng sinh. Thiên ba-la-mật có ba thứ: Không phân biệt vắng lặng, cực vắng lặng, đối trị phiền não, thọ vui mà hành thiên; khởi các công đức mà hành thiên; khởi lợi ích chúng sinh mà hành thiên. Trí tuệ ba-la-mật có ba thứ: Xét xem thế đế bằng trí tuệ, xem xét Đệ nhất nghĩa bằng trí tuệ, xét xem lợi ích chúng sinh bằng trí tuệ.

Này Quán Thế Tự Tại! Đây là các pháp Ba-la-mật, mỗi pháp đều có ba thứ sai biệt. Nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nghĩa gì nói các Ba-la-mật là Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có năm loại nghĩa, gọi là Ba-la-mật. Đó là không chìm đắm, không hy vọng, không lỗi lầm, không phân biệt và hồi hướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Không chìm đắm là không dính mắc vào các việc trái với Ba-la-mật.

Không hy vọng, là đối với các Ba-la-mật lãnh nhận và chịu sự quả báo, trong báo ân không có tâm mong cầu.

Không lỗi lầm, là xa lìa các Ba-la-mật, không có pháp phương tiện tập nhiễm.

Không phân biệt, là trong các Ba-la-mật, không như đã nghe mà dính mắc tự tướng.

Hồi hướng là đem những gì đã tu tập đã làm về các Ba-la-mật, hồi hướng về quả đại Bồ-đề.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nên, ta nói đó là Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các việc trái với Ba-la-mật có bao nhiêu thứ?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Việc trái với Ba-la-mật, có sáu thứ. Đó là, đối với năm dục tư sinh tự tại; ta thọ vui thấy lợi ích công đức mà tự tại; tùy việc làm của thân, miệng, ý, mà tự tại; đối với người khác coi thường làm cho bực tức, tâm không có sự chịu đựng nhịn nhục, dính mắc vào các thứ vui tự thân, chỉ nhớ nghĩ chuyện thế gian, tu

hành tán loạn; đối với việc thấy, nghe, giác tri, danh tự phân biệt ở thế gian, cho đó là công đức cao hơn cả.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là các việc, trái với Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là quả báo của các Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Quả báo của các Ba-la-mật, có sáu thứ nên biết. Những gì là sáu? Đó là:

1. Đạt được nhiều của cải.
2. Hưởng đến con đường lành.
3. Không có các oán địch.
4. Không hoại.
5. Nhiều vui thích.
6. Thường vì các chúng sinh, không hại tự thân, có sức oai đức

lớn.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó là sáu thứ quả báo của các Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là pháp tạp nhiễm của các Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Các Ba-la-mật có bốn thứ hành không như pháp, gọi là tạp nhiễm. Những gì là bốn? Đó là:

1. Không hạnh từ tâm.
2. Không hạnh chánh niệm.
3. Không đoạn ác hạnh.
4. Không hạnh chí tâm.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là suy nghĩ không chân chánh?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Đó là tu hành các Ba-la-mật, lìa trừ hạnh Ba-la-mật. Đó là suy nghĩ không chân chánh.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát không có hạnh phương tiện tu hành?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nếu Bồ-tát tu hạnh Ba-la-mật, nắm lấy chúng sinh, chỉ cho họ ăn uống, những vật cần thiết và sự vui thích rồi cho là đã đầy đủ; mà không có khả năng khiến họ lìa chỗ ác đến ở trong chỗ lành. Đó gọi là Bồ-tát không có phương tiện tu hành. Vì sao? Này Quán Thế Tự Tại! Chẳng phải đem cho đồ ăn, thức uống, các thú vui như vậy mà gọi là lợi ích.

Này Quán Thế Tự Tại! Ví như phân uest dù nhiều dù ít, không ai có khả năng khiến chúng phát ra mùi thơm.

Này Quán Thế Tự Tại! Tất cả hành khổ hữu vi là như vậy; tự tánh các khổ của tất cả chúng sinh, đồ ăn, thức uống, đời sống, sự nắm lấy chúng sinh, không thể là vui.

Này Quán Thế Tự Tại! Nếu đặt chúng sinh vào trong chỗ vui rốt ráo của pháp thượng lành đệ nhất, thì đó mới gọi là nắm lấy và đem lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật có bao nhiêu thứ thanh tịnh?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Ta không nói lìa năm thứ thanh tịnh thì lại có thanh tịnh. Này Quán Thế Tự Tại! Nhưng ta sẽ nương vào năm thứ thanh tịnh này, nói rộng nói hẹp về các tướng Ba-la-mật thanh tịnh.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là nói hẹp về các tướng Ba-la-mật thanh tịnh?

Này Quán Thế Tự Tại! Tất cả Ba-la-mật, có bảy thứ thanh tịnh. Những gì là bảy? Đó là:

1. Bồ-tát lìa ngã nói pháp.
2. Lại đối với người khác không câu trí tuệ.
3. Thấy các pháp này không sinh dính mắc.
4. Biết tất cả pháp có khả năng giữ đại Bồ-đề.

5. Không sinh ý khác, nghi khác, không khen chính mình, không chê bai người khác, không khinh khi, không kiêu mạn, không buông lung.

6. Được chút ít pháp lành không cho là đã đầy đủ.

7. Được các pháp này rồi, đối với người khác lạ không sinh tâm ganh ghét keo kiệt.

Này Quán Thế Tự Tại! Đây gọi là nói hẹp về các thứ thanh tịnh của các Ba-la-mật, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Ta lại nói rộng về tướng các Ba-la-mật thanh tịnh, nương vào bảy thứ ấy nói các Ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là bảy? Này Quán Thế Tự Tại! Ta nói bảy thứ thanh tịnh về Bồ thí ba-la-mật của các Đại Bồ-tát tu hành như thật. Những gì là bảy? Đó là:

1. Nương vào tâm Bi mà Bồ thí thanh tịnh.
2. Bồ thí thanh tịnh tức là giới thanh tịnh.
3. Kiến thanh tịnh.
4. Tâm thanh tịnh.
5. Khẩu thanh tịnh.
6. Trí thanh tịnh.
7. Ý thanh tịnh.

Nên biết, đó là bảy thứ thanh tịnh của Bồ thí ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Như vậy giới Ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh. Những gì là bảy? Đó là:

1. Đại Bồ-tát đối với Bồ-tát phải thọ trì giới.
2. Biết tất cả giới như thật.
3. Có khả năng biết như thật lìa tất cả các pháp lỗi.
4. Pháp ấy thường giữ giới kiên cố.
5. Hết lòng với giới.
6. Luôn tùy thuận giới.
7. Đối với việc học phải giữ giới như thật.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là bảy pháp thanh tịnh của giới Ba-la-mật.



Này Quán Thế Tự Tại! Như vậy Nhẫn nhục ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh là:

1. Bồ-tát tự tin nghiệp báo, đối với tất cả các việc không có ích, tâm không sân hận.

2. Nếu có người đến mắng chửi, hoặc hành hung, hoặc đánh đập, tất cả việc ác ấy áp đến thân mình, nhưng mình không sinh tâm báo oán.

3. Không ôm ấp hận thù.

4. Nếu người ấy hối hận đến xin lỗi, mình cũng ghi nhận việc đó, không để cho họ buồn.

5. Không mong cầu việc của người khác cầu.

6. Không vì sợ hãi, không vì ăn uống mà thực hành nhẫn nhục.

7. Thọ ân người khác không quên sự báo đáp.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là bảy thứ thanh tịnh của Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Tinh tấn ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh là:

1. Bồ-tát biết như thật tinh tấn bình đẳng.

2. Không vì tinh tấn mà đề cao chính mình, coi thường người khác.

3. Thân thể vững vàng như ngọn núi không lay động.

4. Luôn siêng năng tinh tấn.

5. Đối với các pháp lành khởi tâm tinh tấn không dừng nghỉ.

6. Tâm không khiếm nhược.

7. Vững vàng việc tu hành.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là bảy thứ thanh tịnh của tinh tấn ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Thiên Ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh. Đó là:

1. Bồ-tát khéo quyết định.

2. Biết các tướng Tam-muội Thiên ba-la-mật.

3. Đầy đủ Tam-muội Thiên ba-la-mật.

4. Biết như thật hai phần Tam-muội Thiên ba-la-mật, biết tùy thuận pháp Thiên ba-la-mật như thật.

5. Không nương vào Tam-muội Thiên ba-la-mật.

6. Khéo rèn luyện các nghiệp đã làm lành Tam-muội Thiên ba-la-mật.

7. Quán Bồ-tát tạng vô lượng Tam-muội Thiên ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là bảy thứ thanh tịnh của Thiên ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Trí tuệ ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh. Đó là:

1. Lìa sự chê bai không có trong đạo Bát-nhã.

2. Nương vào lực trí tuệ có khả năng biết như thật nghĩa ba giải thoát, là không, vô tướng, vô nguyện.

3. Có khả năng biết như thật ba thứ phân biệt tha lực Đệ nhất nghĩa đế.

4. Có khả năng biết như thật tự thể của ba loại danh tướng, sinh tướng và Đệ nhất nghĩa tướng.

5. Có khả năng biết như thật năm minh và chân lý thế gian; có khả năng biết như thật Đệ nhất nghĩa đế.

6. Đối với bảy thứ chân như không phân biệt, không hý luận.

7. Nỗ lực tu hành nhất vị, quán pháp vô lượng sai biệt, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, tùy theo sự ghi nhận mà tu hành thành tựu như thật.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là bảy thứ thanh tịnh của Trí tuệ ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Năm thứ quán này, trong mỗi mỗi loại quán, có ba nhiều nghiệp?

Đức Phật nói:

– Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, năm thứ quán này đều có năm nghiệp. Đó là:

1. Bồ-tát không vào quả báo trước mắt, luôn hết lòng thực hành

các Ba-la-mật không hề buông lung.

2. Không mong cầu vào sự báo ân, nắm giữ đời vị lai không có buông thả, không có các lỗi lầm, mà có khả năng tạo đầy đủ các việc lành, khéo thanh tịnh khéo bạch tịnh, tu các Ba-la-mật.

3. Nướng vào phương tiện khéo léo không phân biệt, mau chóng được viên mãn các Ba-la-mật.

4. Nướng vào sức hồi hướng của tất cả chỗ sinh để được quả báo lành.

5. Nướng vào sự tu hành như thật các Ba-la-mật, không bao giờ cùng tận, cho đến khi đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là các Ba-la-mật nghiệp sai khác của Bồ-tát.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này cái nào là tối thắng?

Đức Phật nói:

– Này Quán Thế Tự Tại! Không tham lam gian lận trong đời sống, không dính mắc quả báo, hồi hướng đại Bồ-đề.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó gọi là cao tột hơn hết.

Quán Thế Tự Tại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp không nhiễm?

Đức Phật nói:

– Này Quán Thế Tự Tại! Không có các lỗi, không có phân biệt. Nên biết, đó gọi là pháp không nhiễm.

Quán Thế Tự Tại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là minh diệu?

Đức Phật nói:

– Nên biết đó là duyên diệt của các pháp.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát bất động địa?

Đức Phật nói:

– Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát nhập vào địa Hoan hỷ thứ nhất có đầy đủ lực lớn, đối với các pháp không thoái chuyển. Nên biết,

đó gọi là Bồ-tát Bất động địa.

Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp nào là pháp thanh tịnh của Bồ-tát?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là đầy đủ Thập địa, cho đến đầy đủ Phật địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có gì các Ba-la-mật của Bồ-tát không tận? Yêu thích quả báo cũng không tận?

Đức Phật nói:

–Nên biết, đó là nhân sinh và diệu quả đắp đổi cho nhau.



# KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

## QUYỂN 5

### Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN THẾ TỰ TẠI THỪA HỎI (Phần 2)

Thánh giả Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Có gì các Bồ-tát tâm không thích nhiều quả báo của Ba-la-mật, mà lại rất ham thích các hạnh Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

– Nay Quán Thế Tự Tại! Nên biết có năm pháp, đó là: Vui với cái vui mừng rỡ tăng thêm; nắm giữ lợi mình và lợi người; vui với đời vị lai; vui với báo ân; không dính mắc các pháp, không mất pháp ấy.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này, mỗi pháp có bao nhiêu sức thù thắng vi diệu?

Đức Phật nói:

– Nay Quán Thế Tự Tại! Nên biết, các Ba-la-mật này, mỗi pháp đều có bốn sức thù thắng vi diệu. Đó là: Bồ-tát tu hành các Ba-la-mật, xa lìa tâm xan lận ganh ghét, xa lìa tâm phá giới, xa lìa tâm sân hận, xa lìa tâm biếng nhác, xa lìa tâm tán loạn, xa lìa tâm các kiến. Có khả năng thành tựu các công đức Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trước mắt thân nắm lấy thân của mình và thân của người. Ở đời vị lai, có khả năng đạt được quả báo tốt đẹp rộng lớn vô tận.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này những gì là nhân? Những gì là quả? Những gì là lực?

Đức Phật nói:

–Đại Bi là nhân; ham thích nắm giữ chúng sinh là quả; có khả năng đầy đủ Bồ-đề là lực. Nên biết như vậy.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả vật chất của các Bồ-tát, tùy ý mà sử dụng không thể cùng tận. Bồ-tát lại có tâm đại Bi thương xót, thì có gì chúng sinh ở thế gian chịu mãi nỗi khổ nghèo cùng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Các chúng sinh này, tự gây ra nghiệp tội lỗi. Bồ-tát với lòng từ thường muốn cho tất cả chúng sinh giàu có, vui thích vô tận; trong lòng lúc nào cũng giữ vững niềm thương nhớ không chút lay động.

Này Quán Thế Tự Tại! Nếu các chúng sinh, tự mình không gây ra tội chướng, thì chúng sinh ở thế gian không có nghèo cùng.

Này Quán Thế Tự Tại! Ví như tất cả các ngạ quỷ bị cái khát bức bách, nhưng từ xa trông thấy mọi sông, suối, biển cả đều khô cạn. Như thế, đâu phải là lỗi của sông, suối, biển cả. Bởi do các ngạ quỷ này, tự gây ra nghiệp báo. Các vị Bồ-tát đã đem tất cả của cải cho chúng sinh. Như biển cả ấy, không có lỗi lầm. Nhưng các chúng sinh phải tự chịu khổ nghèo cùng. Như các ngạ quỷ ấy tự tạo ra ác nghiệp, cho nên có quả báo như vậy. Đó chẳng phải là lỗi của Bồ-tát.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là Ba-la-mật của Bồ-tát nắm giữ các pháp không thể tướng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Trí tuệ ba-la-mật nắm giữ các pháp không thể tướng.

Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Trí tuệ ba-la-mật của Bồ-tát nắm giữ các pháp không có thể tướng, thì có gì, Trí tuệ ba-la-mật không nắm giữ các pháp có thể tướng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Ta nói nắm giữ không thể tướng.

Không thể tướng ấy có nghĩa là ông chớ dính mắc vào ngôn ngữ. Vì sao? Vì pháp không thể tướng, là tất cả danh tự, ngôn ngữ; nội thân chứng pháp không thể đem tên gọi câu pháp ra để nói. Ta chỉ nương vào tên gọi, lời nói của trí tuệ để nắm giữ các pháp không thể tướng.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo như lời Đức Thế Tôn nói, các Ba-la-mật, tùy cận Ba-la-mật, đại Ba-la-mật.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Ba-la-mật? Thế nào là cận Ba-la-mật? Thế nào là đại Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát từ vô lượng kiếp đã tu hành bố thí... và các Ba-la-mật; có khả năng đạt được tất cả pháp lành rất ráo. Nhưng Bồ-tát ấy còn đủ tánh phiền não, hiện hành trong tâm, phiền não đó không làm nhiễm Bồ-tát, trái lại, Bồ-tát có khả năng hàng phục phiền não. Đó là tín hạnh địa đối với nhu nhuyễn tín tâm để tu các hạnh. Đây gọi là Ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Lúc còn ở trong vô lượng kiếp, tu hành pháp lành tăng thượng rất ráo, tâm hành phiền não; Bồ-tát ấy, có khả năng hàng phục phiền não, phiền não không thể hàng Bồ-tát. Nghĩa là chưa nhập được Địa thứ nhất, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là cận Ba-la-mật.

Lại nữa, này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp, tu hành rất ráo pháp lành thượng thượng, tất cả phiền não không hiện hành trong tâm của Bồ-tát ấy. Đó là từ Địa thứ nhất đến Địa thứ tám, Địa thứ mười.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó gọi là đại Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong các Địa này, có bao nhiêu phiền não kết sử?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có ba thứ phiền não kết sử. Hại bạn sử phiền não, bạc sử phiền não, vi tế sử phiền não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là hại bạn sử phiền não? Nghĩa là từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ năm không câu sinh phiền não, nhưng lại câu sinh phiền não bạn, hại bạn sử phiền não không hiện hành trong tâm Bồ-tát ấy. Thế nên, ta nói hại bạn sử phiền não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là bạc sử phiền não? Nghĩa là, Địa thứ sáu, Địa thứ bảy, vi tế vô minh sử phiền não được Bồ-tát tu hành, làm cho mòn đi vô minh phiền não đó. Đó gọi là bạc sử phiền não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là vi tế, cực vi tế phiền não? Là từ Địa thứ tám đến các Địa thượng thượng, tất cả vô minh kết sử phiền não không hiện hành trong tâm, chỉ có chương vi tế của tất cả cảnh giới.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó gọi là ba thứ kết sử phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo lời Đức Thế Tôn nói, Bồ-tát cắt đứt tất cả lỗi lầm, tức là cắt đứt các sử.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đoạn bao nhiêu lỗi lầm mới gọi là cắt đứt các sử?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát đoạn ba thứ lỗi lầm, thì mới có thể cắt đứt các sử. Những gì là ba? Là da, da trong và xương.

Này Quán Thế Tự Tại! Ban đầu, cắt đứt chướng ngại của da, lia được lỗi lầm thứ nhất. Kế đến, cắt đứt chướng ngại của da trong, lia được lỗi lầm thứ hai. Tiếp nữa, là cắt đứt chướng ngại của xương, lia được lỗi lầm thứ ba. Ta nói rằng, đến giai đoạn này là dứt sạch tất cả sử. Nên biết, đó gọi là Phật địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp, mới đoạn được các lỗi ấy?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Phải trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp vô lượng thời, vô lượng tháng, vô lượng nửa tháng, vô lượng đêm, vô



lượng ngày, vô lượng niệm, vô lượng sát-na, vô lượng vô-hầu-đa, vô lượng la-bà kiếp... mới đoạn được các lỗi ấy. Nên biết như vậy.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong các Địa này, phiền não của các Bồ-tát, có những tướng gì? Có những công đức nào? Cúi xin Đức Thế Tôn nói điều đó để cho con được biết.

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, không có nhiễm tướng sinh các phiền não; có vô lượng công đức sinh các phiền não. Vì sao? Vì tự tánh của Bồ-tát ở trong Địa thứ nhất, đã chứng đối với tất cả pháp giới, khéo có khả năng hiểu biết tất cả pháp giới. Thế nên, Bồ-tát có khả năng biết như thật, các phiền não sinh, chứ chẳng phải là không biết. Thế nên trong tự thân không có nhiễm tướng, do không thể sinh các lỗi lầm khổ sở, nên không có các lỗi và vì cội chúng sinh mà cắt đứt nhân quả. Vô lượng công đức của Bồ-tát sinh các phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại khen ngợi:

–Thật là hiếm có, bạch Thế Tôn! Là đại Bồ-đề thì có khả năng làm lợi ích lớn. Do các Bồ-tát sinh các phiền não, hàng phục tất cả Thanh văn, Duyên giác, tất cả căn lành, hưởng gì là vô lượng các công đức khác.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn nói, Thanh văn thừa, Đại thừa là Nhất thừa. Vì ý gì mà Đức Thế Tôn nói như thế?

–Này Quán Thế Tự Tại! Trong Thanh văn thừa, ta nói đủ các loại pháp; nào là năm ấm, sáu nhập trong, sáu nhập ngoài... Những pháp như thế, ta nói đó là pháp giới một nhất vị, nhưng Thanh văn thì không thể hay biết. Thế nên, ta nói có đủ các loại thừa.

Này Quán Thế Tự Tại! Có chúng sinh, nghe nói như vậy, phân biệt rồi dính mắc, người ấy không biết thể của Nhất thừa, bám lấy các thừa, để chứng cho được pháp ấy. Mỗi người nắm giữ mỗi thừa khác nhau, rồi cùng nhau tranh luận. Nên biết ý ta là như vậy.

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Mỗi mỗi các pháp tướng  
 Ta nương một lý, nói  
 Sinh ra hiểu thấp kém  
 Ta gọi là Nhị thừa.  
 Như nghe tiếng phân biệt  
 Nhưng không biết nghĩa ấy  
 Nên các thừa trái nhau  
 Chúng sinh kiêu mạn, tranh.  
 Biết diệu tướng các Địa  
 Và các chỗ nguyện sinh  
 Thắng tướng đối trị này  
 Ta nói là Đại thừa.*

Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Trong Tu-đa-la Thâm Mật Giải Thoát thì pháp môn này tên là gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Tự Tại:

– Này Quán Thế Tự Tại! Tu-đa-la này tên là Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa Pháp Môn, nên thọ trì như vậy.

Lúc Phật nói kinh Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa này, có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát được Đại thừa Quang minh Tam-muội.

\*\*  
 \*

### Phẩm 11: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHÁP VƯƠNG TỬ THƯA HỎI

Khi ấy, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, nương vào sở tác trụ trì nghiệp sai biệt của Như Lai, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai có những tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Tu hành như thật Thập địa Ba-la-mật, chuyển thân thành tựu được Pháp thân vi diệu. Nên biết, đó gọi là tướng Pháp thân của chư Phật Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp thân của chư Phật, có hai thứ tướng không thể nghĩ bàn; đó là Pháp thân là các hý luận, lia tất cả các hành tướng hữu vi nhưng các chúng sinh lại dính mắc vào hý luận, vào hành tướng hữu vi.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thanh văn, Duyên giác đã đạt sự chuyển thân, thì gọi là Pháp thân, hay không phải Pháp thân?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Không phải Pháp thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không phải là Pháp thân thì là thân gì?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Gọi là thân giải thoát, chứ không phải là Pháp thân. Thanh văn, Duyên giác nương vào thân giải thoát; chư Phật Như Lai chuyển thân, ấy là bình đẳng. Nhưng Pháp thân của Phật sai biệt thù thắng. Pháp thân thù thắng là hơn hẳn tất cả Thanh văn, Duyên giác, công đức vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ, thù thắng, đặc biệt, kỳ lạ không thể thí dụ. Vì để phân biệt, đối trị điên đảo, cho nên người ấy nói Như Lai sinh.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật sinh ra đời, có những tướng gì?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hóa thân sinh tướng, tướng tùy thế giới, tướng của tất cả loài, tất cả công đức trang nghiêm gìn giữ sẽ tương ứng. Nên biết, đó là tướng hóa thân sinh ra thế gian.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng Pháp thân chư Phật Như Lai thì không sinh.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con làm sao biết được tướng phương tiện hiện ra sự hóa thân đó?

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả cõi Phật trong tam thiên đại thiên

thế giới; ở những nhà có thế lực lớn và nhà có ruộng phước; cùng lúc có sự hạ cung nhập thai, rồi trụ thai và xuất thai; sinh rồi lớn lên thọ vui năm dục, rồi thực hành đại Xả, xuất gia, khổ hạnh, chứng Bồ-đề, chuyển bánh xe pháp, rồi nhập Niết-bàn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, đó gọi là phương tiện hiện ra sự hóa thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nương vào sức gìn giữ Pháp thân của Như Lai, có bao nhiêu ngôn ngữ nói pháp cho chúng sinh? Như Lai nói pháp nương vào đó, có thể giáo hóa chúng sinh, người chưa được thuần thục khiến được thuần thục; người được thuần thục rồi, khiến được giải thoát.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai có ba ngôn ngữ, đó là nói Tu-đa-la, Tỳ-ni và Ma-đắc-lặc-già (là Khế kinh, Luật tạng và Luận tạng). Này Văn-thù-sư-lợi! Đó là ba thứ nên biết.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là Tu-đa-la? Những gì là Tỳ-ni? Những gì là Ma-đắc-lặc-già?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Một ít pháp sự ta đã nói, đó gọi là Tu-đa-la. Một ít pháp sự là bốn việc, là chín việc, là hai mươi chín việc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bốn việc là việc nghe, việc quy y, việc học, việc Bồ-đề. Đó là bốn việc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói chín việc là việc chỉ bày bố thí; việc chỉ cho chúng sinh cách thọ dụng; chỉ việc sinh; chỉ việc sinh trụ; chỉ việc nhiếp tịnh; chỉ đủ các loại việc; chỉ việc hay nói; chỉ việc có thể nói; việc của quyền thuộc. Đó gọi là chín việc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói hai mươi chín việc là việc nương vào phiền não đối nhiếp các hành. Việc tùy thuận. Thế nào là việc tùy thuận? Là tùy thuận tướng người ấy, đời vị lai sinh việc nhân, nương vào pháp tướng ở vị lai mà hành nhân. Việc nương vào tịnh phần quán, tức là việc tu hành xứ ấy. Việc khiến tâm trụ. Việc hiện thân

thọ lạc pháp hạnh. Việc vượt qua tất cả khổ quán hạnh, tức là biết việc ấy như thật. Việc ấy có ba thứ: Nướng vào điên đảo nắm giữ, nướng vào tướng chúng sinh, bên ngoài quán tướng tà hạnh nắm giữ, trong tâm không kiêu mạn nắm giữ. Việc tu hành trụ. Việc hiện chứng. Việc tu hành. Việc tác hướng kiên cố. Việc quán chín thứ ấy. Việc quán sát xa lìa không xa lìa phương tiện. Việc hưởng tán loạn. Việc không tán loạn, không mất. Việc tu hành không chướng ngại. Việc tu hành lợi ích. Việc hưởng đến kiên cố. Việc hưởng đến thật chứng ấy. Việc đầy đủ được Niết-bàn, Như Lai khéo nói pháp Tỳ-ni. Việc thế gian chánh kiến vượt hơn tất cả thù thắng của ngoại đạo. Việc không tu hành pháp ấy. Vì sao? Đây Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với pháp Tỳ-ni của Như Lai đã khéo nói, mà không thể tu hành, thì khiến cho pháp lành thoái lùi, đó không phải là lỗi tà kiến.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng Tỳ-ni?

–Đây Văn-thù-sư-lợi! Tướng Tỳ-ni là: Ta vì Thanh văn và các Bồ-tát, nói Ba-la-đề-mộc-xoa (giới luật) và pháp tương ứng Ba-la-đề-mộc-xoa. Đó là việc Tỳ-ni.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có bao nhiêu pháp, để nhiếp Ba-la-đề-mộc-xoa?

Đức Phật nói:

–Đây Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có bảy pháp để nhiếp Ba-la-đề-mộc-xoa; đó là Bồ-tát biết nói pháp thọ trì, biết nói việc Ba-la-di (trọng tội), biết nói việc lỗi lầm, biết nói cái thể của việc lỗi lầm, biết nói cái thể của việc không lỗi lầm, biết nói về việc khởi lên lỗi lầm, biết nói về việc mất pháp thọ trì.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là bảy pháp nhiếp Ba-la-đề-mộc-xoa của Bồ-tát, nên biết như vậy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Ma-đắc-lặc-già?

–Đây Văn-thù-sư-lợi! Ta đã nói mười một thứ tướng, thị hiện liễu nghĩa kinh. Đó gọi là Ma-đắc-lặc-già.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là mười một tướng Ma-đắc-lặc-già?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Đó là tướng thế đế, tướng Đệ nhất nghĩa đế, tướng quán pháp Bồ-đề phần, tướng pháp ấy, tướng tự thể, tướng pháp quả ấy, tướng ghi nhận lời nói pháp ấy, tướng pháp chương ấy, tướng pháp tùy thuận ấy, tướng lỗi lầm của pháp ấy, tướng lợi ích của pháp ấy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng thế đế?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng thế đế, có ba thứ, đó là: Nói về nhân tướng, nói về phân biệt thể tướng, quán các pháp suy nghĩ tạo ra đủ các loại nghiệp tướng, nên biết như thế.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng Đệ nhất nghĩa đế?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng Đệ nhất nghĩa đế, có bảy thứ, như bảy thứ chân như đã nói ở trước:

1. Hành tướng Đệ nhất nghĩa đế, hữu vi từ vô thủy.
2. Tướng Đệ nhất nghĩa đế nghĩa là ngã không, pháp không.
3. Duy thức Đệ nhất nghĩa đế, biết hạnh hữu vi chỉ là tâm thức.
4. Dính mắc Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là, ta nói Khổ đế.
5. Tà hạnh Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là ta nói Tập đế.
6. Thanh tịnh Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là, ta nói Diệt đế.
7. Tu hành chân chánh Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là, ta nói Đạo đế.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hành tướng Đệ nhất nghĩa đế, dính mắc Đệ nhất nghĩa đế, Tà hạnh Đệ nhất nghĩa đế. Ba Đệ nhất nghĩa đế này, tất cả chúng sinh bình đẳng, không sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng Đệ nhất nghĩa đế, Duy thức Đệ nhất nghĩa đế. Hai Đệ nhất nghĩa đế này, tất cả pháp bình đẳng không sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thanh tịnh Đệ nhất nghĩa đế; Thanh văn,

Duyên giác, Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bình đẳng, không sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tu hành chân chánh Đệ nhất nghĩa đế, cũng như nghe pháp vi diệu sai khác, như quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, như nắm giữ Trí tuệ ba-la-mật, bình đẳng không sai khác, nên biết như thế.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là quán tướng của Bồ-đề pháp phần?

– Này Văn-thù-sư-lợi! Quán tướng của pháp Bồ-đề phần, là quán tất cả các việc.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp tướng ấy?

– Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp tướng ấy là như trong tám cách quán, nên biết.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Những gì là tám cách quán?

– Này Văn-thù-sư-lợi! Là nương vào thật đế, trụ đế, lỗi lầm, công đức, thông tướng, hình tướng, tướng ứng tướng, rộng hẹp nói tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thật đế tướng là chân như, Trụ đế tướng là nhân tướng, phân biệt thể sai khác. Tướng trả lời thẳng. Tướng phân biệt trả lời theo câu hỏi. Tướng trả lời trực tiếp. Tướng thị hiện việc bí mật.

Tướng lỗi lầm là ta nói về lỗi của các pháp nhiễm.

Tướng công đức là ta nói tất cả tịnh pháp là tướng vô lượng lợi ích.

Tướng thông là nên biết có sáu thứ: Chân thật nghĩa thông, đặc thông, thuyết thông, lìa hai bên thông, không thể nghĩ bàn thông và ý thông.

Tướng hình là ba tướng thứ hữu vi, bốn thứ nhân duyên của ba đời.

Tướng tương ứng, nên biết có bốn thứ: Tương ứng tướng đái, tương ứng với năng tác và sở tác, tương ứng sinh, tương ứng pháp thể.

Tương ứng tướng đãi là những nhân gì, những duyên gì có khả năng sinh hạnh hữu vi danh tự đẳng dụng. Đó gọi là tương ứng tướng đãi.

Tương ứng năng tác sở tác, là những nhân gì, những duyên gì mà có khả năng đạt được pháp, có khả năng sinh pháp. Có khả năng sinh pháp rồi, liền có khả năng thành biện nghiệp. Đó gọi là tương ứng năng tác sở tác.

Tương ứng sinh, nghĩa là những nhân gì, những duyên gì để biết pháp, nói pháp, hiện ra pháp, có khả năng thành tựu, có khả năng hiểu biết chân chánh. Đó gọi là tương ứng sinh.

Tương ứng pháp thể, nói sơ lược có hai thứ sạch và không sạch. Đây Văn-thù-sư-lợi! Tịnh có năm tướng, bất tịnh có bảy tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tịnh có năm tướng?

1. Hiện tiền thấy tướng.
2. Nương vào hiện tiền đó thấy tướng.
3. Tự tướng thí dụ tướng.
4. Thành tựu tướng.
5. Nói thanh tịnh A-hàm tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là hiện tiền thấy tướng? Nghĩa là, tất cả hạnh hữu vi là vô thường. Tất cả hạnh hữu vi là khổ. Tất cả pháp là vô ngã, hiện tiền thấy pháp thế gian. Nên biết, như vậy... gọi là hiện tiền thấy tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là nương vào hiện tiền mà thấy tướng? Nghĩa là, tất cả hạnh hữu vi là nhất tướng, không mất nghiệp lành và nghiệp ác ở đời vị lai, nương vào thô pháp đó để hiện thấy; nương vào đủ các nghiệp thấy đủ loại chúng sinh để hiện thấy; nương vào nghiệp lành và ác để hiện thấy sự chịu khổ, hưởng vui. Đối với pháp hiện thấy, những thí dụ, như vậy đều nương vào tướng để hiện thấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng của tự tướng thí dụ, là trong ngoài, tất cả thế gian hiện thấy thí dụ nhân duyên. Nên biết, như thế gọi là tự tướng nhân duyên thí dụ. Nương vào tướng hiện thấy đó, nương vào tướng hiện thấy tướng thí dụ, hưởng thẳng đến thành tựu việc ấy.



Nên biết, đó gọi là tướng thành tựu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tướng A-hàm thanh tịnh? Nghĩa là người Nhất thiết trí, nói tướng Niết-bàn vắng lặng. Nên biết như thế... gọi là tướng A-hàm thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên xem xét một cách sâu xa, về năm tướng thanh tịnh như vậy. Xem xét một cách thấu triệt rồi, sẽ biết là thanh tịnh. Nên biết, biết thanh tịnh rồi sẽ tu hành như vậy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu pháp, biết được tướng của người Nhất thiết trí?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Có năm pháp để biết tướng của người Nhất thiết trí; đó là:

1. Có người xuất thế, đối với tất cả các hàng trời, người ở thế gian, gọi là Nhất thiết trí.
2. Có người thành tựu rốt ráo ba mươi hai tướng đại nhân, đạt được pháp mười Lực.
3. Có khả năng cắt đứt mọi nghi ngờ cho tất cả chúng sinh.
4. Có đầy đủ bốn Vô úy, hàng phục tất cả oán địch của ma.
5. Nói pháp không ai có thể vấn nạn, gây ra chướng ngại; khi nói pháp, khéo nói về tám Thánh đạo và Bồ-đề phần, hiện chứng và thành tựu bốn quả Sa-môn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nương sinh nương tướng như vậy, cắt đứt nghi ngờ, hàng phục không còn ai có thể làm khó dễ, hiện thấy năm pháp Sa-môn hiện tiền. Nên biết, đó gọi là tướng người Nhất thiết trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nương vào tướng ứng sinh thành, tướng ứng hiện thấy, tướng ứng lượng, tướng ứng tỷ trí, tướng ứng Thánh nhân nói pháp, biết năm tướng. Nên biết, đó gọi là tướng thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là bảy tướng không thanh tịnh? Nghĩa là, tướng ấy giống như kiến tướng, không tướng ấy giống kiến tướng, có tất cả tướng giống kiến tướng, tất cả không tướng giống kiến tướng, tự thí dụ dị tướng, tướng bất thành, nói pháp tướng A-hàm không thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tất cả tướng giống kiến tướng? Nghĩa là, tất cả pháp nương vào ý thức biết đồng tướng. Như vậy,... gọi là tất cả pháp tướng giống đồng kiến tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tất cả pháp không tướng, giống kiến tướng? Nghĩa là, pháp tướng thể tướng, nghiệp pháp nhân quả dị tướng, mỗi mỗi tướng là dị tướng, rốt ráo đủ các tướng đó là đại dị tướng. Như vậy,... gọi là tất cả không tướng giống không đồng kiến tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tự thí dụ dị tướng? Nghĩa là, tướng ấy giống kiến tướng thí dụ, có tất cả không tướng giống không đồng tướng. Vì thành việc ấy, nhất hưởng không thành. Thế nên, ta nói tướng không thành ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong tự thí dụ không tướng ấy giống kiến tướng, có tất cả tướng giống đồng tướng. Vì thành việc ấy, nhất hưởng không thành. Thế nên, ta nói tướng không thành. Nếu tướng không thành thì pháp ấy không thanh tịnh. Nếu pháp ấy không thanh tịnh, thì không nên tu hành. Thế nên, ta nói tướng A-hàm không thanh tịnh. Nên biết, bởi tự tánh không thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là pháp thể? Nghĩa là, Như Lai ra đời và không ra đời thì vẫn có pháp trụ, pháp thể, pháp giới. Nên biết, đó gọi là tướng pháp thể.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng hẹp rộng?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa là lược nói một câu. Một câu ấy là thượng thượng câu sai biệt của vô lượng câu, cho đến nói chỗ nên đến. Nên biết, đó gọi là nói hẹp.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đặc tướng?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa là nắm lấy các pháp, xét thấy Bồ-đề pháp phần. Ta nói Bồ-đề pháp phần, bốn Niệm xứ... Đó gọi là pháp tự thể tướng, cùng với thế gian, xuất thế gian xa lìa nhiễm tướng. Quả của pháp ấy phát khởi công đức thế gian và xuất thế gian. Đó gọi là đặc tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp ấy, nương vào trí giải thoát mà thọ dụng. Nên biết như thế. Giảng nói khai thị rộng rãi cho mọi người. Đó gọi là pháp tùy thuận thị hiện tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tu hành Bồ-đề pháp phần ấy, là lia tướng đạo, trái với nhiệm pháp. Đó gọi là hướng đến chướng pháp. Nên biết như thế.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp kia sinh nhiều, tăng trưởng, gọi là tùy thuận pháp tướng ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chướng ngại các pháp, gọi đó là tướng lỗi lầm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tùy thuận pháp công đức ấy, gọi là tướng lợi ích. Nên biết như thế.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn vì các Bồ-tát một lần nữa, lược nói về nghĩa của Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đắc-lặc-già (ba tạng Kinh, Luật, Luận); không cùng với tướng của tất cả ngoại đạo, Nhị thừa Đà-la-ni; chư Phật Như Lai nói pháp sâu xa, các Bồ-tát được ý sâu dày, khi được rồi, có khả năng nhập vào tất cả pháp Phật.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nay ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì ông mà lược nói nghĩa Đà-la-ni. Các Bồ-tát... nghe pháp ta rồi, có thể được ý ta. Được ý ta rồi, thì nhập vào pháp của ta.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là lược nói nghĩa Đà-la-ni? Đó là tất cả nhiệm pháp, tất cả tịnh pháp, tất cả pháp bất giác, tướng vô tác, tướng không phân biệt, tướng vô ngã. Ta đã nói các pháp như vậy, như vậy. Ta đã nói rằng bất giác, vô tác, không phân biệt, không ngã tướng. Do tất cả tướng vô giác, vô ngã, thế nên là nhiệm pháp. Chứ chẳng phải trước thì nhiệm, sau được tịnh, các tịnh pháp cũng chẳng phải trước thì tịnh sau gọi là nhiệm. Ngu si phàm phu nương vào cái nhiệm không thật, thân dính mắc ngã pháp, tìm tướng tự thể, nương vào nhân tà kiến mà nói có ngã. Nghĩa là, ta có thể thấy, có thể nghe, có thể ngửi, có thể biết vị và có thể giác xúc. Ta có thể biết ta, có thể ăn, ta nhiệm, ta tịnh, từ đó sinh ra các hạnh tà

kiến. Như vậy, nếu người có khả năng như thật biết lìa thân phiền não như vậy, thì người ấy, có khả năng lìa hết các phiền não, cắt đứt mọi hý luận, rốt ráo trong sạch, được thân vô vi, không còn tất cả các hạnh hữu vi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, đây gọi là lược nói nghĩa Đà-la-ni.

Lúc đó, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Các pháp vốn không nhiễm  
Sau thời không thanh tịnh  
Nhiễm cùng với thanh tịnh  
Là các pháp vô ngã.  
Thân nhiễm thấy có ngã  
Sinh ra ngã sở tưởng  
Ngã nhiễm và thanh tịnh  
Ngã kiến và bữa ăn.  
Nếu hay biết như vậy  
Người ấy lìa phiền não  
Là được thân vô nhiễm  
Thế nên gọi vô vi.*

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tâm sinh của Như Lai Thế Tôn có những tướng gì? Xin vì con mà nói.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai chẳng phải tâm ý, ý thức được danh, mà do không có các hành nghiệp, tâm sinh được danh. Nương vào thân Ứng hóa, nói đó là sinh.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Pháp thân lìa các hành nghiệp, thì tại sao lìa các hành do tâm tạo ra mà có thể sinh tâm?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nương vào cái gốc là phương tiện trí tuệ để tu hành, tự nhiên mà sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ngủ nghỉ, tâm không giác khởi, nhưng vẫn có thể giác khởi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như nhập diệt tận định, không khởi tâm, nhưng nường vào cái gốc do tâm tạo ra, tự nhiên mà khởi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như hai việc ngủ nghỉ và diệt tận; tâm định không khởi, chỉ nường vào cái gốc mà khởi. Như vậy, tâm sinh của Như Lai nường vào cái gốc là trí tuệ và phương tiện, tu hành thành tựu. Nên biết như thế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói Như Lai ứng hóa sở tác hóa thân, là có tâm hay là không tâm?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nói có tâm cũng được, nói không tâm cũng được. Vì sao? Vì tự tâm không được tự tại cho nên nói là không tâm, phải nhờ tha lực cho nên nói là có tâm.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: Hành xứ của Như Lai, cảnh giới của Như Lai, hai pháp này có sai biệt gì?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nói hành xứ của Như Lai, là tất cả chư Phật công đức bình đẳng, không thể nghĩ bàn; là vô lượng công đức trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Đó là hành xứ của chư Phật Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói cảnh giới của Như Lai là nói đến năm thứ: Chúng sinh giới, thế giới, pháp giới, khả hóa cõi chúng sinh và phương tiện giới.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, hành xứ Như Lai, cảnh giới Như Lai khác nhau như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn Như Lai chứng đắc đại Bồ-đề; chuyển bánh xe đại pháp; nhập đại Niết-bàn. Ba tướng này, sai khác thế nào, con làm sao để biết?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Không có hai tướng. Không chứng Bồ-đề, chẳng phải không chứng Bồ-đề; không chuyển pháp luân, chẳng phải không chuyển pháp luân; chẳng phải nhập đại Niết-bàn, chẳng phải không nhập đại Niết-bàn.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu nghĩa Đức Thế Tôn dạy. Vì sao? Vì Pháp thân của Như Lai xưa nay luôn thanh tịnh, hiện ra bằng thân Ứng hóa.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh thấy thân Ứng hóa ấy, nghe thân Ứng hóa, hiểu thân Ứng hóa, cúng dường ca ngợi thân Ứng hóa, mà đạt được các công đức; vậy đối với thân nào mà được?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Do có khả năng nhớ nghĩ chân chánh về thân Như Lai, do thân Ứng hóa nương vào sức giữ gìn Pháp thân của Như Lai mà được.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đẳng vô tâm không tạo tác, không hành; vì nghĩa gì, Pháp thân của Như Lai, vì các chúng sinh mà phóng ánh sáng lớn và hiện ra vô lượng cảnh tượng ứng hóa; còn thân giải thoát của các Thanh văn, Bích-chi-phật... không có tướng như vậy.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Đẳng vô tâm không tạo tác, thí như châu ma-ni nhật nguyệt... vì các chúng sinh mà phát ra ánh sáng lớn và các vật. Nhưng nước lưu ly, châu pha lê, đẳng vô tâm không tạo tác, không phát ra tất cả ánh sáng... các vật. Vì sao? Vì nương vào sức giữ gìn của đại chúng mà sinh, nương vào tăng thượng nghiệp của chúng mà sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như châu báu, khéo mài giữa, nó liền phát ra ánh sáng; còn các cái không được mài giữa, thì không thể phát ra ánh sáng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai cũng lại như vậy. Nương vào vô lượng pháp, xem xét chân chánh, tu hành trí tuệ phương tiện,

tạo các nghiệp lành, vun bồi căn lành, nương vào Pháp thân Phật, trí tuệ phương tiện, phát ra các ánh sáng và phóng vô lượng ứng hóa sắc tượng. Thân giải thoát của Thanh văn, Duyên giác, không thể tu tập tất cả căn lành, cho nên không thể phát.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói nương vào sức giữ gìn của chư Phật, Bồ-tát, tất cả chúng sinh thành tựu thân công đức thế gian. Đó là được sinh trong dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, nhà Đại trưởng giả, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; ở mọi nơi, hết thấy thân đều thành tựu tất cả quả báo công đức; tất cả đều nương vào sức giữ gìn của chư Phật Bồ-tát mà được. Vì ý gì mà Thế Tôn nói như thế?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Sức giữ gìn của Như Lai và sức của Bồ-tát; nói ra tùy theo những đạo nào, tu hành những gì. Nếu có người, có khả năng nương vào đạo đó, mà tu hành như thật, thì người ấy thành tựu tất cả chỗ sinh ra, tất cả thân, tất cả quả báo thế gian.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu người không thể tin theo đạo ấy, lại không thể tu hành như thật, chê bai pháp của ta, tranh luận pháp ta; đối với thân ta sinh tâm sân hận ác độc, người ấy khi chết, thân sinh ra nơi nào, luôn phải chịu tất cả những xấu xa thấp hèn... chịu quả báo ác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nương vào nghĩa đó, ông nay nên biết! Chẳng phải chỉ thành tựu thân tối thượng vi diệu và quả báo thù thắng, do nương vào sức trụ trì của Như Lai; mà khi chịu thân xấu xa thấp hèn và quả báo không tốt, cũng nương vào sức trụ trì của Như Lai mà được.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ở trong các cõi nước không sạch, pháp nào dễ được, pháp nào khó được?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Trong các cõi nước không sạch có tám việc dễ được, hai việc khó được. Những gì là tám? Đó là:

1. Ngoại đạo dễ được.

2. Chịu khổ chúng sinh dễ được.
3. Sinh vào nhà thấp hèn, thế lực bại hoại dễ được.
4. Chúng sinh ác hạnh dễ được.
5. Chúng sinh phá giới dễ được.
6. Chúng sinh vào đường ác dễ được.
7. Chúng sinh phát tâm Tiểu thừa thấp hèn dễ được.
8. Bồ-tát phát tâm hẹp hòi dễ được.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những gì là hai việc khó được? Bồ-tát tu hành tâm cao thượng khó được, chư Phật Như Lai ra đời khó được.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong cõi Phật trong sạch có tám việc khó được và hai việc dễ được, nên biết như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp môn Tu-đa-la thâm mật giải thoát này, gọi tên là gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn này tên là kinh Thuyết Chư Phật Như Lai Trụ Trì Lực Liễu Nghĩa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những gì Như Lai đã nói nghĩa, đó là Tu-đa-la Liễu Nghĩa, ông nên phụng trì.

Khi Đức Phật nói kinh Như Lai Trụ Trì Lực Liễu Nghĩa này, có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đạt được Pháp thân đầy đủ. Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử và tất cả các hàng Trời, Người, A-tu-la và đại chúng đều vui vẻ thọ nhận tu hành.





SỐ 676

# KINH GIẢI THÂM MẬT

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.*

## QUYỂN 1

### Phẩm 1: MỞ ĐẦU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong cung điện lớn, được làm bằng bảy báu rực rỡ lạ thường, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô biên cõi nước, nơi đó có vô số khu vực được trang hoàng xen nhau rất tuyệt diệu, vô giới hạn khó mà ước tính được, vượt lên trên ba cõi. Nơi đây được tạo thành do các thiện căn tối thượng, nơi lấy tâm thức trong sạch và tự tại vô ngại làm bản thể, nơi Đức Thế Tôn an trú, nơi các Đại Bồ-tát vân tập, nơi vô số tám bộ chúng thường xuyên đến hội họp, nơi sinh hoạt bằng sự vui thích mùi vị chánh pháp, nơi xuất phát mọi sự ích lợi chân thật cho chúng sinh, nơi dứt hẳn phiền não, tai ương, buộc ràng và nhơ bẩn, nơi tách rời các loại ma, nơi được sự trang nghiêm của Như Lai, nơi lấy đại niệm, đại tuệ và đại hạnh làm đường đi, nơi lấy đại chỉ, diệu quán làm phương tiện, nơi lấy đại không đại vô tướng đại vô nguyện làm cửa vào, nơi được kiến lập bởi các đại bảo hoa vương, nơi được trang nghiêm bởi vô lượng công đức.

Trong cung điện, Đức Thế Tôn tuệ giác thanh tịnh hiện hành pháp bất nhị đạt đến vô tướng, an trụ nơi trụ địa chư Phật đạt tính

bình đẳng không chướng ngại, không lay chuyển. Chỗ thành lập của Đức Thế Tôn không thể nghĩ bàn, thấu suốt pháp tánh bình đẳng trong ba đời. Thân Phật lưu bố khắp tất cả thế giới, trí không nghi ngại đối với tất cả các pháp, các hạnh đều thành tựu đại giác, trí không nghi hoặc đối với các pháp. Tất cả hiện thân của Phật đều không thể phân biệt. Đó chính là cái trí tuệ vô nhị, thắng bỉ ngạn, không xen tạp, là diệu trí giải thoát của Như Lai, rốt ráo chứng không ở giữa không ở hai bên của Phật mà tất cả Bồ-tát đều mong cầu.

Cùng với Đức Thế Tôn, bấy giờ có đủ vô lượng chúng đại Thanh văn, tất cả đều là Phật tử thuận thành. Tâm của các vị rất giải thoát, tuệ rất giải thoát, giới rất thanh tịnh cùng hưởng cầu cái vui của giáo pháp. Đây là những bậc học hỏi nhiều, giữ gìn và tích chứa nhiều học hỏi. Suy nghĩ ý tốt, nói việc tốt, làm điều tốt. Trí tuệ các vị nhanh chóng, mãnh liệt, sắc bén và quyết đoán. Trí tuệ thì rộng lớn không gì bằng, thành tựu quý báu đầy đủ ba sáng suốt. Đây là những bậc đạt được niềm vui đệ nhất hiện pháp, an trụ đại tịnh phúc điền, là những bậc đầy đủ oai nghi vắng lặng, thành tựu nhu hòa nhẫn nhục lớn không suy giảm, khéo vâng giữ Thánh giáo của Như Lai.

Lại có vô lượng Bồ-tát Ma-ha-tát từ các cõi Phật về tập hợp. Các vị đều an trụ trong Đại thừa, du hóa pháp Đại thừa, tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, lìa các phân biệt và không phân biệt mọi thứ phân biệt, hàng phục tất cả ma oán, xa lìa mọi tác ý của Thanh văn, Độc giác, giữ pháp vị hỷ lạc rộng lớn, vượt qua năm thứ sợ hãi, một mạch thẳng vào địa vị không thoái chuyển, dứt hết mọi bức bách khổ não của chúng sinh hiện đã có mặt trước Đức Thế Tôn.

Tên các vị thượng thủ đó là Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý, Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn, Đại Bồ-tát Pháp Dũng, Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ, Đại Bồ-tát Quảng Tuệ, Đại Bồ-tát Đức Bản, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Từ Thị, Đại Bồ-tát Mạn-thù...

\*\*

\*

## Phẩm 2: THẮNG NGHĨA (THẮNG NGHĨA ĐẾ TƯỚNG)

Bấy giờ, ở trước Đức Thế Tôn, Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn hỏi Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý:

–Tối thắng tử! Nói các pháp Bất nhị thì các pháp là những gì? Tại sao lại bất nhị?

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý trả lời Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn:

–Này thiện nam! Các pháp đại khái có hai: Một là hữu vi; hai là vô vi. Trong ấy, hữu vi không phải là hữu vi, không phải là vô vi; vô vi không phải là vô vi, không phải là hữu vi, nên nói là bất nhị.

Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn lại hỏi Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý:

–Tối thắng tử! Như thế nào gọi là hữu vi không phải là hữu vi, vô vi, vô vi không phải là vô vi, hữu vi?

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý trả lời Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn:

–Này thiện nam! Nói hữu vi thì đó là cái đức của Bản sư giả thiết; nếu là cái đức của Bản sư giả thiết thì cái ấy là Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả; nếu là cái Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả thì cuối cùng chỉ toàn là cách Biến kế chấp trước và ngôn ngữ diễn tả chứ không phải chân thật, vì vậy mà không phải là hữu vi. Nói vô vi thì cũng rơi vào ngôn ngữ; ngoài hữu vi vô vi mà nói chút ít gì đi nữa thì cũng là như thế. Thế nhưng, không phải không sự thể mà có nói phô; sự thể ấy là gì, là các Thánh giả, bằng sự thấy biết rất bậc Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh; rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các vị muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác, nên giả thiết ngôn từ mà nói là hữu vi.

Thiện nam! Nói vô vi thì đó cũng là cái đức của Bản sư giả thiết; nếu là cái đức của Bản sư giả thiết thì cái ấy là Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả; nếu là cái Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả thì cuối cùng chỉ toàn là cách Biến kế chấp

trước và ngôn ngữ diễn tả chữ không phải chân thật, vì vậy mà không phải là vô vi. Nói hữu vi thì cũng sa vào ngôn ngữ; ngoài vô vi hữu vi mà nói chút ít gì đi nữa thì cũng là như thế. Thế nhưng, không phải không sự thể mà có nói phôi; sự thể ấy là gì, là các Thánh giả, bằng sự thấy biết rất bậc Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh; rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các vị muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác, nên giả thiết ngôn từ mà nói là vô vi.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn lại hỏi Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý:

–Tối thắng tử! Như thế nào gọi là sự thể các Thánh giả, bằng sự thấy biết rất bậc Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh; rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các vị muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác, nên giả thiết ngôn từ mà hoặc nói là hữu vi, hoặc nói là vô vi?

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý trả lời Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn:

–Thiện nam! Như nhà ảo thuật, hay đồ đệ của nhà ảo thuật, đứng giữa ngả tư, gom cỏ lá ngói gạch và những vật liệu cùng việc, làm ra những ảo trạng tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, ma-ni, chân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô, kho tàng tiền của, kho tàng thóc gạo... Những kẻ thuộc loại ngu đần, hiểu sai, không trí thức, thì thấy nghe những ảo trạng trên với các vật liệu rồi, thì rằng những gì mình thấy nghe thật là tượng binh cho đến kho tàng thóc gạo..., lại y như sự thấy nghe ấy mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi là dốt và dối cả. Những kẻ như vậy sau đó rất cần quan sát lại. Còn những người thuộc loại không ngu đần, hiểu đúng, có trí thức, thì thấy nghe những ảo trạng trên với các vật liệu rồi, nghĩ rằng những gì mình thấy nghe toàn không thật: tượng binh cho đến kho tàng thóc gạo..., thế nhưng có những ảo trạng mê hoặc thị giác, nên tưởng đây là bản thân con voi và đây là chi tiết trên bản thân ấy, cho đến tưởng đây là bản thân kho tàng thóc gạo và đây là chi tiết trên bản thân ấy; họ không y như sự thấy nghe mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi

là dốt và dối cả. Nhưng họ muốn làm cho người khác cũng biết sự thật như vậy nên cũng sử dụng ngôn từ. Những người như vậy sau đó không cần quan sát nữa.

Tương tự như vậy, những kẻ thuộc loại ngu phu, thuộc loại dị sinh, chưa được tuệ giác siêu việt thế gian của các vị Thánh giả, thì không thể thấu hiểu pháp tánh tách rời ngôn ngữ của các pháp, nên thấy nghe các pháp hữu vi, vô vi rồi, nghĩ rằng cái mình thấy nghe được đó quyết định thật là hữu vi hay vô vi, lại đúng như sự thấy nghe ấy mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi là dốt và dối cả. Những kẻ như vậy sau đó rất cần quan sát lại. Còn những người không thuộc loại ngu phu, đã thấy chân lý của Thánh giả, đã được tuệ giác siêu việt thế gian của Thánh giả, thì thấu hiểu một cách đúng như sự thật về pháp tánh tách rời ngôn ngữ của các pháp, nên thấy nghe các pháp hữu vi hay vô vi rồi nghĩ rằng cái mình thấy nghe được đó quyết định không thật là hữu vi, vô vi; thế nhưng, có hành tướng của sự phân biệt như ảo trạng mê hoặc tuệ giác, nên có ý tưởng về bản thân hữu vi hay vô vi, có ý tưởng về chi tiết nơi bản thân hữu vi hay vô vi; nghĩ như vậy nên không y như sự thấy nghe mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi là dốt và dối cả. Nhưng họ muốn làm cho người khác cũng biết sự thật như vậy nên cũng sử dụng ngôn từ. Những người như vậy sau đó không cần quan sát nữa.

Vì vậy, này thiện nam! Trong sự thể này các vị Thánh giả, bằng sự thấy biết rất Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh, rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các ngài muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác nên giả thiết ngôn từ mà nói là hữu vi, nói là vô vi.

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

*Pháp tánh bất nhị  
Tách rời ngôn ngữ  
Mà Thế Tôn nói  
Thì rất sâu xa,*

Không phải người ngu  
 Có thể hiểu biết  
 Với pháp tánh ấy  
 Những kẻ ngu phu  
 Thì bị mê hoặc  
 Vì sự ngu dối,  
 Nên thích nắm lấy  
 Hai pháp y cứ  
 Vận dụng ngôn từ  
 Hý luận đủ cách.  
 Họ thành những kẻ  
 Thuộc nhóm bất định  
 Hay còn hơn nữa  
 Thuộc nhóm tà định  
 Nên đã trôi lăn  
 Ở trong cái khổ  
 Của sự sống chết  
 Rất là lâu dài  
 Nay lại trái nghịch  
 Đối với tuệ giác  
 Cùng với ngôn luận  
 Rất là chính xác,  
 Nên trong vị lai  
 Họ phải sinh vào  
 Loài bò, loài dê  
 Các loài như thế.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Pháp Dũng bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Ở phía Đông cõi này, qua bảy mươi hai hàng hà sa thế giới hệ, có thế giới hệ tên Đủ tiếng khen lớn, Đức Thế Tôn giáo chủ hiệu Tiếng Khen Rộng Lớn. Trước đây con từ cõi Phật ấy mà đến cõi này. Tại cõi Phật ấy, con từng thấy một nơi có bảy mươi bảy ngàn ngoại đạo, gồm cả các bậc thầy của họ, cùng ngồi với nhau. Để nghĩ về sắc thái của thắng nghĩa nơi các pháp, họ

chung nhau bàn luận, cân nhắc, xem xét. Suy tầm khắp cả mà rốt cuộc họ không biết được thắng nghĩa của các pháp, chỉ có những cái biết phức tạp, mâu thuẫn, bất định, nên họ chống nhau, cãi nhau, miệng lưỡi xuất ra giáo với lao mà đâm thọc nhau, quấy phá nhau, rồi họ giải tán. Lúc ấy con nghĩ riêng như vậy, sự xuất thế của các Đức Thế Tôn thật là hiếm có, bởi vì nhờ sự xuất thế ấy mà đối với cái thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư vẫn có những người thấu suốt chứng ngộ.

Đức Thế Tôn bảo:

–Thiện nam! Đúng vậy! Đúng như ông nói! Đối với thắng nghĩa siêu việt tầm tư, Như Lai đã thành tựu Chánh biến giác và nói rõ cho mọi người.

Này Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì Thánh giả tự chứng ngộ từ bên trong, còn đối tượng tầm tư thì dị sinh chuyển cho nhau mà hiểu biết; thế nên, do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Này Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì tuệ giác vô tướng lãnh hội, còn tầm tư thì chỉ biết về đối tượng hữu tướng; thế nên, Pháp Dũng! Do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì không thể nói phô, còn tầm tư thì chỉ biết bằng sự nói phô, do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì tuyệt hết mọi sự biểu thị, còn tầm tư thì chỉ biết bằng sự biểu thị; thế nên, Pháp Dũng! Do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì tuyệt hết mọi sự tranh luận, còn tầm tư thì chỉ biết bằng sự tranh luận; thế nên, Pháp Dũng! Do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư.

Này Pháp Dũng! Nên nhận thức rằng, tựa như có kẻ suốt đời đã quen mùi vị cay đắng, thì đối với mùi vị của mật và đường, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ trong bao thời gian khẳng định dục vọng, lửa dục nung đốt, thì đối với cái vui siêu thoát tinh tế do từ bên trong đã loại bỏ năm dục, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ trong bao thời gian

khẳng định ngôn từ, ưa thích ngôn từ hoa dạng của thế gian, thì đối với cái vui lặng thính thánh thiện do sự yên tĩnh từ bên trong, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ trong bao thời gian khẳng định sự biểu thị của thấy nghe hay biết, ưa thích những sự biểu thị có tính thế gian, thì đối với Niết-bàn toàn hảo do hủy diệt mọi sự biểu thị và cái thân năm uẩn, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ mà trong bao thời gian khẳng định về ngã sở, chiếm hữu và tranh luận, ưa thích mọi sự tranh luận của thế gian, thì đối với sự không ngã sở, chiếm hữu và tranh luận của nhân loại ở đại lục Bắc Câu-lô, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Tương tự như vậy, Pháp Dũng! Những kẻ tầm tư thì đối với thắng nghĩa siêu việt cái biết của tầm tư, họ không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu.

Để lặp lại ý nghĩa đã nói, lúc ấy Đức Thế Tôn nói bài tụng sau đây:

*Chứng ngộ từ trong  
Vô tướng lãnh hội  
Không thể nói phô  
Tuyệt hết biểu thị,  
Đình chỉ tranh luận  
Thắng nghĩa như vậy  
Siêu việt hết thấy  
Sắc thái tâm tư.*

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thật diệu kỳ, thật khéo giảng nói, nói thắng nghĩa rất vi tế, rất sâu, khó thấu, vượt trội đặc tính đồng nhất hay dị biệt đối với các hành.

Bạch Thế Tôn! Chính tại cõi này, con từng thấy một nơi có các vị Bồ-tát đồng đẳng tu hành chân thật về quả vị Thắng giải hành cùng ngồi với nhau, chung nhau nghĩ bàn về thắng nghĩa đối với các hành là một hay khác nhau. Trong đó, một số nói thắng nghĩa với các hành hoàn toàn là một; một số nói không phải thắng nghĩa với các hành hoàn toàn là một, mà là tuyệt đối khác nhau; một số nghi hoặc,



do dự, nói các vị ấy ai thật ai dối, ai đúng ai sai, khi một số nói thắng nghĩa với các hành là một, một số nói thắng nghĩa với các hành khác nhau.

Bạch Thế Tôn! Thấy như vậy, con nghĩ rằng các thiện nam này ngây thơ, không sáng, không khéo và không đúng; đối với thắng nghĩa rất vi tế, rất sâu và siêu việt nhất dị đối với các hành, họ không thấu hiểu.

Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ kính bạch như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Đúng vậy! Đúng như ông nói! Các thiện nam ấy ngây thơ, không sáng, không khéo và không đúng; đối với thắng nghĩa rất vi tế, rất sâu và siêu việt nhất dị đối với các hành, họ không thấu hiểu. Lý do là vì, đối với các hành, không phải khi nhận thức như vậy mà gọi là thấu hiểu hay chứng ngộ thắng nghĩa.

Trước hết, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ hiện nay tất cả dị sinh đã thấy đế lý, đã được Niết-bàn yên ổn, đã chứng Bồ-đề tối thượng; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ người đã thấy đế lý không thể trừ khử các hành, không trừ khử các hành thì không thể giải thoát tướng phược, không giải thoát tướng phược thì không thể giải thoát trọng phược, không giải thoát hai phược ấy thì không thể được Niết-bàn yên ổn, cũng không thể chứng Bồ-đề tối thượng. Nhưng, vì hiện nay các loại dị sinh không phải đã thấy đế lý, không phải đã được Niết-bàn yên ổn, không phải đã chứng Bồ-đề tối thượng, nên cho thắng nghĩa với các hành là một thì phi lý, nói thắng nghĩa với các hành là một thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng; mặt khác, vì hiện nay không phải những người thấy đế lý không thể loại bỏ các hành mà là loại bỏ được, không phải không thể giải thoát tướng phược mà là giải thoát được, không phải không thể giải thoát những ràng buộc mà là giải thoát được, giải thoát được hai phược nên cũng được Niết-bàn yên ổn và chứng Bồ-đề tối thượng, nên cho thắng nghĩa với các hành khác nhau thì phi lý, nói thắng nghĩa với các hành khác nhau thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng.

Thứ nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ các hành là tạp nhiễm, thắng nghĩa cũng tạp nhiễm; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ không phải cộng tướng của các hành gọi là thắng nghĩa. Nhưng, vì hiện nay thắng nghĩa không phải là tạp nhiễm, mặt khác, vì cộng tướng của các hành gọi là thắng nghĩa, nên cho thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì đều phi lý, nói thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng.

Sau nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ thắng nghĩa là phi sai biệt, các hành cũng phi sai biệt, đáng lẽ hành giả tu quán, thấy nghe hay biết các hành rồi sau đó không còn tìm biết thắng nghĩa; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ không phải cái được hiển lộ bởi các hành vô ngã vô tánh chính là thắng nghĩa, đáng lẽ tạp nhiễm và thanh tịnh cùng lúc dị biệt mà song lập. Nhưng, vì hiện nay các hành là sai biệt chứ không phải phi sai biệt, vì hành giả tu quán, thấy nghe hay biết các hành rồi sau đó còn tìm biết thắng nghĩa, mặt khác, vì chính cái được hiển lộ do các hành vô ngã vô tánh gọi là thắng nghĩa, vì không phải tạp nhiễm và thanh tịnh cùng lúc dị biệt mà song lập, nên cho thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì đều phi lý, nói thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như sắc trắng nơi loa bối, không dễ gì nói là một hay khác nhau với loa bối. Như sắc trắng nơi loa bối, sắc vàng nơi vàng cũng vậy. Như khúc nhạc hòa nơi âm thanh đàn bầu, không dễ gì nói là một hay khác nhau với âm thanh đàn không bầu. Như hơi thơm hòa nơi trầm đen, không dễ gì nói là một hay khác nhau với trầm đen. Như vị cay nơi hạt tiêu, không dễ gì nói là một hay khác nhau với hạt tiêu. Như vị cay nơi hạt tiêu, vị bùi nơi trái ha-lê cũng vậy. Như sự lắng mịn nơi lụa tơ tằm, không dễ gì nói là một hay khác nhau với lụa tơ tằm. Như váng sữa nơi sữa chín, không dễ gì nói là một hay khác nhau với sữa chín. Như sự vô thường nơi các hành, sự khổ não nơi hữu lậu, sự vô ngã nơi các pháp, không dễ gì nói

là một hay khác nhau với các hành, hữu lậu và các pháp. Sự thác loạn và tạp nhiễm nơi tham, không dễ gì nói là một hay khác nhau với tham; như nơi tham, nơi sân và nơi si cũng vậy. Tương tự như thế, Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Không thể quy định thẳng nghĩa với các hành là một hay khác nhau.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Đối với thẳng nghĩa siêu việt một, khác các hành như vậy, rất vi tế rất sâu và rất sâu, khó biết và cực kỳ khó biết, Như Lai đã đạt được Chánh biến giác. Chánh biến giác rồi, Như Lai nói rõ cho người.

Lúc này, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

*Thẳng nghĩa các hành  
Siêu việt một, khác  
Phân biệt một, khác  
Là biết không đúng.  
Chúng sinh thì bị  
Tướng phược trọng phược  
Siêng tu Chỉ Quán  
Mới giải thoát được.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn hỏi Trưởng lão Thiện Hiện:

–Thiện Hiện! Trong chúng sinh giới, Trưởng lão có biết bao nhiêu người có tăng thượng mạn, do tăng thượng mạn chi phối mà xác định sự hiểu biết của mình? Bao nhiêu người không tăng thượng mạn mà xác định sự hiểu biết của mình?

Trưởng lão Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong chúng sinh giới, con biết chỉ có một số người không tăng thượng mạn mà xác định sự hiểu biết của mình, nhưng có vô số người có tăng thượng mạn, do tăng thượng mạn chi phối mà xác định sự hiểu biết của mình.

Bạch Thế Tôn! Có một lần con ở chỗ thanh vắng trong rừng cây lớn. Bấy giờ có nhiều vị Tỳ-kheo cũng ở trong rừng ấy, gần con. Các vị Tỳ-kheo này, trong phần sau của ban ngày, lần lượt hội lại, căn cứ sự hiện quán có thủ đắc mà nói các pháp, xác định sự hiểu biết của

mình. Tóm lại một số do thủ đắc về uẩn tức thủ đắc đặc tính của uẩn, thủ đắc sự phát sinh của uẩn, thủ đắc sự tận diệt của uẩn, thủ đắc sự tác chứng về sự tận diệt của uẩn, nên xác định sự hiểu biết của mình. Như một số do thủ đắc về uẩn, một số do thủ đắc về xứ và một số do thủ đắc về duyên khởi thì cũng như vậy. Một số do thủ đắc về thực: thủ đắc đặc tính của thực, thủ đắc sự phát sinh của thực, thủ đắc sự tận diệt của thực, thủ đắc sự tác chứng về sự tận diệt của thực, nên xác định sự hiểu biết của mình. Một số do thủ đắc về đế: thủ đắc đặc tính của đế, thủ đắc sự biến tri về đế, thủ đắc sự vĩnh đoạn về đế, thủ đắc sự tác chứng về đế, thủ đắc sự tu tập về đế, nên xác định sự hiểu biết của mình. Một số do thủ đắc về giới: thủ đắc đặc tính của giới, thủ đắc chủng loại của giới, thủ đắc đa dạng của giới, thủ đắc sự tận diệt của giới, thủ đắc sự tác chứng về sự tận diệt của giới, nên xác định sự hiểu biết của mình. Một số do thủ đắc về niệ m trú: thủ đắc đặc tính của niệ m trú, thủ đắc về chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị của niệ m trú, thủ đắc sự tu tập về niệ m trú, thủ đắc sự chưa phát sinh thì làm cho phát sinh của niệ m trú, thủ đắc sự đã phát sinh thì làm cho kiên cố, bội phần tu tập cao lên và rộng ra của niệ m trú, nên xác định sự hiểu biết của mình. Như một số do thủ đắc về niệ m trú, những số do thủ đắc về chính đoạn, do thủ đắc về thần túc, do thủ đắc về căn, do thủ đắc về lực, do thủ đắc về giác chi, thì cũng như vậy. Một số do thủ đắc về tám chi Thánh đạo: thủ đắc đặc tính của tám chi Thánh đạo, thủ đắc về chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị của tám chi Thánh đạo, thủ đắc sự tu tập về tám chi Thánh đạo, thủ đắc sự chưa phát sinh thì làm cho phát sinh của tám chi Thánh đạo, thủ đắc sự đã phát sinh thì làm cho kiên cố, bội phần tu tập cao lên và rộng ra của tám chi Thánh đạo, nên xác định sự hiểu biết của mình.

Bạch Thế Tôn! Con thấy như vậy thì nghĩ rằng các vị trưởng lão này căn cứ sự hiện quán có thủ đắc mà nói các pháp, xác định sự hiểu biết của mình như thế, thì biết các vị toàn là tăng thượng mạn, bị tăng thượng mạn chi phối, nên không thể thấu hiểu đặc tính phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị của thắng nghĩa. Vì thế nên Thế Tôn thật kỳ diệu, Thế Tôn thật khéo nói, ấy là Thế Tôn nói thắng nghĩa rất vi tế

và cùng cực rất vi tế, rất sâu và cùng cực rất sâu, khó biết và cùng cực khó biết, phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị. Bạch Thế Tôn! Các vị Tỳ-kheo tu học trong chánh pháp mà còn khó thấu hiểu đặc tính phổ biến nhất vị của thắng nghĩa, hướng chỉ những người ngoại đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Thiện Hiện:

–Đúng như vậy! Trưởng lão Thiện Hiện! Đối với thắng nghĩa rất vi tế và cùng cực rất vi tế, rất sâu và cùng cực rất sâu, khó biết và cùng cực khó biết, phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị, Như Lai đã thể hiện Chánh biến giác. Chánh biến giác rồi, Như Lai nói rõ cho mọi người.

Trước hết, này Thiện Hiện! Như Lai đã nói cái đối tượng được duyên thanh tịnh nơi toàn thể năm uẩn chính là thắng nghĩa; Như Lai đã nói cái đối tượng được duyên thanh tịnh nơi toàn thể mười hai xứ, mười hai Duyên khởi, bốn Thực, bốn Đế, mười tám Giới, bốn Niệm trú, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo, chính là thắng nghĩa. Cái đối tượng được duyên thanh tịnh ấy, nơi toàn thể năm uẩn, nó là đồng nhất tính vị, không có dị biệt; như nơi toàn thể năm uẩn, thì nơi toàn thể mười hai xứ, cho đến nơi toàn thể tám Thánh đạo, nó cũng là như vậy, đồng nhất tính vị, không có dị biệt. Thế nên, Thiện Hiện! Do đạo lý này mà trưởng lão hãy nhận thức thắng nghĩa là phổ biến toàn thể, đồng nhất tính vị.

Thứ nữa, này Thiện Hiện! Các vị Tỳ-kheo tu quán, thấu hiểu chân như thắng nghĩa vô ngã nơi một uẩn, thì không cần tìm cầu chân như thắng nghĩa ấy riêng biệt nơi các uẩn khác, nơi mười hai xứ cho đến nơi tám Thánh đạo. Và chính cái trí thích ứng với chân như thắng nghĩa bất nhị này làm căn cứ mà thẩm cứu tiến chứng chân như thắng nghĩa phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị. Thế nên, Thiện Hiện! Do đạo lý này mà trưởng lão hãy nhận thức thắng nghĩa là phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị.

Sau nữa, này Thiện Hiện! Như năm uẩn thì triển chuyển khác nhau, như mười hai xứ cho đến tám Thánh đạo thì cũng triển chuyển

khác nhau, nếu chân như thắng nghĩa vô ngã của toàn thể các pháp ấy mà cũng khác nhau, thì chân như thắng nghĩa này đáng lẽ cũng có nhân tố, do nhân tố xuất sinh; nếu do nhân tố xuất sinh thì đáng lẽ là hữu vi, nếu là hữu vi thì đáng lẽ không phải thắng nghĩa, nếu không phải thắng nghĩa thì đáng lẽ phải tìm cầu thắng nghĩa nào khác nữa.

Nhưng, này Thiện Hiện! Do chân như thắng nghĩa vô ngã không có nhân tố, không phải nhân tố xuất sinh, cũng không phải hữu vi, mà đích là thắng nghĩa, nên chứng ngộ thắng nghĩa ấy rồi thì không còn tìm cầu thắng nghĩa nào khác nữa, mà thấy chỉ có thường xuyên, vĩnh viễn, Như Lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú. Thế nên, này Thiện Hiện! Do đạo lý này mà trưởng lão hãy nhận thức thắng nghĩa là phổ biến toàn thể và đồng nhất tánh vị.

Thiện Hiện, tựa như trong toàn thể hình sắc khác nhau, đa dạng và đa số, hư không vẫn không hình sắc, không phân biệt, không biến đổi, mà là phổ biến và nhất vị. Tương tự như vậy, nơi toàn thể các pháp khác đặc tính và khác sắc thái, thắng nghĩa vẫn là phổ biến và nhất vị.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

*Chính cái thắng nghĩa  
 Phổ biến nhất vị  
 Như Lai nói là  
 Không có khác nhau.  
 Nếu có kẻ nào  
 Phân biệt khác nhau  
 Kẻ ấy tối mê  
 Thượng mạn chi phối.*

\*\*  
 \*

### Phẩm 3: TÂM THỨC (TÂM Ý THỨC TUỞNG)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quảng Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức, vậy Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức như thế nào mới được gọi là Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức? Và cho rằng do đâu mới được Thế Tôn quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức?

Đại Bồ-tát Quảng Tuệ bạch hỏi như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm! Quảng Tuệ! Ông có thể hỏi Như Lai cái nghĩa sâu xa như vậy. Vậy là ông muốn tạo lợi ích yên vui cho vô lượng chúng sinh. Ông thương tưởng cả thế giới loài người và tám bộ loại khác, muốn làm cho họ được lợi thật, được yên vui, nên phát ra câu hỏi vừa rồi. Ông hãy nghe kỹ. Như Lai sẽ nói cho ông về mật nghĩa tâm ý thức.

Trước hết, này Quảng Tuệ! Ông nên nhận thức rằng sự sinh tử trong sáu đường, chúng sinh chết ở thế giới nào rồi sinh vào thế giới nào, thì thân thể hoặc sinh trong loài sinh bằng trứng, hoặc sinh trong loài sinh bằng thai, hoặc sinh trong loài sinh bằng ẩm thấp, hoặc sinh trong loài sinh bằng biến hóa. Sự sinh ấy đầu tiên do chủng tử thức vốn đã thành thực nay triển chuyển hóa hợp, tuần tự lớn lên, với hai sự chấp thọ của thức ấy: Một là chấp thọ các sắc căn và đối tượng được nương dựa của các sắc căn; hai là chấp thọ chủng tử của tướng, danh và phân biệt, loại chủng tử do ngôn từ hý luận mà có. Sinh trong thế giới có hình sắc thì có đủ hai sự chấp thọ vừa nói, còn sinh trong thế giới không hình sắc thì không đủ hai sự chấp thọ ấy.

Thứ nữa, này Quảng Tuệ! Thức ấy cũng tên là A-đà-na, vì nó theo mà nắm giữ thân thể; cũng tên là A-lại-da, vì nó chấp thọ mà cùng yên cùng nguy với thân thể; cũng tên là Tâm, vì nó do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tích tụ tăng trưởng.

Sau nữa, này Quảng Tuệ! Chính thức A-đà-na làm nền tảng và xây dựng mà phát sinh sáu thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý: Do

nhân căn và sắc cảnh làm duyên tố mà phát sinh nhãn thức, đồng thời đồng cảnh có ý thức cùng phát sinh với nhãn thức ấy; do các căn nhĩ, tử, thiệt, thân và các cảnh thanh, hương, vị, xúc làm duyên tố mà phát sinh các thức nhĩ, tử, thiệt, thân, đồng thời đồng cảnh có ý thức cùng phát sinh với các thức nhĩ, tử, thiệt, thân ấy. Như vậy nếu một lúc nào đó chỉ có một thức phát sinh thì lúc đó chỉ có một ý thức cùng phát sinh với một thức ấy, nếu một lúc nào đó có hai đến năm thức phát sinh thì lúc đó cũng chỉ có một ý thức cùng phát sinh với hai đến năm thức ấy. Ví như dòng nước chảy vừa mạnh vừa lớn, nếu có duyên tố nổi một cơn sóng thì một cơn sóng nổi lên, nếu có duyên tố nổi hai đến nhiều cơn sóng thì hai đến nhiều cơn sóng nổi lên, nhưng bản thân dòng nước vẫn chảy mãi, không dứt không hết. Lại như mặt gương tốt và sáng, nếu có duyên tố hiện một hình ảnh thì chỉ một hình ảnh hiện ra, nếu có hai đến nhiều duyên tố hiện hai đến nhiều hình ảnh thì hai đến nhiều hình ảnh hiện ra, nhưng không phải mặt gương biến thành hình ảnh, cũng không có sự hết hiện hình ảnh. Tương tự như vậy, do dòng nước thức A-đà-na làm nền tảng và xây dựng, nên một lúc nào đó có duyên tố phát sinh của một thức thì lúc đó một thức phát sinh, nếu một lúc nào đó có duyên tố phát sinh của hai đến năm thức thì lúc đó có hai đến năm thức phát sinh.

Này Quảng Tuệ! Như trên là Bồ-tát do cái trí pháp trú làm nền tảng và xây dựng mà khéo biết mật nghĩa tâm ý thức. Thế nhưng Như Lai không do đây quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tất cả mật nghĩa của tâm ý thức. Quảng Tuệ! Nếu Bồ-tát từ bên trong và rành rẽ, đúng như sự thật mà không thấy A-đà-na và thức A-đà-na, không thấy A-lại-da và thức A-lại-da, không thấy tích tập và tích tập tâm, không thấy nhân căn sắc cảnh và nhãn thức, cho đến không thấy ý căn pháp cảnh và ý thức, như thế mới gọi là vị Bồ-tát khéo biết thắng nghĩa và do đây Như Lai quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết thắng nghĩa; cũng ngang đây gọi là vị Bồ-tát khéo biết tất cả mật nghĩa của tâm ý thức và cũng ngang đây Như Lai quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tất cả mật nghĩa của tâm ý thức.



Muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên lúc này Đức Thế Tôn nói bài tụng sau đây.

*Thức A-đà-na  
Cùng cực vi tế  
Tất cả chúng tử  
Như dòng nước mạnh.  
Như Lai không nói  
Cho kẻ phàm phu  
Sợ họ phân biệt  
Chấp làm bản ngã.*



## KINH GIẢI THÂM MẬT

### QUYỂN 2

#### Phẩm 4: TỰ TÁNH (NHẤT THIẾT PHÁP TƯỚNG)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đức Bản bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp, vậy Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp như thế nào mới được gọi là Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp? Và do đâu mới được Thế Tôn quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp?

Đại Bồ-tát Đức Bản hỏi như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

– Tốt lắm! Đức Bản! Ông có thể hỏi Như Lai cái nghĩa sâu xa như vậy. Vậy là ông muốn tạo lợi ích yên vui cho vô lượng chúng sinh. Ông thương tưởng cả thế giới loài người và tám bộ loại khác, muốn làm cho họ được lợi thật, được yên vui, nên phát ra câu hỏi vừa rồi. Ông hãy nghe kỹ. Như Lai sẽ nói cho ông về tánh của các pháp.

Này Đức Bản! Tánh của các pháp đại lược có ba mặt: Một là tánh Biến kế chấp; hai là tánh Y tha khởi; ba là tánh Viên thành thật. Tánh Biến kế chấp là thế nào, là tự tánh và sai biệt của các pháp, được giả thiết nhờ danh từ, cho đến làm cho theo đó mà phát sinh ngôn ngữ. Tánh Y tha khởi là thế nào, là đặc tính duyên sinh của các pháp, cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh, vô minh duyên sinh hành, cho đến lớn lao. Tánh Viên thành thật là thế nào, là chân như nhất quán của các pháp, chân như mà Bồ-tát phải do các duyên tố tinh tấn dũng mãnh, tác ý đúng lý và tư duy không ngược mới thông đạt, bằng vào sự thông đạt này mà tuần tự tu tập, cho đến Vô thượng Chánh biến giác mới chứng ngộ viên mãn.

Đức Bản! Như người bị bệnh màng mắt, cái màng mắt ấy tánh Biến kế chấp cũng vậy. Như người bị bệnh màng mắt thấy những ảo ảnh tóc, lông, ong, ruồi, lá diếp, dây sắn hay xanh vàng đỏ trắng, những ảo tượng ấy tánh Y tha khởi cũng vậy. Như người mắt đã trong sáng, hết hẳn màng mắt, bản tánh con mắt trong sáng nhìn thấy cảnh vật không thác loạn, cảnh vật không thác loạn ấy tánh Viên thành thật cũng vậy.

Tựa như ngọc bạch châu trong suốt, nếu nhuộm màu xanh thì thấy như ngọc đế thanh, do ngộ nhận là ngọc đế thanh mà làm cho người lầm lẫn thác loạn; nếu nhuộm màu đỏ thì thấy như ngọc hổ phách, do ngộ nhận là ngọc hổ phách mà làm cho người lầm lẫn thác loạn; nếu nhuộm màu lục thì thấy như ngọc sát sắc, do ngộ nhận là ngọc sát sắc mà làm cho người lầm lẫn thác loạn; nếu nhuộm màu vàng thì thấy như hoàng kim, do ngộ nhận là hoàng kim mà làm cho người lầm lẫn thác loạn. Tương tự nơi ngọc bạch châu trong suốt mà có màu sắc, nơi tánh Y tha khởi mà có tập khí ngôn từ của tánh Biến kế chấp thì cũng như vậy; tương tự nơi ngọc bạch châu trong suốt mà có những ngộ nhận đế thanh hổ phách sát sắc hoàng kim, nơi tánh Y tha khởi mà có tánh Biến kế chấp thì cũng như vậy; tương tự ngọc bạch châu trong suốt, tánh Y tha khởi thì cũng như vậy; tương tự nơi ngọc bạch châu trong suốt, đế thanh hổ phách sát sắc hoàng kim luôn luôn và vĩnh viễn không thật có và không đặc tính, nơi tánh Y tha khởi, cái tánh Viên thành thật mà tánh Biến kế chấp luôn luôn vĩnh viễn không thật có và không đặc tính thì cũng như vậy.

Này Đức Bản! Biết do tướng và danh tương ứng làm duyên tố thì biết được tánh Biến kế chấp; nơi tánh Y tha khởi, biết cái chấp của tánh Biến kế chấp làm duyên tố thì biết tánh Y tha khởi; nơi tánh Y tha khởi, biết không có cái chấp của tánh Biến kế chấp làm duyên tố thì biết tánh Viên thành thật.

Lại nữa, nếu Bồ-tát có thể nơi tánh Y tha khởi của các pháp mà đúng như sự thật biết tánh Biến kế chấp, thì thế là đúng như sự thật biết sự vô tướng của các pháp; nếu Bồ-tát đúng như sự thật biết tánh Y tha khởi, thì thế là đúng như sự thật biết sự tạp nhiễm của các pháp; nếu Bồ-tát đúng như sự thật biết tánh Viên thành thật, thì thế là

đúng như sự thật biết sự thanh tịnh của các pháp. Bồ-tát nếu nơi tánh Y tha khởi mà đúng như sự thật nhận biết sự vô tướng thì có thể hủy diệt sự tạp nhiễm, nếu có thể hủy diệt sự tạp nhiễm thì có thể chứng đắc sự thanh tịnh.

Này Đức Bản! Bồ-tát do đúng như sự thật mà biết tánh Biến kế chấp, tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật, nên cũng đúng như sự thật mà nhận biết sự vô tướng, sự tạp nhiễm và sự thanh tịnh. Đúng như sự thật mà nhận biết sự vô tướng nên hủy diệt sự tạp nhiễm, hủy diệt sự tạp nhiễm nên chứng đắc sự thanh tịnh: Do đây mà gọi là vị Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp và cũng do đây mà Như Lai quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

*Nếu không biết rõ  
Về sự vô tướng  
Thì sự tạp nhiễm  
Không thể hủy diệt,  
Nếu sự tạp nhiễm  
Không thể hủy diệt  
Thì sự thanh tịnh  
Không thể chứng đắc.  
Không hề quan sát  
Lỗi lầm các hành  
Sự phóng dật này  
Làm hại chúng sinh.  
Nên trong hai mặt  
Trú pháp, động pháp  
Sự nhắc làm cho  
Đã không lại có:  
Mất hồng đến thế  
Thật đáng xót thương.*

\*\*  
\*

### Phẩm 5: VÔ TÁNH (VÔ TỰ TÁNH TƯỚNG)

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con từng một mình ở nơi thanh vắng, tâm trí tầm tư như vậy, bằng nhiều mật, Thế Tôn đã giảng nói về đặc tính, phát sinh, tận diệt, vĩnh đoạn và biến tri của năm uẩn; như Thế Tôn đã nói năm uẩn, thì Thế Tôn đã nói mười hai xứ, mười hai duyên khởi và bốn thực cũng như vậy; cũng vậy, Thế Tôn đã nói về đặc tính, biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng và tu tập của bốn Đế; Thế Tôn đã nói về đặc tính, chủng loại, đa dạng, vĩnh đoạn và biến tri của mười tám giới; Thế Tôn đã nói về đặc tính, chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, tu tập chưa sinh thì phát sinh, đã sinh thì kiên cố, bội phần tu tập cao lên và rộng ra của bốn Niệm trú; như Thế Tôn đã nói bốn Niệm trú, thì Thế Tôn đã nói bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo cũng như vậy. Nhưng Thế Tôn lại nói các pháp toàn không, không sinh, không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Con chưa hiểu rõ do mật ý nào mà Thế Tôn nói như vậy? Con xin thỉnh vấn Thế Tôn về nghĩa ấy; xin Thế Tôn thương mà giải thích cho chúng con về mật ý mà Thế Tôn nói các pháp toàn không, không sinh, không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh:

–Tốt lắm! Thắng Nghĩa Sinh! Sự tầm tư của ông rất đúng lý. Tốt lắm! Thắng Nghĩa Sinh! Ông có thể hỏi Như Lai cái thâm nghĩa như vậy. Vậy là ông muốn tạo lợi ích yên vui cho vô lượng chúng sinh. Ông thương tưởng cả thế giới loài người và tám bộ loại khác, muốn làm cho họ được lợi thật, được yên vui, nên phát ra câu hỏi vừa rồi. Ông hãy nghe kỹ. Như Lai sẽ giải thích cho ông về mật ý mà Như Lai đã nói rằng các pháp toàn không, không sinh, không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Hãy nhận thức rằng Như Lai căn cứ ba vô tánh sau đây mà mật ý nói các pháp toàn không, ấy là Tướng vô tánh, Sinh vô tánh, Thắng nghĩa vô tánh.

Tướng vô tánh là thế nào? Là chính tánh Biến kế chấp của các pháp. Vì sao? Vì tánh ấy do giả danh thiết lập chứ không phải do tự tướng thiết lập, nên gọi là tướng vô tánh.

Sinh vô tánh là thế nào? Là chính tánh Y tha khởi của các pháp. Vì sao? Vì do cái khác là duyên tố mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh.

Thắng nghĩa vô tánh là thế nào? Là một mặt các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Vì sao? Vì nơi các pháp, nếu là đối tượng được duyên thanh tịnh thì Như Lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà tánh Y tha khởi không phải đối tượng được duyên thanh tịnh nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh.

Mặt khác tánh Viên thành thật của các pháp cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Vì sao? Vì pháp vô ngã của tất cả các pháp thì gọi là thắng nghĩa, thắng nghĩa này cũng gọi là vô tánh, vì nó mới là thắng nghĩa của các pháp và do vô tánh hiển lộ, nên tánh Viên thành thật gọi là thắng nghĩa vô tánh. Tướng tự không hoa, tướng vô tánh cũng vậy. Tướng tự ảo tượng của ảo thuật, sinh vô tánh cũng vậy, thắng nghĩa vô tánh mặt thứ nhất cũng vậy. Tướng tự hư không do sắc tướng vô tánh hiển lộ và phổ biến tất cả, thắng nghĩa vô tánh mặt thứ hai cũng vậy, vì do pháp vô ngã hiển lộ và phổ biến tất cả. Như Lai căn cứ vào ba vô tánh như vậy mà mật ý nói rằng các pháp toàn không.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Ông nên biết Như Lai căn cứ tướng vô tánh mà mật ý nói các pháp không sinh, không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn. Vì sao? Vì nếu tự tướng các pháp toàn không thì không sinh, không sinh thì không diệt, không sinh diệt thì bản lai vắng bật, bản lai vắng bật thì tự tánh Niết-bàn, trong đó không có chút gì gọi là có để còn phải làm cho nhập vào Niết-bàn, nên Như Lai căn cứ tướng vô tánh mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn. Thế nhưng, Như Lai cũng căn cứ thắng nghĩa vô tánh được hiển lộ do pháp vô ngã mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn. Vì sao? Vì thắng nghĩa vô tánh do pháp vô ngã hiển lộ thì, luôn

luôn và vĩnh viễn, pháp tánh các pháp là an trú, vô vi, không thích ứng với tất cả tạp nhiễm: Luôn luôn và vĩnh viễn, pháp tánh các pháp là an trú nên vô vi, là vô vi nên không sinh diệt, là không thích ứng với tất cả tạp nhiễm nên bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn. Thế nên, Như Lai căn cứ thẳng nghĩa vô tánh do pháp vô ngã hiển lộ mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn.

Thắng Nghĩa Sinh! Nhưng không phải vì trong chúng sinh giới có những kẻ nhìn riêng Biến kế chấp cho là tự tánh, cũng không phải vì những kẻ ấy nhìn riêng Y tha khởi hay Viên thành thật cho là tự tánh cả, mà Như Lai thiếp lập ba vô tánh. Như Lai thiếp lập ba vô tánh là vì những kẻ nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà tăng thêm tánh Biến kế chấp. Những kẻ ấy, do tánh Biến kế chấp quá khứ nên hiện tại nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà hiện khởi ngôn ngữ; như ngôn ngữ hiện khởi như thế nào thì ngôn ngữ huân tập vào tâm như thế ấy, ngôn ngữ phát sinh ra biết, ngôn ngữ liên tục trong tâm, nên nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà tăng thêm tánh Biến kế chấp. Vì, như tánh Biến kế chấp thế nào thì, nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà tăng thêm tánh Biến kế chấp như thế ấy, nên phát sinh tánh Y tha khởi trong vị lai, nghĩa là bị hoặc tạp nhiễm, bị nghiệp tạp nhiễm, bị sinh tạp nhiễm, nên trong phạm vi sinh tử, những kẻ ấy mãi hoài giống ruồi, trôi lăn, không hề ngừng nghỉ, chịu mọi khổ não trong Nại-lạc-ca (địa ngục), trong bàng sinh, trong ngạ quỷ, trong chư Thiên, trong A-tu-la, trong nhân loại.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Với những người từ trước đến giờ chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch chướng ngại, chưa thành thực liên tục, chưa tu nhiều thắng giải, chưa thể tích chứa hai thứ tư lương phước đức, trí tuệ, thì Như Lai vì họ, căn cứ sinh vô tánh mà tuyên thuyết pháp chính yếu; nghe pháp chính yếu này rồi, họ có thể tùy sức mà lý giải các hành duyên sinh là không thường hằng, không yên ổn, biến động, hư rã; lý giải như vậy rồi, đối với các hành, họ sợ sệt, chán ghét sâu xa; sợ sệt chán ghét như vậy nên họ kèm chế điều ác, với điều ác thì có khả năng đình chỉ, với điều

thiện thì có khả năng tu tập; tu tập điều thiện nên chưa gieo trồng thiện căn thì có thể gieo trồng, chưa làm sạch chướng ngại thì có thể làm sạch, chưa thành thực liên tục thì có thể thành thực và do vậy mà tu nhiều thắng giải, dồn nhiều hai thứ tư lương phước đức, trí tuệ. Tuy gieo trồng thiện căn cho đến dồn nhiều hai thứ tư lương phước đức, trí tuệ, nhưng đối với sinh vô tánh, họ vẫn chưa như thật thấu triệt tướng vô tánh và hai thắng nghĩa vô tánh, nghĩa là đối với các hành, họ vẫn chưa chán ghét chính xác, chưa lìa dục chính xác, chưa giải thoát chính xác, chưa giải thoát toàn thể hoặc tạp nhiễm, chưa giải thoát toàn thể nghiệp tạp nhiễm, chưa giải thoát toàn thể sinh tạp nhiễm, nên Như Lai nói thêm pháp yếu cho họ về tướng vô tánh và thắng nghĩa vô tánh, vì muốn làm cho họ đối với các hành có thể chán ghét chính xác, lìa dục chính xác, giải thoát chính xác, vượt qua toàn thể hoặc tạp nhiễm, vượt qua toàn thể nghiệp tạp nhiễm, vượt qua toàn thể sinh tạp nhiễm; được nghe pháp yếu Như Lai nói thêm cho như vậy, nên, đối với sinh vô tánh, họ có thể tin hiểu tường tận về tướng vô tánh và thắng nghĩa vô tánh, lựa lọc suy xét, thấu suốt chính xác, nghĩa là nơi tánh Y tha khởi họ không còn chấp tánh Biến kế chấp, cái trí không còn huân tập theo ngôn ngữ, không còn nhận thức theo ngôn ngữ, không còn liên tục theo ngôn ngữ, nên họ có thể hủy diệt tánh Y tha khởi, ngay trong hiện tại họ được nắm giữ bởi sức mạnh của cái trí như trên nên vĩnh viễn diệt được cái nhân đời sau, tức là đối với các hành họ chán ghét chính xác, lìa dục chính xác, giải thoát chính xác, giải thoát toàn thể hoặc, nghiệp, sinh, ba loại tạp nhiễm.

Thắng Nghĩa Sinh! Những người có chủng tánh đi theo Thanh văn thừa cũng do con đường và dấu đi này mà được Niết-bàn yên ổn tối thượng, những người có chủng tánh đi theo Độc giác thừa, những người có chủng tánh đi theo Như Lai thừa, cũng do con đường và dấu đi này mà được Niết-bàn yên ổn tối thượng; tất cả các vị Thanh văn Độc giác Bồ-tát cùng đi con đường sạch sẽ tinh tế và duy nhất này, cùng được sự thanh tịnh toàn hảo và duy nhất này, chứ không có con đường và sự thanh tịnh thứ hai, nên Như Lai căn cứ sự thể ấy mà mật ý nói chỉ có Nhất thừa. Chứ không phải trong chúng sinh giới không



có những chủng tánh khác nhau, hoặc độn căn, hoặc trung căn, hoặc lợi căn. Do vậy, nếu người có chủng tánh Thanh văn một chiều đi đến Niết-bàn, thì dầu được ơn Phật thiếp lập đủ cách cải hoán hướng dẫn cho họ tu hành dũng mãnh đi nữa, cũng không bao giờ có thể làm cho họ sẽ ngồi nơi Bồ-đề tràng mà chứng được vô thượng giác. Vì sao? Vì họ vốn chỉ có chủng tánh thấp kém, một chiều Từ bi bạc nhược, một chiều khiếp sợ khổ sở; vì một chiều Từ bi bạc nhược nên họ một chiều trái bỏ những công hạnh tạo lợi ích cho chúng sinh, vì một chiều khiếp sợ khổ sở nên họ một chiều trái bỏ những thệ nguyện phát khởi công hạnh và Như Lai không bao giờ nói những người một chiều trái bỏ công hạnh tạo lợi ích cho chúng sinh và một chiều trái bỏ thệ nguyện phát khởi công hạnh sẽ được ngồi nơi Bồ-đề tràng và thành tựu vô thượng giác, nên Như Lai gọi những người này là Thanh văn một chiều đi đến Niết-bàn. Nếu người có chủng tánh Thanh văn xoay lại hướng về Bồ-đề, thì Như Lai cũng dùng cách nói khác mà nói họ là Bồ-tát. Vì sao? Vì họ giải thoát phiền não chướng rồi, khi được ơn Phật thức tỉnh cho, thì đối với sở tri chướng họ cũng sẽ được giải thoát; chỉ do từ nguyên thỉ họ vì tự lợi mà tu hành những cách giải thoát phiền não chướng, nên Như Lai nói họ là chủng tánh Thanh văn.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Như thế, trong chánh pháp mà Như Lai khéo tuyên thuyết, khéo quy định và được nói ra do ý muốn rất trong sạch, vẫn có những nhận thức khác nhau của nhiều hạng người. Như Lai vốn căn cứ ba vô tánh như trên, nhưng do mật ý sâu xa, nên trong những kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo mà Như Lai đã nói, Như Lai nói pháp yếu theo cách nói kín đáo, rằng các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn.

Một, đối với kinh pháp như vậy, người đã gieo trồng thiện căn thượng phẩm, đã làm sạch chướng ngại, đã thành thực liên tục, đã tu nhiều thắng giải, đã dần chứa được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ thượng phẩm, thì nghe kinh pháp như vậy rồi, người ấy thấu hiểu đúng như sự thật lời nói mật ý sâu xa của Như Lai: Người ấy tin hiểu sâu xa kinh pháp như vậy, đối với nghĩa lý của kinh pháp như vậy người ấy dùng cái trí tuệ không đảo ngược mà thông suốt

đúng như sự thật, rồi dựa vào sự thông suốt này mà khéo léo tu tập, nên mau chóng đạt đến sự cứu cánh cùng cực; và đối với Như Lai, người ấy phát sinh một cách sâu xa đức tin trong sáng, nhận thức Như Lai là Bạc Ứng Cúng Chánh Biến Giác, đã Chánh biến giác tất cả các pháp.

Hai, người đã gieo trồng thiện căn thượng phẩm, đã làm sạch chướng ngại, đã thành thực liên tục, đã tu nhiều thắng giải, nhưng chưa đôn chứa được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ thượng phẩm, mà tính họ chất trực, họ thuộc loại chất trực, dầu bất lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phế bỏ và thiếp lập, họ vẫn không đứng yên trong sự giữ chặt ý kiến của mình; do đó, họ nghe kinh pháp như vậy rồi, dầu bất lực trong sự thấu hiểu đúng như sự thật lời nói mật ý sâu xa của Như Lai, nhưng đối với kinh pháp như vậy họ vẫn có thắng giải, vẫn sinh đức tin trong sáng: Tin rằng kinh pháp như vậy là do Như Lai nói, là rất sâu xa, biểu lộ sự sâu xa, thích hợp đạo lý không, khó thấy khó hiểu, không thể tầm tư, không phải là lĩnh vực tầm tư biết thấu, mà là nhỏ nhiệm, xác thật, những người tuệ giác sáng suốt biết thấu; đối với nghĩa lý được nói trong kinh pháp như vậy thì họ khiêm tốn mà tự nói rằng tuệ giác Thế Tôn cực kỳ sâu xa, pháp tánh các pháp cũng cực kỳ sâu xa, chỉ Thế Tôn mới thấu triệt một cách khéo léo chứ không phải là cái mình hiểu nổi; Thế Tôn thuyết pháp cho những người thắng giải khác nhau, thấy và biết của Thế Tôn không có giới hạn, thấy và biết của mình chỉ bằng lỗ chân trâu bò; đối với kinh pháp như vậy họ tôn kính như thế và đem nói cho người, sao chép, bảo tồn, đọc tụng, truyền bá, thiết tha, hiến cúng, học hỏi, tụng thuộc, ôn tập, nhưng chưa thể đem cái tu của mình mà làm theo. Do vậy, họ chưa thể thông suốt lời chữ của Như Lai mật ý sâu xa nói ra, nhưng cũng do vậy mà họ vẫn tăng trưởng được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ và người đời sau thì thành thực được cái chưa thành thực.

Ba, người chưa gieo trồng thiện căn thượng phẩm, cho đến chưa đôn chứa được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ thượng phẩm, tính không chất trực, không thuộc loại chất trực, dầu có sức lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phế bỏ và thiếp lập, nhưng

vẫn đứng yên trong sự giữ chặt ý kiến của mình, thì họ nghe kinh pháp như vậy không thể thấu hiểu đúng như sự thật lời nói mật ý sâu xa của Như Lai, dầu tin hiểu kinh pháp như vậy nhưng đối với nghĩa lý kinh pháp như vậy thì chấp trước theo ngôn ngữ, cho các pháp quyết định toàn không, quyết định không sinh không diệt, quyết định bản lai vắng bật, quyết định tự tánh Niết-bàn. Do vậy, đối với các pháp, họ thấy không, thấy không tánh, vì thấy không và thấy không tánh nên phủ nhận rằng các tánh đều không tánh, nghĩa là họ bài bác tất cả tánh Biến kế chấp, tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật của các pháp. Vì sao? Vì biết họ bài bác tất cả, vì có tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mới thiết lập tánh Biến kế chấp, nếu tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà thấy là không tánh cả thì thế là bài bác cả tánh Biến kế chấp, thế nên Như Lai nói họ bài bác tất cả ba tánh và như thế thì dầu đối với kinh pháp của Như Lai họ thấy là kinh pháp, nhưng đối với phi nghĩa lý họ thấy là nghĩa lý, vì kinh pháp thấy là kinh pháp nhưng phi nghĩa lý thấy là nghĩa lý, nên họ nắm lấy kinh pháp làm kinh pháp và nắm lấy phi nghĩa lý làm nghĩa lý: Họ tin hiểu kinh pháp nên phước đức tăng trưởng, nhưng chấp trước phi nghĩa lý nên trí tuệ lui mất, trí tuệ lui mất nên lui mất vô số pháp thiện quảng đại. Người nào nghe họ nói một cách cho kinh pháp là kinh pháp nhưng cho phi nghĩa lý là nghĩa lý, rồi chấp thuận kiến thức của họ thì cũng cho kinh pháp là kinh pháp nhưng cho phi nghĩa lý là nghĩa lý, vì cho kinh pháp là kinh pháp nhưng cho phi nghĩa lý là nghĩa lý nên, cũng như họ, người này lui mất pháp thiện. Còn người nào không chấp thuận kiến thức của họ, nhưng đột nhiên nghe họ nói các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn, thì sinh ra sợ hãi, sợ hãi như thế nên nói kinh pháp như vậy không phải Phật nói mà là ma nói; do nhận định này mà phỉ báng lăng mạ kinh pháp như vậy, do phỉ báng thóa mạ kinh pháp như vậy mà bị đại suy tổn, chạp đại nghiệp chướng, vì thế, Như Lai nói ai cho các tánh toàn là không tánh, nghĩa là lấy phi nghĩa lý làm nghĩa lý, thì đó là phương cách tiện lợi nổi đại nghiệp chướng, vì họ làm cho vô số chúng sinh phải bị sa đọa mà tạo đại nghiệp chướng.

Bốn, người chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch nghiệp chướng, chưa thành thực liên tục, không tu nhiều thắng giải, chưa dồn chứa hai thứ tư lương phước đức trí tuệ, tính không chất trực, không thuộc loại chất trực, dầu có sức lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phế bỏ và thiếp lập, nhưng thường đứng yên trong sự cố thủ kiến thức của mình, thì nghe kinh pháp như vậy họ không thể thấu hiểu đúng như sự thật về lời nói mật ý sâu xa của Như Lai, cũng không tin hiểu kinh pháp như vậy, nên kinh pháp cho là phi kinh pháp, nghĩa lý cho là phi nghĩa lý; kinh pháp cho là phi kinh pháp và nghĩa lý cho là phi nghĩa lý, nên nói rằng kinh pháp như vậy không phải Phật nói mà là ma nói và nhận định này làm cho họ phỉ báng thóa mạ kinh pháp như vậy là hư dối, bằng lăm cách, họ hủy diệt, xô đổ kinh pháp như vậy, những ai tin hiểu kinh pháp như vậy thì bị họ coi là kẻ thù; họ, trước kia bị nghiệp chướng làm cho chướng ngại, nay do lý do trên mà bị nghiệp chướng tiếp tục chướng ngại và nghiệp chướng này mở đầu có vẻ giản dị, nhưng rồi chịu khổ trong thời kỳ bằng trăm ngàn câu-chi na-do-tha, khó có lúc thoát khỏi.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Như thế, trong chánh pháp mà Như Lai khéo tuyên thuyết, khéo quy định và được nói ra bởi ý muốn cực kỳ trong sạch, vẫn có những nhận thức khác nhau của nhiều hạng người như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

*Tất cả các pháp  
Toàn là không cả  
Không sinh không diệt  
Bản lai vắng bặt,  
Tự tánh các pháp  
Vốn thường niết-bàn  
Lời có trí này  
Sao không mật ý?  
Tướng vô tự tánh*

*Sinh vô tự tánh  
Nghĩa vô tự tánh  
Ba thứ như vậy  
Như Lai căn cứ  
Mà nói lời trên  
Nếu không biết được  
Mật ý như lai,  
Thì mất đường chính  
Không đi đến đâu  
Các vị trong sạch  
Toàn do đường ấy  
Đường ấy duy nhất  
Không đường thứ hai  
Do sự thể này  
Lập ra nhất thừa  
Không phải chúng sinh  
Chúng tánh đồng nhất.  
Nên trong chúng sinh  
Có vô số người  
Chỉ đưa bản thân  
Đi đến Niết-bàn,  
Và thật hiếm có  
Những ai đại Bi  
Tinh tấn dũng mãnh  
Chúng đại niết-bàn  
Không hề bỏ rơi  
Hết thấy chúng sinh.  
Trong giới vô lậu  
Nhiệm mầu khó xét  
Thì sự giải thoát  
Thật là đồng đẳng,  
Hoàn thành chân thật  
Thoát ly khổ não*

*Nên còn được gọi  
Hai cách gọi khác  
Hoặc gọi là thường  
Hoặc gọi là lạc.*

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ mật ý của Thế Tôn thật rất kỳ lạ, rất hiếm có! Cho đến tinh tế và rất tinh tế, sâu xa và rất sâu xa, khó thấu triệt và rất khó thấu triệt. Nay, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của sắc uẩn, giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của sắc uẩn phát sinh, của sắc uẩn diệt tận, của vĩnh đoạn sắc uẩn, của biến tri sắc uẩn, sự giả danh thiếp lập ấy gọi là tánh Biến kế chấp, cũng vậy Thế Tôn căn cứ tánh Biến kế chấp như vậy mà thiếp lập tướng vô tánh; còn chính các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào thì gọi là tánh Y tha khởi và Thế Tôn căn cứ tánh Y tha khởi như vậy mà thiếp lập sinh vô tánh và một phần của thắng nghĩa vô tánh; và cứ như thế, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì chính nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà thấy tánh Biến kế chấp không thật có: cái tánh không thật có tánh Biến kế chấp này, tức chân như do pháp vô ngã hiển lộ và là đối tượng được duyên thanh tịnh này, gọi là tánh Viên thành thật và Thế Tôn căn cứ tánh Viên thành thật như vậy mà thiếp lập một phần nữa của thắng nghĩa vô tánh. Như đối với sắc uẩn được nói như vậy thì đối với các uẩn khác cũng nên nói rõ như vậy; như đối với năm uẩn được nói như vậy thì đối với mười hai xứ, mỗi xứ cũng nên nói rõ như vậy, đối với mười hai hữu chi mỗi hữu chi cũng nên nói rõ như vậy, đối với bốn thật mỗi thật cũng nên nói rõ như vậy, đối với ba lần sáu giới tức mười tám giới mỗi giới cũng nên nói rõ như vậy.

Nay, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì nơi các hành của phân biệt biết đến và Biến kế dựa vào mà giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của Khổ đế và của Biến tri khổ đế,

sự giả danh thiếp lập ấy gọi là tánh Biến kế chấp và Thế Tôn căn cứ tánh Biến kế chấp như vậy mà thiếp lập tướng vô tánh; còn chính các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào thì gọi là tánh Y tha khởi, cũng vậy Thế Tôn căn cứ tánh Y tha khởi như vậy mà thiếp lập sinh vô tánh và một phần của thắng nghĩa vô tánh; và cứ như thế, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì chính nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà thấy tánh Biến kế chấp không thật có, tức cái tánh không thật có của tánh Biến kế chấp này, tức chân như do pháp vô ngã hiển lộ và là đối tượng được duyên thanh tịnh này, gọi là tánh Viên thành thật và Thế Tôn căn cứ tánh Viên thành thật như vậy mà thiếp lập một phần nữa của thắng nghĩa vô tánh. Như đối với Khổ đế được nói như vậy thì đối với các đế khác cũng nên nói rõ như vậy; như đối với bốn Đế được nói như vậy thì đối với bốn Niệm trú, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo, mỗi thứ cũng nên nói rõ như vậy.

Nay, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của chánh định, của các sự của chánh định là chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, chính tu chưa sinh thì phát sinh, đã sinh thì kiên cố, bội tu thì cao lên và rộng ra, sự giả danh thiếp lập ấy gọi là tánh Biến kế chấp, Thế Tôn căn cứ tánh Biến kế chấp như vậy mà thiếp lập tướng vô tánh; còn chính các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào thì gọi là tánh Y tha khởi; Thế Tôn căn cứ tánh Y tha khởi như vậy mà thiếp lập sinh vô tánh và một phần của thắng nghĩa vô tánh; và cứ như thế, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì chính nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà thấy tánh Biến kế chấp không thật có, tức cái tánh không thật có của tánh Biến kế chấp này, tức chân như do pháp vô ngã hiển lộ và là đối tượng được duyên thanh tịnh này, gọi là tánh Viên thành thật, cũng vậy Đức Thế Tôn căn cứ tánh Viên thành thật như vậy mà thiếp lập một phần nữa của thắng nghĩa vô tánh.

Bạch Thế Tôn! Như thuốc Tỳ-thấp-phược thì nên để khắp

trong các phương thuốc tán và thuốc tiên; tương tự như vậy, “do ba vô tánh nên các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn”, pháp thoại mà nghĩa lý đã hoàn hảo này nên để vào khắp trong các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo. Như bột vẽ màu thì có khắp trong tất cả nét vẽ, làm cho những nét vẽ ấy đều cùng một màu hoặc xanh hoặc vàng hoặc đỏ hoặc trắng, lại làm cho rõ ra những nét vẽ ấy; tương tự như vậy, “do ba vô tánh nên các pháp toàn không cho đến tự tánh Niết-bàn”, pháp thoại mà nghĩa lý đã hoàn hảo này có khắp trong tất cả các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo, làm cho các kinh ấy cùng một ý vị, lại làm cho rõ ra nghĩa lý chưa hoàn hảo trong các kinh ấy. Như những thực phẩm bánh trái đã chín và quý mà bỏ sữa chín vào thì càng thêm mùi vị đặc biệt; tương tự như vậy, “do ba vô tánh nên các pháp toàn không cho đến tự tánh Niết-bàn”, pháp thoại mà nghĩa lý đã hoàn hảo này đặt vào các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo thì càng làm sinh ra nỗi thích thú siêu việt. Như hư không thì khắp nơi đều cùng một đặc tính, ấy là không trở ngại mọi sự việc; tương tự như vậy, “do ba tự tánh nên các pháp toàn không cho đến tự tánh Niết-bàn”, pháp thoại mà nghĩa lý đã hoàn hảo này thì khắp trong các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo đều cùng một đặc tính, ấy là không trở ngại việc tu của Thanh văn, Độc giác và Đại thừa.

Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh thưa như vậy rồi, Thế Tôn bảo:

–Tốt lắm! Thắng Nghĩa Sinh! Ông khéo lý giải về ý nghĩa của lời nói mật ý rất sâu xa mà Như Lai đã nói. Ông lại khéo ví dụ về ý nghĩa ấy, ví như thuốc Tỳ-thấp-phước, như bột vẽ màu, như sữa chín, như hư không. Thắng Nghĩa Sinh! Đúng vậy! Đúng như ông nói chứ không có gì khác hơn nữa. Ông hãy tiếp nhận và lý giải đúng như vậy.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xưa kia, trong thời kỳ đầu tiên, khi ở trong rừng ban cho loài nai, chỗ Tiên nhân Ba-la-niệt-tư-sa xuống, Thế Tôn chỉ vì những vị có xu hướng Thanh văn thừa, căn cứ đạo lý Tứ đế mà chuyển pháp luân, tuy rất lạ, rất hiếm, bao nhiêu người trời trong thế giới không ai chuyển được đúng cách, nhưng pháp luân được



chuyển trong thời kỳ này vẫn có cái trên nữa, vẫn chịu đựng đả phá, là nghĩa lý chưa hoàn hảo, là nơi đặt chân của sự tranh luận. Kế đó, trong thời kỳ thứ hai, Thế Tôn chỉ vì những vị có xu hướng Đại thừa, căn cứ đạo lý “các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn”, dùng sự ẩn mật mà chuyển pháp luân, tuy càng rất lạ, càng rất hiếm nhưng pháp luân được chuyển trong thời kỳ này vẫn còn có cái trên nữa, vẫn còn chịu đựng đả phá, vẫn là nghĩa lý chưa hoàn hảo, vẫn là nơi đặt chân của sự tranh luận. Còn nay, trong thời kỳ thứ ba, Thế Tôn khắp vì các vị có xu hướng Nhất thế thừa, căn cứ đạo lý “do ba vô tánh nên các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn”, dùng sự minh bạch mà chuyển pháp luân, càng rất lạ nhất, càng rất hiếm nhất và pháp luân được chuyển hiện nay không còn có cái gì trên nữa, không còn chịu đựng sự đả phá nữa, nghĩa lý đích thật hoàn hảo, không còn là nơi đặt chân của sự tranh luận.

Bạch Thế Tôn! Đối với pháp thoại rất sâu xa và rất hoàn hảo của Thế Tôn căn cứ đạo lý “do ba vô tánh nên các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh Niết-bàn” mà nói ra đây, nếu thiện nam hay thiện nữ nào nghe rồi tin hiểu, sao chép, bảo tồn, hiến cúng, truyền bá, học hỏi, tụng thuộc, tu tập, tư duy đúng lý và đem sự tu của mình mà nỗ lực tu tập, thì phát sinh được bao nhiêu phước đức?

Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh thưa như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

–Này Thắng Nghĩa Sinh! Thiện nam hay thiện nữ như vậy được phước vô số, vô lượng, khó thể đối chiếu và nhận thức. Như Lai nay chỉ nói cho ông một phần nhỏ. Đất nơi móng tay mà so sánh với đất cả đại địa thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, không bằng một phần số, toán, kế, dụ, Ô-ba-ni Sát-đàm. Nước trong lỗ chân trâu bò mà so sánh với nước cả bốn đại dương thì không bằng một phần trăm, cho đến không bằng một phần Ô-ba-ni Sát-đàm. Tương tự như vậy, đối với các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo mà nghe rồi tin hiểu, cho đến đem sự tu của mình mà nỗ lực tu tập, cái phước như vậy đem so

sánh với cái phước nghe rồi tin hiểu, cho đến đem cái tu của mình mà nỗ lực tu tập đối với pháp thoại nghĩa lý đã hoàn hảo này, thì không bằng một phần trăm, cho đến không bằng một phần Ô-ba-ni Sát-đàm.

Khi Đức Thế Tôn dạy như vậy rồi, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong toàn bộ pháp thoại Giải Thâm Mật, pháp thoại này nên mệnh danh là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Thắng Nghĩa Sinh! Pháp thoại này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Thắng Nghĩa. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp thoại Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Thắng Nghĩa này thì trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn lánh xa bụi bặm, tách rời dơ bẩn, đối với các pháp thì được mắt pháp trong sáng; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn hết hẳn mọi lậu hoặc, tâm được giải thoát; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.



# KINH GIẢI THÂM MẬT

## QUYỂN 3

### Phẩm 6: DU-GIÀ (PHÂN BIỆT DU-GIÀ)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

– Bạch Thế Tôn! Trong Đại thừa, các vị Bồ-tát y cứ vào chỗ nào và trú vào chỗ nào để tu tập Chỉ Quán?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

– Thiện nam! Hãy nhận thức rằng trong Đại thừa, các vị Bồ-tát tu tập Chỉ Quán thì lấy giáo pháp của Như Lai thiết lập mà làm chỗ y cứ, lấy sự không bỏ mất tâm nguyện Vô thượng Bồ-đề mà làm chỗ an trú.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói có bốn đối cảnh của đối tượng được duyên:

1. Có phân biệt.
2. Không phân biệt.
3. Biên tế của các pháp.
4. Sở tác thành tựu.

Bốn đối cảnh này mấy là đối tượng được duyên của chỉ, mấy là đối tượng được duyên của quán, mấy là đối tượng được duyên của cả Chỉ Quán?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

– Thiện nam! Một là đối tượng được duyên của chỉ, đó là đối cảnh không phân biệt; một là đối tượng được duyên của quán, đó là đối cảnh có phân biệt; hai là đối tượng được duyên của cả chỉ và quán, đó là đối cảnh biên tế của các pháp và đối cảnh sở tác thành tựu.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát do bốn đối cảnh của đối tượng được duyên như trên mà cầu về chỉ và khéo về quán là như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Giáo pháp của Như Lai thiết lập cho Bồ-tát là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị; đối với giáo pháp ấy, Bồ-tát khéo lắng nghe, khéo tiếp nhận, văn khéo rành rẽ, ý khéo tìm tòi, thấy khéo thông suốt; rồi chính nơi giáo pháp phải khéo tư duy như vậy, Bồ-tát một mình ở chỗ không phiền không ồn mà tác ý tư duy; sự tư duy này phải được nội tâm liên tục tác ý tư duy: hễ đứng vững rất nhiều trong cái chánh hạnh ấy, sinh ra sự khinh an nơi thân và sự khinh an nơi tâm, thì đó là chỉ và Bồ-tát như vậy là cầu về chỉ. Bồ-tát này do cái thân tâm khinh an trên đây làm nền tảng, đối với ấn tượng chánh định theo giáo pháp phải khéo tư duy nói trên, hãy quan sát, thắng giải, bỏ cái tâm tướng về chỉ: Hễ đối với ấn tượng chánh định cần phải chứng biết ấy mà chính xác quyết trạch, cùng cực quyết trạch, tầm tư toàn bộ, tứ sát toàn bộ, rồi xác nhận, ưa thích, hiểu biết, nhìn thấy, xét thấy, thì đó là quán và Bồ-tát như vậy là khéo về quán.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát từ khi lấy ấn tượng của tâm mà làm đối tượng, nội tâm tư duy tâm, cho đến lúc chưa được thân tâm khinh an, thì sự tác ý trong thời gian đó nên gọi là gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam, đó chưa phải là tác ý về chỉ, mà là tác ý thích thú sự thắng giải tùy thuận với chỉ.

–Bạch Thế Tôn! Cho đến lúc chưa được thân tâm khinh an, Bồ-tát có sự tác ý tư duy đối với ấn tượng chánh định theo giáo pháp phải tư duy, sự tác ý đó nên gọi là gì?

–Thiện nam! Đó chưa phải là tác ý về quán, mà là tác ý thích ứng sự thắng giải tùy thuận với quán.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ với quán nên nói có khác nhau hay nên nói không khác nhau?

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nên nói không phải có khác nhau, cũng không phải không khác nhau. Tại sao không phải có khác nhau, vì chỉ lấy cái tâm đối tượng của quán mà làm đối tượng của nó; tại sao không phải không khác nhau, vì ấn tượng có phân biệt của quán không phải là ấn tượng của nó.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ấn tượng chánh định của quán cùng với tâm thức chánh định ấy nên nói có khác hay nên nói không khác?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nên nói không khác.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không khác?

–Thiện nam! Vì ấn tượng ấy chỉ là tâm thức. Thiện nam! Như Lai nói cái gì thức biết thì cái ấy chỉ do thức hiện.

–Bạch Thế Tôn! Nếu ấn tượng tâm thức không khác tâm thức thì làm sao tâm thức trở lại nhận thấy tâm thức?

–Thiện nam! Ở đây không có chút pháp nào nhận thấy chút pháp nào, nhưng chính tâm thức khi sinh ra thế nào thì hình thành đối tượng thế ấy. Như có kẻ nhờ mặt gương trong sáng rồi chính thân mình làm duyên tố mà thấy thân mình, nhưng bảo mình thấy hình ảnh, lại bảo hình ảnh đó biệt lập với thân mình; tương tự như vậy, khi tâm thức sinh ra thì thấy như có ấn tượng chánh định biệt lập hình thành.

–Bạch Thế Tôn! Như vậy thì chúng sinh ở trong đặc chất của mình chứ không phải ở trong chánh định mà nhận thức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấn tượng ấy với nhận thức ấy cũng không khác nhau chăng?

–Thiện nam! Cũng không khác nhau; nhưng kẻ ngu ngơ thì vì ảo giác thác loạn, không nhận thức ấn tượng một cách đúng như sự thật của chúng chỉ là tâm thức, nên sinh ra ngộ nhận.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Căn cứ vào đâu mà nói Bồ-tát một chiều tu quán?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Y cứ nơi sự liên tục tác ý chỉ tư duy ấn tượng của tâm.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu mà nói là Bồ-tát một chiều tu chỉ?

–Thiện nam! Y cứ nơi sự liên tục tác ý chỉ tư duy tâm ấy liên tục.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu thì nên nói là Bồ-tát chỉ quán hòa hợp cùng có?

–Thiện nam! Y cứ nơi sự chính xác tư duy về tâm đồng nhất cảnh.

–Bạch Thế Tôn! Ấn tượng của tâm là gì?

–Thiện nam! Đó là ấn tượng có phân biệt của chánh định mà quán chuyên chú vào.

–Bạch Thế Tôn! Tâm ấy liên tục là gì?

–Thiện nam! Là cái tâm chuyên chú ấn tượng nói trên mà chỉ chuyên chú vào.

–Bạch Thế Tôn! Tâm đồng nhất cảnh là gì?

–Thiện nam! Là thấu triệt rằng ấn tượng chánh định là duy thức, hoặc thấu triệt như vậy rồi lại tư duy về chân như.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Quán có mấy thứ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Đại khái quán có ba thứ, một là có tướng, hai là tâm cầu, ba là tứ sát. Quán có tướng là gì, là sự quán thuần tư duy ấn tượng có phân biệt của chánh định; quán tâm cầu là gì, là sự quán nhờ tuệ nên tác ý tư duy để khéo thấu hiểu đối với toàn bộ các pháp chưa khéo thấu hiểu; quán tứ sát là gì, là sự quán nhờ tuệ nên tác ý tư duy để khéo chứng ngộ và cực giải thoát đối với các pháp đã khéo thấu hiểu.

–Bạch Thế Tôn! Chỉ có mấy thứ?

–Thiện nam! Do chính cái tâm liên tục theo quán nên chỉ cũng có ba thứ; lại có tám thứ, đó là bốn Tĩnh lự và bốn Không định, mỗi thứ là một chỉ; lại có bốn thứ, đó là bốn vô lượng Tỳ, Bi, Hỷ, Xả, mỗi thứ là một chỉ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Chỉ Quán dựa vào pháp, lại nói Chỉ Quán không dựa vào pháp, vậy thế nào là Chỉ Quán dựa vào pháp, thế nào là Chỉ Quán không dựa vào pháp?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nếu Bồ-tát tùy thuận cái pháp đã tiếp nhận và tư duy và Chỉ Quán đạt được bởi nghĩa lý của pháp ấy thì gọi là Chỉ Quán dựa vào pháp; nếu Bồ-tát chưa có cái pháp đã tiếp nhận và tư duy, chỉ dựa vào sự chỉ dạy của người khác và Chỉ Quán đạt được bởi nghĩa lý của sự chỉ dạy ấy, như quán thân thể bất tịnh, các hành vô thường, các hành khổ não, các pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng, những loại Chỉ Quán như vậy gọi là Chỉ Quán không dựa vào pháp. Dựa vào pháp mà được Chỉ Quán thì Như Lai quy định đó là Bồ-tát tùy pháp hành, là Bồ-tát lợi căn; không dựa vào pháp mà được Chỉ Quán thì Như Lai quy định đó là Bồ-tát tùy tín hành, là Bồ-tát độn căn.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Chỉ Quán để nương vào pháp riêng biệt, lại nói Chỉ Quán vin vào pháp tổng quát, vậy Chỉ Quán nương vào pháp riêng biệt là thế nào, Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nếu Bồ-tát nương vào mỗi pháp Khế kinh cho đến Luận nghị, đúng như pháp đã tiếp nhận và tư duy mà tu Chỉ Quán, thì gọi là Chỉ Quán nương vào pháp riêng biệt; nếu Bồ-tát nương vào các pháp Khế kinh cho đến Luận nghị, tập hợp lại làm một viên, một phần, một khối, tác y tư duy các pháp ấy bằng cách tùy thuận chân như, xu hướng chân như, đi vào chân như, tùy thuận

Bồ-đề, tùy thuận Niết-bàn, tùy thuận chuyển y, xu hướng các pháp này, đi vào các pháp này, từ các pháp này thuyết ra vô lượng, vô số pháp thiện, tư duy như vậy mà tu Chỉ Quán thì gọi là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát nhỏ, Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát lớn, Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát vô lượng, vậy thế nào là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát nhỏ, thế nào là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát lớn, thế nào là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát vô lượng?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nếu nương vào mỗi Khế kinh riêng biệt cho đến mỗi Luận nghị riêng biệt mà làm một viên một khối để tác ý tư duy, thì nên biết như thế đó gọi là Chỉ Quán nương pháp tổng quát nhỏ; nếu nương vào các Khế kinh cho đến các Luận nghị đã tiếp nhận và tư duy mà làm một viên một khối để tác ý tư duy, chứ không phải chỉ nương vào mỗi giáo pháp riêng biệt, thì nên biết như thế đó gọi là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát lớn; nếu nương vào vô lượng giáo pháp của Như Lai bằng cách nương vào vô lượng văn từ pháp nghĩa của giáo pháp ấy, vào vô lượng pháp được soi tỏ bởi vô lượng tuệ của các giai đoạn liên tiếp sau đó, mà làm một viên một khối để tác ý tư duy, chứ không phải chỉ nương vào các pháp đã tiếp nhận và tư duy, thì nên biết như thế đó gọi là Chỉ Quán nương pháp tổng quát vô lượng.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát y cứ vào đâu thì gọi là đạt được Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Y cứ vào năm hiệu quả sau đây thì gọi là đạt được:

1. Khi tư duy thì trong từng sát-na đã tiêu dung chỗ dựa của mọi thứ thô trọng.
2. Bỏ phân biệt mà được pháp lạc.



3. Mở tỏ vô số ánh sáng của cái pháp không phân biệt khắp trong mười phương cõi nước.

4. Đã thường xuyên hiện ra cái trí không phân biệt do việc làm đã thành mãn và đã thích ứng với phần thanh tịnh.

5. Những giai đoạn sau đó vẫn thể hiện những nhân tố tinh tế hơn lên để làm cho Pháp thân thành mãn.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát như trên thì từ đâu gọi là thông đạt và từ đâu gọi là chứng đắc?

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Từ Địa thứ nhất là Cực hỷ thì gọi là thông đạt, từ Địa thứ ba là Phát quang mới gọi là chứng đắc. Thiện nam! Các vị Bồ-tát mới tu học cũng tác ý học theo Chỉ Quán này, tuy chưa đáng tán dương nhưng đừng nên nhắc bỏ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như vậy tại sao gọi là chánh định có tâm có tứ, chánh định không tâm chỉ tứ, chánh định không tâm không tứ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Đối với ấn tượng đã thủ đắc từ giáo pháp đã tầm tứ, những Chỉ Quán có sự tiếp nhận quan sát rất thô thì gọi là chánh định có tâm có tứ; đối với ấn tượng ấy, những Chỉ Quán tuy không có sự tiếp nhận quan sát rất thô nhưng có sự tiếp nhận quan sát của ký ức sáng tỏ rất nhỏ, thì gọi là chánh định không tâm chỉ tứ; đối với ấn tượng của tất cả giáo pháp, những Chỉ Quán mà sự tiếp nhận quan sát không có mọi sự tác ý, thì gọi là chánh định không tâm không tứ. Lại nữa, thiện nam! Chỉ Quán có tầm cầu thì gọi là chánh định có tâm có tứ, Chỉ Quán có tứ sát thì gọi là chánh định không tâm chỉ tứ, Chỉ Quán vin pháp tổng quát thì gọi là chánh định không tâm không tứ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Định chỉ là thế nào? Phấn chấn là thế nào? Xả bỏ là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Khi tâm quấy động, hay khi phòng tâm quấy động, thì sự tác ý về cái đáng chán và sự tác ý về cái tâm ấy liên tục, gọi là đình chỉ; khi tâm chìm đắm, hay khi phòng tâm chìm đắm, thì sự tác ý về cái đáng vui và sự tác ý về cái tâm ấy, gọi là phẩn chán; hoặc chỉ có chỉ, hoặc chỉ có quán, hoặc cả Chỉ Quán song hành, mà khi bị nhuốm bần vì hai thứ tùy phiền não là quấy động và chìm đắm như trên thì sự tác ý trong vô công dụng mà vận chuyển tự tại, gọi là xả bỏ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát tu tập Chỉ Quán thì phải biết pháp và biết nghĩa, vậy biết pháp là thế nào? Biết nghĩa là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy do năm sự sau đây mà biết về pháp:

1. Biết tên.
2. Biết câu.
3. Biết văn.
4. Biết riêng.
5. Biết chung.

Tên là thế nào, là sự giả thiết về tự tánh của tất cả các pháp nhiệm, tịnh. Câu là thế nào, là sự quy tụ của tên, thành cấu trúc diễn tả về nghĩa nhiệm hay tịnh của các pháp. Văn là thế nào, là chữ mà tên và câu dựa vào. Biết riêng những thứ trên là thế nào, là tác ý nhận thức mỗi thứ riêng ra. Biết chung những thứ trên là thế nào, là tác ý nhận thức các thứ trên chung lại. Tất cả những sự trên đây tổng lược nhất trí thì gọi là biết về pháp và biết về pháp như vậy thì gọi là Bồ-tát biết pháp.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy do mười sự sau đây mà biết về nghĩa:

1. Tánh tận hữu là biên cương tất cả chủng loại của các pháp nhiệm tịnh, biên cương ấy gọi là tánh tận hữu, tức năm số về uẩn, sáu số về nội xứ, sáu số về ngoại xứ, những pháp số đại loại như vậy.

2. Tánh như hữu là chân như nơi các pháp nhiệm tịnh, chân như ấy gọi là tánh như hữu. Chân như ấy có bảy: Một là chân như nơi sự lưu chuyển, tức cái tánh không mở đầu không chấm hết của các hành; hai là chân như nơi các tướng, tức cái tánh nhân vô ngã và pháp vô ngã của các pháp; ba là chân như nơi sự phân biệt rõ ràng, tức cái tánh duy thức của các hành; bốn là chân như nơi sự an lập, tức Thánh đế về khổ mà Như Lai nói; năm là chân như nơi sự tà hành, tức Thánh đế về tập mà Như Lai nói; sáu là chân như nơi sự thanh tịnh, tức Thánh đế về diệt mà Như Lai nói; bảy là chân như nơi sự chánh hành, tức Thánh đế về đạo mà Như Lai nói. Nên biết trong đây do chân như nơi sự lưu chuyển, nơi sự an lập và nơi sự tà hành nên tất cả chúng sinh rất là bình đẳng; do chân như nơi các tướng và nơi sự phân biệt rõ ràng nên tất cả các pháp rất là bình đẳng; do chân như nơi sự thanh tịnh nên Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề và Vô thượng Bồ-đề rất là bình đẳng; do chân như nơi sự chánh hành nên cái tuệ của Chỉ Quán siêu việt vin vào pháp tổng quát, sau khi nghe giáo pháp, rất là bình đẳng.

3. Nghĩa chủ thể chọn lấy là năm sắc xứ ở trong, là tâm ý thức và các tâm sở.

4. Nghĩa đối tượng được chọn lấy là sáu xứ ở ngoài và những nghĩa chủ thể thủ cũng là nghĩa đối tượng được thủ.

5. Nghĩa dựng nên là giới thế giới, trong giới thế giới này có thể dựng nên giới chúng sinh, tức ruộng đất một thôn, trăm, ngàn hay trăm ngàn ruộng đất thôn ấy; hoặc một lục địa giới hạn do đại dương, trăm, ngàn hay trăm ngàn lục địa ấy; hoặc một đại lục Thiệm-bộ, trăm, ngàn hay trăm ngàn đại lục ấy; hoặc một bốn đại lục, trăm, ngàn hay trăm ngàn bốn đại lục ấy; hoặc một thế giới ngàn nhỏ, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn nhỏ ấy; hoặc một thế giới ngàn vừa, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn vừa ấy; hoặc một thế giới ngàn lớn, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn lớn ấy; hoặc một ức, trăm, ngàn hay trăm ngàn ức thế giới ngàn lớn ấy; hoặc một vô số, trăm, ngàn hay trăm ngàn vô số thế giới ngàn lớn ấy; hoặc tại một phương hướng, thế giới ngàn lớn ấy nhiều đến vô số mà có cả trăm ngàn lần, hay nhiều như số lượng vi trần; và ở

khắp mười phương hướng có vô lượng, vô số những giới thế giới như vậy.

6. Nghĩa hưởng dụng là đồ dùng của chúng sinh thu thập mà Như Lai đã nói.

7. Nghĩa đảo ngược là đối với những sự từ nghĩa chủ thể thủ sắp đi trên đây mà tưởng thác loạn tâm thác loạn và thấy thác loạn cho vô thường là thường, tưởng thác loạn tâm thác loạn và thấy thác loạn cho khổ là vui, cho bất tịnh là tịnh, cho vô ngã là ngã.

8. Nghĩa không ngược thì nên biết là mâu thuẫn với những sự đảo ngược ở trên, có sức đối trị những sự đảo ngược ấy.

9. Nghĩa tạp nhiễm là ba sự tạp nhiễm khắp cả ba cõi: Một là hoặc tạp nhiễm; hai là nghiệp tạp nhiễm; ba là sinh tạp nhiễm.

10. Nghĩa thanh tịnh là những pháp Bồ-đề phần có sức cởi mở sự thất buộc của ba sự tạp nhiễm nói trên.

Mười sự như trên đây, nên biết đã bao quát tất cả các nghĩa.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy lại còn do biết năm sự sau đây nên gọi là biết về nghĩa. Năm sự ấy là những gì?

1. Sự biến tri thì nên hiểu là tất cả pháp của đối tượng được nhận thức, tức các uẩn, các nội xứ, các ngoại xứ, những sự như vậy.

2. Nghĩa biến tri là bao nhiêu phẩm loại khác nhau mà cần biết về sự ở trên, tức hoặc Thế tục đế với Thắng nghĩa đế; hoặc công đức với lầm lỗi; hoặc duyên tố với thời gian; hoặc sinh, trú và diệt; hoặc như bệnh tật, (như ung thối, như trúng tên, như đau đớn); hoặc khổ, tập, diệt, đạo; hoặc chân như, thật tế, pháp giới và những danh hiệu cùng loại; hoặc phong phú với khái quát; hoặc bốn cách phán quyết là quyết định, phân tích, hỏi lại và lặng bỏ; hoặc ẩn mật với minh bạch; những pháp như vậy nên biết là nghĩa biến tri.

3. Nhân biến tri là những pháp Bồ-đề phần có sức thủ đắc hai loại biến tri ở trên, tức bốn Niệm trú, tám Chánh đoạn và những pháp số cùng loại.

4. Quả biến tri là các Sa-môn quả đã tạm diệt tham, sân, si và vĩnh diệt tham, sân, si, cùng với những công đức chứng Sa-môn quả mà Như Lai đã nói, tức những công đức cộng hữu hay đặc hữu mà

bao gồm cả thế gian và xuất thế gian của Thanh văn và của Như Lai.

5. Biết sự ấy là chính những công đức chúng Sa-môn quả nói trên, các trí giải thoát khai thị và tuyên dương phong phú cho người.

Năm sự như trên nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy lại do biết bốn sự sau đây nên gọi là biết về nghĩa. Bốn sự ấy là những gì?

1. Chấp thọ.
2. Lãnh nạp.
3. Phân biệt rõ ràng.
4. Nhiễm tịnh.

Bốn sự như trên nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy lại còn do biết ba sự sau đây nên gọi là biết về nghĩa. Ba sự ấy là những gì?

1. Văn.
2. Nghĩa.
3. Giới.

Văn là danh thân cú thân và văn thân. Nghĩa thì có mười:

1. Sự chân thật.
2. Sự biến tri.
3. Sự vĩnh đoạn.
4. Sự tác chứng.
5. Sự tu tập.
6. Sự chi tiết của các sự nói trên.

7. Sự tương thuộc của đối tượng được nương dựa và chủ thể nương dựa.

8. Sự chướng ngại của sự biến tri cho đến sự tu tập.

9. Sự tùy thuận của sự biến tri cho đến sự tu tập.

10. Nhược điểm với ưu điểm của sự bất tri với sự biến tri, cho đến sự bất tu với sự tu tập.

Giới là năm giới:

1. Giới thế giới.

2. Giới chúng sinh.
3. Giới các pháp.
4. Giới người được thuần hóa.
5. Giới phương pháp thuần hóa.

Năm sự như trên nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cái tuệ do nghe mà có và biết nghĩa của cái nó nghe, cái tuệ do nghĩ mà có và biết nghĩa của cái nó nghĩ, cái tuệ do tu Chỉ Quán mà có và biết nghĩa của cái nó tu, ba cái tuệ như vậy khác nhau thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Cái tuệ do nghe mà có thì dựa vào văn từ, chỉ như lời nói, chưa khéo biết ý nghĩa, đồng loại với cái nghĩa đã biết là ấn tượng chánh định chưa hiện trước mắt, tùy thuận với giải thoát, nhưng chưa lãnh nhận được sự giải thoát thành đạt. Cái tuệ do nghĩa mà có thì cũng dựa vào văn từ, nhưng không phải chỉ như lời nói, lại khéo biết ý nghĩa, đồng loại với cái nghĩa đã biết là ấn tượng chánh định chưa hiện trước mắt, nhưng càng thuận với giải thoát, dù cũng chưa lãnh nhận được sự giải thoát thành đạt. Còn cái tuệ do tu mà có của Bồ-tát thì cũng dựa vào văn từ mà cũng không dựa vào văn từ, cũng như lời nói mà cũng không như lời nói, khéo biết ý nghĩa, đồng loại với cái nghĩa đã biết là ấn tượng chánh định đã hiện trước mắt, cực thuận với giải thoát, đã lãnh nhận được sự giải thoát thành đạt. Đó là sự biết nghĩa mà khác nhau của ba tuệ.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát tu Chỉ Quán thì phải biết pháp biết nghĩa, vậy biết là thế nào? Thấy là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Bằng nhiều mặt, Như Lai đã nói sự khác biệt của biết và thấy. Như Lai nay nói khái lược cho ông về sự ấy: Cái tuệ tinh tế vin vào pháp tổng quát mà tu Chỉ Quán thì gọi là biết, cái tuệ tinh tế vin vào pháp riêng biệt mà tu Chỉ Quán thì gọi là thấy.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát tu Chỉ Quán là do tác ý nào? Trừ khử tướng gì? Và làm sao trừ khử?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Do tác ý chân như và trừ khử pháp tướng nghĩa tướng. Đối với cái danh của pháp nghĩa và tự tánh của cái danh ấy, khi vô đắc thì cũng không thấy cái tướng của cái danh ấy dựa vào: trừ khử như vậy đó; như đối với danh thì đối với câu, đối với văn và đối với nghĩa nên biết cũng như vậy; sau hết đối với cái giới của pháp nghĩa và tự tánh của cái giới ấy, khi vô đắc thì cũng không thấy cái tướng của cái giới ấy dựa vào: Trừ khử như vậy đó.

–Bạch Thế Tôn! Thấu triệt chân như thì tướng chân như ấy cũng bị trừ khử chăng?

–Thiện nam! Thấu triệt chân như hoàn toàn vô tướng và vô đắc, vậy trừ khử cái gì. Như Lai nói rằng khi thấu triệt chân như thì trừ khử được pháp tướng và nghĩa tướng, chứ không phải chân như được thấu triệt đó cái khác có thể trừ khử.

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói đồ chứa nước như bồn, tấm gương không sáng sạch, suối hồ nước xao động, thì không thể nhìn thấy hình ảnh mặt mình, nhìn thấy thì không phải những thứ trên đây; tướng tự như vậy, cái tâm mà không tu thì không thể chính xác nhìn thấy chân như, khéo tu cái tâm thì có thể nhìn thấy. Lời này nói về quán trí nào và nói về chân như nào?

–Thiện nam! Lời này nói về ba quán trí là quán trí do nghe mà có, quán trí do nghĩ mà có và quán trí do tu mà có, căn cứ chân như nơi sự phân biệt rõ ràng mà nói.

–Bạch Thế Tôn! Để trừ khử các tướng nên các vị Bồ-tát biết pháp tướng nghĩa tướng phải nỗ lực tu tập phương cách trừ khử, vậy có bao nhiêu cái tướng khó trừ khử? Và cái gì trừ khử được?

–Thiện nam! Cái tướng có mười thứ và cái Không có thể trừ khử. Mười thứ ấy là những gì?

1. Biết pháp biết nghĩa thì có cái tướng văn từ, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do các pháp không.

2. Biết chân như nơi sự an lập thì có cái tướng sinh trụ diệt và

cái tướng liên tục chuyển biến, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do tướng không và vô tiền hậu không.

3. Biết nghĩa chủ thể chọn lấy thì có cái tướng luyến tiếc thân thể và cái tướng ngã mạn, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do nội không và vô sở đắc không.

4. Biết nghĩa đối tượng được chọn lấy thì có cái tướng luyến tiếc tài sản, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do ngoại không.

5. Biết nghĩa hưởng dụng, trong đó có trai gái phục dịch và đồ dùng thích hợp, thì có cái tướng trong thấy thích thú và cái tướng ngoài thấy tốt đẹp, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do nội ngoại không và bản tánh không.

6. Biết nghĩa dựng nên thì có cái tướng thế giới bao la, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do đại không.

7. Biết không hình sắc thì có cái tướng bên trong vắng lặng giải thoát, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do hữu vi không.

8. Biết chân như nơi các tướng thì có các tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã, tướng duy thức và tướng thắng nghĩa, bốn cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do cứu cánh không, vô tánh không, vô tánh tánh không và thắng nghĩa không.

9. Biết chân như nơi sự thanh tịnh thì có cái tướng vô vi và cái tướng không biến dịch, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do vô vi không và vô biến dị không.

10. Chính sự tác ý tư duy về cái không để đối trị các cái tướng nói trên thì có cái tướng không, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do không không.

– Bạch Thế Tôn! Như vậy khi trừ khử mười cái tướng là trừ khử cái gì? Và giải thoát cái gì?

– Thiệt nam! Trừ khử cái tướng của ấn tượng chánh định và giải thoát sự tạp nhiễm thất buộc, rồi sự trừ khử ấy cũng không còn. Nhưng ông nên biết Như Lai căn cứ phần đặc thù mà nói cái không này trừ khử cái tướng kia, chứ không phải mỗi cái không không trừ khử được mọi cái tướng. Thí dụ vô minh không phải không sinh ra mọi thứ tạp nhiễm từ hành cho đến lão tử, nhưng căn cứ phần đặc thù



nên nói vô minh sinh ra hành, vì nó là duyên tố gần nhất của hành. Đạo lý ở đây ông nên biết cũng lại như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Ở đây cái không nào là cái không tổng quát? Bồ-tát hiểu được cái không ấy thì không có những sự mất mát hư hỏng, bỏ được sự tăng thượng mạn đối với cái không.

Đức Thế Tôn, vào lúc ấy, khen ngợi Đại Bồ-tát Từ Thị rằng:

–Tốt lắm! Thiện nam! Tốt lắm! Ông có thể hỏi Như Lai cái nghĩa sâu như vậy để làm cho các vị Bồ-tát không bị mất bị hỏng về cái không. Các vị Bồ-tát mất hỏng về cái không thì mất hỏng toàn thể Đại thừa. Do vậy, ông hãy nghe cho thật kỹ, Như Lai nói cho ông về cái không tổng quát. Ấy là, nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật, mọi tánh Biến kế chấp dầu thuộc loại tạp nhiễm hay thuộc loại thanh tịnh đều rớt rỏi bỏ, hoàn toàn vô đắc, như vậy gọi là cái không tổng quát của Đại thừa.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này bao gồm được mấy thứ chánh định siêu việt?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Vô lượng chánh định siêu việt của Thanh văn của Bồ-tát và của Như Lai mà Như Lai đã nói, thì ông nên biết tất cả đều bao gồm trong Chỉ Quán ở đây.

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này lấy gì làm nhân tố? Thiện nam! Nhân tố của Chỉ Quán như thế này là giới thanh tịnh, là chánh kiến được có do nghe thanh tịnh và nghĩa thanh tịnh. Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này lấy gì làm thành quả?

–Thiện nam! Thành quả của Chỉ Quán như thế này là tâm thanh tịnh và tuệ thanh tịnh, còn nữa, hết thảy pháp thiện thuộc loại thế gian và thuộc xuất thế gian của Thanh văn và của Như Lai, nên biết toàn là thành quả của Chỉ Quán như thế này tạo ra.

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này làm được công việc gì?

–Thiện nam! Làm được công việc giải thoát tướng phược và giải thoát trọng phược.

–Bạch Thế Tôn! Trong năm thứ ràng buộc mà Thế Tôn nói,

mấy thứ là sự cản trở của chỉ? Máy thứ là sự cản trở của quán? Máy thứ là sự cản trở của cả hai?

–Thiện nam! Sự luyến tiếc thân thể và luyến tiếc tài sản là những sự cản trở của chỉ, không thích Thánh giáo là sự cản trở của quán, thích ở xen lẫn và được ít đã đủ là những sự cản trở của cả hai: vì sự thứ nhất mà việc tu không làm được, vì sự thứ hai mà việc tu không trọn được.

–Bạch Thế Tôn! Trong năm thứ ngăn che, mấy thứ là sự cản trở của chỉ? Máy thứ là sự cản trở của quán? Máy thứ là sự cản trở của cả hai?

–Thiện nam! Trạo cử ố tác là sự cản trở của chỉ, hôn trầm thụy miên và nghi pháp là những sự cản trở của quán, tham dục và sân hận là những sự cản trở của cả hai.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu thì gọi là được trong sáng đầy đủ về chỉ?

–Thiện nam! Cho đến lúc bao nhiêu hôn trầm thụy miên được chính xác và khéo léo loại trừ thì ngang đó gọi là được trong sáng đầy đủ về chỉ.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu thì gọi là được trong sáng đầy đủ về quán?

–Thiện nam! Cho đến lúc bao nhiêu trạo cử ố tác được chính xác và khéo léo loại trừ thì ngang đó gọi là được trong sáng đầy đủ về quán.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát khi Chỉ Quán đã hiện ra thì phải biết có mấy thứ làm cho tâm xao động?

–Thiện nam! Phải biết có năm thứ: Tác ý, ngoại tâm, nội tâm, cảnh tướng, thô trọng.

1. Nếu Bồ-tát rời tác ý hợp với Đại thừa mà rơi vào những tác ý hợp với Thanh văn, Độc giác thì gọi là tác ý xao động.

2. Nếu bao nhiêu tầm tư đều xuôi theo phiền não khi đối trước đa dạng của năm thứ dục lạc, nếu buông thả tâm trí ra chảy tràn vào ngoại cảnh, thì gọi là ngoại tâm rối loạn.

3. Nếu vì hôn trầm và thụy miên, vì trầm một, vì đam mê về

định, vì sự nhuốm bản của một tùy phiền não nào đó chướng ngại cho định, thì gọi là nội tâm xao động.

4. Nếu đối với cảnh tướng ngoài định mà nghĩ là cảnh tướng của định bên trong thì gọi là cảnh tướng xao động.

5. Nếu những cảm giác do tác ý sinh ra mà cho là do cái thân thô trọng nên chấp tự ngã, nổi kiêu mạn, thì gọi là thô trọng xao động.

–Bạch Thế Tôn! Từ Bồ-tát Địa đầu tiên cho đến địa Như Lai, Chỉ Quán như thế này đối trị được những sự chướng ngại nào?

–Thiện nam! Chỉ Quán như thế này trong Bồ-tát địa đầu tiên thì đối trị được sự chướng ngại vì hoặc nghiệp sinh tạp nhiễm của cõi ác, trong Bồ-tát Địa thứ hai thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của sự lầm lỡ vi phạm rất nhỏ, trong Bồ-tát Địa thứ ba thì đối trị được sự chướng ngại vì tham lam của dục, trong Bồ-tát Địa thứ tư thì đối trị được sự chướng ngại vì định ái và pháp ái, trong Bồ-tát Địa thứ năm thì đối trị được sự chướng ngại vì một chiều chống sinh tử hướng Niết-bàn, trong Bồ-tát Địa thứ sáu thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành nhiều của tướng thô, trong Bồ-tát Địa thứ bảy thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của tế tướng, trong Bồ-tát Địa thứ tám thì đối trị được sự chướng ngại vì phải gia công dụng đối với vô tướng và không tự tại đối với hữu tướng, trong Bồ-tát Địa thứ chín thì đối trị được sự chướng ngại vì không tự tại đối với ngôn từ khéo léo về mọi chủng loại, trong Địa Bồ-tát thứ mười thì đối trị được sự chướng ngại vì không chứng đắc Pháp thân viên mãn. Và Chỉ Quán như thế này, trong địa Như Lai thì đối trị được sự phiền não chướng ngại và sở tri chướng cực vi tế; và tối cực vi tế, vì vĩnh viễn hại được hai chướng ngại như vậy nên chứng được một cách cứu cánh cái trí thấy biết hoàn toàn, không còn vướng mắc không còn chướng ngại, lại do đối tượng được tạo tác thành tựu của cái trí nói trên nên lập ra Pháp thân tối cực thanh tịnh.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát do nỗ lực tu hành Chỉ Quán mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thi:

–Thiện nam! Nếu Bồ-tát đã được Chỉ Quán bằng cách căn cứ bảy chân như, đúng như cái pháp đã nghe và đã nghĩ, do tâm trí của chánh định siêu việt mà bên trong tự chánh tư duy về tánh chân như đã khéo thâm định khéo tư lượng và khéo thiếp lập, thì vì chánh tư duy chân như nên đối với sự hiện hành của tế tướng tâm trí còn bỏ được, hướng chi là đối với sự hiện hành của thô tướng. Tế tướng là ẩn tướng chấp thọ, lãnh nạp, phân biệt rõ ràng và nhiễm tịnh, là ẩn tướng pháp trong, pháp ngoài và trong ngoài, là ẩn tướng cho rằng mình làm mọi sự lợi ích cho chúng sinh, là ẩn tướng chánh trí, chân như, là ẩn tướng khổ tập diệt đạo, là ẩn tướng hữu vi, vô vi, là ẩn tướng hữu thường, vô thường, là ẩn tướng khổ có biến dị, khổ không biến dị, là ẩn tướng hữu vi đa dạng, hữu vi đồng nhất, là ẩn tướng tất cả được có bởi biết tất cả là tất cả, là ẩn tướng nhân vô ngã, pháp vô ngã, mọi ẩn tướng như vậy tâm trí Bồ-tát loại bỏ được cả. Bồ-tát ở nhiều trong sự tu hành như thế này nên lúc nào cũng khéo sửa trị tâm trí của mình trong mọi sự ràng buộc, ngăn che và xao động. Từ đó về sau, đối với bảy chân như có bảy cái trí thông suốt, tự chứng bên trong, được riêng biệt sinh ra và gọi là Kiến đạo vị. Do được như vậy nên gọi là vị nhập vào chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị sinh vào nhà Như Lai, vị chứng đắc Bồ-tát địa đầu tiên, vị hưởng dụng mọi thành quả siêu việt của địa Bồ-tát này. Bồ-tát như vậy, trước đây được Chỉ Quán bằng cách được đối tượng có phân biệt và đối tượng không phân biệt, nay được Kiến đạo vị là được thêm đối tượng biên tế của các pháp. Rồi các giai đoạn liên tiếp về sau, trong tất cả địa Bồ-tát còn lại, thì tiến tu tu đạo vị, bằng cách tác ý tư duy cả ba đối tượng nói trên. Tựa như có kẻ lấy chốt nhỏ đẩy chốt to ra, vị Bồ-tát này, với cách lấy chốt tháo chốt mà trừ khử mọi ẩn tướng có từ bên trong, nên bao nhiêu cái tướng thuộc loại tạp nhiễm đều trừ khử cả và tướng phược được trừ khử nên trọng phược cũng trừ khử. Vì vĩnh viễn trừ được tướng phược và trọng phược nên tuần tự trong các địa Bồ-tát về sau, vị Bồ-tát này y như cách luyện vàng mà luyện tâm mình, cho đến chứng được Vô thượng Bồ-đề, nghĩa là chứng được đối tượng sở tác thành tựu.

Thiện nam! Như thế đó gọi là Bồ-tát từ bên trong tu hành chính xác về Chỉ Quán nên chứng được Vô thượng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành Chỉ Quán dẫn ra uy đức cao rộng của Bồ-tát?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Bồ-tát khéo biết sáu sự sau đây thì có thể dẫn ra uy đức cao rộng của Bồ-tát:

1. Khéo biết tâm phát sinh là chính xác biết mười sáu tâm phát sinh khác nhau, đó là thứ nhất, sự phát sinh của cái thức mà hành tướng chủ thể được duyên khó biết, liên tục chấp thọ sắc căn và liên tục chấp trì thế giới, đó là A-đà-na thức; thứ hai, sự phát sinh của cái thức mà hành tướng đa dạng vin theo đối cảnh đa dạng, đó là phân biệt ý thức nhận thức một lúc tất cả đối cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc và cảm nhận một lúc tất cả ấn tượng của giác quan ở trong và đối cảnh ở ngoài, đó là phân biệt ý thức trong một thág mà nhập nhiều chánh định, thấy nhiều cõi Phật, thấy nhiều Đức Phật; thứ ba, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh nhỏ hẹp, đó là thức hệ thuộc cõi Dục; thứ tư, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh rộng lớn, đó là thức hệ thuộc cõi Sắc; thứ năm, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh vô lượng, đó là thức hệ thuộc Không vô biên xứ và Thức vô biên xứ; thứ sáu, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh vi tế, đó là thức hệ thuộc vô sở hữu xứ; thứ bảy, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh tận biên, đó là thức hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ; thứ tám, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh vô tướng, đó là thức siêu thoát thế gian và thức vin theo Niết-bàn; thứ chín, sự phát sinh của cái thức mà đi đôi với khổ thọ, đó là thức địa ngục; thứ mười, sự phát sinh của cái thức đi đôi với tạp thọ, đó là thức cõi Dục; mười một, sự phát sinh của cái thức đi đôi với hỷ thọ, đó là thức Sơ thiên và Nhị thiên; mười hai, sự phát sinh của cái thức đi đôi với lạc thọ, đó là thức Tam thiên; mười ba, sự phát sinh của cái thức đi đôi với xả thọ, đó là thức Tứ thiên cho đến phi phi tướng xứ; mười bốn, sự phát sinh của cái thức đi đôi với các pháp nhiệm, đó là thức thích ứng với mọi phiền não và tùy phiền

não; mười lăm, sự phát sinh của cái thức đi đôi với các pháp lành, đó là thức thích ứng với tâm sở thiện; mười sáu, sự phát sinh của cái thức đi đôi với pháp vô ký, đó là thức không thích ứng cả hai loại tâm sở nói trên.

2. Khéo biết tâm trú ở là biết chính xác chân như nơi sự phân biệt rõ ràng.

3. Khéo biết tâm thoát ra là biết chính xác rằng phải thoát khỏi hai thứ tướng phược và trọng phược và đó là khéo biết rằng phải làm cho tâm mình thoát ra hai thứ như vậy.

4. Khéo biết tâm thêm lên là biết chính xác về cái tâm trí đối trị được tướng phược và trọng phược khi nó lớn thêm khi nó dần lại, những gì tùy thuộc nó cũng được lớn thêm cũng được dần lại.

5. Khéo biết tâm bớt đi là biết chính xác về cái bị đối trị, tức cái tâm trí bị bản vì tướng phược và trọng phược khi nó lui lại khi nó bớt đi, những gì tùy thuộc nó cũng bị lui lại cũng bị bớt đi.

6. Khéo biết các phương tiện là biết chính xác về tám Giải thoát tám Thắng xứ và mười Biến xứ, về cách tu tập và về sự trừ khử của các pháp này.

Thiện nam! Bồ-tát nào khéo biết như vậy thì uy đức cao rộng của Bồ-tát hoặc đã được dẫn ra, hoặc sẽ được dẫn ra, hoặc đang được dẫn ra.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói trong Niết-bàn hoàn toàn thì hết thủy cảm giác vĩnh viễn diệt hết, không còn thừa sót, vậy những cảm giác nào bị vĩnh viễn diệt hết ở đây?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Lấy cốt yếu mà nói thì ở đây có hai loại cảm giác vĩnh viễn diệt hết, không còn thừa sót, đó là một, cảm giác xuất từ giác quan và hai, cảm giác xuất từ đối cảnh. Cảm giác xuất từ giác quan lại có bốn loại: Thứ nhất là cảm giác dựa vào giác quan có sắc chất, thứ hai là cảm giác dựa vào giác quan không sắc chất, thứ ba là cảm giác của kết quả hoàn thành, thứ tư là cảm giác của kết quả chưa hoàn thành, kết quả đã hoàn thành là cảm giác hưởng chịu trong hiện

tại, kết quả chưa hoàn thành là cảm giác làm nhân cho vị lai. Cảm giác xuất từ đối cảnh cũng có bốn loại: Thứ nhất là cảm giác do thế giới đang sống, thứ hai là cảm giác do đồ dùng để sống, thứ ba là cảm giác do hưởng dụng hai loại trên, thứ tư là cái giác do luyện tiếc hai loại trên. Trong Niết-bàn chưa toàn thì đã diệt hết tất cả cảm giác của kết quả chưa hoàn thành, còn lại là cảm giác phát sinh từ tuệ giác đối trị, là cảm giác mà Thánh giả và phàm phu đều có, là cảm giác của kết quả đã hoàn thành; lại nữa, trong Niết-bàn chưa toàn cũng diệt hết cả hai loại cảm giác của kết quả là đã hoàn thành và chưa hoàn thành, còn lại chỉ có cảm giác phát sinh từ tuệ giác đối trị. Còn Niết-bàn hoàn toàn mà nhập vào thì lúc đó cái cảm giác phát sinh từ tuệ giác đối trị cũng không còn. Do vậy nên Như Lai nói rằng trong Niết-bàn hoàn toàn, hết thảy cảm giác đều vĩnh viễn diệt cả, không còn thừa sót.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy như vậy rồi lại nói với Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Tốt lắm! Thiện nam! Hôm nay ông khéo căn cứ nơi pháp Du-già tinh tế, cùng cực trong sáng và hoàn toàn đầy đủ mà xin hỏi Như Lai. Đối với pháp Du-già, vốn ông đã được sự khéo léo hiểu biết một cách quyết định và tột bậc. Như Lai cũng đã nói cho ông về pháp Du-già tinh tế, cùng cực trong sáng và hoàn toàn đầy đủ. Trong quá khứ và trong vị lai, bao nhiêu bậc Chánh biến giác đã nói và sẽ nói thì cũng toàn là nói như vậy. Các thiện nam và thiện nữ nên dựa vào pháp thoại này, dũng mãnh tinh tấn mà chính xác tu học.

Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây.

*Đối với Du-già  
Giáo pháp lập ra,  
Ai sống buông thả  
Mất đại Niết-bàn;  
Dựa vào Du-già  
Giáo pháp lập ra,  
Chính xác tu tập*

Được đại Bồ-đề.  
Thấy mà thủ đắc,  
Khó mong giải thoát  
Cho cái thấy ấy  
Là đã được pháp,  
Kẻ ấy rời xa  
Khởi pháp Du-già  
Như là mặt đất  
Cách xa không gian.  
Lợi ích chúng sinh  
Một cách bền bỉ  
Mà không nghĩ rằng  
Mình làm như vậy:  
Lãnh hội như vậy  
Càng làm lợi người.  
Ai người có trí  
Làm hết kiếp lượng  
Thì được cái mừng  
Cao cả trong sáng.  
Ai vì dục vọng  
Mà thuyết chánh pháp,  
Thì người như vậy  
Phải được gọi là  
Đã bỏ dục vọng  
Lại theo dục vọng  
Ngu si như vậy  
Mà được pháp này  
Thì như một kẻ  
Được ngọc vô giá  
Mà đi lang thang  
Làm kẻ ăn mày  
Cái lối luận bàn  
Vô ích ồn náo



*Thì phải bỏ đi  
 Để mà khởi dậy  
 Hạnh nguyện tinh tấn  
 Vào bậc thượng thừa:  
 Vì để hóa độ  
 Cả trời và người,  
 Hãy siêng tu học  
 Pháp Du-già này.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Trong toàn bộ pháp thoại Giải Thâm Mật, pháp thoại này nên mệnh danh là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

– Thiện nam! Pháp thoại này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Du-già. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp thoại Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Du-già thì trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn lánh xa bụi bặm, tách rời nhơ bẩn, đối với các pháp thì được mắt pháp trong sáng; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn hết hẳn mọi thứ lậu hoặc, tâm được giải thoát; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát được tác ý về Du-già rộng lớn.



# KINH GIẢI THÂM MẬT

## QUYỂN 4

### Phẩm 7: ĐỊA ĐỘ (ĐỊA BA-LA-MẬT-ĐA)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói mười địa Bồ-tát: Thứ nhất là địa Cực hỷ, thứ hai là địa Ly cấu, thứ ba là địa Phát quang, thứ tư là địa Diệm tuệ, thứ năm là địa Nan thắng, thứ sáu là địa Hiện tiền, thứ bảy là địa Viễn hành, thứ tám là địa Bất động, thứ chín là địa Thiện tuệ, thứ mười là địa Pháp vân, lại nói địa Như Lai làm thứ mười một; các Địa như vậy được bao gồm vào mấy sự thanh tịnh và mấy phần viên mãn?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

– Thiện nam! Nên biết các Địa như vậy bao gồm vào bốn sự thanh tịnh và mười một phần viên mãn. Bốn sự thanh tịnh bao gồm được các Địa là:

1. Sự thanh tịnh do tác ý lạc tăng thượng thì bao gồm Địa thứ nhất.
2. Sự thanh tịnh do giới tăng thượng thì bao gồm Địa thứ hai.
3. Sự thanh tịnh do tâm tăng thượng thì bao gồm Địa thứ ba.
4. Sự thanh tịnh do tuệ tăng thượng thì trong các Địa sau đó càng siêu việt và tinh tế hơn lên nên bao gồm từ Địa thứ tư cho đến địa Như Lai.

Đó là bốn sự thanh tịnh bao gồm tất cả các Địa.

Thiện nam! Mười một phần viên mãn bao gồm được các Địa là:

1. Các vị Bồ-tát trước tiên ở địa Giải hành dùng mười pháp hạnh mà rất khéo tu tập về thắng giải và thắng nhẫn, nên vượt qua Địa ấy mà nhập vào chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

2. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ nhất đã viên mãn; nhưng chưa thể chánh trí tu hành trong hiện hành của sự lầm lỡ vi phạm rất nhỏ, vì vậy mà phần Địa thứ hai chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

3. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ hai đã viên mãn; nhưng chưa thể đạt được đẳng trì đẳng chí viên mãn và văn trì Đà-la-ni viên mãn thuộc loại thế gian, vì vậy mà phần Địa thứ ba chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

4. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ ba đã viên mãn; nhưng chưa thể làm cho pháp Bồ-đề phần nào đã được thì tu tập nhiều lên, tâm trí chưa bỏ được định ái và pháp ái, vì vậy mà phần Địa thứ tư chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

5. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ tư đã viên mãn; nhưng chưa thể chính xác quan sát các đế lý, chưa bỏ được cái tác ý một chiều bỏ sinh tử hưởng đến Niết-bàn, chưa tu được các pháp Bồ-đề phần bao gồm trong phần phương tiện, vì vậy mà phần Địa thứ năm chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

6. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ năm đã viên mãn; nhưng chưa thể chính xác quan sát sự sinh tử lưu chuyển, lại vì quá chán sự sinh tử lưu chuyển ấy, nghĩa là chưa thể ở nhiều trong sự tác ý về vô tướng, vì vậy mà phần Địa thứ sáu chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

7. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ sáu đã viên mãn; nhưng chưa thể làm cho sự tác ý về vô tướng được không thiếu sót không gián đoạn và tu tập nhiều, vì vậy mà phần Địa thứ bảy chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

8. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ bảy đã viên mãn; nhưng chưa thể hết được sự dụng công về vô tướng, lại chưa được tự tại với hữu tướng, vì vậy mà phần Địa thứ tám chưa viên

mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

9. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ tám đã viên mãn; nhưng đối với những danh và những tướng diễn đạt khác nhau về hết thấy chủng loại để tuyên thuyết chánh pháp thì chưa được đại tự tại, vì vậy mà phần Địa thứ chín chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

10. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ chín đã viên mãn; nhưng chưa thể hiện tiền chứng thọ Pháp thân viên mãn, vì vậy mà phần Địa thứ mười chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

11. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ mười đã viên mãn; nhưng đối với toàn thể cảnh giới của đối tượng được nhận thức, vẫn chưa được cái trí thấy biết tinh tế không còn vướng mắc, không còn chướng ngại, vì vậy mà phần Địa thứ mười một chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được. Chứng được phần này viên mãn là viên mãn tất cả các phần.

Đó là mười một phần viên mãn bao gồm hết cả các Địa.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao Địa đầu tiên tên là địa Cực hỷ, cho đến vì sao địa cuối cùng tên là địa Như Lai?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

– Thiện nam! Thành tựu lợi ích chân thật và vĩ đại, được tâm trí xuất thế mà trước đây chưa được, sinh hoan hỷ lớn lao, nên Địa đầu tiên tên là địa Cực hỷ. Rồi xa hết thấy mọi sự phạm giới rất nhỏ, nên Địa thứ hai tên là địa Ly cấu. Chánh định và văn trì Đà-la-ni mà ở đây đạt được thì có thể làm chỗ dựa cho vô lượng ánh sáng trí giác, nên Địa thứ ba tên địa Phát quang. Do pháp Bồ-đề phần ở đây thành đạt mà thiêu đốt phiền não, trí giác ở đây như ngọn lửa, nên Địa thứ tư tên là địa Diệt tuệ. Chính pháp Bồ-đề phần nói trên, ở đây phương tiện tu tập cùng cực khó khăn mới được tự tại, nên Địa thứ năm tên là địa Nan thắng. Quan sát các hành lưu chuyển như ở trước mắt, nhưng đối với vô tướng thì tu nhiều về tác

ý mới hiện ở trước mắt, nên Địa thứ sáu tên là địa Hiện tiền. Đứng xa mà đã được cái tác ý không còn thiếu sót và gián đoạn về vô tướng, tiếp cận với vị trí thanh tịnh, nên Địa thứ bảy tên là địa Viễn hành. Đã được vô công dụng đối với vô tướng, trong các tướng thì không còn bị phiền não hiện hành làm xao động, nên Địa thứ tám tên là địa Bất động. Đối với sự thuyết pháp bằng tất cả chủng loại thì đã được tự tại, đã được trí tuệ rộng lớn và không tội lỗi, nên Địa thứ chín tên là địa Thiện tuệ. Cái thân nặng nề thì như hư không, còn sự viên mãn của Pháp thân thì như mây lớn giăng che khắp cả, nên Địa thứ mười tên là địa Pháp vân. Diệt trừ vĩnh viễn phiền não chướng và sở tri chướng cùng cực vi tế, không còn vướng mắc không còn chướng ngại, đối với cảnh giới của đối tượng được nhận thức, tức toàn thể chủng loại, đã thể hiện Chánh biến giác, nên Địa thứ mười một tên là địa Như Lai.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong các Địa như thế này có mấy thứ ngu tối? Có mấy sự nặng nề?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Trong các Địa như thế này có hai mươi hai thứ ngu tối và mười một sự nặng nề, toàn là những cái bị đối trị.

1. Trong Địa đầu tiên có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì chấp ngã và pháp chấp, hai là ngu tối vì những sự tạp nhiễm trong cõi ác, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

2. Trong Địa thứ hai có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì sự lầm lỡ vi phạm rất nhỏ, hai là ngu tối vì các nghiệp, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

3. Trong Địa thứ ba có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì tham lam của dục, hai là ngu tối đối với văn trì Đà-la-ni viên mãn, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

4. Trong Địa thứ tư có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì định ái, hai là ngu tối vì pháp ái, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

5. Trong Địa thứ năm có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì tác ý một chiều bỏ sinh tử, hai là ngu tối vì tác ý một chiều hưởng Niết-bàn, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

6. Trong Địa thứ sáu có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì hiện tiền quan sát các hành lưu chuyển, hai là ngu tối vì hiện hành nhiều về hữu tướng, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

7. Trong Địa thứ bảy có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì hiện hành của tế tướng, hai là ngu tối đối với tác ý mong thuần vô tướng, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

8. Trong Địa thứ tám có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì dụng công về vô tướng, hai là ngu tối đối với sự tự tại về hữu tướng, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

9. Trong Địa thứ chín có hai thứ ngu tối, một là ngu tối đối với sự tự tại về tuệ biện Đà-la-ni của các Địa sau nữa, trong sự thuyết pháp vô lượng và trong vô lượng pháp nghĩa văn tự, hai là ngu tối đối với sự tự tại về biện tài, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

10. Trong Địa thứ mười có hai thứ ngu tối, một là ngu tối đối với đại thần thông, hai là ngu tối đối với sự ngộ nhập về bí mật vi tế, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

11. Trong Địa thứ mười một có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì sự vướng mắc cùng cực vi tế về toàn cảnh giới của đối tượng được nhận thức, hai là ngu tối vì sự chướng ngại cùng cực vi tế về toàn thể cảnh giới của đối tượng được nhận thức, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

Do hai mươi hai thứ ngu tối cùng với mười một sự nặng nề như vậy nên lập ra các Địa và được Vô thượng Bồ-đề thì thoát ly hết cả mọi ràng buộc ấy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ-đề rất là kỳ lạ, rất hiếm có, cho đến đạt được lợi ích lớn lao và thành quả lớn lao, là làm cho các vị Bồ-tát phá được cái lưới ngu tối lớn lao đến thế và vượt được cái rừng nặng nề lớn lao đến thế, mà hiện tiền chứng được Vô thượng Bồ-đề ấy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa như thế này được lập ra do mấy thứ đặc thù?

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Khái lược có tám thứ:

1. Sự thanh tịnh của ý lạc tăng thượng.
2. Sự thanh tịnh của tâm tăng thượng.
3. Sự thanh tịnh của bi tăng thượng.
4. Sự thanh tịnh của độ tăng thượng.
5. Sự thanh tịnh của sự phụng sự chư Phật tăng thượng.
6. Sự thanh tịnh của sự làm thành thực cho chúng sinh tăng thượng.
7. Sự thanh tịnh của sự thọ sinh tăng thượng.
8. Sự thanh tịnh của uy đức tăng thượng.

Sự thanh tịnh của ý lạc tăng thượng cho đến sự thanh tịnh của uy đức tăng thượng trong địa đầu tiên, cùng với sự thanh tịnh của ý lạc tăng thượng cho đến sự thanh tịnh của uy đức tăng thượng trong các Địa sau đó cho đến trong địa Như Lai, nên biết những sự thanh tịnh này triển chuyển hơn lên, chỉ trong địa Như Lai thì trừ sự thanh tịnh của sự thọ sinh tăng thượng. Thêm nữa, công đức mà địa đầu tiên có thì các Địa trên nữa cũng có mo cách bình đẳng, nhưng nên biết cái công đức đặc thù của bản địa thì vẫn là đặc thù; công đức của mười địa Bồ-tát toàn là còn có cái trên nữa, còn công đức của địa Như Lai thì nên biết không có gì trên nữa.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà nói sự thọ sinh của Bồ-tát đặc thù nhất đối với mọi sự thọ sinh khác?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì bốn lý do:

1. Do thiện căn cực kỳ trong sạch mà có sự thọ sinh ấy.
2. Do sức mạnh của sự cố ý chọn lựa mà lấy sự thọ sinh ấy.
3. Vì thương xót cứu vớt chúng sinh mà phải thọ sinh.
4. Bản thân không ô nhiễm vì sự thọ sinh mà còn trừ được cho người sự ô nhiễm ấy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do lý do nào mà nói các vị Bồ-tát làm theo cái nguyện rộng lớn, nhiệm mầu và siêu việt?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Do bốn lý do:

1. Bồ-tát biết rõ và biết khéo cái vui của Niết-bàn và mình đủ sức chứng lấy một cách mau chóng.
2. Nhưng vẫn bỏ sự mau chóng chứng lấy cái vui ấy.
3. Mà không cần mời mọc, không đợi biết ơn, vẫn phát ra tâm nguyện vĩ đại.
4. Nguyện vì lợi ích chúng sinh mà ở trong cái khổ lớn lao vừa đa dạng vừa lâu dài.

Vì vậy Như Lai nói với Bồ-tát làm theo cái nguyện rộng lớn, nhiệm mầu và siêu việt.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát trong mười Địa như vậy có mấy sự phải tu học?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Sự tu học của Bồ-tát có sáu: Thí độ, Giới độ, Nhẫn độ, Tấn độ, Định độ, Tuệ độ.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu sự phải tu học như vậy, mấy sự thuộc về giới học tăng thượng? mấy sự thuộc về tâm học tăng thượng? mấy sự thuộc về tuệ học tăng thượng?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Nên biết (Thí độ, Giới độ, Nhẫn độ) ba việc đầu



ấy chỉ thuộc về Giới học tăng thượng, Định độ chỉ thuộc về Tâm học tăng thượng, Tuệ độ chỉ thuộc về Tuệ học tăng thượng và Như Lai nói rằng Tấn độ thì khắp trong tất cả.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu sự phải tu học như vậy mấy sự thuộc về phước đức tư lương? mấy sự thuộc về trí tuệ tư lương?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Sự nào thuộc về Giới học tăng thượng thì thuộc về phước đức tư lương, sự nào thuộc về Tuệ học tăng thượng thì thuộc về trí tuệ tư lương, còn hai sự Tấn độ và Định độ thì Như Lai nói khắp trong tất cả.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đối với sáu sự phải tu học như vậy, Bồ-tát phải tu học như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Phải tu học bằng năm cách thức sau đây: Một là đầu tiên, tin hiểu sức mạnh đối với giáo pháp tinh tế tương ứng với sáu độ, thuộc về Bồ-tát tạng; hai là đối với mười pháp hạnh thì đem cái trí được tác thành do sự nghe sự nghĩ sự tu mà tinh tấn tu hành; ba là theo mà giữ tâm nguyện Bồ-đề; bốn là thân gần các vị tri thức thiện đích thực; năm là siêng tu các loại pháp thiện một cách không có gián đoạn.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà quy định sự phải tu học như vậy chỉ có sáu số?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì hai lý do:

1. Lý do tạo lợi ích cho chúng sinh.
2. Lý do đối trị phiền não.

Ba độ trước là để tạo lợi ích cho chúng sinh, ba độ sau là để đối trị phiền não, nên nhận định như vậy. Ba độ trước tạo lợi ích cho chúng sinh là Bồ-tát do bố thí nên thu thập đồ dùng để tạo lợi ích cho chúng sinh, do trì giới nên không tổn hại bức bách quấy rối để đem

lại lợi ích cho chúng sinh, do nhẫn nhục nên chịu đựng sự tổn hại bức bách và quấy rối của chúng sinh để tạo lợi ích cho chúng sinh. Ba độ sau đối trị phiền não là Bồ-tát do tinh tấn nên dẫu chưa trừ hẳn phiền não, cũng chưa diệt hẳn tùy miên, mà vẫn dững mãnh tu hành các loại pháp thiện, phiền não không thể khuynh động sự tu hành ấy; rồi do thiền định mà trừ hẳn phiền não; do tuệ giác mà diệt hẳn tùy miên.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà quy định các Độ khác chỉ có bốn số?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

– Thiện nam! Vì lý do làm sự hỗ trợ cho sáu Độ:

1. Bồ-tát tạo lợi ích cho chúng sinh bằng ba độ trước là dùng các nhiếp pháp làm phương tiện mà thu nhận họ, đặt họ vào pháp thiện, nên Như Lai nói Phương tiện độ làm sự hỗ trợ của ba độ trước.

2. Bồ-tát nếu vì hiện tại nhiều phiền não nên không thể tu hành một cách liên tục; vì ý lạc hèn kém và vì thắng giải xao động của cõi Dục nên không thể nội tâm an trú; vì không thể lắng nghe, vin theo và khéo tu giáo pháp Bồ-tát tạng nên sự tĩnh lự không thể dẫn ra cái tuệ xuất thế; vì ba lý do như vậy vị Bồ-tát ấy tích lũy phước đức tư lương đang ít và kém mà phát thệ nguyện chính yếu, để đời sau phiền não được nhẹ và nhỏ đi, như thế đó là Nguyện độ; do nguyện này mà phiền não nhỏ và mỏng, có thể thực hành tinh tấn, nên Như Lai nói nguyện độ làm sự hỗ trợ của Tấn độ.

3. Bồ-tát nếu thân gần các bậc Thiện sĩ để lắng nghe chánh pháp và tác ý đúng lý, do nhân tố này mà xoay ý lạc hèn kém thành ý lạc siêu việt, lại được thắng giải bình lặng của cõi trên, như thế đó là Lực độ; do lực này mà có thể nội tâm an trú, nên Như Lai nói Lực độ làm sự hỗ trợ của Định độ.

4. Bồ-tát nếu đã lắng nghe, tin theo và khéo tu giáo pháp Bồ-tát tạng thì có thể phát ra tĩnh lự, như thế đó là Trí độ; do trí này mà có thể dẫn ra cái tuệ xuất thế, nên Như Lai nói Trí độ làm sự hỗ trợ của Tuệ độ.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà nói sáu Độ theo thứ tự như vậy?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì lý do dẫn ra các Độ về sau: Bồ-tát nếu không luyến tiếc thân mạng và tài sản thì có thể lãnh thọ và chấp trì tịnh giới, để chấp trì tịnh giới nên thực hành nhẫn nhục, thực hành nhẫn nhục thì phát ra tinh tấn, phát ra tinh tấn thì có thể thành đạt tĩn lự, thành đạt tĩn lự thì đạt được cái tuệ xuất thế. Vì thế mà Như Lai nói sáu độ theo thứ tự như vậy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu Độ như vậy mỗi độ có mấy loại khác nhau?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Mỗi độ có ba loại. Ba loại Thí độ là bố thí chánh pháp, bố thí tài sản, bố thí vô úy. Ba loại Giới độ là tịnh giới diệt ác, tịnh giới sinh thiện, tịnh giới lợi người. Ba loại Nhẫn độ, là nhẫn chịu oán hại, nhẫn chịu khổ cực, nhẫn chịu chân lý. Ba loại Tấn độ là tinh tấn áo giáp, tinh tấn sinh thiện, tinh tấn lợi người. Ba loại Định độ là tĩn lự dẫn ra pháp lạc, tĩn lự dẫn ra công đức, tĩn lự dẫn ra lợi người. Ba loại Tuệ độ là tuệ giác vin Thế tục đế, tuệ giác vin Thắng nghĩa đế, tuệ giác vin lợi ích người.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà sáu Độ gọi là độ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì năm lý do:

1. Vì không nhuốm bẩn.
2. Vì không lưu luyến.
3. Vì không tội lỗi.
4. Vì không phân biệt.
5. Vì chánh hồi hướng.

Không cấu bẩn là không cấu bẩn vì những cái trái ngược với các

Độ. Không lưu luyến là tâm không buộc vào các thành quả và quả dị thực của các Độ và vào sự trả ơn về các Độ. Không tội lỗi là đối với các Độ, không có sự tạp nhiễm xen vào và tách rời sự phi phương tiện. Không phân biệt là đối với các Độ không theo ngôn từ mà chấp đặc tính. Chánh hồi hướng là đem các Độ đã làm đã quy tụ xoay lại mà cầu thành quả Vô thượng Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là cái trái ngược với các Độ?

–Thiện nam! Những cái ấy đại khái có sáu:

1. Ưa thích dục lạc và giàu có tự do mà cảm thấy sâu xa là hay và hữu ích.

2. Đem thân, miệng, ý vào cái mình ưa thích mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

3. Không nhẫn nhịn nổi khi kẻ khác khinh miệt mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

4. Không siêng tu tập và đắm say dục lạc mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

5. Ở chỗ ồn náo và làm việc tạp loạn mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

6. Thấy nghe hay biết rồi ngôn từ hý luận mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

–Bạch Thế Tôn! Những gì là quả báo của các Độ?

–Thiện nam! Quả báo ấy đại khái cũng có sáu:

1. Được giàu có lớn.

2. Sinh chỗ tốt lành.

3. Không có thù oán, không bị phá hoại, lắm nỗi vui vẻ.

4. Đứng đầu mọi người.

5. Thân không tổn hại.

6. Thuộc dòng họ lớn.

–Bạch Thế Tôn! Những gì là sự tạp nhiễm xen vào của các Độ?

–Thiện nam! Đại khái có bốn cách làm:

1. Làm mà không tình thương.

2. Làm mà không hợp lý.

3. Làm mà không thường xuyên

4. Làm mà không thiết tha.

Làm mà không hợp lý là khi làm một độ mà tách rời và đánh mất các Độ khác.

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là phi phương tiện của các Độ?

– Thiện nam! Bồ-tát muốn đem các Độ lợi ích cho chúng sinh, nhưng chỉ tạo lợi ích cho chúng sinh bằng tiền của mà cho là đủ rồi, không đưa họ thoát chỗ ác, không đặt họ vào chỗ lành, thì như thế đó là cách làm phi phương tiện.

Bởi vì, thiện nam! Không phải chỉ làm như thế cho chúng sinh mà gọi là lợi ích thật; tựa như phấn uế thì nhiều ít gì cũng không bao giờ làm cho thơm lên được, chúng sinh cũng vậy, vì là hành khổ nên bản chất chúng sinh là khổ, không cách gì chỉ lợi ích tạm thời bằng tiền của mà có thể làm cho họ chuyển thành ra vui, chỉ có cách đem họ đặt vào trong pháp thiện tuyệt hảo mới được gọi là lợi ích bậc nhất.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Các độ như thế này có mấy sự thanh tịnh?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

– Thiện nam! Như Lai không bao giờ nói ngoài năm sự nói trên mà các Độ có sự thanh tịnh nào khác. Nhưng nay Như Lai căn cứ chính năm sự ấy mà nói tổng quát và nói riêng biệt về sự thanh tịnh của các Độ. Nói tổng quát về sự thanh tịnh của các Độ thì ông nên biết có bảy sự:

1. Không cầu ai biết các Độ ấy.

2. Tự thấy có các Độ ấy mà không sinh ra chấp trước.

3. Không hoài nghi chính các Độ ấy rằng đạt được quả Vô thượng Bồ-đề hay không.

4. Không bao giờ khen mình chê người mà khinh miệt ai.

5. Không kiêu ngạo buông thả.

6. Không bao giờ được chút ít mà đã mừng rằng đủ rồi.

7. Không bao giờ vì các Độ này mà ganh ghét keo kiệt với ai khi thấy họ cũng có các Độ ấy.

Nói riêng về tướng thanh tịnh của tất cả Ba-la-mật cũng có bảy thứ. Những gì là bảy? Đó là các Bồ-tát tùy thuận tu hành bảy tướng thanh như ta đã nói.

1. Do vật bố thí thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.
2. Do giới thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.
3. Do tri kiến thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.
4. Do tâm thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.
5. Do lời nói thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.
6. Do trí thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.
7. Do thanh tịnh các cấu uế mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Bố thí.

Lại nữa các Bồ-tát có thể:

1. Hiểu biết rõ ràng việc Phật chế lập luật nghi cho tất cả học xứ.

2. Biết rõ cách thoát khỏi những vi phạm.
3. Thường đầy đủ giới luật.
4. Kiên cố giới luật.
5. Thường hành giới luật.
6. Thường chuyển giới luật.
7. Thụ học tất cả những chỗ phải học.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Giới.

Nếu Bồ-tát tin sâu vào nghiệp quả dị thực đã tạo thì:

1. Khi những gì không thuận lợi xảy đến không sinh phần uất mắng lại.

2. Không giận, không đánh đập, không khùng bố, không giễu cợt.

3. Không vì những gì không có lợi ích mà hại người.
4. Nếu ai can gián không đem lòng oán kết.
5. Không buồn giận cũng không mong ai đến an ủi.
6. Không vì lòng sợ sệt hay ái nhiễm mà nhịn nhục.
7. Không vì làm ơn mà bỏ qua.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Nhẫn.

Nếu các Bồ-tát thông đạt tánh tinh tấn bình đẳng thì:

1. Không vì dững mãi tinh tấn mà tự cao khinh người.
2. Đầy đủ thế lực lớn.
3. Đầy đủ sức tinh tấn lớn.
4. Có khả năng kham nhiệm.
5. Kiên cố.
6. Dững mãi.
7. Quyết không từ bỏ các pháp lành.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Tinh tấn.

Nếu các Bồ-tát được:

1. Thông đạt tướng Tam-ma-địa tĩnh lực.
2. Viên mãn Tam-ma-địa tĩnh lực.
3. Câu phần Tam-ma-địa tĩnh lực.
4. Vận chuyển Tam-ma-địa tĩnh lực.
5. Vô sở y Tam-ma-địa tĩnh lực.
6. Khéo tu trì Tam-ma-địa tĩnh lực.

7. Vô lượng Tam-ma-địa tĩnh lực đối với sự tu tập trong tạng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

Như vậy là bảy tướng thanh tịnh của Tĩnh lực.

Nếu các Bồ-tát xa lìa sự tăng, ích, tổn, giảm nhị biên, thực hành trung đạo thì gọi là Tuệ. Do tuệ này mà:

1. Biết được nghĩa như thật của cửa giải thoát, tức là ba cửa giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

2. Biết được nghĩa như thật của hữu tự tánh, tức là ba tự tánh: Biến kế sở chấp, y tha khởi, viên thành thật.

3. Biết được nghĩa như thật của vô tự tánh, tức là ba thứ: Tướng vô tính, sinh vô tính và thắng nghĩa vô tính.

4. Biết được nghĩa như thật của Thế tục đế, tức là nghĩa năm minh.

5. Biết được nghĩa như thật của Thắng nghĩa đế, tức là nghĩa bảy chân như.

6. Lại không phân biệt, lìa các hý luận, hướng đến lý thuần nhất.

7. Vì nhiều chỗ trụ, vì duyên vô lượng các pháp nói chung và Tỳ-bát-xá-na mà khéo thực hành biện pháp, tùy pháp.

Đó gọi là tướng thanh tịnh của bảy thứ Tuệ.

Bồ-tát Quán Tự Tại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy năm tướng trên mỗi tướng đều có những nghiệp gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Nên biết mỗi sự có một tác dụng: Các vị Bồ-tát vì không cấu bẩn nên trong hiện tại luôn luôn thiết tha, nỗ lực tu tập các Độ chứ không phóng túng; vì không lưu luyến nên tạo thành cái nhân không phóng túng trong vị lai; vì không tội lỗi nên chính xác tu tập các Độ một cách rất khéo hoàn hảo, trong sáng và tươi trắng; vì không phân biệt nên mau chóng viên mãn các Độ bằng phương tiện khéo léo; vì chánh hồi hướng nên sinh ra ở đâu, các Độ và những thành quả cùng quả dị thực khả ái của các Độ, đều có đặc tính vô tận, đến hướng Vô thượng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các độ được nói như vậy, cái gì rất rộng lớn? Cái gì không nhiễm ô? Cái gì rất sáng rực? Cái gì không thể động? Cái gì rất thanh tịnh?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Đặc tính không bị cấu bẩn, đặc tính không lưu luyến và đặc tính chánh hồi hướng là rất rộng lớn; đặc tính không tội lỗi và đặc tính không phân biệt là không nhiễm ô; tư duy quyết trách mà làm là rất sáng rực; nhập vào vị trí không còn thoái chuyển là không thể động; gồm trong Địa thứ mười và địa Như Lai là rất thanh tịnh.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà những thành quả và quả dị thực khả ái của các Độ luôn vô tận và chính các Độ cũng vô tận?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì triển chuyển dựa nhau mà sinh mãi và tu tập không hề gián đoạn.



Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà các vị Bồ-tát ưa thích sâu xa đối với các Độ chứ không đối với quả dị thực khả ái của các Độ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì năm lý do:

1. Vì các Độ là nhân của sự vui mừng tối thượng.
2. Vì các Độ là nhân của sự lợi ích rốt ráo cho mình người.
3. Vì các Độ là nhân tố của quả dị thực khả ái trong thời gian vị lai.
4. Vì các Độ không phải là chỗ dựa của mọi sự tạp nhiễm.
5. Vì các Độ không phải là những cái cuối cùng rồi cũng suy tàn và hỏng mất.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các Độ, mỗi độ có mấy thứ uy đức tối thắng?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Tất cả các Độ, mỗi Độ đều có bốn thứ uy đức tối thắng:

1. Tu tập chân chánh các Độ thì trừ bỏ keo lẩn, phạm giới, căm phẫn, lừa dối, loạn động, kiến hoặc.
2. Tu tập chân chánh các Độ thì làm tư lương chân thật Vô thượng Bồ-đề.
3. Tu tập chân chánh các Độ thì tự thuần hóa và lợi ích cho người.
4. Tu tập chân chánh các Độ thì vị lai được những quả dị thực khả ái vừa quảng đại vừa vô tận.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các Độ như vậy nhân của nó là gì? Thành quả là gì? Thật lợi là gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Tất cả các Độ như vậy lấy tâm đại Bi làm nhân tố, lấy sự ích lợi cho chúng sinh của quả dị thực khả ái làm thành

quả, lấy Vô thượng Bồ-đề làm thật lợi.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các vị Bồ-tát đầy đủ tiền của vô tận và thành tựu từ bi rộng lớn thì vì sao thế giới này hiện có những người nghèo khổ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Ấy là lỗi vì cái nghiệp của họ. Nếu chúng sinh không có nghiệp ác của mình cản trở lấy mình thì thế giới này làm gì có người nghèo khổ khi Bồ-tát thường có lòng làm lợi ích cho người, lại thường có tiền của vô tận. Tựa như quỹ đói bị nóng khát dữ dội hành hạ cơ thể, vậy mà thấy nước biển khô cả. Như thế đâu phải lỗi ở biển, lỗi vì nghiệp của quỹ đói mà thôi. Tương tự như vậy, Bồ-tát bố thí tiền của thì như biển cả, nên không vì Bồ-tát, mà chỉ vì nghiệp ác của chúng sinh, như vì nghiệp ác của quỹ đói làm cho quỹ đói có cái ác báo không có nước uống.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng Độ nào lãnh hội cái tánh không tự tánh của các pháp?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Dùng Tuệ độ thì lãnh hội được cái tánh không tự tánh của các pháp.

–Bạch Thế Tôn! Nếu Tuệ độ lãnh hội cái tánh không tự tánh thì sao không lãnh hội cái tánh có tự tánh?

–Thiện nam! Như Lai không bao giờ nói đem cái tánh không tự tánh lãnh hội cái tánh không tự tánh như ý ông hỏi, bởi vì cái tánh không tự tánh thì siêu việt văn tự mà chứng ngộ bên trong. Nhưng không thể bỏ ngôn ngữ văn tự mà nói được, nên Như Lai nói Tuệ độ lãnh hội cái tánh không tự tánh của các pháp.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Độ, Độ gần và Độ lớn, vậy Độ là thế nào? Độ gần là thế nào? Độ lớn là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Nếu các vị Bồ-tát trải qua vô số thời gian, tu tập

thí cho đến tuệ, pháp thiện thành tựu mà phiền não vẫn còn hiện hành như cũ, chưa chế ngự được chúng mà lại bị chúng chế ngự, thì đó là thắng giải bậc kém và bậc vừa trong Địa Giải hành và gọi là Độ. Trải qua vô số thời gian nữa, tu tập Thí cho đến Tuệ, pháp thiện thành tựu được tăng thượng dần lên mà phiền não vẫn còn hiện hành như cũ, nhưng chế ngự được chúng chứ không bị chúng chế ngự, thì đó là từ Địa thứ nhất sắp lên và gọi là Độ gần. Trải qua vô số thời gian nữa, tu tập Thí cho đến Tuệ, pháp thiện thành tựu càng tăng thượng hơn nữa, mọi phiền não không còn hiện hành, thì đó là từ Địa thứ tám sắp lên và gọi đó là Độ lớn.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong các địa Bồ-tát ấy, tùy miên của phiền não có thể có mấy loại?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Khái lược có ba loại:

1. Tùy miên hỗ trợ, ở trong năm địa Bồ-tát trước. Vì sao? Vì chính hiện hành của phiền não không phải câu sinh là những thứ hỗ trợ cho hiện hành của phiền não câu sinh và lúc bấy giờ vĩnh viễn không còn nữa, nên gọi là tùy miên hỗ trợ.

2. Tùy miên yếu kém, là hiện hành nhỏ nhiệm trong Địa thứ sáu và Địa thứ bảy, nếu tu đạo chế ngự thì chúng không hiện hành nữa.

3. Tùy miên nhỏ nhiệm, là sở tri chướng trong Địa thứ tám sắp lên, ở đó mọi phiền não không còn hiện hành nữa.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những loại tùy miên này do mấy loại thô trọng bị diệt trừ mà làm rõ ra?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Chỉ do hai loại:

1. Do loại thô trọng da ngoài bị diệt trừ mà làm rõ ra loại tùy miên thứ nhất và loại tùy miên thứ hai.

2. Do loại thô trọng da trong bị diệt trừ mà làm rõ ra loại tùy miên thứ ba.

3. Loại thô trọng xương cốt bị diệt trừ thì Như Lai nói vĩnh viễn diệt trừ toàn thể tùy miên và vị trí là ở địa Như Lai.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phải trải qua mấy vô số kiếp mới diệt trừ được những loại thô trọng như vậy?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Phải trải qua ba vô số kiếp lớn, hoặc vô lượng kiếp mà sát-na, nháy mắt, chốc lát, nửa buổi, một buổi, ngày đêm, nửa tháng, một tháng, một năm, không thể lấy những thời gian này làm đơn vị mà tính kể.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong các địa Bồ-tát, Bồ-tát phát ra phiền não thì phiền não ấy là sắc thái gì? Có nhược điểm gì? Có ưu điểm gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Phiền não ấy là sắc thái không ô nhiễm. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát này, ngay trong Địa thứ nhất, quyết định đã khéo thông đạt pháp tánh các pháp, do đó, các vị phải biết rõ có cần thiết mới để cho phiền não phát ra, không phải không biết, thế nên Như Lai nói là sắc thái không ô nhiễm. Trong bản thân các vị Bồ-tát này, phiền não ấy không thể gây ra khổ não, nên không có nhược điểm gì. Phiền não được các vị Bồ-tát này để cho phát ra như vậy có năng lực cắt đứt cái nhân đau khổ trong giới chúng sinh, nên nó có vô số ưu điểm.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Thật là kỳ lạ! Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ-đề có công đức lớn lao đến như vậy, ấy là làm cho phiền não của Bồ-tát phát ra mà còn hơn cả thiện căn của chúng sinh, của Thanh văn và Độc giác, huống chi là vô lượng công đức khác.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn dạy Thanh văn thừa hay Đại thừa chỉ là Nhất thừa, lời này có mật ý gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Như trong Thanh văn thừa, Như Lai nói những tiết vấn đề của các pháp là năm uẩn, sáu xứ ở trong, sáu xứ ở ngoài và các tiết mục đồng đẳng như vậy, thì trong Đại thừa Như Lai nói chính các pháp ấy là đồng nhất pháp tánh, đồng nhất lý thú. Thế nên Như Lai không nói các thừa có tính sai biệt. Chỉ có những kể y theo ngôn từ mà vọng phân ý nghĩa, mới thành một số thêm lên, một số bớt đi, lại cho những điểm sai biệt của các thừa là mâu thuẫn nhau, rồi cứ thế mà triển chuyển tranh luận. Mật ý ở đây là như vậy.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây.

*Mười Địa Bồ-tát  
 Bao gồm những gì  
 Danh nghĩa thế nào  
 Đối trị cái gì.  
 Đặc thù có gì  
 Phát sinh những gì  
 Đại nguyện ra sao  
 Và bao tiết mục;  
 Đó là Đại thừa  
 Như Lai đã nói  
 Qua các Địa ấy,  
 Khéo léo tu tập  
 Thì sẽ thành tựu  
 Đại giác vô thượng.  
 Như Lai tuyên thuyết  
 Tiết mục các pháp,  
 Lại nói các pháp  
 Đồng nhất lý thú;  
 Nghĩa là đối với  
 Thừa thấp thừa cao,  
 Như Lai nói rằng  
 Không tánh dị biệt.*

*Chỉ có những kẻ  
Y theo ngôn từ  
Vọng phân ý nghĩa  
Mới có thêm bớt,  
Cho rằng hai thừa  
Mâu thuẫn với nhau,  
Nhận thức ngu ngơ  
Thành ra tranh cãi.*

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong toàn bộ pháp thoại Giải Thâm Mật, pháp thoại này nên mệnh danh là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Pháp thoại này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Các Địa Độ. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp thoại Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Các Địa Độ thì trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát được chánh định ánh sáng Đại thừa của Bồ-tát.



## KINH GIẢI THÂM MẬT

### QUYỂN 5

#### Phẩm 8: PHẬT SỰ (NHƯ LAI THÀNH SỞ TÁC SỰ)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Pháp thân Như Lai, vậy Pháp thân Như Lai có những tướng gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Khéo tu rốt ráo các Độ của các Địa mà hoàn thành chuyển y, thì chuyển y đó là tướng của Pháp thân Như Lai. Tướng này vì hai nhân duyên nên chẳng thể nghĩ bàn, đó là siêu việt hý luận và siêu việt thi vi, mà chúng sinh thì hý luận và thi vi.

–Bạch Thế Tôn! Chuyển y của Thanh văn và Độc giác được gọi là Pháp thân không?

–Thiện nam! Không.

–Bạch Thế Tôn! Vậy nên gọi là gì?

–Thiện nam! Nên gọi là Giải thoát thân. Do Giải thoát thân nên nói Thanh văn, Độc giác cùng với Như Lai rất bình đẳng, nhưng do Pháp thân nên có khác biệt. Pháp thân Như Lai khác biệt là vì có vô lượng công đức vừa tối thắng vừa khác biệt, toán số ví dụ không thể diễn tả.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nên hiểu như thế nào về tướng trạng sinh khởi của Như Lai?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Hóa thân Như Lai mà động tác thì cũng như thế giới sinh khởi mọi thứ; hóa thân ấy được mọi công đức của Như Lai

trang sức và duy trì. Ông nên biết hóa thân thì có sinh khởi, Pháp thân thì phi sinh khởi.

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nên hiểu như thế nào về phương tiện khéo léo của Hóa thân Như Lai đã thị hiện?

–Thiện nam! Khắp cả cõi Phật của Như Lai là đại thiên thế giới này, ở trong vương gia tăng thượng mà ai cũng công nhận hay trong gia đình đại phước mà ai cũng công nhận, Như Lai cùng lúc vào thai, đản sinh, lớn lên, hưởng dục, xuất gia, thị hiện khổ hạnh, rồi bỏ khổ hạnh mà thành Đẳng chánh giác, thị hiện với tuần tự như vậy thì gọi đó là phương tiện khéo léo của Hóa thân Như Lai thị hiện.

Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có mấy loại tiếng nói của Hóa thân Như Lai chủ trì, tiếng nói mà nhờ đó những người được hóa độ chưa thành thực thì thành thực, đã thành thực thì cũng nương vào đó mà mau được giải thoát?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Tiếng nói Như Lai khái lược có ba loại: Một là khế kinh; hai là điều phục; ba là bản mẫu.

–Bạch Thế Tôn! Khế kinh là gì? Điều phục là gì? Bản mẫu là gì?

–Thiện nam! Chỗ nào Như Lai căn cứ những sự bao quát mà thuyết pháp thì đó là khế kinh. Những sự ấy có bốn, có chín và có hai mươi chín.

Bốn sự là những gì?

1. Lắng nghe.
2. Hưởng đến.
3. Tu học.
4. Chứng ngộ.

Chín sự là gì?

1. Thiết lập chúng sinh.
2. Thiết lập sự thọ dụng của chúng sinh.



3. Thiết lập sự sinh khởi của chúng sinh.
4. Thiết lập sự tồn tại của chúng sinh.
5. Thiết lập sự nhiễm tịnh của chúng sinh.
6. Thiết lập sự sai biệt của chúng sinh.
7. Người nói.
8. Pháp được nói.
9. Chúng hội nghe nói.

Hai mươi chín sự là gì:

Loại tạp nhiễm có:

1. Các hành.
2. Các hành lưu chuyển.
3. Nơi đó chấp ngã nên vị lai lưu chuyển.
4. Nơi đó chấp pháp nên vị lai lưu chuyển.

Loại thanh tịnh có:

5. Chánh niệm pháp được nghe.
6. Tinh tấn về pháp ấy.
7. Tâm an định.
8. Sống trong pháp lạc.
9. Phương pháp giải thoát khổ não.
10. Biến tri khổ não, sự này có ba: Biến tri chỗ của những thứ điên đảo, biến tri chỗ của những thứ tà hành, biến tri chỗ của những thứ nội ly thượng mạn.
11. Diệt nhân.
12. Tác chứng.
13. Tu tập.
14. Cứng chắc.
15. Hành tướng của sự cứng chắc.
16. Đối tượng được duyên của sự cứng chắc.
17. Sự khéo quan sát cái đã đoạn và cái chưa đoạn của sự cứng chắc.
18. Sự tán loạn của sự cứng chắc.
19. Sự không tán loạn của sự cứng chắc.

20. Chỗ dựa của sự không tán loạn.
21. Tu tập một cách cần cù nỗ lực.
22. Thắng ích của sự tu tập.
23. Sự bền chắc của sự tu tập.
24. Thu hoạch tuệ giác của Thánh giả.
25. Thu hoạch sự hỗ trợ của tuệ giác ấy.
26. Thông suốt chân như.
27. Chứng đắc Niết-bàn.
28. Sự siêu việt trên đỉnh chánh kiến ngoại đạo của sự chánh kiến về pháp Như Lai thiện thuyết, dù sự chánh kiến ấy đang còn hữu lậu.
29. Sự thoái lui của sự chánh kiến ấy, nhưng không tu tập pháp thiện thuyết nên nói là thoái lui, chứ không phải sự chánh kiến ấy có gì sai lầm mà gọi là thoái lui.

Thiện nam! Chỗ nào Như Lai do các vị Thanh văn và các vị Bồ-tát mà nói về pháp biệt giải thoát và pháp tương ứng với biệt giải thoát thì đó là điều phục.

Bạch Thế Tôn! Biệt giải thoát của Bồ-tát bao gồm vào mấy tướng?

Thiện nam! Nên biết có bảy tướng, một là nói về quy tắc thọ giới, hai là nói về các giới pháp nặng, ba là nói về sự phạm giới, bốn là nói về tánh tình còn phạm giới, năm là nói về tánh tình không phạm giới, sáu là nói về cách sám hối sự phạm giới, bảy là nói về sự xả giới.

Thiện nam! Chỗ nào Như Lai đem mười một tướng mà thuyết pháp thì đó là bản mẫu. Mười một tướng ấy là gì?

1. Thế tục đế.
2. Thắng nghĩa đế.
3. Đối tượng được duyên của các pháp Bồ-đề phần.
4. Hành tướng.
5. Tự tánh.
6. Quả của tự tánh.

7. Sự tiếp nhận khai thị của tự tánh.

8. Chương ngại của tự tánh.

9. Tùy thuận của tự tánh.

10. Lỗi lầm của tự tánh.

11. Thắng ích của tự tánh.

Tướng thứ nhất, Thế tục đế có ba loại:

1. Nói về chấp ngã.

2. Nói về Biến kế chấp.

3. Nói về tác dụng của các pháp.

Tướng thứ hai, Thắng nghĩa đế là nói về bảy chân như.

Tướng thứ ba, đối tượng được duyên của các pháp Bồ-đề phần là nói về tất cả chủng loại nơi đối tượng được nhận thức.

Tướng thứ tư, hành tướng là nói về tám hành quán:

1. Đế thật.

2. An lập.

3. Quá thất.

4. Công đức.

5. Lý thú.

6. Lưu chuyển.

7. Đạo lý.

8. Tổng biệt.

Mục một, đế thật là nói về chân như của các pháp. Mục hai, an lập và lập ra ngã chấp, là lập ra Biến kế chấp, là lập ra quyết định, phân tích, hỏi lại và lạng bỏ, là lập ra ẩn mật và minh bạch hay ký biệt và sai biệt. Mục ba, quá thất là nói pháp tạp nhiễm có nhiều mặt tội lỗi. Mục bốn, công đức là nói pháp thanh tịnh có nhiều mặt thắng ích. Mục năm, lý thú có sáu thứ: Lý thú chân lý, lý thú chứng đắc, lý thú giáo hóa, lý thú siêu việt nhị biên, lý thú bất khả tư nghì, lý thú mật ý. Mục sáu, lưu chuyển là ba thời gian, ba hữu vi tướng và bốn duyên tố. Mục bảy, đạo lý là bốn đạo lý: Thứ nhất là đạo lý quán đái, thứ hai là đạo lý tác dụng, thứ ba là đạo lý chứng thành, thứ tư là đạo lý pháp nhĩ. Thứ nhất, đạo lý quán đái là do nhân tố và duyên tố mà

phát sinh các hành và phát sinh ngôn từ liên quan các hành. Thứ hai, đạo lý tác dụng là do nhân tố và duyên tố mà các pháp sinh, các pháp thành, các pháp sinh thành rồi tác dụng. Thứ ba, đạo lý chứng thành là do nhân tố và duyên tố mà làm cho ý nghĩa nói ra được xác lập và làm cho người nghe hiểu biết chính xác. Thứ tư, đạo lý pháp nhĩ là Như Lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú. Mục tám, tổng biệt là trước nói tổng quát bằng một câu về pháp, sau đó nói những câu phân tích khác nhau làm cho rõ ràng trọn vẹn.

Thêm nữa, đạo lý chứng thành có hai loại, là loại trong sáng và loại vẫn đục. Do năm tướng mà trong sáng và do bảy tướng mà vẫn đục. (Thứ nhất), do năm tướng mà trong sáng là hiện thấy, suy luận, luận cứ, toàn hảo và chánh giáo. Hiện thấy là các hành vô thường, các hành khổ não, các pháp vô ngã, đại loại như vậy, đó là những điều mà hiện lượng thấy được. Suy luận là dựa vào sự hiện thấy, tức xét thấy các hành là tính sát-na, là tính có đời sau, là tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất; tính sát-na là do sự vô thường thô thiển mà biết, tính có đời sau là do chúng sinh có nhiều loại vì có nhiều loại nghiệp mà biết, tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất là do chúng sinh có vui có khổ mà biết, đại loại như vậy, đó là những điều không hiện thấy mà có thể suy luận. Luận cứ là dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất, tức đối với các hành nơi bản thân hay nơi ngoại giới đều có thể dẫn sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn mọi sự khổ não của sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự bất tự do mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự thịnh suy mà ai cũng biết để ví dụ, đại loại như vậy. Toàn hảo là do hiện thấy, do suy luận và do luận cứ mà làm cho chủ thuyết lập ra được quyết định. Chánh giáo là những giáo huấn tốt đẹp trong sáng, tức những tuyên thuyết của Bạc Toàn Giác, như tuyên thuyết Niết-bàn là vắng lặng trọn vẹn, đại loại như vậy. Do năm sắc thái như vậy mà gọi là khéo quan sát về đạo lý trong sáng và do sự trong sáng ấy mà đạo lý như vậy đáng được học tập.

–Bạch Thế Tôn! Bạc Toàn Giác thì có mấy tướng?

–Thiện nam! Đại khái có năm tướng:

1. Xuất hiện thế giới thì cái tiếng toàn giác ai cũng nghe cả.
2. Toàn hảo ba mươi hai tướng quý của bậc Đại tượng phu.
3. Đầy đủ mười trí lực loại được mọi nghi hoặc cho chúng sinh.
4. Đầy đủ bốn Vô úy tuyên thuyết chánh pháp, không bị sự biện luận của ai khuất phục mà lại khuất phục được những sự tà luận.
5. Trong chánh pháp được tuyên thuyết thì tám Thánh đạo và bốn Thánh quả toàn là những cái có thể thực hiện ngay trong hiện tại.

Sự xuất hiện thế giới (với cái tiếng toàn giác và đủ các tướng quý), sự giải quyết nghi hoặc, sự không bị khuất phục mà khuất phục được người khác, sự hiện tại có thể thực hiện Thánh đạo và Thánh quả, năm sự như vậy là tướng của Bậc Toàn Giác mà ông nên biết. Và, như thế, đạo lý chứng thành do hiện lượng, do tỷ lượng cùng những luận cứ và sự toàn hảo của tỷ lượng ấy và do chánh giáo lượng, do năm tướng như vậy mà gọi là trong sáng. (Thứ hai), do bảy tướng mà vẫn đục là một, một phần cùng tính chất; hai, một phần khác tính chất; ba, toàn phần cùng tính chất; bốn, toàn phần khác tính chất; năm, ví dụ khác tính chất; sáu, không phải toàn hảo; bảy, không phải chánh giáo. Nếu đưa ra lý do vì ý thức nhận biết thì đó là toàn phần cùng tính chất. Nếu đưa ra lý do vì tướng, vì đặc tính, vì tác dụng, vì nhân quả, mỗi lý do riêng biệt của mỗi pháp, quyết định khác nhau, thì đó là toàn phần khác tính chất. Nếu đưa ra lý do mà một phần cùng tính chất và ví dụ lại toàn phần khác tính chất thì vì vậy mà chủ thiết lập ra không được quyết định, nên đó là không phải toàn hảo. Nếu đưa ra lý do mà một phần khác tính chất và ví dụ lại toàn phần cùng tính chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là không phải toàn hảo. Không phải toàn hảo, không phải khéo quan sát đạo lý trong sáng, thì do sự vẫn đục ấy mà không đáng học tập. Ví dụ khác tính chất và không phải chánh giáo, thì ông nên biết bản chất toàn là vẫn đục.

Tướng thứ năm, tự tánh là sự tu hành và sự y cứ theo lời mà Như Lai nói cho để thủ đắc các pháp Bồ-đề phần và niêm trú và các đồng loại.

Tướng thứ sáu, quả của tự tánh là những sự diệt trừ phiền não

và những thành quả công đức thuộc cả phạm vi thế gian và phạm vi xuất thế gian.

Tướng thứ bảy, sự tiếp nhận khai thị của tự tánh là đối với cái quả nói trên, đem cái trí giải thoát mà lãnh nhận và khai thị phong phú cho người.

Tướng thứ tám, chướng ngại của tự tánh là chính các pháp ô nhiễm gây chướng ngại cho sự tu hành các pháp Bồ-đề phần.

Tướng thứ chín, tùy thuận của tự tánh là những gì làm cho sự tu hành ấy nhiều hơn lên.

Tướng thứ mười, tội lỗi của tự tánh là những tội lỗi của các pháp chướng ngại nói trên.

Tướng thứ mười một, thắng ích của tự tánh là những công đức của các pháp tùy thuận nói trên.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn nói tóm tắt cho các vị Bồ-tát biết sự Tổng trì Kinh, Luật, Luận, một sự Tổng trì không cộng hữu với ngoại đạo; do sự Tổng trì không cộng hữu này mà làm cho các vị Bồ-tát ngộ nhập được mật ý sâu xa của các pháp Đức Thế Tôn tuyên thuyết.

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Ông hãy nghe kỹ. Như Lai nay sẽ nói tóm tắt cho các ông về sự Tổng trì không cộng hữu, để làm cho các vị Bồ-tát khéo ngộ, nhập những ngôn từ mật ý mà Như Lai tuyên thuyết. Thiện nam! Dù pháp tạp nhiễm, dầu pháp thanh tịnh, Như Lai nói tất cả toàn không tác dụng, toàn không bản ngã, bởi vì hết thảy chủng loại đều là phi thi vi. Không phải pháp tạp nhiễm trước bản sau sạch, không phải pháp thanh tịnh sau sạch trước bản. Nơi cái thân nặng nề, những kẻ phàm phu chấp pháp chấp ngã với bao đặc tính và chi tiết. Chính vọng kiến tùy miên này làm duyên tố nên chấp ta và của ta. Chính vọng kiến tùy miên này bảo ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta chạm, ta biết, ta ăn, ta làm, ta bản, ta sạch, đại loại như vậy chuyển thành tà hành. Nếu ai biết đúng như thế này thì vĩnh viễn loại bỏ cái thân nặng nề, đạt được sự không còn

phiền não, cùng cực thanh tịnh, siêu việt hý luận, không làm chỗ nương tựa, không có sự sắp đặt bày biện. Đó là tóm tắt về Tổng trì không cộng hữu.

Lúc ấy Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây.

*Tất cả các pháp  
Nhiễm cũng như tịnh,  
Toàn vô tác dụng  
Toàn phi bản ngã:  
Phi nêu bày này  
Mà như lai nói,  
Thì bản với sạch  
Không phải trước sau.  
Vọng kiến tùy miên  
Làm duyên tố chính,  
Thấy thân nặng nề  
Là ta của ta,  
Và vọng nói rằng  
Ta thấy ta biết,  
Ta ăn ta làm  
Ta bản ta sạch.  
Đúng như sự thật  
Mà biết như vậy,  
Vĩnh viễn diệt được  
Cái thân nặng nề,  
Được phi nhiễm tịnh  
Và siêu hý luận,  
Không là chỗ dựa  
Không là sắp đặt.*

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con nên nhận thức như thế nào về trạng thái sinh khởi nơi tâm của Đức Thế Tôn?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Như Lai thì không phải được biểu thị bằng sự sinh khởi của tâm ý thức. Thế nhưng Như Lai có sự sinh khởi của cái tâm không cần gia hành và sự sinh khởi ấy nên biết tựa như sự biến hóa.

–Bạch Thế Tôn! Pháp thân Thế Tôn tách rời mọi sự gia hành, gia hành không có thì làm sao có sự sinh khởi của tâm?

–Thiện nam! Do sức mạnh gia hành mà trước đó đã tu tập về Tuệ độ nên tâm sinh khởi. Tựa như kẻ đang ngủ một cách không có tâm thức gì trong giấc ngủ thì không có gia hành gì để thức cả, nhưng do sức mạnh gia hành trước đó nên vẫn thức dậy. Lại như vị đang nhập định diệt tận thì không có gia hành gì để xuất định, xuất định là do gia hành trước đó. Như ngủ và định diệt tận mà tâm sinh khởi trở lại, Như Lai cũng do sức mạnh gia hành mà trước đó đã tu tập về Tuệ độ, nên vẫn có sự sinh khởi của tâm.

–Bạch Thế Tôn! Hóa thân của Thế Tôn có tâm thức hay không có tâm thức?

–Thiện nam! Không phải có tâm thức, cũng không phải không tâm thức, vì không có cái tâm do nơi mình nhưng có cái tâm nơi người.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sở hành và cảnh giới của Như Lai, hai thứ ấy có gì khác nhau?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Này thiện nam! Sở hành của Như Lai là tất cả các thứ vô lượng công đức không thể nghĩ bàn mà chư Như Lai cộng hữu đã làm trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh. Cảnh giới của Như Lai là tất cả năm thứ cảnh giới sai biệt. Năm thứ cảnh giới ấy là gì? Một là hữu tình giới, hai là thế giới, ba là pháp giới, bốn là điều phục giới, năm là điều phục phương tiện giới. Như vậy gọi là hai thứ sai biệt.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn thành Đẳng chánh giác, chuyển chánh pháp luân, nhập đại Niết-bàn, ba sự như vậy con nên hiểu là tướng gì?



Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Nên biết ba sự như vậy đều không có hai tướng: Phi thành Đẳng chánh giác, phi không thành Đẳng chánh giác; phi chuyển chánh pháp luân, phi không chuyển chánh pháp luân; phi nhập đại Niết-bàn, phi không nhập đại Niết-bàn. Tại sao, bởi vì Pháp thân Như Lai thì cứu cánh thanh tịnh mà hóa thân Như Lai thì thường xuyên thị hiện.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các loại chúng sinh chỉ thấy nghe và phụng sự hóa thân Thế Tôn mà sinh công đức, vậy Thế Tôn là nhân duyên gì của họ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Như Lai là nhân duyên cho tăng thượng duyên của họ, bởi vì hóa thân Như Lai là do cái lực của Pháp thân Như Lai gìn giữ.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cùng là không có gia hành mà tại sao Pháp thân Thế Tôn vì chúng sinh mà phóng ánh sáng lớn của trí giác vĩ đại, lại xuất ra vô lượng ảo tượng hóa thân, còn giải thoát thân của Thanh văn và Độc giác lại không có những sự ấy?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Tựa như cùng là không có gia hành, nhưng tinh thể của nhật nguyệt thì phóng ánh sáng lớn chứ không phải những tinh thể khác, ấy là vì chúng sinh đại oai đức gìn giữ, vì nghiệp lực tăng thượng của chúng sinh; thêm nữa, như từ viên ngọc ma-ni được chạm khắc bởi tay thợ lành nghề mới xuất hiện đường nét, chứ không phải từ những viên ngọc không được chạm khắc. Tương tự như vậy, do cái Tuệ độ y hết vào vô lượng pháp giới cùng cực khéo léo tu tập mài dũa mới thành Pháp thân Như Lai, từ Pháp thân này mới phóng được ánh sáng trí giác vĩ đại và xuất ra vô lượng ảo tượng hóa thân, chứ không phải chỉ từ giải thoát thân mà có những sự ấy.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói, do oai đức giữ gìn của Thế Tôn và của chư Bồ-tát mà làm cho chúng sinh ở trong cõi Dục thì sinh vào nhà đại phú quý của đẳng cấp Sát-đế-lợi hay đẳng cấp Bà-la-môn, cái thân con người cùng với tài sản, bảo vật không thứ nào không toàn hảo; sinh trong chư Thiên cõi Dục, sinh trong cõi Sắc và cõi Không, thì cũng toàn hảo thân thể và tài bảo ở những cõi ấy.

Bạch Thế Tôn! Lời này có mật ý gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Như Lai với Bồ-tát đem oai đức mà giữ gìn chánh pháp; bất cứ chỗ nào có thể làm cho chúng sinh được thân thể và tài bảo toàn hảo, thì Như Lai tùy nghi mà nói chánh pháp ấy cho họ. Rồi ai có năng lực chính xác tu hành chánh pháp ấy, thì sinh ra chỗ nào, thân thể và tài bảo nhận được cũng đều toàn hảo; ai chống đối khinh phá chánh pháp ấy, lại quấy phá tức giận Như Lai, thì mạng chung rồi sinh ra ở đâu, thân thể và tài bảo nhận được cũng toàn thấp kém. Do vậy, oai đức giữ gìn của Như Lai và Bồ-tát không những làm cho chúng sinh, thân thể và tài bảo đều toàn hảo, mà oai đức giữ gìn của Như Lai và Bồ-tát cũng làm cho chúng sinh thân thể và tài bảo đều thấp kém.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong những thế giới như bản thì việc gì dễ có và việc gì khó có? Trong những cõi tịnh thì việc gì dễ có và việc gì khó có?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Trong những thế giới như bản thì có tám sự dễ có và hai sự khó có. Tám sự dễ có là dễ có ngoại đạo, dễ có kẻ khổ, dễ có đẳng cấp gia tộc lắm sự thịnh suy, dễ có sự làm ác, dễ có sự phạm giới, dễ có các đường dữ, dễ có giáo lý thấp, dễ có Bồ-tát ý lạc gia hành đều thấp kém; hai sự khó có là khó có sự đến đó của các vị Bồ-tát mà ý lạc và gia hành đều tăng thượng, khó có sự xuất hiện của Như Lai. Trong những cõi tịnh thì trái ngược với trên đây, có tám sự rất khó có và có hai sự dễ có.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong pháp môn Giải Thâm Mật, giáo pháp này gọi tên là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Giáo pháp này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Phật Sự. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói giáo pháp Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Phật Sự thì trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Đại Bồ-tát đều được chứng ngộ Pháp thân viên mãn.





SỐ 677

# KINH GIẢI TIẾT

*Hán dịch: Đời Trần, Tạm tạm Pháp sư Chân Đế,  
người nước Thiên Trúc.*

## Phẩm 1: BÁT KHẢ NGÔN, VÔ NHỊ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo, gồm chín vạn chín ngàn vị, đều là hàng A-la-hán, đã sạch hết các lậu, đã làm xong việc, đã bỏ mọi gánh nặng, đạt được lợi lạc cho mình, không còn phiền não ràng buộc, tâm được tự tại giải thoát, khéo được Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na (Chỉ Quán).

Tên của những vị ấy là Tịnh mạng A-nhã Kiêu-trần-như... cho đến trụ vào định A-la-na Tam-muội, Trưởng lão Tu-bồ-đề...

Lại có đông đủ chúng đại Tỳ-kheo-ni, gồm ba vạn sáu ngàn vị, Ma-ha Ba-xà-ba-đề cho đến Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-ca-tỷ-la... làm người dẫn đầu.

Lại có vô lượng, vô số Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,... vua Tần-bà-sa-la, làm người dẫn đầu.

Lại có vô lượng trăm ngàn Đại Bồ-tát, các chúng Bồ-tát này, hoặc ở trong Hiền kiếp, hoặc ở cõi này, hoặc từ phương khác đến; các vị Nhất sinh bổ xứ như Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Quán Thế Âm... làm người dẫn đầu. Tất cả đều thông đạt pháp tánh

sâu xa, điều thuận, dễ giáo hóa, hạnh lành bình đẳng, tu đạo Bồ-tát. Tất cả chúng sinh là bạn lành chân thật, đấng Đà-la-ni vô ngại, chuyển pháp luân không thoái, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Những chúng như vậy đều đến tụ hội.

Khi ấy, Bồ-tát Như Lý Chánh Văn hỏi Bồ-tát Năng Giải Thâm Thâm Nghĩa Tiết:

–Này Phật tử! Tất cả pháp không có hai, tất cả pháp không có hai, nói như thế nghĩa là sao?

Bồ-tát Năng Giải Thâm Thâm Nghĩa Tiết đáp:

–Này thiện nam! Tất cả pháp ấy không vượt qua hai điều này. Đó là sở tác, phi sở tác. Sở tác là phi sở tác phi phi sở tác. Phi sở tác là phi phi sở tác cũng phi sở tác.

Bồ-tát Như Lý Chánh Văn hỏi:

–Này Phật tử! Như thế nào gọi sở tác là phi sở tác, phi phi sở tác và phi sở tác là phi phi sở tác cũng phi sở tác?

Bồ-tát Năng Giải Thâm Thâm Nghĩa Tiết đáp:

–Này thiện nam! Sở tác, đó là câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh. Nếu câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh, tức là đã lập ngôn thuyết của thế gian, từ phân biệt mà khởi lên. Ngôn thuyết của thế gian này, từ phân biệt khởi lên, mà các loại phân biệt và sở ngôn thuyết nhất hướng không thành, cho nên gọi là phi sở tác.

Này thiện nam! Phi sở tác là nhiếp thuộc ngôn giáo. Nếu có pháp lìa sở tác và phi sở tác; thì pháp ấy cũng như vậy, cũng như vậy. Nếu như vậy, là Đại sư thuyết giáo vô nghĩa chẳng? Chẳng phải không có nghĩa. Nếu có nghĩa, thì tướng của nghĩa như thế nào? Có nghĩa là cái thể không thể nói, chỉ là cái điều thông tỏ rõ ràng bằng sự thấy biết vô phân biệt của Thánh nhân, vì muốn khiến cho người khác thấu đạt, như vậy không thể nói cái thể được. Thế nên, Đại sư nói ngôn giáo này, gọi là pháp sở tác.

Này thiện nam! Phi sở tác, đó là câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh. Nếu là câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh, tức là đã lập ngôn thuyết của thế gian, từ phân biệt mà khởi lên. Ngôn thuyết của thế gian thì từ phân biệt mà khởi lên; các loại phân biệt và sở

ngôn thuyết thì nhất hưởng không thành; nên gọi là phi phi sở tác.

Này thiện nam! Sở tác là nhiếp thuộc ngôn giáo, nếu có pháp lìa phi sở tác và sở tác, thì pháp ấy cũng như vậy, cũng như vậy. Nếu như vậy, là Đại sư thuyết giáo vô nghĩa chăng? Chẳng phải không có nghĩa. Nếu có nghĩa, thì tướng của nghĩa như thế nào? Có nghĩa là không thể nói cái thể, đó chỉ là cái điều thông tỏ rõ ràng bằng thấy biết vô phân biệt của Thánh nhân, vì muốn khiến người khác thấu đạt. Như vậy không thể nói cái thể. Thế nên, Đại sư nói ngôn giáo này, tức là pháp phi sở tác.

Này thiện nam! Giống như thầy trò nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, hoặc lấy là, cỏ và cây, đá... tụ tập một chỗ, rồi hiện ra tất cả việc huyền như hình voi, hình ngựa, hình xe, hình người, hình ma-ni, trân châu, san hô, ngọc thạch và kho tàng... Nếu có những đũa nhỏ phàm phu, ngu si trí kém không thể phân biệt, đó là cỏ, lá, cây, đá... vốn là ảo thuật. Kẻ ấy hoặc thấy, hoặc nghe, suy nghĩ cho các hình voi: “Tượng hình ngựa, hình xe, hình người và kho tàng... là thật”; hoặc thấy hoặc nghe tùy theo năng lực dính mắc vào sự thấy nghe, nói lời như vậy: “Đó là chân thật! Còn những cái khác không phải là chân thật.” Người này cần suy nghĩ kỹ lại.

Nếu có những kẻ chẳng phải anh nhi phàm phu, ngu si, tà trí, hiểu biết đó là cỏ, lá, cây, đá vốn là ảo thuật; hoặc thấy, hoặc nghe, suy nghĩ, không cho đó là hình voi, hình ngựa, hình xe, hình người và kho tàng... người này hoặc thấy, hoặc nghe, tùy theo năng lực, không dính mắc vào cái thấy nghe, mà nói: “Như tôi suy nghĩ, đây là chân thật, khác với đây chẳng phải là chân thật, tùy theo lời nói của thế gian để rõ thật nghĩa.” Người này không cần phải suy nghĩ.

Này thiện nam! Như anh nhi phàm phu này, chưa được chân như Thánh tuệ xuất thế, chưa hiểu các pháp, nên không thể nói cái thể; người này hoặc thấy hoặc nghe các pháp sở tác và phi sở tác, suy nghĩ: “Như vậy, thật có các pháp sở tác và phi sở tác.” Vì sao? Vì có thể thấy, có thể biết vậy. Người ấy hoặc thấy, hoặc nghe, tùy theo năng lực dính mắc vào cái thấy nghe; tùy theo cái thấy nghe, nói đó là chân thật, khác đấy chẳng phải chân thật; người ấy cần phải suy nghĩ lại.

Nếu có những kẻ chẳng phải anh nhi phàm phu, đã thấy chân thật và được chân như Thánh tuệ xuất thế, đã hiểu các pháp, không thể nói cái thể. Hoặc thấy hoặc nghe, suy nghĩ như vậy: “Như đã thấy biết các pháp sở tác và phi sở tác, đều không thật có; chỉ có tướng giả, từ phân biệt mà khởi lên, giống như việc ảo thuật biến hóa, lừa dối tâm phàm phu, ở trong đó khởi lên cái tên sở tác phi sở tác và những tên khác.”

Người này như đã thấy nghe không sinh dính mắc, không nói như vậy: “Đây là chân thật, khác đây thì chẳng phải chân thật”, tùy theo lời nói thế gian, để rõ thật nghĩa. Người này không cần phải suy nghĩ.

Này thiện nam! Như Thánh nhân nhờ vào cái thấy biết của bậc Thánh đã hiểu rõ ràng; không thể nói cái thể, vì muốn khiến người khác thấy thật tướng của pháp, nên nói giáo cú, tức là sở tác, phi sở tác...

Khi ấy, Bồ-tát Năng Giải Thâm Thâm Nghĩa Tiết nói kệ:

*Phật thuyết pháp dứt lời  
Không hai, phi phàm cảnh  
Phàm phu ở trong mê  
Chấp hai duyên, hý luận.  
Không quyết tà hay chánh  
Thường luân chuyển các cõi  
Người trí lià thấy nghe  
Lựa chọn nghĩa chân thật.*

\*\*  
\*

## Phẩm 2: VƯỢT HƠN CẢNH GIỚI GIÁC QUÁN

Lúc đó, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bạch:

–Bạch Thế Tôn! Từ thế giới Sa-ha này, về hướng Đông rất xa, tận thế giới phương Đông, qua bảy mươi bảy hằng hà sa số thế giới, có thế giới tên là Thiện danh văn, chỗ ở của Đức Phật hiệu là Quảng



Đại Thiên Văn Tu-già-đà. Một thời, con đi đến chỗ Đức Phật đó, vào được trong đó, con thấy một tại nơi, có bảy mươi bảy ngàn các chúng ngoại đạo, cùng với thầy tụ tập, ngồi ở đó, để cùng suy nghĩ về thật tướng của các pháp. Khi ấy, chúng ngoại đạo suy nghĩ, đề cao, chọn lựa, an lập thật tướng của các pháp, nương vào sở học của họ để tìm cầu thật tướng, nhưng không thể tìm được, lại khởi lên đủ các loại dính mắc chống trái nhau, đấu tranh nhau, cho đến dùng cả lời nói để hại lẫn nhau; nói toàn những lời giống như dao, gậy để hủy hoại làm tổn thương lẫn nhau, nên cuối cùng phân tán. Con thấy sự việc này rồi, liền suy nghĩ: “Chư Phật Thế Tôn đã xuất hiện ở thế gian thì thật là điều hiếm có, thật là hiếm có, do Phật ra đời, nên thông đạt và hiểu rõ pháp tướng sâu xa hơn cảnh giới giác quán; và sẽ được hiện ra rõ ràng.”

Bồ-tát nói xong, Đức Phật liền bảo:

–Đúng vậy! Nay Pháp Thượng! Thật tướng là như thế, nó vượt hơn cảnh giới giác quán; ta hiểu rõ, rồi giải nói cho người khác, an lập chánh giáo, mở bày rõ ràng làm cho nghĩa được dễ hiểu. Vì sao? Vì ta nói chân thật, chỉ có Thánh nhân tự mình chứng thấy được. Nếu là cảnh giới giác quán của phàm phu thì ta và người có thể chứng.

Này Pháp Thượng! Với nghĩa như vậy, nên biết thật tướng luôn vượt hơn tất cả cảnh giới giác quán.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói chân thật, tức chẳng phải chỗ hành tướng, vì tất cả giác quán đều duyên với chỗ hành tướng. Vì lý do đó, nên biết, thật tướng vượt hơn cảnh giới giác quán.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói chân thật; tức không thể nói năng, vì tất cả giác quán chỉ do nói năng; nên biết, thật tướng vượt hơn cảnh giới giác quán.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói chân thật, tức dứt hẳn bốn việc: thấy, nghe, hay, biết; vì tất cả giác quán duyên với bốn việc khởi lên.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói tướng chân thật lìa mọi đấu tranh, tất cả cảnh giới giác quán là cảnh giới đấu tranh. Vì lý do đó,

nên biết, thật tướng vượt hơn cảnh giới giác quán.

Này Pháp Thượng! Ví như có người, suốt một đời, luôn ăn uống cực khổ, thì làm sao có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ đến những vị ngon ngọt, không bao giờ có chuyện đó.

Lại nữa, ví như có người luôn ham muốn những dục trần tức sẽ bị dục trần thiêu đốt nóng bức, thì làm sao có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ để không duyên với trần tướng nữa, mà nương vào cái vui đang lia bỏ ở trong lòng, không bao giờ có chuyện như vậy.

Lại nữa, ví như có người chỉ ưa thích đấu tranh, đàm luận những việc không chính đáng, lý lẽ giỡn chơi, không thật, mà lại có thể giác quán, so sánh, nhớ nghĩ đến cái lặng lẽ tự nhiên, cái định mặc trong thiền của bậc Thánh; thì không bao giờ có chuyện đó.

Lại nữa, ví như có người luôn ưa thích thực hành, thấy, nghe, hay, biết; mà lại có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ, dứt hẳn bốn việc, trừ diệt xa lia thân kiến, được Bát-niết-bàn; thì không bao giờ có chuyện đó.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ví như có người tự mình lo dự trữ của cải, để làm việc chinh phạt, mà lại có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ đến Bắc Câu-lô châu, nơi không có ngã sở, không có sự tích trữ, không xảy ra đấu tranh, luôn hiện ra pháp vui, không bao giờ có chuyện như vậy.

Này Pháp Thượng! Như vậy, người đang ở trong giác quán, lại hay lo nghĩ tính toán, so sánh, nhớ nghĩ đến cảnh giới chẳng phải giác quán; thì không bao giờ có.

Đức Phật nói xong liền nói bài kệ:

*Tự chứng pháp vô tướng  
Lìa ngôn, dứt bốn việc  
Không tranh luận pháp tướng  
Vượt hơn cảnh giác quán.*

\*\*  
\*

### Phẩm 3: QUÁN NHẤT DI

Khi ấy, Bồ-tát Tịnh Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lời nói này là chân chánh sâu xa, hiếm có, như Đức Thế Tôn nói lý chân thật này rất tinh tế vi diệu và sâu dày, khó có thể thông đạt; nó vượt lên tướng một và khác.

Bạch Thế Tôn! Một thời, con thấy ở một nơi có chúng Đại Bồ-tát, tu hạnh Bồ-đề, ở địa vị nguyện lạc; đối với nơi này, họ tụ tập và ngồi lại với nhau, vì muốn lo nghĩ tính toán về thật tướng của các pháp, cùng với các pháp hành, là một hay là khác?

Khi ấy, trong chúng có các Bồ-tát nói lời như vậy: “Tướng chân thật này không khác các hành.”

Lại có Bồ-tát nói: “Tướng chân thật cùng với các hành, chẳng phải một.”

Lại có Bồ-tát khởi tâm nghi hoặc, không tin là một hay là khác, nói lời như vậy: “Trong một và khác đó, người nào nói đúng, người nào nói sai? Sao lại là chánh hạnh? Sao lại là tà hành? Vì sao phải cho là một, vì sao phải cho là khác?”

Bạch Thế Tôn! Con thấy việc ấy, nên suy nghĩ: “Các thiện nam là những anh nhi ngu si; họ không hiểu, không rõ, chẳng hành như lý. Vì sao? Vì thiện nam này chưa có thể không đạt pháp chân thật vi diệu sâu xa tinh tế cùng với các hành, vượt qua tướng một và khác.”

Bồ-tát nói xong, Đức Phật liền bảo:

–Đúng vậy! Đây Tịnh Tuệ! Đúng thật là các thiện nam anh nhi ngu si, không hiểu, không rõ, chẳng thực hành như lý. Như Lai thông đạt pháp vi diệu sâu xa tinh tế chân thật, vượt lên tướng một, tướng khác của các hành. Vì sao? Đây Tịnh Tuệ! Nếu cứ ôm giữ như vậy, mà nương vào các pháp hành, để tu quán chân thật rồi có thể thấu đạt, có thể chứng đắc được lý của chân như sao, không bao giờ có như vậy. Vì sao? Đây Tịnh Tuệ! Nếu chân như cùng với hành tướng là chẳng khác nhau, thì tất cả phàm phu lẽ ra cũng thấy chân như sao.

Lại nữa, tất cả chúng sinh, chính tại địa vị phàm phu, lẽ ra cũng được vô thượng như an Niết-bàn.

Lại nữa, tất cả chúng sinh ở trong địa vị phàm phu, cũng có khả năng có thể đạt được Vô thượng Bồ-đề. Nếu tướng của chân như, khác với hình tướng; tất cả Thánh nhân đã thấy chân như, thì không thể hàng phục diệt trừ được hành tướng. Do không hàng phục, diệt trừ các hành tướng; nên tuy thấy chân như, nhưng không thể giải thoát các tướng ràng buộc. Nếu đối với các tướng, không được giải thoát; cũng không giải thoát thô trọng ràng buộc; nếu không giải thoát hai thứ ràng buộc, thì không thể được Vô thượng như an Vô dư Niết-bàn, cũng không được Vô thượng Bồ-đề.

Này Tịnh Tuệ! Do các phàm phu không thấy chân như, ở địa vị phàm phu không được Vô thượng như an Niết-bàn, cũng không có khả năng được Vô thượng Bồ-đề; vì lý do đó, nên lý của chân như cùng với các hành là một, nghĩa này không đúng. Nếu có người nói chân như cùng với hành tướng không khác, do nghĩa này, nên biết, người ấy không thực hành như lý.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Tất cả Thánh nhân do thấy chân như, rồi có thể hàng phục diệt trừ các tướng hành, chẳng phải là không thể được; đã có thể giải thoát tất cả tướng kết và các nghi hoặc thô trọng chẳng phải là không giải thoát. Do hai giải thoát, nên được Vô thượng như an Niết-bàn, cho đến được Vô thượng Bồ-đề. Thế nên, chân như cùng với hành tướng là khác; nghĩa này không đúng. Nếu có người nói, chân như khác hành tướng, vì lý do đó, nên biết, người này không thực hành như lý.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Nếu như chân cùng với hành tướng không khác; giống như hành tướng rơi vào tướng hoặc, tướng chân cũng rơi vào tướng hoặc vậy.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Nếu tướng chân như khác với hành tướng, thì tướng chân như chẳng phải thông với các hành.

Này Tịnh Tuệ! Vì chân như này, không rơi vào tướng nghi hoặc, lại thông với tướng của tất cả các hành; do nghĩa này, nên chân như cùng với hành cũng một, cũng khác, nghĩa này không đúng. Nếu có

người nói, chân như cùng với hành cũng một, cũng khác, vì lý do đó, nên biết, người này không thực hành như lý.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Nếu chân như cùng với hành tướng không khác; thật tướng của chân như ở trong các hành, thông suốt không sai khác; hành tướng cũng vậy, thông suốt không sai khác. Thế nên, người tu quán hạnh, ở trong các hành, không nên vượt qua thấy, nghe, hay, biết mà tu quán thắng chân.

Lại nữa, tướng của chân như khác với hành tướng; vì lý do đó, nên tất cả các hành chỉ là vô ngã và vô tánh, chẳng phải chân thật. Lại nữa, đồng thời phẩm sạch và không sạch mỗi mỗi tướng sai khác.

Này Tịnh Tuệ! Do các hành tướng chỉ khác không thông; do người quán hạnh, ở trong các hành vượt qua thấy, nghe, hay, biết mà tu quán thù thắng chân thật. Do các hành vô ngã, vô tánh, tỏ rõ là chân, cho đến phẩm sạch và không sạch cũng chẳng đồng thời, mỗi mỗi tướng sai khác. Vì lý do đó, nên chân như cùng với hành; cũng một, cũng khác, nghĩa này không đúng. Nếu có người nói chân như cùng với hành cũng một, cũng khác, nên biết, người ấy không thực hành như lý.

Này Tịnh Tuệ! Ví như con ốc báu màu trắng, không thể an lập cùng với một con ốc khác màu đỏ, cùng với màu vàng không một không khác, cũng lại như vậy.

Ví như âm thanh của Tỳ-noa rất hay, không thể an lập cùng với Tỳ-noa một cùng Tỳ-noa khác.

Lại như hương khí của trầm hương rất đáng yêu, thì không thể an lập cùng với một trầm hương khác.

Cũng như mùi vị của Ma-lê-giá cay đắng, không thể an lập cùng với Ma-lê-giá là một là khác. Ma-lê-lặc chất, cũng lại như vậy.

Lại như xúc chạm bông tơ mềm mại, không thể an lập cùng với một bông tơ khác.

Sữa cùng với dê-hồ không một, không khác; cũng lại như vậy.

Lại như, tất cả các cõi đều là khổ, tất cả hành là vô thường, tất

cả pháp là vô ngã. Như vậy, những nổi khổ, không thể an lập cùng với một pháp khác. Cũng như tham dục, sân giận, ngu si, ngã mạn, ... tướng không vắng lặng; không thể an lập, cùng với một cái gì khác.

Này Tịnh Tuệ! Như vậy chân như, cùng với tất cả hành, không thể an lập, là một, là khác.

Này Tịnh Tuệ! Như vậy, chân như vi diệu tinh tế, sâu xa, khó có thể thông đạt. Ta hiểu rõ, rồi giải nói, an lập chánh giáo, mở bày cho rõ ràng cái nghĩa, để cho người khác dễ hiểu.

Đức Phật nói kinh này xong, liền nói bài kệ:

*Chân thật cùng hành pháp  
Tướng không một, không khác  
Nếu chấp một và khác  
Nói hành không như lý.*

\*\*  
\*

#### Phẩm 4: NHẤT VI

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Như chỗ ông thấy biết thì có bao nhiêu chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh có tăng thượng mạn? Do tâm tăng thượng mạn này, tự cho là mình có được? Lại nữa, như chỗ ông thấy biết, có bao nhiêu chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh không tăng thượng mạn? Do tâm không tăng thượng mạn, tự cho là mình có được?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như chỗ thấy biết của con, có một số ít chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh không tăng thượng mạn, do tâm không tăng thượng mạn, tự cho là mình có được.

Bạch Thế Tôn! Như chỗ thấy biết của con, có vô lượng, vô số không thể kể hết các chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh có tăng thượng mạn, do tâm tăng thượng mạn này, tự cho là mình có được.

Bạch Thế Tôn! Một thời, con ở trong A-luyện-nhã xa lìa mọi ồn ào, ở trong rừng vắng lặng; có nhiều chúng đại Tỳ-kheo tụ tập ở chỗ

A-luyện-nhã, cách chỗ con không xa. Phần sau trong một ngày, có lúc con lại thấy đại chúng này, cùng nhau tụ tập, tùy chỗ chứng được, các ngài nói đủ các loại pháp tướng, nói rồi thì tu hành theo những gì mình có được.

Có Tỳ-kheo do chứng thấy ấm, liền nhớ nghĩ đến cái có được đó.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy tướng ấm.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy ấm sinh.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng ấm biến đổi khác lạ.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy ấm diệt.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng được con đường ấm diệt, như ở trong ấm có sáu tướng chứng.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy các nhập, tự cho là mình có được, cho đến diệt các nhập và con đường diệt các nhập.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy duyên sinh, tự cho là mình có được, cho đến diệt các duyên sinh và con đường diệt duyên sinh.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy các thực.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy bốn Đế.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy các cõi và tất cả các cõi sai khác, cho đến diệt các cõi và con đường diệt các cõi.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy niệm xứ; niệm xứ, tướng niệm xứ; đối trị niệm xứ, đối trị đạo niệm xứ; tu tập chưa sinh niệm xứ; chứng thấy niệm sinh rồi sinh niệm xứ; chứng thấy niệm trụ và tăng trưởng tròn đầy không quên mất, tự cho là mình có được; như là chứng được Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, Thánh đạo; Thánh đạo tướng Thánh đạo, đối trị Thánh đạo, đối trị đạo Thánh đạo, tu tập chưa sinh Thánh đạo, chứng sinh Thánh đạo rồi sinh Thánh đạo, chứng Thánh đạo trụ và tăng trưởng tròn đầy không quên mất, tự cho là mình có được.

Bạch Thế Tôn! Con thấy việc này rồi, con liền suy nghĩ: “Như vậy, các trưởng lão này đã theo chỗ chứng thấy tất cả pháp tướng, rồi tự cho là mình có được. Các trưởng lão này, có tăng thượng mạn, do tâm thượng mạn này, mà tự cho là mình có được; việc này đúng là

như vậy. Vì sao? Vì như đã nói, pháp là tự chứng thấy; nên biết, người ấy chưa có thể phân biệt rõ nhất vị chân như biến Nhất thiết xứ.”

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: “Nhất vị chân thật biến nhất thiết xứ, nó vi diệu sâu xa tinh tế, khó thể thông đạt”, lời này thật hiếm có, là lời nói vô đối.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong chánh giáo của Đức Thế Tôn, có các Tỳ-kheo... siêng năng tu quán hạnh, nhất vị chân thật biến nhất thuyết xứ còn khó thông đạt, huống nữa là các ngoại đạo ở ngoài chánh giáo, làm sao có thể chứng biến nhất vị chân thật.

Đức Phật khen:

–Đúng vậy! Đây Tu-bồ-đề! Như vậy vi tế càng vi tế, sâu xa càng sâu xa, khó thấy càng khó thấy đối với nhất vị chân thật biến nhất thiết xứ. Ta hiểu rõ rồi, vì người khác giảng nói, an lập chánh giáo, mở bày chỉ cho rõ cái nghĩa, khiến người khác dễ hiểu. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Ở trong năm ấm là cảnh giới trong sạch, thì ta nói là chân thật.

Này Tu-bồ-đề! Trong cảnh giới thanh tịnh, đối với mười hai nhập, mười hai Duyên sinh, bốn Thực (đoàn, xúc, ý chí, thức), bốn Đế, các cõi, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, tám Thánh đạo thì ta nói là chân thật. Cảnh giới thanh tịnh này, tất cả ấm xứ bình đẳng một vị, tướng không sai khác. Như ở trong ấm, cho đến Thánh đạo phần, trong cảnh giới thanh tịnh bình đẳng, một vị đều không sai khác.

Này Tu-bồ-đề! Vì lý do đó, nên biết, nhất vị chân như biến Nhất thiết xứ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Tỳ-kheo tu hành, đã thông đạt một ấm chân như, nhân, pháp, vô ngã, không còn lao nhọc, xem xét mỗi một ấm khác, mà có được chân như đối với mười hai nhập, mười hai Duyên sinh, bốn Thực (đoàn, xúc, ý chí và thức), bốn Đế, các cõi, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, tám Thánh đạo phần; còn nếu đã thông đạt một phần chân như, nhân, pháp, vô ngã,



không còn lao nhọc; xem xét Thánh đạo phần khác mà có được chân như, xa lìa vô phân biệt hậu trí, quán không còn phân biệt, thì có thể thuận theo quán chân như. Ngoài ra, pháp nhất vị chân thật, biến nhất thiết xứ, chỉ dùng vô phân biệt hậu trí, tùy thuận tiền vô phân biệt trí, quán tất cả pháp nhất vị chân thật, từ nhớ nghĩ cho đến đạt được.

Này Tu-bồ-đề! Vì lý do đó, ông phải nên biết, lý của chân thật biến nhất thiết xứ, chỉ có tướng nhất vị.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Giống như các ấm hỗ trợ nhau mà có tướng sai khác. Như vậy, mười hai nhập, mười hai Duyên sinh, bốn Thực (đoàn, xúc, ý thức, thức), bốn Đế, các cõi, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, Thánh đạo phần, cũng hỗ trợ nhau để có tướng sai khác.

Nếu các pháp chân như, nhân, pháp, vô ngã, hỗ trợ để có tướng sai khác; thì các pháp như như, nhân, pháp, vô ngã, không thành chân thật, phải do nhân duyên sinh. Nếu do nhân duyên sinh thì thành hữu vi. Nếu là hữu vi thì chẳng phải là chân thật. Nếu chẳng phải là chân thật, thì ở đây sẽ phải cầu chân thật khác.

Này Tu-bồ-đề! Do chân thật này không từ nhân duyên sinh, chẳng phải là hữu vi, chẳng phải không chân thật, ở trong đó, không lao nhọc, tìm cầu chân thật khác. Vì sao? Vì pháp này luôn như vậy, nếu Phật xuất hiện ở đời, hay không xuất hiện ở đời; thì pháp tánh, pháp giới, pháp trụ đều là thường trụ.

Này Tu-bồ-đề! Vì lý do đó, ông phải nên biết, nhất vị chân thật bình đẳng nhất thiết xứ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như các sắc, mỗi mỗi đều sai khác, xen lẫn không đồng. Đối với các sắc, trong hư không, nó vô tướng không có sai khác, không có thay đổi; đối với nhất thiết xứ cùng tướng nhất vị. Như vậy, các pháp mỗi mỗi đều sai khác. Ông phải nên biết, đối với nhất vị chân như trong các pháp, đều không sai khác, cũng lại như vậy.

Đức Thế Tôn nói kinh này rồi, liền nói bài kệ:

*Thông pháp tướng nhất vị  
Chư Phật nói bình đẳng*

*Nếu ở trong, chấp khác  
Là người tặng thượng mạn.  
Ngược con đường sinh tử  
Vi tế, rất khó thấy  
Nhiễm dục si che lấp  
Người phạm không thể thấy.*

Lúc đó, Bồ-tát Quán Thế Âm, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, cung kính, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con nghe pháp Giải tiết sâu dày, từ Đức Phật như vậy, đó là việc chưa từng có, con cúi đầu thọ lãnh tu hành. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Kinh này tên là Liễu Nghĩa Chánh Thuyết, cũng tên là Chân Thật Cảnh Trí Chánh Thuyết, cũng tên là Thập Địa Ba-la-mật Y Chỉ Chánh Thuyết, các ông phải nên như vậy mà thọ trì.

Phật nói kinh này xong, có tám vạn Bồ-tát đạt được Đại thừa oai đức Tam-muội; vô lượng, vô biên các chúng Bồ-tát, đối với pháp vô thượng, được Vô sinh pháp nhẫn; vô số chúng sinh còn trôi nổi, tâm được giải thoát, vô số chúng sinh đối với pháp Đại thừa sinh tâm tin vui.



SỐ 678

# KINH TƯƠNG TỤC GIẢI THOÁT ĐỊA BA-LA-MẬT LIỄU NGHĨA

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-  
bạt-đa-la, người nước Thiên Trúc.*

Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói, Bồ-tát Quán Thế Âm  
bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có mười Địa, đó là Hoan hỷ địa, Ly cấu  
địa, Minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa,  
Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa và thứ mười một là Phật  
địa. Trong các Địa này, có bao nhiêu loại nhiếp thanh tịnh và có bao  
nhiêu phần?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Nhiếp các Địa này có bốn loại thanh tịnh và mười một phần.

Này Quán Thế Âm! Sơ định nhiếp vào hy vọng thanh tịnh. Địa  
thứ hai nhiếp vào tăng thượng giới thanh tịnh. Địa thứ ba nhiếp vào  
tăng thượng tâm thanh tịnh.

Tăng thượng tuệ tịnh, tăng thượng thượng thượng diệu tịnh,  
nhiếp vào Địa thứ tư cho đến Phật địa.

Đó là bốn loại nhiếp thanh tịnh đối với các Địa đó.

Thế nào là mười một phần?

–Này Quán Thế Âm! Bồ-tát ở địa vị giải hạnh có mười pháp  
phải làm; Bồ-tát khéo tu tập Nhãn giải thoát, vượt qua được địa vị

này rồi, Bồ-tát vượt lên trên Ly sinh phần để được đầy đủ, vượt qua được địa vị này rồi, Bồ-tát vượt lên trên Ly sinh phần để được đầy đủ; nhưng chưa có thể, đối với vi tế phạm giới thực hành chân chánh biết trụ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể đầy đủ Tam-muội chánh thọ thế tục và đầy đủ Văn trì Đà-la-ni. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể nắm bắt được sự luôn tụ tập pháp Bồ-đề phần, cũng chưa có thể bỏ tâm thích pháp chánh thọ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ, nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể xem xét kỹ chân đế; không thể bỏ tất cả, để quay lưng với sinh tử, ý hướng đến Niết-bàn, thực hành phương tiện nhiếp tu pháp Bồ-tát phần. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể hiện tiền xem xét kỹ các hành sinh, phần nhiều trụ vào yểm ly, phần nhiều trụ vào vô tướng. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể trụ phần nhiều vào không đoạn, không gián, không tướng, suy nghĩ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể lìa bỏ vô tướng, hữu hành và được lực tướng. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể rõ ráo phân biệt các tướng, phân biệt các danh, nói tất cả các pháp được tự tại. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể thọ được Pháp thân đầy đủ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể thấy biết được tất cả cảnh giới trí tuệ không ngại

không chướng. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; một phần kia đầy đủ, nên tất cả các phần, đầy đủ.

Này Quán Thế Âm! Đó là bốn loại thanh tịnh và mười một phần nhiếp thuộc vào các Địa.

Quán Thế Âm Bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Sơ địa gọi là Hoan hỷ địa, cho đến Phật địa gọi là Phật địa?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Vượt lên trên đại nghĩa, thì được tâm xuất thế gian vui vẻ tốt đẹp hơn hết; nên Địa thứ nhất gọi là Hoan hỷ địa.

Lìa tất cả sự phạm giới dù là rất nhỏ nên Địa thứ hai, gọi là Ly cấu địa.

Nghe Tam-muội đó và thọ trì, nương vào ánh sáng vô lượng trí, nên Địa thứ ba, gọi là Minh địa.

Dùng trí hỏa diệm đốt hết phiền não, tu tập pháp Bồ-đề phần; nên Địa thứ tư gọi là Diệm địa.

Phương tiện tu tập các pháp Bồ-đề phần kia là vô cùng gian nan khổ nhọc, mới được tự tại; nên Địa thứ năm, gọi là Nan thắng địa.

Hiện tiền xem xét kỹ các hành sinh và suy nghĩ nhiều về tướng; nên Địa thứ sáu gọi là Hiện tiền địa.

Suy nghĩ không dứt, không gián đoạn, không có tướng xa gần, nhập vào địa thanh tịnh; nên Địa thứ bảy gọi là Viễn hành địa.

Không tướng, không khai phát tướng; phiền não không hành, không động; nên Địa thứ tám gọi là Bất động địa.

Tự tại nói tất cả các pháp, được trí rộng lớn, không lỗi lầm; nên Địa thứ chín gọi là Thiện tuệ địa.

Như hư không, bình đẳng, không lỗi lầm, dùng Pháp thân như mây che lớn, che cùng khắp; nên Địa thứ mười, gọi là Pháp vân địa.

Phiền não vi tế, chướng ngại cảnh giới trí tuệ, đã được đoạn trừ; hiểu được tất cả cảnh giới trí tuệ, không ngại, không chướng; nên Địa thứ mười một gọi là Phật địa.

Quán Thế Âm Bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa này có bao nhiêu loại ngu si, bao nhiêu loại để sửa đổi lỗi lầm?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có hai mươi hai loại ngu si và mười một loại để sửa đổi lỗi lầm:

Chúng sinh ở vào Sơ địa, ngu si chấp pháp kế và và ngu si phiền não trong nẻo ác. Lỗi lầm đó cần phải sửa đổi.

Địa thứ hai ngu si phạm phải giới hạnh dù rất nhỏ và ngu si tạo nghiệp trong các nẻo. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ ba, ngu si ái dục và ngu si bởi nghe và giữ đầy đủ. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ tư, ngu si thích chánh thọ và ngu si thích pháp. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ năm, ngu si suy nghĩ trái với sinh tử và ngu si suy nghĩ trái với Niết-bàn. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ sáu, ngu si quan sát sự sinh trưởng của các pháp hiện tiền và ngu si trong nhiều hành tướng. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ bảy, ngu si trong các hành tướng rất nhỏ và ngu si suy nghĩ phương tiện thực hành hướng đến vô tướng. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ tám, ngu si phát khởi vô tướng, vô khai và ngu si với tướng tự tại. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ chín, ngu si thuyết pháp vô lượng, với vô lượng câu chữ của pháp thượng thượng trí tuệ, thích nói Tổng trì tự tại và ngu si thích nói tự tại. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ mười, ngu si với đại thần thông và ngu si nhập vào vi tế bí mật. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Phật địa, ngu si với tất cả cảnh giới trí tuệ vi tế chánh thọ và ngu si chướng ngại. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Này Quán Thế Âm! Đó là hai mươi hai loại ngu si và mười một loại để sửa đổi lỗi lầm. Đối với sự kiến lập của các Địa kia, không tương ứng cùng với Vô thượng Bồ-đề.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ-đề là lợi lớn là quả lớn, nên các Bồ-tát kia, phá trừ lưới nghi ngại lớn, vượt qua được những lỗi lầm, đạt được Vô thượng Bồ-đề.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đối với sự kiến lập các Địa này, thì có bao nhiêu loại thù thắng?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có tám việc, nghĩa là:

1. Tăng thêm hy vọng thanh tịnh.
2. Tâm thanh tịnh.
3. Bi thanh tịnh.
4. Ba-la-mật thanh tịnh.
5. Thấy Phật cúng dường thanh tịnh.
6. Thành thực chúng sinh thanh tịnh.
7. Sinh thanh tịnh.
8. Lực thanh tịnh.

Này Quán Thế Âm! Ở trong Sơ địa, tăng thêm hy vọng thanh tịnh, đến lực thanh tịnh, cho đến thượng thượng địa, cho đến Phật địa cũng tăng thêm hy vọng thanh tịnh, đến lực thanh tịnh. Nên biết, trong các thanh tịnh kia, ở trong Phật địa, chỉ trừ sinh thanh tịnh. Từ Sơ địa đến thượng thượng địa, công đức đó bình đẳng. Nên biết, tự địa công đức thù thắng, tất cả Bồ-tát địa là có công đức trên; chỉ có Như Lai địa mới được công đức vô thượng.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do những gì mà Bồ-tát đối với sự sinh trưởng tối thắng hơn tất cả?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có bốn loại, nghĩa là tập hợp các căn lành trong sạch nhất, tùy theo trí tuệ mà giữ gìn. Từ bi cứu tất cả chúng sinh, tự mình lìa nhiễm ô và khiến người khác cũng xa lìa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát phát nguyện vi diệu, nguyện thù thắng, gọi là nguyệt lực?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có bốn việc, Bồ-tát khéo trụ vào Niết-bàn, có thể kham nhận những điều mau được và có thể bỏ những điều mau được, thích trụ vào vô sở nhân, vô sở vi, phát nguyện lâu dài chịu các khổ cho chúng sinh; thế nên nguyện vi diệu, nguyện thù thắng, gọi là nguyệt lực.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Học Bồ-tát có bao nhiêu việc?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Học Bồ-tát có sáu việc, đó là sáu pháp Ba-la-mật; từ Bồ thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Học sáu việc này có bao nhiêu tăng thượng giới học, bao nhiêu tăng thượng tâm học, bao nhiêu tăng thượng tuệ học?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, ba việc này là tăng thượng giới học. Thiền định là tăng thượng tâm học. Trí tuệ là tăng thượng tuệ học. Tinh tấn thì thông suốt tất cả.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu việc này đầy đủ bao nhiêu phước đức? Đầy đủ bao nhiêu trí tuệ!

Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đầy đủ tăng thượng giới học là phước đức, đầy đủ tăng thượng tuệ học là trí tuệ; thuyên và tinh tấn thì thông suốt tất cả.

Quán Thế Âm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đối với sáu việc này nên học như thế nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có năm loại tướng ưng cùng với Ba-la-mật đó là:



1. Nói chánh Bồ-tát tạng, trước hết phải rất tin hiểu.
2. Thực hành mười pháp hạnh.
3. Văn-tư-tu-tuệ luôn luôn bảo vệ tâm Bồ-đề.
4. Học tập gần gũi bạn lành.
5. Phương tiện tu học thiện nghiệp không gián đoạn.

Quán Thế Âm bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao các học này lại đặt ra có sáu loại?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

– Vì để làm hai việc:

1. Thu giữ chúng sinh.
2. Sửa đổi phiền não.

Ba loại học trước là nhiếp thủ chúng sinh. Ba loại học sau là sửa đổi phiền não. Bồ-tát đầy đủ bố thí, thì có nhiều lợi ích nhiếp thủ chúng sinh đầy đủ. Bồ-tát trì giới không làm gì nào hại, cũng không khủng hoảng, không sợ hãi, nhiều lợi ích nhiếp thủ chúng sinh. Bồ-tát nhẫn nhục thì đối với sự nào hại, bức bách khủng bố; có thể nhẫn chịu, để có nhiều lợi ích nhiếp thủ chúng sinh. Dùng ba học này, nhiếp thủ chúng sinh. Do siêng năng tinh tấn tách bỏ và hàng phục các phiền não, đoạn trừ phiền não, tu học nhiếp làm; không bị tất cả phiền não làm lay động, dùng thiện định hàng phục phiền não, dùng trí tuệ đoạn các sử, dùng ba học này để sửa đổi phiền não.

Quán Thế Âm bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao lại đặt ra bốn Ba-la-mật khác?

Đức Phật Bảo Quán Thế Âm:

– Đây là bạn của sáu Ba-la-mật. Ba-la-mật kia thu giữ chúng sinh. Bồ-tát thu lấy việc phương tiện, kiến lập nghiệp làm, vì thế, ta nói phương tiện Ba-la-mật là bạn của Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát Quán Thế Âm, hiện pháp lưu hành nhiều phiền não, không thể kham nhận để tu tập nhẫn nhục, ham thích hạ giới, hy vọng yếu kém; không thể một lòng nghe duyên tụ tập Bồ-tát tạng, không thể dẫn mở tuệ xuất thế gian, thọ trì thực hành được một ít phước, nguyện ở đời vị lai, phiền não giảm bớt, với Nguyên

ba-la-mật này, phiền não giảm bớt rồi, thì có thể siêng năng tinh tấn. Thế nên, ta nói, Nguyện ba-la-mật, là bạn của Tinh tấn ba-la-mật.

Bên trong suy nghĩ chân chánh, thân cận bậc Thiện tri thức, lắng nghe pháp lành, chuyển hy vọng thấp kém, thành hy vọng có năng lực, thượng giới thù thắng, bên trong một lòng. Thế nên, ta nói Năng lực ba-la-mật là bạn của Thiền định ba-la-mật.

Đối với Bồ-tát tạng, nghe duyên tu tập thiền định. Đó là Trí tuệ ba-la-mật, có thể dẫn mở tuệ xuất thế gian. Thế nên, ta nói Trí ba-la-mật là bạn của Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói thứ tự trước sau sáu Ba-la-mật như thế?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Dựa theo ý ở trên đã nói; Bồ-tát trước phải xả bỏ thân mạng của cải để thọ trì tịnh giới, giữ giới nên Nhẫn nhục rồi Tinh tấn, Tinh tấn rồi Thiền định, đầy đủ Thiền định rồi, được Tuệ xuất thế gian.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật kia, nếu phân biệt thì có bao nhiêu loại?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Mỗi thứ đều có ba loại:

Bố thí ba-la-mật có ba loại: Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Ba loại Trì giới ba-la-mật: Giới xả bỏ việc ác, giới phát sinh điều lành, giới làm lợi ích cho chúng sinh.

Ba loại Nhẫn nhục ba-la-mật: Nhẫn nhịn không vì nhiều ích, nhẫn nhịn để được an vui trong các sự thống khổ, nhẫn nhịn để xem xét pháp.

Ba loại Tinh tấn ba-la-mật: Tinh tấn phát lời thề rộng lớn, tinh tấn dùng phương tiện khéo léo, tinh tấn làm lợi ích chúng sinh.

Ba loại Thiền định ba-la-mật: Lìa vọng tưởng khổ, phiền não vắng lặng; đối trị cái ưa thích ở trong thiền định; thiền định khai dẫn

công đức, thiên định khai dẫn làm lợi ích chúng sinh.

Ba loại Bát-nhã ba-la-mật: Duyên với thế đế, duyên với Đệ nhất nghĩa đế, duyên làm lợi ích chúng sinh.

Quán Thế Âm bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao các Ba-la-mật này tên là Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

– Có năm loại:

1. Vô ngại.
2. Vô cố.
3. Vô quá.
4. Vô vọng tưởng.
5. Hồi hướng.

Vô ngại gọi là Ba-la-mật chống trái việc không dính mắc.

Vô cố gọi là quả báo lợi ích hiện tại của Ba-la-mật, tâm không trói buộc.

Vô quá gọi là các Ba-la-mật lìa các tạp nhiễm như bản bằng pháp không có phương tiện.

Vô vọng tưởng gọi là các Ba-la-mật không như lời nói tính toán chấp vào tự tướng.

Hồi hướng gọi là các Ba-la-mật đã làm thì nên nuôi dưỡng cho lớn để cầu quả Vô thượng đại Bồ-đề.

Quán Thế Âm bạch:

– Bạch Thế Tôn! Những việc gì là trái với Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

– Nên biết có sáu việc:

1. Ham thích tiền tài, làm chủ tự tại tăng thượng, tự thấy an lạc công đức phước lợi.

2. Tùy theo những điều ham muốn đó, mà buông thả thân-khẩu-ý.

3. Đối với người khác thì khinh khi ngạo nghễ, tâm không thể nhẫn nhịn.

4. Đối với các pháp lành không siêng năng dùng phương tiện.

5. Tu tập gần gũi các việc tạp loạn, thấy, nghe, hay biết của thế gian.

6. Thấy thế gian hý luận mà tạo phước lợi.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có quả báo gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có sáu loại:

1. Nhiều cửa cải.
2. Nẻo thiện.
3. Không oán giận.
4. Không hủy hoại.
5. Chúng sinh nhiều vui thích tặng thưởng chủ.
6. Không hại thân mình, có khả năng chịu đựng.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có những tạp pháp nhiễm ô gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nên biết, có bốn loại:

1. Phương tiện không có Từ bi.
2. Phương tiện không suy nghĩ chân chánh.
3. Phương tiện bất thường.
4. Phương tiện không đốn.

Phương tiện không suy nghĩ chân chánh có nghĩa là: Đối với các Ba-la-mật này, thì các Ba-la-mật khác, tu tập tạp loạn.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là phi phương tiện?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đối với các Ba-la-mật đã được nuôi lớn, nhiếp thủ được chúng sinh, dùng một ít của cải nhiều ích, tâm rất vui vẻ không khiến chúng sinh giác ngộ điều ác; mà lại còn an lập chỗ lành. Đó gọi là phi phương tiện. Vì sao? Vì chẳng phải Bồ-tát này nhiều ích chúng sinh. Ví như vật không sạch hoặc nhiều hoặc ít, không có phương tiện

khiến phát ra mùi hương. Như vậy, các hành tánh khổ của chúng sinh, chẳng phải thiếu lợi lạc nhiều ích, có thể khiến được an lạc đệ nhất. Còn nhiếp thủ là an lập chỗ lành.

Quán Thế Âm bạch:

– Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có bao nhiêu loại thanh tịnh?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

– Ta không nói các Ba-la-mật này, là năm loại kia, liền được thanh tịnh; nhưng ngày nay ta đối với việc đó nói tổng quát và nói phân biệt. Nói tổng quát, là tất cả Ba-la-mật đều thanh tịnh; nên biết có bảy loại. Những gì là bảy? Đó là:

1. Bồ-tát đối với pháp này không mong cầu người biết.
2. Bồ-tát đối với pháp này không dính mắc.
3. Bồ-tát đối với pháp Bồ-đề này, thấy không sinh nghi hoặc.
4. Bồ-tát hoặc phải, hoặc trái cũng không khen mình, chê người.
5. Bồ-tát không cao ngạo, không buông thả.
6. Bồ-tát không thấp hèn, sinh ý tưởng biết đủ.
7. Bồ-tát đối với pháp này, tâm không khởi lên lòng keo kiệt, ganh ghét.

Nay ta nói phân biệt là nói tướng Ba-la-mật thanh tịnh; nên biết mỗi một đều có bảy loại, đó là: Bồ-tát đối với ngã sở, nói có bảy loại bố thí thanh tịnh nên thọ trì tu hành. Những gì là bảy? Đó là:

1. Thí vật thanh tịnh, thanh tịnh thí.
2. Giới thanh tịnh, thanh tịnh thí.
3. Kiến thanh tịnh, thanh tịnh thí.
4. Tâm thanh tịnh, thanh tịnh thí.
5. Ngữ thanh tịnh, thanh tịnh thí.
6. Trí thanh tịnh, thanh tịnh thí.
7. Cấu thanh tịnh, thanh tịnh thí.

Đó là bảy thứ Bố thí ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát khéo chế ra tất cả giới luật nghi, giới khéo xuất tội, giới bĩ hăng, giới kiên cố, giới thường tác, giới thường chuyển, giới thọ

học. Đó là bảy loại Trì giới ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát tự nương vào nghiệp báo, đối với mọi việc không nhiều ích, tâm không sân hận; hoặc bị mắng chửi, sân giận, đánh đập, tranh cãi đều không nhiều ích, không báo thù. Đối với mọi oán ghét, tâm không ôm giữ. Nếu họ mong cầu ăn năn hối lỗi, thì không gây trở ngại. Nếu người khác có xúc phạm, không mong xin lỗi. Như pháp mà thương xót, không sợ, không cầu, thường hành nhiều ích, tâm không phế bỏ. Đó là bảy loại Nhẫn nhục ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát tinh tấn, khéo biết bình đẳng, không vì tinh tấn khen mình chê người. Đối với các pháp lành thì một lòng chăm chú, cố gắng lãnh, kham thọ cho vững vàng, không bỏ. Đó là bảy loại Tinh tấn ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát khéo nhập vào thiền định Vô hướng Tam-muội, đầy đủ thiền định Tam-muội, giới đầy đủ thiền định Tam-muội, nhập vào thiền định Tam-muội, vô y thiền định Tam-muội. Khéo tu tập thiền định Tam-muội. Đối với Bồ-tát tạng, nghe nhân duyên, tu tập vô lượng thiền định Tam-muội. Đó là bảy loại Thiền định ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát đối với tạo lập và phá bỏ đều lìa bỏ. Tuệ ở trong trung đạo xuất ra, liền dùng tuệ ấy, biết rõ như thật nghĩa của giải thoát môn. Biết rõ như thật nghĩa tự tánh của tam giải thoát môn: Không, vô tướng, vô tác. Hoặc vọng tưởng, hoặc duyên khởi, hoặc thành tựu, ba loại này tự tánh lìa nghĩa tự tánh, cũng đều biết rõ như thật. Hoặc tướng, hoặc nhân duyên, hoặc Đệ nhất nghĩa, ba loại này lìa tự tánh và nghĩa thế đế, cũng đều biết rõ như thật. Nghĩa của ngũ minh xứ và Đệ nhất nghĩa đế, cũng đều biết rõ như thật. Phần nhiều an trụ vào bảy loại như: Không vọng tưởng, lìa hư ngụy, vượt qua các môn, khởi lên vô lượng hạ địa pháp duyên, quán pháp rồi hướng đến pháp. Đó là bảy loại Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Năm loại đó, mỗi loại có nghiệp gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nên biết có năm nghiệp:

1. Bồ-tát vô ngại là hiện pháp Ba-la-mật, phương tiện đốn tu, không buông lung.

2. Vô cố là nhiếp thọ cái nhân đời vị lai, không buông lung.

3. Vô quá là tu tập Ba-la-mật thanh tịnh đầy đủ rất ráo.

4. Vô vọng tưởng là phương tiện khéo léo để mau đầy đủ Ba-la-mật.

5. Hồi hướng là đối với tất cả chúng sinh, luôn được thọ vô lượng quả báo lành của Ba-la-mật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này cao tột như thế nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nghĩa là không trở ngại, không nhìn lại hồi hướng.

Sao gọi là không cấu nhiễm? Nghĩa là không lỗi lầm, không vọng tưởng.

Sao gọi là xí nhiên? Nghĩa là không tính đếm.

Sao gọi là bất động? Nghĩa là nhập vào địa vị pháp bất thoái.

Sao gọi là khoái tịnh? Nghĩa là trụ nơi Thập địa, mong cầu Phật địa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát luôn được thọ quả báo Ba-la-mật vô tận?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Vì lần lượt nương vào nhau để xả bỏ tu tập.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát rất thích thọ quả báo Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Bồ-tát có năm việc:

1. Các Ba-la-mật là nguyên nhân làm tăng cao sự vui thích chân thật.

2. Nguyên nhân để giữ gìn lấy mình và người.

3. Nguyên nhân đời sau được thọ quả báo.

4. Là được các việc phiền não.

5. Không trụ vào nẻo ác.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này mỗi mỗi đều có năng lực, công đức gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nên biết, mỗi thứ có bốn loại:

1. Khi Bồ-tát tu các Ba-la-mật, thì sẽ lìa bỏ được sự bồn sển keo kiệt, phạm giới, lừa dối, loạn tâm, các kiến.

2. Chân thật đầy đủ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

3. Trong hiện tại đó là pháp gìn giữ lấy mình và người.

4. Đối với đời vị lai, được quả báo rộng lớn vô tận.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có nhân gì, quả gì, nghĩa gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Các Ba-la-mật này: Bi là nhân, được quả báo thu giữ chúng sinh là quả, đầy đủ đại giác ngộ là đại nghĩa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát đã có vô tận của cải và lòng thương rộng lớn, vì sao ở thế gian vẫn có chúng sinh bần cùng?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đấy là tự nơi lỗi nghiệp của chúng sinh. Nói cách khác, con người luôn làm việc thì kẻ đó tất sẽ có vô tận của cải, nhưng sao chúng sinh ở thế gian vẫn có người nghèo khổ? Và nếu như thế, thì chúng sinh tạo ác, sẽ không bị chướng ngại sao.

Này Quán Thế Âm! Ví như ngọc quý bị cái khát bức bách, chỉ thấy toàn là trống không và khô khan; đấy không phải lỗi của biển mà chỉ là tự nghiệp của ngọc quý. Biển cả không có lỗi lầm, Bồ-tát cũng lại như vậy, không có lỗi lầm. Giống như tự nơi nghiệp quả báo của ngọc quý; thì nghiệp báo của chúng sinh cũng lại như vậy.



Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp đều không có tự tánh, vậy Bồ-tát nắm giữ các Ba-la-mật nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nắm giữ Trí tuệ ba-la-mật là không có tự tánh. Vì sao không nắm giữ tự tánh.

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Ta không nói vô tự tánh là nắm giữ vô tự tánh; nhưng phải tự biết vô tự tánh là không chữ; tự tánh kia không thể lìa chữ; nói chỉ để mà nói. Vì thế, lìa tự tánh tức là nắm giữ lìa tự tánh.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đã nói Ba-la-mật, thượng Ba-la-mật, đại Ba-la-mật; những gì là Ba-la-mật, là thượng Ba-la-mật, là đại Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đối với vô lượng thời khắc tu tập bố thí... thì pháp lành thành tựu mà phiền não cũng lưu hành; không thể hàng phục nó được, mà cũng không bị nó vượt hơn mình. Ở trong giải hành địa, chuyển đổi cái tên, gọi là Ba-la-mật.

Lại nữa, với vô lượng thời khắc tu bình đẳng như thế, pháp lành thành tựu, phiền não cũng lưu hành, không thể hàng phục phiền não, nhưng phiền não cũng không hơn mình được. Nghĩa là từ Sơ địa khởi lên thì gọi là thượng Ba-la-mật.

Lại nữa, với vô lượng thời khắc tu hành bình đẳng như thế, pháp lành thành tựu, hết thấy phiền não không còn lưu hành. Nghĩa là Đệ bát địa khởi lên thì gọi là đại Ba-la-mật.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa này có bao nhiêu loại phiền não kết sử?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có ba loại:

1. Hại bạn. Đó là Địa thứ năm. Nay Quán Thế Âm! Không thực hành câu sinh phiền não và thực hành câu sinh phiền não. Thế nên gọi là hại bạn.

2. Luy sử; nghĩa là tu theo hạnh vi tế của Địa thứ sáu, Địa thứ bảy, dù ngăn ngại không hành.

3. Vi tế kết sử; nghĩa là Địa thứ tám trở lên, tất cả phiền não, tất cả bất hành và nương vào một phần của cảnh giới trí tuệ.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đoạn lỗi lầm, có bao nhiêu loại gọi là đoạn kết sử?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có ba loại:

1. Đoạn lỗi lầm ở ngoài da.

2. Đoạn lỗi lầm ở nơi thịt.

3. Đoạn lỗi lầm ở trong xương.

Người lia tất cả kết sử, ta nói chỉ có Phật địa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp để đoạn mọi lỗi lầm kia?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có ba vô lượng. Hoặc sát-na. Hoặc La-bà-ma Hầu-đổ-lộ. Nửa giờ, một giờ, ngày, đêm, nửa tháng, một tháng ly đầu (một tháng là một tiết, một tiết gọi là ly đầu).

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa của Bồ-tát, khởi lên phiền não, có tướng gì, lỗi gì và đức gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Này Quán Thế Âm! Tướng không cấu nhiễm. Vì sao? Vì Bồ-tát ở Sơ địa, nhập vào tất cả pháp giới, biết phiền não kia khởi lên, không phải không biết, thế nên gọi là tướng không cấu nhiễm, không thể khiến tự thân sinh khổ, nên không có lỗi lầm. Vì cõi chúng sinh

tạo nguyên nhân lia khổ, cho nên Bồ-tát khởi lên phiền não, mà có vô lượng công đức.

Quán Thế Âm bạch:

–Kỳ lạ thay, bạch Thế Tôn! Khiến cho các Bồ-tát khởi lên phiền não, cho đến đại nghĩa Chánh giác, đã hơn hẳn tất cả công đức căn lành của chúng sinh và Thanh văn, Duyên giác; huống nữa là công đức khác.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã nói, Thanh văn thừa và Đại thừa tức là Nhất thừa. Vậy là có nghĩa gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Ta nói pháp Thanh văn thừa, nghĩa là năm ấm, trong sáu nhập, ngoài sáu nhập. Như vậy... ta nói vậy tức là Đại thừa một pháp giới, một đạo. Thế nên, ta không nói có tất cả thừa, như nghĩa đã nói đó, mà khởi lên vọng tưởng, hoặc tạo dựng nên, hoặc chê bai nói là tất cả thừa. Vì thấy tướng chống trái kia cứ mỗi chút mỗi tranh luận; nên ta nói lời này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lại nghĩa này, liền nói bài kệ tụng:

*Nói đủ các tự tánh  
Đều là cùng một đạo  
Hàng hạ liệt, thượng diệu  
Không có các loại khác  
Như nói theo vọng tưởng  
Tạo dựng hoặc chê bai  
Thấy nghĩa chống trái kia  
Ngu, hoặc hiểu đủ cách  
Tướng nhiếp địa đã sửa  
Thắng sinh và Nguyên học  
Nói đạo Đại thừa này  
Siêng tu mau thành Phật*

Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh Tương Tục Giải Thoát, thì kinh này tên gì? Và phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Kinh này tên là Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa Thuyết, nên phụng hành thọ trì như vậy.

Khi Đức Phật nói kinh Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa Thuyết, có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đạt được Đại thừa quang Tam-muội.



SỐ 679

# KINH TƯƠNG TỤC GIẢI THOÁT NHƯ LAI SỞ TÁC TÙY THUẬN XỨ LIỄU NGHĨA

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la,  
người nước Thiên Trúc.*

Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói Pháp thân của Như Lai. Vậy Pháp thân của Như Lai có tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Khéo tu tập, thân chuyển đổi tập thành địa Ba-la-mật. Nay Văn-thù-sư-lợi! Tướng Pháp thân của Như Lai là như vậy. Nên biết, lại có tướng không thể nghĩ bàn, có hai nhân duyên. Nghĩa là xa lìa giả dối, không có hành; chúng sinh thì tính toán chấp lấy giả dối đó mà hành.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thân của Thanh văn, Duyên giác chuyển đổi, cũng là Pháp thân phải không?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Không gọi là Pháp thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Không gọi là Pháp thân thì gọi là thân gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Gọi là thân giải thoát. Nay Văn-thù-sư-lợi! Thân giải thoát, đối với Thanh văn, Duyên giác và các Đức Như Lai đều bình đẳng, chỉ có Pháp thân là sai khác. Pháp thân sai khác, nghĩa là vô lượng công đức thù thắng vi diệu đặc biệt, không thể ví dụ.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai nhân khởi lên có tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Tướng hóa thân, giống như thế giới khởi lên, tất cả các công đức, an trụ vào tướng trang nghiêm thanh tịnh của Đức Như Lai; nên biết, tướng Hóa thân khởi, Pháp thân không khởi.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Dùng những phương tiện thiện xảo gì, hiện ra hóa thân?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Tất cả tam thiên đại thiên thế giới của chư Phật sinh vào nhà Tăng thượng chủ, sinh vào nhà ruộng phước, vào thai, ra khỏi thai, lớn lên, thọ ngũ dục, xuất gia khổ hạnh, đi đến đạo tràng, ngồi dưới cội Bồ-đề, hàng phục ma, thành Phật, chuyển xe pháp, rồi hiện Bát-niết-bàn. Nên biết, đó là phương tiện thiện xảo khéo léo hiện ra Hóa thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hóa thân của Như Lai có bao nhiêu loại, vì chúng sinh nói pháp, những người chưa thành thực thì điều phục khiến họ được thành thực, người đã thành thực khiến họ kết duyên với giải thoát.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Như Lai nói, là nói lời Tu-đa-la, lời Tỳ-ni, lời Ma-đức-lặc-già.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tu-đa-la? Thế nào là Tỳ-ni? Thế nào là Ma-đức-lặc-già?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu ta nói các pháp nhiếp vào việc giới hạn, thì gọi là Tu-đà-la. Đó là cái nhân của bốn việc, chín việc, hai mươi chín việc, bốn mươi hai việc như vậy.

Những gì là bốn việc? Đó là:

1. Việc nghe.
2. Việc quy y.
3. Việc giới.
4. Việc Bồ-tát.

Những gì là chín việc? Đó là:

1. Việc bố thí cho chúng sinh.
2. Việc thọ dụng.
3. Việc nhân khởi kia.
4. Việc khởi lên rồi an trú.
5. Việc ấy diệt.
6. Tất cả việc kia.
7. Việc nói.
8. Việc đã nói.
9. Việc đồ chúng.

Những gì là hai mươi chín việc? Đó là:

1. Những việc nhiếp thuộc từ phần cấu nhiễm.
2. Việc cấu nhiễm kia lần lần tùy theo đó mà khởi lên.
3. Khởi lên như vậy rồi, đó là cái nhân để sinh trong đời vị lai.
4. Tác pháp tướng đó rồi, đó là cái nhân sinh ra trong đời vị lai.
5. Từ duyên trong phần thanh tịnh mà thuộc vào sự buộc niệm.
6. Đối với các việc phải có quyết định.
7. Tâm được an trụ.
8. Hiện ra pháp lạc an trụ.
9. Khởi lên tất cả phương tiện khổ duyên.
10. Biết việc phải đoạn. Có việc như vậy, đó là: Đoạn biết chỗ điên đảo; đoạn biết chỗ hướng đến từ nơi chúng sinh tướng, bên ngoài chúng sinh tà; đoạn biết chỗ bên trong xa lìa tăng thượng mạn.
11. Việc tu xử.

12. Việc tác chứng.
13. Việc tu.
14. Việc ấy đã tạo kiên cố.
15. Thực hành việc ấy.
16. Kết duyên với việc kia.
17. Việc đoạn không đoạn.
18. Quán sát phương tiện khéo léo.
19. Việc đó tán loạn.
20. Việc đó không tán loạn.
21. Việc chỗ đó không tán loạn.
22. Việc đã tạo tu tập không nhằm chán.
23. Không bỏ phương tiện.
24. Việc tu phước lợi.
25. Việc kia tu tập kiên cố.
26. Việc hiểu biết chân thật.
27. Việc đến Niết-bàn.
28. Việc khéo nói chánh kiến pháp luật thế gian, được tất cả chánh kiến trong ngoài.
29. Việc ấy tu thoái.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khéo nói pháp luật, không tu tập thoái lui thì không phải lỗi lầm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta vì đệ tử Thanh văn, Bồ-tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Ba-la-đề-mộc-xoa tương ứng với học, thì gọi là việc Tỳ-ni.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có bao nhiêu Ba-la-đề-mộc-xoa?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Có bảy loại:

1. Nói thọ oai nghi.
2. Nói việc xử Ba-la-đi.
3. Nói phạm tự tánh.
4. Nói không phạm tự tánh.



5. Nói ra ngoài phạm vi.

6. Nói thọ luật nghi.

7. Nói xả luật nghi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Có mười một loại tướng, rộng nói hiển thị tuyên thông phân biệt. Đó là Ma-đức-lặc-già.

Thế nào là mười một loại tướng?

1. Đẳng tướng.

2. Đệ nhất nghĩa tướng.

3. Pháp Bồ-đề phần phan duyên tướng.

4. Hành tướng.

5. Quả tướng.

6. Thần lực hiển thị tướng.

7. Tự tánh tướng.

8. Bỉ trì tướng.

9. Bỉ thuận pháp tướng.

10. Bỉ hoạn tướng.

11. Bỉ lợi tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đẳng tướng là nói việc người, nói việc vọng tướng, nói tự tánh các pháp hoạt đang tạo ra nghiệp. Đệ nhất nghĩa tướng là nói bảy loại. Như duyên tướng là nói tất cả các việc cảnh giới trí tuệ. Hành tướng là nói tám hạnh quán sát. Tám hạnh quán sát là những gì?

1. Đế.

2. Lập.

3. Quá.

4. Đức.

5. Thông.

6. Sinh.

7. Thành.

8. Lược quảng.

Đế là như.

Lập là tạo dựng chúng sinh... hoặc tạo dựng tự tánh vọng tướng

hoặc tạo dựng hướng đến thưa hỏi, đối đáp, phân biệt, hoặc tạo dựng giấu kín, hiện rõ, ghi nói.

Quá là ta đối với vô lượng nhân duyên, nói pháp phiền não lỗi lầm.

Đức là ta đối với vô lượng nhân duyên, nói phước lợi thanh tịnh.

Thông là có sáu loại:

1. Thông suốt nghĩa chân thật.
2. Được thông suốt.
3. Nói thông suốt.
4. Thông suốt lia nhị biên.
5. Thông suốt không thể nghĩ bàn.
6. Ý thông suốt.

Sinh là vì tướng ba thiên, ba hữu và bốn nhân duyên.

Thành là có bốn loại:

1. Có thành tựu
2. Được thông suốt.
3. Hỗ trợ thành.
4. Pháp thành.

Nếu nhân hoặc duyên và các hành khởi lên, tùy theo đó mà nói, thì gọi là có thành tựu; nếu nhân nếu duyên các pháp; hoặc đắc hoặc thành; nếu đã khởi, đã tác thì gọi là thành tựu; nếu nhân, nếu duyên, hoặc tông, hoặc thuyết; hoặc thọ, hoặc nghĩa, mà thành tựu, mà hiểu biết.

Lại lược nói có hai loại:

1. Sạch.
2. Không sạch.

Sạch có năm loại tướng, không sạch có bảy loại tướng.

Những gì là năm thứ tướng tịnh?

1. Hiện tiền được tướng ấy.
2. Nương theo Hiện tiền được tướng.
3. Tự chủng tử tướng.

4. Thành tựu tướng.

5. Khoái tịnh ngữ thuyết tướng.

Tất cả hành là vô thường, tất cả hành là khổ, tất cả pháp là vô ngã. Nếu Hiện tiền ở thế gian được bình đẳng như thế, thì gọi là Hiện tiền đắc tướng.

Tất cả hành sát-na nên có thế giới khác và nghiệp sạch, không sạch đều không hoại; hoặc nơi hiện thấy cái thô của vô thường mà được; hoặc nương hiện thấy của các loài chúng sinh và các loại nghiệp mà được; hoặc nương nơi đang thấy nghiệp của chúng sinh khổ vui, sạch, không sạch mà được; lấy đó mà so sánh lại được không hiện tiền. Như vậy gọi là nương nơi hiện tiền mà được tướng.

Hoặc các hành trong ngoài, tất cả duyên khởi sống chết của thế giới, so sánh nổi khổ mà được như vậy. Sự so sánh đó không phải tự tại mà được. Như vậy, so sánh sự thành, bại duyên khởi ở ngoài thế gian mà được. So sánh như thế, bình đẳng như thế, thì gọi là Tự chủng tử tướng.

Hiện tiền đắc tướng ấy là nương nơi hiện tiền mà đắc tướng; Tự chủng tử tướng, tạo một hướng thẳng đến Thành tướng rồi.

Nên biết, tướng này nếu diễn giảng rộng đó là điều nên nói của Nhất thiết trí, nghĩa là Niết-bàn vắng lặng, bình đẳng như vậy, gọi là Khoái tịnh ngữ thuyết tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì thế nên quán năm tướng thành tựu thanh tịnh này và vì thanh tịnh nên phải tu tập.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tướng Nhất thiết trí có bao nhiêu loại?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Có năm loại:

1. Danh văn của bậc Nhất thiết trí vượt hẳn thế gian.

2. Thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

3. Dùng mười Lực nhất định cắt đứt lưới nghi của tất cả chúng sinh.

4. Nói pháp bốn Vô úy, tất cả luận nghị của ngoại đạo, không thể tra hỏi, không thể khuất phục.

5. Biết pháp luật ấy, có tám Thánh đạo, bốn quả Sa-môn. Phải biết năm hạnh này là tướng Nhất thiết trí.

Nếu hỗ trợ thành tựu hiện tiền lượng, tỷ lượng, tín ngôn lượng như vậy, thì gọi là năm loại tướng khoái tịnh.

Bảy loại tướng là những gì?

1. Tướng khác này giống như đặc tướng.
2. Không tướng này giống như đặc tướng.
3. Tướng Nhất thiết trí giống như đặc tướng.
4. Không tướng Nhất thiết trí giống như đặc tướng.
5. Dị tướng dị sinh tử.
6. Tướng bất thành.
7. Tướng nói năng bất tịnh.

Nếu tất cả pháp, ý, ý thức gọi là tướng Nhất thiết trí giống như đặc tướng.

Nếu hình thể, tự tánh, nghiệp, pháp nhân quả, dị tướng, mỗi mỗi gọi là dị tướng, mỗi mỗi dị tướng quyết định thì gọi là Nhất thiết bất tướng giống như đặc tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Có thể so sánh tướng Nhất thiết khác giống như đặc tướng, Nhất thiết bất tướng giống như tướng. Vì tướng ấy thành tựu không phải là một, nên gọi là tướng bất thành.

Lại nữa, có thể so sánh bất tướng khác giống như đặc tướng, có tướng Nhất thiết giống như tướng, vì tướng ấy thành tựu không phải một, nên gọi là tướng bất thành. Bất thành là quán thanh tịnh không thành tựu. Không thanh tịnh cho nên không được gần gũi tu tập. Tướng nói năng không sạch; nên biết tánh ấy cũng không sạch trong. Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, hay không xuất hiện ở đời, thì pháp trụ, trụ pháp giới, như thế gọi là pháp hành.

Lược giảng là nói tổng quát một câu pháp, dần dần khai triển rộng ra, phân biệt giải nói cho đến rốt ráo. Nếu có thực hành, có phan duyên, nhất định ta nói pháp Bồ-đề phần, Niệm xứ... gọi là tướng tự tánh. Đạo của thế gian và xuất thế gian cùng cắt đứt các phiền não, chiêu cảm dẫn dắt quả công đức thế gian và xuất thế gian, gọi là đặc quả tướng. Nếu biết trí ấy giải thoát, rộng vì chúng sinh giảng nói, chỉ

bày rõ ràng gọi là tướng thần lực hiển thị. Tu pháp Bồ-đề phần mà chống trái, cấu nhiễm nơi đạo như vậy, gọi là tướng chướng ngại pháp. Được nhiều lợi ích gọi là tướng tùy thuận pháp. Nếu chướng ngại lỗi thì gọi là tướng lỗi lầm. Nếu tùy thuận công đức thì gọi là tướng lợi ích.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì chúng Bồ-tát, mà nói sơ lược nghĩa thọ trì của Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đức-lặc-già; khiến cho chư Bồ-tát cùng tất cả các ngoại đạo, đối với pháp nhiệm mầu mà Như Lai đã nói, sẽ lần lượt tùy thuận nhập vào.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu pháp cấu nhiễm, nếu pháp thanh tịnh; thì ta nói tất cả pháp là vô tác vô nhân, tất cả không có chỗ nắm bắt; chẳng phải pháp cấu nhiễm, thì trước cấu nhiễm, sau thanh tịnh; chẳng phải pháp thanh tịnh, là sau thanh tịnh, trước thì cấu nhiễm. Phàm phu ngu si, đối với tội lỗi nơi thân, hoặc nơi pháp hoặc nơi nhân, cố chấp vào tự tánh, vọng thấy nhân duyên mà nói rằng: “Đây là ngã, đây là ngã, đã thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm với thức tướng, vọng tác, tịnh, uế, mà khởi lên tà hạnh.” Nếu có người biết như thật, liền lìa bỏ lỗi nơi thân, tất cả phiền não còn không th nhiễm, được rất ráo khoái tịnh, lìa mọi giả dối, được thân vô vi, lìa hẳn các hành.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết đó là lược nói nghĩa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này, liền nói kệ tụng:

*Pháp cấu nhiễm, thanh tịnh  
Vô tác cũng vô nhân  
Ta nói không nắm bắt  
Sạch, như không trước sau  
Ngu si lỗi nơi thân  
Chấp ngã và ngã sở  
Duyên kia khởi kiến chấp  
Ngã là ngã sở tác*

*Đây là ngã phiền não  
 Đây là ngã thanh tịnh  
 Biết chân thật như thế  
 Quyết bỏ thân lỗi lầm  
 Không dính mắc phiền não  
 Rốt ráo được thanh tịnh  
 Liã hẳn mọi giả dối  
 Thân được trụ vô vi*

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tâm của Như Lai khởi lên có tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không khởi tâm, ý, ý thức; Như Lai không khởi tâm hành; nên biết như là biến hóa. Nếu Pháp thân của các Đức Như Lai liã tất cả hành, vì sao trong khoảng giữa không khởi tâm hành?

Này Văn-thù-sư-lợi! Sự tu hành vốn đã khởi lên trí tuệ.

Ví như người chẳng phải vô tâm mà ngủ, lại tác giác hành; tất nhiên có giác vốn là nhờ năng lực của tác hành. Giống như chẳng phải nhập Diệt thọ tưởng định, mà tác giác hành; tất nhiên có khởi vốn là nhờ vào sức tác hành. Ngủ và diệt thọ tưởng định, tâm khởi lên như vậy; Như Lai tâm khởi cũng lại như vậy; vì sự khởi lên vốn là việc tu tập trí tuệ.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thân của Như Lai là có tâm hay không có tâm?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Không tâm, tâm không tự tại mới là đại tự tại.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hành xứ của Như Lai, cảnh giới của Như Lai có gì sai khác?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Hành xứ của Như Lai cho đến hết thủy Như Lai cộng lại, là

không thể nghĩ bàn, vì đó là công đức trang nghiêm thanh tịnh của các cõi Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới của Như Lai có năm loại:

1. Cảnh giới của tất cả loài chúng sinh.
2. Cảnh giới thế gian.
3. Cảnh giới của pháp.
4. Cảnh giới của sự điều phục.
5. Cảnh giới của phương tiện điều phục.

Đó là sai khác.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai từ lúc thành Chánh giác và chuyển bánh xe pháp, cho đến đại Bát-niết-bàn, có những tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Không có hai tướng: Không thành Chánh giác và chẳng phải không thành Chánh giác; chẳng phải chuyển xe pháp và chẳng phải không chuyển bánh xe pháp; không đại Bát-niết-bàn và chẳng phải không đại Bát-niết-bàn. Pháp thân rốt ráo thanh tịnh như vậy, đều từ Hóa thân mà hiện ra.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Là Hóa thân, thì làm sao chúng sinh thấy, nghe, cúng dường để có được công đức?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Phan duyên vào tịnh tâm của Như Lai. Hóa thân là do Đức Như Lai hóa hiện, nên có hành bát Niết-bàn.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đồng hữu vô hành. Vì sao? Vì Pháp thân của Như Lai, vì chúng sinh có thể phóng ra ánh sáng trí tuệ rộng khắp và phóng ra vô lượng hình tượng biến hóa, mà thân giải thoát của Thanh văn, Duyên giác chẳng thể nào có được?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như mặt trời, mặt trăng, lửa, nước, pha-lê, châu báu đều là vô hành, mà lại phát ra ánh sáng, chiếu khắp

chúng sinh. Chúng sinh cũng có đại oai công đức, chúng sinh cũng có tăng thượng nghiệp; còn pha-lê trong suốt ấy thì hiện ra các màu sắc hình tượng, sẽ phan duyên với vô lượng pháp giới như vậy, tu tập phương tiện trí tuệ thì được thiện trị. Vì Pháp thân Như Lai phóng ra ánh sáng trí tuệ và biến hóa ra những sắc tượng, chẳng phải là thân giải thoát.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đã nói Thần lực của Như Lai, khiến người ở cõi Dục tự thân đầy đủ. Dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, nhà đại tánh, trời ở cõi Dục, tự thân đầy đủ tất cả. Trời ở cõi Sắc tự thân đầy đủ tất cả. Trời ở cõi Vô sắc tự thân đầy đủ tất cả. Nói như vậy có nghĩa gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Thần lực của Như Lai tạo dựng hoặc đạo hoặc dấu vết, khiến cho khắp tất cả mọi nơi được tự thân đầy đủ tất cả. Nghĩa là đối với đạo, với dấu vết đó, tùy theo sở thuyết tu hành; khắp mọi nơi kia, được tự thân đầy đủ tất cả. Nếu chống trái chê trách, hủy hoại đạo đó, dấu vết đó; và đối với ngã sở lại khởi lên tâm sân giận náo hại; thì khi chết, khắp mọi nơi thân, bị những điều hạ liệt. Thế nên, này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, không những nhờ thần lực của Như Lai tạo dựng được tự thân đầy đủ, mà còn do nơi ở Đức Như Lai. Nếu khởi lên tâm giận dữ náo hại, thì thân bị hạ liệt.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cõi Phật bất tịnh, như thế nào là khó được, dễ được? Cõi Phật thanh tịnh, như thế nào là khó được, dễ được?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Cõi Phật bất tịnh có tám việc dễ được, hai việc khó được.

Đó là ngoại đạo, chúng sinh bần cùng, sinh vào nhà hạ tánh, đầy đủ hay không đầy đủ, hoại hành các ác hạnh, phạm giới, nẻo ác, thực hành phương tiện mong cầu thấp hèn. Bồ-tát gọi đó là tám việc dễ được.

Thực hành phương tiện mong cầu thù thắng. Bồ-tát và Như Lai xuất hiện ở đời. Đó là hai việc khó được.



Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Phật thanh tịnh cùng với cõi Phật bất tịnh trái nhau; ở đây có tám việc khó được và hai việc dễ được.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh Tương Tục Giải Thoát thì kinh này tên là gì và phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Kinh này tên là Như Lai Sở Tác Tùy Thuận Liễu Nghĩa, nên như vậy mà phụng hành.

Khi Đức Phật nói kinh Như Lai Sở Tác Tùy Thuận Xứ Liễu Nghĩa có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đạt được Tam-muội, phân biệt đầy đủ Pháp thân.





SỐ 680

## KINH PHẬT ĐỊA

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.*

Tôi nghe như vậy:

Có một thời, Đức Thế Tôn trụ nơi tối thắng quang diệu bảo báu trang nghiêm, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả vô biên thế giới; ánh sáng đẹp đẽ mâu nhiệm, xen kẽ lẫn nhau, trùm khắp không có ranh giới. Ánh sáng ấy khó lường, vượt cả mọi chỗ sở hành trong ba cõi; trội hơn mọi căn lành khởi lên của xuất thế gian; hết sức tự tại, lấy tịnh thức làm tướng. Là nơi Như Lai ở, là nơi hội họp của các chúng Đại Bồ-tát; là nơi mà vô lượng các hàng trời, rồng, người, phi nhân luôn được giúp đỡ để nương theo; là nơi nắm giữ pháp vị vui thích rộng lớn, làm mọi nghĩa lợi cho các chúng sinh, diệt mọi phiền não tai ương trói buộc, xa lìa các ma, vượt hẳn mọi trang nghiêm; là nơi nương tựa trang nghiêm của Như Lai; đại “niệm, tuệ, hành” được làm đường đi; đại “chỉ, diệu, quán” được làm cỗ xe; đại “Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát” được làm cửa vào; là nơi được trang nghiêm bởi vô lượng công đức; là nơi được tạo dựng bởi các đại bảo hoa vương. Khi ấy, trong cung điện lớn, Đức Thế Tôn là Bạc Giác Vương rất là trong sáng, hiện hành bất nhị đến tận pháp vô tướng, trụ nơi Phật trụ, đạt tánh bình đẳng của tất cả Phật, đã đến chỗ không bị chướng ngại, không thể chuyển pháp, việc làm không bị ngăn ngại. Những gì được thành lập là không thể nghĩ bàn, đạo ở ba cõi bằng Pháp tánh bình đẳng. Thân Phật trải khắp tất cả thế giới; mà với tất

cả pháp, trí đều không bị ngưng trệ, đối với tất cả hạnh đều thành tựu đại giác, đối với các pháp trí không có nghi hoặc. Những thân hiện ra là không thể phân biệt, tất cả Bồ-tát lấy đó làm chỗ mong cầu chân chánh, để được vô nhị của Phật, trụ nơi bờ giải thoát thù thắng không có tạp nhiễm xen giữa. Như Lai cõi mở diệu trí rốt ráo, chứng vô trung biên Phật địa bình đẳng, cùng khắp thế giới, cùng tận tánh hư không, cùng tận ngàn mé vị lai.

Cùng với Đức Thế Tôn, có đầy đủ vô lượng chúng đại Thanh văn. Tất cả những vị này đều tùy thuận, là những Phật tử, tâm lành giải thoát, tuệ lành giải thoát, giới lành giải thoát, rất mong tìm cầu pháp lạc đa văn để nghe và giữ. Văn ấy chứa nhóm khéo nghĩ những điều cần nghĩ, khéo nói những điều cần nói, khéo làm những điều cần làm, thành tựu đủ các tuệ báu như tập tuệ, tốc tuệ, lợi tuệ, xuất tuệ, thắng quyết trạch tuệ, đại tuệ, quảng tuệ và vô đẳng tuệ; đầy đủ ba minh, đã đạt được hiện pháp lạc thứ nhất, trụ nơi ruộng phước thanh tịnh lớn, thành tựu không giảm, oai nghi vắng lặng, đại nhẫn nhu hòa, đã phụng thờ và thực hành một cách khéo léo, Thánh giáo của Như Lai. Lại có vô lượng chúng Đại Bồ-tát, từ các cõi Phật khác, cùng nhau đến tập họp. Đều là những vị trụ vào Đại thừa, thực hành theo pháp Đại thừa, tâm bình đẳng với mọi chúng sinh, lìa các phân biệt và không phân biệt hết mọi phân biệt, phá tan các ma oán, xa lìa tất cả nhớ nghĩ ràng buộc, phân biệt của hàng Thanh văn, Duyên giác, vui thích gìn giữ pháp vị rộng lớn, vượt thoát năm sợ hãi, chỉ hướng vào địa vị không thoái chuyển, chấm dứt mọi sự bức bách của khổ não ở địa vị chúng sinh, đã xuất hiện ở trước Đức Thế Tôn. Trong chúng Bồ-tát này, Bồ-tát Diệu Sinh làm người đứng đầu.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với Bồ-tát Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nên biết, có năm loại pháp nhiếp thu địa đại giác. Đó là thanh tịnh pháp giới, Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quán sát trí và Thành sở tác trí.

Diệu Sinh nên biết! Thanh tịnh pháp giới giống như hư không, tuy bên trong biến đủ mọi tướng của các màu sắc, nhưng không thể nói là nó có mọi tướng, thể của nó chỉ có một vị. Như vậy, pháp giới

thanh tịnh của Như Lai, tuy cũng biến trong hết thảy mọi loại tướng, mọi cảnh giới sở tri; nhưng không thể nói là có hết thảy mọi tướng; thể của nó chỉ một vị.

Lại như hư không, do có khắp trong các sắc, không cùng xa lìa rời bỏ; nhưng không vì sắc mà bị ố nhiễm bởi lỗi lầm. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tuy biến (khắp trong) tâm tánh của tất cả chúng sinh; do chân thật, không cùng rời bỏ xa lìa, nhưng không vì đó mà bị ố nhiễm bởi lỗi lầm.

Lại như hư không bao hàm, dung chứa hết thảy nghiệp về thân, miệng, ý, nhưng hư không đầy, không có sự khởi tác. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, bao hàm dung chứa những việc, do biến hóa làm lợi ích cho chúng sinh của Nhất thiết trí; nhưng pháp giới thanh tịnh ấy không có sự khởi tác.

Lại như ở trong không trung, đủ mọi tướng màu sắc hiện sinh hiện diệt; nhưng hư không này thì không sinh không diệt. Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, có các việc do biến hóa, làm lợi ích cho chúng sinh của các trí hiện sinh hiện diệt; nhưng pháp giới thanh tịnh này, không sinh không diệt.

Lại như mọi sắc tướng trong hư không, hiện tăng hiện giảm; nhưng hư không này thì không tăng, không giảm. Như vậy, Thánh giáo cam lộ được hiển thị trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai có tăng có giảm; nhưng pháp giới thanh tịnh thì không có sự tăng giảm.

Lại như sắc tướng ở mười phương, trong hư không thì vô biên, vô tận, cõi hư không này cũng vô biên, vô tận; nhưng hư không vẫn là không đi, không đến, không lay động, không chuyển dời. Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, mọi tác dụng của việc xây dựng lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh trong mười phương vô biên, vô tận, vì pháp giới thanh tịnh cũng vô biên vô tận; nhưng pháp giới thanh tịnh này, vẫn không đi, không đến, không lay động, không chuyển dời.

Lại như tam thiên thế giới trong hư không, đang mất, đang thành, nhưng cõi hư không thì không mất, không thành. Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai đang có vô lượng tướng

thành Đẳng Chánh Giác, hoặc lại thị hiện nhập đại Niết-bàn; nhưng pháp giới thanh tịnh, chẳng thành Đẳng chánh giác, chẳng nhập vắng lặng. Lại như dựa vào mọi sắc tướng trong hư không như hư, mục, khô, dòn biến khác, để có thể nắm bắt được; nhưng cõi hư không chẳng phải thay đổi kia, cũng không khó nhọc. Như vậy, dựa vào cõi tịnh của Như Lai, cõi của chúng sinh, đối với mọi học xứ, thân, khẩu, ý nghiệp hỷ phạm có thể nắm bắt được, nhưng pháp giới thanh tịnh chẳng phải đổi khác kia, cũng không lao tẽ. Lại như dựa vào mặt đất, núi lớn trong hư không; ánh sáng của nước, lửa, của Đế Thích cùng các quyến thuộc, cho đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng; mọi ánh sáng đó, đều có thể nắm bắt được; nhưng cõi hư không, chẳng phải là các tướng đó. Như vậy, dựa vào cõi tịnh Như Lai, thì có thể nắm bắt được giới uẩn; định uẩn; tuệ uẩn; giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn; nhưng pháp giới tịnh ấy chẳng phải là các tướng đó.

Lại như trong hư không, mọi nhân duyên lần lượt thay nhau sinh khởi, tam thiên đại thiên vô lượng thế giới xoay vòng có thể nắm bắt được; nhưng cõi hư không thì vô sở khởi tác. Như vậy, trong pháp giới tịnh của Như Lai, đủ vô lượng các tướng chúng hội của Phật xoay vòng có thể nắm bắt được; nhưng pháp giới tịnh ấy thì vô sở khởi tác.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Đại viên kính trí như là dựa vào các hình ảnh, hiện tượng, hiện trong gương tròn. Như vậy, dựa vào kính trí của Như Lai, thì mọi ảnh tượng, ở mọi nơi, đều hiện trong cảnh thức. Lấy gương tròn làm thí dụ, nên biết, giữa gương tròn và kính trí Như Lai, bình đẳng như nhau. Do đó, trí kính còn gọi là viên kính trí.

Như tấm gương tròn lớn, không bị lay động bởi có người ưa phước đức, treo gương nơi chỗ cao đẹp, để vô lượng chúng sinh, có điều kiện qua lại, đối với nó mà quan sát kỹ việc được mất của tự thân, để rồi muốn giữ cái được, bỏ cái mất. Như vậy, treo viên kính trí của Như Lai, ở nơi pháp giới thanh tịnh, không bị gián đoạn, nên cũng không bị dao động. Sở dĩ muốn khiến cho vô lượng, vô số chúng sinh quán sát nhiễm tịnh, cũng vì muốn lưu giữ cái tịnh, mà bỏ cái nhiễm.

Lại như tấm gương tròn, hết sức tốt như ngọc đã được mài giũa, gương sạch không nhơ, ánh sáng sẽ chiếu khắp. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai ở trên trí của Phật hoàn toàn lìa khỏi mọi cấu bẩn của hết thủy phiền não đã biết là chướng ngại, hết sức tốt như ngọc đã được mài giũa vì dựa vào mà định ra, bởi có sự nhiếp trì, nên gương sạch không nhơ, làm các việc lợi lạc cho chúng sinh; ánh sáng sẽ chiếu khắp.

Lại như tấm gương tròn, bản chất dựa vào duyên, có đủ các ảnh tượng, tướng mạo sinh khởi. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, vì dựa vào các duyên ở bất cứ lúc nào, nên có đủ mọi trí, ảnh, tướng mạo sinh khởi.

Như trong gương tròn có rất nhiều các ảnh tượng khởi lên, chớ chẳng phải một; nhưng trên gương tròn không có các ảnh tượng, mà gương tròn này thì không động không tác. Như vậy, ở trên viên kính trí của Như Lai, có rất nhiều trí ảnh khởi lên, chớ chẳng phải một; nhưng trên viên kính trí không có các trí ảnh, mà kính trí này thì không động, không tác.

Lại như gương tròn cùng với các ảnh tượng, chẳng phải hợp, chẳng phải lìa; không có sự nhóm hợp để hiện ra duyên ấy. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai cùng các trí ảnh, chẳng hợp chẳng lìa, không nhóm hợp, không tán mất.

Lại như gương tròn trong suốt đều khắp, tất cả mọi ảnh tượng, ở khắp mọi nơi, dựa vào bề mặt mà khởi lên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai không cắt đứt vô lượng mọi hành động sáng rõ, vì các trí ảnh dựa vào duyên mà khởi lên khắp. Nghĩa là, các trí ảnh tượng của hàng Thanh văn thừa, các trí ảnh tượng của Duyên giác thừa, các trí ảnh tượng của vô thượng Đại thừa; vì muốn khiến cho những người thuộc Thanh văn, phải dựa vào Thanh văn thừa mà lìa khỏi; người thuộc Duyên giác phải dựa vào Duyên giác thừa mà lìa khỏi; người thuộc Đại thừa phải dựa vào vô thượng thừa mà lìa khỏi.

Như trong gương tròn, các ảnh tượng lớn có thể hiện được. Đó là các ảnh tượng như mặt đất, núi lớn, cây to, nhà cửa, cung điện lớn,

nhưng gương tròn này, không bằng lượng ấy. Như vậy, trong Đại viên kính trí của Như Lai, từ Cực hỷ địa đến Phật địa, trí ảnh có thể nắm bắt được và cùng với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, trí ảnh có thể nắm bắt được. Tuy nhiên, viên kính trí chẳng phải phân lượng ấy. Lại như tấm gương tròn, chẳng phải nơi chưởng chất ảnh tượng khởi duyên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, chẳng phải thuộc bạn ác, chẳng phải pháp bất chánh, chướng ngại chúng sinh trí ảnh khởi duyên. Nó chẳng phải loại đó.

Lại như tấm gương tròn, chẳng phải nơi ám chất ảnh tượng khởi duyên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, chẳng phải nơi ưa ghét chúng sinh ngu muội trí ảnh khởi duyên. Nó chẳng phải loại đó.

Lại như tấm gương tròn, chẳng phải nơi viển chất ảnh tượng khởi duyên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, chẳng phải nơi bất tịnh, cảm lấy cái nghiệp tối tăm, không tin chúng sinh trí ảnh khởi duyên. Nó chẳng phải loại đó.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Bình đẳng tánh trí là do thành tựu mười tướng tròn đầy. Chứng đắc các tướng tăng thượng yêu thích, thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng; chứng đắc tất cả sự lãnh thọ duyên khởi; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Chứng đắc sự xa lìa dị tướng phi tướng, thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Lòng đại từ cứu giúp rộng rãi; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Lòng đại Bi không chờ đợi, thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Thị hiện tùy theo mọi điều vui thích của các chúng sinh; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Tất cả chúng sinh cung kính lãnh thọ những gì được nói; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Thế gian vắng lặng đều đồng một vị; thành tựu pháp tánh bình đẳng tròn đầy. Các pháp khổ vui ở thế gian đều cùng một vị, pháp tánh bình đẳng, thành tựu tròn đầy. Tu tập gieo trồng vô lượng công đức tốt ráo, pháp tánh bình đẳng, thành tựu tròn đầy.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Diệu quan sát trí ví như thế giới, nắm giữ cõi chúng sinh. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, nắm giữ tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, biện thuyết vô ngại pháp vi diệu của chư Phật.



Lại như các chúng sinh trong thế giới, phát sinh tức khắc hết thấy mọi vô lượng nhân duyên tướng thức. Như vậy, Diệu quan sát trí của Như Lai, có khả năng phát khởi tức khắc mọi điều hiểu biết, diệu trí vô ngại, hết thấy vô lượng nhân duyên tướng thức.

Lại như thế giới, có thể dạo chơi khắp những nơi đẹp đẽ như vườn, ao, rừng, rất là yêu thích. Như vậy, Diệu quan sát trí của Như Lai, có thể dạo khắp ở những nơi trang nghiêm trong pháp Ba-la-mật-đa, pháp Bồ-đề phần, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật, thật là ưa thích.

Lại như các bãi sông, các vàng nhật nguyệt, cõi trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, Phạm thiên, ở trong thế giới... có màu sắc đẹp đẽ xen kẽ lẫn nhau. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, biết nhân quả thanh suy của thế gian và xuất thế gian; hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát chứng đắc một cách trọn vẹn, quán sát vẹn toàn màu sắc đẹp đẽ, xen kẽ lẫn nhau.

Lại như thế giới, vì các chúng sinh mà thọ dụng rộng lớn. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, thị hiện tất cả chúng hội của chư Phật, làm mưa đại pháp, khiến cho chúng sinh thọ đại pháp lạc.

Như trong thế giới, năm nẻo có thể nắm bắt được. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Như vậy, trong Diệu quán sát trí của Như Lai, vô biên nhân quả, sai khác trong năm nẻo, hiển hiện đầy đủ.

Như trong thế giới, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, có thể nắm bắt được. Như vậy, trong diệu quán sát trí của Như Lai, có vô biên nhân quả sai khác trong ba cõi, hiển hiện đầy đủ.

Như trong thế giới, Tô-mê-lô-đăng, Đại Bảo Sơn vương hiển hiện, có thể nắm bắt được. Như vậy, trong Diệu quan sát trí của Như Lai, có thể nắm bắt được những oai thần được dẫn ra của chư Phật Bồ-tát, những giáo pháp rộng lớn sâu xa.

Như trong thế giới rộng lớn sâu xa, không thể khuynh động biển lớn có thể nắm bắt. Như vậy, trong Diệu quán sát trí của Như Lai, không bị đảo động bởi tất cả thiên ma, ngoại đạo, dị luận, pháp giới

sâu xa, giáo pháp có thể nắm bắt được.

Lại như thế giới, từng dãy núi lớn nhỏ, bao vây xung quanh. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, không mê muội, tất cả tự tướng đều có sự cộng tướng bao quanh.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Thành sở tác trí như là khích lệ chúng sinh cố gắng tạo thân nghiệp; do đó, chúng sinh cố tìm cầu những công, những việc, quay theo những lợi lộc, trong các việc của nghề nông...

Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là cần thân hóa nghiệp; do vậy, Như Lai khéo léo dùng sức phương tiện, hiện ra đủ mọi công việc tốt đẹp, ở khắp mọi nơi, thu phục những chúng sinh có tài năng mà cao ngạo; dẫn dắt họ, khiến họ nhập vào Thánh giáo, thành thực giải thoát. Lại như chúng sinh, vì thọ dụng thân nghiệp, do đó, chúng sinh thọ dụng mọi cảnh giới của sắc... Như vậy, thành sở tác trí của Như Lai, là thọ thân hóa nghiệp, vì thế, Như Lai sẽ tới những nơi các chúng sinh được sinh ra, hiện ra cùng loài sinh, nhưng ở địa vị được tôn trọng.

Do thị hiện đồng loại sinh ấy, nên thu phục được tất cả chúng sinh khác loại. Do khéo léo dùng sức phương tiện này, mà Như Lai đã dẫn dắt chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì lãnh thọ thân nghiệp, do đó chúng sinh phải lãnh thọ nghiệp quả thiện ác đã tạo ra. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là lãnh thân hóa nghiệp, vì thế, Như Lai sẽ hiện ra để lãnh thọ những bản sự, bản sinh, các hạnh khó tu hành. Rồi dùng sức phương tiện khéo léo này dẫn dắt, khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì trau chuốt ngữ nghiệp, do đó, chúng sinh lần lượt cùng nhau đàm luận, cùng nhau khích lệ. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là Khánh ngữ hóa nghiệp. Vì thế, Như Lai sẽ tùy thuận mà diễn nói hết thấy pháp lạc, với văn nghĩa khéo léo mâu nhiệm, làm cho hàng chúng sinh ít trí mới nghe tin được. Nhờ khéo léo dùng sức phương tiện như vậy dẫn dắt, Như Lai đã khiến các

chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì phương tiện ngữ nghiệp, do đó, chúng sinh lần lượt tạo nếp sinh hoạt: Chỉ bảo lẫn nhau, chuyên làm những việc khen cái tốt chê điều xấu ác. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là những phương tiện khởi lên ngữ biến hóa nghiệp; vì thế, Như Lai lập chánh học xứ, chê bai các việc buông thả, khen ngợi sự cẩn thận, rồi lại tạo dựng tùy, tín, hạnh, để mọi người tùy theo pháp mà thực hành. Do đã dùng sức phương tiện khéo léo, nên Như Lai đã dẫn dắt, khiến cho các chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì hiện dương ngữ nghiệp; do đó, chúng sinh phải lần lượt mở bày, giải thích, bàn bạc những điều chưa rõ nghĩa. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là biện ngữ hóa nghiệp; vì thế, Như Lai đoạn dứt vô lượng nghi hoặc cho các chúng sinh; rồi dùng sức phương tiện khéo léo dẫn dắt, khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì quyết lựa chọn ý nghiệp; do đó, chúng sinh quyết lựa chọn những gì nên làm và không nên làm.

Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là quyết ý hóa nghiệp; vì thế, Như Lai quyết lựa chọn cho được tám vạn bốn ngàn tâm hành sai biệt của chúng sinh; rồi dùng sức phương tiện khéo léo, dẫn dắt, khiến cho các chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì tạo tác ý nghiệp; do đó, chúng sinh phải làm ra phải khởi lên vô số nghiệp. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là tạo ý hóa nghiệp. Vì thế, Như Lai phải xem xét các hạnh trong mọi hành động của chúng sinh, những việc nên làm hay không nên làm, những việc hoặc được hoặc mất, để nắm giữ hoặc buông bỏ; rồi tạo ra cách thức để sửa trị. Dùng sức phương tiện khéo léo như vậy dẫn dắt, Như Lai đã khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì phát khởi ý nghiệp; do đó, chúng sinh bắt đầu phát ra, tạo nên các nghiệp. Như vậy, Thành sở tác trí của Như

Lai là phát ý hóa nghiệp. Vì thế, vì muốn tuyên nói pháp sửa trị ấy, Như Lai đã hiển hiện tên gọi, chữ nghĩa mà chúng sinh ưa thích; rồi dùng sức phương tiện khéo léo dẫn dắt, Như Lai đã khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì thọ lãnh ý nghiệp. Do đó, chúng sinh phải chịu thọ nhận những khổ vui. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là thọ ý hóa nghiệp. Vì thế, đối với định và không định, Như Lai đặt ra vấn đề thọ ký và không thọ ký; rồi theo sự thích ứng của riêng họ, mà nhận lãnh được các nghĩa quá khứ, hiện tại và vị lai. Như Lai dùng sức phương tiện khéo léo như vậy dẫn dắt, khiến cho các chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thực sự giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Sinh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đối với pháp giới thanh tịnh, chỉ Như Lai thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí, còn các Bồ-tát cũng có thể như vậy?

Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh:

–Các Bồ-tát cũng có thể thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí.

Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những gì mà Bồ-tát thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí?

Phật bảo Diệu Sinh:

–Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn. Do trong pháp Vô sinh Bồ-tát ấy khi đắc được nhẫn giải, thì sửa trị được hai tướng; do loại bỏ hai loại tướng ta và người mà đạt được tâm bình đẳng. Từ đó trở lên, những tướng khác về ta và người của các Bồ-tát ấy, không còn hiện tiền, đó là thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí.

Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai rộng nói thí dụ, để khiến cho các Bồ-tát thấu rõ nghĩa sâu xa, tùy nơi hóa duyên mà lưu truyền rộng khắp, khiến cho các chúng sinh nghe rồi sẽ mau hiểu rõ Vô sinh pháp nhẫn.

Phật bảo Diệu Sinh:

–Ví như cõi trời Tam thập tam chưa nhập vào tạp lâm, thì hoàn toàn không thể, đối với hoặc sự, hoặc thọ, vô ngã ngã sở mà hòa hợp

thọ dụng được, nếu nhập vào tạp lâm, tức không phân biệt, tùy ý thọ dụng. Do tạp lâm này, có đức như vậy, có thể khiến các cõi trời nào nhập vào rừng này, thì các quả báo cõi trời hoặc sự, hoặc thọ, không có chỗ để suy nghĩ hòa hợp thọ dụng. Như vậy, nếu Bồ-tát chưa chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, trọn không thể đạt được tâm bình đẳng, xả bình đẳng và chẳng khác nào như tất cả các hàng Thanh văn, Duyên giác. Do có hai tướng, Bồ-tát này không thể trụ, thọ dụng hòa hợp, nhất vị sự trí. Nếu đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, loại bỏ hai tướng, đạt được tâm bình đẳng, thì hoàn toàn có sự khác biệt đối với các hàng Thanh văn, Duyên giác; do tâm bình đẳng, mà có thể trụ xả, thọ dụng hòa hợp, nhất vị sự trí.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Ví như tất cả các dòng nước lớn nhỏ, khi chưa chảy vào biển lớn, thì mỗi dòng dựa theo hình dạng của dòng chảy mà nước có tăng giảm. Tùy theo lượng nước mà tạo ra mỗi dòng có sự khác nhau, phân chia thành dòng nhỏ, tùy theo đó mà có các loài thủy tộc sinh sống. Nếu nước đã chảy vào biển cả, thì không chia theo như cũ, nước không sai khác và lượng nước không hạn lượng, không tăng giảm, bản chất chỉ một mà thôi và dựa theo sự rộng lớn của nước, mà có các loài thủy tộc sinh sống. Như vậy, nếu Bồ-tát chưa nhập vào bể cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tùy theo sự khác biệt nhau về trí khác về trí nhiều ít, mà có sự tăng giảm; tùy theo trí nghiệp ấy mà tạo ra sự khác biệt nhau, phân nhỏ ra làm chỗ nương dựa cho chúng sinh thành thực thiện căn. Nếu đã chứng nhập vào bể cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì không dựa theo như cũ, trí không sai khác, trí không hạn lượng, trí không có sự tăng giảm, thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí, làm chỗ nương tựa cho vô lượng chúng sinh thành thực thiện căn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tất cả pháp Chân như*

*Hai chướng, tướng thanh tịnh*

*Pháp trí đó sở duyên*

*Tự tại, tướng vô tận.*

*Trí chân như biến khắp*

*Tu tập chúng đầy đủ  
 An lập chúng sinh nhi  
 Các giống, quả vô tận.  
 Thân ngữ và tâm hóa  
 Nghiệp phương tiện khéo léo  
 Định và môn Tổng trì  
 Vô biên đều thành tựu.  
 Pháp tự tánh thọ dụng  
 Biến hóa xoay chuyển khác  
 Như vậy tịnh pháp giới  
 Là điều chư Phật nói.*

Lúc bấy giờ, thì Đức Thế Tôn đã nói xong kinh này. Sau khi nghe những lời Phật nói, tất cả đại chúng: Đại Bồ-tát Diệu Sinh... chư đại Thanh văn, cùng thế gian hàng Trời, Người, A-tố-lạc... đều hết sức vui mừng, tin tưởng, lãnh nhận tu hành.



SỐ 681

# KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Địa-bà-ha-la,  
người nước Thiên Trúc.*

## QUYỂN THƯỢNG

### Phẩm 1: HỘI MẬT NGHIÊM

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở cõi nước Mật nghiêm, ngoài các cõi Dục, Sắc, Vô sắc và Vô tưởng, chứng đắc lực thần thông, đối với các pháp tự tại vô ngại, chẳng phải là chỗ hoạt động của các ngoại đạo và hàng Nhị thừa, cùng với vô số Đại Bồ-tát ở mười ức cõi Phật, những vị hành giả tu tập thân cận, tất cả đều vượt khỏi cảnh giới của tâm, ý, thức, đạt được trí như ý, thân vượt khỏi sinh y, thành tựu Tam-muội Như huyễn Thủ-lăng-nghiêm pháp vân. Các vị Bồ-tát ấy tên Bồ-tát Tồi Di Luận, Bồ-tát Đại Tuệ, Bồ-tát Như Thật Kiến, Bồ-tát Trì Tấn, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Thần Thông Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Kim Cang Tạng. Những vị Đại Bồ-tát này đều là vị thượng thủ. Bấy giờ, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ Tam-muội Tự chứng trí cảnh hiện pháp lạc trú thần thông biện tài hiện chúng sắc tượng, đứng dậy phát ra ánh sáng như điện chớp hình cầu vòng đẹp đẽ trang nghiêm rồi cùng với các vị Đại Bồ-tát vào trong điện Vô cấu nguyệt tạng, ngồi trên tòa Sư tử Mật nghiêm, các chúng Bồ-tát cũng đều theo ngồi, đại

chúng đã ngồi ổn định. Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhìn khắp bốn phương, từ giữa chặng mày phát ra ánh sáng hào quang thanh tịnh tên là Kế châu trang nghiêm, có vô lượng ánh sáng xung quanh giao hòa phản chiếu tạo thành lưới ánh sáng. Khi lưới ánh sáng này chiếu khắp thì tất cả cõi nước Phật đều có tướng trang nghiêm vi diệu giống như vi trần, cõi Phật Mật Nghiêm hơn tất cả các cõi Phật, không có mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao, như tánh vô vi chẳng đồng như hạt bụi. Chư Phật và các vị Bồ-tát trong hội Mật nghiêm cùng nhiều vị từ khắp các cõi nước khác đến hội này đều như Hư không Niết-bàn và Phi trạch diệt vô vi. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện khắp các cõi nước bằng công đức thù thắng của Phật, Bồ-tát rồi lại dùng Phật nhãn nhìn khắp mười phương các chúng Bồ-tát, bảo với Bồ-tát Như Thật Kiến:

–Này Như Thật Kiến! Nay cõi nước này tên là Mật nghiêm, các Bồ-tát từ trong cõi các Sắc, Vô sắc, Vô tướng dùng sức Tam-muội phát sinh lửa trí tuệ thiêu đốt sắc, thọ và vô minh, chuyển chỗ lệ thuộc mà đạt được Trí định, dùng lực thần thông của ý sinh thân mà tự trang nghiêm, không có chỗ hở, không có thể chất như hình ảnh của mặt trăng, mặt trời, luồng điện chớp, ngọc sáng màu vàng tía, pha lê, san hô, cây Chiêm-ba-ca, chim công, trắng hoa ở trong gương, nhờ Tam-muội tự tại trụ ở nơi các cõi hữu lậu thanh tịnh, đầy đủ Thập nguyện, Thập hồi hương nên được thân vi diệu thù thắng đến đây.

Khi ấy, Bồ-tát Như Thật Kiến ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải quỳ gối chấp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con có điều muốn hỏi, xin Đức Như Lai thương xót chấp nhận giảng nói cho con.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Ông cứ tùy ý hỏi, ta sẽ khai thị giảng nói cho ông.

Bồ-tát Như Thật Kiến liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ cõi Phật này là hơn cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cõi Vô tướng và cõi chúng sinh chẳng?



Đức Phật đáp:

–Này Thiện nam! Ở phương trên cách đây hơn trăm ức cõi Phật có các cõi Phật Phạm Âm, cõi Phật Ta-la Thọ Vương, cõi Phật Tinh Tú Vương. Ngoài các cõi nước này, lại có vô lượng trăm ngàn cõi nước rộng lớn xinh đẹp với đủ loại trang nghiêm. Trong các cõi ấy, chư Phật đều vì các Bồ-tát mà nói pháp Hiện lạc trụ, tự chứng trí cảnh, xa lìa các phân biệt, đạt được cảnh giới Niết-bàn, chân như thật tế một cách hoàn toàn. Do đó nên biết ngoài cõi Phật này còn có vô lượng các cõi Phật như vậy.

Này Như Thật Kiến! Trong cõi Phật và hội chúng Bồ-tát này, chẳng phải chỉ có ông đang sinh tâm nghi ngờ muốn thưa hỏi Như Lai, còn có Bồ-tát tên là Trì Tấn cũng nghi ngờ. Vị ấy liền dùng thần thông bay lên phương trên vượt hơn trăm ngàn ức cho đến như hằng hà sa thế giới chư Phật nhưng cũng không thể một lần nhìn thấy được đỉnh đầu của Như Lai, tâm nên tán phục tưởng đến sự không thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát rồi trở lại thế giới Ta-bà trong thành Xá-vệ, đến chỗ của ta sám hối tội lỗi rồi tán thán vô lượng chư Phật giống như hư không và trụ ở trong cảnh tự chứng, đến nước Mật nghiêm.

Lúc ấy, trong chúng hội có Bồ-tát Kim Cang Tạng có thể khéo giảng nói về tướng của các cõi vi diệu, xác định rõ hết nguồn gốc, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bên phải, quỳ gối sát đất, chấp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đối với pháp của Đấng Như Lai Ứng Chánh Giác muốn thưa hỏi, xin Đức Phật Từ bi giảng nói cho con.

Đức Phật bảo Kim Cang Tạng:

–Ông có điều gì cứ hỏi, Như Lai sẽ tùy thuận theo tâm của ông mà khai thị giảng nói.

Được Đức Phật cho phép Bồ-tát Kim Cang Tạng liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật giác ngộ là nghĩa thế nào? Đã giác ngộ rồi sao lại thỉnh giảng nói pháp tánh để hiển bày cảnh giới Đệ nhất nghĩa. Trừ Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, những người đang tu hành còn thấy sắc tướng và chấp theo luận thuyết ngoại đạo, vẫn còn khởi

cảnh phân biệt nhiều hơn cả vi trần, tánh tự tại mới là như hư không, ngã, ý, căn, cảnh hòa hợp, những sự thấy như vậy lại có chấp thủ, vô minh, ái nghiệp, nhân sắc và minh, bấy giờ lại có xúc và tác ý, các pháp này lại làm nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên hòa hợp sinh ra thức nhớ nghĩ hư vọng, rồi khởi các thứ luận bàn về có không. Ở trong pháp này, lại có những người đối với năm uẩn của chúng sinh rơi vào kiến chấp về tánh không. Vì để đoạn dứt sự biết phân biệt vọng tưởng như vậy, xin Thế Tôn nói về sự biết rõ xa lìa năm thức chúng con mới có thể đối với các pháp được tự tại, hiểu biết về nghĩa giác ngộ của Phật, làm cho những người nghe đều được giác ngộ như Phật, biết rõ năm thứ uẩn để chứng đắc quả vị chánh giác.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Lành thay! Lành thay! Này Kim Cang Tạng! Mười Địa tự tại vượt qua cảnh giới phân biệt, bậc có trí tuệ lớn có thể hiển bày. Chủng tánh Phật pháp là tối thượng, quý báu chẳng phải chỉ mình ông đối với ý nghĩa sự giác ngộ của Phật mà sinh tâm mong cầu muốn thưa hỏi ta còn có vô lượng Bồ-tát trong những Hiền kiếp do ý nghĩa này cũng khởi tâm mong cầu hiếm có, suy nghĩ đủ cách để hỏi Phật: Như Lai là nghĩa gì? Sắc là Như Lai chăng? Đối với uẩn, giới xứ và các hành cũng như vậy, trong ngoài mong cầu cũng không thấy được Như Lai, đây đều là những việc làm hoại diệt chánh pháp, dùng trí thiên định quán sát kỹ thậm chí phân tích nhỏ như hạt bụi đều không thể thấy được vì các uẩn thô xấu, còn Như Lai là Pháp thân thường trụ.

Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vào sâu pháp giới, lắng nghe và khéo nhớ kỹ, ta sẽ nói rõ cho ông.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Tạng Kim Cang Tam-muội thù thắng tự tại, Như Lai chẳng phải uẩn cũng không khác uẩn, chẳng phải nương nơi uẩn, chẳng phải không nương nơi uẩn. Chẳng phải sinh, diệt, chẳng

phải trí, chẳng phải không trí, chẳng phải căn, chẳng phải cảnh. Vì sao? Vì uẩn, giới, xứ các căn, cảnh đều là thô xấu, không thể trụ ở bên trong hay bên ngoài mà thấy được Như Lai.

Này thiện nam! Sắc không có giác tri, không có suy nghĩ, sinh rồi chắc chắn sẽ diệt giống như các loại cỏ cây, ngói đá, hạt bụi tụ hợp lại, như bọt nước. Thọ do hai pháp hòa hợp mà sinh giống như bong bóng nước như bình và vỏ. Tưởng cũng do hai nhân duyên hòa hợp mà sinh như sóng nắng. Ví như trời quá nắng, mặt đất bốc hơi nóng lên, ánh sáng mặt trời chiếu vào trông như sóng nước, những con ngựa vì quá khát, từ xa trông thấy tưởng là nước thật, tưởng cũng như vậy, không có thể tánh, hư vọng không thật. Người phân biệt thấy như có tánh, thể, tướng và tên gọi khác nhau. Người tu định thì quán như sừng thỏ, như con của Thạch nữ, chỉ là giả danh không có thật. Như trong mộng thấy sắc là chỉ do vọng tưởng mà thấy, tỉnh mộng liền chẳng có. Trong giấc mộng vô minh thấy có các thứ hình sắc nam nữ, lúc thành Chánh giác thì không còn thấy. Ví như cây chuối lột bỏ hết vỏ thì bên trong không có lõi, hành cũng như vậy, xa lìa thân và cảnh thì không có thể tánh. Thức như việc huyễn, giả dối không thật. Ví như ảo thuật gia hay đệ tử của ông ta dùng các thứ cỏ, cây... giả làm hình người, voi, ngựa đủ thứ hình hài đẹp đẽ, người ngu tham cầu tướng huyễn ấy, người trí sáng suốt thì không như vậy. Thức cũng như thế, nương nơi các thứ khác mà có sự phân biệt chỉ do năng thủ, sở thủ mà sinh ra. Nếu tự mình hiểu rõ thì diệt mất, do đó thức không có thực thể giống như việc huyễn.

Này Kim Cang Tạng! Như Lai thường trụ không biến đổi. Trong cảnh giới tu pháp quán hành nhớ nghĩ đến Phật gọi là Như Lai tạng. Giống như hư không, không thể hoại diệt, gọi là cảnh giới Niết-bàn, cũng gọi là pháp giới. Chư Phật Thế Tôn thuở quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều theo như đây mà tuyên thuyết. Như Lai xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời thì tánh này vẫn thường hằng gọi là pháp trụ tánh cũng gọi là pháp Ni-dạ-ma tánh.

Này Kim Cang Tạng! Thế nào gọi là Ni-dạ-ma? Điều ác đời sau nhờ đây mà xa lìa, lại Tam-muội này có thể quyết định diệt trừ các điều ác về sau, do nghĩa này nên gọi là Ni-dạ-ma. Nếu có người

trụ trong Tam-muội này, đối với các chúng sinh tâm không còn vướng mắc thì chứng được thực tế Niết-bàn giống như thanh sắt nóng bỏ vào trong nước mát lạnh. Các Bồ-tát xả bỏ, không dừng lại nơi chỗ chứng đắc, thường vì chúng sinh mà làm lợi ích, không lìa tinh tấn, đại Bi và các Ba-la-mật, không đoạn giống Phật, không đi theo con đường của Nhị thừa, ngoại đạo. Như voi có sức mạnh lớn không bị lún vào bùn Tam-muội, tâm không đắm trước cảnh giới của thức, đối với pháp môn của Phật thường không thoái chuyển, dùng trí tuệ rất ráo hội nhập vào Pháp thân của Phật, hiển bày oai đức rộng lớn của Như Lai, thành Bạc Chánh Giác, chuyển diệu pháp luân, trí dùng Bằng cảnh các sắc làm tư lương nhập vào định của Như Lai ở trong cảnh Niết-bàn, lần lượt tu hành vượt khỏi tám Địa, khéo dùng phương tiện tu tập đạt đến Địa thứ mười, nhờ oai đức rộng lớn của Như Lai trụ nơi cõi tự chứng của chư Phật cùng tương ứng với Tam-muội Vô công dụng đi khắp mười phương mà không rời khỏi chỗ cũ, thường nương cõi Phật Mật Nghiêm của Phật mà chuyển sinh y của mình. Thân bằng trí, định, ý, có sức thần thông tự tại đều được đầy đủ, ví như bóng trăng giữa không trung hiện khắp các dòng nước. Đức Phật cũng như vậy, hóa hiện thân hình khắp các thế gian tùy theo tâm ưa thích của chúng sinh làm cho người nhìn thấy đều được lợi ích, lại khiến họ đến cõi Mật nghiêm tùy theo căn tánh ưa thích dần dần khai thị giáo hóa, vì tất cả chúng sinh ở cõi Dục, cõi trời Tự tại và các Bồ-tát mà thuyết pháp, đem đến sự lợi ích an lạc cho các cõi, mười phương cõi Phật công đức trang nghiêm đến đời vị lai tùy theo căn cơ mà ứng hiện. Nhờ trì chú An-thiện-na được mà ở chung với các vị thần cung điện Tiên linh và người nhưng họ không thể thấy được, Như Lai thị hiện biến hóa rồi lại trụ trong thân chân thật không hiện nữa, cũng như vậy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Căn uẩn như đóng rắn  
Xúc cảnh giới làm duyên  
Nghịệp si ái đã sinh  
Không thoát được phiền não.*

Tâm và các tâm sở  
Lo nghĩ mãi không an  
Giác quán bị quán quanh  
Như rỗng bị quán chặt.  
Độc sân từ đây khởi  
Như ngọn lửa cháy mạnh  
Người tu pháp Quán hành  
Là bỏ các pháp uẩn.  
Nơi đây thường quán sát  
Nhất tâm không biếng trễ  
Ví như giữa hư không  
Không cây mà có hình.  
Đường gió cùng dấu chim  
Thấy được đều rất khó  
Năng tạo, pháp được tạo  
Sắc cùng chẳng phải sắc.  
Thấy Như Lai ở đó  
Cũng đều khó như vậy  
Các chân như thật tế  
Và thể tánh chư Phật.  
Chỗ thực hành tự chứng  
Vượt các cảnh ngôn ngữ  
Niết-bàn gọi là Phật  
Phật cũng là Niết-bàn.  
Lìa các tướng phân biệt  
Làm sao có thể thấy  
Vàng vụn nơi quặng vàng  
Trong quặng không thấy vàng.  
Người trí khéo luyện nấu  
Vàng rỗng mới hiện ra  
Nghiền nát hết các sắc  
Cho đến thành bụi nhỏ.  
Và phân chia các uẩn

Hoặc một hoặc tánh khác  
 Tánh Phật không thể thấy  
 Chẳng phải không có Phật.  
 Người định quán Như Lai  
 Đủ ba mươi hai tướng  
 Cùng những sự khổ vui  
 Thể hiện đều rõ ràng.  
 Vì thế không nên nói  
 Như Lai là không có  
 Phật Tam-muội nhất duyên  
 Phật Thiện Nhân, Thiện Căn.  
 Phật Nhất Thiết Thế Thắng  
 Và Phật Chánh Đẳng Giác  
 Năm vị Phật như vậy  
 Ngoài ra đều biến hóa.  
 Ba mươi hai tướng tốt  
 Như Lai tạng có đủ  
 Nên Phật chẳng phải không  
 Người định có thể thấy.  
 Vượt ra khỏi ba cõi  
 Vô lượng các nước Phật  
 Cõi Như Lai vi diệu  
 Thanh tịnh nhiều đệ tử.  
 Định, Tuệ cùng tương ứng  
 Thành tựu tánh kiên cố  
 Đến cõi nước Mật nghiêm  
 Tư duy oai đức Phật.  
 Người trong hội Mật nghiêm  
 Tất cả đồng như Phật  
 Vượt qua sát-na diệt  
 Thường ở trong Tam-muội.  
 Thế Tôn có định lớn  
 Trụ thiên định vắng lặng

Các tướng tốt công đức  
Trong ngoài đều trang nghiêm.  
Các thân Phật biến hóa  
Từ cõi Đâu-suất xuống  
Phật thường ở Mật nghiêm  
Hiện thân từ cõi ấy.  
Trụ chánh định chân thật  
Tùy duyên hiện các hình  
Như trăng giữa hư không  
Bóng hiện khắp trong nước.  
Như ảnh các viên ngọc  
Hợp sắc nên mắt thấy  
Như Lai trụ chánh định  
Hiện thân cũng như vậy.  
Ví như hình và tượng  
Chẳng phải một, chẳng khác  
Đấng Trượng Phu tối thắng  
Thành tựu các sự nghiệp.  
Chẳng phải tánh vi trần  
Không thời, không tự tại  
Cũng chẳng ngoài các duyên  
Mà hiện ở thế gian.  
Như Lai dùng tánh nhân  
Trang nghiêm tự báo thân  
Tùy cõi mà ứng hiện  
Tất cả đều thấy rõ.  
Tự tại nơi Tam-muội  
Trong ngoài đều thể hiện  
Sông, núi và rừng vắng  
Bàn bề các quyển thuộc.  
Mặt trời, trăng và sao  
Ánh sáng hiện hình tượng  
Như vậy, các thế gian

Bao hàm hết trong thân.  
 Đặt trong lòng bàn tay  
 Nhỏ bằng như hạt cải  
 Phật thiền định tự tại  
 Đấng Mâu-ni tối thắng.  
 Thế gian không thể làm  
 Chỉ do Phật biến hóa  
 Người vô trí mù tối  
 Chạy theo vọng phân biệt.  
 Chấp trước nơi hữu vô  
 Có ngã hoặc không ngã  
 Hoặc nói tất cả diệt  
 Hay chỉ diệt một phần.  
 Những người như thế ấy  
 Thường tự làm hại mình  
 Vì sao ở trong đây  
 Lại sinh các kiến chấp.  
 Phật ở khắp ba cõi  
 Bạc Đại Sư quán hành  
 Xem đời như thành Càn  
 Tạo tác ra các việc.  
 Cũng như sắc trong mộng  
 Loài vật khát tìm nước  
 Do các thứ gió nghiệp  
 Ràng buộc bị thoái lui.  
 Phật ở trong phương tiện  
 Thấy, biết đều tự tại  
 Ví như người thợ giỏi  
 Khéo điều khiển máy móc.  
 Cũng như người thuyền trưởng  
 Giữ lái mà chuyển động  
 Như Lai rất vi diệu  
 Tịch tĩnh không biên giới.



Vượt các căn chấp trước  
Chứng đắc được tịnh căn  
Người tu hành định này  
Nương vào định vi diệu.  
Tất cả người tu quán  
Hiểu rõ chỗ trụ tâm  
Tánh Phật rất thanh tịnh  
Chẳng có cũng chẳng không.  
Xa lìa các giới hạn  
Không lệ thuộc căn trần  
Tâm tương ưng diệu trí  
Của cảnh giới tối thượng.  
Biết tướng đều không tánh  
Tức là thấy Như Lai  
Phá các tâm phiền não  
Chẳng chấp vào Tam-muội.  
Trụ nơi đạo thanh tịnh  
Tất cả chẳng nhiễm ô  
Chư Thiên, Càn-thát-bà  
Tu-la, Khẩn-na-la.  
Tiên nhân và ngoại đạo  
Tán thán và cúng dường  
Nơi ấy không mê đắm  
Và tạo nghiệp thế gian.  
Trụ ở chỗ thanh tịnh  
Khế hợp với diệu lý  
Các trời, người nhìn thấy  
Tạo tác của biến hóa.  
Phật chẳng hiện đây, kia  
Như mặt trời, mặt trăng  
Trụ ở đạo viên mãn  
Hiện trừ các cống cao.  
Đối các phái ngoại đạo

Tùy nghi mà nhiếp phục  
 Vô số các pháp trí  
 Chủ luận bốn Vệ-đà.  
 Điều là các Như Lai  
 Nương sức định mà thuyết  
 Các quốc vương, vương thân  
 Cho đến chốn núi rừng.  
 Tất cả các phép tắc  
 Đều do Phật sinh ra  
 Mười phương các kho báu  
 Phát sinh ngọc thanh tịnh.  
 Là oai thần tự tại  
 Của Đấng Thiên Trung Thiên  
 Tất cả trong ba cõi  
 Có những người trí sáng.  
 Tạo vô số phương tiện  
 Nhờ Phật mà thành tựu  
 Hiện từ cõi Đâu-suất  
 Các thể nữ vây quanh.  
 Ca hát và đùa vui  
 Đêm ngày thường tụ tập  
 Hoặc như Kiên-lợi-chí  
 Cư sĩ Xá-lăng-ba.  
 Đoạn dứt và ra khỏi  
 Cảnh ràng buộc thế gian  
 Tuy ở tất cả chỗ  
 Hiện làm người trí sáng.  
 Trong trang nghiêm sâu kín  
 Tịch nhiên không lay động  
 Cảnh Mâu-ni lớn này  
 Kể ngu sinh phân biệt  
 Như người bệnh nhắm mắt  
 Giống bày thú khát nước

Quán thấy đời như huyễn  
Như được ở trong mộng  
Cảnh giới của Như Lai  
Phật tử thấy chân thật  
Người tu quán như vậy  
Từ mê đến giác ngộ  
Na-la cùng Y-xá  
Phạm thiên, Bà-đán-na  
Nan-đà, Cưu-ma-la  
Cùng Kiếp-tỷ-thủ-ca  
Chỗ thiền định quán xét  
Nơi đây thường mê hoặc  
Đời khứ, lai, hiện tại  
Tất cả các Mâu-ni  
Bị phiền não che tâm  
Cũng chẳng thể thấy được  
Lành thay Kim Cang Tạng  
Đi khắp trong các cõi  
Là nhờ oai thần Phật  
Được ở cõi Mật nghiêm  
Cảnh giới của ông đây  
Ta nay vì ông nói  
Hoặc có vọng phân biệt  
Tánh thù thắng vi trần  
Như người thợ tạo ra  
Đủ hình tướng các vật  
Sinh chỉ là pháp sinh  
Diệt cũng là pháp diệt.  
Vọng chấp tất cả vật  
Chỗ tạo tác vi tế  
Từ nhân rõ ở quả  
Ví như đèn chiếu vật  
Trước không được tướng vật

Đền tắt rồi cũng vậy  
 Chẳng phải trong quá khứ  
 Có tánh nắm bắt được.  
 Vị lai cũng như vậy  
 Là duyên không có tánh  
 Mỗi mỗi duyên bên trong  
 Biến tìm không có thể  
 Không thấy tánh có, không  
 Cũng không thấy không có  
 Các uẩn như bình, vỡ  
 Vi tế mà phân biệt  
 Có ba trăm sáu mươi  
 Đại tà hoại đạo chánh  
 Qua lại trong sinh tử  
 Không có pháp Niết-bàn.

\*\*  
 \*

## Phẩm 2: DIỆU THÂN SINH (Phần 1)

Bấy giờ, Bồ-tát Như Thật Kiến có oai lực lớn, tự tại trong thế gian, trên thân Bồ-tát pháp phục tốt đẹp trang nghiêm, đứng cách xa chỗ Phật, cúi mình chấp tay, nhất tâm, cung kính hướng đến Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, thưa:

–Tôn giả khéo thông đạt được trí cảnh hiện pháp lạc trú, đối với ba thừa thế gian tâm không còn chống trái, là bậc Thầy đại định, nơi định Tự tại có thể tùy thuận thuyết giảng tương các cõi, thường ở trong tất cả các cõi nước Phật vì các bậc Thượng thủ diễn giải pháp Vi diệu thâm sâu, cho nên nay tôi xin thỉnh Tôn giả thuyết về cảnh chứng đắc bên trong Hiện pháp lạc trú của các Thánh nhân không theo hạnh người khác, khiến cho tôi và các Bồ-tát khác được thấy pháp đó, an lạc tu hành ở trong cõi Phật được ý sinh thân và ngôn thuyết thân, sức Thần thông tự tại đều được đầy đủ, chuyển sinh y của mình mà không dừng lại nơi quả vị chứng đắc, như các tia sáng

của ngọc ma-ni hiện lên các hình sắc, nơi tất cả nước Phật thuyết hạnh Mật nghiêm.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo:

–Lành thay! Nhân giả! Có thể thỉnh ta thuyết pháp vô ngã để vào cõi Mật nghiêm.

Nhân giả! Trước nên hiểu rõ các cảnh phân biệt là tướng của tâm, ở trong cảnh giới ấy, xả bỏ những sự phân biệt. Nhân chủ, thấy tất cả thế gian là phân biệt, thấy thể của thế gian tức ở nơi duyên mà được Tam-muội.

Nay tôi vì ông khai thị pháp đó. Nhân chủ nên lắng nghe. Bồ-tát nói kệ:

*Tất cả các thế gian  
Hư ảo như sóng nắng  
Do các tướng không thật  
Không mà làm phân biệt.  
Biết do đối tượng sinh  
Đối tượng hiện do biết  
Là một tức không hai  
Như ánh sáng cùng ảnh.  
Vô tâm cũng vô cảnh  
Lượng và đối tượng lượng  
Chỉ nương vào một tâm  
Như vậy mà phân biệt.  
Pháp biết và sự biết  
Chỉ theo tâm vọng chấp  
Nếu rõ sự biết không  
Thì biết tức chẳng có.  
Tâm là tự tánh pháp  
Thân là chỗ cấu ứ  
Nhập vào Địa thứ tám  
Từ đó được thanh tịnh.  
Thiền định Địa thứ chín  
Địa thứ mười giác ngộ*

Nước pháp rưới vào đảnh  
 Thành tối thượng trong đời.  
 Pháp thân không có tận  
 Đây là cảnh giới Phật  
 Rốt ráo như hư không  
 Tâm thức cũng như vậy.  
 Không tận cũng không hoại  
 Dùng các đức trang nghiêm  
 Thường trụ chẳng nghĩ bàn  
 Các cõi Phật Mật nghiêm.  
 Ví như bình đã vỡ  
 Nhờ đó đất hiện rõ  
 Đất vỡ hiện ra bụi  
 Bụi phân ra cực vi.  
 Như vậy từ hữu lậu  
 Mà thành pháp vô lậu  
 Như lửa cháy hết củi  
 Lửa lại cháy chỗ khác.  
 Chuyển y là phân biệt  
 Chứng được trí bất động  
 Trong nước Phật Mật nghiêm  
 Như vậy mà thường hiện.  
 Không phẩm loại chúng sinh  
 Chớ trụ ở thế gian  
 Bỏ tất cả kiến chấp  
 Trở về với vô ngã.  
 Đoạn các tướng lưu chuyển  
 Không sinh cũng không diệt  
 Dứt hết các kiến chấp  
 Chứng được pháp vô ngã.  
 Các hoạn nạn đã hết  
 Tĩnh trú không nghĩ bàn  
 Diệt hết các kiến chấp

Trở về với vô ngã.  
 Hết thấy pháp thế gian  
 Xưa nay tánh vô ngã  
 Chẳng do hoại thành không  
 Do ví dụ mới rõ.  
 Như lửa cháy củi hết  
 Tự ở trong đó diệt  
 Quán sát nơi ba cõi  
 Trí vô ngã cũng vậy.  
 Gọi là hiện pháp lạc  
 Cảnh trí của Thánh nhân  
 Nương đây vào các Địa  
 Diệt hết tội từ xưa.  
 Vượt lên khỏi thế gian  
 An trụ đạo xuất thế  
 Chuyển tâm thành thanh tịnh  
 Thường ở cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, Bồ-tát Như Thật Kiến và các Đại chúng đều thưa:

–Bồ-tát Kim Cang Tự Tại, chúng tôi đều muốn được quy y, nguyện xin chỉ bày pháp ấy.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ:

Tánh Phật chẳng phải có  
 Chẳng phải không có Phật  
 Cây uẩn đã thiêu đốt  
 Quân ma đều thoái lui  
 Trú nơi cõi Như Lai  
 Nước vi diệu Mật nghiêm  
 Thấy rõ tịnh không cấu  
 Nhân chủ muốn quy y  
 Lìa xa các phân biệt  
 Chứng nơi không xứ sở  
 Chỗ các định Mật nghiêm

*Nhân chủ muốn quy y  
Cõi Mật nghiêm tối thắng  
Chỗ nương các bậc Thánh  
Hành giả quán đầy đủ  
Trở về cõi Mật nghiêm.*

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại bảo Bồ-tát Như Thật Kiến:

–Nhân chủ! Muốn quán các trụ địa, những người tu pháp Quán hành quán tất cả thế gian như trong tượng vẽ có cao, thấp; như mộng thấy nữ sắc đoan trang; như người nữ đá bồng mộng thấy mình sinh con; như những sinh hoạt trong thành Càn-thát-bà; như vòng lửa thành bánh xe; như tóc treo rũ giữa không trung; như người ảo thuật tạo ra hình ngựa, rừng cây, hoa quả; như bóng mây nổi; như ánh điện chớp đều là giả chẳng phải thật có, do sự phân biệt tạo thành giống như người thợ tạo ra đồ dùng.

Nhân chủ! Tập khí chúng sinh ở thế gian che mờ tâm tánh sinh ra các loại hý luận, ý cùng ý thức và các thức khác khiến cho năm pháp, ba tánh chuyển biến liên tục cùng tương ứng với hai thứ vô ngã; ví như dòng nước do gió thổi mà tạo nên các làn sóng, sóng khởi liên tục mà dòng nước chảy không ngừng. Thức A-lại-da ở trong thế gian cũng vậy. Tập khí vô thủy giống như dòng nước bị gió cảnh giới khuấy động, sinh ra những làn sóng thức liên tục không dứt.

Nhân chủ! Tâm này tuy thể tánh khác nhau mà thường duyên theo nhau dần dần sinh khởi, hoặc sinh khởi một lúc, khi tâm sinh chấp lấy các cảnh giới cũng có sự nhanh chậm khác nhau như vậy. Như nhà cửa, các ngôi sao, chỗ quân trận, núi rừng, cây, nhánh lá, hoa quả những chỗ như vậy cùng một lúc chấp lấy nhiều thứ hoặc lần lượt từng thứ, nếu ở trong mộng thấy lại chuyện đã qua, hoặc nhớ lại thuở mới sinh ra đến lúc già chết và tính toán các vật, suy nghĩ các câu nghĩa, thấy các màu sắc đẹp lạ, cảm nhận ăn uống ngon, đối với cảnh giới này lần lượt biết rõ; hoặc có lúc chỉ một lúc biết rõ tất cả.



Nhân chủ! Tâm tánh vốn thanh tịnh không thể nghĩ bàn. Các tạng Như Lai vi diệu như vàng trong quặng, ý từ tâm sinh, sáu thức khác cũng vậy. Như thế nhiều pháp ở trong thế gian tạo ra sự khác nhau. Nhân chủ! Thức A-lại-da tuy có thể hòa hợp cùng các tâm pháp cho đến tất cả chủng tử nhiễm ô, thanh tịnh cùng dừng lại trụ nơi tánh thường sáng suốt; nên biết chủng tánh của Như Lai cũng vậy, dù phân biệt định hay bất định, thể tánh cũng thường thanh tịnh, nhu biến luôn yên lặng mà sóng thường chuyển động, lần lượt tu tập từng bước hạ, trung, thượng riêng biệt; xả bỏ các tạp nhiễm thì được sáng suốt.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại nói kệ:

*Lành thay! Tuệ Như Thật!  
Chánh pháp vi diệu này  
Từ lúc ta vừa nghe  
Tâm định đã khai ngộ.  
Tất cả nước mười phương  
Các đại chúng trong hội  
Ông nên tùy thuận theo  
Vì họ tuyên thuyết rộng.  
Nếu người nghe thuyết rồi  
A-lại-da thanh tịnh  
Hoặc là được làm vua  
Chuyển luân bốn thiên hạ.  
Hiện làm trời Đế Thích  
Đâu-suất, Tu-dạ-ma  
Hoặc chủ trời cõi Dục  
Đến cung trời Tự tại,  
Hoặc làm chủ cõi Sắc  
Sinh vào trời Vô sắc  
Sinh trong cõi Vô tướng  
Hưởng hỷ lạc Thiên định,  
Chúng chân thật không trụ  
Ví như Sư tử hống*

Tự tại trong các định  
 Nhờ tương ứng hỷ lạc  
 Nhất tâm cầu Mật nghiêm  
 Không đắm nhiễm ba cõi  
 Đến cõi Mật nghiêm rồi  
 Lân lượt mà khai ngộ  
 Chuyển y được an lạc  
 Thường an trú tịch tĩnh  
 Có vô lượng Phật tử  
 Vây quanh để trang nghiêm  
 Bạc pháp vương tự tại  
 Tối thượng ở trong chúng  
 Chẳng như ngoại đạo thuyết  
 Hoại diệt là Niết-bàn  
 Hoại nên đồng với có  
 Có chết lại sinh ra  
 Mười nghiệp thượng, trung, hạ  
 Vượt ra khỏi ba thừa  
 Sinh Mật nghiêm tối thượng  
 Siêng năng chuyển các Địa  
 Được trí tuệ giải thoát  
 Thân Như Lai vi diệu  
 Vì sao nói Niết-bàn  
 Đó là pháp hoại diệt  
 Nếu Niết-bàn hoại diệt  
 Chúng sinh có tận cùng  
 Chúng sinh nếu có cùng  
 Cũng có điểm khởi đầu  
 Nên pháp chẳng có sinh  
 Từ đâu làm chúng sinh  
 Chẳng không có chúng sinh  
 Mà sinh cõi chúng sinh  
 Cõi chúng sinh đã tận

Phật không đốt đuốc pháp  
Thì không thể giác ngộ  
Cũng không có Niết-bàn  
Người vọng chấp giải thoát  
Như hạt giống đã cháy  
Đèn tắt và lửa hết  
Nói tánh giải thoát đó  
Là có hoại không thành  
Xa lìa không thể chứng  
Nơi giải thoát diệu lạc  
Biến xứ và các thiên  
Vô sắc vô tướng định  
Sức thần thông tự tại  
Nghịch thuận mà ra vào  
Ở đó không thoái lui  
Thường không bị chìm đắm  
Biết rõ các pháp tướng  
Khéo đạt được các cõi  
Như vậy mà trang nghiêm  
Đến trụ nước Mật nghiêm  
Nếu nói tánh giải thoát  
Có hoại nhưng không thành  
Người này trụ các cõi  
Mãi mãi không thể ra  
Phá hoại ba hòa hợp  
Nhân nơi bốn thứ duyên  
Mất duyên sắc trong, ngoài  
Hòa hợp sinh ra thức  
Pháp thế gian trong, ngoài  
Do sức mạnh tướng sinh  
Như vậy với các nghĩa  
Tất cả đều chống trái  
Nếu biết chỉ thức hiện

Lìa tâm mới chứng được  
 Không sinh ra phân biệt  
 Cũng không trụ tánh đó  
 Lìa các duyên vin vào  
 Tâm thiền định tịch tĩnh  
 Bỏ kiến chấp thế gian  
 Năng chấp và sở chấp  
 Xa lìa chuyển y thô  
 Trí tuệ bất tư nghì  
 Mười thứ ý sinh thân  
 Tốt đẹp và trang nghiêm  
 Làm chủ của ba cõi  
 Đến cõi nước Mật nghiêm  
 Sắc tâm và tâm pháp  
 Bất tương ưng, vô vi  
 Trong ngoài các thế gian  
 Thật quán không riêng khác  
 Những người trí như vậy  
 Đến cõi nước Mật nghiêm  
 Danh tướng cùng phân biệt  
 Chánh trí và như như  
 Thiền định soi thấy rõ  
 Thể tánh đều bình đẳng  
 Vào cõi tịnh Mật nghiêm  
 Được chư Phật khen ngợi  
 Nếu hoại ba hòa hợp  
 Và nhờ bốn thứ duyên  
 Chính mình không vững chắc  
 Đồng các vọng phân biệt  
 Tập khí ác phân biệt  
 Bị năm thứ hý luận  
 Ví dụ không thành lập  
 Các nghĩa đều trái nghịch

Năm thứ phiền não loạn  
Tuệ nhãn cùng vượt qua  
Điên đảo không điên đảo  
Pháp này không dị hoại  
Xả bỏ đạo pháp mình  
Nương theo đạo pháp khác  
Các kiến chấp ban đầu  
Đều từ hoại diệt sinh.  
Đại vương phải nên biết  
Chúng sinh trong các cõi  
Như vòng xe xoay chuyển  
Không có điểm bắt đầu  
Như Lai dùng bi, nguyện  
Tùy duyên hiện các cõi  
Như vầng trăng trong sáng  
Hiện khắp cả mọi nơi  
Tùy căn tánh chúng sinh  
Thích hợp mà thuyết pháp  
Nếu diệt Niết-bàn là diệt  
Phật có công đức gì?  
Tăng thượng có ba thứ  
Giải thoát cũng như vậy  
Tứ đế và thân thông  
Niệm xứ, vô ngại biện  
Bốn duyên trụ vô sắc  
Căn lực và thân thông  
Các Độc giác, Bích-chi  
Pháp hữu vi, vô vi  
Cho đến các Thánh nhân  
Đều nương thức mà có  
Khổ trí, khổ pháp trí  
Và khổ tùy sinh trí  
Tập trí gồm có ba

Diệt, đạo cũng như vậy  
 Mười hai loại trí này  
 Điều gọi là hiện quán  
 Học nhân có mười bậc  
 Sinh trở lại bảy, tám  
 Gia gia, nhất vãng lai  
 Một lần rồi diệt độ  
 Trung ban cùng sinh ban  
 Hữu hành và vô hành  
 Bậc thượng lưu khắp nơi  
 Sau đó nhập Niết-bàn  
 Tất cả bậc như vậy  
 Phẩm vị của các trí  
 Người tu pháp Quán hành  
 Thượng, trung, hạ khác nhau  
 Bồ-tát tu tinh tấn  
 Sự nghiệp rất thù thắng  
 Mười một cùng mười hai  
 Cho đến thứ mười sáu  
 Người tu các định này  
 Lại diệt dưng tâm vọng  
 Tận cùng chẳng phải tâm  
 Chẳng phải tâm cùng trụ  
 Tâm vị lai chưa đến  
 Chưa đến nên chẳng có  
 Tâm duyên không hòa hợp  
 Chẳng đây, chẳng đó sinh  
 Thiền thứ tư vô tâm  
 Có nhân không thể hại  
 Có nhân là các thức  
 Ý thức và năm loại  
 Vọng tưởng không tự biết  
 Giống như gợn sóng nổi

Người định quán Lại-da  
Có thể lìa phân biệt  
Vi diệu không chỗ có  
Chuyển y mà không hoại  
Ở trong chốn Mật nghiêm  
Như trăng thường chiếu sáng  
Các bậc Trí Mật nghiêm  
Cùng Phật thường tụ hội  
Luôn ở trong cảnh định  
Một vị không khác nhau  
Người ở định Mật nghiêm  
Sức định sinh nơi đó.  
Vì vậy nên tu tập  
Tướng tâm định diệu này  
Dục giới có sáu trời  
Phạm ma mười sáu xứ.  
Vô sắc và vô tưởng  
Trong tất cả các cõi  
Nếu sinh nước Mật nghiêm  
Làm Thiên chủ ở đó  
Muốn cầu cõi Mật nghiêm  
Nên tu mười loại trí  
Pháp trí, tùy sinh trí  
Thế tục trí tâm khác  
Trí Khổ, Tập, Diệt, Đạo  
Tận trí, vô sinh trí  
Nhân giả thấy chân thật  
Dòng vua Xá-luân-la  
Cùng vua Nguyệt-cam-giá  
Dòng họ không khác nhau  
Nên tìm nước Mật nghiêm  
Chớ thoái tâm hoài nghi  
Như dê bị dắt đi

Lo sợ mà lùi bước  
 Ý ở tại trong thân  
 Giống thú giả nươg ở  
 Cũng như giả làm cây  
 Cỏ lau ở trong sông  
 Như vua chơi vườn cảnh  
 Cả thân thể vận động  
 Ý cùng với ý thức  
 Tâm, tâm pháp cùng khởi  
 Giống như mây giữa không  
 Tự thành mà không thật  
 Chẳng tử thức Lại-da  
 Bị tập khí che mờ  
 Ví như ngọc ma-ni  
 Tùy duyên hiện các sắc  
 Nhưng lia thân chúng sinh  
 Tánh thanh tịnh không nhiễm  
 Chẳng tánh quyết định này  
 Cũng là đại Niết-bàn  
 Gọi là nhân tướng sinh  
 Tướng từ nhân duyên khởi  
 Do nơi các hình tướng  
 Mà khởi lên phân biệt  
 Phân biệt từ hai nhân  
 Tướng ngoài, tập khí trong  
 Mạt-na thức thứ bảy  
 Nên biết cũng như vậy  
 Các căn, ý duyên nhau  
 Pháp sinh nơi năm thức  
 Cùng tương ưng tâm pháp  
 Như vậy trụ trong thân  
 Chánh trí thường quán sát  
 Tất cả các thế gian



Từ nhân duyên như vậy  
Mà sinh các quả ấy  
Chân như chẳng khác đây  
Các pháp hỗ tương sinh  
Cùng tâm lý tương ứng  
Quán thấy rất rõ ràng.  
Đây tức là các pháp  
Tánh chân thật cứu cánh  
Cũng là pháp vọng chấp  
Tất cả pháp không sinh  
Tánh các pháp thường, không  
Chẳng không cũng chẳng có  
Như huyễn mộng, rỗng nắng  
Như thành Càn-thát-bà  
Vô số loại hình tướng  
Danh cú và văn thân  
Do chấp trước sinh ra  
Thành ra tánh biến chấp  
Căn, cảnh, ý hòa hợp  
Huân tập thành hạt giống  
Cùng tâm không phân biệt  
Các thức từ đây sinh  
Tạo thêm vốn cho nhân  
Gọi là Y tha khởi  
Trong chứng trí chân thật  
Ngoài hiện ra pháp trụ  
Tức là nói viên thành  
Cảnh giới các bậc Thánh  
Phật và các Phật tử  
Chứng pháp này là Thánh  
Nếu người chứng pháp ấy  
Tức thấy được chân tế  
Thuyết giảng pháp đã hết

Phạm hạnh đều lập xong  
 Việc làm đã thành tựu  
 Vĩnh viễn lìa các cõi  
 Giải thoát tất cả khổ  
 Diệt trừ những sợ hãi  
 Sinh hai pháp vô ngã  
 Có thể khéo biết rõ  
 Đốt cháy các tập khí  
 Đoạn dứt các phân biệt  
 Từ vô thủy đến nay  
 Tích tụ các hý luận  
 Vô lượng các tội lỗi  
 Tất cả đều trừ hết  
 Ví như hòn sắt nóng  
 Hết nóng, sắt không hư  
 Giải thoát cũng như vậy  
 Nhận hết mà trong sáng  
 Vào cảnh giới vô lậu  
 Cõi vi diệu Mật nghiêm  
 Cõi này rất tối thắng  
 Ngoài ra chẳng sánh bằng  
 Chỗ cư trú thanh tịnh  
 Cửa Phật và Bồ-tát.  
 Hiện tiền vui Tam-muội  
 Dùng đây làm thức ăn  
 Người muốn sinh cõi này  
 Nên tu quán chân thật  
 Lại vì có các duyên  
 Như lý, tuyên thuyết rộng  
 Danh sinh vốn ở tướng  
 Tướng khởi lại theo duyên  
 Đủ các loại phân biệt  
 Đều nhân tướng mà có

Căn, cảnh như bình, vô  
 Ẩn pháp hợp lại thành  
 Phân biệt từ đây sinh  
 Biết rõ phân biệt đúng  
 Hoặc động hoặc chẳng động  
 Tất cả các thế gian  
 Điều nhân si ám sinh  
 Lấy ngu tối làm thể  
 Dài, ngắn các màu sắc  
 Âm thanh cùng hương vị  
 Ngọt, đắng, bền chắc, trơn  
 Chỗ duyên của ý thức  
 Tánh thiện và bất thiện  
 Pháp hữu vi, vô vi  
 Cho đến cảnh Niết-bàn  
 Đây đều cảnh của trí  
 Niệm niệm thường chuyển biến  
 Điều do nương thức sinh  
 Như lục đá nam châm  
 Hút sắt khiến di chuyển  
 Nên biết thức Mạt-na  
 Ở tàng thức cũng vậy  
 Như rắn có hai đầu  
 Mỗi đầu làm một việc  
 Ý nhiễm ô cũng vậy  
 Chấp thủ A-lại-da  
 Vì ngã tạo nên nghiệp  
 Tăng trưởng thêm ngã sở  
 Cùng kết hợp ý thức  
 Làm chỗ nương mà chuyển  
 Trong thân sinh hơi ấm  
 Vận động tạo các nghiệp  
 Ăn uống và y phục

Tùy việc mà thọ dụng  
 Nhảy nhót hoặc ca múa  
 Mỗi loại tự vui thích  
 Giữ thân các chúng sinh  
 Đây do công của ý  
 Như trong giấc mộng thấy  
 Tất cả các cảnh giới  
 Khởi các loại phân biệt  
 Không biết chỉ tự tâm  
 Như người ở trên không  
 Chạy trên tơ đùa giỡn  
 Nguy hiểm không an ổn  
 Phân biệt cũng như vậy.  
 Phân biệt không chỗ nương  
 Chỉ làm theo mỗi cảnh  
 Như hình tượng trong gương  
 Do thức động nên thấy  
 Kẻ ngu mê hoặc này  
 Chẳng phải bậc Trí sáng  
 Nhân chủ phải nên biết  
 Ba thứ này thức hiện  
 Nếu xa lìa chỗ này  
 Thì gọi là chân thật  
 Các Bồ-tát, Trì Tấn  
 Và Thánh Mục-kiền-liên  
 Quán sát khắp ức cõi  
 Mỗi thứ đều tốt đẹp  
 Trong chỗ trang nghiêm đó  
 Cõi này rất thù thắng  
 Cực lạc hiện an vui  
 Cho đến ở phương dưới  
 Trong vô lượng ức cõi  
 Được chư Phật tán thán

*Đều bảo nước Mật nghiêm  
Tự nhiên hiện oai đức  
Vô thủy cũng vô chung  
Vốn là cõi Như Lai  
Nhưng ra khỏi ba cõi  
Tịch tĩnh chốn vô vi  
Lợi mình và lợi người  
Sự nghiệp đều viên mãn  
Đây chính là thành Phật  
Muốn thực hành Phật sự  
Cốt yếu từ Mật nghiêm  
Hóa làm vô lượng ức  
Thường nương theo chánh định  
Hiện ra các thần thông  
Trong tất cả cõi nước  
Như mặt trăng không thấy  
Tùy các loại chúng sinh  
Ứng hóa làm lợi ích  
Mười cõi của Hoa nghiêm  
Đại thọ cùng thần thông  
Thắng-man và kinh khác  
Đều từ kinh này ra  
Kinh này thù thắng nhất  
Các kinh không thể bằng  
Nhân chủ và các vua  
Nếu hết mực tôn kính  
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc  
Vô tưởng các cung trời  
Phật đã vượt ra khỏi  
Trụ vào chốn Mật nghiêm  
Các cung điện cõi này  
Như hoa sen nhiều sắc  
Tất cả Đức Như Lai*

Tướng đẹp, trí thanh tịnh  
 Phật và các Bồ-tát  
 Thường trụ ở trong này  
 Thế Tôn luôn thiên định  
 Tịch tĩnh rất tối thượng  
 Tự nương định khó nghĩ  
 Hiện các sắc tốt đẹp  
 Sắc tướng không giới hạn  
 Ngoài kiến chấp năng, sở  
 Cõi Cực lạc trang nghiêm  
 Thế Tôn thọ vô lượng  
 Các hành giả tu quán  
 Sắc tướng đều như vậy  
 Hoặc thấy Thiên trung thiên  
 Sắc vàng sáng rực rỡ  
 Sư tử màu kim sắc  
 Chân kim cang, nguyệt quang  
 Con công lông trắng nõn  
 Sen lưu ly sáng chói  
 Hoặc thấy thân gầy yếu  
 Rách rưới đáng lùn xấu  
 Hoặc như ngàn mặt trời  
 Chiếu trên hoa sen lớn  
 Hoặc thấy các Bồ-tát  
 Đỉnh đính tóc Long vương  
 Dùng vật báu của vua  
 Làm mũ báu trang nghiêm  
 Hoặc thấy các hình tượng  
 Bánh xe, cờ, cá, ốc  
 Chiếu ra màu sắc đẹp  
 Như cầu vồng trên không  
 Hoặc thấy núi Tu-di  
 Đặt trong lòng tay phải

*Hoặc đem nước biển cả  
Gom như dầu chân bò  
Hoặc thấy được làm vua  
Mặt áo mũ sang trọng  
Hai bên quan vây quanh  
Cùng tuyên chiếu việc nước  
Hoặc thấy các Bồ-tát  
Bậc tu hành tối thượng  
Nói về cảnh giới mình  
Biết các pháp của Phật  
Hoặc dùng trí thiền định  
Vội chuyển chỗ nương tựa  
Chúng được thân như huyễn  
Tất cả đều vô ngại  
Hoặc thấy rõ các cảnh  
Đoạn các nghiệp chấp trước  
Các kiến chấp đã trừ  
Không trở lại các cõi  
Như mỡ dầu đã hết  
Đèn tắt mà Niết-bàn  
Hoặc thị hiện tu hành  
Tất cả Ba-la-mật  
Diễn bày ở đại hội  
Ban khắp vô cùng tận  
Khổ hạnh và trì giới  
Các phép nghi mỗi loại  
Nước cực lạc trang nghiêm  
Người chẳng phải thai sinh  
Thân tướng như vàng ròng  
Tỏa màu sắc khắp nơi  
Tương ứng được tự tại  
An lạc và sáng suốt  
Cảnh giới của người này*

Trăm phần không phải một  
 Người trong cõi Cực lạc  
 Thức ăn theo ý muốn  
 Đấng Mâu-ni tự tại  
 Định là vị cam lộ  
 Cây báu tên Như ý  
 Đạo chơi nghỉ dưới đó  
 Vàng ròng làm miếng mỏng  
 Trái khắp đất trang nghiêm  
 Mặt đất nhiều hoa sen  
 Cùng các hoa tươi tốt  
 Mến mộ công đức Phật  
 Nhất tâm để hồi hướng  
 Nơi cõi Phật thù thắng  
 Từ hoa sen hóa sinh  
 Đủ các tướng trang nghiêm  
 Sáng trong không trần cấu.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ này rồi, hiện thân mình như đốt tay hoặc như hạt cải cho đến một phần trăm đầu sợi lông, hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân Độc giác hoặc hiện thân Thanh văn và hiện vô số thân hình khác để thuyết pháp. Hoặc nói Bồ-tát chứng nhập các Địa, biết rõ năm pháp, tám thức, ba tánh, hai vô ngã, đắc Tam-muội như huyễn tùy ý thọ thân, thần thông tự tại, lực Vô sở úy đều không thoái chuyển, an trụ vào nơi chốn thanh tịnh, nhập vào cõi Phật, vô lậu uẩn, giới thường không biến đổi. Hoặc nói Bồ-tát có thể đạo khắp, như mộng, như tượng, như trăng trong nước. Người hành đạo thực hành các pháp quán này chứng được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, thân như mười huyễn, các nguyện hoàn toàn được thành tựu, đạt được Bạc Chánh Giác ngồi trên hoa sen báu, các chúng Bồ-tát đều vây quanh. Hoặc nói Bồ-tát nhờ nguyện lực hiện vô số hình ở các cõi ma mà làm Phật sự. Thân vi diệu của các Bồ-tát này không còn vướng vào có, không. Ví như các Trời, Tiên, Càn-thát-bà ở núi Tu-di hoặc ở hư không, cõi của chúng sinh không thể nhìn thấy,



thân các Bồ-tát ấy cũng như vậy, người không tu Quán hành thì không thể thấy được. Hoặc nói Bồ-tát đắc Thiền định, lực Tam-muội tự tại ở cung điện hoa sen của mười phương cõi nước thị hiện thọ sinh và nhập Niết-bàn. Hoặc nói Bồ-tát nhờ lực Tam-muội chuyển sở y mà không trụ vào chân như, ở nơi tất cả cõi chúng sinh hiện các thân khác nhau, tâm của Bồ-tát bình đẳng như đất, như nước, như mặt trời, mặt trăng. Hoặc nói Bồ-tát đem tâm đại Từ thương xót chúng sinh lưu chuyển sinh tử, nghèo cùng, cô độc bị các khổ dày vò như con ong đen đậu vào thuyền nên đi khắp biển cả, theo thuyền chạy một do-tuần cho đến trăm ngàn vô lượng do-tuần để thuyết về vô ngã, sinh tử, vô thường khiến cho họ biết được sát-na chống diệt không dừng; hoặc nói chư Phật và các Bồ-tát thấy tất cả chúng sinh khát ái mê loạn, phân biệt, bị các khổ bức bách ở trong pháp vô tướng mà chấp thủ tướng, chấp trước có năng sở hư vọng, do năng chấp và sở chấp này trói buộc tâm chúng sinh dong ruổi khắp trong biển sinh tử không dừng nghèo cùng, cô thế không có chỗ nương, như nhện, sâu bị mắc lưới trong biển cả. Phật và Bồ-tát giống như người ở trên thuyền đối với chúng sinh khởi tâm thương xót, muốn làm cho thoát khỏi nạn khổ sinh tử tùy theo tâm chúng sinh mà hiện thân, thuyết pháp, bố thí làm tất cả các hạnh.



# KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

## QUYỂN TRUNG

### Phẩm 2: ĐIỀU THÂN SINH (Phần 2)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Phổ Hiền phát ra ánh sáng lớn nhiều màu sắc cùng với các vị Bồ-tát: Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Trì Tấn, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Thần Thông Vương, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Thánh Giả Nguyệt, Bồ-tát Kim Cang Tề, Bồ-tát Đại Thọ Vương, Bồ-tát Hư Không Tạng cho đến vô lượng chư Thiên ở cung điện ngọc ma-ni các chúng Bồ-tát trong cõi Mật nghiêm và những người trong cõi Phật khác đến nghe pháp; nghe thuyết pháp vì điều ở cõi Mật nghiêm được công đức lớn quyết định chuyển y thường ở cõi này không sinh ở cõi khác, tự nhiên đều nhớ nghĩ đến chúng sinh đời vị lai, vì muốn làm lợi ích khắp chúng sinh nên các vị Bồ-tát ấy thưa với Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Xin Tôn giả vì chúng tôi mà giảng nói tất cả thế gian có bao nhiêu hình sắc, do ai làm ra? Như người thợ gốm nhồi đất dính lại làm nên cái bình, những hình tượng của thế gian cũng làm nên như vậy chăng? Như người tạo âm nhạc kết hợp các loại dây, ống trúc, gỗ thành âm thanh. Tất cả thế gian cũng vậy chăng? Như một vật có ba tự tánh, các vật thế gian đã thành tướng, thể, nếu chưa thành thì đều ở trong một vật chăng? Cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Tha hóa tự tại, trời Đại thọ Khẩn-na-la, trời Thiện hiện, trời Sắc cứu cánh, Phạm thiên vương, cõi Vô sắc là do tất cả Thiên chủ đồng tâm hợp lực mà tạo ra chăng? Chư Phật Bồ-tát ở phương này và phương khác dùng sức biến hóa tạo ra hình tượng của thế gian, chúng sinh ở trong đó khởi lên các mê hoặc, sự mê hoặc này xem như sóng năng, như bình và vỏ, sự tạo ra công đức, tất cả những người trong thế trụ vào đó, người chẳng tạo các công đức mà bị lệ thuộc vào công đức, cũng

chẳng phải đó là công đức mà nương vào công đức, cho nên lần lượt tích tập các công đức. Như vậy, thế gian có bao nhiêu hình sắc chỉ là mê hoặc mà có chẳng? Hoặc cho rằng trời Đại phạm, Phạm thiên vương, cõi trời Tự tại đều tự tạo ra. Hoặc cho rằng Tiên Sa-ca-noa-đề-na Kiếp-tỳ-la tự tạo ra năng lực. Hoặc có lúc vọng chấp từ tánh tự nhiên, do nghiệp vô minh, ái mà sinh khởi. Tất cả chư Thiên, Tiên và những người tu định ở thế gian đều hoài nghi mê hoặc vì không có thể tánh, như huyễn như mộng; như sóng nắng, như thành Càn-thát-bà đều do vô trí phân biệt chấp có năng, sở; như rắng hai đầu, như thầy chết biết đi; như người gỗ nhờ máy mà chuyển động; như vòng lửa, tóc rũ xuống giữa hư không chẳng?

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng dùng kệ đáp:

*Các hình sắc thế gian  
Không từ đâu sinh ra  
Chẳng phải Ca-tỳ-la  
Nhân-tỳ-la tạo ra  
Cũng không do phước quả  
Bố thí hay cúng dường  
Do Phệ-đà giảng thuyết  
Nghĩa cùng, khác không định  
Cũng chẳng phải có không  
Hay chấp giữ thế gian  
Gọi là A-lại-da  
Thức thứ tám thù thắng  
Tất cả đều vận chuyển  
Như nhiều bình lăn tròn  
Như dầu lăn trong mè  
Trong muối có vị mặn  
Cũng như tánh vô thường  
Ở khắp trong các sắc  
Trầm, xạ đều có hương  
Ánh nhật, nguyệt cũng thế  
Chẳng năng tác, sở tác*

Chẳng hữu cũng chẳng vô  
 Xa lìa các ngoại đạo  
 Các kiến chấp đồng dị  
 Chẳng phải trí tìm cầu  
 Không thể phân biệt được  
 Người định tâm không ngại  
 Chứng được trí bên trong  
 Nếu lìa A-lại-da  
 Tức không có thức khác  
 Như sóng trong biển cả  
 Tuy cùng biển không khác  
 Biển lặng sóng mất đi  
 Cũng không thể nói một  
 Ví như người tu định  
 Trong định tâm thanh tịnh  
 Người thân thông tự tại  
 Đạt được các thông tuệ  
 Quán hành có thể thấy  
 Chẳng ngoài sự hiểu biết  
 Tạng thức cũng như vậy  
 Cùng thức đồng hành chuyển  
 Phật và các Bồ-tát  
 Người định thường quán thấy  
 Tàng thức chấp thế gian  
 Giống như tìm ngọc báu  
 Cũng như xe có bánh  
 Theo gió nghiệp lưu chuyển  
 Thợ gốm quay bánh xe  
 Tạo thành vật cần dùng  
 Tạng thức cùng các giới  
 Hợp sức lại mới thành  
 Trong ngoài các thế gian  
 Bày ra khắp mọi nơi

Ví như các vì sao  
Xuất hiện khắp hư không  
Nương theo sức của gió  
Vận hành luôn không dừng  
Như vết chim trong không  
Tìm kiếm không thể được  
Nhưng chim chẳng lìa không  
Mà bay lượn lên xuống  
Tạng thức cũng như vậy  
Không lìa thân tự, tha  
Như biển cả dậy sóng  
Hư không trùm vạn vật  
Tàng thức cũng như vậy  
Che lấp các tập khí  
Ví như trăng trong nước  
Và như các hoa sen  
Không xa lìa khỏi nước  
Cũng không dính vào nước.  
Tạng thức cũng như vậy  
Không bị nhiễm tập khí  
Như mắt có con người  
Mắt không tự thấy được  
Tạng thức ở nơi thân  
Thâu giữ các chủng tử  
Duy trì mãi thức ấm  
Như mây che thế gian  
Nghiệp dụng tăng không dừng  
Chúng sinh không thể thấy  
Thế gian vọng phân biệt  
Thấy trâu, bò có sừng  
Không rõ sừng chẳng có  
Nên nói tỏ không sừng  
Phân tích đến hạt bụi

Tìm sừng thật không có  
 Do nương vào pháp có  
 Mà thấy có pháp không  
 Pháp có vốn tự không  
 Không thấy gì đối đãi  
 Hoặc pháp có, pháp không  
 Lẫn lộn hổ tương nhau  
 Trong hai pháp có không  
 Không nên khởi phân biệt  
 Nếu xa lìa sở giác  
 Năng giác tức không sinh  
 Ví như vòng lửa quay  
 Che lấp các việc huyễn  
 Đều do ít kiến chấp  
 Mà sinh các giác này  
 Nếu là khởi nhân đó  
 Giác này tức không có  
 Danh tướng hổ tương nhau  
 Tập khí không giới hạn  
 Tất cả các phân biệt  
 Cùng ý mà sinh khởi  
 Chứng được cảnh chân thật  
 Tập khí tâm không sinh  
 Từ vô thủy đến nay  
 Mê theo các vọng cảnh  
 Hý luận và huân tập  
 Sinh khởi vô số tâm  
 Năng chấp và sở chấp  
 Tâm chúng sinh tự tại  
 Các tướng như bình vỡ  
 Là tâm không thật có  
 Tất cả chỉ có giác  
 Nghĩa sở giác đều không

Tánh năng giác, sở giác  
 Chuyển tự nhiên như vậy  
 Tập khí tâm ô trước  
 Phàm phu không thể thấy  
 Như biển bị gió động  
 Sóng dậy không thể dừng  
 Tâm là cảnh gió động  
 Gió thức sinh cũng vậy  
 Vô số các phân biệt  
 Từ bên trong chấp thủ  
 Như đất không phân biệt  
 Vạn vật nhờ đó sinh  
 Tạng thức cũng như vậy  
 Chỗ nương của các cảnh  
 Như người dùng tay mình  
 Trở lại giữ lấy thân  
 Cũng như voi dùng vòi  
 Lấy nước thấm gọi mình  
 Lại như những đứa trẻ  
 Đưa tay vào miệng ngậm  
 Như vậy trong tâm mình  
 Hiện cảnh lại tự duyên  
 Cảnh giới của tâm này  
 Hiện khắp cả ba cõi  
 Người tu quán hạnh lâu  
 Mới khéo thông đạt được  
 Các thế gian trong ngoài  
 Tất cả chỉ tâm hiện.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói lời này rồi, im lặng  
 ngồi xuống, an trụ vào thiền định vi diệu, ở cửa pháp giới nhập vào  
 cảnh giới của chư Phật, thấy có vô lượng chư Thiên sắp đến cõi này  
 để an trú tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy phóng ra ánh sáng lớn,  
 ánh sáng ấy chiếu đến cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc, vô tướng, thiên

cung, từ trong ánh sáng này lại hiện ra vô lượng cõi Phật thù thắng, có vô lượng Đức Phật tướng tốt đẹp trang nghiêm, tùy theo sự mong muốn của các thế gian mà làm việc lợi ích, đều khiến cho thọ trì danh hiệu Mật Nghiêm. Các vị Bồ-tát ấy cùng nhau quán sát và bảo rằng:

–Cõi Mật nghiêm của Phật có thể làm thanh tịnh các phước đức, diệt trừ tất cả tội, những người tu pháp quán hành trong cõi ấy thì các cõi Phật tối thượng khác không thể sánh bằng. Chúng ta nghe danh hiệu cõi nước này trong tâm vui mừng, hãy cùng nhau đi đến đó.

Bấy giờ, chư Thiên từ chỗ ở của mình đi đến cõi này. Chư Thiên cõi Tịnh cư, Sắc cứu cánh và Phạm thiên vương cùng tụ hội, đối với Phật và các Bồ-tát ở cõi này đều sinh ý nghĩ mong cầu hiếm có nên thưa Phạm vương:

–Thưa Thiên chủ! Chúng tôi cùng có ý niệm: Lúc nào được theo Thiên chủ đi đến cõi Mật nghiêm.

Phạm vương nghe lời này rồi, cùng với chư Thiên vội vàng đi. Giữa đường, đi chậm lại vì không biết chỗ đến, Phạm vương liền suy nghĩ: “Cõi Mật nghiêm của Phật là cảnh giới để tu pháp quán hành, chẳng phải người nào cũng có thể đến đó được, chẳng phải là chỗ đến của chư Thiên ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và các ngoại đạo có thần thông. Nay, chúng ta làm sao đến?” Lại nghĩ rằng: “Giả sử ta có được oai lực của Phật hộ trì thì đến đó.” Nghĩ rồi nói lời đánh lễ, ngay lúc đó, Phạm thiên thấy có vô lượng chư Phật ở giữa hào quang uy nghiêm chiếu sáng. Phạm vương bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con làm sao có thể đi đến cõi Phật Mật Nghiêm?

Đức Phật bảo:

–Ông nên trở lui. Vì sao? Vì cõi Phật Mật Nghiêm là cảnh giới quán hành, là chỗ an trụ của bậc đắc chánh định, các cõi Phật khác tối thắng cũng không thể sánh bằng: Chẳng phải là chỗ đến của người có hình sắc.

Phạm thiên vương nghe Phật bảo rồi, liền cùng với chư Thiên trở về Thiên cung. Bấy giờ chư Thiên cõi Tịnh cư cùng suy nghĩ:



“Phạm thiên vương có oai lực lớn mà không thể đến được, nên biết cõi ấy rất là thù thắng, đó là cảnh giới của những bậc tu pháp quán hành chứng đắc Tam-muội Như huyễn.” Họ tán thán công đức của cõi Mật nghiêm như vậy, âm thanh ấy liên tục truyền đi, khắp nơi cùng nghe. Các Bồ-tát trong hội nghe lời này rồi càng thêm vui mừng cung kính, bạch Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Chúng tôi hằng khát ngưỡng mến mộ pháp thâm sâu vi diệu, xin bậc Đại trí giảng nói cho chúng tôi.

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

–Pháp của Đức Phật thuyết không ai có thể diễn thuyết đầy đủ, chỉ trừ được sự hộ niệm của Như Lai, vì Như Lai là Bạc Giải Thoát tối thắng đối với pháp Quán hành, có cảnh giới không thể nghĩ bàn, làm thế nào đối với người không tu pháp Quán hành mà khai thị giảng thuyết được.

Lúc ấy, Bồ-tát Trì Tấn, Tu-dạ-ma và các Bồ-tát liên đồng thanh thỉnh. Bồ-tát Thần Thông Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Khẩn-na-la và vô lượng các Bồ-tát khác lại thưa:

–Lành thay! Nhân giả! Hãy mau thuyết giảng, lại có vô lượng chư Thiên trở nhạc trời giữa hư không đồng tâm khuyến thỉnh.

Khi ấy, Phạm thiên vương nhờ oai lực của Phật đến hội này hưởng về Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ:

*Hôm nay đại chúng này  
Trang nghiêm chưa từng có  
Đều là đệ tử Phật  
Thông tuệ không ai bằng  
Các Tôn giả ở đây  
Khát ngưỡng mong cầu pháp  
Con nay còn chưa biết  
Nên thưa hỏi đều gì  
Là hỏi Hữu Thắng Biên  
Thắng Đọa và Đảnh Sinh  
Cho đến vua Chuyển luân  
Có đầy đủ oai lực*

*Hỏi dòng vua Cam Giá  
 Thiên cung Trì Quốc vương  
 Pháp của hàng trời, người  
 Cõi Dục, Sắc, Vô sắc.  
 Là hỏi hạnh Bồ-tát  
 Độc giác và Thanh văn  
 Cho đến A-tu-la  
 Các Luận phái chiêm tinh  
 Bao nhiêu việc như vậy  
 Nguyện xin hãy giảng thuyết  
 Chúng con và trời, người  
 Đều nhất tâm lắng nghe.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo Đại chúng:

– Các ông có nghe Phạm thiên vương, chư Thiên cõi trời Tịnh cư và các Bồ-tát một lòng cầu pháp chăng?

Khi ấy, các Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Vô Tân Tuệ, Bồ-tát Hư Không Vương, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Thiên Quan, Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Bảo Tích Tuệ, Bồ-tát Bảo Thủ với vô lượng chư Phật và Đại chúng ở trong cõi này cùng chiêm ngưỡng Bồ-tát Kim Cang Tạng và nói kệ:

*Quá khứ và vị lai  
 Trí Như Lai thanh tịnh  
 Tôn kính, thân cận Phật  
 Tâm sáng suốt không nghi.  
 Đại chúng này thích nghe  
 Xin Bồ-tát giảng nói.*

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng Tam-muội Vương nhìn khắp đại chúng, dùng kệ đáp:

*Pháp của Như Lai thuyết  
 Tôi không thể nói đủ  
 Chỉ nhờ Phật, Bồ-tát*

Dùng oai lực hộ trì  
Tôi thành tâm đánh lễ  
Cung tỵ tại thanh tịnh  
Điện Bảo tạng ma-ni  
Phật và các Bồ-tát  
Tôi bằng tâm kính thuyết  
Trí thanh tịnh Như Lai  
Nối tiếp chủng tánh Phật  
Các ông nên lắng nghe  
Không thuyết Pháp quá khứ  
Và các pháp tối thắng  
Chỉ ở cõi Mật nghiêm  
Hiện bày chủng tánh Phật  
Trí Phật rất vi diệu  
Công đức Phật thù thắng  
Người tu hành chánh quán  
Lìa các tâm vọng chấp  
Nên chẳng phải sức tôi  
Giảng pháp thâm sâu này  
Nhờ oai đức của Phật  
Từ Phật nên được nghe  
Trí này rất vi diệu  
Là hoa các Tam-muội  
Phật ở cõi Mật nghiêm  
Nhập thiền định hiển bày  
Xa lìa các ngôn thuyết  
Và tất cả kiến chấp  
Hoặc có hoặc không có  
Bốn thứ chấp như vậy  
Chân lý của Trung đạo  
Là thanh tịnh tối thượng  
Người tu định Mật nghiêm  
Hay quán sát như vậy

*Lìa bỏ chấp chuyển y*

*Chóng vào cõi Như Lai.*

Khi ấy, chúng Bồ-tát trong hội nghe Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói lời này rồi, cúi đầu cung kính thưa:

–Chúng tôi đối với pháp thâm sâu sinh tâm mến mộ, như khát nhớ nước, như ong nhớ mật. Chư Phật và các Bồ-tát trong hội này đối với trí thiền định thâm sâu đều được tự tại, có oai lực thù thắng là vua các cõi mong được nghe pháp của Như Lai thuyết giảng, nguyện xin Tôn giả dùng tiếng Phạm âm, tiếng trời Đế Thích và âm thanh vi diệu của Như Lai đã được nghe, diễn thuyết lại nghĩa thù thắng rõ ràng.

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

–Như Lai thuyết giảng pháp ngữ, nghĩa chân thật, hy hữu khó thấy ví như trong không, chẳng có cây và các vật, để thấy được hình ảnh thì rất khó, pháp Như Lai thuyết giảng cũng như vậy. Như gió và dấu chim ở giữa hư không, không thể thấy được, Đức Phật thuyết giảng vô số nghĩa lý khó có thể thấy được cũng như vậy. Pháp của thế gian người có trí tuệ mới có thể dùng ví dụ phân biệt giảng nói rõ ràng. Lời của Phật nói ra hơn các ví dụ, chẳng phải dùng ngôn ngữ sánh bằng. Sự thấy biết của tôi giống như cảnh mộng thành Càn-thát-bà. Nay trong hội này những bậc tu pháp Quán hành có trí tuệ lớn đối với nghĩa chân thật đã được hiểu rõ. Nay tôi làm sao có thể giảng nói về cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật. Tuy nhiên tôi nhờ nương nhờ oai lực của chư Phật và đại chúng mà tuyên thuyết. Các Bồ-tát hãy nên lắng nghe, pháp Như Lai thuyết giảng văn nghĩa tương ứng, vượt quá tâm ý, chẳng có ví dụ nào sánh kịp. Ví như hoa thơm loài ong tranh nhau hút mật, con nào đến trước hút được phần tinh túy của hoa, con nào đến sau chỉ được hương vị dư thừa. Như Lai chứng đắc pháp Cốt lõi, còn tôi vì đại chúng chỉ giảng nói phần còn lại của pháp ấy.

Vị ấy liền nói kệ:

*Cảnh giới của Như Lai*

*Bậc trí mới hiểu rõ*

Ngoài năng, sở tâm, khẩu  
Vượt lời nói phân biệt  
Muốn nhiếp phục tất cả  
Tâm kiêu mạn thế gian.  
Cùng hình tướng con người  
Tướng Phật thì trang nghiêm  
Hào quang luân ở chân  
Các tướng đều thành tựu  
Đạo khắp các cung điện  
Trời, người đều chiêm ngưỡng  
Như Lai trong bốn thời  
Thường ở cõi Mật nghiêm  
Ở nơi các thế gian  
Thị hiện và Niết-bàn  
Lúc điều thiện giảm dưng  
Ác sinh cùng trược loạn  
Tùy các loại chúng sinh  
Ứng hợp làm lợi ích  
Tạo nghiệp không tạm dừng  
Mật nghiêm thường bất động  
Mật nghiêm không cấu ố  
Người quán hành nương ở  
Lúc sinh ác trược loạn  
Hiển bày tánh Như Lai  
Ví như vầng trăng sáng  
Bóng hiện khắp trong nước  
Như vậy các hình sắc  
Thị hiện khắp thế gian  
Cảnh trí tịnh Như Lai  
Người trí quán thấy được  
Vì các loại chúng sinh  
Sự ưa thích khác nhau  
Phật dùng vô số thân

Tùy nghi mà giáo hóa  
 Hoặc thấy Đại tự tại  
 Hoặc thấy Na-la-diên  
 Hoặc thấy Ca-tỳ-la  
 Ở hư không thuyết pháp  
 Hoặc thấy bậc Trí tuệ  
 Hoặc lại thấy thường hành  
 Hoặc thấy Bà-đát-na  
 Cưu-ma và Thi-khí  
 Hàng A-tu-la vương  
 Cho đến Khẩn-na-la  
 Dòng vua Nguyệt-cam-giá  
 Tất cả đều chiêm ngưỡng  
 Các thứ báu Kim cang  
 Cho đến loại chì, thiết  
 Đều nhờ oai lực Phật  
 Ứng hợp mà sinh ra  
 Thiên nữ và Long nữ  
 Cùng Càn-thát-bà nữ  
 Tìm đến nơi bào thai  
 Tâm không bị mê hoặc  
 Trong các cảnh cõi Dục  
 Như Lai đã hàng phục  
 Sắc, Vô sắc cũng vậy  
 Không thể làm mê động  
 Người hành định Vô tướng  
 Chưa lìa sự mê chấp  
 Chẳng an lạc, thanh tịnh  
 Bị đọa lạc, lưu chuyển  
 Người có chỗ sinh thân  
 Không ở nước Mật nghiêm  
 Cõi Mật nghiêm vi diệu  
 Thanh tịnh phước trang nghiêm

Người giải thoát tri kiến  
Được ở chỗ tối thắng  
Mười thứ Đại tự tại  
Thần thông, pháp Tam-muội  
Được ý sinh diệu thân  
Trang nghiêm giống như Phật  
Tu hành đủ mười Địa  
Bố thí ba-la-mật  
Được các tướng trang nghiêm  
Thân ấy rất thanh tịnh  
Xa lìa sự phân biệt  
Thì giác ngộ hoàn toàn  
Không có ngã, ý, căn  
Tuệ căn thường an vui  
Các công đức bố thí  
Nghịệp thanh tịnh viên mãn  
Được chỗ Phật thù thắng  
Cõi thanh tịnh Mật nghiêm  
Cõi này rất vi diệu  
Không do mặt trời sáng  
Nhờ hào quang chiếu sáng  
Của Phật và Bồ-tát  
Ánh sáng ấy rực rỡ  
Hơn cả ngàn mặt trời  
Không thời gian đêm, ngày  
Cũng không già, bệnh, chết  
Cõi Mật nghiêm thù thắng  
Chư Thiên đều kính ngưỡng  
Bậc tu hành tối thượng  
Lần lượt mà tấn tu  
Biết rõ tất cả pháp  
Đều do nơi tâm tánh  
Khéo thuyết A-lại-da

*Ba tánh, pháp vô ngã  
Chuyển thân ấy thanh tịnh  
Được sinh đến cõi này.*

\*\*  
\*

### Phẩm 3: THAI SINH

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo Phạm thiên vương:

–Thiên chủ nên biết! Thân của chúng sinh gồm chín vật làm tánh, các tướng hữu vi thường biến đổi, các đại chủng sắc chứa nhóm vi trần, do các thứ bất tịnh, tinh trùng, huyết mủ hợp thành, tạo vô lượng nghiệp thường bị trói buộc ngăn che. Ví như cây độc, cành nhánh liền nhau um tùm, tham, sân, si cùng tăng trưởng, trải qua chín tháng hoặc mười tháng, theo nghiệp lực sinh ra sự vận động, từ sản môn, đảo ngược đầu lại mà ra, nhọc nhằn, sợ hãi, bức bách, chịu vô lượng khổ. Nay Thiên chủ! Các chúng sinh này hoặc từ trong loài người, hoặc từ các loài súc sinh, ngựa quỳ, la-sát, A-tu-la mà sinh, hoặc từng làm vua Chuyển luân, cho đến ở trong chư Thiên có oai lực tự tại. Hoặc là hàng ngoại đạo, Tiên nhân trì chú cùng các quyến thuộc, hoặc người tu thiền bị lạc mất thiền định, từ những nơi như vậy mà sinh, khi sinh rồi các căn lớn mạnh, theo chỗ thân cận tích tập nhân duyên mà tạo các nghiệp. Do nghiệp ấy nên bị luân hồi trong các cõi. Nếu người có trí gặp Thiện tri thức, nghe pháp tư duy sẽ được giải thoát giác ngộ, không chấp văn tự, lìa các phân biệt, nhập vào ba cửa giải thoát, thấy chân lý, pháp tối thượng thanh tịnh, đạt được sự thanh tịnh tột cùng đến cõi Phật Mật Nghiêm, ở trong vô lượng ức các cõi Phật tùy thuận ứng hiện.

Nay Thiên chủ! Người ấy được giải thoát hẳn các đường ác sinh tử, gọi là bậc Trưởng phu, người trí, Thiên trung thiên được chư Thiên thường thân cận vây quanh.

Thiên chủ! Thân của thai tạng hư dối không thật, cũng chẳng phải tự tánh sinh, cũng chẳng phải do vô minh, ái nghiệp sinh. Vì sao? Vì vô minh, ái nghiệp do tướng mà có, nếu hiểu rõ thì diệt hết



không còn, cũng không tên gọi và phân biệt, người ấy được sinh về cõi Mật nghiêm. Nay Thiên chủ! Nếu những người tu định trú ở Tam-muội, tâm còn phan duyên thì bị sắc, tướng âm thanh mê hoặc dẫn dắt sinh ra chấp thủ, không thể giữ vững, đây gọi là Thiên định bị loạn động. Lực Tam-muội này sinh vào các cõi Dục, Sắc, Vô sắc cho đến Vô tướng và cõi chúng sinh, người ấy bị vương mắc nơi Tam-muội, nếu ở trong Tam-muội khéo điều phục tâm, xa lìa chấp thủ đối đãi, lìa hai thứ chấp này rồi thì tâm không sinh, ấy gọi là người thực hành pháp quán chân thật, nếu muốn sinh vào cõi Phật Mật Nghiêm thường phải trụ vào Tam-muội chân thật này.

\*\*  
\*

#### Phẩm 4: HIỂN THỊ TỰ TÁC

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng lại bảo Phạm thiên vương:

–Nay Thiên chủ! Tâm có tám hoặc chín loại cùng vô minh sinh khởi làm nhân cho thế gian. Thế gian đều do tâm và tâm pháp biến hiện. Tâm, tâm pháp này và các căn, sinh diệt lưu chuyển, bị vô minh làm biến đổi, nhưng tâm căn bản kiên cố không động. Nay Thiên chủ! Nhân duyên thế gian có mười hai phần, hoặc có căn, hoặc cảnh, sinh, sự sinh chỉ trong sát-na hoại diệt. Từ cõi Phạm thiên, thế gian cho đến Phi tưởng, Phi phi tưởng đều do nhân duyên sinh khởi, chỉ có Như Lai mới xa lìa các nhân duyên. Nay Thiên chủ! Pháp thế gian trong ngoài, động và bất động đều như tánh hoại diệt của cái bình. Nay Thiên chủ! Các thức vi thể biến chuyển nhanh chóng là cảnh giới của Phật còn thế gian, Tiên, nhân, ngoại đạo không thể thấy biết. Các Tiên nhân, ngoại đạo bị ái ràng buộc không thể biết tướng sai biệt của tâm.

Nay Thiên chủ! Giả sử có người thường làm những việc ca múa, tán thán, tế tự pháp Tỳ-đà cúng tế trời, trải qua một tháng hoặc bốn tháng, một năm cho đến một ngàn năm, được sinh về cõi Phạm thiên rồi cuối cùng cũng bị trở lại cõi dưới. Nay Thiên chủ! Ông biết chăng? Thực hành ba pháp Tỳ-đà được kết quả giống như tánh chất

của cây chuối không chắc thật. Nay Thiên chủ! Sự giải thoát của chư Như Lai ở cõi Phật Mật Nghiêm từ trí định mà được, nếu người nào muốn giải thoát thì cần phải tu hành đầy đủ.

Thiên chủ! Người trong cõi Mật nghiêm không có nạn quyền thuộc, sinh tử, tâm của họ không bị các tập khí làm ô nhiễm, như hoa sen vươn lên khỏi mặt nước, như hư không, không có bụi trần như mặt trời lên cao xua tan hết mây mù, được tất cả chư Phật hộ trì, tắm trong dòng giới thanh tịnh, uống nước trí tuệ, vượt qua bờ sinh tử, được giải thoát chân thật.

Này Thiên chủ! Thân của chúng sinh ở trong các giới, năm uẩn, thức và các pháp đều không thật có. Mắt duyên sắc sinh ra thức, ví như do củi mà có lửa cháy. Tất cả cảnh giới theo vọng thức mà chuyển, như sắt bị hút theo đá nam châm, như sóng nắng, thành Càn-thát-bà, những con nai ngu muội chạy theo vào cảnh huyễn. Trong cõi này không có chủ thể tạo ra các vật, chỉ do tâm biến đổi của phàm phu. Nay Thiên chủ! Như thấy những người qua lại nhanh chóng trong thành Càn-thát-bà, nhưng không có thật, thân của chúng sinh lui tới cũng như vậy. Như thấy trong mộng, tỉnh dậy chẳng có. Người thế gian thấy có các uẩn, pháp. Người giác ngộ tâm sáng suốt thì biết các pháp ấy xưa nay vốn tịch tĩnh.

Này Thiên chủ! Các thế giới do vi trần hòa hợp mà thành. Nếu lìa tâm thì không thật có, các vật thế gian có thể tồn tại đều do tứ đại hợp thành. Ví như bệnh phong đàm, vì mê man nên thấy các vật rối loạn. Lại như làm cho thầy chết đứng dậy không có người nào tạo ra cả, các pháp thế gian cũng vậy. Các ông nên siêng năng quán sát.

Này Thiên chủ! Tất cả vật thế gian thường chuyển động như bọt nước tụ lại thành hình, như chiếc bình... tưởng giống như sóng nắng, các thọ khổ, vui giống như bong bóng nước, hành như cây chuối bên trong không có lõi, thức như việc huyễn thuật, giả dối không thật.

Này Thiên chủ! Pháp động và bất động trong ba cõi đồng với cảnh mộng lúc tâm mê thì hiện, cũng như việc huyễn thuật, thành

Càn-thát-bà, chỉ làm mê hoặc phàm phu. Nếu các ông đối với pháp này tâm không sợ hãi, thấy biết chân chánh, dùng lửa trí tuệ thiêu đốt tất cả các nhân duyên hoạn nạn thì liền sinh vào cõi Mật nghiêm vi diệu an lạc.

Này Thiên chủ! Tất cả thế gian đều không có tướng, chấp có tướng là bị ràng buộc, không tướng là được giải thoát. Tướng là cảnh của tâm, cảnh của tâm thì không thật, cảnh giới trí tuệ là pháp chân thật, xa lìa các tướng, ngoài hoạt động của tâm. Tất cả các tướng là pháp của tam giới, sắc, thanh... pháp đều gọi là tướng, các căn, cảnh, giới là nhân trói buộc tất cả chúng sinh. Nếu đối với các tướng không tham chấp thì dứt trừ các phiền não được an lạc giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Bảo Kế ngồi trên tòa báu ở giữa đại chúng, hướng về Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng thưa:

–Tôn giả là bậc đứng đầu trong chúng Bồ-tát ở các ức cõi Phật, thành tựu trí tuệ tối thượng hiểu rõ các pháp, đều đã thấy rõ vô lượng Tát-đàn, đối với các pháp quán hành có thể dứt hết những điều nghi ngờ cho họ, khéo biết nguồn gốc sinh khởi của thân chúng sinh, có thể ở trong một kiếp hay hơn một kiếp dùng âm thanh vi diệu diễn nói các pháp mà không mỏi mệt. Vì sao ông không vì các nhân giả giảng nói các nhân xa lìa những sự giống như thuận nghịch mà chẳng phải thuận nghịch, thuyết pháp chân thật khiến cho các bậc Trí tuệ tâm được thanh tịnh không còn nghi ngờ, xa lìa các nhân duyên, uẩn, chóng được giải thoát. Pháp cùng phi pháp là nhân duyên sinh ra thân này và thân sau, bậc Trí có thể thoát khỏi khổ của ái ràng buộc.

Thưa Tôn giả! Tâm của chúng sinh nhân nơi sắc và ánh sáng mà tác ý duyên theo các cảnh, tâm ấy rất nhanh khó nhận biết được, vì vô minh ái nghiệp làm tán loạn nhiễm ô.

Thưa Tôn giả! Vô số các pháp trong thân chúng sinh ý là dẫn đầu, là nhanh nhất, là thù thắng, ý cùng tương ứng với pháp hiện đang có, pháp ấy đều lấy ý làm tánh như ngọc ma-ni hiện rõ ánh sáng rực rỡ. Vì sao nhân giả không thuyết nghĩa như vậy?

Lại như màu sắc của ngọc ma-ni tùy theo mỗi chỗ mà hiện rõ. Nhân giả cũng như vậy, có đủ hình tướng Như Lai ở trong cung trời Tự tại có chư Thiên vây quanh cũng nên tùy theo đó mà thuyết pháp như vậy.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo:

–Cõi Phật Mật Nghiêm là tối thắng, tịch tĩnh là trí tuệ và thần thông, là chỗ an trụ của các bậc tu pháp quán hành, xưa nay thường trụ không hoại diệt. Nước không thể thấm ướt, gió không thể làm khô, cũng chẳng phải như cái bình do cố công để làm thành lại bị phá hoại, chẳng phải giống các nhân và không sự thành lập do giống các nhân. Vì sao? Vì tông và các phần khác là pháp bất định, các tông và nhân, đều sai khác. Cõi Phật Mật Nghiêm là thức chuyển y vượt khỏi tâm phân biệt, chẳng phải cảnh hoạt động của các vọng tình. Cõi Phật Mật Nghiêm là chỗ của Như Lai chẳng phải do vi trần sinh không có đầu mối, kết thúc, chẳng phải tự tánh sinh, chẳng phải dục lạc sinh, không từ cõi trời Ma-hê-thủ-la sinh, cũng chẳng phải do vô minh, ái nghiệp sinh, mà là chỗ sinh khởi của trí Vô công dụng, vượt qua khỏi lưới tối tăm của trời, Dục, Sắc, Vô sắc, Vô tướng. Cõi Phật Mật Nghiêm A-nhã Tát-đàn, chẳng phải nhân nơi cảnh giới hiện lượng của bậc Trí tuệ, cũng chẳng phải tánh thù thắng tự tại, chỗ hiếm bày của các tông phái Thanh luận, Tỳ-đà cho đến năng lực trí tuệ của tứ lương vì cũng không thể soi tỏ, chỉ là cảnh trí tu hành thanh tịnh của mười phương Như Lai.

Này các Nhân giả! Tất cả phàm phu mê muội ở thế gian vì nghiệp hay chẳng phải vì nghiệp. Nay ta sẽ giảng nói về nghĩa của nghiệp hay chẳng phải nghiệp khiến cho những người tu thiền định được an lạc. Vị ấy nói kệ:

*Tất cả vật trong ngoài  
Thấy được do tự tâm  
Tâm chúng sinh hai tánh  
Chấp và chấp đối tượng  
Tâm thể có hai pháp  
Tức tâm thấy các vật*

Tánh phàm phu mê hoặc  
Tự mình không thể rõ  
Các cảnh giới được thấy  
Đều là tự mình tạo  
Tướng những bình đáng có  
Tìm không có thể tánh  
Các vị tiên trí kém  
Không thể biết rõ ràng  
Xa lìa lý chân thật  
Theo con đường phân biệt  
Tâm này có hai tánh  
Như các hình trong gương  
Như trăng hiện trong nước  
Người nhậm thấy vòng lửa  
Vòng lửa, chuỗi anh lạc  
Đều là không thật có  
Nhưng do bệnh nhậm mắt  
Lại thấy có hiện rõ  
Bình, vỏ đều do thức  
Chúng sinh cũng như vậy  
Người hư vọng phân biệt  
Không biết luôn chấp thủ  
Nhưng chúng sinh và bình  
Vô số các hình tướng  
Trong ngoài không giống nhau  
Tất cả từ tâm sinh  
Định Mật nghiêm vi diệu  
Ngoài các pháp hiện hữu  
Nếu có thể tu hành  
Ở đó sinh các phước  
Được giải thoát cõi Dục  
Và cõi trời Sắc giới  
Cho đến trời Vô tướng

Cùng trời Sắc cánh cung  
Cõi Không, thức vô biên  
Phi tưởng, Phi phi tưởng  
Trong các cõi như vậy  
Lần lượt trừ tham dục  
Ở đó chẳng rốt ráo  
Tìm đến cõi Mật nghiêm  
Các Bồ-tát vây quanh  
Giải thoát và tự tại  
Ông nên tu định này  
Sao còn chấp quyền thuộc  
Tướng thân thuộc trói buộc  
Nhân sinh tử luân hồi  
Tướng nam nữ tham ái  
Tinh huyết cùng hòa hợp  
Như trùng ở bùn nhơ  
Ở trong đó cũng vậy  
Chính tháng hoặc mười tháng  
Các căn dần thành tựu  
Lúc ra khỏi thai mẹ  
Như con trùng cựa quậy  
Từ đây mà lớn lên  
Đến khi tâm hiểu biết  
Ta thấy các chúng sinh  
Sinh ra cũng như vậy  
Cha mẹ có vô số  
Vợ con cũng như vậy  
Có mặt khắp mọi nơi  
Trong tất cả thế gian  
Ví như đàn bà đá  
Vừa mộng thấy sinh con  
Được bỗng con vui thích  
Tìm lại thấy mất con

Thương khóc không ngừng lại  
Bỗng nhiên tỉnh thức dậy  
Không thấy có con mình.  
Lúc sinh và lúc chết  
Lại mộng thấy núi, sông  
Đồng trống, thôn, xóm làng  
Mọi người đều đông đủ  
Cùng nhau làm các việc  
Người này giúp người kia  
Như thế giới có thật  
Và từ lúc tỉnh dậy  
Tất cả đều chẳng có  
Có người nhiều tham dục  
Năm mộng thấy nữ sắc  
Hình dáng rất đẹp đẽ  
Trang sức đồ quý báu  
Ở trong mộng rất vui  
Tỉnh giấc thì không thấy  
Tất cả pháp thế gian  
Nên biết đều như vậy  
Ngôi vua và dân chúng  
Cha mẹ cùng thân quyến  
Thế tánh đều không thật  
Do phàm phu điên đảo.  
Ông đối với định này  
Sao không siêng tu tập  
Vô lượng hàng Thanh văn  
Độc giác và Bồ-tát  
Ở nơi chốn vắng lặng  
Núi rừng thường tịch tĩnh  
Hoặc ở trong biển sữa  
Cùng với Ma-la-diêm  
Tu-di cùng Tân-đà

Ma-hê, Nhân-đà-la  
 Kê-la-bà-lợi Sư  
 Cho đến ở núi Tuyết  
 Hoặc nơi cây Kiếp-ba  
 Ba-lợi Da-đa-la  
 Dưới cây Câu-tỳ-la  
 Hoặc trên cây Bà-la  
 Ăn vị quả Xà-phù  
 Và thức ăn bất tử  
 Đầy đủ các thân thông  
 Thường tu pháp quán này  
 Đời quá khứ, vị lai  
 Thường ngồi trên hoa sen  
 Kiết già thân bất động  
 Chánh định luôn quán sát  
 Khéo điều phục các căn  
 Không tán loạn theo cảnh  
 Như voi bị giam giữ  
 Lìa dục được Tam-muội  
 Nếu ra khỏi thế gian  
 Trong tất cả các định  
 Định Phật tịnh không cấu  
 Tham, ái đều trừ bỏ  
 Trụ trong định Vô sắc  
 Và các thiền Vô tưởng  
 Thấy trời, trăng, hoa sen  
 Tướng nước, lửa, hư không  
 Nếu lìa các phân biệt  
 Tâm không còn dao động  
 Lìa ở trong Tam-muội  
 Thấy vô lượng chư Phật  
 Một lúc đưa cánh tay  
 Lấy nước rưới trên đầu



Vào cõi Phật như vậy  
Tất cả đều sáng suốt  
Đầy đủ các sắc thân  
Tùy nghi mà ứng hiện  
Những thân thông tự tại  
Tam-muội Đà-la-ni  
Các công đức như vậy  
Tất cả đều thành tựu  
Phân tích về các sắc  
Cho đến quán vi trần  
Tự tánh không có thật  
Ví như sừng thỏ, hổ  
Đều hoàn toàn không có  
Các uẩn cũng như thế.  
Giống như tạo việc huyễn  
Tất cả đều như vậy  
Ở đây không nghiệp quả  
Cũng không người tạo nghiệp  
Thế gian không chủ thể  
Dù có chẳng thể tạo  
Chủ thể và đối tượng  
Sao gọi là chủ thể?  
Lời nói này thành sai  
Người nói chẳng thanh tịnh  
Vì sao lại bảo có  
Thủy luân cùng Địa luân  
Và chúng sinh, thế gian  
Lần lượt mà bày ra  
Các nẻo đều khác nhau  
Qua lại lẫn đó đây  
Ai tạo ra các căn  
Vọng tình chấp lấy cảnh  
Cảnh này đều phân biệt

Liên tiếp mà biến đổi  
 Giống như sữa, lạc, tô  
 Trụ sinh diệt như vậy  
 Hoặc nghiệp, chẳng phải nghiệp  
 Đây do vọng chấp sinh  
 Người định thường xem đây  
 Như mộng, thành Thát-bà  
 Chúng sinh xưa đến nay  
 Bị huân tập hý luận  
 Sinh khởi các phân biệt  
 Vô số các lỗi lầm  
 Các căn giống như huyễn  
 Cảnh giới đồng như mộng  
 Chủ thể và nghiệp tạo  
 Người định không phân biệt  
 Vọng sinh các ác kiến  
 Chấp có các chủ thể  
 Tạo tất cả thế gian  
 Hoặc ngọc báu ma-ni  
 Và các mỏ vàng bạc  
 Cầm thú sắc khác nhau  
 Đầu mũi gai bén nhọn  
 Những thứ này ai làm  
 Nên biết không người tạo  
 Vượt ngoài tánh thế gian  
 Các duyên tạo vi trần  
 Chẳng phải không có nhân  
 Tự nhiên mà có được  
 Người tâm mê chấp ngã  
 Không biết thể tánh này  
 Là nghiệp chẳng phải nghiệp  
 Như vậy mà phân biệt  
 Như độc ở trong sữa

Cùng tương ứng biến đổi  
Các pháp cũng như vậy  
Thường sinh khởi phân biệt  
Pháp tánh chẳng phải sinh  
Cũng chẳng phải hoại diệt  
Người mê không hiểu rõ  
Phân biệt đủ các thứ  
Người định nên quán sát  
Thế gian chỉ tích tụ  
Hoặc nghiệp chẳng phải nghiệp  
Ở đây chớ tư duy  
Các cõi cùng qua lại  
Như mặt trời, mặt trăng  
Không nương dựa hư không  
Theo gió mà vận chuyển  
Tánh nghiệp rất sâu kín  
Mật nghiêm có thể thấy  
Người tu tập quán hành  
Không bị nghiệp ràng buộc  
Ví như lửa đốt cây  
Chốc lát thành tro tàn  
Lửa trí đốt củi nghiệp  
Nên biết cũng như vậy  
Như đèn sáng phá tối  
Một niệm đều dứt hết  
Các nghiệp chướng tối tăm  
Nhiều kiếp đã huân tập  
Đèn trí tuệ Phật chiếu  
Sát-na đều trừ diệt.

\*\*  
\*

### Phẩm 5: PHÂN BIỆT QUÁN HÀNH

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại bảo đại chúng:

–Này các Nhân giả! Ví như có người ở chỗ đất trống, lấy bùn, ngói, cỏ, cây tập hợp lại làm thành cái nhà, làm xong lại quán sát kỹ mọi vật thì không phải là nhà, lại như nhiều ngón hợp lại thành nắm tay, rời ngón tay mà tìm nắm tay thì không thật có. Quân lính, xe cộ, thành ấp, núi rừng, bình, vò, tất cả đều do hòa hợp mà thành. Người trí quán sát tất cả đều như những việc trong mộng, thân phàm phu, ngôi nhà cũng như vậy. Các cõi tích tụ, ví như núi cao nguy hiểm, tạm bợ không an ổn, như nhà mục nát, không sinh, không diệt, chẳng này chẳng kia, như thành Càn-thát-bà, như ảnh, như mây, như sóng nắng, như tượng vẽ tuy có thể hiện tại thấy tánh thường thanh tịnh, xa lìa tất cả sự phân biệt có, không. Như người mù què chân giả có tướng đi, nhưng không có tánh chắc thật, dù cho phân tích đến như hạt bụi nhưng chỉ là tên gọi, không có thật các vật. Nếu những người tu tập thiền định tư duy như vậy thì đối với sắc, thanh pháp không sinh giác niệm, ai diệt được giác niệm thì tâm được dừng nghỉ, tự tại giải thoát không thọ các nghiệp, thường tu tập thiền định rất thâm sâu, các Tiên nhân, Thiên nữ xinh đẹp đến cúng dường xem như việc nằm mộng không sinh khởi sự tham đắm. Thân tuy ở đây mà các Tiên nhân, ngoại đạo trì trú cho đến Phạm thiên cũng không thể thấy được đỉnh đầu. Người ấy không lâu được sinh trong cung điện Bảo Tạng ma-ni, đạt được thần thông, đầy đủ các công đức, pháp quán hành này là cảnh giới thực hành của người có tâm rộng lớn. Các ông nên nhanh chóng phát tâm Bồ-đề. Người có tâm rộng lớn mau được sinh vào cung điện hào quang sáng chói, xa lìa các tham dục, sân giận, ngu si, sẽ được đến cõi Mật nghiêm. Cõi này rộng lớn vi diệu tịch tĩnh, không có các hoạn nạn già, bệnh, chết, xa lìa các tướng, chẳng phải là chỗ hành của thức. Người vọng chấp thì không thể đạt được.

Này các Nhân giả! Cõi này thanh tịnh, là chỗ quán hành, người nào mong đạt được phải siêng tu tập, đoạn trừ tham, sân, si, xa lìa ngã và ngã sở. Vì sao? Vì tham, sân, si và phiền não chấp các cảnh

giới, nếu chấp thủ đối với cảnh giới thì sinh nhị giác. Như có người nữ xinh đẹp khả ái, người có nhiều lòng dục nhìn thấy sinh tâm tham muốn, mê loạn. Lúc đi, ngồi, ăn uống, ngủ nghỉ người ấy luôn tưởng nhớ đến cô ấy, không nghĩ việc khác. Hình dáng của người nữ kia thường hiện trong tâm, tâm người này bị cảnh làm nhiễm ô tán loạn, vì thế đối với cảnh giới không nên tham đắm. Nay các Nhân giả! Ví như có người thấy có loài bò, nai, dê có sừng, liền biết hổ và thỏ là không có sừng. Giả sử không thấy bò, nai, dê... có sừng thì đối với thỏ và hổ nhất định không sinh sự thấy là không có sừng. Người thế gian vọng thấy cũng như vậy. Người chấp có thì sinh phân biệt có, về sau tìm thể tánh của nó không có, nên cho rằng các pháp nhất định là không, cho đến nếu người chưa xa lìa tâm phân biệt, thường sinh sự hiểu biết không bình đẳng cũng như vậy.

Này các Nhân giả! Nên dùng trí tuệ quán sát tất cả cảnh giới hoạt động của tâm đều như người vọng chấp thấy bò và thỏ. Nếu các ông quán sát như vậy thì được tùy theo ý của mình hoặc sinh trong loài người được làm vua Chuyển luân có oai lực lớn vượt hư không mà đến đây, hoặc sinh vào cung điện trên mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao, cõi Tứ Thiên vương, Tam thập tam thiên, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, cho đến trời Tự tại làm chủ kho tàng cung điện báu. Hoặc sinh trong các cõi trời cõi Sắc làm thân Phạm thiên, ở cõi Phạm thiên tu mười pháp định. Trong các cõi trời Vô phiến, Vô nhiệt, Thiện kiến. Nay Thiện Hiện! Sắc cứu cánh, Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tướng phi phi tướng, dần dần trừ hết tham dục, từ đó mà được sinh về cõi Phật thanh tịnh, thường ở trong định vi diệu giải thoát chân thật.

Lúc ấy, Bồ-tát Kim Cang Tạng liền nói kệ:

*Do như bình vỡ  
Mà thành gạch vụn  
Sát na khác biệt  
Liên tục vô thường.  
Do giống sinh mầm  
Mầm sinh giống hoại  
Như người thợ gốm*

Dùng đất làm bình.  
Đất là pháp chỉ  
Màu bình như đất  
Nếu dùng thêm loại  
Đất sắc khác làm.  
Lửa nung chín rồi  
Sinh nhiều màu sắc  
Tiễn trúc sinh hành  
Sùng sinh từ tởi.  
Ở chỗ nhơ bản  
Ruồi sinh từ trùng  
Pháp trong thế gian  
Có quả giống nhân.  
Hoặc có các vật  
Chẳng giống với nhân  
Do nhân biến hoại  
Mà có quả sinh  
Vô số các nhân  
Thể không biến hoại  
Chẳng nên vọng chấp  
Phân biệt như vậy  
Không ngã chủ thể  
Thắng ngã trong ngã  
Chẳng có ý ngã  
Cảnh giới các căn  
Hòa hợp làm nhân  
Sinh từ nơi thức  
Bậc trí phương tiện  
Khéo biết các cảnh  
Phá trừ phiền não  
Tất cả các ma  
Thế gian tham ái  
Như lạt được mật

*Nếu trừ tham ái  
 Giải thoát trói buộc.  
 Như loài rắn độc  
 Độc sâu cũng vậy  
 Trong nẻo sinh tử  
 Bị nhiều khổ não  
 Các vị nếu muốn  
 Dứt trừ khổ não  
 Hãy nên chuyên tâm  
 Tu tập quán hành.*

\*\*  
\*

### Phẩm 6: KIẾN LẬP A-LẠI-DA

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo đại chúng:

–Các Nhân giả! Ta nhớ thuở xưa nhờ oai lực của Phật mà được định vi diệu, bỗng nhiên thấy rõ những người thế gian tu tập thiền định và chư Phật Bồ-tát cùng ở trong các cõi nước khắp mười phương. Trong đó cõi Phật Mật Nghiêm là an lạc nhất. Chư Phật Bồ-tát số như vi trần ở Liên hoa tạng. Lúc ấy ta nhất tâm chiêm ngưỡng, từ trong định tự thấy thân mình cùng các Bồ-tát ở trong cõi Mật nghiêm, lại thấy tạng giải thoát bằng như đốt ngón tay ở trong cung, sắc tướng sáng như hoa A-đát-tư, cũng như trắng sáng giữa hư không. Vừa thấy ta liền nghĩ: Đây là gì mà có việc không thể nghĩ bàn như vậy? Lúc đang nghĩ, ta liền thấy thân ta ở trong thân đó, ở trong đó thấy khắp thế gian. Bấy giờ, vô lượng Bồ-tát ở trong Liên hoa tạng cũng đều thấy và nghĩ: “Đây là việc không thể nghĩ bàn. Khi Đức Phật thể hiện những việc ấy rồi, liền thâm thân lực, các Bồ-tát đều trở lại như cũ. Ta thấy việc hy hữu này rồi, biết vô số Bồ-tát thị hiện, cảnh giới của Phật đây không thể nghĩ bàn.” Các Nhân giả! Như Lai xưa, lúc còn làm Bồ-tát, từ địa Hoan hỷ thứ nhất đến địa Pháp vân, được pháp Tổng trì câu nghĩa vô tận và các Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, ý sinh thân, tám thứ giải thoát, ứng hiện Thần thông giáo hóa gọi là Quang

minh, tất cả công đức như vậy đã thành tựu, được thanh tịnh, mau thành Chánh giác, trụ cõi Mật nghiêm, tùy nghi giáo hóa. Vô số hình tượng Phật và Bồ-tát tự nhiên hiện khắp tất cả thế gian chuyển diệu pháp luân, khiến các chúng sinh diệt trừ ngu si, tu hành thiện pháp. Hoặc có Bồ-tát thấy thân tướng Phật Thi-lợi-bà-tha đủ tướng trang nghiêm, tự nhiên chiếu sáng, như ánh lửa lớn cùng các Bồ-tát trụ trong cung hoa sen thanh tịnh, thường ở trong định vi diệu an lạc. Hoặc thấy Đại thọ Khẩn-na-la vương, hiện trăm ngàn ức các thứ biến hóa như ánh trăng sáng chiếu khắp các cõi nước, hoặc thấy vô lượng chư Thiên trí tuệ thiện xảo, các tướng trang nghiêm, đầu đội mão báu, thân đeo chuỗi ngọc ở các cõi trời Đâu-suất... Hoặc thấy Phổ Hiền có oai lực lớn, được Nhất thiết trí biện tài vô ngại, ánh sáng nơi thân không có ai bằng, ở nơi cung điện như trăng tròn sáng, tuy ở trong biển chánh định Mật nghiêm mà hiện các hình tượng biến khắp tất cả, được các Hiền thánh cùng khen ngợi, tán thán. Vô lượng Trời, Tiên, Càn-thát-bà, Quốc vương, Thái tử cùng quyến thuộc vây quanh hầu hạ. Hoặc thấy có vị tu pháp quán hành, các chúng chư Thiên vây quanh, trụ thiền vắng lặng giống như đang nằm ngủ mà xa lìa sự hôn trầm biếng nhác, đã từng hầu hạ vô lượng chư Phật. Hoặc thấy bậc Đại Đạo sư thị hiện dẫn sinh, xuất gia, khổ hạnh, tu tập chánh định cho đến nhập Niết-bàn, hiện các thần thông đi, đứng, nằm, ngồi giữa cõi hư không khiến cho chư Thiên và loài người từ cõi Diêm-phù-đề cho đến trời Sắc cứu cánh đều được chiêm ngưỡng.

Các Nhân giả! Thế tánh chư Phật chỉ có Phật mới biết, trí tuệ của Phật tối thượng không ai bằng. Như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã được làm Bạc Sư Tử trong loài người, các ông cũng sẽ được như vậy. Vì thế các ông nên sinh lòng tin thanh tịnh, tin vào tánh Phật thì được giải thoát. Người ấy, hoặc sẽ được làm Chuyển luân thánh vương và các Tiểu vương cho đến sinh ở trong cung Phạm thiên được làm Thiên chủ. Các chư Thiên này chuyên cần tinh tấn ở nơi cõi Phật Liên hoa tạng thanh tịnh cùng các Bồ-tát từ hoa sen hóa sinh, nhập vào đạo Nhất thừa xa lìa tập khí tham, sân, thu phục các thiên ma ở cõi Dục, tinh tấn chí không khiếp nhược, làm cho ánh sáng Phật pháp chiếu khắp các cõi nước.



Các Nhân giả! Nếu muốn làm Phật thì chủng tánh Phật phải thanh tịnh, chủng tánh ấy thanh tịnh rồi tức được Như Lai thọ ký thành Vô thượng Chánh giác, làm lợi ích cho tất cả những người tu hành. Ví như đại địa làm chỗ nương cho tất cả chúng sinh. Như lương y khéo bào chế thuốc khi khắp thành ấp, bình đẳng cứu giúp tất cả người bệnh, Đức Phật cũng như vậy, tâm bình đẳng giáo hóa không phân biệt, dù có bị chúng sinh cắt da thì tâm cũng không động.

Các Nhân giả! Cảnh giới sở hành trong ngoài của tâm, đều chỉ là thức mê loạn mà thấy, ở đây không có ngã và ngã sở, năng sở cả hai tất cả đều là cảnh giới của ý thức, nương vào A-lại-da mà phân biệt như vậy. Ví như có người đặt viên ngọc vào trong nắng mặt trời, hoặc do đồ lấy lửa mà sinh ra lửa, lửa này chẳng phải ngọc, đồ lấy lửa sinh, cũng chẳng do người làm. Tâm, ý, thức cũng như vậy, do căn cảnh tác ý hòa hợp mà sinh, tánh này có phải của mê hoặc như sóng nắng, mộng huyền sự chấp thủ, hay giống lông rùa sừng thỏ, như sét đánh ra lửa, là từ nước, từ điện, từ sấm mà sinh chẳng? Không thể nhất định biết chỗ sinh. Như thấy người thợ gốm tạo ra các loại bình, các thứ dục, tâm, pháp cùng tâm sinh cũng như vậy.

Các Nhân giả! Thể tánh của tâm không thể nghĩ bàn, người trong cõi Mật nghiêm mới có thể thấy biết hoàn toàn.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da của chúng sinh xưa nay viên mãn thanh tịnh, vượt ngoài thế gian cùng ở Niết-bàn, như ánh trăng sáng hiện khắp các cõi nước, người thế gian thấy có khuyết tròn nhưng thể tánh của trăng vẫn chưa từng tăng giảm, tạng thức cũng như vậy, hiện khắp trong cảnh giới của tất cả chúng sinh, tánh thường viên mãn thanh tịnh không tăng, không giảm, người vô trí vọng sinh chấp trước. Nếu có năng lực hiểu biết chân chánh thì được chuyển y vô lậu sai biệt, được pháp sai biệt này rất khó. Như trăng ở trong mây mà tánh vẫn thường sáng tỏ, tạng thức cũng vậy, thức lưu chuyển trong cảnh giới tập khí nhưng vẫn thường thanh tịnh. Như cây ở trong sông theo dòng trôi, nhưng cây cùng với dòng thể tướng khác nhau, tạng thức cũng vậy, các tập khí khác thường sinh khởi mà thức không bị nhiễm ô.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da thường làm chỗ y cứ của các pháp

nhiễm tịnh, là cảnh giới thiền định hiện pháp lạc trú của các Thánh nhân và các cõi trời người. Các cõi nước chư Phật đều lấy đó làm nhân, thường làm chủng tánh cho các thừa. Nếu ai giác ngộ được tức thành Phật đạo.

Các Nhân giả! Tất cả chúng sinh có đủ công đức oai lực tự tại cho đến sinh chỗ hiểm nạn, thức A-lại-da thường ở trong đó làm chỗ y cứ. Chúng sinh từ vô thủy ở trong cảnh giới này, tự mình làm tăng trưởng tập khí các nghiệp, cũng có thể tăng trưởng bảy thức khác, do hàng phàm phu chấp có chủ thể và đối tượng ở trong ngã.

Các Nhân giả! Ý ở trong thân như gió thổi nhanh, gió nghiệp thổi làm các căn chuyển biến, bảy thức đồng thời chuyển như sóng dậy. Tánh vi trần thù thắng, thời gian tự tại, thế gian của ngoại đạo chấp đều là thức A-lại-da thanh tịnh.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da do nghiệp lực cũ và ái làm nhân, tạo thành thế gian bao nhiêu phẩm loại, người vọng chấp cho mình tạo ra, thể tướng của thức này vi tế khó biết, người mê chưa thấy rõ tâm chân thật, đối với căn, cảnh ý sinh tham ái.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại nói kệ:

*Này Phật tử các ông  
 Vì sao chẳng nghe thấy  
 Tánh tạng thức thanh tịnh  
 Chỗ nương tựa các thân.  
 Hoặc đủ ba mươi hai  
 Tướng Phật và Luân vương  
 Hoặc vô số thân hình  
 Thế gian đều thấy được.  
 Như trăng sáng giữa không  
 Các sao cùng vây quanh  
 Các thức, A-lại-da  
 Ở trong thân cũng vậy.  
 Như Thiên chủ cõi Dục  
 Người hầu trong cung báu  
 Các thần ở sông biển*

Trong nước được tự tại.  
 Tạng thức ở thế gian  
 Nên biết cũng như vậy  
 Như đất sinh các vật  
 Tâm này hiện nhiều nơi.  
 Ví như vua mặt trời  
 Rực sáng ngự cung báu  
 Đi quanh núi Tu-di  
 Chiếu sáng khắp trời, người.  
 Chư Thiên và thế gian  
 Thấy rồi liền kính lễ  
 Phật trong cõi tạng thức  
 Tướng ấy cũng như vậy.  
 Hành các hạnh mười Địa  
 Hiện bày pháp Đại thừa  
 Ban vui khắp chúng sinh  
 Thường tán thán Như Lai.  
 Ở nơi thân Bồ-tát  
 Đây gọi là Bồ-tát  
 Phật cùng các Bồ-tát  
 Đều là A-lại-da.  
 Phật và các Phật tử  
 Đã thọ, sẽ thọ ký  
 A-lại-da rộng lớn  
 Sẽ được thành Chánh giác.  
 Các định ở Mật nghiêm  
 Cùng định diệu tương ứng  
 Ở nơi A-lại-da  
 Quán sát thấy rõ ràng  
 Phật và Bích-chi-phật  
 Thanh văn, các ngoại đạo  
 Người thấy lý không sợ  
 Quán sát nơi thức này

Vô số các cảnh thức  
 Điều từ tâm biến hiện  
 Bình, vổ và các vật  
 Như vậy tánh đều không  
 Điều nương A-lại-da  
 Chúng sinh thấy mê mờ  
 Do vì các tập khí  
 Chấp và đối tượng chấp  
 Tánh này chẳng như huyễn  
 Sóng nắng và quáng mắt  
 Chẳng sinh, chẳng không sinh  
 Chẳng không cũng chẳng có  
 Ví như tướng dài ngắn  
 Là một tức là không  
 Người trí quán việc huyễn  
 Đấy chỉ là huyễn thuật  
 Chưa từng có một vật  
 Mà đồng sinh cùng huyễn  
 Sóng nắng và quáng mắt  
 Hòa hợp có thể thấy  
 Là một, không hòa hợp  
 Quá khứ, vị lai không  
 Những việc huyễn như thế  
 Mỗi mỗi tướng các vật  
 Điều do tâm biến hiện  
 Không thể cũng không danh  
 Người mê hoặc trong đời  
 Tâm họ không giải thoát  
 Vọng thuyết có việc huyễn  
 Huyễn thành vô số vật  
 Huyễn sư dùng ngói gạch  
 Tạo ra các đồ vật  
 Chuyên cần hoặc đến đi

Thấy việc này chẳng thật  
Như sắt nhờ nam châm  
Mà di chuyển vị trí  
Tạng thức cũng như vậy  
Tùy chỗ phân biệt chuyển  
Tất cả các thế gian  
Đều hiện khắp mọi nơi  
Như mặt trời, ngọc báu  
Không tư duy phân biệt  
Thức này hiện khắp nơi  
Thấy cho là lưu chuyển  
Không sinh cũng không chết  
Pháp vốn chẳng lưu chuyển  
Người định thường quán sát  
Sinh tử vốn như mộng  
Khi ấy liền chuyển y  
Gọi là được giải thoát  
Đây tức là giáo lý  
Tối thượng của chư Phật  
Tư duy tất cả pháp  
Như cân, như gương sáng  
Lại như đèn sáng lớn  
Cũng như thử đá vàng  
Xa lìa nơi đoạn diệt  
Nêu lên tướng chánh đạo  
Người tu hành diệu định  
Đạt được nhanh giải thoát  
Xa lìa các tạp nhiễm  
Mà hiện rõ chuyển y.



## KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

### QUYỂN HẠ

#### Phẩm 7: CẢNH GIỚI TỰ THỨC

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng quán khắp mười phương, từ trong ngọc châu nơi búi tóc phóng ra ánh sáng lớn, ánh sáng ấy chiếu khắp tất cả cõi nước và các chúng Bồ-tát trong hội Mật nghiêm. Phóng ánh sáng rồi, vị này liền bảo Bồ-tát Như Thật Kiến:

–Nhân chủ! Trong núi tuyết có một con thú dữ gọi là Năng hại, dùng trăm ngàn sự biến hóa bắt các loài thú ăn thịt. Nếu nó thấy nai cái có con liền giả tiếng kêu bi thương của nai con, hoặc thấy nai cái liền hiện có sừng giống như vậy để gần gũi, khiến cho nai cái kia không sợ rồi hại mà ăn thịt, thấy các loài bò, ngựa và các loài cầm thú đều giả hình dạng giống như vậy tùy ý làm ác. Nay Nhân chủ! Tất cả ngoại đạo đối với A-lại-da sinh ngã kiến cũng như con thú dữ kia biến hóa vô số hình, người chấp ngã và ngã tướng mỗi thứ sai khác cho đến rất nhỏ như vi trần. Nay Nhân chủ! Các ngã chấp này trụ ở đâu? Chỉ trụ nơi thức của mình không trụ ở chỗ khác. Người chấp ngã cho rằng: Ngã cùng ý căn hòa hợp, ý căn, cảnh hòa hợp mà có thức sinh vốn không có ngã. Như duyên bên ngoài cùng hòa hợp với hoa mà có mùi hương, khi chưa hòa hợp thì không có hương. Do đó nên biết, chỉ có tâm thức và tâm pháp không có ngã riêng, như quả ở trong mâm, như đèn ở trong lồng, như người được cở Y-thi-ca văn đồ, chỉ do tâm nhân duyên và tâm pháp sinh, trong này không có ngã cũng không có sinh, chỉ một tướng vi diệu xưa nay vắng lặng, là cảnh giới tự chứng của người tu pháp Quán hành của chư Phật, Bồ-tát, hàng ngoại đạo không hiểu do thức nên sinh ngã kiến, không biết pháp trí mà phân biệt chấp trước có không, hoặc luận về một hoặc nhiều ngã và ngã sở. Như con thú dữ kia giết hại rất nhiều loài vật,

kiến chấp này cũng như vậy, khiến cho các chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử, không chịu gần gũi Phật, Bồ-tát và các bậc Thiện tri thức, thế nên, lần lượt xa lìa, không có lúc hưởng về trái với Thánh đạo, mất hết lợi ích. Đối với pháp Tam thừa cho đến Nhất thừa cũng không được chứng đắc, do chấp trước ràng buộc nên không thấy sự thật, không được dự vào cõi Mật nghiêm cho đến tên gọi cũng không được nghe. Này Nhân chủ! Những người tu Quán hành đều nhân nơi thức thanh tịnh này mà trừ ngã kiến, ông và các Đại Bồ-tát cũng nên siêng tu như vậy, lại giảng nói cho các người khác khiến chóng hội nhập vào cõi Phật Mật Nghiêm.

\*\*  
\*

### Phẩm 8: A-LẠI-DA VI MẬT

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên là Bảo Thủ nói với vua chúng Sắc Tối Thắng:

–Nhà vua nên thưa hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng trụ ở trong Tam-muội, tất cả thế gian có các pháp xa lìa các phân biệt và danh tự, không tương ứng với danh tướng, tự tánh của pháp ấy trụ ở đâu, các Phật tử này nhất tâm mong được nghe.

Khi ấy vua Sắc Tối Thắng liền theo nghĩa đó mà hỏi:

*Danh tướng các cảnh giới  
Tất cả pháp thế gian  
Đây chỉ là phân biệt  
Do lìa phân biệt có.  
Như vậy mà lập danh  
Danh ấy trú chỗ nào  
Bậc Kim cang tự tại  
Xin giảng nói cho tôi.*

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng dùng kệ đáp:

*Các pháp trong thế gian  
Tất cả chỉ có danh*

Do tướng mà lập nên  
 Lìa danh không nghĩa khác.  
 Bốn uẩn chỉ danh tự  
 Vì thế gọi là danh  
 Như tên gọi trưởng giả  
 Chỉ danh không có thể.  
 Phật và các Phật tử  
 Chỉ nhân tướng gọi tên  
 Lìa tướng mà có danh  
 Là phân biệt không thành  
 Do vì nương nơi tướng  
 Phân biệt vô số danh  
 Như cung kính, nói năng  
 Đây đều không thật có  
 Chỗ phàm phu phân biệt  
 Điều nương chấp theo tướng  
 Vì vậy pháp thế gian  
 Lìa tướng tức là không  
 Bình, vổ và xe cộ  
 Tên gọi đều khác nhau  
 Sắc tướng có thể thuyết  
 Thể tánh không thật có  
 Các sắc pháp thế gian  
 Chỉ có tướng không khác  
 Nương vào tướng lập danh  
 Danh này không thật có  
 Vua nên quán thế gian  
 Lìa danh không thật có  
 Chỉ do tâm phân biệt  
 Sinh khởi sự chấp trước  
 Nếu xa lìa phân biệt  
 Thì chấp thủ không sinh  
 Vô sinh tức chuyển y



Chúng được pháp vô tận  
Vì thế nên Đại vương  
Thường phải quán tưởng pháp  
Chỉ là tâm phân biệt  
Lìa đây thì không có  
Hình tướng và thể chất  
Tăng trưởng cùng hoại diệt  
Những tên gọi như vậy  
Đều chỉ là tướng sắc  
Danh, tướng và phân biệt  
Thể tánh vốn không khác  
Tùy theo nghĩa thế tục  
Kiến lập không giống nhau  
Nếu xa lìa danh tự  
Tìm kiếm thể của vật  
Quá khứ và vị lai  
Việc này không có được  
Biết các thức sinh khởi  
Biết pháp không thật có  
Biết nó chỉ là danh  
Pháp thế gian như vậy  
Do danh phân biệt pháp  
Pháp không đúng với danh  
Các pháp tánh như vậy  
Không trụ nơi phân biệt  
Do pháp chỉ có danh  
Tướng thì không có thể  
Tướng không, danh cũng không  
Nếu không còn phân biệt  
Thân tâm đều thanh tịnh  
Như lửa đốt cây rồi  
Hoàn toàn không sinh hại  
Ví như người gánh nặng

Tên người gánh nặng này  
 Tùy gánh nặng nên khác  
 Tướng người gánh khác nhau  
 Danh như vật được gánh  
 Phân biệt tên người gánh  
 Do nơi các loại danh  
 Phân biệt tên khác nhau  
 Như thấy người làm ác  
 Thấy người do làm ác  
 Người ác phân biệt hai  
 Chỉ có nơi danh tự  
 Trong các đại hòa hợp  
 Do phân biệt có sắc  
 Nếu xa lìa các đại  
 Sắc tánh tức không có  
 Như đức y nơi bình  
 Bình theo tên cũng vậy  
 Bỏ tên mà lấy bình  
 Bình hoàn toàn không có  
 Bình không trụ thể bình  
 Danh đâu trụ ở danh  
 Cả hai sinh phân biệt  
 Danh lượng cũng chẳng có  
 Người trụ định như vậy  
 Tâm không bị dao động  
 Ví như vàng và đá  
 Xưa nay tướng nước không  
 Cùng với lửa hòa hợp  
 Hoặc như nước lưu chuyển  
 Tạng thức cũng như vậy  
 Thể pháp chẳng lưu chuyển  
 Các thức cùng tương ứng  
 Cùng pháp đồng lưu chuyển

*Như sắt nhờ nam châm  
Mà di chuyển qua lại  
Cả hai không quan hệ  
Tương trạng có quan hệ  
Lại da cùng bầy thú  
Nên biết cũng như vậy  
Bị tập khí trói buộc  
Không người mà vẫn có  
Ở khắp thân chúng sinh  
Đi khắp các đường hiểm  
Như sắt cùng nam châm  
Cả hai chẳng biết nhau  
Hoặc xa lìa đường hiểm  
Mà trụ nơi các Địa  
Lực thần thông tự tại  
Thủ-lãng-nghiêm Như huyễn  
Cho đến Đà-la-ni  
Đều thành tựu tất cả  
Tán thán công đức Phật  
Và làm việc cúng dường  
Hoặc hiện vô lượng thân  
Một thân vô lượng tay  
Vai, đầu, miệng và lưỡi  
Dần dần đến vô lượng  
Đi đến mười phương cõi  
Cúng dường các Như Lai  
Hoặc mua các hoa đẹp  
Y báu và chuỗi ngọc  
Chất thành đống to hơn  
Như ngọn núi Tu-di  
Cúng dường các Như Lai  
Và các vị Bồ-tát  
Hoặc làm cung điện báu*

Như mây sáng rực rỡ  
 Hóa hiện các Thiên nữ  
 Đạo chơi ở trong đó  
 Dùng đủ thứ âm nhạc  
 Để dâng cúng chư Phật  
 Hoặc cùng Phật, Bồ-tát  
 Thường ở chung một chỗ  
 Tự tại mà nhiếp phục  
 Tất cả các ma oán  
 Tự chứng đắc Tam-muội  
 Chuyển được chỗ sở y  
 Xiển dương năm loại pháp  
 Tám thức và vô ngã  
 Liên tục không dừng nghỉ  
 Nhất tâm mà cúng dường  
 Hoặc hiện làm thân nhỏ  
 Số đó như vi trần  
 Hoặc hiện làm thân lớn  
 Vô biên không thể lường  
 Đủ các loại sắc tướng  
 Để cúng dường Như Lai  
 Hoặc ở trong thân mình  
 Thâu nạp các thế giới  
 Đặt ở trong hạt cải  
 Dem biển cả gom thành  
 Bằng như dấu chân bò  
 Trong các chúng sinh này  
 Thân tâm không loạn động  
 Dùng tất cả vật dụng  
 Bình đẳng làm lợi ích  
 Như nhật, nguyệt, như đất  
 Như nước và lửa, gió  
 Lại như cội báu lớn

Cũng như vị thuốc hay  
 Các pháp không sinh diệt  
 Không đoạn cũng không thường  
 Một, khác và đến đi  
 Như vậy đều không có  
 Giả lập các thứ danh  
 Đây là tánh Biến kế  
 Các pháp giống như huyễn  
 Như mộng thành Thát-bà  
 Sóng nắng, trong sắc nước  
 Vòng lửa, mây, điện chớp  
 Trong đó vọng chấp thủ  
 Đây là tánh Biến kế  
 Đủ các thứ tên gọi  
 Vô số pháp thuyết giảng  
 Đây đều không thật có  
 Là do tánh Biến kế  
 Tất cả pháp thế gian  
 Không xa lìa danh sắc  
 Đây đều chỉ có danh  
 Lìa danh không nghĩa khác  
 Tánh Biến kế như vậy  
 Ta vì thế gian thuyết  
 Mất duyên theo các sắc  
 Hòa hợp cùng sinh khởi  
 Tiếng phát theo dùi trống  
 Mầm từ đất mà sinh  
 Cung điện và bình, vó  
 Đều do các duyên khởi  
 Chúng sinh và các pháp  
 Đều nương theo tha tánh  
 Hoặc là pháp vô lậu  
 Không thể lìa nghĩa này

Tự chứng trí sinh khởi  
 Tánh này là chân thật  
 Tướng các pháp sai biệt  
 Tự tánh pháp đã thuyết  
 Nếu xa lìa tự tánh  
 Các pháp không hiện rõ  
 Như người dùng các vật  
 Làm đủ thứ hình giả  
 Sắc tướng tuy không đồng  
 Tánh đều chẳng chắc thật  
 Thế gian đều như vậy  
 Các thứ đều không thật  
 Do vọng tình chấp trước  
 Biến kế chẳng có khác  
 Ví như ngọc Ma-ni  
 Tùy sắc mà hiện hình  
 Thế gian cũng như vậy  
 Chỉ do phân biệt có  
 Thể dụng không tồn tại  
 Vì tánh Biến kế này  
 Như thành Càn-thát-bà  
 Không thành mà giống thành  
 Cũng chẳng phải không nhân  
 Có thể thấy như vậy  
 Thế gian vô số vật  
 Nên biết cũng như vậy  
 Mặt trời và các núi  
 Nhà cửa và khói mây  
 Mỗi thể tướng khác nhau  
 Chưa từng có xen lẫn  
 Không cùng không tự, tha  
 Thể tánh đều không thành  
 Chỉ là chỗ phân biệt

Tự tánh của Biến kế  
Các vật ngoài nhân sinh  
Chẳng phải không có nhân  
Hoặc có hoặc không có  
Đây đều là vọng chấp  
Danh nương tướng sinh khởi  
Hai thứ phân biệt sinh  
Chánh trí và như như  
Xa lìa sự phân biệt  
Tướng tâm như hiện rõ  
Ý cùng làm sở y  
Ý và năm tâm sinh  
Cũng giống như sóng biển  
Tập khí không bắt đầu  
Cảnh giới cũng như vậy  
Do tâm tập khí sinh  
Cảnh khiến tâm mê loạn  
Nương theo thức Lại da  
Tất cả các chủng tử  
Cảnh giới tâm như hiện  
Vì thế gian mà thuyết  
Bảy thức, A-lại-da  
Lần lượt sinh ra tướng  
Tám loại thức như vậy  
Không thường cũng không đoạn  
Tất cả các thế gian  
Tợ có sự sắp đặt  
Chấp có các chúng sinh  
Ngã và ba hòa hợp  
Phát sinh các thứ thức  
Phân biệt các cảnh giới  
Hoặc vọng chấp là có  
Do người tạo nghiệp nhân

Sinh ở cõi Phạm thiên  
 Trong ngoài các thế gian  
 Thế gian chẳng ai tạo  
 Nghiệp và vi trần nghiệp  
 Chỉ là A-lại-da  
 Biến hiện giống với cảnh  
 Tạng thức không duyên tạo  
 Thức cũng không tạo duyên  
 Các thức tuy lưu chuyển  
 Không có ba hòa hợp  
 Thể Lại-da thường trụ  
 Các thức cùng sinh khởi  
 Như bánh xe, thủy tinh  
 Cũng như trăng và sao  
 Từ đây sinh tập khí  
 Mỗi loại tự tăng trưởng  
 Lại tăng trưởng thức khác  
 Các thức khác cũng vậy  
 Thường lưu chuyển như vậy  
 Người ngộ tâm mới biết  
 Ví như lửa đốt cây  
 Lân lượt mà lan khắp  
 Cây này đốt cháy rồi  
 Lại đốt sang cây khác  
 Nương theo thức Lại-da  
 Tâm vô lậu cũng vậy  
 Trừ dần các hữu lậu  
 Đoạn dứt pháp luân hồi  
 Đây là hiện pháp lạc  
 Nơi cảnh giới Tam-muội  
 Con đường của bậc Thánh  
 Truyền khắp mười phương nước  
 Như vàng ở trong quặng



Không thể thấy được vàng  
Người trí khéo nung luyện  
Vàng ấy mới sáng ra  
Tạng thức cũng như vậy  
Bị tập khí trói buộc  
Tam-muội đã tịnh trừ  
Người hành định thấy sáng  
Như lạc chừa đong váng  
Hoàn toàn không thấy tô  
Cho nên các bậc Trí  
Nấu lạc mà được tô  
Tạng thức cũng như vậy  
Bị che bởi các thức  
Những người định Mật nghiêm  
Siêng quán mới chứng được  
Ánh sáng lớn Mật nghiêm  
Đáng xưng trí vi diệu  
Phật tử siêng tu tập  
Thường sinh trong nước này  
Cõi sắc và Vô sắc  
Không, thức, phi phi tưởng  
Ở đó thường siêng tu  
Mà sinh đến chỗ này  
Các Phật tử trong đây  
Oai quang giống mặt trời  
Ở nơi chỗ tu hành  
Giảng ý nghĩa tương ứng  
Pháp chứng của Như Lai  
Theo thấy mà chuyển y  
Tất cả Phật Thế Tôn  
Thọ quả vị Quán đảnh  
Tuy trụ cõi Mật nghiêm  
Tùy nghi hợp với vật

*Hoặc thấy, hoặc nghe pháp  
Giữa không mà biến hóa.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại bảo đại chúng:

–Các Nhân giả! Thức A-lại-da từ vô thủy đến nay huân tập các tập khí hý luận, lại bị các nghiệp trói buộc luân hồi không dừng. Như biển nhân nơi gió mà khởi lên các sóng thức thường sinh diệt không ngừng. Chúng sinh không tự biết được, theo thức của mình hiện ra các cảnh giới. Nếu tự biết rõ như lửa đốt củi, thì tập khí đều dứt trừ, đi vào quả vị vô lậu gọi là Thánh nhân.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da biến hóa tựa như các cảnh, hoàn toàn đối với thế gian ý nhiễm ô, duyên chấp theo ngã và ngã sở, các thức đối với cảnh, mỗi mỗi đều phân biệt.

Các Nhân giả! Tâm tích tập ý nghiệp cũng vậy, ý thức biết rõ tất cả các pháp, năm thức phân biệt cảnh giới hiện tiền, như người bệnh nhắm mắt thấy tựa như vàng quáng, ở trong tâm tựa như có sắc, chẳng phải sắc chấp là sắc.

Các Nhân giả! Như ngọc báu Ma-ni thể tánh thanh tịnh, nếu đặt giữa ánh sáng mặt trời, tùy theo chỗ thích ứng của viên ngọc mà mưa xuống các vật báu. Thức A-lại-da cũng vậy, là kho tàng thanh tịnh của các Như Lai cùng với tập khí hòa hợp biến chuyển giống như các sắc trong khắp thế gian, nếu hợp với tướng vô lậu thì mưa xuống các pháp công đức. Như sữa biến thành váng sữa cho đến thành sữa đặc, thức A-lại-da cũng vậy, biến đổi giống như các sắc của thế gian, như người bị đau mắt, do bệnh nhắm mắt nên thấy giống như vàng quáng, tất cả chúng sinh cũng như vậy, do tập khí che lấp, ở trong tạng thức, mắt sinh ra các sắc cũng vậy. Sự thấy sắc này giống như sóng nắng xa lìa có, không đều là sự biến hiện của A-lại-da.

Này các Nhân giả! Nướng theo nhãn sắc tựa có thức sắc, như việc huyền sinh ở trong mắt, tướng ấy dao động như khi đốt ngọn lửa.

Các Nhân giả! Tất cả các sắc đều là A-lại-da cùng với sắc huân tập tương ứng biến hóa tựa như tướng của nó chẳng có thể khác biệt,

đồng với sự phân biệt của phàm phu.

Các Nhân giả! Tất cả chúng sinh hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc đi, hoặc đứng, say sưa, ngủ nghỉ cho đến chạy tán loạn đều do thức A-lại-da. Ví như ánh sáng nắng gay gắt của mặt trời chiếu xuống mặt đất làm lay động giống như dòng nước làm cho những con thú đang khát mê lầm chạy theo. Thức A-lại-da cũng như vậy, thể tánh chẳng phải sắc mà hiện giống như sắc. Người phân biệt vọng sinh chấp trước như sức hút của nam châm khiến sắt di chuyển, tuy không có tâm tựa như có tâm. Thức A-lại-da cũng như vậy. Vì chấp giữa pháp sinh tử qua lại trong các nẻo, chẳng phải ngã mà giống ngã. Như trong nước có vật, tuy không có sự hiểu biết mà theo dòng nước chuyển động không dừng, thức A-lại-da cũng vậy, tuy không phân biệt mà nương thân vận hành. Như có hai con voi mạnh khoẻ đấu nhau. Nếu một con bị thương nó liền rút lui. Nên biết thức A-lại-da cũng như vậy. Thức này đoạn các phần tập nhiễm, nhưng không bị lưu chuyển. Ví như hoa sen ra khỏi bùn sáng suốt thanh tịnh lìa khỏi phiền não, chư Thiên quý nhân thấy đều kính trọng, thức A-lại-da cũng vậy, ra khỏi bùn tập khí trong sáng, được chư Phật, Bồ-tát và bậc Đại nhân quý trọng. Như thế gian mong cầu có ngọc báu, đối với kẻ ngu thường bị nhiễm ô, bậc Trí được rồi liền dâng lên vua, dùng để trang sức làm mũ báu đội cho vua. Thức A-lại-da cũng vậy, là chủng tánh thanh tịnh của các Như Lai, đối với hàng phàm phu thường bị tập nhiễm. Bồ-tát chứng đắc, đã đoạn dứt các tập khí cho đến thành Phật thường giữ gìn vật báu đó. Như ngọc quý ở trong nước bị vỏ ốc bao chung quanh, thức A-lại-da cũng vậy, ở trong biển sinh tử bị các tập khí ác ngăn che nên không hiện ra.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da có năng thủ, sở thủ, sinh ra hai tướng giống như rắn hai đầu muốn đến chỗ ưa thích. Cũng vậy thức này cùng với sắc tướng sinh khởi, người thế gian chấp làm sắc, hoặc chấp ngã, ngã sở hoặc có hoặc không, có thể tạo ra thế gian mà đối với thế gian được tự tại.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da tuy biến hiện nhiều loại mà tánh rất thâm sâu, người vô trí không thể hiểu rõ, ví như huyền sư giả tạo ra các con vật hoặc đi hoặc chạy cũng như chúng sinh đều không nhất

định là thật. Thức A-lại-da cũng như vậy, tạo ra các thế gian và chúng sinh nhưng không phải thật, kẻ phàm phu không hiểu, vọng sinh chấp trước. Bậc trượng phu khởi tánh thù thắng tự tại mà không thấy.

Các Nhân giả! Ý có thể phân biệt tất cả thế gian, cái thấy phân biệt này như tính chất trong tranh, như hình trong gương, như người nằm mộng thấy vật, như cung Thích ĐỀ-hoàn Nhân, như thành Càn-thát-bà, như âm vang trong núi, như sóng nắng, như bóng cây trên dòng, như bóng trăng trong ao, người phân biệt đối với A-lại-da cũng vọng chấp như vậy. Hoặc có người đối với thức này có thể chân chánh quán sát, biết các thế gian đều là tự tâm thì sự thấy phân biệt này đều là chuyển diệt.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da là sở y và các pháp tập khí, là tâm phân biệt tán loạn, nếu xa lìa tâm phân biệt liền trở thành vô lậu, giống như hư không. Nếu các Bồ-tát ở nơi A-lại-da đắc Tam-muội sinh ra thiên định giải thoát vô lậu, được sức phương tiện thần thông tự tại, các pháp công đức, mười nguyện viên mãn thì ý sinh thân, chỗ chuyển sở y của thức thường trụ đồng với tánh của hư không chẳng hoại diệt.

Các Nhân giả! Như Lai thấy khắp tất cả thế gian không có hoại diệt. Người nhập Niết-bàn chẳng phải là hoại diệt, cũng chẳng phải không có chúng sinh mà nay mới sinh cõi nước trong mười phương đồng một pháp tánh. Chư Phật xuất hiện hay không xuất hiện ở thế gian, tất cả các pháp trụ nơi pháp tánh vẫn không thường không đoạn. Nếu người giải thoát cảnh giới sinh diệt của chúng sinh tức là hoại tánh Nhất thiết trí của Như Lai. Phật biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không bình đẳng, nếu chúng sinh diệt Niết-bàn thì ai xa lìa khổ, hữu dư, vô dư và những việc hàn phục các ma đều là vọng thuyết. Do đó nên biết những người tu quán hành chứng được thân thường trụ giải thoát, xa lìa các uẩn, diệt các tập khí, ví như thanh sắt nóng bỏ vào nước lạnh, sức nóng tuy không còn nhưng thanh sắt vẫn không hoại diệt.

Các Nhân giả! Biến thức A-lại-da bị hý luận thô trọng va chạm nên năm pháp, ba tánh, sóng các thức tương tục sinh khởi, có

cảnh giới và tướng dao động, ở nơi chỗ vô nghĩa mà hiện nghĩa như thật.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da đi trong rừng các uẩn, ý thì đi trước, ý thức quyết định sắc và các cảnh. Năm thức nương theo căn hiện rõ cảnh giới, chấp thủ cảnh giới đều là thức A-lại-da.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da cùng mạng sống, hơi ấm, xúc hòa hợp mà trụ. Ý trụ nơi thức này, thức này lại trụ nơi ý, ngoài ra năm thức cũng trụ nơi tự căn.

Các Nhân giả! Tâm ý, thức trụ nơi các uẩn bị nghiệp dẫn dắt lưu chuyển không dừng, ái nhân nơi nghiệp mà sinh, do nghiệp thọ thân, thân lại tạo nghiệp, bỏ thân này rồi lại thọ thân khác như trùng bò trong hang, tâm và tâm pháp sinh khởi các nẻo, lại chứa nhóm các uẩn.

Các Nhân giả! Mạng sống, hơi ấm và thức nếu xa lìa thân này thì không còn sự hiểu biết giống như gỗ, đá.

Các Nhân giả! Tâm chấp ngã tạng thức này gọi là ý, chấp thủ các cảnh giới gọi là thức, tâm có thể nương thân, ý chấp các cõi, ý thức hiện rõ năm thứ phân biệt. Tạng thức là nhân sinh khởi các thức, ý và ý thức lại từ đẳng vô gián duyên mà khởi, năm thức lại nương vào tạng thượng duyên mà sinh, đồng thời do tự căn làm tạng thượng.

Các Nhân giả! Thân như cây chết mà đứng dậy, như sóng năng tùy theo các hành làm nhân duyên mà di chuyển, chẳng phải hư vọng, chẳng phải chân thật, bị tham ái dẫn dắt tánh không, vô ngã.

Các Nhân giả! Ý, các thức cùng tâm sinh, năm thức lại cùng ý thức sinh. Đại địa thường sinh khởi lưu chuyển như vậy.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da bị ái huân tập mà được tăng trưởng, tự tăng trưởng rồi lại tăng trưởng các thức khác như bánh xe quay không dừng, vì các thức cho nên sinh ra các cõi, ở trong các cõi thức lại tăng trưởng, thức cùng thế gian hỗ tương làm nhân, như trong sông nước đầu dòng cuối dòng đều không ngừng chảy, như mầm cùng hạt giống tương tục mà sinh mỗi loại khác nhau hiện ra rõ ràng. Thức

hành cũng vậy, hòa hợp ba thứ rồi rồi lại tiếp tục hòa hợp phân biệt mà sinh không đoạn dứt, nhân nơi các pháp trong, ngoài mà sinh khởi. Tất cả phàm phu không được tự tâm. Phật tử các ông nên siêng quán sát.

Lúc đó, vua chúng Sắc Tối Thắng lại hướng về Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ:

*Người được sự không sợ  
Tạng Kim cang Tam-muội  
Khéo nhập vào Mật nghiêm  
Thuyết giảng tất cả pháp.  
Phật và các Phật tử  
Chánh tư duy Tam-muội  
Thấy được tướng các pháp  
Vi diệu không gì bằng.  
Nguyện xin Bậc Đại Trí  
Vì chúng tôi tuyên thuyết  
Tôn giả thường an trụ  
Cung Nguyệt tạng ma-ni.  
Ngồi trên tòa Sư tử  
Các Bồ-tát vây quanh  
Mong vì các Đại chúng  
Thuyết pháp Định Mật Nghiêm.  
Đây là Phật Nguyệt Tràng  
Vì Đại chúng diễn thuyết  
Đại chúng sẽ đến đây  
Xin thuyết không mỗi một.*

Lúc đó, nơi vô lượng thân của Đức Phật Nguyệt Tràng ở cung điện chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, có vô số Bồ-tát và chư Thiên vây quanh cúng dường, thuyết pháp Tu quán hành thật tướng và các pháp Vô sở úy ở trong hội Mật nghiêm, các vị Bồ-tát đó nghe rồi chứng được Tam-muội trí tương ưng, tâm không thích trụ vào quả vị cũng không thích trụ nơi thật tế, ở trong định cùng nhau quán sát. Tâm mỗi vị đều nghĩ: Ai đã thấy và chứng đắc pháp Thật tướng

quán hành? Làm sao mà thấy được người này? Tâm họ sinh khát ngưỡng, cùng nhau im lặng. Các Phật tử đó lại nghĩ: Đây là định gì? Thế nào là chẳng phải định? Định ở chỗ nào? Những gì là đối tượng của định ấy? Nghĩ như vậy rồi, thấy vị đứng đầu của các Bồ-tát trong cõi Mật nghiêm, đầu đội mũ báu trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt các Vị Bồ-tát đó từ định xuất ra, mặc y phục tốt đẹp, ở vô lượng cõi Phật từ phương khác đến, nhất tâm chiêm ngưỡng Bồ-tát Kim Cang Tạng.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nhìn khắp bốn phương thấy các Đại chúng, liền sinh ý nghĩ muốn thuyết pháp, vui vẻ mỉm cười phát ra âm thanh hòa nhã nói kệ:

*Này Phật tử các ông  
 Nên nhất tâm lắng nghe  
 Cảnh định khó nghĩ bàn  
 Chẳng do phân biệt biết  
 Định và người hành định  
 Duyên định cũng như vậy  
 Là các dục bất thiện  
 Sẽ có được giác quán  
 Tịch tĩnh sinh hỷ lạc  
 Là nhập vào thiền định  
 Lân lượt sinh như vậy  
 Bốn, tám cho đến mười  
 Ngoại đạo chấp trước ngã  
 Thường tu các định này  
 Tất cả hàng Thanh văn  
 Bích-chi-phật cũng vậy  
 Biết rõ ở thế gian  
 Tự tướng của các pháp  
 Uẩn, xứ như nhà trống  
 Trong này không có ngã  
 Không ý nghĩ, động tác  
 Như các phần thân chết*

Chỉ có ba hòa hợp  
 Vốn không người tạo tác  
 Hàng ngoại đạo tu định  
 Khởi chấp về tánh không  
 Người này mê tướng pháp  
 Hoại diệt tất cả pháp  
 Nếu có thể tu hành  
 Định vi diệu Như Lai  
 Biết rõ uẩn vô ngã  
 Thì các chấp đều diệt  
 Tất cả chỉ có thức  
 Các pháp tướng đều không  
 Không tướng năng, tướng sở  
 Không giới cũng không uẩn  
 Phân tích đến vi trần  
 Cũng đều không chỗ trụ  
 Đất, nước cùng các vật  
 Điều từ phân biệt sinh  
 Người không biết tánh ấy  
 Chấp thủ tướng như vậy  
 Sắc xấu cùng sắc đẹp  
 Các sắc khác cũng vậy  
 Ví như trong hư không  
 Mây, sấm các tia chớp  
 Tư duy như bộ sương  
 Ở khắp cả thế gian  
 Và quán tưởng biến xứ  
 Quán ở trong các đại  
 Thân có sắc không sắc  
 Người định tư duy đúng  
 Nếu duyên theo một tâm  
 Gọi là duyên thanh tịnh  
 Như đối tượng phân biệt



Cảnh ấy thành sở duyên  
Người tà định, định sai  
Vọng chấp cho là định  
Người định ở trong định  
Rõ đối là tạng thức  
Pháp và các pháp tướng  
Tất cả đều diệt hết  
Người được định thù thắng  
Khéo giảng thuyết các định  
Phá những người tu định  
Biết pháp bằng trí sai  
Hoặc người có trí kém  
Chấp pháp và chấp ngã  
Cho mình nói chân thật  
Khéo thuyết giảng các pháp  
Chấp trước các pháp tướng  
Hại mình và hại người  
Không tướng năng tướng sở  
Vọng sinh thấy phân biệt  
Vị ngọt hay trừ nóng  
Đắng, chua, mặn trị đàm  
Sự cay biến đổi lạnh  
Mặn hay sinh bệnh phong  
Trong thân có đàm, nhiệt  
Cùng sinh ra bệnh sốt  
Hoặc lại chỉ do gió  
Ba thứ hòa hợp sinh  
Do mỗi bệnh khác nhau  
Lương y nói các cách  
Đường phèn và đường cát  
Cùng sáu loại thức ăn  
Trừ được các bệnh sốt  
Và nhiều bệnh trong thân

Nếu pháp có tự tánh  
 Và cùng tất cả tướng  
 Người bệnh uống không đúng  
 Thuốc không trừ được bệnh  
 Người đời làm sao thấy  
 Uống thuốc bệnh được lành  
 Người định quán thế gian  
 Chỉ là thức Lại-da  
 Biến dị mà lưu chuyển  
 Như các con vật giả  
 Không tướng năng, tướng sở  
 Uẩn cùng với các uẩn  
 Cũng không khác chi phần  
 Do có các chi phần  
 Trong đời không chủ tế  
 Mà tạo ra thế gian  
 Gom tất cả vi trần  
 Chẳng phân tán mười phương  
 Lân đầu chẳng nhỏ nhất  
 Tiếp theo như ngón tay  
 Hai ngón hoặc ba ngón  
 Các vật hòa hợp chuyển  
 Mạt-na mỗi sai khác  
 Nghĩa như vậy đều không  
 Phi thời, phi thắng tánh  
 Và ba pháp tạo ra  
 Chẳng phải không có nhân  
 Tự nhiên mà có được  
 Đây do tập khí nghiệp  
 Làm cấu vế trong tâm  
 Nương tâm và nhãn căn  
 Các thứ vọng phân biệt  
 Ý cùng với ý thức

Và thêm A-lại-da  
Hiện ra khắp thế gian  
Như huyễn tạo các vật  
Bình cùng các cảnh giới  
Đều lấy tâm làm thể  
Chẳng phải bình, giống bình  
Cho nên nói là không  
Các sắc của thế gian  
Cung điện các cõi trời  
Đều là A-lại-da  
Biến đổi có thể thấy  
Thân thể của chúng sinh  
Từ đầu đến chân tay  
Sinh nhanh hoặc sinh chậm  
Không ngoài A-lại-da  
Phiền não ở trong tâm  
Phàm phu không thể thấy  
Tánh này chẳng có thật  
Cũng chẳng phải là không  
Như người dùng các vật  
Đánh vỡ những cái bình  
Tánh vật nếu là không  
Chẳng thể làm bình vỡ  
Như lượng núi Tu-di  
Ngã kiến chửa là ác  
Kiêu mạng và chấp không  
Ác này còn ác hơn  
Tánh không, tùy căn thuyết  
Không nên giảng sai chỗ  
Nếu thuyết giảng sai chỗ  
Cam lộ thành thuốc độc  
Tất cả các chúng sinh  
Sinh khởi các kiến chấp

Muốn đoạn trừ các kiến  
 Vì vậy thuyết lý không  
 Nghe không chấp làm thật  
 Không thể đoạn kiến chấp  
 Chấp này không thể trừ  
 Như bỏ việc chữa bệnh  
 Ví như lửa đốt cây  
 Cây hết, lửa không còn  
 Cây chấp nếu đã đốt  
 Lửa không, cũng tắt hết  
 Lúc lửa trí tuệ sinh  
 Các kiến chấp được trừ  
 Đốt hết các phiền não  
 Tất cả đều thanh tịnh  
 Mâu-ni dùng trí này  
 Giải thoát nơi Mật nghiêm  
 Không thấy dùng rừng thỏ  
 Phá hoại ở núi cao  
 Thạch nữ chẳng có con  
 Cầm tên bắn vào vật  
 Chưa nghe muốn chiến đấu  
 Mà tìm cung sừng thỏ  
 Ai tạo nên phòng nhà  
 Khiến con Thạch nữ tạo  
 Tất cả pháp tánh không  
 Cùng pháp thường đồng thể  
 Lúc đầu ở thai tạng  
 Sắc sinh thường hoại diệt  
 Lìa không chẳng có sắc  
 Lìa sắc chẳng có không  
 Như trăng cùng ánh sáng  
 Trước sau thường không khác  
 Các pháp cũng như vậy

Tánh không vẫn đồng nhất  
Lưu chuyển không khác nhau  
Chỗ làm được thành tựu  
Thân này như tử thi  
Xưa nay không tự tánh  
Luôn bị ái ràng buộc  
Bị cảnh động dẫn dắt  
Phật thuyết giảng lý không  
Vì muốn đoạn các kiến  
Các ông người có trí  
Phải nên nhất tâm học  
Ví như nhà huyễn thuật  
Dùng lực các chú thuật  
Cỏ cây và các duyên  
Tùy ý tạo các vật  
Nương theo mắt và ái  
Ý theo sắc, ánh sáng  
Như vậy, nhãn thức sinh  
Như huyễn, như sóng nắng  
Thức này không chỗ đến  
Cũng không có chỗ đi  
Tánh các thức như vậy  
Không nên chấp có, không  
Như Thạch nữ có con  
Như sừng thỏ, lông rùa  
Xưa nay không có tánh  
Vọng lập nên tên gọi  
Loài sư, tử, gấu, bi  
Đều là không có sừng  
Vì sao chẳng phân biệt  
Chỉ bảo thỏ không sừng  
Người đàm luận khéo léo  
Sao không thể tuyên thuyết

Những bậc Trí đời trước  
 Chỉ nói thỏ không sừng  
 Người mê vọng phân biệt  
 Như cam và diếc mù  
 Người này không có trí  
 Không thể tự chứng pháp.  
 Chỉ theo lời khác chuyển  
 Đâu cần phải phân biệt  
 Nếu xa lìa phân biệt  
 Nên sinh cõi Mật nghiêm  
 Trong chánh định nhất tâm  
 Hiện khắp mười phương cõi  
 Ví như cung điện trời  
 Các sao và mặt trăng  
 Nương ở núi Tu-di  
 Nhờ sức gió chuyển động  
 Bấy thức cũng vậy  
 Nương vào A-lại-da  
 Giữ gìn các tập khí  
 Mỗi mỗi thường lưu chuyển  
 Ví như nương nơi đất  
 Sinh trưởng tất cả vật  
 Tất cả loài hữu tình  
 Cho đến những ngọc quý  
 Tạng thức cũng như vậy  
 Chỗ nương của các thức  
 Ví như con chim công  
 Lông cánh nhiều màu sắc  
 Trống, mái ưa thích nhau  
 Cùng vui vẻ náo nức  
 Người định quán Lại-da  
 Nên biết cũng như vậy  
 Chủng tử và các pháp

Cùng lần lượt nương nhau  
Ví như trăm dòng sông  
Ngày đêm chảy ra biển  
Dòng sông vẫn không cạn  
Biển thì cũng chẳng khác  
Tạng thức cũng như vậy  
Thâm sâu không có bờ  
Tập khí của các thức  
Ngày đêm thường lưu chuyển  
Như đất có nhiều báu  
Và các loài vật khác  
Ban cho các chúng sinh  
Tùy theo người lấy dùng  
Tạng thức cũng như vậy  
Cùng khởi các phân biệt  
Tăng trưởng ở sinh tử  
Chuyển y thành Chánh giác  
Hành thiện, hành thanh tịnh  
Ra khỏi cả mười Địa  
Vào trong địa Như Lai  
Mười lực đều viên mãn  
Chánh trụ nơi thực tế  
Thường hằng không ngoại diệt  
Như đất không phân biệt  
Ứng hóa không tận cùng  
Như mùa xuân hoa nở  
Chim, người đều vui thích  
Thức chấp trì cũng vậy  
Người định nhiều mê chấp  
Như vậy các Phật tử  
Không tuệ lia chân thật  
Không hoàn toàn biết nghĩa  
Vọng nói sinh quyết định

Lời phi pháp, lý gian  
 Mê hoặc các chúng sinh  
 Trụ ở các pháp khác  
 Sinh lời nói khác nhau  
 Ví như nhà huyền thuật  
 Khéo dùng các chú thuật  
 Ở chỗ không hoa quả  
 Hiện đủ thứ hoa quả  
 Trí phương tiện thiện xảo  
 Phật, Bồ-tát cũng vậy  
 Trụ thế gian khác nhau  
 Mà an lập riêng biệt  
 Thuyết vô số pháp môn  
 Dẫn dắt không cùng tận  
 Pháp chân thật quyết định  
 Trong Mật nghiêm hiện rõ  
 Sáu giới và mười tám  
 Mười hai xứ thù thắng  
 Dậy ý bị dẫn dắt  
 Nên chúng sinh lưu chuyển  
 Tám thức các giới, xứ  
 Cùng hòa hợp sinh khởi  
 Thân trước và thân sau  
 Từ nơi ý mà chuyển  
 Phật thuyết Tạng thức này  
 Nhân biến thiên lưu chuyển  
 Sinh ra tất cả thân  
 Liên tục không đoạn dứt.

Lúc Bồ-tát Kim Cang Tạng thuyết về nghĩa tối thắng của các giới, xứ rồi, các Đại Bồ-tát ở trong cung điện Ma-ni bảo tạng thanh tịnh được sự không sợ hãi liền đến trước đảnh lễ. Lại có vô lượng chư Phật, Bồ-tát từ cõi nước đến đồng tán thán:

–Lành thay! Lành thay!



Trong chúng lại có vô lượng Bồ-tát, chư Thiên và các Thiên nữ đều đứng dậy chấp tay cùng nhau chiêm ngưỡng và nói kệ:

Trong tất cả người định  
 Nhân giả là Thượng thủ  
 Nay vì các Bồ-tát  
 Thuyết pháp diệu tối thắng  
 Xa lìa các ngoại đạo  
 Và các luận chấp ngã  
 Nhân giả đã chỉ rõ  
 Sáu giới tịnh tối thắng  
 Chỉ các giới hợp lại  
 Theo nhân để duy chuyển  
 Ví như trong hư không  
 Có dấu chim hiện rõ  
 Cũng như lìa nơi cây  
 Lửa được cháy hừng hực  
 Dấu chim hiện trong không  
 Lìa cây mà có lửa  
 Ta và các thế gian  
 Chưa từng thấy việc này  
 Chim bay nhờ lông cánh  
 Không có vết trong không  
 Nhân giả thuyết tối thắng  
 Cùng giống tướng dấu chim  
 Vì sao nơi các cõi  
 Có được nghĩa luân hồi  
 Mà thuyết giới tối thắng  
 Thường lưu chuyển sinh tử  
 Thọ các quả khổ vui  
 Nghiệp đã tạo không mất  
 Như nông phu trồng trọt  
 Chưa từng gặt được quả  
 Thân người cũng như vậy

Trú thân tu hạnh lành  
 Đời nay và đời sau  
 Hưởng quả vui trời, người  
 Hoặc thường tu phước đức  
 Tích tập nhân làm Phật  
 Trí tuệ và giải thoát  
 Mau thành Bạc Chánh Giác  
 Sinh cõi trời Tự tại  
 Quán hành thấy nghĩa thật  
 Nếu lìa cõi tối thẳm  
 Tất cả đều không có  
 Bạc trượng phu lưu chuyển  
 Ở trong chốn sinh tử  
 Dưới từ ngục A-tỳ  
 Trên đến các cõi trời  
 Nghiệp này phải chịu quả  
 Sự tạo tác không mất  
 Hoặc trong ngoài thế gian  
 Hỗ tương mà sinh khởi  
 Pháp này giống pháp kia  
 Pháp kia từ đây sinh  
 Tuy lìa cõi tối thẳm  
 Làm người cõi luân hồi  
 Như nói con Thạch nữ  
 Uy nghi đi tới lui  
 Thở có sừng bén nhọn  
 Trong cát sinh ra dầu.

Lúc ấy, các Bồ-tát, chư Thiên và Thiên nữ nói lời này rồi, cùng nhau cúng dường Bồ-tát Kim Cang Tạng và các Bồ-tát. Cúng dường xong, họ lại đồng tâm mà nói kệ:

Pháp nhĩn đủ không khuyết  
 Nhân, dụ đều trang nghiêm

*Bao gồm luận thuyết khác  
Tự hiển bày công đức.  
Nên bậc Đại tinh tấn  
Ứng hợp mau khai diễn  
Trời, người trong hội này  
Đều nhất tâm lắng nghe.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng dùng kệ đáp:

*Pháp này sâu khó bàn  
Không thể phân biệt được  
Lý Quán hành thanh tịnh  
Nhân, dụ đã mở bày.  
Ta ở cõi Mật nghiêm  
Tu định rồi tuyên thuyết  
Hàng trời, người các ông  
Nên nhất tâm lắng nghe.*

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói lời này rồi, hướng về Đại thọ Khẩn-na-la vương nói kệ:

*Đại Thọ Khẩn-na-la  
Ông nên biết pháp tánh  
Các pháp làm sao trụ  
Tánh không không thật có.  
Thấy tương ứng như vậy  
Thiền định không mê hoặc  
Như ăn một hạt cơm  
Có thể biết hạt khác.  
Các pháp cũng như vậy  
Biết một tức biết nhiều  
Như vánh sữa đông lại  
Dùng đầu ngón tay biết.  
Các pháp tánh như vậy  
Đem một pháp quán sát  
Pháp tánh chẳng phải có*

*Cũng chẳng phải là không.  
Biến đổi của tạng thức  
Lấy tạng không làm tướng.*

Lúc ấy, Đại thọ Khẩn-na-la vương nói kệ:

*Vì sao trong tâm lượng  
Mà có cõi và người  
Vì sao sinh các cõi  
Cứng uớt và nóng động.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nghe nói rồi dùng kệ đáp:

*Lành thay! Đại thọ vương  
Nay ông hỏi điều này  
Muốn khiến người tu hành  
Tâm họ được chân thật.  
Nay ta vì ông nói  
Đàn sư nên lắng nghe  
Ông xưa ở cung điện  
Cùng với các quyến thuộc.  
Từ trên không ca múa  
Mà đi đến chỗ Phật  
Tay ông thường gảy đàn  
Dùng lưu ly trang sức  
Tấu lên tiếng hòa nhã  
Làm vui lòng mọi người  
Vô lượng các Thanh văn  
Ở chỗ Phật thấy nghe  
Không thể ngồi yên được  
Đều đứng dậy múa hát  
Lúc Đại sĩ Thiên Quang  
Bảo với Ca-diếp rằng  
Các ông, bậc lia dục  
Vì sao còn nhảy múa?  
Bấy giờ, Đại Ca-diếp*

*Thưa Đại sĩ Thiên Quang  
Bồ-tát có sức mạnh  
Ví như cơn gió lốc  
Thanh văn trí vô định  
Như hắc sơn lay động  
Tuy là hoặc phân biệt  
Còn nhiễm tập khí xấu  
Bỏ hết các tập khí  
Tâm tịnh nên thành Phật.  
Ông đối cảnh vi tế  
Tâm ấy đã thông đạt  
Nhiều Luận thuyết trong đời  
Biết rõ và quyết định  
Khéo đối với các tướng  
Và pháp Phật thanh tịnh  
Ông ở trong cung điện  
Cùng quyến thuộc vây quanh  
Thanh tịnh và tốt đẹp  
Ví như trăng rằm sáng  
Có thể tu quán hành  
Ở trong chúng tự tại  
Hỏi ta cõi và người  
Vì sao từ tâm khởi  
Ông và các Phật tử  
Nên nhất tâm lắng nghe  
Trong cảnh giới các ông  
Tâm là cõi tối thắng  
Các cõi nhân đây sinh  
Nghĩa này ta sẽ thuyết  
Như ẩm ướt sinh nước  
Nóng quá sinh ra lửa  
Tạo các nghiệp dao động  
Nhân đó sinh ra gió*

*Từ sắc phân chia ra  
 Có đất và hư không  
 Cảnh giới và các tập  
 Tự tập do thức sinh  
 Nhãn đối với các sắc  
 Mỗi tướng trạng khác nhau  
 Đây sinh ra cửa rộng  
 Các cõi thường tương trụ.*

Khi ấy, ở trong cung Ma-ni bảo tạng tự tại, Bồ-tát Trì Tấn cùng vô lượng Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu, đảnh lễ, đem các thứ tốt đẹp cúng dường Bồ-tát Kim Cang Tạng, lại giảng lưới báu che khắp phía trên Bồ-tát, cùng tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Và nói kệ:

*Tôn giả trụ mây pháp  
 Khéo nhập vào cõi Phật  
 Thường vì các Bồ-tát  
 Khai thị cảnh Như Lai.*

Bấy giờ, Đại thọ Khẩn-na-la vương cùng các thể nữ đem đủ thứ phẩm vật tốt đẹp cúng dường xong liền nói kệ:

*Lành thay! Kim Cang Tạng  
 Bạc đắc Vô sở úy  
 Vì chúng tôi khai diễn  
 Pháp vi diệu Như Lai  
 Nay điện ma-ni này  
 Rất thanh tịnh tốt đẹp.*

Lúc ấy, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Thiên Quang, Bồ-tát Tổng Trì Vương Bồ-tát Nhất Thiết Nghĩa Thành. Những vị Đại Bồ-tát như vậy cùng với vô lượng người tu Quán hành đều là những chư Thiên có oai đức lớn có thể mở bài được tâm Quán hành, từ chỗ ngồi đứng dậy cùng nhau quan sát hướng về Bồ-tát Kim Cang Tạng, mà nói kệ:

Xin nguyện Kim Cang Tôn  
Chỉ rõ pháp Nhãn tạng  
Tôn giả hiện tướng lành  
Tất cả đều thấy biết.  
Thường giữ niệm Như Lai  
Được chư Thiên tôn kính  
Nay cả đại chúng này  
Đồng tâm cùng khuyến thỉnh  
Bậc quán hành tự tại  
Xin khai thị Mật nghiêm  
Khiến khắp các thế gian  
Được pháp chưa từng có  
Pháp này rất thanh tịnh  
Xa lìa pháp ngôn thuyết  
Hóa thân Phật, Bồ-tát  
Trong kinh chưa khai diễn  
Các Thánh hiện pháp lạc  
Thấy cõi chân vô lậu  
Tự thấy biết chỗ hành  
Thanh tịnh không ai bằng  
Đầy đủ các Tam-muội  
Và các Đà-la-ni  
Được tự tại giải thoát  
Mười thứ ý sinh thân  
Cõi nước Phật Nghiêm Tịnh  
Số không thể nghĩ bàn  
Phật và các Bồ-tát  
Hóa thân như vi trần  
Đến như đầu sợi lông  
Một phần trong trăm phần  
Cõi nước Phật Mật Nghiêm  
Tối thắng trong các cõi  
Người tu pháp Quán hành

*Sinh đến trong cõi này  
 Đây do nhân duyên gì?  
 Xin Phật tử tuyên thuyết.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm trên thân, vì muốn chỉ bày pháp không phân biệt, lìa phân biệt, trước hết dùng mắt Phật pháp như Sư tử chúa quán sát khắp đại chúng biết trí lực của họ có thể nghe và thọ trì, liền dùng tiếng Phạm âm, tiếng Ca-lăng-già, tiếng tướng lười rộng dài trong sáng, âm thanh ấy không thô bạo, nhẹ nhàng, dễ nghe, khiến đại chúng được nghe đều vui mừng, tiếng Kiện-la-ma, Ô-tha-đa, Tất-lợi-đa, Ly-sa-bà, Bàn-giá-ma, Tỳ-lam-nhi đàm-độ-lộ, đều đầy đủ vô lượng công đức giống nhau. Những âm thanh ấy làm cho người nghe tâm không mê chấp, có thể hiểu rõ tướng các âm thanh ấy. Tất cả Trời, Người, Càn-thát-bà đều vui thích. Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng không dùng lời nói chỉ dùng nguyện lực của mình, trên thân từ đỉnh đầu, vầng trán, lông mi, mũi cho đến hai vai, đầu gối giống như biến hóa tự nhiên phát ra những âm thanh như vậy, thuyết giảng pháp Nhân cho đại chúng. Như ngỗng chúa che chở cho đàn ngỗng ở trên bãi cát trắng đẹp, ở trong cung Tự tại thanh tịnh, đại chúng vây quanh cũng trong nghiêm như vậy. Như ánh sáng của mặt trăng và các ngôi sao ở giữa hư không, Bồ-tát Kim Cang Tạng cũng như vậy, ngồi trên tòa Sư tử tỏa ánh sáng che khắp tất cả những người tu hành, như ánh sáng mặt trăng không khác. Phật và Bồ-tát Kim Cang Tạng cũng giống nhau chẳng khác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Như Thật Kiến là bậc Thượng thủ trong Đại chúng trụ trong địa tu hành từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay cung kính nhìn các Bồ-tát mà nói kệ:

*Hay thay! Pháp Đại thừa  
 Vì diệu khó nghĩ bàn  
 Cảnh giới của Như Lai  
 Đại chúng nên đánh lễ  
 Pháp lìa cấu không lường  
 Hy hữu rất khó gặp*



Trong tất cả cõi nước  
 Được chư Phật quán sát  
 Nghĩa Đại thừa chân thật  
 Thanh tịnh không luận bàn  
 Xa lìa các phân biệt  
 Đạt đến đạo vi diệu  
 Cảnh giới của tám thức  
 Các tự tánh sai khác  
 Năm pháp và vô ngã  
 Riêng biệt mà khai thị  
 Năm phiền não trói buộc  
 Sinh vào các cõi ác  
 Gặp pháp vi diệu này  
 Thanh tịnh như vàng ròng  
 Người đã được thanh tịnh  
 Trụ trong chủng tánh Phật  
 Tánh Như Lai vi diệu  
 Hơn Thanh văn, ngoại đạo  
 Trong tất cả cõi nước  
 Mật nghiêm là hơn hết  
 Thành tựu chủng tánh rồi  
 Sinh vào cõi nước này  
 Tôn giả Kim Cang Tạng  
 Đã đắc Tam-muội gì  
 Mà thuyết pháp thanh tịnh  
 Là cảnh Tam-muội gì?

Bấy giờ, trong hội có vô lượng chúng Bồ-tát cúi đầu làm lễ mà nói kệ:

Đại trí Kim Cang Tạng  
 Nguyên vì tôi giảng nói  
 Trụ trong Tam-muội gì  
 Để thuyết giảng pháp này

*Các Đại chúng ở đây  
Tất cả đều muốn nghe.*

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bậc Vô úy quán khắp trong chúng hội xem lực trí tuệ của họ có thể nghe và thọ nhận pháp khó nghĩ bàn này hay không? Quán sát rồi, biết đại có thể nhận pháp này, liền nói kệ:

*Nay đại chúng các ông  
Nên nhất tâm lắng nghe  
Ta sẽ vì các ông  
Thuyết pháp diệu chuyển y  
Tam-muội ta đã chứng  
Là Đại thừa oai đức  
Bồ-tát trụ trong đó  
Giảng thuyết pháp thanh tịnh  
Cũng thấy ức cõi nước  
Có các Đức Như Lai  
Ức số như vi trần  
Ở trước mà khen ngợi  
Lành thay! Ông đã thuyết  
Pháp quán hành như vậy  
Các Đức Phật Như Lai  
Đều hành Tam-muội này  
Ở đây được tự tại  
Thanh tịnh thành Chánh giác  
Chưa từng có một Phật  
Sinh ngoài Tam-muội này  
Vì thế Tam-muội này  
Tư duy không thể được  
Nếu có các Bồ-tát  
Trụ ở Tam-muội này  
Tức trụ trong cảnh giới  
Chư Phật khó nghĩ bàn*

Tự chứng cảnh trí tuệ  
Và thấy các Đức Phật  
Biến hóa trăm ngàn ức  
Cho đến như vi trần  
Tự chứng được diệu lý  
Chư Phật đã an trú  
Pháp không có các tướng  
Xa lìa các thanh sắc  
Danh từ nơi tướng sinh  
Tướng từ nhân duyên khởi  
Đây sinh hai phân biệt  
Các pháp tánh như như  
Ở đây khéo quán sát  
Đây gọi là Chánh trí  
Gọi là tánh Biến kế  
Là tướng Y tha khởi  
Hai danh, tướng đều chuyển  
Đây là Đệ nhất nghĩa  
Tạng thức ở trong thân  
Tùy chỗ mà lưu chuyển  
Tập khí chất như núi  
Ý nhiễm bị ràng buộc  
Mạt-na có hai cửa  
Ý thức đồng thời khởi  
Năm cảnh hiện tại chuyển  
Các thức thân hòa hợp  
Giống như có ngã, nhân  
Đang trụ ở trong thân  
Dòng nước của Tạng thức  
Bị gió cảnh giới thổi  
Sinh các làn sóng thức  
Liên tục không gián đoạn  
Phật và các Bồ-tát

Biết pháp đều vô ngã  
 Đã được thành Phật rồi  
 Lại vì người giảng nói  
 Phân tích nơi các uẩn  
 Thấy không tánh ngã, nhân  
 Biết pháp chẳng có không  
 Đây vì Thanh văn thuyết  
 Bồ-tát khéo quán sát  
 Nhân pháp nhị vô ngã  
 Quán rồi liền xa lìa  
 Không trụ nơi thật tế  
 Nếu trụ vào Niết-bàn  
 Thì bỏ tâm đại Bi  
 Công đức không thành tựu  
 Chẳng đắc thành Chánh giác  
 Trí hy hữu khó bàn  
 Lợi khắp các chúng sinh  
 Như sen ra khỏi bùn  
 Sắc tướng rất trang nghiêm  
 Chư Thiên và Thánh nhân  
 Thấy đều sinh cung kính  
 Như vậy Phật, Bồ-tát  
 Ra khỏi bùn sinh tử  
 Thành Phật tánh thanh tịnh  
 Được chư Thiên kính ngưỡng.  
 Từ Bồ-tát Sơ địa  
 Hoặc Chuyển luân thánh vương  
 Thiên chủ, A-tu-la  
 Và vua Càn-thát-bà  
 Người liễu ngộ Đại thừa  
 Đều được thân như vậy  
 Dần dần mà tu hành  
 Quyết định sẽ thành Phật

Vì thế các Phật tử  
 Phải nên nhất tâm học  
 Các thế gian chúng sinh  
 Cùng các pháp nhiễm tịnh  
 Đều nương vào thức này  
 Làm nhân mà được sinh  
 Nhân này hơn tất cả  
 Bậc thật chứng nêu bày  
 Chẳng phải do ai tạo  
 Giải thoát cũng như thế  
 Thế Tôn thuyết thức này  
 Vì trừ các tập khí  
 Hiểu biết giải thoát rồi  
 Thức này cũng chẳng có  
 Lại-da có thể được  
 Giải thoát chẳng phải thường  
 Tạng Như Lai thanh tịnh  
 Cũng gọi vô cấu trí  
 Thường trụ không đầu, cuối  
 Là tứ cú ngôn từ  
 Phật thuyết Như Lai tạng  
 Dụng là A-lại-da  
 Ác tuệ không thể biết  
 Tạng thức tức Lại-da  
 Tạng Như Lai thanh tịnh  
 A-lại-da thế gian  
 Như vàng ròng và nhẫn  
 Tương đương không sai khác  
 Ví như người thợ vàng  
 Đem vàng ròng sạch, đẹp  
 Làm những đồ trang sức  
 Dùng để đeo ở tay  
 Các vật tương khác nhau

Gọi tên là vòng, nhẫn  
 Các Thánh nhân hiện tại  
 Tự chứng được trí cảnh  
 Công đức dần tăng trưởng  
 Tự biết không thể nói  
 Người tu các pháp định  
 Biết cảnh chỉ là thức  
 Chứng đắc Địa thứ bảy  
 Chuyển diệt không còn sinh  
 Sở hành của tâm thức  
 Tất cả các cảnh giới  
 Sự thấy tuy khác nhau  
 Chỉ là thức không cảnh  
 Bình, vổ và các vật  
 Cảnh giới đều là không  
 Tâm biến hiện cảnh sinh  
 Có năng chấp sở chấp  
 Ví như trăng và sao  
 Nương Tu-di vận hành  
 Các thức cũng như vậy  
 Thường nương Lại-da chuyển  
 Nên biết thức Lại-da  
 Tức gọi là Mật nghiêm  
 Ví như vàng ròng quý  
 Đủ ánh sáng, màu sắc  
 Tự chứng cảnh thanh tịnh  
 Ngoài cảnh giới phân biệt  
 Tánh xa lìa phân biệt  
 Phân biệt không thể có  
 Thể tánh chân thật thường  
 Người định có thể thấy  
 Cảnh hành của ý thức  
 Chỉ trói buộc phàm phu

*Bậc Thánh thanh tịnh thấy  
Giống như những sóng nắng.*

Lúc Thế Tôn nói kinh này rồi, Bồ-tát Kim Cang Tạng cùng vô lượng Bồ-tát và vô số chúng từ các phương khác đến trong hội này nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.







SỐ 682

# KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

*Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không,  
chùa Đại hưng thiện.*

## BÀI TỰA BẢN DỊCH MỚI KINH MẬT NGHIÊM ĐỜI ĐẠI ĐƯỜNG

Trẫm từng nghe ở phương Tây có vị Thánh nhân, diễn nói lời pháp vô ngôn, rủ lòng dạy pháp mà không dạy, bày giải quyền thật, cứu giúp kẻ mù lòa, khiến cho kẻ làm việc lành không nhanh được nhanh, lợi ích cho người, từ địa vị phàm phu, liền thành Thánh quả, hướng dẫn kẻ mê muội đến đỉnh cao tốt, chỉ cho người đạt quán bằng thế giới Mật nghiêm siêu việt chẳng nhiễm tịnh, do ngã mà có thật đúng sai. Song nước Sở, nước Việt chẳng sinh ra chỉ trong tâm niệm, tức thì hiện trước mắt, đâu phải việc cá lặn chim bay.

Hay thay Mật Nghiêm! Dấu vết thì vượt khỏi ba cõi, lượng thì bao trùm pháp giới, tướng lìa dù là rất nhỏ, chẳng phải là chỗ Thanh văn nghe được, đâu phải là sắc, là có thể thấy được, vì thường giữ tâm thanh tịnh, cho nên được dẫn dò giao phó. Mục đích kinh này muốn thức suốt lặng yên, là hạt ngọc làm sạch nguồn ý, cuối cùng cây nhờ đó mà sự ngay thẳng có thể có được; soi sáng cảnh sạch trong sáng suốt của tự giác, đi sâu đến chỗ cao tốt của tâm, chỉ có kinh này mà thôi.

Phàm làm việc phiên dịch kinh này, là nhằm mục đích như vậy. Tuy phương ngôn có khác, mà bản chất vẫn đồng. Kinh này viết bằng

tiếng Phạm toàn là kệ tụng. Trước hết, dịch giả dịch bằng văn xuôi, rấn hóa thành rồng đâu cần đổi vảy, nhà trở thành quốc gia đâu cần đổi tên họ, như vậy có lằng lằng đâu mà cho là nặng, nhẹ, cho là cùng hay khác. Ngược lại càng thêm rõ ràng hết sức tốt đẹp.

Tam tạng Sa-môn Bất Không, ở chùa Đại hưng thiện, là bậc rường cột của thuở thượng pháp, chèo mái thuyền trong biển ái; cầm hạt ngọc giới, làm gương sáng nhập tâm; đi trên tuyết, cỡi trên mây, hiểu cùng tận chân đế của “Lộc dã.” Làm cánh bướm lướt trên biển, nghiên cứu sự sâu xa của ngài Mã Minh. Tiếng miêu tả có tám cách chuyển âm, lời lẽ hoàn mỹ cả hai bên, đủ để ta có được cái cửa mà dòm ngó, soi xét những ý nghĩa rất ráo được phơi bày.

Chiếu theo lệnh vua, chiêu tập Sa-môn nghĩa học mau đến kinh thành, ban cho chức Hàn lâm học sĩ như Liễu, Kháng... để dịch rõ kinh này, làm kinh hộ quốc... Đối chiếu với nhiều kinh chữ Phạm, phiên âm các chữ giản tự; căn cứ vào bản chánh, y theo lời tụng, làm cho mùi các chánh bản không thay đổi, tinh hoa như trăng sáng của kinh vẫn luôn luôn đầy đủ. Như vậy, chẳng phải không đẹp sao? Chẳng phải không đẹp sao?

Lời của trẫm kém hoa mỹ, văn thì không đủ tráng lệ, nhưng chí của trẫm, thì muốn lưu hành nghĩa lý sâu xa này, truyền bá cho đến muôn đời. Vì vậy mà có bài tựa của kinh này.

\*\*  
\*

# KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

## QUYỂN THƯỢNG

### Phẩm 1: ĐẠO TRÀNG MẬT NGHIÊM

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật với tất cả pháp tự tại vô ngại, trụ khỏi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, vô tướng; Đức Phật dùng sức Thần túc thông du hý ở thế giới Mật nghiêm. Thế giới này chẳng phải là cảnh giới ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, đến được. Cùng với Phật là những vị tu tập thắng Du-già và những vị Đại Bồ-tát trong ức cõi Phật, nhiều như vi trần, điều có mặt.

Những vị ấy tên là Đại Bồ-tát Tồi Nhất Thiết Ngoại Đạo Di Luận, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Thần Thông Vương, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, Đại Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Đại Bồ-tát Trì Tấn làm người đứng đầu; tất cả các vị đều vượt qua cảnh giới tâm, ý, thức của ba cõi, ứng thân theo sở nguyện, chuyển được sinh y, thành tựu Thủ-lăng-nghiêm địa Tam-muội Pháp vân như huyễn, được vô lượng chư Phật dùng tay xoa đầu, trụ ở cung Liên hoa ngoài ba cõi.

Bấy giờ, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri từ chỗ an trú pháp lạc, trong cảnh giới Thánh trí tự giác sâu xa vi diệu, phóng ra vô lượng màu sắc; rời từ Tam-ma-địa, rời khỏi điện Đế lô quang diệu trang nghiêm, cùng chư Bồ-tát vào điện Vô cấu nguyệt tạng.

Đức Phật bước lên tòa Sư tử đạo tràng Mật nghiêm; ngồi yên chỗ xong xem sét bốn phương, rồi từ ánh sáng trang nghiêm giữa hai lông mày phóng ra vô lượng trăm ngàn ánh sáng sạch trong, vây bủa

đan nhau thành võng lưới ánh sáng. Khi ánh sáng đó chiếu đến, tướng trang nghiêm của tất cả cõi Phật, đều hiện ra rõ ràng như là một cõi Phật. Những cõi Phật khác cũng được tô điểm trang nghiêm rất tinh tế nhiều như vi trần. Thế giới Mật nghiêm vượt trội hơn các cõi Phật khác, xa lìa mặt trời, mặt trăng và các vì sao, như là tánh vô vi, không giống vi trần. Trong cõi Mật nghiêm, Đức Phật và đệ tử, cùng những vị ở thế giới khác đến hội này, đang như trong Niết-bàn, lấy hư không Phi trạch diệt tánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi hiện những oai thần công đức tốt đẹp của Phật và Bồ-tát ở thế giới đó xong lại dùng Phật nhãn xem khắp các chúng Bồ-tát trong mười phương, rồi bảo Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến:

–Này Như Thật Kiến! Thế giới gọi là Mật nghiêm này trong đó đối với cõi Dục, Sắc, Vô sắc và nơi hữu tình vô tướng Bồ-tát dùng sức Tam-ma-địa, sinh ra lửa trí tuệ, thiêu đốt hết sạch sắc cho đến vô minh, chuyển sinh y, được thăng tỳ sở nguyện, trong sức bằng sức thần túc thông, cả toàn thân lúc này giống như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ngọc ma-ni và điện, như đế cung, san hô, hạt lợi-đa-la, vàng ròng, chiêm-bạc, khổng tước và ảnh tượng của trăng, hoa trong gương. Sắc thân như vậy, trụ ở các Địa, làm nhân tu vô lậu, nhờ Tam-ma-địa mà được tự tại; đem mười nguyện Vô tận hồi hướng hết, sẽ được thân thù thắng và đến được cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, lễ Phật, chấp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi cúi xin Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri rủ lòng thương xót, cho phép con nói.

Phật bảo Như Thật Kiến:

–Hay thay! Hay thay! Tùy theo lời ông hỏi, ta sẽ nói để làm cho tâm ông được vui lòng.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến, được Đức Phật cho phép, liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có phải chỉ có cõi Phật này là siêu việt hơn

cõi Dục, Sắc, Vô sắc và cảnh giới của hữu tình vô tướng không?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Từ đây trở lên, qua trăm ức cõi Phật, có các cõi Phật như Phạm âm, cõi Phật Ta-la Thọ Vương, cõi Phật Tinh Tú Vương; qua những cõi Phật như vậy, lại có vô lượng trăm ngàn cõi Phật khác rộng lớn, nguy nga, tráng lệ; là chỗ trang nghiêm của chúng hội Bồ-tát. Chư Phật trong đó, đều vì Bồ-tát, nói về pháp lạc hiện tại tự giác Thánh trí, xa lìa phân biệt, đạt được chân như thật tế, là pháp rốt ráo của cảnh giới đại Niết-bàn. Cho nên phải biết, ngoài cõi này, còn có vô lượng cõi Phật như vậy.

Này Như Thật Kiến! Trong chúng hội Bồ-tát, nơi cõi Mật nghiêm này, không phải chỉ có ông sinh tâm hạn lượng, thưa hỏi Như Lai đâu. Ở đây có Đại Bồ-tát, tên là Trì Tấn, đối với cảnh giới của Phật, đã sinh tâm hạn lượng, dùng thần thông, bay lên phương trên, vượt qua trăm ngàn câu-chỉ và Căng-già sa... thế giới chư Phật, như không thể thấy được cảnh của Như Lai, liền cho là điều hiếm có, biết Phật và Bồ-tát là không nghĩ bàn, đành phải trở lại thành Xá-vệ, ở thế giới Ta-bà, vội tới gặp ta, sám hối tạ tội; khen công đức của Phật là vô lượng, vô biên, giống như hư không, trụ trong cảnh tự chứng, đến cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, trong hội, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, là vị có khả năng diễn thuyết tướng của các Địa rất sâu sắc, vững chắc, đến tận nguồn gốc của các Địa ấy; từ chỗ ngồi, đứng dậy, trích áo vai hữu, gối phải quỳ sát đất, đánh lễ Phật, chấp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có ít việc muốn hỏi Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, cúi xin Thế Tôn Từ bi dạy cho con.

Phật bảo:

–Này Kim Cang Tạng! Ông muốn hỏi ta điều gì? Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ tùy theo chỗ nghi của ông mà giảng thuyết cho.

Được Phật cho phép, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật nghĩa là gì? Giác ngộ về điều gì? Cúi xin Thế Tôn giảng nói về cảnh giới thắng nghĩa, cho biết pháp tánh

của Phật; để cho những vị tu hạnh Bồ-tát trong ba đời, đối với cái thấy về các sắc tướng đã tích tập và để cho các ngoại đạo dị luận còn bị dính mắc tu hành theo cảnh giới phân biệt, khởi lên những hiểu biết vụn vặt về tánh tự tại, thời, phương, hư không, ngã, ý căn, cảnh và hòa hợp; những cái thấy biết như vậy, sinh ra sự dính mắc vô minh, ái, nghiệp, nhãn sắc với nhãn, lúc đó lại duyên sắc và tác ý; những pháp như vậy, làm nhân duyên cho nhau, như đẳng vô gián duyên; tăng thượng duyên, sở duyên duyên, chúng hòa hợp sinh ra thức dính mắc vào hành, rồi sinh ra có, không... cùng đủ các loại ác giác ở trong ngã pháp, lại có những người đối với các uẩn của hữu tình, rơi vào không tánh kiến. Vì muốn cắt đứt sự hiểu biết mê lầm như vậy, cúi xin Thế Tôn chỉ cho phương pháp thoát ly tướng sở tri của năm loại thức, để có thể đối với các pháp được sự tự tại; làm cho chúng con nghe và hiểu được về nghĩa Phật, về giác ngộ đại Bồ-đề, rồi nhờ giác ngộ về tướng sở giác tri của năm loại thức mà thành Chánh giác.

Bấy giờ, Phật khen Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Hay thay! Hay thay! Kim Cang Tạng! Tự tại mười Địa có đại thông tuệ, vượt qua cảnh giới phân biệt, thường muốn hiện bày pháp tánh Phật chủng tối thắng Du kỳ; không phải chỉ có ông, đối với nghĩa Phật Bồ-đề sở giác mà sinh ý niệm hiểm có, thưa hỏi ta đâu. Đã có Hiền Huyền và vô lượng Phật tử, đối với nghĩa này, sinh tâm hiểm có, dùng đủ các loại suy nghĩ để chọn lựa tìm cầu thể Phật.

Như Lai nghĩa là gì? Sắc là Như Lai chăng? Khác với sắc là Như Lai chăng? Như vậy, ở trong uẩn, xứ, giới và các hành, trong ngoại mà tìm cầu thì không thể thấy Như Lai; vì tất cả đều là pháp được tạo ra, nên hoại diệt; trong uẩn không có Như Lai, phân tích cho đến cực vi, đều không thấy được. Vì sao dùng diệu trí tuệ, định ý, quán đúng, cũng không thấy được? Vì uẩn là thấp hèn, nhiễm ô; còn Như Lai là Pháp thân thường trú.

–Thiện nam! Ông có thể nhập vào pháp giới sâu xa. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ kỹ! Ta sẽ vì ông nói.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng yên lặng thọ giáo.

Phật nói:

–Thiện nam! Tam-ma-địa Thắng tự tại kim cang tạng. Như Lai chẳng phải uẩn, cũng chẳng phải khác uẩn; chẳng phải nương uẩn, cũng chẳng phải không nương uẩn; chẳng sinh, chẳng diệt; chẳng tri, chẳng sở tri, chẳng căn, chẳng cảnh. Vì sao? Vì uẩn, xứ, giới và căn, cảnh... đều là hữu lậu, không nên trong ngoài ở chúng mà tìm kiếm Như Lai. Vả lại, sắc là vô tri giác, không có sự nhớ suy, sinh rồi phải diệt, giống với cây, cỏ, gạch, ngói, do vi trần hợp thành, như bọt nước tụ. Còn thọ thì nhờ hai pháp hòa hợp mà sinh; giống như ý tưởng về bọt nước, áo, bình... cũng từ hai nhân duyên đó, hòa hợp mà sinh ra; như bóng nắng, do ánh sáng mặt trời chiếu xuống đất, hơi nóng bốc lên như làn sóng nước; những loài chim thú... vì quá khát, ở xa nhìn thấy, cho đó là nước thật. Tưởng cũng như vậy, không có thể tánh, giả dối, không thật, chỉ là trí phân biệt, giống như thấy tánh của mọi thể tướng khác nhau phải nhờ danh tự mới được. Định là quán sát chúng thật kỹ, ví như thổ có sừng, Thạch nữ có con... đó chỉ có giả danh; như sắc trong mộng, chỉ vọng tưởng mà thấy, thức dậy thì chẳng có, trong mộng vô minh thấy đủ các loại hình sắc của nam nữ... khi thành Bạc Chánh Giác, thì không còn thấy cái đó. Hình như thân cây chuối, bên trong không có lõi; lìa khỏi cảnh của thân, thì không có thể tánh. Hiểu biết các việc đều như mộng ảo, trống rỗng, giả tạo, không thật. Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta, dựa vào những loại cây, cỏ, gỗ, gạch, ngói mà bày ra các hình tượng đầy màu sắc; còn giả làm hình dạng người, voi, ngựa... với đầy đủ các loại hình tướng trang nghiêm xinh đẹp. Người ngu tham cầu cái không thật, đó chẳng phải là trí sáng. Sự hiểu biết cũng lại như vậy, dựa vào cái khác mà hoạt động, toan tính phân biệt cùng khắp, sinh ra ôm giữ hai loại là năng thủ và sở thủ. Nếu tự mình biết rõ như vậy, tức là chuyển đến chỗ diệt hết. Cho nên thể của chúng vốn không, giống với kẻ không thật.

Này Kim Cang Tạng! Như Lai là thường trụ, luôn không thay đổi, là cảnh giới tu quán hạnh niệm Phật, gọi là Như Lai tạng; giống như hư không, chẳng thể hoại diệt, gọi là cảnh giới Niết-bàn, còn gọi là pháp giới. Ba đời chư Phật Thế Tôn, đều tùy thuận theo đây mà

tuyên thuyết. Như Lai ra đời hoặc không ra đời, thì tánh này vẫn thường trụ, gọi là pháp trú tánh, pháp giới tánh và Ni-dạ-ma tánh.

Này Kim Cang Tạng! Vì nghĩa gì, gọi là Ni-dạ-ma? Vì xa lìa được tất cả lỗi lầm đưa đến thân sau; lại nữa, Tam-ma-địa này, chắc chắn dứt trừ những điều ác, cho thân sau, nên gọi là Ni-dạ-ma. Nếu có người, trụ ở Tam-ma-địa này đối với các hữu tình, tâm không luyến ái, nên chứng được thật tế và Niết-bàn, thì cũng như cục sắt nóng, bỏ vào nước lạnh, xả bỏ hữu tình cũng vậy. Chư Bồ-tát xả, mà không chứng. Vì sao? Vì đại tinh tấn, đại Bi và các Độ, là các đoạn hạt giống Phật, hướng theo Thanh văn thừa, đi trên con đường ngoại đạo tà kiến? Vì bùn lầy Tam-ma-địa sẽ làm chìm mất, giống như voi già lún nơi bùn lầy; mùi vị cảnh giới định cũng lại như vậy, thoái chuyển tất cả pháp môn của Phật, thì không được nhập vào rốt ráo tuệ. Thế nên, Bồ-tát xả mà không chứng, chỉ trụ đến gần kề mà thôi; dùng rốt ráo tuệ, nhập vào Pháp thân Phật, giác ngộ được oai đức rộng lớn của Như Lai, sẽ thành Chánh giác, chuyển bánh xe diệu pháp, thì cảnh giới của trí và các sắc sẽ là những tư dụng, nhập vào định Như Lai, vui trong cảnh giới Niết-bàn. Tất cả Như Lai làm cho thoát ra khỏi định, lần lượt gia hạnh, vượt qua Địa thứ tám, khéo léo quyết chọn đến địa Pháp vân, thọ dụng oai đức rộng lớn của Như Lai, nhập vào cảnh giới nội chứng của chư Phật, cùng với Vô công dụng đạo Tam-ma-địa tương ứng, đạo khắp mười phương, không rời chỗ cũ, mà vẫn luôn dựa vào cõi Phật Mật Nghiêm. Đây đủ Kim Cang tự tại đại biến hóa, hiện ra cõi Phật, mà thành tự tại, chuyển sinh y thành trí Tam-ma-địa và tùy nguyện thọ thân, đầy đủ Thần thông, bước đi oai đức giống như ngỗng chúa. Ví như trăng sáng, bóng hiện khắp những nơi trong nước, Phật cũng như vậy, tùy theo các hữu tình mà hiện các sắc tướng, đối với các chúng hội đều đem lại lợi ích; lại còn khiến đến cõi Phật Mật Nghiêm, tùy theo tánh muốn đó mà mở bày chỉ bảo dần dần, sẽ vì tất cả Bồ-tát, tất cả Thiên vương tự tại ở cõi Dục mà nói, sẽ làm thanh tịnh cung điện ma-ni bảo tạng, làm cho mọi nơi đều an lạc... lần lượt cho đến các Địa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, hiện ra sự giàu có, an vui, công đức trang nghiêm cho đến tận đời vị lai, tùy theo căn cơ mà ứng hiện. Giống như các tiên thành



tự được sức Tổng trì... và các thần ở cung điện Linh tiên cùng nhân hành mà không thể thấy.

Như Lai trụ nơi chân thân, ẩn hiện biến hóa chỉ dạy đã xong mà không thể thấy, cũng như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ:

*Căn, uẩn như ổ rắn  
Cảnh giới duyên chỗ xúc  
Vô minh sinh ái, nghiệp  
Huân tập trời buộc chặt  
Tâm, tâm sở, ác giác  
Vây trời như rồng quấn  
Độc giận lại nổi lên  
Như ngọn lửa bùng cháy.  
Những người tu quán hạnh  
Thường nên quán như vậy:  
Xả bỏ các uẩn, pháp  
Một lòng không biếng trễ  
Như ở giữa hư không  
Không cây mà có bóng  
Làn gió, dấu chân chim  
Muốn thấy, khó thể được  
Vội năng tạo, sở tạo  
Trong sắc và phi sắc  
Muốn tìm thấy Như Lai  
Điều đó khó cũng vậy.  
Chân như và thật tế.  
Cùng thể tánh chư Phật  
Sở hành của nội chứng  
Cảnh giới không nói được  
Niết-bàn gọi là Phật  
Phật cũng gọi Niết-bàn  
Lìa năng sở phân biệt  
Làm sao mà thấy được.*

Vàng vụn còn ở quặng  
 Trong quặng không thấy vàng  
 Người trí khéo nấu lọc  
 Vàng ròng mới hiện ra.  
 Phân tích nơi các sắc  
 Cho đến cùng cực nhỏ  
 Để tìm cầu các uẩn  
 Hoặc một hoặc tánh khác  
 Thế Phật không thấy được  
 Cũng chẳng không, có Phật.  
 Người định, quán Như Lai.  
 Ba mươi hai tướng tốt  
 Và các việc khổ, vui  
 Đều làm cho sáng tỏ.  
 Vì vậy không nên nói  
 Định Như Lai là không  
 Có Phật Tam-ma-địa  
 Phật, thiện căn, thiện xảo  
 Phật, Nhất Thiết Thế Thắng  
 Và Phật, Chánh Đẳng Giác  
 Năm Đức Phật như vậy  
 Và những biến hóa khác  
 Như Lai tạng, có đủ  
 Ba mươi hai tướng tốt.  
 Cho nên Phật chẳng không  
 Người định thường quán thấy  
 Vượt ra ngoài ba cõi  
 Vô lượng chư cõi Phật  
 Cõi Như Lai vi diệu  
 Đầy khắp Phật tử tốt  
 Định tuệ cùng giúp nhau  
 Làm thành tánh vững chắc  
 Vui ở cõi Mật nghiêm

Tất cả đồng tướng Phật  
Siêu việt hơn sát-na  
Thường đến Tam-ma-địa.  
Định Thế Tôn hơn hết  
Các tướng để trang nghiêm  
Quán các pháp như mộng  
Hiện rõ nơi các pháp  
Chúng là Phật hóa thân  
Từ trời Đâu-suất xuống  
Phật đang trú Mật nghiêm  
Thân Phật hiện nơi đó  
Trụ chân mà chánh thọ  
Tùy duyên sinh các tướng  
Như trăng giữa hư không  
Hiện rõ nơi có nước  
Như bóng ngọc ma-ni  
Màu sắc đều hiện rõ.  
Như Lai trụ chánh định  
Ảnh hiện cũng như vậy  
Ví như hình với bóng  
Chẳng một, cũng chẳng khác  
Đấng Trượng Phu hơn vậy  
Thành tựu các sự nghiệp  
Chẳng hơn tánh cực vi  
Lúc nào cũng tự tại  
Cũng chẳng ngoài các duyên  
Mà làm ra thế gian.  
Như Lai dùng nhân duyên  
Trang nghiêm thân mình tạo  
Tùy chỗ cầu của đời  
Mới thấy đều hiện rõ.  
Tam-ma-địa du hý  
Trong ngoài đều có hết

Núi, sông, rừng, đồng trống  
Bạn bè cùng quyến thuộc  
Các sao và nhật, nguyệt  
Hiện hình trong gương sáng  
Các thế gian như vậy  
Thân này có tất cả  
Như tay nắm hạt cải  
Rải ra khắp mọi nơi.  
Phật ở định tự tại  
Mâu-ni tôn quý nhất.  
Không làm ra thế gian  
Chỉ có Phật hóa ra.  
Người ngu si vô trí  
Bị ác giác trói buộc  
Ôm lý lẽ có, không  
Thấy ngã và phi ngã  
Hoặc nói hoại hết thấy  
Hay nói một phần nhỏ  
Những loại người như vậy  
Thường tự tại thân mình.  
Phật khắp trong ba đời  
Làm Đại sư quán hạnh  
Xem đời như thành hồ  
Làm ra các sự nghiệp  
Cũng như sắc trong mộng.  
Nai khát thấy bóng nắng  
Cố sức làm các nghiệp  
Như dây mà buộc gió  
Phật dùng trí phương tiện  
Tự tại mà thấy biết  
Ví như người thợ giỏi  
Khéo điều khiển máy móc  
Như thuyền trưởng giữa biển

Tay giữ chắc lái thuyền  
 Vô biên tịch diệu nhất  
 Đấng Trượng Phu đầy đủ  
 Bậc lợi căn dễ chứng  
 Người độn căn xa lìa  
 Là người tu hành định  
 Sở y của diệu định  
 Người có đủ định tuệ  
 Rõ biết ở nơi tâm  
 Thể Phật thanh tịnh nhất  
 Chẳng có, cũng chẳng không  
 Xa năng giác sở giác  
 Và lìa nơi hạn lượng  
 Tâm diệu trí tương ưng  
 Là cảnh giới thù thắng  
 Các tướng vọng hiện ra  
 Lìa tướng là Như Lai  
 Thường đoạn các phiền não  
 Định không bị nhiễm ô  
 Không động và bị động  
 Ở trên đường vô nhiễm  
 Đủ các trời vi diệu  
 Càn-thát, A-tu-la...  
 Chúng tiên và ngoại đạo  
 Luôn ca ngợi cúng dường  
 Nơi kia, vui không sợ  
 Tâm không bị lay động  
 Do Du-già vốn tịnh  
 Cho nên vượt bờ kia  
 Phật hóa hiện dấu vết  
 Vì trời, người dạy nghiệp.  
 Phật chẳng hiện đây, kia  
 Như mặt trời, mặt trăng

Trụ nơi trí viên ứng  
 Là dục, hiện cõi người  
 Loài khác, các ngoại đạo  
 Điều tùy nghi điều phục  
 Đủ những loại trí, pháp  
 Vương luân, tứ phệ-đà  
 Đều là chư Như Lai  
 Giữ định lực mà nói  
 Hiện quốc vương triều hội  
 Và các lệnh các nước  
 Chấn sơn lâm tu đạo  
 Đều do Phật hiện hóa  
 Mười phương các kho báu  
 Sinh ra báu trong sạch  
 Là oai thần tự tại  
 Cửa Bạc Thiên Trung Tôn  
 Trí tuệ vượt ba cõi  
 Và các loại tài trí  
 Làm ra những phương tiện  
 Nhờ Phật mà thành tựu  
 Làm nhiều loại vòng hoa  
 Nghiệp hành đó là nhân  
 Vui cười những lành xảo  
 Giảng thuyết hiện ca vịnh.  
 Hoặc hiện sinh Đâu-suất  
 Nghiệp Thiên nữ vây quanh  
 Ca múa hòa vui sướng  
 Ngày đêm thường tập hợp  
 Hoặc hiện làm ma vương  
 Đấu đội bằng mao báu  
 Quản lý cả thế gian  
 Cho, lấy và bắt, thả  
 Tuy ở trong các loài

Hiện làm người trí sáng  
 Thường ở trong Mật nghiêm  
 Vững lặng không cử động  
 Cảnh Đại Mâu-ni này  
 Phàm ngu vọng phân biệt  
 Như người bị đau mắt  
 Như nai thấy sóng nắng  
 Như đời xem ảo thuật  
 Nắm lấy điều trong mộng  
 Cảnh giới Thiên trung thiên  
 Phật tử thấy rất thật  
 Vì do cảnh thù thắng  
 Như tỉnh ra khỏi mộng  
 Na-la, Y-xá-phạm  
 San-na, Đon diệu hỷ  
 Đồng tử Kiếp-tỳ-la  
 Các Thủ-ca, Thị Tướng  
 Cảnh giới hoặc loạn kia  
 Không thấy chánh Du-già  
 Tương lai, tiên khổ hạnh  
 Quá khứ và hiện tại  
 Vì tập khí che tâm  
 Đều không thể biết được  
 Lành thay! Kim Cang Tạng!  
 Đi khắp trong các Địa  
 Lại nhờ oai thần Phật  
 Mà ở cõi Mật nghiêm  
 Kim Cang tạng này đây  
 Thị hiện nhập đẳng trì  
 Cảnh giới chánh định ấy  
 Do đây cùng tương ứng  
 Nếu có vọng phân biệt  
 Thắng tánh cùng vi trần

Như thợ làm đồ vật  
 Các hình tướng khác nhau  
 Sinh chỉ là pháp sinh  
 Diệt cũng chỉ pháp diệt  
 Vọng chấp tất cả vật  
 Đều vì trần làm ra  
 Ví như đèn soi vật  
 Từ nhân biết được quả  
 Tướng đầu không nắm bắt  
 Về sau hoại cũng vậy  
 Chẳng phải trong quá khứ  
 Có thể mà tìm được  
 Vị lai cũng như vậy  
 Là duyên không có tánh  
 Xa lìa các loại duyên  
 Khấp cầu không có thể  
 Không thấy tánh có, không  
 Cũng không thấy có không  
 Phân biệt ngã, vi tế  
 Hữu tình như cái, bình  
 Dòng tà hoại chánh đạo  
 Có ba trăm sáu mươi  
 Qua lại trong sinh tử  
 Không có pháp Niết-bàn.

\*\*  
 \*

## Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 1)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến, với vô lượng oai lực, tự tại trong thế gian, đội mão báu, chuỗi ngọc trang nghiêm đầy thân; từ tòa đứng dậy, quỳ gối phải xuống đất, thưa Tôn giả Kim Cang Tạng:



–Thưa Tôn giả! Tôn giả có thể khéo léo thông đạt ba thừa ở thế gian, tâm không có sự chống trái, đang trong pháp lạc, trụ ở trí nội chứng, là bậc Thầy đại định, đối với định, được tự tại, có thể tùy thuận nói về tướng của các Địa, thường ở trong tất cả cõi Phật, diễn thuyết pháp mầu sâu xa cho các vị đứng đầu. Cho nên, nay tôi mời Ngài, nói về sự không tùy thuận hạnh khác, về cảnh giới trụ trong nội chứng, lạc thú trong hiện pháp, của các bậc Thánh, khiến cho tội và trong chúng các Đại Bồ-tát được thấy pháp ấy, để an vui tu hành, hướng tới Phật địa, để được thân do ý thành và thân do ngôn thuyết, lực thông tự tại đều được đầy đủ, chuyển hóa chỗ nương tựa, không trụ thật tế, giống như các sắc màu của ngọc Chân-đa ma-ni, hiện các sắc tướng, có thể dẫn tới các cõi cung điện của Thiên vương và trong tất cả cõi Mật nghiêm của Phật, để nói về hạnh Mật nghiêm.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, nói bài kệ đáp lại:

*Lành thay! Chủ trời, người  
Thù thắng, trong Bồ-tát  
Thỉnh nói nhập Mật nghiêm  
Pháp tánh của vô ngã  
Nên biết cảnh phân biệt  
Tướng sở thủ của tâm  
Nếu xả sự phân biệt  
Mới thấy đời phân biệt  
Biết rõ duyên của đời  
Liên được Tam-ma-địa  
Nay ta sẽ nói, bà  
Nhân chủ, hãy lắng nghe!  
Trời nóng, thấy sóng nắng  
Tướng thế gian cũng thế.  
Nhân của nắng sở tướng  
Không mà vọng phân biệt  
Năng giác sinh sở giác  
Sở giác nương năng hiện*

Là kia tức không đây  
 Như ảnh sáng tương tùy  
 Không tâm cũng không cảnh  
 Lượng năng, sở đều không  
 Chỉ nương nơi một tâm  
 Như vậy mà phân biệt.  
 Pháp năng tri, sở tri  
 Chỉ tâm lượng sở hữu  
 Tâm sở tri đã không  
 Năng tri không thể được  
 Tâm là tự tánh pháp  
 Có tánh bị nhiễm đục  
 Địa tám được thanh tịnh  
 Địa chín được Tĩnh lực  
 Giác tuệ là Địa mười  
 Quán đánh, chứng Như Lai  
 Pháp thân được vô tận  
 Là cảnh giới của Phật  
 Rốt ráo như hư không  
 Tâm thức cũng như vậy.  
 Vô tận không thể hoại  
 Các đức đã trang nghiêm  
 Luôn là không nghĩ bàn  
 Chư Phật cõi Mật nghiêm  
 Ví như bình bị vỡ  
 Mảnh sành mới hiển hiện  
 Ngói vỡ, bụi nhỏ hiện  
 Chia bụi thành rất nhỏ  
 Nhân hữu vi như vậy  
 Mà thành pháp vô lậu  
 Như lửa đốt hết củi  
 Lại đốt cháy chỗ khác  
 Chứng như được chuyển y

Xa lìa sự phân biệt  
 Trụ nơi thí bất động  
 Hiện hiện trong Mật nghiêm.  
 Vô sinh hiện các sắc  
 Không trụ các thế gian  
 Thường cắt đứt các kiến  
 Nương về vô ngã này  
 Cắt dòng chảy liên tục  
 Không hoại cũng không sinh  
 Đứt hết tất cả kiến  
 Nương về vô ngã này  
 Các nghi hoặc đã diệt  
 Vắng lặng, không nghĩ bàn  
 Làm sạch tất cả kiến  
 Nương về vô ngã này.  
 Các thủ pháp thế gian  
 Xưa nay tánh vô ngã  
 Chẳng vì phá hoại không  
 Và dụ được hiện rõ  
 Như lửa đốt hết củi  
 Với nó liền tự tắt.  
 Quán sát ở ba đời  
 Trí vô ngã cũng vậy  
 Gọi là hiện pháp lạc  
 Cảnh giới của nội chứng  
 Nương đó nhập các Địa  
 Trừ sạch ác vô thủy  
 Là bỏ chỗ nương đời  
 Xuất thế mà an trụ.  
 Tâm ấy chuyển thanh tịnh  
 Luôn ở cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Như Nhật Kiến và các vua... hướng về Bồ-tát Kim Cang Tạng cùng thưa:

–Nay chúng tôi đều muốn nương về, cúi mong Tôn giả chỉ cho chúng tôi chỗ nương về.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng dùng bài kệ, đáp lại:

*Thế Phật chẳng có, không  
 Đã đốt cháy cây uẩn  
 Vượt lên chúng ma vương  
 Mà trụ trước Mật nghiêm  
 Giác ngộ tịnh, vô cấu  
 Chủ nhân hãy nương về  
 Xa lìa nơi giác lợng  
 Chứng được vô sở hữu  
 Các thiền định Mật nghiêm  
 Chủ nhân hãy nương về  
 Cõi Mật nghiêm hơn sạch  
 Chỗ các Thánh nương tựa  
 Bạc quán hạnh đầy đủ  
 Nên nương tựa Mật nghiêm  
 Hãy quán sát thế gian  
 Cả những nơi cao thấy  
 Trong mộng thấy sắc đẹp  
 Thạch nữ bỗng sinh con  
 Cũng như thành Kiên-thát  
 Vòng lửa, tóc giữa trời.  
 Như các thứ hình giả  
 Người, ngựa, cây, hoa, trái  
 Do ảo thuật biến hóa  
 Tất cả đều chẳng thật  
 Như điện chớp mây trôi  
 Đều giả, chẳng phải thật  
 Như thợ làm ra bình  
 Do phân biệt mà thành.  
 Chủ nhân, nên lắng nghe!  
 Các hữu tình thế gian*

*Tập chí luôn che tâm  
Sinh đủ thứ hý luận  
Mạt-na và ý thức  
Và thức khác liên tục  
Năm pháp và ba tánh  
Với hai thứ vô ngã  
Mãi cùng nhau tương ứng  
Như gió thổi vào nước  
Chuyển khởi các sóng thức  
Sóng từng đợt không dừng  
Lại-da cũng như vậy!  
Các tập khí vô thủy  
Giống như mặt nước ấy  
Gió cảnh mà động vào  
Khởi lên các sóng thức  
Không lúc nào dứt sạch  
Tám thứ tâm luân chuyển  
Tuy không có thể tánh  
Mà tùy duyên liền khởi  
Hoặc có khi sinh chậm  
Thủ cảnh cũng như vậy  
Mau, chậm, có sai biệt  
Tâm chuyển nơi nhà cửa  
Nhật nguyệt và tinh tú  
Cây, nhánh, lá, hoa, quả  
Núi rừng với chúng quân  
Ở những chỗ như vậy  
Đều hay sinh mau chậm  
Phần nhiều hay hiện mau  
Hoặc chậm khởi, sai biệt  
Hoặc khi ở trong mộng  
Thấy cảnh xưa đã gặp  
Và tưởng niệm mới sinh*

Cho đến lúc già chết.  
 Toán số với các vật  
 Suy tâm nghĩa các câu  
 Quán nơi nào vẫn hay  
 Thọ việc ăn uống ngon  
 Với cảnh giới như vậy  
 Dần dần sẽ hiểu rõ  
 Hoặc có lúc sinh mau  
 Mà hay giữ lại được  
 Tâm tánh vốn thanh tịnh  
 Nghĩ bàn không thể được  
 Là diệu tạng Như Lai  
 Như vàng ở trong quặng  
 Ý sinh từ tạng thức  
 Sáu thức khác cũng vậy  
 Thức sáu loại, phần nhiều  
 Sai biệt nơi ba cõi  
 Lại-da với năng huân  
 Và các tâm pháp khác  
 Các chủng tử nhiễm tịnh  
 Đồng trụ mà không nhiễm  
 Chủng tánh Phật cũng vậy.  
 Định, chẳng định, thường định  
 Như nước biển luôn vậy  
 Sóng, triều làm chuyển dời  
 A-lại-da cũng vậy  
 Tùy các Địa sai biệt  
 Tu có thấp, vừa, cao  
 Bỏ nhiễm là sáng tỏ  
 Kim Cang Tạng lại nói:  
 Như Bồ-tát Thật Kiến  
 Bạc thấy nghe giác ngộ  
 Tự tánh tuệ như thật

Mười phương các cõi nước  
Các vua, dân trong hội  
Người đã nghe ta nói  
Tùy theo đó rộng nói  
Nếu ai nghe pháp xong  
Tịnh gần A-lại-da  
Hoặc làm vua loài người  
Hoặc chuyển luân thiên hạ.  
Hoặc lại làm Đế Thích  
Đâu-suất, Tô-diêm-ma  
Cho đến cung Hóa lạc  
Tự tại chủ cõi Dục  
Hoặc sinh ở cõi Sắc  
Hay sinh trời Vô sắc  
Trong hữu tình vô tướng  
Tĩnh lự thọ an lạc  
Chứng chân mà không trụ  
Giống như Sư tử rống.  
Với các định tự tại  
Nhờ tương ứng pháp vui  
Một lòng cầu Mật nghiêm  
Không dính mắc ba cõi  
Đã đến được Mật nghiêm  
Dần dần được giác ngộ  
Nương chuyển được an lạc  
Luôn an trụ vắng lặng  
Vô lượng các Phật tử  
Vây quanh để trang nghiêm.  
Là Pháp vương tự tại  
Tối thượng ở trong chúng  
Chẳng như ngoại đạo nói  
Hoại diệt là Niết-bàn  
Hoặc đồng với hữu vi

Có, không lại tạo lỗi  
 Mười nghiệp cao, vừa, thấp  
 Ba thừa mới sinh ra  
 Tối thượng sinh Mật nghiêm  
 Từng Địa được thăng tiến  
 Được trí tuệ giải thoát  
 Thân Như Lai vi diệu.  
 Vì sao nói Niết-bàn  
 Đó là pháp hoại diệt  
 Nếu Niết-bàn hoại diệt  
 Hữu tình có kết thúc  
 Nếu hữu tình kết thúc  
 Cũng phải có khởi đầu  
 Phải có pháp chẳng sinh  
 Ban đầu tạo hữu tình  
 Không có phi hữu tình  
 Mà sinh cõi hữu tình  
 Cõi hữu tình đã tận  
 Phật không pháp sở tri  
 Tức là không năng giác  
 Cũng chẳng có Niết-bàn!  
 Người vọng chấp giải thoát  
 Mà nói về giải thoát  
 Như củi hết, lửa tắt!  
 Cũng như thân cây chuối  
 Họ nói tánh giải thoát  
 Là hoại có thành không.  
 Với diệu lạc giải thoát  
 Xa lìa không thể chứng  
 Biến xứ và tinh lự  
 Định vô sắc, vô tưởng  
 Nghịch thuận mà vào ra  
 Lực, thông đều tự tại



Với họ không lui lại  
Cũng không mãi chìm đắm  
Thấu đạt nơi pháp tướng  
Khéo léo được các Địa  
Nếu trang nghiêm như vậy  
Sẽ đến cõi Mật nghiêm.  
Nếu nói tánh giải thoát  
Hoại có để thành không  
Người ấy trụ các hữu  
Rốt ráo không ra khỏi  
Đã hoại ba hòa hợp  
Nhân và bốn thứ duyên  
Nhân sắc duyên trong ngoài  
Hòa hợp mới sinh thức  
Pháp thế gian trong ngoài  
Giúp nhau mới cùng sinh  
Các thứ nghĩa như vậy  
Tất cả đều trái ngược  
Nếu biết chỉ thức hiện  
Lìa nơi tâm có được  
Phân biệt không hiện tiền  
Cũng không trụ tánh ấy  
Bấy giờ, lìa sở duyên  
Tâm lặng yên chánh thọ  
Vứt bỏ sự thế gian  
Thấy sở thủ, năng thủ  
Lìa nương chuyển thô trọng  
Trí tuệ chẳng nghĩ bàn  
Thân mười loại ý thành  
Trang nghiêm các tướng đẹp  
Làm vị chủ ba cõi  
Mới sinh nơi Mật nghiêm.  
Sắc, tâm và tâm sở

Đã tương ứng vô vi  
 Với trong ngoài thế gian  
 Quán kỹ không sai khác  
 Các người trí như vậy  
 Đi vào nước Mật nghiêm  
 Danh tướng và phân biệt  
 Chánh trí và như như  
 Tam-ma-địa, Mâu-ni  
 Thể tánh đều bình đẳng  
 Phải nên đến Mật nghiêm  
 Cõi được Phật khen ngợi  
 Nếu hoại ba hòa hợp  
 Cùng với bốn thứ duyên  
 Không kiên cố tự tông  
 Đồng các vọng phân biệt  
 Kẻ tập ác phân biệt  
 Năm thứ luận của họ  
 Thí dụ không thành lập  
 Các nghĩa đều chống trái  
 Năm luận đều thành lỗi.  
 Mất hoặc loạn giác trí  
 Chấp dụ và tợ dụ  
 Điên đảo, không điên đảo.  
 Chấp hư vọng như vậy  
 Tất cả hủy hoại này  
 Xa lìa nơi tự tông  
 Nương vào tông pháp người  
 Các kiến lúc ban đầu  
 Điều trừ hoại diệt sinh.  
 Đại vương phải nên biết  
 Hữu tình ở ba cõi  
 Như bánh xe quay lăn  
 Không thể có khởi đầu

Như Lai dùng bình đẳng nguyện  
Cứu độ các hữu tình  
Như trăng rằm chiếu sáng  
Không chỗ nào không có  
Tùy loại nghiệp trước kia  
Ứng cơ mà thuyết pháp  
Nếu hủy hoại Niết-bàn  
Với Phật đâu ích lợi!  
Có ba loại tăng thượng  
Giải thoát cũng như vậy  
Bốn Đế và Thần túc  
Niệm xứ vô ngại giả  
Bốn duyên, vô sắc trụ  
Căn lực và Thần thông  
Giác chi và các Địa  
Pháp hữu vi, vô vi  
Cho đến các Thánh nhân  
Đều nương thức, mà có  
Trí khổ pháp nhãn pháp  
Trí khổ loại nhãn loại  
Bốn tập trí cũng vậy  
Diệt đạo cũng như thế  
Như vậy mười sáu loại  
Đó gọi là Hiện quán  
Số người học có mười  
Thức tám, bảy ngược lại  
Mỗi nhà một lần lại  
Một phen mà diệt độ  
Trung bát và sinh bát  
Hữu hành và vô hành  
Thượng lưu là nơi nơi  
Sau đó Bát-niết-bàn  
Như vậy tất cả loại

Phẩm vị của các trí  
 Người tu hành quán hạnh  
 Cao, vừa, thấp không đồng  
 Bồ-tát tu tăng thượng  
 Công đức rất thù thắng  
 Mười một và mười hai  
 Cùng với mười sáu thứ  
 Các người tu định này  
 Lại diệt dần nơi tâm  
 Chấm dứt, chẳng phải tâm  
 Cũng chẳng cùng tâm trụ  
 Tâm vị lai chưa đến  
 Chưa đến nên chẳng có  
 Tâm duyên không hòa hợp  
 Chẳng sinh đây, sinh kia  
 Thiền thứ bốn, vô tâm  
 Có nhân không thể hại  
 Có nhân là có thức  
 Ý thức và năm thứ  
 Vọng tưởng không hay biết  
 Lưu chuyển như sóng dồn  
 Định ấy quan Lại-da  
 Là phân biệt năng sở  
 Vi diệu không sở hữu  
 Chuyển y mà không hoại  
 Trụ cõi Phật Mật Nghiêm  
 Hiện rõ như mặt trăng  
 Các bậc Trí Mật nghiêm  
 Thường chung sống với Phật  
 Mãi rong chơi cảnh định  
 Một vị không sai biệt  
 Cảnh quán hạnh khó nghĩ  
 Đã sinh ra định lực

Vua nên thường tu tập  
Tương ứng định vi diệu  
Dục giới có sáu trời  
Phạm ma có mười hai  
Vô sắc và Vô tưởng  
Trong tất cả các Địa  
Nếu sinh cõi Mật nghiêm  
Làm Thiên chủ các cõi  
Muốn cầu cõi Mật nghiêm  
Nên tu mười thứ trí  
Pháp trí và loại trí  
Trí thế tục tha tâm  
Trí Khổ, Tập, Diệt, Đạo  
Trí tận, trí vô sinh  
Chủ nhân chỗ người sinh  
Xả thân tộc Đất-la  
Nguyệt vương và Cam Giá  
Chứng tánh đều bình đẳng  
Tuy ở trong các tộc  
Họ người rất thù thắng  
Nên cầu cõi Mật nghiêm  
Đừng hoài nghi thối tâm  
Như dê bị dắt đi  
Lo sợ mà bước tới!  
Mạt-na ở trong thân  
Giống nai giả đang đứng  
Cũng như ảnh cây giả  
Lau sậy trong dòng nước  
Như vua dạo ngự uyển  
Để vận động thân thể!  
Ý cùng với ý thức  
Tâm cùng với tâm pháp  
Pháp ấy không tự tánh

Như mây tụ chẳng thật  
 Hết thủy thứ tạng thức  
 Bị tập khí ngăn che  
 Như hạt ngọc Ma-ni  
 Tùy duyên hiện đủ màu  
 Tuy trong thân hữu tình  
 Như ngỗng chúa, không như  
 Quyết định là chủng tánh  
 Cũng là đại Niết-bàn  
 Danh theo tướng mà sinh  
 Tương do nhân duyên khởi  
 Bởi có các hình tướng  
 Nên khởi các phân biệt  
 Phân biệt do hai nhân  
 Tâm tập khí tướng ngoài  
 Thức Mạt-na thức bầy  
 Nên biết cũng như vậy  
 Các căn duyên hội ý  
 Pháp sinh ra năm thức  
 Cùng tâm sở tương ưng  
 Trong thân như cung điện  
 Chánh trí luôn quán sát  
 Tất cả cả các thế gian  
 Từ nhân duyên như vậy  
 Mà sinh các quả đó  
 Chân như chẳng khác nó  
 Các pháp hõ tương sinh  
 Tâm cùng lý tương ưng  
 Quán thấy rất rõ ràng  
 Đó chính là các pháp  
 Tánh viên thành rốt ráo  
 Cũng là vọng chấp thôi  
 Tất cả pháp không sinh

Tánh các pháp thường không  
Chẳng không, cũng chẳng có  
Như huyễn và như mộng  
Như thành Càn-thát-bà  
Bóng nắng và xe lông  
Khói mây và các vật  
Tất cả các hình tướng  
Danh cứu và vãn thân  
Dính mắc sinh như vậy  
Thành ra tánh Biến kế  
Căn, cảnh, ý hòa hợp  
Huân tập thành hạt giống  
Với tâm không có khác  
Các thức do đó sinh  
Nhờ sức nương với nhau  
Gọi là Y tha khởi  
Khéo chứng trí tự giác  
Hiện trú nơi pháp lạc  
Đó gọi là viên thành  
Là cảnh giới của Thánh  
Phật và các đệ tử  
Chúng được gọi Thánh nhân  
Nếu ai chứng pháp này  
Liền thấy được thực tế  
Bảo rằng: “Sinh đã tận  
Phạm hạnh cũng đã lập  
Việc làm đã thành tựu  
Không còn tái sinh nữa.”  
Giải thoát tất cả khổ  
Đoạn diệt sự lay động  
Cháy sạch sự huân tập  
Kiếp tận vẫn không dời  
Hai vô ngã: Sinh, pháp

Chiếu kiến thấy đều không  
 Tích tập từ vô thủy  
 Tất cả các hý luận  
 Vô biên các lỗi lầm  
 Tất cả đã đoạn trừ  
 Thí như cục sắt nóng  
 Hết nóng, sắt như cũ  
 Như vậy, người giải thoát  
 Hết mê, được mát mẻ  
 Nhập vào cõi vô lậu  
 Cõi Mật nghiêm vi diệu  
 Cõi ấy rất mâu nhiệm  
 Không có nơi nào bằng  
 Chỉ Phật với Bồ-tát  
 Thanh tịnh được ở đó  
 Trước mắt Tam-ma-địa  
 Lấy đó làm món ăn  
 Muốn sinh về cảnh đó  
 Khéo tập Thắng Du-già  
 Vì các người có duyên  
 Rộng khai thị phân biệt  
 Danh vốn từ tướng sinh  
 Tướng lại từ duyên khởi  
 Từ tướng sinh phân biệt  
 Không đủ tánh viên thành  
 Căn cảnh bình y đẳng  
 Pháp giả cùng hòa hợp  
 Từ đó sinh phân biệt  
 Hiểu rõ thấy sai khác  
 Hoặc động hoặc chẳng động  
 Tất cả các thế gian  
 Đều do si ám sinh  
 Ngu tối cho là thể



Ngấn, dài với các sắc  
Âm thanh và hương giới  
Ngọt, đắng, cứng và trơn  
Ý thức cùng sở duyên  
Chỗ của các tốt xấu  
Pháp hữu vi, vô vi  
Cho đến với Niết-bàn  
Đó là cảnh của trí  
Chuyển đổi trong từng niệm  
Đều do thức sinh ra  
Mạt-na duyên tạng thức  
Như nam châm hút sắt  
Như rắn có hai đầu  
Nó đều có nghiệp riêng  
Ý nhiễm cũng như vậy  
Ôm giữ A-lại-da  
Hay làm sự nghiệp ngã  
Tăng trưởng nơi ngã sở  
Cùng ý thức câu khởi  
Làm nhân mà chuyển lui  
Sinh noãn xúc nơi thân  
Vận động tạo các nghiệp  
Ẩm thực và y phục  
Tùy vật mà thọ dụng  
Bay nhảy hoặc ca múa  
Các thứ để vui chơi  
Giữ thân các hữu tình  
Đều do sức của ý  
Như vòng lửa trên đầu  
Thành của Càn-thát-bà  
Không rõ, chỉ tự tâm  
Vọng khởi các phân biệt  
Thân tướng: Khí thể gian

Như sức động cây đu  
 Không lực, không kiên cố  
 Phân biệt cũng như vậy.  
 Phân biệt không chỗ nương  
 Chỉ làm theo tự cảnh  
 Ví như ảnh trong gương  
 Chủng thức động mới thấy  
 Kẻ ngu mê hoặc nó  
 Chẳng phải người trí sáng  
 Nhân chủ phải nên biết  
 Cả ba đều thức hiện  
 Nơi đó nếu xa lìa  
 Tức đúng là thành thật  
 Trì tấn các Bồ-tát  
 Và Thánh Mục-kiền-liên  
 Theo tiếng và quán khắp  
 Trăm ngàn vạn ức cõi  
 Đủ các báu trang sức  
 Tráng lệ không đâu bằng  
 Với cảnh vi diệu ấy  
 Mật nghiêm rất thù thắng  
 Cõi Cực lạc, Diệu hỷ  
 Câu-đê cõi phương dưới  
 Tất cả các Thế Tôn  
 Đều khen cõi như vậy  
 Rằng không có đâu, cuối  
 Oai đức tự nhiên hóa  
 Thuở xưa Phật ở đó  
 Vượt ra khỏi ba cõi  
 Không chấp thọ giàu vui  
 Tự vô vi vắng lặng  
 Lợi mình và lợi người  
 Công nghiệp đều thành mãn

*Không ở trong Dục giới  
Thành Phật, làm Phật sự  
Cần đến cõi Mật nghiêm  
Chúng ngộ Vô thượng giác  
Câu-đê các Thế Tôn  
Trong muốn làm Phật sự  
Trước ở trong nước này  
Hóa làm vô lượng ức  
Thường tương ứng chánh định.  
Thần thông và du hí  
Biến khắp các cõi nước  
Như trăng sáng nơi nơi  
Tùy các loại chúng sinh  
Mong cầu mà hóa độ  
Hàng Hoa nghiêm, Thập địa...  
Cây lớn và Thần thông  
Thắng-man và các kinh  
Đều từ kinh này ra  
Như vậy kinh Mật Nghiêm  
Vượt trên tất cả kinh  
Chủ nhân và các vua  
Phải hết lòng cung kính  
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc  
Các cõi trời Vô tướng  
Như Lai đều không ở  
Chỉ trụ cõi Mật nghiêm  
Các cung điện cõi này  
Như sơn để trang sức.  
Tất cả các Như Lai  
Bậc Diệu tướng tịnh trí  
Phật và các Bồ-tát  
Thường sống ở trong đó  
Thế Tôn mãi trụ thiên*

Vắng lặng tối vô thượng  
 Tự nương định khó nghĩ  
 Hiện ra các sắc đẹp  
 Sắc tướng không có biên  
 Không ai có thể thấy  
 Nước Cực lạc trang nghiêm,  
 Thế Tôn Vô Lượng Thọ  
 Các hành giả tu quán  
 Sắc tướng đều như vậy.  
 Hoặc thấy được Đức Phật  
 Sáng ngời các sắc đẹp  
 Chiêm-bặc, thư hoàng sắc  
 Vàng ròng ánh mặt trăng  
 Khổng tước, cổ như sen  
 Tụ của Tương Tư Tử  
 Chớp hồng, sắc san hô  
 Hoặc hiện thân yếu ốm  
 Hoặc mặc áo sô ma  
 Hoặc ngủ trong nhà tranh  
 Hoặc ở trên hoa sen  
 Giống như ngàn mặt trời  
 Hoặc thấy các Bồ-tát  
 Buối tóc như rồng cuốn  
 Báu Kim cang đế thanh  
 Trang nghiêm làm mao quý  
 Hoặc thấy vẻ cờ tròn  
 Các tướng ngư, thương, khư  
 Hoặc thấy sắc sáng đẹp  
 Như cầu vòng trên trời  
 Hoặc lấy núi Tu-di  
 Đặt trong lòng bày tay  
 Hoặc lấy nước biển cả  
 Đổ trong lỗ tai trâu

Hoặc hiện làm vị vua  
Đội mũ, đứng lan can  
Các phụ tá cung kính  
Cùng bàn việc trị dân  
Hoặc tại Mật nghiêm tràng  
Người tu định vắng lặng  
Nói về cảnh tự chứng  
Pháp sở tri của Phật  
Hoặc nói được chuyển y  
Tâm tuệ đều giải thoát  
Tự tại Tam-ma-địa  
Thân vô ngại như huyễn  
Hoặc hiện cảnh vô nhiễm  
Đoạn các dính mắc nghiệp  
Lấy trí đốt “củ kiến”  
Không thọ nơi các hữu  
Ví như tìm dầu hết  
Đèn tắt là Niết-bàn  
Hoặc hiện tu các Độ  
Thí vô giá đại hội  
Trì giới và khổ hạnh  
Đủ các thức nghi tắc  
Cõi Cực lạc trang nghiêm  
Người không sinh bào thai  
Thân sắc vàng vi diệu  
Ánh sáng tịnh, tròn đầy  
Cảnh giới những vị ấy  
Đều đầy đủ Du-già  
Nếu so với Mật nghiêm  
Trăm phần không bằng một  
Người trong cõi Cực lạc  
Tự nhiên tùy niệm thực  
Bậc Mâu-ni tự tại

Định là vị cam lộ  
 Đủ các rừng cây báu  
 Vui chơi nghỉ dưới đó  
 Cát vàng trải mặt đất  
 Hiện rõ cõi tuyệt đẹp  
 Sen báu thật sạch đẹp  
 Nở trên nước công đức  
 Cảnh tuyệt đẹp như vậy  
 Không thể ví dụ được  
 Đều do hoa sen sinh  
 Cung kính Vô Lượng Thọ  
 Khéo tu Tam-ma-địa  
 Ưa thích công đức Phật  
 Người chuyên tâm hồi hướng  
 Đều sinh về nước ấy  
 Các tướng tốt trang nghiêm  
 Như gương sáng không bụi  
 Kim Cang Tạng nói xong  
 Tự hiện nơi thân hình  
 Hoặc như một lông tay  
 Hoặc như một hạt cải  
 Hoặc nhỏ như sợi tóc  
 Chỉ bằng một phần trăm  
 Hoặc hiện thân Thiện Thế  
 Thanh văn và Duyên giác  
 Các sắc và các loại  
 Cho đến đủ thứ hình  
 Tùy theo điều họ nói  
 Mà tuyên thuyết các pháp  
 Hoặc nói về Bồ-tát  
 Nhập các Địa đã biết  
 Năm pháp, ba tự tánh  
 Tám thức, hai vô ngã

Đạt được định như huyễn  
 Tùy ý thân được thành  
 Các Thân thông tự tại  
 Mười Lực, bốn Vô úy  
 Trụ nơi không thoái chuyển  
 Được sở y thanh tịnh  
 Nhập vào trong Phật địa  
 Uẩn, giới của vô lậu  
 Mãi xa lìa biến đổi  
 Lặng yên mà thường trụ  
 Hoặc nói về Bồ-tát  
 Khéo đẹp mà lại vui  
 Như mộng, trăng dưới nước,  
 Bậc hành đạo Du-già  
 Được định Thủ-lăng-nghiêm,  
 Mười thứ thân như huyễn  
 Trọn mười Vô tận nguyện  
 Chứng thành Đẳng chánh giác  
 Ngồi tòa hoa sen đẹp  
 Tướng tốt thật trang nghiêm  
 Vô lượng các Phật tử  
 Cung kính mà vây quanh  
 Hoặc nói các Bồ-tát  
 Nguyên lực hiện các hình  
 Đạo khắp cả mười phương  
 Phụng sự hằng sa Phật  
 Các vị Bồ-tát này  
 Thân thể đều vi diệu  
 Ra vào luôn tự tại  
 Không trụ trong hữu, vô  
 Ví như Trời, Thần, Tiên  
 Và các Kiên-đạt-phước  
 Trụ trên núi Diệu cao

Hoặc ở trong hư không  
 Các hữu tình trên đất  
 Đối diện mà không thấy  
 Các Bồ-tát như vậy  
 Hiện hình cũng như thế  
 Người không tu quán hạnh  
 Thì không thể thấy được  
 Hoặc nói các Bồ-tát  
 Được Tĩnh lực thù thắng  
 Hiện thọ sinh mọi chỗ  
 Hiện nhập cõi vô dư  
 Hoặc nói các Bồ-tát  
 Có thể dùng định lực  
 Tự tại chuyển sở y  
 Không trụ chân thật tế  
 Vô lượng cõi hữu tình  
 Tùy sai biệt hiện thân  
 Thân tuy có sai khác  
 Mà tâm vẫn bình đẳng  
 Giống như nước trên đất  
 Cũng như với trời, trăng  
 Hoặc nói các Bồ-tát  
 Thường dùng tâm đại Bi  
 Xót thương các hữu tình  
 Xoay tròn trong sinh tử  
 Lang thang bị cùng khổ  
 Vì bệnh tham, khổ đốt  
 Thấp hèn và tàn tật  
 An ủi khởi sầu lo  
 Như con ong trên thuyền  
 Phiêu lưu trong biển cả  
 Ngược dòng mà qua lại  
 Phút chốc mấy vạn dặm



Nói cho pháp phi ngã  
Sinh tử, nhanh, vô thường  
Khiến họ biết hoại diệt  
Chẳng dừng trong sát-na.  
Hoặc nói về chư Phật  
Cùng với các Bồ-tát  
Thấy rõ các hữu tình  
Say trong biển khát ái  
Khổ, phân biệt, bức bách  
Ở trong pháp Vô tướng  
Vọng chấp đủ thứ tướng  
Chấp trước Năng sở thủ  
Tâm luôn bị trói buộc  
Không thể được giải thoát  
Chìm trong biển sinh tử  
Phiêu lưu không dừng nghỉ  
Nghèo hèn và cô đơn  
Không chỗ nào nương tựa  
Ví như trong biển cả  
Nhện, sâu, khó tránh lưới  
Chư Phật và Bồ-tát  
Như người ở trên thuyền  
Thương các loại hữu tình  
Cứu thoát nạn sinh tử  
Tùy theo loại chúng sinh  
Mà hiện thân sai biệt  
Thuyết thí, giới các môn  
Vô số các thắng hạnh.



## KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

### QUYỂN TRUNG

#### Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 2)

Bấy giờ, trong đại hội, có Đại Bồ-tát Phổ Hiền Chứng Sắc Đại Oai Đức, cùng với các chúng Đại Bồ-tát như Đại Bồ-tát Trì Thế, Đại Bồ-tát Trì Tấn, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, Đại Bồ-tát Thần Thông Vương, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Đại Bồ-tát Kim Cang Tề, Đại Bồ-tát Đại Thọ Khẩn-na-la Thọ Vương, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng... cho đến vô lượng chư Thiên ở tại Đại bảo tạng điện Ma-ni.

Lại còn có các chúng Du-kỳ ở trong cõi Mật nghiêm, cùng các vị ở vô lượng câu-đê cõi Phật, đến để nghe pháp. Được nghe công đức sâu dày của Mật nghiêm, tất cả liền đối với pháp rất cung kính, nhất định sẽ được chuyển y, mãi ở trong cõi nước ấy, không còn sinh ở chỗ khác nữa; tất cả đều đem lòng Từ bi thương xót tất cả hữu tình trong đời vị lai, tung rải lòng Từ bình đẳng để làm lợi ích cho tất cả. Họ cùng nhau chiêm ngưỡng Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, một lòng, đồng thanh dùng kệ hỏi:

*Tôn giả đủ biện tài  
Xin ngài hãy chỉ bày  
Các sắc tượng thế gian  
Là do ai làm ra?  
Như người thợ làm bình  
Nhồi bùn mà nặn ra  
Ví như người chơi nhạc  
Kích động thành ra tiếng  
Thí như một vật thể*

Có ba thứ tự tánh  
Đã, đang và sẽ thành  
Đều ở một vật thể  
Vì sao đủ loại sắc?  
Một vật được tạo ra  
Do Đâu-suất làm ra  
Hay là trời Dạ-ma  
Hay Tha hóa tự tại  
Đại Thọ Khẩn-na-la  
Hay là trời Thiên kiến  
Là trời Sắc cứu cánh  
Phạm vương Loa Kế làm  
Hay trời Vô sắc làm  
Tất cả Thiên chủ làm  
Hay tự nhiên mà làm  
Tay biến hóa mà có  
Hay do chư Phật tạo?  
Trong các thế giới khác  
Phật tử đã tạo ra?  
Những người tạo các sắc  
Do hoặc, loạn tạo ra  
Các hoặc loạn đã khởi  
Như nai thấy sóng nắng  
Ví như chỗ cái bình  
Đức là chỗ nương tựa  
Tất cả các thế gian  
Người hay trụ nơi đó  
Cái phi đức, thuộc đức  
Phi đức, nương nơi đức  
Nên dần dần hòa hợp  
Các đức được tập thành  
Sắc chỉ từ hoặc, loạn  
Là cũng có trụ sao?

Là Phạm vương tạo ra  
 Hay Na-la-diên tạo?  
 Hùng mãnh và thắng luận  
 Hay số luận tự làm?  
 Thắng tánh đã làm ra  
 Tự tại tự nhiên sao?  
 Khi vô minh đã sinh  
 Nghiệp ái tạo ra chăng?  
 Thiên tiên và thế định  
 Điều ôm lòng nghi hoặc  
 Trước đã không có thật  
 Giống như ở trong mộng  
 Cũng như nóng phát lửa  
 Và thành Càn-thát-bà  
 Vô thủy vọng phân biệt  
 Tùy theo đó liên tục  
 Khởi ra năng hay sở  
 Như rắn có hai đầu  
 Cũng như tử thi đi  
 Người gõ máy chuyển động  
 Trong không thấy tóc rũ  
 Và vòng lửa xoay quanh.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, bảo Đại Bồ-tát Phổ Hiền  
 Chúng Sắc Đại Oai Đức và đại chúng, bằng bài kệ:

Các sắc tượng thế gian  
 Không sinh từ tác giả  
 Chẳng phải Kiếp-tỳ-la  
 Hay Nhân-đà-la làm.  
 Cũng chẳng do cúng tế  
 Chẳng phải Vi-đà giáo  
 Chúng do nhiều nhân duyên  
 Tu hành thường không trụ

Cũng lại chẳng không, có  
Hãy giữ nhân thế gian  
Là trượng phu thứ tám  
Gọi đó là tạng thức  
Do đó, thành các sắc  
Như các hình xoay chuyển  
Như dầu do mè làm  
Trong muối có vị mặn  
Như vô thường sắc khắp  
Trượng phu biết cũng vậy.  
Như hương trong trầm, xạ,  
Và ánh sáng trời trăng  
Xa lìa năng, sở tác  
Cùng với hữu, vô tông  
Cũng xa lìa một, khác  
Tất cả lỗi ngoại đạo  
Người trí chẳng tìm cầu  
Phân biệt không thể được  
Người định tâm giải thoát  
Sở chứng của tự giác  
Nếu lìa A-lại-da  
Liên không có thức khác  
Giống như sóng trên biển  
Với biển sóng không khác  
Biển yên đâu thấy sóng  
Cũng không thể nói một  
Ví như người tu định  
Nội định, tâm thanh tịnh  
Người thần thông tự tại  
Có các thứ thông tuệ  
Người quán hạnh hay thấy  
Người khác chẳng biết được  
Thức lưu chuyển như vậy

Nương tọng thức mà trụ.  
Phật và các đệ tử  
Nhờ định, thường quán thấy  
Tạng thức giữ thế gian  
Như lấy chỉ khâu ngọc  
Như bánh hợp với xe  
Bị gió nghiệp chuyển động.  
Thợ góm dùng bánh xe  
Theo ý thành đồ dùng.  
Tạng thức cùng các cõi  
Cộng sức thành tất cả  
Các thế gian trong ngoài  
Cung cấp đều cùng khắp  
Giống như các ngôi sao  
Phơi bày trên hư không  
Do sức gió chủ trì  
Vận hành không dừng nghỉ  
Như dấu chim trên trời  
Không bao giờ thấy được  
Nếu lia khỏi hư không  
Chim không thể bay được.  
Tạng thức cũng như vậy  
Không lia thân ta, người  
Như biển nổi sóng cả  
Hư không chứa vạn vật  
Thức trượng phu cũng vậy  
Uẩn tọng các tập khí  
Ví như trăng trong nước  
Cùng với các hoa sen  
Không thể trộn trong nước  
Nhưng lại không dính nước.  
Tạng thức cũng như vậy  
Tập khí không thể nhiễm

Như mắt có đồng tử  
Riêng mắt không tự thấy  
Lại-da ở trong thân  
Nhiếp chứa các hạt giống.  
Giữ các thọ, noãn, thức  
Như mây che thế gian  
Nghiệp dụng không hề dừng  
Hữu tình không thể thấy  
Thân do các sắc thành  
Lại hay tạo các sắc  
Như thợ gốm tự động  
Dùng bùn nặn các vật  
Thế gian vọng phân biệt  
Thấy con trâu... có sừng  
Không rõ sừng chẳng có  
Nên nói thợ không sừng  
Phân tích đến rất nhỏ  
Tìm sừng, không chỗ có.  
Cố đợi cho có pháp  
Mới khởi sự không thấy  
Pháp có vốn tự không  
Không thấy, đâu cần đợi.  
Pháp hoặc có, hoặc không  
Nhân dần dần hỗ tương  
Trong hai pháp có, không  
Không nên khởi phân biệt  
Nếu lìa khỏi sở giác  
Năng giác liền không sinh  
Ví như xoay vòng lửa  
Che lấp Càn thành giả  
Đều do ít sở kiến  
Mà sinh các giác này.  
Nếu lìa khỏi sở nhân

Giác ấy, liền không có  
 Danh, tướng trói buộc nhau  
 Tập khí không ngăn mé  
 Tất cả các phân biệt  
 Câu khởi cùng với ý  
 Nên hữu tình lưu chuyển  
 Không chứng được viên thành  
 Tích tập từ vô thủy  
 Đắm chìm trong cảnh vọng  
 Vì huân tập hý luận  
 Sinh ra đủ thứ tâm  
 Năng thủ và sở thủ  
 Tự tánh tâm hữu tình  
 Bình, y phục, các tướng  
 Thật thấy không thể nghe  
 Tất cả chỉ có giác  
 Nghĩa sở giác đều không  
 Tánh năng giác, sở giác  
 Tự nhiên chuyển như vậy  
 Kể ngu không đoạn trừ  
 Tập khí, tâm mê hoặc  
 Lại-da và bảy thức  
 Có lúc lại sinh vọng  
 Giống như biển nổi sóng  
 Do gió tác động vào  
 Sóng từng đợt lên xuống  
 Không bao giờ chấm dứt.  
 Sóng thức cũng như vậy  
 Gió kích động cảnh giới  
 Vô số các phân biệt  
 Tự ôm giữ bên trong.  
 Như đất không phân biệt  
 Vạn vật nhờ đó sinh



Tạng thức cũng như vật  
Chỗ các cảnh nương tựa  
Như người dùng tay mình  
Lại đánh vào thân mình.  
Cũng như voi lấy vòi  
Hút nước tắm thân nó  
Lại như các đứa bé  
Dùng miệng ngậm tay mình  
Đó là thức phân biệt  
Lại tự duyên hiện cảnh  
Cảnh giới của tâm này  
Biến khắp cả ba cõi  
Người tu quán hạnh lâu  
Có thể khéo thông đạt  
Trong ngoài các thế gian  
Tất cả chỉ tâm hiện.  
Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
Nói diệu pháp này xong  
Đứng lặng yên một chỗ  
Suy nghĩ về pháp giới  
Định vi diệu phổ biến  
Nhập vào các cảnh Phật  
Thấy vô lượng Phật tử  
Đang tụ tại Mật nghiêm  
Liên ra khỏi thiền định  
Phóng ánh sáng chiếu khắp  
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc  
Cùng cung trời Vô tưởng  
Trong ánh sáng như vậy  
Lại hiện các cõi Phật  
Đều thấy vô lượng Phật  
Tướng tốt đẹp, đoan nghiêm  
Đủ các sắc vi diệu

Từ thân Phật phóng ra  
 Tùy theo sự ái lạc  
 Lợi ích cho thế gian  
 Khiến các Phật tử ấy  
 Khen ngợi tên Mật nghiêm  
 Vui mừng ngắm nhìn nhau  
 Lại nói lời như vậy:  
 Mật nghiêm đẹp không đơ  
 Có thể trừ các tội  
 Chỗ hành giả quán thắng  
 Cõi ấy rất diệu kỳ  
 Chúng tôi nghe tên gọi  
 Trong lòng rất vui sướng.  
 Họ từ chỗ đang ở  
 Đều đi đến Mật nghiêm.  
 Phạm Loa Kế, sắc tậ  
 Cùng với trời Tịnh cư  
 Hâm mộ cõi Mật nghiêm  
 Chỗ Phật tử sinh đến  
 Đồng tâm tụ hội lại  
 Đều thưa với Phạm vương:  
 Chúng tôi làm thế nào  
 Được đến cõi Mật nghiêm  
 Nếu thiên vương đến đó  
 Chúng tôi sẽ đi theo.  
 Bấy giờ, Phạm Loa Kế  
 Nghe các chúng trời nói  
 Liền đi đến với họ  
 Nữa đường quên đường đi!  
 Phạm vương trước giác ngộ  
 Dùng kệ quán sát kỹ  
 Cảnh thắng quán hạnh ấy  
 Hạnh nào mới đến được?

Kẻ dục, sắc, tự tại  
Thì không thể đến được  
Chẳng phải không, thức xứ  
Chẳng phải phi phi tưởng  
Chẳng phải các ngoại đạo  
Tà định... mà đến được  
Khéo léo làm cách nào  
Đến được cõi Mật nghiêm?  
Hoặc nhờ Thiên trung thiên  
Sức oai thần gia hộ  
Mời khiến được tới nơi  
Tại hội cung Mật nghiêm.  
Phạm Loa Kế phát tiếng  
Mọi người đều vâng theo  
Thấy Phật đầy hư không  
Vội oai quang rực sáng  
Bảo Phạm vương ấy rằng:  
Ngươi về cung điện mình  
Cõi Mật nghiêm Như Lai  
Là cảnh của quán hạnh  
Phi tưởng còn khó lên  
Cõi Sắc làm sao đến?  
Phạm vương từ chỗ Phật  
Nghe bảo vậy xong  
Liền trở về nước mình  
Tìm đến cung Phạm thiên  
Lúc các trời Tịnh cư  
Đang cùng nhau bàn luận:  
Phạm Thiên vương Loa Kế  
Oai thần, không đến được  
Nên biết cõi Mật nghiêm  
Cao tột khó nghĩ bàn  
Chẳng phải định như huyễn

Ai đến được cõi đó.  
 Chúng trời trong hội ấy  
 Nghe tiếng khen công đức  
 Sinh tâm rất lạ kỳ  
 Bèn thưa Kim Cang Tạng:  
 Chúng tôi đều muốn nghe  
 Mong ngài nói pháp sâu.  
 Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Liên bảo đại chúng rằng:  
 Như Lai đã thuyết pháp  
 Ai đến đạt cho hết  
 Thánh trí của tự giác  
 Cảnh giới không nghĩ bàn  
 Trừ người quán hạnh sâu  
 Còn làm sao chỉ bày.  
 Lúc Trì Tấn, Dạ-ma  
 Và Phật tử tự tại  
 Khác miệng đồng thanh thưa:  
 Mong ngài sớm tuyên thuyết  
 Thần thông và Mạn-thù  
 Từ Thị, vua Khẩn-na  
 Cùng người tu định khác  
 Thấy đều thỉnh như vậy  
 Các trời, tiên Trì Minh  
 Trong không tấu các nhạc  
 Đồng tâm mà khuyến thỉnh:  
 Xin xót thương tuyên thuyết.  
 Khuyến thỉnh như vậy xong  
 Đều ngồi nơi tòa đẹp  
 Phạm vương nương sức Phật  
 Lại trở vào trong hội  
 Và thưa Kim Cang Tạng  
 Xin hỏi lời như vậy:

Nay các đại chúng này  
Trang nghiêm chưa từng có  
Chính là Tôn giả tử  
Thông tuệ không ai bằng  
Nên đối với Tôn giả  
Khát ngưỡng mong cầu pháp  
Nay con vẫn chưa biết  
Mới hỏi vì sao những  
Kiều Lạp và Thắng Đạo  
Với Đản Sinh, Luân vương  
Chính là Thiếu niên Mã  
Chính là Cổ tiên truyện,  
Con của dòng Cam Giá  
Quốc vương Thiên cung trì  
Trong Dục, Sắc, Vô sắc  
Pháp của các trời, người  
Đó là hạnh Bồ-tát  
Độc giác và Thanh văn  
Cho đến Tu-la minh  
Các luận về tịnh tượng  
Mong ngài những việc ấy  
Thứ lớp mà diễn nói  
Chúng con và trời, người  
Một lòng thích lắng nghe.  
Bấy giờ, Giải Thoát Nguyệt  
Trì Thế, Hư Không Tạng  
Đại Thế, Quán Tự Tại  
Tổng Trì Tự Tại vương  
Bảo Kế và Thiên Quan  
Kim Cang Thủ Tịch Tuệ  
Cùng Đại sĩ Bảo Thủ  
Và các Tối thắng tử  
Đều từ câu-đê cỡi

Đến ngôi cung Liên hoa  
 Đồng thỉnh Kim Cang Tạng:  
 Cúi xin Đại Tuệ nói  
 Quá khứ và vị lai  
 Trí Mâu-ni thanh tịnh  
 Nhân giả, được gần Phật  
 Tâm sáng tỏ không nghi  
 Chúng này đều thích nghe  
 Mong Tôn giả diễn nói  
 Định Vương Kim Cang Tạng  
 Bảo khắp đại chúng rằng:  
 Như Lai đã thuyết pháp  
 Ta không thể nói hết  
 Chỉ trừ Phật, Bồ-tát  
 Được oai thần gia hộ  
 Ta nay chí tâm lay  
 Cung kính lễ tự tại  
 Điện Mâu-ni bảo tạng  
 Phật và các đệ tử  
 Tâm kính tin, ta nói:  
 Trí Như Lai thanh tịnh  
 Khiến gieo hạt giống Phật  
 Các người hãy lắng nghe.  
 Đây chẳng phải vương luận  
 Và luật lệ luân vương  
 Mà là cõi Mật nghiêm:  
 Chủng tánh của Như Lai  
 Cảnh giới Bạc Chánh Định  
 Việc thù thắng chư Phật  
 Trí Như Lai vi diệu  
 Là năng giác, sở giác  
 Nên chẳng phải sức ta  
 Diễn được pháp mầu này

*Phải nhờ oai thần Phật  
Theo Phật mà thỉnh thọ  
Trí này rất vi diệu  
Là hoa Tam-ma-địa  
Phật ở trong Mật nghiêm  
Chánh thọ mà khai diễn  
Xa lìa mọi nói năng  
Và với tất cả kiến  
Hoặc có hay hoặc không...  
Bốn chủng biên như vậy  
Gọi là tối thanh tịnh  
Diệu lý của Trung đạo  
Các thiền định Mật nghiêm  
Có thể quán sát được  
Lìa chấp mà chuyển y  
Mau vào cõi Như Lai.  
Khi các chúng Phật tử  
Theo ngài nghe lời ấy  
Đầu, mặt, hai chân lay  
Cung kính mà thưa rằng:  
Chúng con ưa thích pháp  
Như người khát muốn uống  
Như con ong nhớ mật  
Bậc Du-già tự tại  
Cúi mong ngài giảng nói  
Làm cho chúng Bồ-tát  
Được tự tại với định  
Trí tuệ, đại oai đức  
Và các vua Sát-lợi  
Bậc Quán hạnh hiểu sâu  
Đều muốn nghe Như Lai  
Nói pháp môn sâu xa  
Lại muốn nghe tôn giả*

Lợi thật, phạm vi diệu  
 Đẹp lòng Đức Như Lai  
 Tiếng sâu xa khéo léo  
 Dẫn nói nghĩa thù thắng  
 Khiến tất cả được rõ.  
 Kim Cang Tạng bảo rằng:  
 Như Lai đã nói nghĩa  
 Chân thật rất hiếm có  
 Là tướng khó thấy được  
 Như hư không không vật  
 Thấy hình là hiếm có  
 Như Lai đã thuyết nghĩa  
 Hiếm có cũng như vậy.  
 Dấu chim, gió trong không  
 Không thể thấy hình dạng  
 Mâu-ni nói diệu lý  
 Khó thấy cũng như vậy  
 Việc thí dụ thế gian  
 Bạc Trí hay hiểu rõ  
 Chư Phật đã tuyên thuyết  
 Ví dụ không thể biết  
 Nay những điều ta thấy  
 Như mộng và Càn thành...  
 Kể quán hạnh hội này  
 Đầy đủ đại trí tuệ  
 Thông đạt nghĩa chân thật  
 Không đều gì không biết  
 Tại sao vì người ấy  
 Nói cảnh Phật khó nghĩ  
 Nhưng nay đã khai diễn  
 Nhờ sức oai thần Phật  
 Tất cả vì tối thắng  
 Hãy chí tâm lắng nghe



Như Lai nói lời đẹp  
Câu nghĩa đều tương ứng  
Vượt qua cảnh giới tâm  
Xa lìa mọi ví dụ  
Ví như ong hút hoa  
Trước lấy các tinh túy  
Với những con đến sau  
Chỉ hút thứ còn lại  
Thắng Mâu-ni cũng vậy  
Trước được vị pháp hay  
Ta hưởng thứ còn lại  
Nay vì chúng tuyên thuyết  
Cảnh giới Thiên trung thiên  
Người trí sáng thêm vui  
Chẳng phải ý so lường  
Lấy voi làm biểu tượng  
Cũng như hình sắc người  
Tướng tốt trang nghiêm thân  
Hiện ở cung thắng diệu  
Nón báu để trang sức  
Ánh sáng tròn, bánh xe  
Tất cả đều thành tựu  
Chiếu sáng nơi cung điện  
Trừ ngoại đạo ngạo khinh  
Chư Phật trong bốn mùa  
Mãi sống nơi Mật nghiêm  
Với tất cả mọi nơi  
Hiện sinh và Niết-bàn  
Thuần thiện ít tổn giảm  
Ác sinh và loạn, bản  
Tùy ý chúng ưa thích  
Lợi ích các hữu tình  
Nghiep dụng, không phút dừng.

Thường trụ cõi Mật nghiêm  
 Đó là nơi thanh tịnh  
 Cung Du-kỳ an lạc  
 Ít khi có cấu bẩn  
 Hiện rõ tướng Như Lai  
 Ví như trăng tròn sáng  
 Ảnh chiếu các dòng nước  
 Phật dùng tất cả thân  
 Tùy nghi mà ứng hóa  
 Cảnh tịnh trí Như Lai  
 Người quán hạnh đều thấy  
 Hoặc hiện Đại tự tại  
 Hoặc hiện Na-la-diên  
 Hoặc hiện Ca-tỳ-la  
 Trụ trên không thuyết pháp  
 Hoặc hiện ra Vi-đà  
 Thường hành và diệu hỷ  
 Đồng thiên và Thi-khí  
 La-hộ-đô Mâu-lô  
 Hoặc hiện Khẩn-na-la  
 Cam giá, hoặc mặt trời  
 Cùng với các quốc vương  
 Tất cả đều chiêm ngưỡng  
 Hoặc là đại Y vương  
 Hiện ra trong mọi người  
 Kim cang và các báu  
 Đồng sắt các khoáng sản  
 Minh châu và chì thiếc  
 Ngọc hồng và pha lê  
 Tùy theo các hữu tình  
 Ưa thích và hiện rõ.  
 Do sức gia trì Phật  
 Khiến họ được an lạc

*Thiên nữ và long nữ  
Và Càn-thát-bà nữ  
Nữ tỵ tại cõi Dục  
Không thể động tâm họ  
Vượt hơn cảnh giới dục  
Và hơn sắc, Sắc giới  
Không xứ và thức xứ  
Và vô sở hữu xứ  
Phi tướng, phi phi tướng  
Với họ, không mê hoặc  
Các bậc Định vô tướng  
Chưa lìa, hoặc trói buộc  
Chẳng an, chẳng thanh tịnh  
Lưu chuyển nơi các hữu  
Đã sinh ra có thân  
Không bằng cõi Mật nghiêm  
Cõi Mật nghiêm vi diệu  
Phước thanh tịnh, trang nghiêm  
Người giải thoát tri kiến  
Là chỗ nương tối thắng  
Đủ mười thứ tỵ tại  
Sáu thông, Tam-ma-địa  
Đều do ý thành thân  
Như Phật hiện nơi đó  
Tu hành về Thập địa  
Đàn... các Ba-la-mật  
Tất cả tướng tốt đẹp  
Thường trang điểm thân thể  
Xa lìa sự phân biệt  
Cũng luôn luôn biết rõ  
Cũng không ngã, ý, căn  
Tuệ căn thường vui sướng  
Các công đức của thí...*

Tịnh nghiệp đều tròn đầy  
 Được nương tựa nơi Phật  
 Cõi thanh tịnh Mật nghiêm  
 Cõi ấy rất vi diệu  
 Không nhờ mặt trời, trăng  
 Phật và các Bồ-tát  
 Sáng thanh tịnh mãi chiếu  
 Các Thánh trong Mật nghiêm  
 Ánh sáng hơn mặt trời  
 Không có ngày hay đêm  
 Cũng không bị già chết  
 Cung Mật nghiêm thù thắng  
 Được chư Thiên hâm mộ  
 Bạc Du-già tối thắng  
 Siêng tu từng cấp bậc  
 Biết rõ tất cả pháp  
 Đều lấy tâm làm tánh  
 Giới nói A-lại-da  
 Ba tánh, pháp vô ngã  
 Thân họ thành thanh tịnh  
 Được sinh nước Mật nghiêm.

\*\*  
 \*

### Phẩm 3: SINH THAI TẠNG

Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Bồ-tát Ma-ha-tát  
 Lại bảo Loa Kế Phạm:  
 Thiên chủ nên biết rằng  
 Tất cả thân hữu tình  
 Lấy chính vật làm tánh  
 Tướng hữu vi biến động

Đủ năng tạo, sở tạo  
Tinh huyết cùng hòa hợp  
Tăng trưởng sự bất tịnh  
Làm vô lượng các nghiệp  
Thường ngăn che, trói buộc  
Như cây độc sinh ra  
Gai góc rất sầm uất  
Tham, sân, các phiền não  
Cứ như thế tăng trưởng  
Chín tháng hay mười tháng  
Thời gian đã đầy đủ  
Từ thai tạng sinh ra  
Lộn ngược thọ các khổ  
Thiên chủ nên biết rằng  
Các loại hữu tình này  
Đều do nghiệp lực sinh  
Nghiệp xưa đuổi, vận động  
Hoặc sinh trong loài người,  
Hoặc sinh vào bàng sinh  
Phi thiên và La-sát  
Rồng và các loài quỷ  
Hoặc dòng họ Trì Minh  
Thân cõi Thiên thù thắng  
Hoặc ở trong Du-kỳ  
Thoái mất Tam-ma-địa  
Trong luân vương quý tộc  
Được sinh vào trong đó.  
Như vậy, khi đã sinh  
Các căn liền tăng trưởng  
Tùy nhiều đời thân cận  
Lại tạo ra các nghiệp  
Bởi do nghiệp lực này  
Xoay tròn trong các nẻo

Nếu những người có trí  
Nghe pháp được giác ngộ  
Lìa văn tự phân biệt  
Nhập ba cửa giải thoát  
Được chứng lý chân thật  
Rất thù thắng, thanh tịnh  
Và thanh tịnh tột cùng  
Liên sinh cõi Mật nghiêm  
Hay đến câu-đê cõi  
Tùy nghi mà ứng hiện  
Thiên chủ sinh như vậy  
Mãi thoát các nẻo hiểm  
Đó gọi là trượng phu  
Cũng gọi là bậc Trí  
Cũng gọi Thiên trung thiên,  
Chúng Phật tử vây quanh  
Thiên chủ, phải nên biết  
Thân thi tạng giả tạo  
Chẳng từ tự tánh sinh  
Chúng từ nghiệp si ái  
Bởi do tướng mà có  
Hiểu rõ, diệt trừ hết  
Cũng lìa sự phân biệt  
Cả đối với văn tự  
Hay quán sát như vậy  
Liên đến Mật nghiêm tràng  
Nếu những người tu tịnh  
Trụ định, phan duyên cảnh  
Liên bị tiếng và sắc  
Mê hoặc sinh dính mắc  
Không thể được kiến cố  
Cũng gọi tâm loạn động  
Bởi tà định ấy trôi

*Lưu chuyển sinh ba cõi*  
*Nếu có thắng Du-kỳ*  
*Khéo trụ Tam-ma-địa*  
*Xa lìa năng, sở thủ*  
*Lặng yên tâm không sinh*  
*Gọi là tu chân thật*  
*Hành giả quán vô tướng*  
*Muốn sinh cõi Mật nghiêm*  
*Thường nên quán như vậy.*

\*\*  
 \*

#### Phẩm 4: CẢNH GIỚI TỰ (GIÁC) TÁC

*Bấy giờ, Kim Cang Tạng*  
*Bồ-tát Ma-ha-tát*  
*Lại bảo Loa Kế Phạm:*  
*Thiên chủ nên biết rằng*  
*Tám loạn, chín loạn tâm*  
*Thường bị vô minh trói*  
*Hay sinh các thế gian*  
*Điều tâm hiện, tâm pháp*  
*Bởi do chúng lưu chuyển*  
*Các thức cùng các căn*  
*Bị vô minh biến khác*  
*Tâm vốn tịnh, không động*  
*Thế gian và căn cảnh*  
*Đều theo mười hai chi*  
*Năng sinh và sở sinh*  
*Từng sát-na hoại diệt*  
*Phạm thế đến phi tướng*  
*Cũng từ nơi nhân duyên*  
*Chỉ có Thiên Trung Thiên*

Mới lia tác, sở tác  
 Hữu tình và vô tình  
 Pháp động và bất động  
 Điều giống như cái bình...  
 Tánh nó là hoại diệt  
 Thiên chủ nên biết rằng  
 Các thức rất vi tế  
 Lưu chuyển rất nhanh chóng  
 Là cảnh giới của Phật  
 Chư tiên và ngoại đạo  
 Giả xưng là Mâu-ni  
 Dùng lời trối buộc nhau  
 Nên tham đủ thứ sắc  
 Với thức sinh diệt này  
 Thấy đều không thể biết  
 Giả sử một ngàn năm  
 Suy nghĩ bốn phệ-đà  
 Hành thí được Phạm thiên  
 Cũng bị rơi rớt lại  
 Hoặc khổ hạnh bốn tháng  
 Cúng tế được quả báo  
 Tu các loại đàn tràng  
 Thờ lửa để cầu phước  
 Hoặc tu Tam thú pháp  
 Giết dê để khẩn cầu  
 Được quả, cũng rơi rớt  
 Sao Phạm vương không ngộ?  
 Quả ba đức lệ thuộc  
 Không chắc như thân chuối  
 Chỉ nhờ trí giải thoát  
 Được sinh cõi Mật nghiêm  
 Thiên định chứng cảnh ấy  
 Mới có thể đến đó



Cho nên, Đại Phạm thiên  
Phải nên khéo tu tập  
Người trong cõi Mật nghiêm.  
Không quyến thuộc, sinh tử  
Các thức của hữu tình  
Không dứt cũng không mất.  
Không dính mắc các nghiệp.  
Không huân tập nhiễm ô  
Như sen không dính nước  
Hư không, không dính bụi  
Trời, trăng không mây che  
Bạc Du-già cũng vậy  
Mau tu quán hạnh này  
Được Như Lai thu giữ  
Tắm trong dòng tịnh giới  
Uống bằng nước trí tuệ  
Do trí tu tịnh giới  
Giải thoát được sinh tử.  
Thiên chủ nên biết rằng  
Uẩn, xứ, giới hữu tình  
Các pháp được hợp thành  
Thấy đều không chỗ có  
Nhân và sắc... làm duyên  
Nên mới sinh ra thức.  
Như lửa do củi đốt  
Thức khởi sinh cũng thế  
Do vọng tâm, cảnh chuyển  
Như nam châm hút sắt  
Như Càn thành, sóng năng  
Ngu khát thấy như thật  
Trong không vật chẳng tạo  
Chỉ tùy tâm biến hiện  
Lại như người càn thành

Qua lại đều không thật  
 Thân chúng sinh cũng thế  
 Tiến, dừng, đều không thật  
 Cũng như trong mộng, thấy  
 Thức rồi, chẳng có gì  
 Vọng thấy uẩn và pháp  
 Ngộ rồi, vốn lặng yên  
 Bốn đại, như vi trần  
 Lìa tâm, chẳng có gì  
 Vật sở hữu thế gian  
 Cho chẳng phải bốn đại  
 Giống như gió tạt duyên  
 Làm hiện thấy các cảnh  
 Xác chết đứng, không động  
 Pháp thế gian cũng thế.  
 Nay hỏi các Phật tử!  
 Phải nên khéo quán sát  
 Động, thực vật thế gian  
 Giống như đóng bọt nước  
 Bình, áo... vọng tưởng  
 Không thật, như quán năng  
 Các thọ về khổ, vui...  
 Khác nào bong bóng nước  
 Các hành như cây chuối  
 Bên trong không chắc thật  
 Thức này như việc ảo  
 Giả tạo vốn chẳng thật  
 Ở trong ba cõi ấy  
 Pháp động và bất động  
 Đều giống như cảnh mộng  
 Do tâm mê hiện ra  
 Cũng như việc ảo thuật  
 Và thành Càn-thát-bà

Chỉ lừa dối kẻ ngu  
Từ đầu vốn không thật  
Phật tử hiểu pháp này  
Sẽ được tâm vô úy  
Lừa tuệ đốt các nạn  
Liên sinh cõi Mật nghiêm  
Thế gian đều vô tướng  
Tướng là chỗ trói buộc  
Vô tướng mới tốt lành  
Tướng là cảnh giới tâm  
Cảnh giới tâm, không thật  
Cảnh giới tuệ mới thật  
Xa lìa hết các tướng  
Là việc làm Từ bi  
Vô tướng trùm tất cả  
Ba cõi đều thanh tịnh  
Sắc, thanh... và các tướng  
Gọi là pháp ba cõi  
Tất cả các căn cảnh  
Nhân trói buộc hữu tình  
Nhờ tuệ được giải thoát  
Mới an vui và tự tại.  
Khi Bồ-tát Bảo Kế  
Ngồi trên tòa tuyệt đẹp  
Hương về Kim Cang Tạng  
Mà nói lời như vậy:  
Cùng khắp câu-đê cõi  
Tôn giả là đứng đầu  
Thành tựu trí tối diệu  
Hiểu rõ pháp sở tri  
Với vô lượng Tất-dàn  
Đều được thấy rõ cả.  
Nay lại chúng tu hành

Thanh tịnh các nghi ngờ  
 Quán sát thân hữu tình  
 Gốc khởi đầu tất cả  
 Dùng diệu âm diễn thuyết  
 Cùng kiếp không thể hết  
 Hãy nên vì chúng hội  
 Nói xa lìa thuận, nghịch  
 Các nhân giống, chẳng giống.  
 Và dùng pháp chân thật  
 Khiến các người trí này  
 Tâm tịnh không còn nghi  
 Xả bỏ nhân các uẩn  
 Không lâu được giải thoát  
 Nhân uẩn pháp, chẳng pháp  
 Sinh thân này, thân sau  
 Kẻ trí sẽ thoát khổ  
 Kẻ ái bị buộc chặt  
 Tâm hữu tình đã khởi  
 Do sắc lại vì minh  
 Tác ý... và các duyên  
 Chạy tán loạn các cảnh  
 Nhanh chóng như điện chớp  
 Khó có thể biết được  
 Vô minh và nghiệp ái  
 Do đó bị vẫn đục  
 Các pháp, ý dẫn đầu  
 Ý nhanh chóng, thù thắng  
 Pháp cùng ý tương ưng  
 Điều lấy ý làm tánh  
 Ví như ngọc Ma-ni  
 Hiện rõ các sắc thái  
 Các diệu nghĩa cũng vậy  
 Sao Phật tử không nói

*Như các sắc Ma-ni  
Tùy màu mà hiển hiện  
Nhân giả, trong Du-già  
Sáng rực cũng như vậy  
Tượng Như Lai đầy đủ  
Thường ở cung tự tại  
Chúng Phật tử vây quanh  
Tùy nghi mà nói pháp  
Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
Bồ-tát Ma-ha-tát  
Bậc tự tại với pháp  
Lại bảo đại chúng rằng:  
Cõi Mật nghiêm vi diệu  
Là vắng lặng bậc nhất  
Cũng là Đại Niết-bàn  
Pháp giới tịnh giải thoát  
Cũng là Đại Niết-bàn  
Pháp giới tịnh giải thoát  
Cũng là cảnh diệu trí  
Lại dùng đại thần thông  
Của bậc tu quán hạnh  
Nương tựa tốt cõi này  
Không đứt cũng không mất.  
Thường trụ không thay đổi  
Nước không thể trôi được  
Gió không thể lay động  
Thể tánh chẳng như bình...  
Tuy đã thành vẫn hoại  
Nhân chẳng giống, không giống,  
Hai thứ đã thành lập  
Lập tông và các phần  
Đều là pháp bất định  
Dùng tông và lại dùng nhân*

Mới dính mắc sai biệt  
 Cõi Mật nghiêm vi diệu  
 Thể là thức chuyển y  
 Vượt khỏi tâm phân biệt  
 Chẳng vọng tình cảnh giới  
 Cõi Mật nghiêm Như Lai  
 Không đầu cũng không cuối  
 Tự tánh chẳng vi trần  
 Chẳng phải do lạc dục  
 Chẳng đại tự tánh làm  
 Chẳng nghiệp ái vô minh  
 Chỉ do vô công dụng  
 Trí vi diệu sinh ra  
 Thoát dục, sắc, vô sắc  
 Vượt lưới tối vô tưởng  
 Cõi Mật nghiêm vi diệu  
 Là A-nhã Tát-đàn  
 Chẳng phải các nhân minh  
 Cảnh giới của sở lượng  
 Chẳng do nơi thắng tánh  
 Tự tại cùng thanh luận  
 Và Phệ-đà... các tông  
 Mới có thể mở bày  
 Cho đến vị tư lương  
 Trí tuệ không thể hiểu  
 Chỉ có Đức Như Lai  
 Và cảnh trí mười Địa  
 Nhân giả! Nay lắng nghe!  
 Kẻ ngu mê thế gian  
 Là nghiệp và chẳng nghiệp  
 Nay ta nói nghĩa này  
 Khiến kẻ tu thắng định  
 Đạt được sự an vui

Tất cả vật trong ngoài  
Chỉ tự tâm mới thấy  
Tâm hữu tình hai tánh  
Năng thủ và sở thủ  
Tâm thể có hai cửa  
Tức tâm thấy các vật  
Phàm phu tánh mê hoặc  
Tự mình không hiểu hết  
Như bình hiện sắc tướng  
Vô thể, chỉ tự tâm  
Định yếu và các tiên  
Mê loạn nơi nghĩa này  
Bỏ nơi lý chân thật  
Mà theo đường phân biệt.  
Tâm này có hai tánh  
Như ảnh trăng trong gương  
Như người bị nhắm mắt  
Vọng thấy có hoa đốm  
Cũng không chuỗi ngọc báu  
Chỉ do mắt bị nhắm  
Cho nên mới thấy vậy  
Kẻ dính mắc hư vọng  
Không hiểu, luôn chấp thủ  
Rộng hiện các trang sức  
Những tướng Phạm, các thứ...  
Tất cả các hữu tình  
Với bình và y phục...  
Tất cả việc trong ngoài  
Thảy đều từ tâm khởi  
Điều định Mật nghiêm này  
Ngoài tâm, không hề có  
Nếu những người tu hành  
Sinh những nơi phước địa

Hoặc sánh dục tự tại  
 Hoặc ở trời Sắc giới  
 Cho đến cung Vô tưởng  
 Cõi trời Sắc cứu cánh  
 Không thức, không chỗ có  
 Phi tưởng phi phi tưởng  
 Vô số các cung điện  
 Dần dần trừ tham dục  
 Không lâu, được sinh đến  
 Cùng quán hạnh Mật nghiêm  
 Chúng Phật tử vây quanh  
 Tự tại mà vui chơi  
 Người nên tu định này  
 Mà sao đắm quyến thuộc  
 Quyến thuộc thường trói buộc  
 Nguyên nhân sinh tử chuyển  
 Nam, nữ, ý hoặc, loạn  
 Tinh huyết cùng hòa hợp  
 Như trùng sinh bùn hôi  
 Trong sinh cũng vậy đó.  
 Chín tháng hoặc mười tháng  
 Thân thể lớn dần lên  
 Đến khi ra khỏi thai  
 Ví như trùng chuyển động.  
 Từ đó ngày càng lớn  
 Phải chánh tâm hiểu rõ  
 Ta xem các hữu tình  
 Sự sinh đều như vậy  
 Cha mẹ không tính đếm  
 Vợ con cũng như thế  
 Ở trong các thế gian  
 Không nơi nào không có  
 Ví như người Thạch nữ



Mộng bỗng thấy sinh con  
Sinh rồi liền vui mừng  
Tìm con chẳng thấy đâu  
Buồn thương thật nảo nùng  
Bỗng nhiên tỉnh giấc mộng  
Không thấy có con mình.  
Từ lúc sinh đến hết.  
Lại mộng dạo sông núi  
Thành ấp và hoa viên  
Tất cả các cảnh giới  
Cùng thế gian thọ dụng  
Mình người, cùng thấy nhau  
Chạy, nhảy, đi qua, lại  
Vận chuyển và co duỗi  
Cảnh giới thật vô lượng  
Tùy theo lúc thức, ngủ  
Tất cả đều chẳng có  
Như người nhiều ham muốn  
Mộng thấy có người nữ  
Nhan sắc thật tuyệt vời  
Y phục, rất quý lạ  
Nên tự ý hoan lạc  
Thức dậy chẳng có gì!  
Tất cả các thế gian  
Nên biết cũng như thế!  
Ngôi vua, nhiều kẻ hầu  
Cha mẹ và họ tộc  
Chỉ lừa dối kẻ ngu  
Thể tánh đều chẳng thật  
Người với Tam-ma-địa  
Vì sao không siêng tu  
Vô lượng các Thanh văn  
Độc giác và Bồ-tát

Sống dưới cây, trong núi  
Chỗ tu thiền yên tịnh  
Biển sữa Ma-la-đa  
Tần-đà, Bà-lợi-sư  
Ma-hê, Nhân-đà-la  
Kê-la và núi tuyết  
Hoặc ở Viên sinh thọ  
Hoặc tại Kiều-vi-na  
Hay giữa núi Tu-di  
Nghỉ tại cây Như ý  
Kiếm-ma-la hiểm trở  
Tĩnh tọa ở trong đó  
Hoặc ăn quả Chiêm-bộ  
Và uống vị cam lộ  
Đầy đủ các thần thông  
Mà thường tu quán này  
Đời quá khứ, vị lai  
Ngồi trên đài Liên hoa  
Kiết già trụ đẳng dẫn  
Thường quán sát như vậy  
Nhờ khéo nhiếp các căn  
Tất cả cảnh không tan  
Như móc câu giữ voi  
Trụ định cũng như vậy  
Thế gian hay xuất thế  
Tất cả các định khác  
Định Phật sạch, không như  
Tham ái đều trừ bỏ  
Định vô sắc biến ái  
Trong các thiền vô tướng  
Thấy hình trời, trăng đó  
Hoa sen và vực thẳm  
Như các màu hư không

*Định ấy chẳng rối ráo  
Trừ bỏ tướng như vậy  
Được sạch, không phân biệt  
Sẽ thấy câu-đê côi  
Chư Phật trụ định tâm  
Đồng lúc, cũng duỗi tay  
Lấy nước rưới đầu họ  
Liên nhập vào Phật địa  
Hiện ra các sắc hình  
Đã được các thứ thân  
Sẽ đủ Nhất thiết trí  
Lực, thông và tự tại  
Chánh định, Đà-la-ni  
Những công đức như vậy  
Tất cả đều thành tựu  
Phân tích với các sắc  
Cho đến quán rất nhỏ.  
Tự tánh không chỗ có  
Ví như sừng con hổ  
Không phân, không phân biệt  
Uẩn, hữu uẩn cũng vậy  
Đều là ảo thuật làm  
Tất cả đều như vậy  
Trong đó không nghiệp quả  
Cũng không người tác nghiệp  
Không thể tạo thế gian  
Giả sử có thể tạo  
Có thể tạo với tạo  
Sao gọi người năng tác!  
Lời đó thành lỗi lầm  
Nói tạo ấy thanh tịnh  
Ngã ấy thành các cảnh  
Địa Luân nương thủy luân*

Và hữu tình thế gian  
 Theo thứ lớp an cho  
 Các nẻo đều sai biệt  
 Đây kia cùng qua lại  
 Với các căn khởi sự  
 Mới giữ lấy các cảnh  
 Việc ấy chẳng do ngã  
 Đều là do phân biệt  
 Thay nhau mà đổi khác  
 Đồng với sữa, lạc, tô  
 Như vậy sinh, trụ diệt  
 Kế nghiệp và phi nghiệp  
 Người định thường quán vậy,  
 Như Càn thành và mộng  
 Hý luận từ vô thủy  
 Huân tập nơi hữu tình  
 Vô số các lỗi lầm  
 Mới sinh nghiệp phân biệt  
 Các căn giống như huyễn  
 Cảnh giới khác nào mộng  
 Nghiệp năng tác, sở tác  
 Người định hay xa lìa  
 Kẻ ác giác yếu hèn  
 Mê hoặc sinh vọng chấp  
 Phân biệt với năng tác  
 Tất cả các thế gian  
 Hoặc là ngọc Ma-ni  
 Vàng bạc các khoáng sản  
 Sắc chim, thú, sai khác  
 Bị vật nhọn đâm thẳng  
 Việc ấy không giống nhau  
 Nên biết không ai làm  
 Tướng thế gian sai khác

Đều từ phân biệt sinh  
Chẳng thắng tánh vi trần  
Tự nhiên, không nguyên do  
Kẻ ác giác vọng chấp  
Không biết thể tánh nó  
Là nghiệp hay phi nghiệp  
Khởi phân biệt như vậy  
Như chất độc trong sữa  
Tùy tương ứng biến chuyển  
Phân biệt tất cả xứ  
Các pháp cũng như vậy  
Tánh ấy cũng không sinh  
Tánh ấy cũng không diệt  
Kẻ mê không thể hiểu  
Các thứ phân biệt khác  
Thế gian chỉ tích tập  
Người định mới quán được  
Các người hãy siêng tu  
Không nghĩ nghiệp, phi nghiệp  
Cùng hữu tình qua lại  
Như trời trăng xoay vần  
Trên không, không chỗ nương  
Tùy gió mà vận chuyển  
Tánh nghiệp rất sâu kín  
Thấy được cõi Mật nghiêm  
Tu các thắng quán hạnh  
Không bị nó chi phối  
Như ngọn lửa bốc cao  
Khoảnh khắc thành tro khói  
Lửa trí đốt củi nghiệp  
Nên biết cũng như thế  
Lại như đèn trời tối  
Huân tu từ vô thủy

*Đèn trí Mâu-ni thấp  
Sát-na liền diệt sạch.*

*\*\*  
\**

### **Phẩm 5: BIỆN QUÁN HẠNH**

*Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
Bồ-tát Ma-ha-tát  
Lại bảo đại chúng rằng:  
Các nhân giả lắng nghe  
Ví như chỗ vắng vẻ  
Muốn tạo dựng phòng ốc  
Người thợ lo vật liệu  
Sau đó mới thành được.  
Xem kỹ trong các vật  
Từng vật không thành nhà  
Cũng như các ngón tay  
Hợp lại thành bàn tay  
Bỏ ngón tay tìm kiếm  
Thế nắm tay đâu có.  
Quân sư và xe cộ  
Thành ấp cùng vườn rừng  
Mây vật và núi sông  
Bình, áo với các tướng  
Đều là giả hòa hợp  
Bậc trí hiểu như mộng  
Như vậy thân nhà cửa  
Các giới đã tạo thành  
Uẩn chứa như núi cao  
Nguy hiểm như nhà mục  
Không sinh, cũng không diệt  
Chẳng mình chẳng phải người*

Như thành Càn-thát-bà  
Như mây và như ảnh  
Cũng lại như quáng nắng  
Giống như xem tranh vẽ  
Tướng tự hư vọng hiện  
Tánh tịnh lia có, không  
Như người mù lại què  
Tướng giả mà đi được  
Tự tánh không thể giữ  
Thân phàm ngu cũng vậy  
Phân tích đến cực vi  
Tên rỗng, vật không thật  
Vi trần không nắm bắt  
Các pháp cũng như vậy  
Bậc Tịnh tuệ Du-già  
Khi suy nghĩ như vậy  
Liên đối với sắc, thanh...  
Xa lìa sự nhớ hiểu  
Chấm dứt tất cả ý  
Quả nhiên được giải thoát  
Không luyến ái các hữu  
Luôn ưa thích đẳng trì  
Dầu cho các tiên trời  
Hay người đẹp lộng lẫy  
Có đến cúng dường ta  
Xem như mộng, không nhiễm  
Thân tuy đứng tại đây  
Ngoại đạo không thể thấy  
Trì Minh và Phạm thiên  
Cũng không thấy đĩnh ta  
Sẽ sinh cung Ma-ni  
Tự tại mà vui chơi  
Cùng các Đà-la-ni

Là Dục thường hoan lạc  
 Đây là pháp quán hạnh  
 Cảnh giới của Tát-đỏa  
 Nhân giả, sớm tu tập  
 Với phát tâm dũng mãnh  
 Sẽ sinh cung Quang minh  
 Lợi ích cả ba cõi  
 Đoạn trừ phần tham dục  
 Và lìa sân, nhuế, si  
 Hãy đến Đại mật nghiêm  
 Nơi vắng lặng thù thắng  
 Cảnh giới ấy không chết  
 Không có thức hoạt động  
 Xa lìa với các tướng  
 Chẳng phân biệt chỗ được  
 Đây là xứ vi diệu  
 Tương ứng pháp Du-già  
 Cho nên tu quán hạnh  
 Mong cầu đến cõi đó  
 Đã thắng được tham sân  
 Không ta, cũng không người  
 Người nên tu thắng định  
 Chớ sinh ra ba độc  
 Hoặc chấp vào cảnh giới  
 Liền sinh ra hai giác  
 Giống như cô gái đẹp  
 Mang những vòng hoa tươi  
 Kẻ nhiều dục thấy rồi  
 Say đắm trong tưởng nhớ  
 Cái biết nhiễm mê hoặc  
 Chuyên nghĩ việc đó thôi  
 Lúc đi đứng hay ngồi  
 Ăn uống và ngủ nghỉ



*Dung nhan cô gái ấy  
Luôn hiện trong tâm tưởng  
Những ác tuệ như vậy  
Do cảnh giả dối sinh  
Chìm trong cảnh bùn lầy  
Cho nên đừng tham đắm  
Hoặc như các thế gian  
Tuệ, tà phân biệt đối  
Vớ trâu và dê núi  
Thiết bà và hươu nai  
Vì thấy chúng có sừng  
Ôm giữ đó là thật  
Nên đối với hổ, thỏ...  
Lại hiểu là không sừng  
Nếu không thấy sừng trâu  
Đâu chấp thỏ không sừng!  
Thế gian cũng như vậy  
Vọng thấy có chỗ được  
Sao thấy thể chẳng thật  
Liền nói pháp định không  
Vì chưa bỏ phân biệt  
Nên tà giác luôn sinh  
Nhân giả xem xét kỹ  
Tâm hành các cảnh giới  
Đều như vọng sở đắc  
Có sừng hay không sừng  
Nếu như người tu hành  
Phải nên quán như vậy  
Từ đó được ý vui  
Hoặc làm Chuyển luân vương  
Trên không mà qua lại  
Có đủ đại oai lực  
Hoặc sinh điện nhật nguyệt*

Và các cung tinh tú  
 Bốn vua trời Đao-lợi  
 Diêm-ma và Đâu-suất  
 Hóa lạc và Tha hóa  
 Trong bảo điện Ma-ni  
 Các thân phạm sắc giới  
 Và cõi trời Thập phạm  
 Không phiền và Không nhiệt  
 Thiện kiến và Thiện hiện  
 Cung A-ca-ni-tra  
 Tự tại mà vui chơi  
 Không thức, vô sở hữu  
 Phi tưởng, phi phi tưởng  
 Tại đó, trừ dần dục  
 Cho đến các cõi Phật  
 Thường vui định vi diệu  
 Cảnh giới của giải thoát  
 Ví như thân bình vỡ  
 Mới có những mảnh sành  
 Tánh hoại, hiện sát-na  
 Với thường, thấy vô thường  
 Hạt giống sinh ra mầm  
 Mầm sinh loại rồi mất  
 Lại như người thợ gốm  
 Lấy bùn tạo ra bình  
 Nếu bùn là Xa-ma (chỉ)  
 Bình cũng như sắc nó  
 Hoặc lúc thợ gốm ấy  
 Dùng bùn đủ loại sắc  
 Đến khi nung đã thành  
 Mỗi cái tùy sắc bùn  
 Tên, tre thành cửa sổ  
 Từ sừng thành bầu đựng

*Ruồi nơ và mật thối  
Thấy đều sinh ra trùng  
Nên biết quả thế gian  
Giống nhân, không giống nhân  
Do nhân đã biến hoại  
Nên mới sinh ra quả  
Nơi làm thành cát bụi  
Thể tánh không biến hoại  
Do kẻ ngu ở đời  
Sinh giả đối phân biệt  
Tạo ra ta trong ta  
Không có gì hơn ta  
Vớ ý, ngã cũng không  
Nhân tích tập cũng không  
Cùng nhân gần nhất sinh  
Chẳng cần có duyên thức  
Cảnh giới của bậc Trí  
Sức khéo léo sinh ra  
Nhỏ sạch gai phiền não  
Hàng phục ma, quyến thuộc  
Tham ái thế gian hết  
Như mật hay trị bệnh  
Chư tiên do lòng tham  
Lưu chuyển sinh các nẻo  
Do huân tập lâu dài  
Ví như rắn phùng mang  
Lửa phiền não thiêu đốt  
Lưu chuyển đường ác hiểm  
Lìa tham liền giải thoát  
Phải siêng tu quán hạnh.*

\*\*  
\*

**Phẩm 6: HƯỚNG VÀO A-LẠI-DA**

Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Bồ-tát Ma-ha-tát  
 Lại bảo các đại chúng:  
 Các nhân giả phải biết  
 Xưa, ta nhờ Phật lực  
 Gia trì, được diệu định  
 Thấy rõ câu-đê côi  
 Tu hành định thế gian  
 Chư Phật cùng Phật tử  
 Trụ ở nơi thanh tịnh  
 Trong đó chỉ Mật nghiêm  
 Là an vui đệ nhất  
 Chư Phật ngồi hoa sen  
 Như cung điện tuyệt diệu  
 Ta liền từ định dậy  
 Hết lòng mà chiêm ngưỡng  
 Tự thấy nước Mật nghiêm  
 Chúng Phật tử vây quanh  
 Lại thấy tạng giải thoát  
 Trụ ở trong cung ấy  
 Thân lộng như lông tay  
 Sắc tướng thật sáng rạng  
 Như trăng rằm trên không  
 Như hoa A-hằng-tư  
 Tâm ta liền suy nghĩ  
 Việc khó nghĩ là gì?  
 Liền thấy ngay thân mình  
 Chính ở tại trong bụng  
 Ở trong đó thấy hết  
 Tất cả các thế gian

*Liên hoa tạng Phật tử  
Nhờ thần lực của Phật  
Cũng đều thấy như vậy  
Vui vẻ không nghĩ bàn  
Thiên Trung Thiên tạo ra  
Liên châu oai thần lực  
Đại chúng đều như vậy  
Tốt hiếm có khó nghĩ.  
Du-kỳ đủ thứ sắc  
Là cảnh giới của Phật  
Các nhân giả nên biết!  
Xưa Phật là Bồ-tát  
Từ nơi địa Hoan hỷ  
Đạt đến địa Ly cấu  
Phát quang và Diệm tuệ  
Nan thắng và Hiện tiền  
Viễn hành với Bất động  
Thiện tuệ, Pháp vân địa  
Đạt được Đà-la-ni  
Sinh các nghĩa vô tận  
Các định Thủ-lăng-nghiêm  
Và dùng ý thành thân  
Tế tánh và khinh tánh  
Đại tánh và ý lạc  
Tôn quý và dục thọ...  
Được tám tự tại ấy  
Như, ứng liền hiển hiện  
Vui chơi nơi Mật nghiêm  
Gọi là Diệu quang minh  
Công đức đều thành tựu  
Trở lại được thanh tịnh  
Hiện thành Đẳng chánh giác  
Hóa thành Phật, Bồ-tát*

Vô số sắc tượng đẹp  
 Tự nhiên biến khắp cả  
 Mà chuyển xe diệu pháp  
 Mau khiến các chúng sinh  
 Dùng trí đoạn các hoặc  
 Lợi lạc khắp các nẻo  
 Lại ở trong Mật nghiêm  
 Hoặc có các Đại sĩ  
 Thấy Phật hiện sắc thân  
 Tướng trang nghiêm tốt đẹp  
 Tự nhiên phát ánh sáng  
 Rực rỡ như đồng lửa  
 Ở tại cung Liên hoa  
 Cùng các người quán hạnh  
 Vui chơi định an lạc  
 Tam-ma-địa tự tại  
 Là nơi rất thù thắng  
 Hoặc thấy nơi đại thọ  
 Thân vua Khẩn-na-la  
 Hiện ra trăm ngàn ức  
 Vô số các biến hóa  
 Ánh sáng rực như trăng  
 Chiếu khắp các cõi nước  
 Hoặc thấy trời Đâu-suất  
 Vô lượng các Phật tử  
 Thân như sắc đế thanh  
 Tướng công đức trang nghiêm  
 Đầu đội mũ Ma-ni  
 Ngồi cung điện tuyệt đẹp  
 Ánh sáng chiếu cùng khắp  
 Thông đạt Nhất thiết trí  
 Hoặc thấy đức Phổ Hiền  
 Có đủ oai lực lớn

Đạt đại Nhất thiết trí  
Bốn Vô ngại, Biện tài  
Thân tướng hiện ánh sáng  
Tối thắng không ai bằng  
Ở cung điện Mãn nguyệt  
Cửa biển định Mật Nghiêm  
Hiện hiện các sắc tướng  
Hiện thánh đều khen ngợi  
Vô lượng chúng, các trời  
Cùng với Càn-thát-bà...  
Minh tiên và quốc vương  
Các quyến thuộc vây quanh  
Hoặc thấy Tối thắng tử  
Cùng các quán hạnh sư  
Vắng lặng mà thiền định  
Uy nghiêm nơi giấc ngủ  
Xa lìa sự chậm chạp  
Phụng hành lời Phật dạy  
Cần khổ mà sạch nhẹ  
Như ngoại đạo hiển bày  
Lục dục và Phạm thiên  
Hữu dẫn đến Thiệm-bộ  
Trong đó mà hóa hiện  
Có nhiều thứ ánh sáng  
Bạc Thần thông điều ngự  
Nổi rõ lên rực rỡ  
Hoặc thấy Bạc Đạo Sư  
Nhập thai hiện Đản sinh  
Xuất gia tu thiền định  
Cho đến Bát-niết-bàn  
Trí Phật không nghĩ bàn  
Tất cả đều trọn thành  
Được tự tại vô úy

Người, trời đều nương về  
 Nhân giả nên biết rằng  
 Thể tánh của chư Phật  
 Trí tuệ không ai bằng  
 Chỉ Phật mới biết được  
 Như Thích-ca đã chứng  
 Thắng sư tử, loài người  
 Các người sẽ đạt được  
 Hãy tin, chớ hoài nghi  
 Tin chính là Phật thể  
 Chắc chắn được giải thoát  
 Hoặc làm chúa cõi trời  
 Và các vị Tiểu vương  
 Cho đến sinh Phạm cung  
 Mà làm Chuyển luân vương  
 Lại sánh Tạng liên hoa  
 Ở trong hội Phật ấy  
 Do liên hoa hóa sinh  
 Được sức lớn tinh tấn  
 Do đó hàng phục ma  
 Muốn nhân đó huân tập  
 Ý chí không khiếm nhược  
 Chứng thành pháp Nhất đạo  
 Kế thừa các việc Phật  
 Làm vua các cõi nước  
 Nếu muốn được làm Phật  
 Phải sạch Phật tánh đạo  
 Chủng tánh đã tịnh rồi  
 Chư Phật liền thọ ký  
 Du-già được giác ngộ  
 Không lâu sẽ thành Phật  
 Tất cả bậc tu hành  
 Đều nương tựa vào đó



Ví như mặt đất này  
Là chỗ mọi vật nương  
Như với bậc Diệu hạnh  
Có thể trị các bệnh  
Bậc Giác ngộ cũng vậy  
Hay trừ bệnh giả dối  
Được tâm vô phân biệt  
Hiểu rõ, không lay động  
Cảnh giới của trong ngoài  
Rõ đạt đều do thức  
Hãy xa lìa nơi ngã  
Cũng lìa cả ngã sở  
Không năng hại, sở hại  
Đối với cả vật hại  
Tất cả đều như vậy  
Cảnh giới của ý thức  
Đều nương A-lại-da  
Phân biệt đối như vậy  
Như ngọc cùng mặt trời  
Tương cảm sinh ra lửa  
Lửa này chẳng từ ngọc  
Cũng chẳng từ mặt trời  
Tâm ý thức cũng vậy  
Căn, cảnh, ý hòa hợp  
Hay sinh ra các tâm  
Như biển nổi các sóng.  
Tánh này chẳng giả tạo  
Cũng chẳng phải ảo mộng  
Chẳng giống các loại ấy  
Do mê hoặc nắm giữ  
Chẳng giống như lông rùa  
Cũng chẳng giống sừng thỏ  
Lại như sấm và chớp

Chấn động sinh ra lửa  
 Lửa này chẳng do nước  
 Chỉ có vì sấm chớp  
 Ý, không từ định biết  
 Lửa này theo nơi sinh  
 Như lửa theo nước sinh  
 Tạo ra các đồ gốm  
 Dục và các tâm pháp  
 Với tâm mà cộng sinh  
 Tánh hòa hợp không định  
 Nên biết phải như vậy  
 Tâm cảnh không nghĩ bàn  
 Bị Mật nghiêm thấy biết  
 Tạng thức của hữu tình  
 Câu sinh từ vô thủy  
 Như Niết-bàn hư không  
 Tánh trạch diệt vô vi  
 Xa lìa khỏi ba cõi  
 Thanh tịnh thường tròn đầy  
 Như trăng có tròn khuyết  
 Hiện rõ các cõi nước  
 Xoay vần thể là một  
 Tánh nó không tăng giảm  
 Kẻ ngu bị phân biệt  
 Thấy trăng có đầy vơi  
 Qua lại khắp bốn châu  
 Kỳ thật không tròn khuyết  
 Tạng thức vốn như vậy  
 Hiện khắp cõi hữu tình  
 Thể tánh không tăng giảm  
 Tròn sạch thường chiếu sáng  
 Kẻ ngu vọng phân biệt  
 Đối với thức Lại-da

Cho là có tăng giảm  
Phải nên biết như vậy.  
Nếu đối với thức này  
Mà chân chánh biết rõ  
Liên đạt được vô lậu  
Chuyển y, sự sai biệt  
Đó là pháp sai biệt  
Đạt được, rất là khó  
Tạng thức cũng như vậy  
Cùng bảy thức đồng chuyển  
Vì tương ưng huân tập  
Thể tánh vốn không nhiễm  
Giống như cây trên sông  
Theo nước mà trôi nổi  
Song cây cùng với nước  
Thể tướng đều sai khác  
Tạng thức cũng như vậy  
Các thức tập khí đủ  
Tánh luôn luôn thanh tịnh  
Không bị nó tạo nghiệp  
Thanh tịnh và tạp nhiễm  
Đều nương A-lại-da  
Bậc Thánh vui tại pháp  
Cảnh giới của định tâm  
Người, trời và các nẻo  
Tất cả các cõi Phật  
Đó là pháp tịnh nhiễm  
Như Lai tạng là nhân  
Do giác ngộ thành Phật  
Là chủng tánh các thừa  
Tất cả các chúng sinh  
Có đủ các oai lực  
Các công đức tự tại

Các tốt đẹp thù thắng  
 Cho đến nơi hiểm ác  
 Thượng, trung, hạ sai khác  
 Lại-da mãi ở trong  
 Luôn làm chỗ nương tựa  
 Đều do các hữu tình  
 Quả, từ vô thủy đến  
 Do các nghiệp tập khí  
 Làm cho tự tăng trưởng  
 Cũng lại từ tăng trưởng  
 Với bảy thức còn lại  
 Do vậy kẻ ngu si  
 Chấp cho là nội ngã  
 Năng tác, ngã sở y  
 Luân hồi nơi sinh tử  
 Ý thức ở trong thân  
 Nhanh chóng như gió chuyển  
 Bị gió nghiệp chuyển động  
 Lan khắp nơi các căn  
 Thường cùng đủ bảy thức  
 Lưu chuyển như cơn sóng  
 Vi trần và thắng tánh  
 Tự tại và thời, phương  
 Đều là tịnh Lại-da  
 Ở trong vọng phân biệt  
 Lại-da do nghiệp lực  
 Và lấy ái làm nhân  
 Thành tựu các thế gian  
 Có vô số phẩm loại  
 Kẻ ngu mãi không rõ  
 Chấp là có kẻ làm  
 Thể tướng của thức này  
 Vi tế rất khó biết

Chưa thấy được chân thật  
 Tâm mê không thể hiểu  
 Thường với căn, cảnh, ý  
 Mà sinh đắm nơi ái  
 Kim Cang Tạng nói:  
 Các Phật tử không sợ  
 Thử Lại-da là vậy  
 Vì sao không thấy nghe  
 Chỗ nương tựa các thân  
 Tánh tịnh luôn không nhiễm  
 Đầy đủ ba mươi hai  
 Tướng Phật và Luân vương  
 Biến khắp trong ba cõi  
 Hiện ra đủ thứ sắc  
 Giống như trăng tròn sáng  
 Các ngôi sao vây quanh  
 Tạng thức cùng các thức  
 Trụ thân cũng như vậy  
 Như các trời cõi Dục  
 Có Thiên nữ vây quanh  
 Rực sáng cung điện báu  
 Tạng thức cũng như vậy  
 Như các thân sông, biển  
 Tự tại ở trong nước  
 Tạng thức ở thế gian  
 Nên biết, cũng như vậy.  
 Như rồng nương nước trời  
 Như trăm sông đổ biển  
 Như cây vua nương đất  
 Hiện tâm cũng như vậy  
 Mặt trời ở cung điện  
 Xoay quang núi Diệu cao  
 Chư Thiên đều kính lễ

Phật địa, tâm cũng vậy.  
 Mười thứ trong các Địa  
 Tu hành tất cả hạnh  
 Ở trong thân Bồ-tát  
 Hiện rõ nơi pháp lớn  
 Lợi ích và an vui  
 Như Lai luôn khen ngợi  
 Từng địa vị thanh tịnh  
 Nên gọi là Phật tử  
 Ở trong thân Bồ-tát  
 Đó chính là Bồ-tát  
 Phật và các Bồ-tát  
 Đều gọi là Lại-da  
 Phật và Tối thắng tử  
 Đã và đang thọ ký  
 A-lại-da rộng lớn  
 Sẽ thành Đẳng chánh giác  
 Chính thể Lại-da này  
 Bạc Mật nghiêm hay thấy  
 Nhờ Du-kỳ tối thắng  
 Nên tương ưng diệu định  
 Chư Phật và Duyên giác  
 Thanh văn và ngoại đạo  
 Người chứng lý vô úy  
 Quán sát nhờ thức này  
 Vô số các thức cảnh  
 Đều từ tâm biến ra  
 Bình, áo và các vật  
 Tánh như vậy, đều không  
 Đều nương A-lại-da  
 Cái thấy đều mê hoặc  
 Nghĩa là dùng huân tập  
 Đối sinh năng, sở thủ

Thể chẳng, như ảo thuật  
Chẳng quáng nắng, lông tròn  
Chẳng sinh, chẳng không sinh  
Không tánh, không xa lìa  
Có, không, đều không tánh  
Dài ngắn cũng như vậy.  
Kẻ trí quán việc giả  
Thấy đều do ảo thuật  
Chưa từng có một vật  
Đồng khởi lên với huyễn  
Hữu tình đã phân biệt  
Như huyễn mà vẫn thấy  
Tướng quáng nắng, lông tròn  
Cả hai không thể có  
Lìa một, không có hai  
Không đời trước, đời này  
Đều do thức biến khác  
Không giả, không giả tên  
Các tánh không nắm bắt  
Là giả, giả làm ra  
Kẻ thế gian mê hoặc  
Tâm đó không tự tại  
Đối nói có thể giả  
Giả thành đủ các vật  
Chuyển động và qua lại  
Tuy có nhưng không thật  
Như sắp gặp nam châm  
Bị hút nên di chuyển  
Tạng thức cũng như vậy  
Tùy theo loại phân biệt  
Tất cả các thế gian  
Không nơi nào không có  
Mặt trời, ngọc Ma-ni

*Không suy nghĩ, phân biệt  
Thức này biến khắp cõi  
Thấy nó là lưu chuyển  
Không chết cũng không sống  
Pháp vốn chẳng lưu chuyển  
Như mộng thấy sinh tử  
Giác ngộ liền giải thoát  
Đó chính là chư Phật  
Giáo lý bậc tối thắng  
Suy nghĩ tất cả pháp  
Như cân, như gương sáng  
Chiếu rõ như đèn sáng  
Thử nghiệm như vàng đá  
Chánh đạo như tướng tiêu  
Xa lìa sự mất dứt  
Bậc tu tập thắng định  
Đều nhờ nhân thanh tịnh  
Khiến lìa các tạp nhiễm  
Chuyển y mà hiện rõ.*





# KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

## QUYỂN HẠ

### Phẩm 7: CẢNH GIỚI NGÃ, THỨC

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, xem khắp mười phương, rồi từ hạt ngọc trên búi tóc, phóng ra luồng ánh sáng lớn, chiếu các thế giới và cung trời Tha hóa tự tại, cùng với các chúng Phật tử ở trong cõi Mật nghiêm xông liền bảo Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến:

–Này Nhân chủ! Trong núi Tuyết sơn có một con ác thú tên là Năng hại. Nó có trăm ngàn lối biến hóa để lừa bắt các thú. Khi nào thích ăn, nó liền giết để ăn thịt. Nếu gặp những con thú mạnh, có tên là Năng, nó liền cất tiếng gọi: “Này con!” rồi giết mà ăn thịt. Hoặc lúc thấy những con thú có sừng, nó liền hiện ra thú có sừng giống hệt đến gần để làm thân, khiến cho con vật ấy không sợ, rồi lừa giết để ăn thịt. Nếu thấy trâu, dê... vô số các thú nó liền hiện hình giống như chúng rồi tự ý mà giết hại.

Này Nhân chủ! Con Năng hại ấy, hiện ra các thứ thân hình, để giết hại các loại thú. Tất cả ngoại đạo cũng như vậy. Đối với A-lại-da, sinh ra các ngã kiến, dính mắc vào ngã tướng, giống như ác thú biến ra vô số hình. Cũng như có rất nhiều kẻ tự tạo đủ loại chấp ngã mà mỗi mỗi đều sai khác, cho đến rất là nhỏ, giống như vi trần.

Này Nhân chủ! Việc chấp ngã này, nương vào đâu mà trụ? Không trụ nơi khác, mà chỉ trụ nơi thức tự tại? Những người chấp ngã nói rằng, ngã cùng với ý, căn, cảnh hòa hợp để có thức sinh ra, ngã vốn không có, như hoa và áo mà hợp lại, liền có mùi thơm; nếu khi chưa hòa hợp, thì áo vốn không có mùi thơm. Cho nên biết rằng: Chỉ có thức tâm và tâm pháp. Nếu lìa thức tâm, tâm sở pháp; liền không

có ngã. Như trái cây để trong hủ, như đèn chiếu trong bình, như cỏ Y-thi-ca-văn-xà. Nếu muốn có được, chỉ nhờ nhân duyên sinh tâm, tâm pháp; nhưng trong đó, không có ngã, cũng không có sinh, một tướng vi diệu xưa nay vắng lặng. Đó là cảnh giới tự chứng, mà bậc thẳng quán hạnh giác ngộ. Như con ác thú kia, đã giết hại và làm thương tổn nhiều sinh vật. Các ngoại đạo cũng giống như vậy, ở thế gian họ nuôi dưỡng, làm tăng trưởng ác kiến, không biết đến pháp trí, lại cưỡng ép phân biệt, cho là có, là không, hoặc một, hoặc nhiều lần làm lộn về ngã hay ngã sở.

Vì sao? Vì do không giác ngộ tánh duy thức vậy, chỉ khát khao nghĩ đến tuệ đang qua lại, chạy nhảy, sống chết, lưu chuyển; lại xa lìa chư Phật, Bồ-tát, bạn lành, chống đối lại với giải thoát, chánh tuệ dao động, không thể tu giữ tám chi Thánh đạo; đối với ba thừa, cho đến Nhất thừa, hoàn toàn không thể chứng đắc. Do khởi lên sự dính mắc, nên không thấy được Thánh đế, đối với danh từ Mật nghiêm, còn không thể nghe được, hưởng chi nơi đó, mà có thể đến được.

Này Nhân chủ! Các bậc có định sâu dày đối với thức này, đều trừ sạch ngã kiến. Vậy người và các Đại Bồ-tát, cũng nên làm như vậy. Tự mình đã không siêng tu, lại còn nói cho người khác nghe nữa, khiến cho họ mau nhập vào cõi Mật nghiêm của Phật.

\*\*  
\*

### Phẩm 8: A-LẠI-DA CHÍNH LÀ MẬT NGHIÊM

*Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
Làm rõ tạng thức này  
Chính là nghĩa Mật nghiêm  
Bèn bảo Như Thật Kiến:  
Như nam châm hút sắt  
Thường hay tự chuyển động  
Như định tánh xe uẩn  
Chuyển động do tập khí  
Cỏ, cây, đất và tre..*

Nhờ dây buộc thành nhà  
Hòa hợp nên thấy được  
Thân uẩn cũng như vậy  
Khởi thi, nam châm, sắt  
Chuyển động như hữu tình!  
Tất cả đều như vậy  
Đó là uẩn vô ngã.  
Khi Bồ-tát Bảo Thủ  
Thưa với vua Chúng Sắc:  
Nay vua nên thưa hỏi  
Bậc định Kim Cang Tạng.  
Tất cả các thế gian  
Với các thức có được  
Không hiểu lìa nơi giác  
Xa lìa lời nói đúng  
Tương ứng, không tương ứng  
Danh tự của hai thứ  
Mà thế gian sở hữu  
Tự tánh làm sao trụ?  
Các Phật tử hội này  
Chuyên lòng, đều muốn nghe  
Vua Chúng Sắc tối thắng  
Liên theo nghĩa mà hỏi  
Danh tương và cảnh giới...  
Tất cả pháp thế gian  
Đều chỉ là phân biệt  
Hay là lìa phân biệt?  
Đã lập danh như vậy  
Danh ấy nương đâu trụ?  
Kim Cang Tạng nghe xong.  
Liên bảo vua Chúng Sắc:  
Tất cả chỉ có danh  
Cũng do tưởng lập ra

Từ năng thuyên đã khác  
 Nên sở thuyên không có  
 Bốn uẩn chỉ tên gọi  
 Cho nên nói là danh  
 Như tên Ma-nạp-bà  
 Có tên không có thể.  
 Chư Phật và Phật tử  
 Nói danh chỉ tại tướng  
 Là tướng mà có danh  
 Không thể có phân biệt  
 Cho nên nương nơi tướng  
 Phân biệt có các danh  
 Như chưa biết sừng thỏ  
 Giả danh không thể được  
 Với tướng vốn không có  
 Kể ngu vọng phân biệt,  
 Thế gian cũng như vậy  
 Là tướng, không có tên  
 Bình, áo và xe cộ  
 Do tên gọi, phân biệt  
 Sắc tướng tuy nói được  
 Thể tánh vốn không có  
 Các sắc pháp thế gian  
 Ngoài tướng, chẳng có gì  
 Chỉ dựa tướng đặt tên  
 Tên ấy cũng không thật  
 Vua nên xem thế pháp  
 Là danh vốn không có  
 Bởi dùng tâm phân biệt  
 Mới sinh ra dính mắc  
 Nếu lià sự phân biệt  
 Dính mắc liền không sinh  
 Không sinh là chuyển y

Chúng được pháp vô tận.  
Cho nên, này Đại vương!  
Thường phải nên quán tưởng  
Chỉ là tâm phân biệt  
Lìa nó liền có không  
Hình tướng thể tăng trưởng  
Tan mất chất và thân  
Các tên gọi như vậy  
Đều là tướng của sắc  
Danh tướng và phân biệt  
Thể tánh vốn không khác  
Tùy theo cách thế tục  
Mà đặt tên khác nhau  
Nếu xa lìa danh tự  
Mà cầu nơi vật thể  
Quá khứ và vị lai  
Thấy đều không thể được  
Do các thứ chuyển biến  
Không có pháp sở tri  
Sở tri chỉ là danh  
Thế gian đều như vậy  
Gọi là pháp phân biệt  
Pháp không xứng với danh  
Tánh các pháp như vậy  
Không trụ nơi phân biệt  
Vì pháp chỉ có danh  
Nên tướng không thật thể  
Tướng không, danh cũng không  
Nơi nào có phân biệt?  
Nếu được không phân biệt  
Thân tâm mãi vắng lặng.  
Như lửa đốt củi xong  
Cuối cùng chẳng còn cháy

Ví như người gánh vác  
Gọi là kẻ gánh vác  
Tùy theo gánh vật gì  
Tướng người gánh sai khác  
Danh như vật được gánh  
Phân biệt danh: Người gánh.  
Vì danh có rất nhiều  
Phân biệt không giống nhau  
Như thấy thú là người  
Thấy người cho là thú  
Phân biệt người và thú  
Đó chỉ ở tên gọi  
Trong các đại hòa hợp  
Phân biệt cho là sắc  
Nếu lià khỏi các đại  
Thế hoàn toàn không có  
Như đức nương nơi bình  
Bình nương danh cũng vậy  
Bỏ danh mà lấy bình  
Bình hoàn toàn không có  
Bình không trụ thế bình  
Danh nào trụ nơi danh!  
Hợp hai sinh phân biệt  
Lượng danh cũng chẳng có  
Trụ nơi định như vậy  
Tâm đó không lay động  
Ví như vàng và đá  
Tướng xưa nay không nước  
Nếu hòa hợp với lửa  
Liên có nước lưu động  
Tạng thức cũng như vậy  
Thế chẳng lưu chuyển pháp  
Cùng các thức tương ứng

Nên cùng pháp lưu chuyển.  
 Như sắc do nam châm  
 Bị hút nên di chuyển  
 Cả hai không hề nghĩ  
 Như thế sẽ hiểu nhau  
 Lại-da cùng bảy thức  
 Nên biết, cũng như vậy  
 Tập khí trói bắt đi  
 Không người, mà như có  
 Đầy khắp thân hữu tình  
 Đến các nơi hiểm trở  
 Như sắc gặp nam châm  
 Hút nhau không tự biết.  
 Hoặc xa lìa hiểm trở  
 Được an trụ các Địa  
 Sức thần thông tự tại  
 Như huyện Thủ-lăng-nghiêm  
 Cho đến Đà-la-ni  
 Thứ gì cũng thành tựu  
 Khen thật công đức Phật  
 Rồi lễ Phật cúng dường  
 Hoặc hiện vô lượng thân  
 Một thân vô lượng tay  
 Vai đầu miệng và lưỡi  
 Đều trở thành vô lượng  
 Đi đến mười phương cõi  
 Cúng dường các Như Lai  
 Mưa hoa và y phục  
 Mũ đội và chuỗi ngọc  
 Các thứ báu trang nghiêm  
 Chứa cao như Tu-di..  
 Cúng dường Tát-bà-nhã (Nhất thiết trí)  
 Phật và các Phật tử

Hoặc làm cung điện quý  
 Như mây đủ các màu  
 Hóa hiện các Thiên nữ  
 Vui chơi ở trong đó  
 Ca nhạc đủ tiếng hay  
 Cúng dường các Đức Phật  
 Hoặc cùng Phật, Bồ-tát  
 Sự vui thường đủ cùng  
 Tất cả các ma oán  
 Tự tại mà hàng phục  
 Được trí Thánh tự giác  
 Dùng chánh định trang nghiêm  
 Đã chuyển với sở y  
 Liền thấy pháp vô ngã  
 Năm pháp, ba tự tánh  
 Cùng với tám loại thức  
 Có thể thành các minh  
 Trụ định, luôn cúng dường  
 Hoặc hiện thân to lớn  
 Hoặc hiện như hạt bụi  
 Vô số các sắc thân  
 Cúng dường các Đức Phật  
 Hoặc thân vào các cõi  
 Vào trong cõi hạt cải  
 Biển lớn dấu chân trâu  
 Dấu trâu hoặc là biển  
 Các hữu tình trong đó  
 Không bị sự bức nã  
 Bình đẳng bày vật dụng  
 Như đất và nhật, nguyệt  
 Như nước và gió lửa  
 Như cõi quý nhạc hay  
 Rộng làm các lợi ích



*Nuôi lớn các hữu tình  
Các pháp không sinh diệt  
Không đoạn, cũng không thường  
Không một, cũng không khác  
Không đến, cũng không đi  
Đối đặt đủ thứ tên  
Đó là tánh Biến kế.  
Các pháp giống như huyễn  
Như mộng và Càn thành  
Quáng nắng, trăng trong nước  
Vòng lửa với điện chớp  
Trong đó vọng sở thủ  
Đó là tánh Biến kế.  
Đủ thứ tên nêu ra  
Để gọi đủ thứ pháp  
Với nó không thể được  
Đó là tánh Biến kế.  
Tất cả pháp thế gian  
Không lìa nơi danh sắc  
Nếu lìa nơi năng thuyên  
Sở thuyên, không thể có  
Tánh Biến kế như vậy  
Ta nói là thế gian  
Nhãn với sắc làm duyên  
Ba nhân hòa hợp, khởi  
Tiếng theo dùi trống phát  
Mộng từ đất mọc ra  
Cung điện và bình áo  
Đâu chẳng nhờ duyên khởi  
Hữu tình và các pháp  
Đều do tánh nương người  
Nếu pháp là vô lậu  
Nghĩa ấy không thể bỏ.*

Cảnh Thánh trí tự giác  
 Đó là tánh chân thật  
 Tướng các pháp sai biệt  
 Nói nó là tự tánh  
 Nếu lìa tự tánh môn  
 Các pháp không rõ ràng  
 Như các vật hòa hợp  
 Hiện làm hình ảo thuật  
 Các sắc tuy không đồng  
 Tánh đều không quyết định  
 Việc đời đều như vậy  
 Tất cả đều chẳng thật  
 Do vọng tình sở chấp  
 Biến kế nào có gì!  
 Ví như ngọc Ma-ni  
 Theo sắc mà tượng hiện  
 Thế gian cũng như vậy  
 Chỉ tùy phân biệt có  
 Thể dụng không nơi trụ  
 Đó là tánh Biến kế  
 Như hành Càn-thát-bà  
 Chẳng thành mà thấy giống  
 Cũng chẳng phải không nhân  
 Mà hay thấy như vậy.  
 Các thứ vật thế gian  
 Nên biết, cũng như vậy  
 Nhật nguyệt các cung điện  
 Các núi và Bảo sơn  
 Tướng khói mây chạm nhau  
 Chưa từng có tạp loạn  
 Không cộng, không ta, người  
 Thể tánh đều chẳng có  
 Chỉ là sở phân biệt

Tự tánh của biến kế  
Các vật chẳng nhân sinh  
Cũng chẳng không có nhân  
Hoặc có, hoặc chẳng có  
Đều do tình nắm giữ  
Danh nương tiếng mà có  
Cả hai, phân biệt sinh  
Chánh trí và Như như  
Xa lìa nơi phân biệt  
Tâm như tiếng hiện rõ  
Tương là chỗ ý nương  
Ý cùng nắm tâm sinh  
Giống như sóng trên biển  
Tập khí, không có đầu  
Cảnh giới cũng như vậy  
Tâm do tập khí sinh  
Cảnh khiến tâm hoặc loạn  
Nương tựa A-lại-da  
Tất cả các chủng tử  
Tâm hiện như cảnh giới  
Nên nói là thế gian  
Bảy thức, A-lại-da  
Dần dần hỗ tương sinh  
Tám loại thức như vậy  
Không thường, cũng không đoạn  
Tất cả các thế gian  
Tựa như có sắp đặt  
Các chúng sinh có chấp  
Ngã, ba thứ hòa hợp  
Phát sinh đủ thứ thức  
Biết rõ nơi các cảnh  
Hoặc có lời đối trá  
Hoặc tạo nghiệp làm nhân

Được sinh nơi Phạm thiên  
 Trong ngoài các thế gian  
 Thế gian chẳng tác giả  
 Tạo nghiệp và vi trần  
 Chỉ là A-lại-da  
 Biến hiện tựa như cảnh.  
 Tạng thức chẳng duyên tạo  
 Tạng cũng chẳng tạo duyên  
 Các thức tuy lưu chuyển  
 Không có ba hòa hợp  
 Thể Lại-da thường trú  
 Cùng câu hữu các thức  
 Như bánh xe thủy tinh  
 Cũng như sao với trăng  
 Từ đó sinh tập khí  
 Tự tăng trưởng đổi mới  
 Lại tăng trưởng thêm ra  
 Thức khác cũng như vậy  
 Sinh tử chuyển như thế  
 Người ngộ, tâm không chuyển  
 Giống như lửa đốt cây  
 Dần dần mà chuyển đời  
 Cây này đã cháy xong  
 Lại cháy qua cây khác  
 Nương tựa A-lại-da  
 Tâm vô lậu cũng vậy  
 Trừ dần các hữu lậu  
 Chấm dứt pháp luân hồi.  
 Đó là hiện pháp lạc  
 Thành tựu Tam-ma-địa  
 Các Thánh từ đó sinh  
 Cõi này đến cõi khác  
 Ví như vàng rất đẹp

Tai mắt không thể thấy  
Bậc trí khéo đào luyện  
Mới trở thành vàng ròng  
Tạng thức cũng như vậy  
Bị tập khí đeo bám  
Tam-ma-địa trừ sạch  
Giác ngộ, thường thấy rõ.  
Như dầu, sữa chưa trộn  
Không thể có đề hồ  
Cho nên các bậc Trí  
Dầu sữa làm đề hồ.  
Tạng thức cũng như vậy  
Bị các thức bám che  
Các bậc Định Mật nghiêm  
Siêng quán mới đạt được  
Mật nghiêm rất là sáng  
Là diệu trí đặc thù  
Phật tử siêng tu tập  
Sinh vào trong cõi này  
Cõi Sắc, cõi Vô sắc  
Không thức, Phi phi tưởng  
Với họ thường siêng tu  
Mới sinh đến cõi đó  
Các Phật tử trong ấy  
Chói sáng như trời, trăng  
Tu hành được chánh định  
Diễn thuyết đạo tương ưng  
Chư Phật, cùng quán dẫn  
Truyền cho ngôi vị đó  
Pháp Như Lai đã chứng  
Hễ thấy liền chuyển y  
Ở đạo tràng Mật nghiêm  
Ứng vật mà biến hóa

Tùy người ưa thích pháp  
 Trụ trên không diễn nói.  
 Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Lại bảo đại chúng rằng  
 Lại-da từ vô thủy  
 Do hý luận huân tập  
 Bị các nghiệp trói buộc  
 Luân chuyển đến vô cùng  
 Cũng giống như biển cả  
 Gió làm nổi sóng lên  
 Mãi mãi sinh và diệt  
 Không đoạn cũng không thường  
 Do không ngộ tự tâm  
 Tùy thức hiện cảnh giới  
 Nếu hiểu rõ tự tâm  
 Như lửa đốt hết củi  
 Thông đạt với vô lậu  
 Mới gọi là Thánh nhân  
 Tạng thức biến các cảnh  
 Bao trùm cả thế gian  
 Ý chấp ngã, ngã sở  
 So nghĩ luôn lưu chuyển  
 Các loại thức sai khác  
 Chúng đều rõ tự cảnh  
 Tích tập nghiệp làm tâm  
 Rộng, chứa, nhóm, gọi ý  
 Hiểu rõ ràng gọi thức  
 Năm thức giữ lấy cảnh  
 Như mắt nhắm thấy hoa  
 Tùy thấy mà mê hoặc  
 Tựa như sắc trong tâm  
 Chẳng sắc, cho là sắc  
 Ví như ngọc Ma-ni

Ánh nhật, nguyệt chiếu sáng  
Tùy đó mà ứng hiện  
Hiển lộ ra từng loại  
A-lại-da cũng vậy  
Tạng thanh tịnh Như Lai  
Hòa hợp nơi tập khí  
Biến hiện khắp thế gian  
Cùng vô lậu tương ứng  
Mưa các pháp công đức  
Ví như sữa biến khác  
Thành dầu hay nước dầu  
Tạng thức cũng như vậy  
Biến tựa như các sắc  
Như mắt nhắm thấy hoa  
Hữu tình cũng như vậy  
Tập khí ác lâu ngày  
Trong mắt trụ tạng thức  
Đối với các phi sắc  
Thấy nó là các sắc  
Giống như với quáng nắng!  
Xa lìa sự có không  
A-lại-da lại hiện  
Nhân giả nương nhãn sắc  
Sinh thức tựa như sắc  
Như huyễn ở trong mắt  
Biến động giống hơi nắng  
Sắc đề là tạng thức  
Cùng sắc, tập, tương ứng  
Thể biến tựa phi hữu  
Kẻ ngu phân biệt đối  
Nên mê say buông thả  
Ngồi, nằm hay điên chạy  
Bỗng khởi các sự nghiệp

Đều là Lại-da thức  
 Giống như mặt trời nóng  
 Ánh sáng chiếu mặt đất  
 Bốc hơi như dòng nước  
 Thú khát nước chạy đến  
 Lại-da cũng như vậy.  
 Thể tánh chẳng phải sắc  
 Như in tuồng sắc hiện  
 Ác giác vọng sinh chấp  
 Như nam châm hút sắt  
 Bị di chuyển rất mau  
 Tuy là không tình thức  
 Tựa như tình thức động  
 Thức Lại-da như vậy.  
 Bị sinh tử thu nhiếp  
 Qua lại nơi các nẻo  
 Chẳng ngã, tựa như ngã  
 Như vật trôi trong biển  
 Không nghĩ trôi theo dòng  
 Lại-da không phân biệt  
 Nương thân mà vận động  
 Như hai voi đánh nhau  
 Bị thương vẫn không lùi  
 Lại-da cũng như vậy.  
 Dứt nhiễm, không lay chuyển  
 Ví như hoa sen sạch  
 Khởi bùn liền sạch trong  
 Người trời đều thọ dụng  
 Ai cũng đều quý kính  
 A-lại-da cũng vậy  
 Ra khỏi bùn tập khí  
 Chuyển y được thanh tịnh  
 Phật Bồ-tát tôn trọng



Ví như ngọc thù thắng  
Kẻ què mùa xem thường  
Nếu làm tua mũ miện  
Là vật vua đội đầu  
Như vậy thức Lại-da  
Là Phật tánh thanh tịnh  
Phàm phu mãi tạp nhiễm  
Quả Phật luôn giữ gìn  
Như ngọc đẹp trong nước  
Áo rêu quần chung quanh  
Lại-da nơi sinh tử  
Tập khí che không hiện  
Với thức Lại-da này  
Có hai thủ cùng sinh  
Như rắn có hai đầu  
Tùy thích, chúng cùng bò  
Lại-da cũng như vậy  
Cùng đủ các sắc tướng  
Tất cả các thế gian  
Ôm giữ, cho là sắc  
Kẻ ác giác mê hoặc  
Cho là ngã, ngã sở  
Hoặc có, hoặc không có  
Tự tại tạo thế gian  
Lại-da, tuy biến hiện  
Thể tánh thường sâu xa  
Đối với người không biết  
Tất không thể hiểu rõ  
Ví như nhà ảo thuật  
Giả làm đủ thứ thú  
Hoặc đi hay hoặc chạy  
Giống thật chẳng phải thật  
A-lại-da cũng vậy

Thế gian là giả tạo  
 Tất cả các hữu tình  
 Thể tánh không chân thật  
 Phạm phu không thể hiểu  
 Vọng sinh mà ôm giữ  
 Khởi thẳng tánh vi trần  
 Có, không khác, phân biệt  
 Cùng đối với Phạm thiên  
 Và trượng phu... các kiến  
 Phân biệt đều là ý  
 Phân biệt ở thế gian  
 Cái thấy phân biệt này  
 Xưa nay vốn không thật  
 Như chất trong tranh vẽ  
 Như màu sắc cầu vòng  
 Cùng với vật trong mây  
 Mắt nhắm thấy hoa đốm  
 Dáng người nữ soi gương  
 Như mộng thấy các màu  
 Như tiếng vang để cung  
 Bóng cây và Càn thành  
 Lúc nóng thấy quáng nắng  
 Hình trăng sáng trong ao  
 Suy tính được như vậy  
 Với Lại-da vọng thủ!  
 Khi quán sát như thế  
 Hiểu rõ chỉ tận thức  
 Liền đạt tướng thế gian  
 Làm chỗ nương các pháp  
 Là các kiến phân biệt  
 Đều chuyển diệt tức thì  
 Lại-da với ý này  
 Các pháp nương tập khí

Thường bị sự phân biệt  
Nên tâm bị khuấy nhiễu  
Nếu lìa sự phân biệt  
Liên thành đạo vô lậu  
Mãi luôn không biến đổi  
Giống như là hư không  
Nếu với tất cả Lại-da  
Đạt được Tam-ma-địa  
Liên sinh pháp vô lậu  
Định Như ý giải thoát  
Cùng với bốn Vô úy  
Mười Lực và khéo léo  
Tự tại với thần thông  
Các công đức như vậy  
Khởi mười nguyện rốt ráo  
Ý thành thân vi diệu  
Vĩnh viễn chuyên sở y  
Thức giới luôn an trụ  
Thể tánh đồng hư không  
Không mất cũng không hết  
Như Lai đều thấy rõ  
Thế gian không tăng giảm  
Hữu tình cũng không sinh  
Niết-bàn cũng chẳng diệt  
Cõi này và cõi khác  
Đồng với một pháp tánh  
Chư Phật hiện ở đời  
Hay không hiện ở đời  
Pháp tánh vốn luôn trụ  
Không thường cũng không đoạn  
Lại nếu người giải thoát  
Mà cõi hữu tình diệt  
Tức phá hoại Như Lai!

Trí tánh của hết thầy  
 Cảnh chư Phật ba đời  
 Không được sự bình đẳng  
 Lại nếu Bát-niết-bàn  
 Mà côi hữu tình diệt  
 Thì ai là sự khổ!  
 Được hữu dư, vô dư  
 Hàng phục ma, tà kiến  
 Lẽ nào đều nói dối?  
 Cho nên phải biết rằng  
 Các bậc Thắng quán hạnh  
 Nếu chứng được giải thoát  
 Thân họ sẽ luôn trụ  
 Mãi là các thủ uẩn  
 Diệt trừ các tập khí  
 Ví như lấy sắc nóng  
 Bỏ vào trong nước lạnh  
 Sức nóng tuy đã hết  
 Thể của sắc không hoại  
 Các Nhân giả! Nên biết  
 A-lại-da như biển  
 Thường vì sự hý luận  
 Như gió mạnh kích động  
 Năm pháp, ba tự tánh  
 Liên tục thành sóng thức  
 Cái có ở cảnh giới  
 Tướng nó như lay động  
 Ở trong chỗ vô nghĩa  
 Giống nghĩa, không thật thể  
 Nếu biết tất đều không  
 Chuyển y mãi không hết  
 Như trăng nơi Mật nghiêm  
 Ảnh hiện khắp mười phương

Nên biết thức Lại-da  
Hành ở rừng rậm uẩn  
Mạt-na dẫn đường trước  
Ý thức phải quyết định  
Sắc với tất cả cảnh  
Cùng với thân năm thức  
Và căn cảnh hòa hợp  
Hiểu cảnh giới đang vậy  
Sở thú của tự cảnh  
Đều là A-lại-da  
Tạng thức và thọ noãn  
Cùng tánh, xúc hòa hợp  
Mạt-na nương thức này  
Thức lại trụ nơi ý  
Năm chủng thức còn lại  
Cùng trụ căn của mình  
Tâm ý và các thức  
Mà an trụ nơi uẩn  
Bị nghiệp tập trói buộc  
Lưu chuyển vô cùng tận  
Như vậy tất cả nghiệp  
Đều do nơi tham ái  
Do vì nghiệp, thọ thân  
Lại dùng thân tạo nghiệp  
Khi xả thân này rồi  
Lại thọ lấy thân khác  
Vì nương nhân trước sau  
Chậm chạp đi như đĩa  
Tâm và các tâm sở  
Liên tục sinh các nẻo  
Lại tích tập dần dần  
Ở rừng rậm các uẩn  
Thọ noãn cùng với thức

Nếu xả bỏ nơi thân  
 Thân chắc không hay biết  
 Giống như cây trong đá  
 Tạng thức chính là tâm  
 Chấp ngã gọi là ý  
 Hay giữ các cảnh giới  
 Cho nên nói là thức  
 Gom chọn nghiệp là tâm  
 Ý gom chọn cùng khắp  
 Ý thức hiểu cùng khắp  
 Năm thức đang phân biệt  
 Tâm lại giữ nơi thân  
 Mạt-na cho các nẻo  
 Ý thức hiểu cùng khắp  
 Năm thức duyên tự cảnh  
 Lấp tạng thức làm chân  
 Từ đó sinh thức khác  
 Ý, sở duyên ý thức  
 Lưu chuyển không gián đoạn  
 Năm thức lại chờ đợi  
 Tăng thượng duyên để sinh  
 Đồng sự, tự căn sự  
 Đó chính là tăng thượng  
 Thân này như cây đứng  
 Như trời nóng thấy bóng  
 Tùy hành, nhân duyên chuyển  
 Chẳng giả, cũng chẳng thật  
 Nó bị thọ dẫn dắt  
 Tánh không, không có ngã  
 Ý và các thứ chuyển  
 Cùng với tâm cộng sinh  
 Năm thức lại nương tựa  
 Ý thức làn nhân khởi

Như vậy tất cả lúc  
Đại địa đều cùng chuyển  
Lại-da bị ái dục  
Huân tập, nên tăng trưởng  
Đã tự tăng trưởng rồi  
Lại tăng thêm thức khác  
Mãi mãi không dứt lia  
Giống như cái giếng tròn  
Bởi vì có các thức  
Nên sinh khởi các nẻo  
Ở trong các nẻo này  
Các thức lại tăng trưởng  
Thức cùng pháp thế gian  
Lại hỗ tương làm nhân  
Giống như nước sông chảy  
Trước sau không gián đoạn  
Như mầm và hạt giống  
Liên tục mà chuyển sinh  
Đều có tướng sai biệt  
Rõ ràng mà hiện ra  
Hành thức cũng như vậy.  
Cả ba đã hòa hợp  
Rồi lại hòa hợp nữa  
Tướng sai biệt mới sinh  
Cứ vậy mà lưu chuyển  
Luôn không bị dứt lia  
Tất cả pháp trong ngoài  
Đều do vậy mà khởi  
Ngu không biết do tâm  
Các người siêng quán sát.  
Lúc đó vua Chúng Sắc  
Lại hướng Kim Cang Tạng  
Mà thưa lời như vậy:

Kim Cang Tạng Vô Úy  
 Khéo nhập vào Mật nghiêm  
 Hay diễn tất cả pháp  
 Phật và các Phật tử  
 Chánh định mà tư duy  
 Kỳ lạ không gì bằng  
 Hiện rõ nơi pháp tướng  
 Kim Cang Tạng Vô Úy  
 Đã thấy mới tuyên thuyết  
 Ngài ở cung Ma-ni  
 Ngồi tòa sư tử đẹp  
 Tối thắng tử vây quanh  
 Trụ trong định Mật nghiêm  
 Mong vì các Phật tử  
 Nói thắng pháp Du-già  
 Đây là Nguyệt Tràng Phật  
 Nơi giảng khai cho chúng  
 Chúng ấy đang đến đây  
 Mong diễn nói không mới  
 Như Lai Nguyệt Tràng ấy  
 Cũng hiện nhiều thần biến  
 Ở cung điện Dục giới  
 Và ở trong Sắc giới  
 Có Phật tử vây quanh  
 Chư Thiên đều hộ vệ  
 Đã nói về thắng lý  
 Pháp Mật nghiêm vô úy.  
 Các bậc Du-già ấy  
 Nghe nói như vậy xong  
 Được Thánh trí tự giác  
 Cảnh giới của nội chứng  
 Sợ hãi Ni-dạ-ma  
 Và cái vui chánh vị



*Không trụ nơi thật tế  
Trong định giúp quán sát  
Mà đều nghĩ như vậy  
Ai đã chứng thật tướng  
Bậc đứng đầu quán hạnh  
Mong được thấy người này  
Chúng này đều một lòng.  
Rồi lại suy nghĩ rằng:  
Thế nào là định đúng  
Sao gọi là định sai  
Vả lại định cái gì?  
Và lại dùng pháp gì?  
Làm định phải chờ duyên?  
Này tất cả Phật tử:  
Lại định cái gì ư!  
Dùng sức Tam-ma-địa  
Thấy trong cõi Mật nghiêm  
Tối thắng tử thanh tịnh  
Vua của chúng Bồ-tát  
Trên đầu đội nón báu  
Đủ ba hai tướng tốt  
Và vẻ đẹp dáng hình  
Để dùng mà nghiêm sức  
Các chúng Phật tử ấy  
Thấy đều từ định khởi  
Đeo ngọc báu vi diệu  
Từ vô lượng cõi Phật  
Mà đến với cõi này  
Đều cùng đem một lòng  
Chiêm ngưỡng Kim Cang Tạng:  
Bậc Đại lực Du-già  
Chúng ấy đều suy nghĩ:  
Cầu cho được pháp lạc*

Kim Cang Tạng thấy xong  
 Nhìn khắp cả bốn phương  
 Phát tiếng nói hòa nhã  
 Mỉm cười mà bảo rằng  
 Nay hồi các Phật tử,  
 Hãy một lòng lắng nghe!  
 Cảnh giới định Du-kỳ (Già)  
 Sâu xa không nghĩ bàn  
 Cái biết chẳng phân biệt  
 Định và duyên cũng vậy  
 Xa lìa ham muốn xấu  
 Càng các thứ tán động  
 Cầm tử và hỷ lạc  
 Vắng lặng nhập Sơ thiền  
 Theo thứ lớp như vậy  
 Bốn, tám cho đến mười  
 Các ngoại đạo chấp ngã  
 Thường tu tập định này  
 Thanh văn, Bích-chi-phật  
 Cũng đều làm như vậy  
 Họ đều biết thế gian  
 Tự tướng của các Pháp  
 Uẩn xử như tự rỗng  
 Tất cả đều vô ngã  
 Không nghĩ, không tác động  
 Chỉ ba hòa hợp sinh  
 Như máy móc, thầy đứng  
 Vốn không thể tạo ra  
 Ngoại đạo tu định này  
 Khởi thấy ở tánh không  
 Người này mê pháp tướng  
 Hủy hoại tất cả pháp  
 Nếu tu định Phật điều

*Khéo biết uẩn vô ngã  
Liên phát thẳng phước tụ  
Diệt trừ các ác kiến  
Tất cả đều do tâm  
không năng tướng, sở tướng  
Không giới, cũng không uẩn  
Tất cả đều không tướng  
Phân tích đến vi trần  
Thấy đều không chỗ trụ  
Kẻ ngu phân biệt đối  
Những tánh của địa, thủy  
Không biết tánh của nó  
Ôm giữ tướng như vậy  
Sắc đẹp và sắc xấu  
Tợ sắc, đều như vậy  
Như cầu vòng trên không  
Mây, ráng, các màu sắc  
Suy nghĩ như xương vụn  
Đầy khắp cả thế gian  
Và quán tướng biến xứ  
Xem xét khắp các đại  
Thân có sắc, không sắc  
Người định luôn nghĩ kỹ  
Nếu duyên vào một tâm  
Nói ngay duyên thanh tịnh  
Nhưng lúc bị phân biệt  
Chính nó thành sở duyên  
Chẳng định, chẳng người định  
Cứ đối cho là định  
Người định, ở trong định  
Biết đời đều tạng thức  
Pháp và các pháp tướng  
Tất cả đều bỏ đi*

Đạt được thắng định này  
 Khéo nói về các định  
 Phá các người tu định  
 Trí vọng, pháp sở tri  
 Nếu người có tuệ kém  
 Ôm lấy pháp và ngã  
 Tự cho là thức đế  
 Khéo léo nói các pháp  
 Dính mắc các pháp tướng  
 Hại mình và hại người  
 Không năng tướng, sở tướng  
 Vọng sinh, kiến sai biệt  
 Nước lạnh trừ nóng bức  
 Đắng chua, mặn và lạt  
 Vị cay trừ khí lạnh  
 Mặn hay trừ bệnh phong  
 Đờm vàng rất đáng sợ  
 Đồng sinh bệnh sốt rét  
 Hoặc là chỉ do phong  
 Hoặc cả ba hòa hợp  
 Bệnh có nhiều sai biệt  
 Cổ tiên chế nhiều cách  
 Thạch mật... gồm sáu phần  
 Đường các và các vị  
 Hay trị thân hữu tình  
 Các thứ bệnh sốt rét  
 Nếu pháp có tự tánh  
 Cùng với các thứ tướng  
 Thuốc không thể trừ bệnh  
 Người bệnh không thể lành  
 Vì sao đời đều thấy  
 Uống thuốc bệnh tiêu trừ  
 Người định hiểu thế gian

Chỉ là A-lại-da  
Biến khác mà liên tục  
Thí như các thú giả  
Không năng tướng, sở tướng  
Không uẩn và uẩn giả  
Đức cũng không chi phần  
Vậy mà có chi phần  
Thế gian không năng tác  
Cũng không có sở tác  
Thế gian không chứa bụi  
Không phương xứ để đến  
Ban đầu không chút bụi  
Dần dần như ngón tay  
Cho đến ba ngón tay  
Vật thật hòa hợp, chuyển  
Mạt-na đều sai biệt  
Nghĩa như vậy đều không  
Chẳng thắng tánh tạo chế  
Diệt phi thời năng sinh  
Cũng chẳng tánh ái lạc  
Tới ba pháp sở tác  
Cũng chẳng không có nhân  
Tự nhiên mà được có  
Do nghiệp tập khí này  
Khuấy loạn nơi nội tâm  
Nương tâm và nhãn căn  
Đủ thứ vọng phân biệt!  
Ý cùng với ý thức  
A-lại-da hữu tình  
Hiện khắp nơi thế gian  
Như huyễn sư tạo vật  
Nếu hay nhập duy thức  
Tức là chứng chuyển y

Nếu nói về không tánh  
 Là biết tướng duy thức  
 Cái bình vốn không cảnh  
 Thể tướng do tâm tạo  
 Chẳng bình hiện tựa bình  
 Cho nên nói là không  
 Các cảnh sắc thế gian  
 Và cung điện chư Thiên  
 Biến khác nên thấy được  
 Đều là A-lại-da  
 Có được thân hữu tình  
 Từ đầu đến tay chân  
 Sinh liền hoặc dần dần  
 Đều là A-lại-da  
 Tập khí ô nhiễm tâm  
 Phạm phu không hiểu rõ  
 Tánh đó chẳng phải có  
 Cũng lại chẳng phải không  
 Như người dùng các vật  
 Đập phá cái bình vậy.  
 Vật thể nếu là không  
 Thì đập phá không thể  
 Ngã như núi Diệu cao  
 Cái thấy không ngăn ngại  
 Kiêu mạn mà chấp không  
 Lỗi ác này hơn núi  
 Tự xứ phải tương ứng  
 Phi xứ không nên nói  
 Nếu nói với phi xứ  
 Cam lộ liền bị độc  
 Tất cả các hữu tình  
 Sinh ra các thứ kiến  
 Vì muốn đoạn các kiến

Cho nên nói lý không  
Nghe không, chấp là thật  
Không thể đoạn các kiến  
Kiến này không thể trừ  
Như mắt nhắm đã lành  
Ví như lửa đốt cây  
Cây hết lửa không còn  
Thấy cây đã cháy xong  
Lửa rồi cùng phải diệt  
Khi các kiến đã diệt  
Sinh ra lửa trí tuệ  
Thieu hết củi phiền não  
Tất cả đều thanh tịnh  
Mâu-ni do trí này  
Mật nghiêm được giải thoát  
Không thấy sừng của hổ  
Xúc hoại nơi núi lớn  
Thạch nữ không có con  
Cầm mũi tên bắn vật  
Chưa nghe muốn chiến đấu  
Lại dùng cung sừng hổ!  
Huống gì con Thạch nữ  
Mà tạo được nhà cửa.  
Tất cả pháp tánh không  
Thường đồng thể với pháp  
Khi mới vào thai tạng  
Sắc sinh liền hoại diệt  
Lìa không, không có sắc  
Lìa sắc, không có không  
Như trăng và ánh sáng  
Trước sau mãi không khác  
Các pháp cũng như vậy  
Không tánh cùng là một

Dần dần không sai biệt  
 Việc làm đều thành tựu  
 Thân này như tử thi  
 Xưa nay không tự tánh  
 Dây tham ái trói buộc  
 Bị cảnh giới dẫn đi  
 Nói lý vi diệu không  
 Để thanh tịnh các kiến  
 Người có trí tuệ ấy  
 Cần phải một lòng học  
 Ví như công huyễn sư  
 Dùng các sức chú thuật  
 Cây cỏ và các vật  
 Tùy ý tạo đủ thứ  
 Nương vào căn và ái  
 Sắc sáng và tác ý  
 Phát sinh ra thức sáng  
 Ánh lửa ảo, không thật  
 Thức này chẳng nơi đến  
 Cũng chẳng về phương nào  
 Tánh các thức là vậy  
 Đắm bắt biến hữu vô  
 Như hoa đốm, sừng thỏ  
 Và con của Thạch nữ  
 Xưa nay không có thể  
 Giả tạo ra tên gọi  
 Sư tử, cọp và gấu  
 Ngựa lừa và lạc đà  
 Rùa trạch và đôi mồi  
 Tất cả đều không sừng  
 Vì sao không phân biệt  
 Chỉ nói thỏ không sừng!  
 Người đàm luận tối thắng



Vì sao không thành lập  
Nhờ trí tuệ hiện rõ  
Họ khởi phân biệt sai  
Bọn ngoại đạo mê hoặc  
Như người cầm điếu  
Họ không trí siêu độ  
Cũng không pháp nội chứng  
Chỉ theo người ngữ chuyển  
Dùng phân biệt làm gì?  
Nếu vọng khởi phân biệt  
Không sinh nơi Mật nghiêm  
Người định được đẳng chí  
Nên sinh về nước này  
Ví như cung điện trời  
Trời, trăng và các sao  
Xoay quang núi Diệu cao  
Đều do sức gió chuyển  
Bảy thức cũng như vậy  
Nương vào A-lại-da  
Bị tập khí nắm giữ  
Nơi nơi luôn lưu chuyển  
Ví như nương đại địa  
Các cây cỏ được sinh  
Kể cả các hữu tình  
Cho đến các châu báu  
A-lại-da là vậy  
Là chỗ nương các thức  
Ví như chim Khổng tước  
Lông có nhiều màu sắc  
Trống mái cùng ái lạc  
Hót múa cùng vui chơi  
A-lại-da là vậy  
Chủng tử và các pháp

Qua lại nương nhau trụ  
 Người định hay quán thấy  
 Ví như trăm sông chảy  
 Ngày đêm về biển cả  
 Các dòng nước chảy mãi  
 Biển cũng không phân biệt  
 A-lại-da là vậy  
 Sâu xa không bến bờ.  
 Tập khí của các thức  
 Ngày đêm thường trở về  
 Như đất có báu vật  
 Vô số sắc tướng đẹp  
 Các hữu tình thọ dụng  
 Tùy phước mà chiêu cảm  
 A-lại-da là vậy  
 Cùng với các phân biệt  
 Tăng trưởng sự sinh tử  
 Chuyển y thành Chánh giác  
 Khéo tu hạnh thanh tịnh  
 Vượt qua khỏi mười Địa  
 Nhập vào trong Phật địa  
 Mười Lục đều tròn đầy  
 Chánh trụ nơi thật tế  
 Mãi mãi không hoại diệt  
 Biến hóa hiện các thứ  
 Như đất không phân biệt  
 Mùa Xuân các hoa tươi  
 Người, chim đều vui thích  
 Năm giữ thức cũng vậy  
 Người định, nhiều mê chấp  
 Như vậy các Phật tử  
 Không tuệ, lừa chân thật  
 Với nghĩa không khéo biết.

Lời dối, sinh quyết định  
Lời phi pháp, ly gián  
Mê hoặc dối hữu tình  
Trụ các pháp dị biệt  
Rồi cá biệt, nói năng.  
Ví như nhà ảo thuật.  
Khéo dùng các chú thuật  
Hiện đủ các thứ hoa  
Bông trái thật không có  
Phật, Bồ-tát là vậy  
Trí phương tiện khéo léo  
Trụ riêng biệt thế gian  
Riêng biệt mà biến hiện  
Thuyết các thứ giáo môn  
Khuyên dạy vô cùng tận  
Quyết định pháp chân thật  
Trong Mật nghiêm hiện rõ  
Sáu cõi và mười tám  
Mười hai xứ trượng phu  
Bị dây ý trói buộc  
Nên hữu tình lưu chuyển  
Tám thức, các giới xứ  
Cùng khởi mà hòa hợp  
Do nơi ý trói chuyển,  
Thân trước rồi thân sau  
Trượng phu này lưu chuyển  
Theo nhân đời, hiện ra  
Với tất cả thân này  
Sinh mãi không dứt sạch  
Sáu cõi và trượng phu  
Cùng với mười hai xứ  
Ý hành, mười tám giới  
Nói đó là tự tại

Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Bồ-tát Ma-ha-tát  
 Nói về các giới xứ  
 Và nghĩa trượng phu xong.  
 Cung thanh tịnh Tha hóa  
 Bảo Tạng điện Ma-ni  
 Các Phật tử không sợ  
 Thấy đều cúi đầu lạy  
 Phật Bồ-tát phương khác  
 Đến ở trong hội này  
 Thấy đều cùng nhau nói  
 Lời khen ngợi: Lành thay!  
 Lại có các Bồ-tát  
 Chư Thiên và Thiên nữ  
 Đều từ tòa đứng dậy  
 Chắp tay lòng cung kính  
 Và cùng nhau chiêm ngưỡng  
 Mới nói lời như vậy:  
 Bậc đứng đầu trong định  
 Khéo vì các Bồ-tát  
 Nói tốt nghĩa trượng phu  
 Là lý luận ngoại đạo  
 Tối thắng tử tuyên thị  
 Trượng phu sạch sáu giới  
 Chỉ là các giới hợp  
 Theo nhân mà lưu chuyển  
 Ví như các chim bay  
 Hiện dấu chân trong không.  
 Lại như lửa khỏi cây  
 Mà lửa được bốc cháy  
 Thấy dấu chim không trung  
 Là cây mà có lửa?  
 Ta và các thế gian

Chưa từng thấy việc này  
Chim bay nhờ cánh đập  
Không trung không dấu chân  
Nhân giả nói trượng phu  
Cũng giống dấu chân chim  
Vì sao với các hữu  
Có được nghĩa luân hồi  
Mà nói giới, trượng phu  
Thường lưu chuyển sinh tử  
Thọ các quả khổ vui?  
Nghịệp đã làm không mất  
Như nông dân cày ruộng  
Bỏ công không hề mất  
Quả này đã thành thực  
Có thể sinh quả sau  
Thân ấy ở trong thân  
Mà tu các hạnh thiện  
Chỗ đời trước đời sau  
Luôn thọ vui trời, người  
Luôn tu hành phước đức  
Chuẩn bị để thành Phật  
Giải thoát và các Độ  
Thành được vô thượng giác  
Quả sinh trời Tự tại  
Quán hành thấy chân ngã  
Nếu bỏ đường trượng phu  
Tất cả đều chẳng có  
Với nghịệp, nghịệp quả báo  
Đã làm không hư mất  
Dưới đến ngục A-tỳ  
Trên đến các cõi trời  
Là con đường trượng phu  
Lưu chuyển nơi sinh tử

Trong ngoài các thế gian  
 Giống hiện mầm sinh quả  
 Pháp này cũng như vậy  
 Kia từ nơi đây sinh  
 Nếu là đường trượng phu  
 Mà có sự luân hồi  
 Như nói con Thạch nữ  
 Oai nghi có tới lui  
 Sừng thỏ có vuốt nhọn  
 Từ cát ép ra dầu.  
 Trong hội các Bồ-tát  
 Chư Thiên và Thiên nữ  
 Nói lời như vậy xong  
 Cúng dường Bạc Ứng Cúng  
 Là ngài Kim Cang Tạng  
 Và các chúng Bồ-tát  
 Việc cúng dường đã xong  
 Đồng thưa lời như vậy  
 Bạc đầy đủ pháp nhãn  
 Nhân, dụ đều rõ ràng  
 Bẻ gãy các dị luận  
 Lỗi các tông, ngoại đạo  
 Đã hàng phục họ xong  
 Liền hiện ra tông mình  
 Thật là đại dũng mãnh  
 Xin ngài sớm khai diễn  
 Chúng con đều thích nghe  
 Bạc Đại Tuệ tuyên thuyết  
 Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Bồ-tát Ma-ha-tát  
 Thấy chư Thiên thưa hỏi  
 Liền bảo lời như vậy:  
 Nay hỏi các Thiên nhân

Nên một lòng lắng nghe  
Pháp này sâu, khó nghĩ  
Phân biệt, không thể hiểu  
Lý Du-già thanh tịnh  
Nhân, dụ đã mở bày  
Ta hiện nơi Mật nghiêm  
Nay nói cho các người  
Mật nghiêm rất vi diệu  
Chỗ thiền định thù thắng  
Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
Khi nói lời ấy xong  
Lại bảo với Đại thọ  
Vua Khẩn-na-la rằng:  
Đại thọ Khẩn-na vương  
Người hãy nên quán sát  
Vì sao các pháp tánh  
Tánh không, không có được  
Thấy tương ứng như vậy  
Với định không mê hoặc  
Như ăn hạt lúa chín  
Liên biết những hạt khác  
Các pháp cũng như vậy  
Biết một, biết tất cả  
Ví như khi khuấy sữa  
Lấy ngón tay để nếm  
Như vậy các pháp tánh  
Lấy một, quán tất cả  
Pháp tánh chẳng phải có  
Lại cũng chẳng phải không  
Tạng thức đã biến hiện  
Tạng lấy không làm tướng.  
Đại thọ Khẩn-na vương  
Tức thời liền hỏi rằng:

Vì sao trong tâm lượng  
 Mà có giới trượng phu?  
 Vì sao sinh các cõi  
 Kiên thấp cập noãn động?  
 Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Bồ-tát Ma-ha-tát  
 Khi nghe lời ấy rồi  
 Mới bảo như thế này:  
 Lành thay! Đại thọ vương  
 Hỏi những lời sâu sắc  
 Khiến cho người tu định  
 Được đến chỗ chân thật  
 Nay ta sẽ nói cho  
 Chăm sự nên lắng nghe  
 Xưa người hóa ta người  
 Cùng đủ các quyến thuộc  
 Trống nhạc từ hư không  
 Đi vào cung điện báu  
 Các bạn trời như vậy  
 Đều cùng đến Phật hội  
 Hòa tấu đờn báu đẹp  
 Âm thanh rất hòa nhã  
 Thanh văn ở trong hội  
 Cùng nói với nhau rằng:  
 Ta thích thấy Thọ vương  
 Chúng Khẩn-na vui chơi  
 Nơi cung điện đang ở  
 Trang nghiêm toàn ngọc báu  
 Người tấu đàn lưu ly  
 Làm mọi người đều thích  
 Ca-diếp, chúng Thanh văn  
 Bất giác đứng dậy múa  
 Do âm nhạc hòa diệu



Không thể giữ được tâm.  
 Thì Bồ-tát Thiên Quan  
 Bảo với ngài Ca-diếp:  
 Các ông đã lia dục  
 Vì sao lại nhảy múa?  
 Bây giờ, Đại Ca-diếp  
 Bạch Thiên Quan Đại sĩ  
 Phật tử có lực lớn  
 Ví như gió Tỳ-lam  
 Trí Thanh vẫn không định  
 Như hắc sơn lay động  
 Tùy lìa mê phân biệt  
 Vẫn nhiên bùn tập khí  
 Phần chứng nơi thật tế  
 Chưa đoạn trừ các tập  
 Nếu bỏ các thô trọng  
 Sẽ được chứng Bồ-đề  
 Ngài, với cảnh vi tế  
 Khéo đủ các luận, tuệ  
 Để Thích tổ thế gian  
 Với pháp này, thông đạt  
 Và Khẩn-na-la luận  
 Lý Như Lai thanh tịnh  
 Giới về tướng các Địa  
 Hiểu rõ mà quyết định  
 Đoan nghiêm trong bảo điện  
 Cùng quyền thuộc vây quanh  
 Chói sáng đẹp tịnh nghiêm  
 Giống như trăng ngày rằm  
 Quán hạnh được tự tại  
 Giữa chúng hay hỏi đáp  
 Hỏi tôi giới trượng phu  
 Vì sao Từ tâm khởi

Ông và các Phật tử  
 Đều nên lắng lòng nghe  
 Như trong các giới ấy  
 Tâm là gọi là trượng phu  
 Các giới nhân đây sinh  
 Đó là nghĩa tôi nói  
 Tươi mát sinh ra nước  
 Nóng nhiều sinh ra lửa  
 Lay động các tác nghiệp  
 Nhân đó sinh ra gió  
 Từ ngăn mé của sắc  
 Có hư không và đất  
 Thức và các cảnh giới  
 Tập khí hay sinh thân  
 Nhãn cùng với các sắc  
 Tướng trạng đều không đồng  
 Nó không cửa, tạo cửa  
 Các hữu, mãi liên tục  
 Thì bảo tạng Ma-ni  
 Cung điện của tự tại  
 Đại Bồ-tát Trì Tấn  
 Cùng các Tối thắng tử  
 Đều từ tòa đứng dậy  
 Cúi đầu mà đánh lễ  
 Họ đều cầm hương thơm  
 Cúng dường Kim Cang Tạng  
 Phủ lên thành lưới báu  
 Đồng thanh khen ngợi Phật:  
 Thánh giả, khéo an trụ  
 Bồ-tát, địa pháp vân  
 Ngộ nhập cảnh Như Lai  
 Ứng hiện thật khó lường  
 Hãy vì các Đại sĩ

Mở bày thấy biết Phật.  
 Lúc vua Khẩn-na-la  
 Cùng với các thể nữ  
 Cúng dường rồi tán thán  
 Vô úy Kim Cang Tạng  
 Cung điện báu Ma-ni  
 Đạo tràng rất nghiêm tịnh  
 Vì chúng con giảng nói  
 Pháp Như Lai vi diệu.

Bây giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Từ Thị, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi Pháp vương tử, Đại Bồ-tát Thần Thông Vương, Đại Bồ-tát Bảo Kế, Đại Bồ-tát Thiên Quan, Đại Bồ-tát Tổng Trì Vương, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Trí Nghĩa Thành Tựu... những Đại Bồ-tát như vậy và vô lượng những vị tu thắng định khác đều là Phật tử, oai đức tự tại, quyết định không sợ, khéo léo mở bày tâm quán hạnh; tất cả đều từ tòa đứng dậy, cùng giúp nhau quán sát, hỏi Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bằng bài kệ:

Ngài Kim Cang Tự Tại  
 Hay chỉ bày pháp nhĩn  
 Được chư Phật gia hộ  
 Bồ-tát đều ngưỡng kính  
 Khéo đạt nơi địa tướng  
 Khéo léo mà tạo dựng  
 Chúng Phật tử sức lớn  
 Điều đồng tâm khuyên mời  
 Nguyên Định vương xót thương  
 Hiện rõ nơi Mật nghiêm  
 Phật và các đệ tử  
 Việc sâu xa kỳ lạ  
 Pháp này rất thanh tịnh  
 Xa lìa nơi lời nói  
 Phật, Bồ-tát biến hóa

Xưa chưa từng mở bày  
 Đã hành trí tự giác  
 Thấy cõi chân vô lậu  
 Hiện pháp lạc vi diệu  
 Thanh tịnh không gì bằng  
 Đây đủ Tam-ma-địa  
 Vô lượng Đà-la-ni  
 Các giải thoát tự tại  
 Bấy loại ý thành thân  
 Sắc thanh tịnh thù thắng  
 Chiếu sáng cả pháp giới  
 Thiệt Thệ! Không nghĩ bàn  
 Cõi trang nghiêm cũng vậy  
 Phật và các Bồ-tát  
 Thân lượng như cực vi  
 Đến như đầu sợi lông  
 Bằng phần trăm của nó  
 Cõi Mật nghiêm đẹp lạ  
 Nghiêm thắng trong các cõi  
 Như vậy bậc Quán hạnh  
 Điều sinh ở trong đó  
 Đó là do nhân gì  
 Xin Phật tử tuyên thuyết?  
 Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
 Bồ-tát Ma-ha-tát  
 Thân như sư tử chúa  
 Đủ hai ba tướng tốt  
 Các vẻ đẹp trang nghiêm  
 Sắp muốn rộng mở bày  
 Quán sát đại hội ấy  
 Giống như vua Sư tử  
 Biết chúng thích lắng nghe  
 Mật chỉ, cổ tiên Phật

*Nay ta nói Pháp nhĩn  
Lìa xa năng, sở giác  
Kim Cang Tạng liền nói  
Âm thanh Phạm thanh tịnh  
Tiếng Ca-lăng-tần-già  
Tiếng tướng lười rộng dài  
Hay khéo không thô bạo  
Tiếng thế gian xưng tụng  
Tiếng tóm lược vui lòng  
Tiếng giống như chuông ngân  
Tiếng cao vút trong sáng  
Tiếng như Càn-đà-la  
Tiếng hùng dũng, thật thẳng  
Kế Thi-ca ai thỉnh  
Tiếng tương ứng ca vịnh  
Tiếng mau và tiếng chậm  
Tiếng hòa sướng sâu xa...  
Đầy đủ các loại tiếng  
Cùng tương ứng các đức  
Nghe xong liền lìa chấp  
Tâm không có mệt mỏi  
Tất cả đều hân hoan  
Thấy đều thông đạt hết  
Tất cả tướng âm thanh  
Tự nhiên mà ứng khắp  
Không làm, không tốn công  
Kim Cang Tạng Bồ-tát  
Miệng chưa từng nói gì  
Tất cả âm thanh đó  
Chỉ do sức bản nguyện  
Từ mày trắng và đỉnh  
Chót mũi, vai và gối  
Giống như sự biến hóa*

Tự nhiên xuất tiếng hay  
 Vì khắp các đại chúng  
 Mở bày về pháp nhĩn  
 Kim Cang Tạng dững mãi  
 Ở nơi cung Tự tại  
 Tối thắng tử vây quanh  
 Thanh tịnh mà nghiêm khiết  
 Như ngỗng chúa trong ao  
 Cả bày ngỗng hầu hạ  
 Kim Cang Tạng đại định  
 Ngồi ở tòa Sư tử  
 Ánh sáng chiếu đến khắp  
 Tất cả người tu hành  
 Giống như trăng trên trời  
 Chiếu sáng các ngôi sao  
 Như trăng và ánh sáng  
 Vốn không có sai biệt  
 Oai đức Kim Cang Tạng  
 Cùng Phật giống như vậy.  
 Bảy giờ, Như Thật Kiến  
 Bạc Bồ-tát đại lực  
 Tối thắng trong tu hành  
 Ở nơi đạo Du-già  
 Liền từ tòa đứng dậy  
 Quán sát, bảo đại chúng  
 Lạ thay! Pháp Đại thừa  
 Cảnh Như Lai vi diệu  
 Tất cả Phật trong nước  
 Phật tử nên đánh lễ  
 Pháp Vô tư ly cấu  
 Chư Phật đã quán sát  
 Rất cao đẹp, hiếm có  
 Lý Đại thừa thanh tịnh

Cảnh giới chẳng xấu ác  
Đạo tốt của chuyển y.  
Tám thứ thức sai khác  
Ba tự tánh không đồng  
Năm pháp, hai vô ngã  
Thấy đều được mở bày  
Năm loại tập sở duyên  
Sinh các vọng phân biệt  
Thấy pháp cao đẹp này  
Trong sáng như vàng ròng  
Người đạt được chân tánh  
An trụ dòng giống Phật  
Tánh Như Lai cao đẹp  
Lìa Thanh văn ngoài đạo  
Mật nghiêm cõi đẹp nhất  
Người chứng mới đến được  
Tôn giả Kim Cang Tạng  
Đã chứng Đẳng trì gì?  
Nói về pháp nhãn tịnh  
Là cảnh Đẳng trì gì?  
Vô lượng các Bồ-tát  
Lại lay Kim Cang Tạng  
Bậc Đại trí Kim Cang  
Mong mở bày cho con  
Trụ Tam-ma-địa gì?  
Có thể nói pháp này  
Với các Phật tử đây  
Tất cả đều thích nghe  
Bấy giờ, Kim Cang Tạng  
Ở cung điện Tự tại  
Quán sát trong đại hội  
Trong tâm ngài nghĩ rằng:  
Pháp này khó nghĩ bàn

Cảnh mười Lục thật đẹp  
 Nhờ tuệ mà thọ trì  
 Ai có thể lãnh thọ  
 Và thấy để thọ trì  
 Đều là con chư Phật  
 Tức thời liền bảo rằng:  
 Các ông nên lắng nghe!  
 Nay ta sẽ nói cho  
 Đạo đẹp của chuyển y  
 Ta vì các Phật tử  
 Chúng Tha hóa tự tại  
 Nhờ được Tam-ma-địa  
 Là oai đức Đại thừa  
 Trụ ở trong định này  
 Dẫn pháp nhãn thanh tịnh.  
 Cũng thấy ức trần cõi  
 Bao nhiêu Đức Thiện Thệ  
 Nhiều Đức Na-dữu-đa  
 Ở trước mà khen ngợi  
 Lành thay! Lời Ngài dạy  
 Đó là đạo Du-già  
 Chúng con đều thực hành  
 Tam-ma-địa như vậy  
 Nhờ đó được tự tại  
 Thanh tịnh thành Chánh giác  
 Tất cả Phật, mười phương  
 Đều từ định này sinh  
 Nên biết rất thù thắng  
 Chẳng tư lương mà hiểu  
 Nếu có các Bồ-tát  
 Được ở trong định này  
 Liền trụ không nghĩ bàn  
 Cánh giới của chư Phật



*Chúng được cảnh tự trí  
Thấy Phật Tam-ma-địa  
Biến hóa trăm ngàn ức  
Cho đến như vi trần  
Cảnh Thánh trí, tự giác  
Chư Phật đã an lập  
Pháp này không các tướng  
Xa lìa nơi sắc thính  
Danh từ tướng sinh ra  
Tướng từ nhân duyên khởi  
Cả hai, sinh phân biệt  
Tánh các pháp như như  
Nơi đó, quan sát khéo  
Gọi là bậc Chánh trí  
Nói là tánh Biến kế  
Tướng nương người khác khởi  
Xa lìa nơi danh tướng  
Gọi là Đệ nhất nghĩa  
Tạng thức trụ ở thân  
Tùy nơi mà lưu chuyển  
Tập khí như quả núi  
Bị ý nhiễm trôi buộc  
Mạt-na có hai cửa  
Ý, thức đồng thời khởi  
Năm cảnh hiện tiền chuyển  
Các thức thân hòa hợp  
Giống như có ngã nhân  
Đang trụ ở trong thân  
Tạng thức như dòng nước  
Bị, gió cảnh giới thổi  
Các sóng thức nổi lên  
Liên tục mãi không dứt  
Phật và các Phật tử*

Hay biết pháp vô ngã  
 Đã được thành Như Lai  
 Lại tuyên thuyết người khác  
 Phân tích nơi các uẩn  
 Thấy người không ngã tánh  
 Không biết pháp vô ngã  
 Nên nói là Thanh văn  
 Chỗ Bồ-tát tu hành  
 Khéo đạt hai vô ngã.  
 Quán xong, liền xả bỏ  
 Không trụ nơi thật tế  
 Nếu trụ nơi thật tế  
 Liền bỏ tâm đại Bi  
 Công nghiệp đều không thành  
 Làm sao thành Chánh giác  
 Trí hiếm có khó nghĩ  
 Lợi khắp các hữu tình  
 Như sen ra khỏi bùn  
 Sắc tướng đều trong sạch  
 Chư Thiên và Thánh nhân  
 Thấy vậy sinh yêu kính.  
 Phật Bồ-tát là vậy  
 Ra khỏi bùn sinh tử  
 Thành Phật, thể trong sáng  
 Được chư Thiên kính ngưỡng  
 Lúc mới thành Bồ-tát  
 Hoặc làm chuyển luân vương  
 Hoặc vua Càn-thát-bà  
 Hoặc vua A-tu-la...  
 Tổ ngộ pháp Đại thừa  
 Được thân hình như vậy  
 Dần dần mà tu hành  
 Nhất định được thành Phật

Cho nên, các Phật tử  
Phải một lòng tu học  
Bao nhiêu pháp tập nhiếp  
Cùng với pháp thanh tịnh  
Mãi ở trong sinh tử  
Đều do Lại-da chuyển  
Nhân này mạnh vô cùng  
Bậc chứng thật tuyên thị  
Chẳng phải cùng năng tác  
Tương tự như tự tại  
Thế Tôn nói thức này  
Để trừ các tập khí  
Tỏ đạt sự thanh tịnh  
Lại-da không thể được.  
Nếu Lại-da mà được  
Thanh tịnh ấy chẳng thường  
Như Lai tạng thanh tịnh  
Cũng gọi trí vô cấu  
Thường trụ không đầu cuối  
Lìa câu từ, lời nói  
Phật nói tạng Như Lai  
Chỉ vì A-lại-da  
Tuệ ác không thể biết  
Tạng tức thức Lại-da  
Tạng thanh tịnh, Như Lai  
A-lại-da thế gian.  
Như vàng cùng với nhẫn  
Cuối cùng không sai biệt  
Ví như thợ làm vàng  
Dùng vàng tốt sạch đẹp  
Làm các đồ trang sức  
Để trang điểm nơi tay  
Hình tướng có sai khác

Điều nói là chiếc nhẫn  
 Thánh nhân hiện pháp lạc  
 Chứng cảnh tự giác trí  
 Công đức càng thêm lớn  
 Tự chứng không thể nói  
 Người hiện pháp các định  
 Hiểu rõ cảnh duy tâm  
 Đạt được Địa thứ bảy  
 Thấy đều được chuyển diệt  
 Sở duyên của tâm thức  
 Tất cả cảnh giới ngoài  
 Thấy các thứ sai biệt  
 Không cảnh chỉ có tâm  
 Bình, áo đều là giả  
 Tất cả đều chẳng có  
 Tâm biến in tuồng hiện  
 Có năng thủ, sở thủ  
 Ví như trăng với sao  
 Nương Tu-di vận hành.  
 Các thức cũng như vậy  
 Luôn lương Lại-da chuyển  
 Lại-da tức Mật nghiêm  
 Vốn thể tốt thanh tịnh  
 Không tâm cũng không giác  
 Sáng trong như vàng ròng.  
 Không thể phân biệt đặng  
 Tánh lìa sự phân biệt  
 Thật thể là viên thành  
 Bạc Du-già sẽ thấy  
 Ý thức duyên nơi cảnh  
 Trói buộc kẻ ngu si  
 Thánh kiến đều thanh tịnh  
 Giống như là quáng nắng...

Khi Đức Thế Tôn nói kinh này, Kim Cang Tạng và vô lượng Đại Bồ-tát... và vô số chúng nhiều như vi trần, từ các phương khác đến hội này, nghe Đức Phật thuyết xong, tất cả đều rất vui mừng tin tưởng, thọ nhận mà phụng hành.





SỐ 683

## KINH CHƯ ĐỨC PHƯỚC ĐIỀN

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Lập và Pháp Cự.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu rừng Kỳ-đà vườn Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, Bồ-tát mười ngàn vị, đại chúng vô số vây quanh nghe Phật giảng nói pháp.

Bấy giờ, trời Đế Thích cùng với các Thiên tử ở cõi Dục gồm ba mươi hai ngàn vị, đều dẫn theo vô số tùy tùng, đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát đất, rồi tất cả ngồi sang một bên.

Lúc này, trời Đế Thích xét thấy đại chúng đã an tọa ổn định, nên nương nơi thần lực của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, chấp tay quỳ dài, đánh lễ, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi, cúi xin Đức Thế Tôn giảng nói rõ rủ lòng thương đối với phép tắc của thế gian.

Phật bảo Đế Thích:

–Ví như căn nhà tối tăm nếu không tìm kiếm đèn lửa thì làm sao thấy được. Lành thay! Ông cứ hỏi. Như Lai sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

Trời Đế Thích thưa với Đức Phật:

–Phu nhân Chủng Đức muốn tìm phước đức tốt đẹp, chẳng hay có ruộng tốt nào mà quả báo vô hạn, tức gieo trồng cây đức nhỏ như sợi tóc mà được phước vô lượng chẳng? Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi

chỉ dạy, khiến kẻ ngu chúng con được phước báo vô lượng.

Đức Thế Tôn khen ngợi:

–Lành thay! Đế Thích đã hỏi về pháp Vô thượng để mở bày tâm ý. Hãy lắng nghe! Suy nghĩ kỹ! Như Lai sẽ diễn bày đầy đủ làm ông hoan hỷ.

Trời Đế Thích cùng đại chúng thọ giáo, lắng nghe.

Phật bảo trời Đế Thích:

–Trong chúng Tăng có năm đức thanh tịnh gọi là phước điền, cúng dường thì được phước, tiến đến thì có thể thành Phật. Sao gọi là năm?

1. Phát tâm lìa tục có hoài bão về đạo.
2. Hủy bỏ hình tướng đẹp đẽ thích ứng với pháp phục.
3. Hoàn toàn cắt đứt mọi ân ái, quyến thuộc, không còn thân sơ.
4. Từ bỏ thân mạng vì thuận theo các pháp thiện.
5. Chí cầu Đại thừa, vì muốn cứu độ mọi người.

Do năm đức này nên gọi là phước điền, là tốt, là đẹp, vì không mai một, cúng dường thì đạt được phước, khó có thể nêu ví dụ:

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hủy hình, giữ chí tiết  
Cắt ái không còn thân  
Xuất gia hoằng Thánh đạo  
Nguyện độ hết mọi người.  
Năm đức vượt việc đời  
Là phước điền tối thượng  
Cúng dường được yên mãi  
Phước đó quý bậc nhất.*

Phật bảo Đế Thích:

–Lại có bảy pháp bố thí rộng, gọi là phước điền. Hành giả được phước thì sinh nơi cõi Phạm thiên. Những gì là bảy?

1. Tạo lập chùa, phòng tăng, giảng đường.
2. Tạo lập vườn cây ăn trái, hồ tắm, cây bóng mát, nơi mát mẻ.
3. Bố thí thuốc men, chữa bệnh cho mọi người.



4. Làm thuyền, đò chắc chắn để cứu giúp dân chúng.
  5. BẮC cầu giúp người ốm yếu qua lại.
  6. Đào giếng gần đường để giúp người khát được uống.
  7. Làm nhà xí, giúp đỡ việc vệ sinh tiện lợi.
- Đó là bảy việc được sinh cõi trời Phạm thiên.  
Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Xây tháp, dựng tinh xá  
 Vườn cây trái, bóng mát  
 Cho thuốc cứu bệnh tật  
 Cầu thuyền giúp muôn dân.  
 Đường vắng đào giếng tốt  
 Kẻ khát được yên thân  
 Làm thức ăn cam lộ  
 Không bệnh, thường an ổn.  
 Tạo nhà xí sạch sẽ  
 Trừ ứ, được vui yên  
 Vệ sinh, không gây bệnh  
 Không thấy mọi ứ tạp.  
 Ví như năm sông chảy  
 Ngày đêm không dừng nghỉ  
 Đức này cũng như vậy  
 Mạng chung sinh Phạm thiên.*

Lúc ấy, trong chúng hội có một Tỳ-kheo tên là Thính Thông, nghe pháp nên vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chấp tay lễ Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Phật giảng dạy về chân đế thấm nhuần vô lượng. Vì sao? Con nhớ nơi vô số kiếp về đời trước, lúc sinh ở nước Ba-la-nại làm con của một trưởng giả, ở bên đường đi lớn cất một tinh xá nhỏ, các thứ giường nằm, thức ăn, nước uống đều cung cấp cho chúng Tăng. Người đi đường mệt nhọc cũng được dừng nghỉ. Nhờ công đức này nên mạng chung sinh lên cõi trời, làm trời Đế Thích, sau sinh xuống nhân gian làm Chuyển luân thánh vương, từng qua lại

ba mươi sáu lần, thống lãnh hàng trời, người, chân không đụng đất, nường nơi hư không mà du hóa khắp, trải qua chín mươi mốt kiếp thọ hưởng phước tự nhiên. Nay gặp Đức Thế Tôn luôn đoái thương chúng sinh, dứt trừ uế trước tối tăm cho con, an ổn bằng trí tuệ, cắt đứt sinh tử hiệu là Chân Nhân, phước báo chân thật, chắc chắn. Sự việc là như vậy.

Bấy giờ, Thính Thông nói kệ:

*Nhớ đến đời quá khứ  
Cúng dường làm phước nhỏ  
Phước báo hưởng nhiều đời  
Phước còn gặp Thế Tôn.  
Tịnh tuệ đoạn sinh tử  
Tinh si ái không còn  
Ân Phật vô cùng khắp  
Cho nên lại về nương.*

Tỳ-kheo Thính Thông đánh lễ rồi lui về chỗ ngồi.

Lại có một Tỳ-kheo tên là Ba-câu-lư, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối, chấp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ thọ mạng nơi kiếp trước, sinh tại Câu-di-na-kiệt, làm con của một trưởng giả. Bấy giờ, ở đời không có Phật, chúng Tăng giáo hóa, tổ chức đại hội thuyết pháp. Con đến nghe kinh, được nghe pháp sinh lòng hoan hỷ, tay đang cầm một trái cây thuốc tên là Ha-lê-lặc, dâng lên chúng Tăng. Nhờ quả báo này nên mạng chung sinh lên cõi trời sau sinh xuống thế gian, luôn ở nơi tôn quý, đoan nghiêm, tài trí hơn hẳn mọi người, trải qua chín mươi mốt kiếp, chưa từng bị bệnh, phước còn lại được gặp Phật, dùng ánh sáng dẫn dắt khỏi chốn si mê, tối tăm, trao cho con pháp được, đạt được đạo quả Ứng chân (A-la-hán), sức có thể dời núi, trí tuệ có thể dứt trừ các ác.

Lành thay! Phước báo là chân thật.

Bấy giờ, Ba-câu-lư nói kệ:

*Ân từ thấm cây khô  
Đức cứu tế khổ nạn*

*Thiện vốn chỉ một quả  
Hưởng phước đến nay còn.  
Phật dạy nghĩa chân đế  
Nhờ vậy thoát vực sâu  
Thánh chúng giúp vô cùng  
Lễ Phước điền Vô thượng.*

Tỳ-kheo Ba-câu-lư đánh lễ, rồi trở về chỗ ngồi.

Lại có một vị Tỳ-kheo tên là Tu-đà-da, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tự nghĩ nhớ về đời trước, sinh tại nước Duy-na-ly, làm con một gia đình bình thường, gặp đời không có Phật, chúng Tăng thực hành việc giáo hóa. Khi ấy, con bưng váng sữa vào chợ để bán, gặp chúng Tăng tổ chức đại hội để giảng pháp, đi ngang qua đấy con đứng nghe giảng nói pháp môn vi diệu, nghe rồi thì hoan hỷ, nên đem bình váng sữa cúng dường chúng Tăng. Chúng Tăng chú nguyện, được lợi ích nên con lòng rất vui mừng. Nhờ phước báo này, mạng chung được sinh lên cõi trời, sau sinh xuống thế gian nơi nhà giàu có tài sản vô hạn, trải qua chín mươi một kiếp luôn được phú quý vinh hiển. Còn dư báo xấu nên đời sau cùng sinh ở thế gian, mẹ mang thai chỉ vài tháng, thì mắc bệnh qua đời, bị chôn trong mộ với mẹ, đủ tháng mới sinh ra, ở trong ấy bảy năm, uống sữa từ thân mẹ để tự nuôi sống, còn chút phước nhỏ nên được gặp Phật, mở bày pháp sáng để vượt qua biển khổ sinh tử, được quả vị Ứng chân (A-la-hán).

Quả nhiên, tội phước đúng như lời Phật dạy.

Bấy giờ, Tu-đà-da nói kệ:

*Trước con làm tiểu gia  
Bán sữa để tự sống  
Vui mừng đem cúng dường  
Được khỏi ba nạn khổ.  
Tuy tội sinh trong mộ  
Uống sữa sống bảy năm  
Nhân duyên được giải thoát  
Đánh lễ Thánh Phước Điền.*

Tỳ-kheo Tu-đà-da đánh lễ rồi trở về chỗ ngồi.

Lại có một Tỳ-kheo tên là A-nan, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, chấp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ kiếp trước sinh ở nước La-duyệt-kỳ, làm con nhà thường dân, mình mọc ghẻ dữ, chữa trị không hết, có người Đạo nhân là bạn thân của gia đình đến nói với con: “Chúng Tăng đang tắm, lấy nước tắm đó dùng rửa ghẻ có thể lành hẳn, lại còn được phước.” Con liền hoan hỷ đi tới chùa, hết lòng cung kính, gắng sức đào một cái giếng mới, dầu thơm, bột tắm đầy đủ để chúng Tăng tắm rửa, rồi lấy nước đó rửa ghẻ, ghẻ liền lành hẳn. Do nhân duyên này, sinh đến đâu tướng mạo cũng đẹp đẽ, có sắc vàng chiếu sáng, không dính bụi dơ. Trải qua chín mươi một kiếp thường được tịnh phước của chúng Tăng hỗ trợ lâu dài. Nay lại gặp được Phật, tâm ước tiêu diệt, chứng được đạo quả Ứng chân.

Bấy giờ, A-nan trước Phật nói kệ:

*Thánh chúng là lương y  
Cứu giúp nạn khổ não  
Tắm rửa cho trong sạch  
Khỏi ghẻ dữ được yên.  
Sinh đâu đều doan nghiêm  
Sắc diện vàng đặc biệt  
Đức nhuận không bờ bến  
Đánh lễ phước điền tốt.*

Tỳ-kheo A-nan đánh lễ rồi trở về chỗ ngồi.

Lúc này trong chúng hội có vị Tỳ-kheo-ni tên là Nại nữ, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối, chấp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ đời trước sinh ở nước Ba-la-nại làm một người nữ nghèo. Thời ấy, ở đời có Đức Phật hiệu là Ca-diếp, con cùng với đại chúng vây quanh Phật để nghe thuyết pháp. Con ở chỗ mình ngồi, nghe pháp nên vui mừng, ý muốn cúng dường nhưng chẳng có vật gì, nghĩ mình nghèo khổ nên đem lòng buồn bã, nên tìm đến vườn cây của người khác định xin quả dưa để cúng Phật thì được một quả táo lớn, thơm ngon. Con đem một bát nước và quả táo

đang lên Đức Phật Ca-diếp cùng chư Tăng. Phật biết tâm con chí thành nên chú nguyện nhận lấy, chia nước và táo cho tất cả chư Tăng. Nhờ phước này mà mạng chung sinh Thiên được làm Thiên hậu, về sau sinh xuống thế gian không bằng bào thai, trải qua chín mươi một kiếp, sinh trong hoa táo đều được xinh đẹp, đoan chánh, thường biết về kiếp trước. Nay được gặp Thế Tôn mở bày chỉ rõ về đạo nhân.

Bấy giờ, Nại-nữ nói kệ:

*Tam bảo Từ bi khắp  
Trí độ hết nam nữ  
Cúng nước trái táo lớn  
Nhờ vậy thoát các khổ.  
Đời đời sinh trong hoa  
Trên trời làm Thiên hậu  
Tự quy đức Thánh chúng  
Phước điền rất sâu dày.*

Tỳ-kheo-ni Nại-nữ đánh lễ rồi trở về chỗ ngồi.

Khi đó trời Đế Thích từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con về đời trước, khi sinh tại nước lớn Câu-lưu, làm con nhà một trưởng giả, mặc áo xanh, vòng tay đi vào thành xe chơi, gặp chúng Tăng đang đi khát thực trên đường phố. Thấy dân chúng cúng dường chư Tăng rất nhiều, con liền tự nghĩ: “Mong được của báu cúng dường chúng Tăng không vui thích hay sao?” Con bèn cỡi xâu chuỗi ngọc Anh lạc cúng dường lên chúng Tăng, chúng Tăng nhận rồi đồng tâm chú nguyện, hoan hỷ đi tiếp. Nhờ nhân duyên này, mạng chung được sinh lên cõi trời Đao-lợi làm Thiên đế Thích. Trải qua chín mươi một kiếp là hẳn tám nạn.

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói kệ:

*Đức cao không ai bằng  
Bày phước dứt hiểm họa  
Thần lực của Thánh chúng  
Con trẻ sinh hoan hỷ.*

*Theo chúng vui ý thí  
 Thiên thân quản hai trời  
 Tự quy Đấng Tối Tôn  
 Đời đời nguyện phụng thờ.*

Phật bảo trời Đế Thích và các đại chúng:

–Hãy lắng nghe! Như Lai tự nói về việc làm nơi đời trước của mình. Đời trước, ta sinh ở nước Ba-la-nại, gần bên đường lớn xây dựng nhà xí, giúp người vô số người dân trong nước được tiện lợi vui vẻ, nên ai nấy đều cảm nhớ ân nghĩa. Nhờ công đức này mà sinh vào nơi chốn nào cũng được thanh tịnh an lành, nhiều kiếp hành đạo không bị cấu nhiễm, công đức đầy đủ, cho đến thành Phật, thân vàng rực rỡ, bụi, nước không dính, đủ các tướng tốt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Chịu ướ, tu việc phước  
 Ngã, nhân đều không nhớ  
 Xây nhà xí bố thí  
 Tiện lợi được khinh an  
 Đức này trừ cao ngạo  
 Nhờ đó thoát sinh tử  
 Tiến lên thành quả Phật  
 Bạc thanh tịnh cao tột.*

Phật bảo Thiên đế Thích nơi chín mươi sáu loại đạo. Đạo Phật là tôn quý hơn hết. Chín mươi sáu loại pháp, pháp Phật là chân thật hơn hết. Chín mươi sáu loại Tăng, Tăng của Phật là chân chánh hơn hết. Vì sao? Vì Như Lai từ a-tăng-kỳ kiếp, phát nguyện chân thật chắc chắn, từ bỏ thân mạng, tích chứa công đức. Thệ vì chúng sinh mà bố thí cả đất nước, tài sản, vợ con, đầu, mắt, máu thịt không hề có tâm luyến tiếc. Tâm như hư không, bao trùm tất cả, bằng sáu Độ, bốn Tâm vô lượng... Các điều thiện đầy đủ, phước đức, trí tuệ viên mãn mới được thành Phật, sắc thân vàng ròng, tướng hảo không ai sánh bằng; mọi việc nơi quá khứ, vị lai, hiện tại đều thông suốt, ba cõi Tôn thiên chẳng thể bì kịp, lời thành tín đức cao dày, chấn động cả trời đất.

Nếu có chúng sinh nào một lần phát tâm thành kính hướng đến Như Lai, còn hơn là được châu báu của cả đại thiên thế giới. Giảng nói về ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười hai bộ kinh, phân biệt rõ tội phước, lời nói đều chí thành, mở bày giáo pháp của ba thừa khiến mọi người đều làm theo, người nghe hoan hỷ, thích hành hạnh Sa-môn, tin Phật, hành pháp, chí chuộng thanh cao, trong chúng Tăng, có bốn quả Thánh, mười hai bậc Hiền. Bỏ sự tham lam tranh chấp ở đời, dẫn dắt thế gian làm phước, làm con đường thông cả hàng trời, người đều do chúng Tăng. Chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác và A-la-hán đều từ đây mà ra, giáo hóa tất cả, độ thoát muôn loài.

Khi Phật giảng nói về điều này, chúng trời Đế Thích đều phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Vô thượng chân chánh, vô số người đạt được pháp nhãn tịnh.

Lúc đó, Tôn giả A-nan quỳ gối chấp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này gọi là Chư Đức Phước Điền, nên như thế mà phụng trì, phải hiểu rõ truyền bá kinh này, đừng để thiếu sót.

Phật giảng nói kinh này xong, chư Thiên, Đế Thích và tất cả chúng hội đều rất vui mừng, đánh lễ và lui ra.







SỐ 684

## KINH ÂN CHA MẸ KHÓ BÁO ĐÁP

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ngụ tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

–Cha mẹ đối với con cái có ân đức rất lớn: Bú mớm dưỡng nuôi, theo thời để dạy bảo, thân bốn đại nơi con mới được thành hình. Như có người con vai bên phải công cha, vai bên trái công mẹ, trải qua hàng ngàn năm luôn thuận hợp như thế, không hề dấy tâm oán trách cha mẹ, thì người con ấy hãy còn chưa đủ để báo đáp ân đức của cha mẹ mình.

Nếu cha mẹ không có lòng tin thì chỉ dẫn khiến cha mẹ có lòng tin, đạt được sự an ổn. Cha mẹ không biết về giới luật thì dẫn dắt, chỉ bày về giới, khiến đạt được nơi chốn an ổn. Cha mẹ không biết nghe pháp thì khiến cha mẹ được nghe, đạt được chỗ an ổn. Cha mẹ tham lam, keo kiệt, thì nên vui vẻ khuyến khích, giúp cho cha mẹ ưa thích bố thí, đạt được sự an ổn. Cha mẹ không có trí tuệ thì gắng sức giáo hóa khiến có phương tuệ sáng, đạt mọi an ổn. Như thế là giúp cho cha mẹ tin nơi Phật là bậc Giác ngộ, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Chỉ dẫn cho cha mẹ tin nơi pháp, đạt được chốn an ổn. Các pháp thâm diệu, Phật đã hiện thân chứng đạt quả. Nghĩa lý sâu xa người trí như vậy là phải thông tỏ, theo đấy mà hành hóa.

Lại chỉ dẫn cho cha mẹ tin tưởng nơi Thánh chúng. Thánh chúng của Như Lai, hạnh hết mực thanh tịnh, luôn hòa hợp, ngay thẳng, không dối trá, thành tựu về các pháp, thành tựu về giới, về định, về trí tuệ, về giải thoát và giải thoát tri kiến. Thánh chúng của Như Lai, đó là chư vị đã đạt được bốn hướng bốn quả (Hướng Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn. Hướng Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm. Hướng A-na-hàm, quả A-na-hàm. Hướng A-la-hán, quả A-la-hán). Chư vị là những bậc hết sức tôn quý, phải nên cung kính, tôn phụng, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

Các người con như thế là phải chỉ dẫn cho cha mẹ hành theo Từ bi. Chư vị Tỳ-kheo có hai nghĩa vụ làm con: Đó là nghĩa vụ đối với bậc sinh thành (cha mẹ) và nghĩa vụ làm con đối với nơi chốn đã dưỡng dục mình (Thầy, Tổ, chùa chiền). Vì vậy các Tỳ-kheo cần phải tu học để thực hiện nghĩa vụ làm con đối với cha mẹ. Miệng phát ra lời nói luôn mang đậm pháp vị. Các vị Tỳ-kheo cần phải tu học như thế.

Lúc này, các Tỳ-kheo, nghe Phật giảng nói đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 685

## KINH VU-LAN-BỒN

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, bấy giờ, Trưởng giả Đại Mục-kiền-liên mới chứng đắc sáu thứ Thần thông, muốn cứu độ cha mẹ để báo ân đức sâu dày dưỡng dục, bèn dùng Đạo nhãn quán sát khắp thế giới, thấy người mẹ đã qua đời của mình bị đọa trong loài ngựa quỳ, không được uống ăn nên thân hình chỉ còn da bọc lấy xương. Tôn giả Mục-liên thấy vậy vô cùng xót thương, buồn bã, liền lấy bát đựng đầy cơm và vận dụng Thần thông đem hiến dâng cho mẹ. Bà mẹ vừa nhận được bát cơm, liền dùng tay trái che đậy, tay phải bốc ăn, cơm chưa vào miệng đã hóa thành than hồng nên không thể ăn được. Tôn giả Mục-liên lớn tiếng kêu khóc trở về bạch Phật, thuật lại đầy đủ mọi sự việc như vậy.

Đức Phật bảo:

–Mục-liên! Thân mẫu của ông tội chướng sâu dày, không phải năng lực một mình ông có thể cứu được. Tuy lòng hiếu thảo của ông vang động trời đất, nhưng những Thiên thân, địa kỳ, tà ma ngoại đạo, đạo sĩ và bốn vị Thiên vương cũng không thể làm gì được. Nay ông phải nhờ vào oai lực của Tăng chúng ở mười phương thì mới có thể siêu thoát được.

Nay ta chỉ dạy cho ông phương pháp cứu tế để cho tất cả những kẻ khổ nạn cũng được siêu thoát.

Này Mục-liên! Ngày rằm tháng bảy là ngày Tự tứ của mười phương Tăng chúng, nên vì cha mẹ bảy đời, cha mẹ hiện tại, những người đang ở trong vòng khổ nạn luân hồi, mà sắm sửa đầy đủ cơm, thức ăn, năm thứ trái cây, bốn chậu nước, hương dầu đèn nến, giường chõng, đồ nằm đầy đủ, đều là loại tươi ngon, tốt đẹp ở đời để dâng cúng đại đức chúng Tăng ở khắp mười phương. Chính trong ngày này, các vị Hiền thánh tăng hoặc tu thiền định; hoặc thường đi kinh hành ở dưới gốc cây lớn; hoặc là hành Thanh văn, Duyên giác đầy đủ sáu Thần thông, giáo hóa tự tại. Hoặc những vị Bồ-tát, Đại sĩ đã lên Địa thứ mười, mà lại phương tiện hiện tướng Tỳ-kheo. Tất cả đều quy tụ trong hàng chúng Tăng, đồng đẳng nhất tâm mà thọ Tự tứ. Vì giới pháp thanh tịnh đầy đủ, nên đạo đức của Tăng chúng sâu rộng minh mông. Nếu có người dâng cúng chúng Tăng Tự tứ như vậy thì tất cả cha mẹ bà con quyến thuộc trong đời hiện tại đã quá vãng sẽ được siêu sinh trong ba đường khổ liền được đầy đủ áo cơm. Nếu cha mẹ lục thân quyến thuộc còn sống thì được hưởng phước lạc sống lâu trăm tuổi, còn cha mẹ quá khứ bảy đời thì được sinh lên cõi trời Tự tại hóa sinh ở trong cõi trời, hoa lệ chói sáng, hưởng vô lượng phước lạc.

Bấy giờ, Phật bảo chúng Tăng ở mười phương trước tiên phải chú nguyện cha mẹ bảy đời của tín thí rồi sau mới thọ thực. Lại nữa, trước án bàn thờ Phật sắp đặt mọi thứ; tại nơi Tăng chúng hoặc ở trong chùa tháp cũng vậy, chúng Tăng đều phải chú nguyện trước sau rồi mới thọ thực.

Khi ấy, Tôn giả Mục-liên cùng với chư vị Đại sĩ, Bồ-tát đều rất hoan hỷ, tiếng than khóc bi thương của ngài Mục-kiền-liên cũng tan biến. Thân mẫu của ngài cũng trong ngày ấy được thoát khổ trong loài ngạ quỷ.

Khi ấy ngài Mục-kiền-liên lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thân mẫu của con đã được siêu thoát, đó là nhờ năng lực công đức Tam bảo, trong đó cũng có uy lực của Tăng chúng. Nếu đời vị lai, tất cả đệ tử Đức Phật muốn hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ thì kinh Vu-lan-bồn này có thể cứu độ cha mẹ hiện tại cho đến cha mẹ bảy đời chăng?

Đức Phật nói:

–Này Mục-kiền-liên! Rất hay. Điều mà Như Lai muốn nói Tôn giả đã hỏi.

Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, quốc vương, vương tử, đại thần, tể tướng, tam công, bách quan cùng cả thủy dân chúng muốn thực hành đức từ hiếu, trước nên vì cha mẹ hiện tiền, kể đó cha mẹ bảy đời trong quá khứ là cứ đến rằm tháng bảy, ngày chư Phật hoan hỷ, ngày chư Tăng Tự tứ, nên sắp đặt đủ thứ các loại trái cây, thức ăn, nước uống vào bồn Vu-lan để dâng cúng chư Tăng ở mười phương. Ngày chư Tăng Tự tứ cầu nguyện cha mẹ hiện còn, sống lâu trăm tuổi, không bệnh tật. Cha mẹ trong bảy đời quá khứ thoát khỏi khổ đau trong loài ngạ quỷ, được sinh trong cõi trời, người phước lạc an vui.

Thiện nam, thiện nữ là đệ tử của Đức Như Lai phải nên thực hành chữ hiếu, trong mỗi niệm thường thương tưởng đến cha mẹ hiện tại, cho đến cha mẹ bảy đời trong quá khứ. Hằng năm đến ngày rằm tháng bảy, đem lòng từ hiếu thương tưởng song thân hiện tiền, cha mẹ bảy đời quá khứ, sắm sửa bồn Vu-lan, hiến cúng Phật-đà, dâng cúng chúng Tăng để đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Nếu là đệ tử của Đức Phật thì phải tuân giữ những điều trên đây.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với bốn chúng đệ tử nghe Phật giảng dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.





SỐ 686

## KINH BÁO ÂN PHỤNG BỒN

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm  
đời Tây Tấn.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ngụ tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mới chứng đắc sáu thứ Thần thông, muốn cứu độ cha mẹ để báo ân đức sinh thành, nuôi dưỡng, bèn dùng đạo nhãn quan sát khắp thế giới, thấy người mẹ đã qua đời của mình bị đọa trong cõi nạ quý, không được ăn uống nên thân hình chỉ còn da bọc xương. Tôn giả Mục-liên thấy vậy thì vô cùng thương xót, buồn bã, liền lấy bát đựng đầy cơm vận dụng thần thông đem hiến dâng cho mẹ. Bà mẹ nhận được bát cơm, bèn dùng tay trái che cơm, tay phải vốc ăn, nhưng cơm chưa vào tới miệng đã hóa thành than lửa nên không thể ăn được. Tôn giả Mục-liên vội vàng trở về thưa với Đức Phật, thuật lại đầy đủ sự việc như vậy.

Phật nói:

– Thân mẫu của Tôn giả gốc rễ nơi tội chướng kết buộc đã quá sâu dày, không phải năng lực của một mình Tôn giả có thể giải cứu, mà phải nhờ vào diệu lực từ uy thần của chúng Tăng mới được giải thoát. Hôm nay, Như Lai sẽ chỉ dạy phương thức cứu vớt, khiến cho hết thảy những kẻ khổ nạn đều được lìa thoát.

Phật nói:

–Này Tôn giả Mục-liên! Rằm tháng bảy là ngày Tự tứ của chúng Tăng, nên vì cha mẹ nơi bảy đời, cha mẹ hiện tại, những kẻ đang ở trong vòng khổ nạn mà sắm sửa đầy đủ cơm, thức ăn, năm thứ trái cây, bồn chậu múc nước, hương dầu đèn nến, giường chõng, đồ nằm, đều là loại ngon, tươi, tốt đẹp ở đời, để hiến cúng chúng Tăng. Chính trong ngày ấy, tất cả Thánh chúng, hoặc tu tập thiền định nơi rừng núi, hoặc đã chứng đắc bốn đạo quả, hoặc thường kinh hành bên cội cây, hoặc là hàng Thanh văn, Duyên giác đạt được sáu Thần thông, vận dụng để giáo hóa, hoặc là Bồ-tát Đại sĩ, theo phương tiện mà hiện tướng Tỳ-kheo, tất cả quy tụ nơi đại chúng, đều cùng nhất tâm thọ nhận Tự tứ. Do có đầy đủ giới pháp thanh tịnh, nên đạo đức của Thánh chúng ấy sâu rộng bao la.

Người nào hiến cúng cho chúng Tăng tự tứ đã nói trên đây, thì cha mẹ trong bảy đời cùng năm loại thân thuộc được ra khỏi cảnh khổ nơi ba đường dữ, tức thì đạt giải thoát, áo cơm tự nhiên.

Phật bảo chúng Tăng nên vì gia đình của thí chủ mà chú nguyện, chú nguyện cho đến cha mẹ trong bảy đời của họ, tập trung tâm ý để chú nguyện, rồi sau mới thọ thực.

Tôn giả Mục-liên cùng tất cả đại chúng đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.





SỐ 687

## KINH HIẾU TỬ

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm  
đời Tây Tấn.*

Phật hỏi các vị Sa-môn:

–Cha mẹ sinh con, mẹ thì mười tháng mang thai, thân như đang bị bệnh nặng. Đến ngày sinh con, mẹ thì nguy khổ, cha thì lo sợ, tình cảnh ấy thật khó nói hết.

Sau khi con ra đời, mẹ phải nhường chỗ khô ráo mà nằm chỗ ẩm ướt. Tinh huyết nơi lòng thương con của người mẹ đã hóa thành sữa trắng. Rồi nào xoa lau, tắm rửa, quần áo, thức ăn, đồ uống, bảo ban chỉ dạy. Rồi nào lễ lạy nơi thầy, bạn, cống nạp cho vua quan. Dung mạo của con tươi tắn thì cha mẹ cũng vui thích, còn nếu con buồn rầu thì tâm tư của cha mẹ như thể khô héo. Ra khỏi cửa thì nhớ thì thương, vào trong nhà thì gìn thì giữ, tâm lúc nào cũng lo lắng, chỉ sợ con mình làm điều bất thiện. Ân của cha mẹ như vậy làm thế nào để báo đáp?

Các vị Sa-môn thưa:

–Tất phải suốt đời lễ kính với tâm Từ để cung phụng, dưỡng nuôi nhằm báo đáp ân sâu của cha mẹ.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Người con phụng dưỡng cha mẹ: Trăm vị ngọt ngon luôn dâng nơi miệng không khi nào thiếu. Nhạc hay, lời đẹp với đủ loại cung bậc luôn làm vui bên tai. Áo tốt, quần sang lúc nào cũng sạch mới để

cha mẹ mặc. Lại, hai vai công cha mẹ đi khắp mọi chốn, trọn đời như vậy để báo đáp ân sinh thành. Tất cả những việc làm như thế đáng gọi là hiếu chăng?

Các vị Sa-môn thưa:

– Bạch Thế Tôn! Cái lớn lao của đạo hiếu hẳn không còn gì hơn được.

Đức Thế Tôn nói:

– Đấy chưa phải là hiếu trọn vẹn! Nếu cha mẹ ương bướng, tối tăm, không biết kính thờ Tam bảo, lại hung dữ, ưa giết hại, trộm cắp cần bậy không đúng lý, nặng theo dâm dục, lời nói hư dối trái đạo, rượu chè say sưa... thì người con phải dốc sức khuyên can, giúp cho cha mẹ tỉnh ngộ. Nếu còn mù mờ, chưa chịu tỉnh ngộ, tức phải vì nghĩa mà khuyến hóa: Nêu dẫn các chốn lao ngục của vua chúa, kẻ tù phải chịu bao thứ hình phạt, đều là hạng phạm pháp vô đạo. Mạng chung thì thân thức bị đọa vào địa ngục: Nước sôi, lửa dữ, muôn thứ độc hại, riêng mình phải chịu, không ai cứu được. Giả như cha mẹ vẫn chưa chuyển đổi, thì người con phải gào khóc kêu la, tuyệt đường ăn uống. Cha mẹ tuy không sáng suốt, nhưng do thương con, sợ con phải chết, nên có thể gắng nhẫn chịu, chế ngự tâm ý quay về nẻo chánh. Nếu cha mẹ đã chuyển ý, tin kính Phật, pháp thì khuyên phụng trì năm giới: Có lòng nhân, thương người, vật nên không sát sinh. Trong sạch, khiêm cung, nên không trộm cắp. Trinh, khiết nên không dâm dật. Giữ lấy điều tín nghĩa nên không nói lời dối trá. Hiếu, thuận nên không rượu chè say sưa. Như thế thì trong tông môn, cha lành, con hiếu, chồng chánh vợ trinh, hàng họ thuận hòa, kẻ dưới luôn tuân phục, ân ích lan xa, muôn loài cùng nhờ. Chư Phật trong mười phương, tám bộ chúng, vua hành chánh đạo, quan trung thành, muôn dân vạn họ, không ai là không khen ngợi yêu kính... Cha mẹ như vậy là ở đời luôn được an lạc, mạng chung thì sinh lên cõi trời, cùng gặp chư Phật, nghe pháp, tu tập để giải thoát, dứt hẳn mọi khổ.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Những điều mắt thấy ở thế gian chưa phải là hiếu. Chỉ có thực

hành như thế mới là hiếu. Tức có thể khiến cho cha mẹ bỏ ác, theo thiện, quy kính Tam bảo, giữ năm giới. Nếu không dùng Tam bảo để khuyến hóa cha mẹ, thì người con tuy có hiếu dưỡng đủ đường cũng vẫn xem là bất hiếu...

Do đấy, các Sa-môn luôn sống nơi cảnh giới tĩnh lặng, tâm chí thanh khiết, lấy đạo pháp làm lẽ sống, vâng phụng giữ giới luật. Làm vua thì phải lo giữ gìn đất nước, che chở muôn dân, làm quan thì trung thành, luôn lấy nhân từ để dưỡng nuôi dân. Tức cha thì nêu pháp sáng, con thì hiếu, lành, chồng tín, vợ trinh. Hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hành trì như vậy thì đời đời gặp Phật, thấy pháp, đạt đạo.

Phật nêu giảng như thế, các đệ tử đều hoan hỷ, phụng hành.





SỐ 688

## KINH VỊ TẶNG HỮU

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, mất tên người dịch.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vào lúc sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương xá chánh niệm khát thực, thấy có một chỗ mới làm nhà lớn lầu gác cao đẹp, các cửa chạm trổ khéo léo, tường vách ngay thẳng, bóng loáng, không có bụi bặm nóng lạnh ôn hòa. Thấy như vậy, Tôn giả A-nan suy nghĩ: “Nếu có thiện nam, thiện nữ nào làm nhà to lớn, tráng lệ như thế này cúng dường cho Tăng chúng bốn phương. Hoặc sau khi Đức Như Lai diệt độ, lại có thiện nam, thiện nữ đem xá-lợi nhỏ như hạt cải xây tháp lớn như quả Am-ma-lặc, hình tháp nhọn như mũi kim, ở trên làm lọng che lại như lá táo. Hoặc làm tượng Phật thậm chí nhỏ như hạt lúa đại mạch thì hai công đức này cái nào là nhiều?”

Lúc này, Tôn giả A-nan khát thực xong trở về chỗ mình, thọ trai, thu xếp y bát, rửa chân rồi đi đến gặp Phật, nhất tâm cung kính đầu mặt đánh lễ, ngồi qua một bên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay con đắp y mang bát, vào thành Vương xá khát thực, thấy có chỗ mới làm ngôi nhà lớn, lầu gác cao đẹp, các cửa chạm trổ khéo léo tường vách ngay thẳng, ngăn che kỹ không có gió bụi, nóng lạnh ôn hòa, liền nghĩ: “Nếu có Thiện nam,

thiện nữ nào có thể làm nhà đẹp đẽ đầy đủ tiện nghi như thế cúng dường cho bốn phương Tăng. Hoặc sau khi Phật nhập Niết-bàn, có thiện nam, thiện nữ nào, đem xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải, xây tháp lớn như quả Am-ma-lặc hình tháp nhọn như mũi kim, ở trên làm lọng che lại như lá táo. Hoặc làm tượng Phật, thậm chí nhỏ như hạt lúa đại mạch thì công đức ấy cái nào là nhiều.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo trong A-nan:

–Lành thay! Lành thay! Nay Tôn giả A-nan! Ông đã vì nhiều người, vì muốn tạo an lạc cho chúng sinh, vì thương xót thế gian, vì đại chúng vì lợi ích của hàng trời người, nên đem ý nghĩa đó thưa hỏi Như Lai. Tôn giả A-nan hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Cõi Diêm-phù-đề đất rộng bảy ngàn do-diên, Bắc rộng Nam hẹp, người trong cõi đó mặt giống hình chiếc xe, trên mặt đất như thế đầy cả mía, mè, tre, lau, rừng rậm... đều giống nhau, không sót chỗ nào. Nay Tôn giả A-nan! Các thứ cỏ cây đó thủy đều là người, đã chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, nếu có một người trọn đời cúng dường cho các vị ấy đầy đủ y, bát, thức ăn uống giường nằm, thuốc thang, phòng xá, các thứ cần dùng... cho đến sau khi chư vị diệt độ đều xây tháp cho mỗi mỗi vị, xây tháp rồi thì cung kính cúng dường, dùng hương, hoa, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu hoàn toàn đầy đủ như thế, ý ông thế nào? Công đức như vậy có nhiều chăng?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Thiện nam, thiện nữ đó đạt được công đức rất lớn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hãy gác việc nói về cõi Diêm-phù-đề lại. Có cõi Cù-da-ni rộng tám ngàn do-diên, mặt người nơi cõi ấy giống như nửa mặt trăng, tất cả họ cũng tạo công đức lớn như thế.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Gác việc nói về cõi Cù-da-ni lại. Có cõi Phất vu đái rộng chín ngàn do-diên, mặt người tròn trịa, toàn bộ người trong cõi đó cũng tạo công đức lớn như thế.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Gác việc nói về cõi Phất vu đái

qua một bên. Lại có Uất-đơn-việt rộng một muôn do-diên, mặt người ở đấy rất vuông vức, toàn bộ người trong cõi đó cũng làm công đức lớn như thế.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Cung điện của Thích Đề-hoàn Nhân rộng lớn trang nghiêm, chạm trổ khắc họa tinh vi đẹp đẽ lạ thường; có tám vạn bốn ngàn trụ báu, có tám lưôi bằng vàng ròng xen lẫn lưu ly xanh giăng phủ ở trên, nền đất bằng cát vàng hết sức khác lạ, lan can được làm bằng chiên-đàn.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Cung điện rộng lớn trang nghiêm của trời Đế Thích ấy lại có tám vạn bốn ngàn cửa sổ báu, cũng có tám lưôi bằng vàng ròng xen lẫn lưu ly giăng phủ ở trên, nền đất bằng cát vàng rất khác lạ, lan can làm bằng chiên-đàn.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Cung điện trang nghiêm rộng lớn của trời Đế Thích ấy lại có tám vạn bốn ngàn cửa sổ báu màu xanh, cũng được chạm trổ tinh vi khéo léo như trên. Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Cung điện trang nghiêm rộng lớn của trời Đế Thích ấy lại có tám vạn bốn ngàn lầu gác đền đài vây quanh bốn phía cũng được trang hoàng bằng các thứ báu như trên.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, tạo dựng cung điện rộng lớn trang nghiêm như cung điện của trời Đế Thích để cúng dường cho Tăng chúng bốn phương thì ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ đó do nhân duyên ấy đạt được công đức lớn chăng?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Thiện nam, thiện nữ này đạt được công đức hết sức lớn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–A-nan! Hãy tạm gác lại phần nói về công đức nơi bốn cõi thiên hạ và công đức nơi cung điện trang nghiêm rộng lớn của Thích Đề-hoàn Nhân qua một bên. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tạo dựng hàng trăm ngàn ức cung điện trang nghiêm rộng lớn như của Thích Đề-hoàn Nhân để cúng dường Tăng chúng bốn phương. Lại

có thiện nam, thiện nữ, sau khi Phật nhập diệt, đem xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải xây dựng tháp lớn như quả Am-ma-lặc hình tháp nhọn như mũi kim, ở trên làm lọng che lại như lá táo. Hoặc làm hình tượng Phật thậm chí nhỏ như hạt lúa đại mạch, thì công đức sau này so với công đức trước gấp trăm lần không sánh kịp, gấp ngàn lần, muôn lần, trăm ngàn muôn ức lần đều không sánh kịp, không thể lường tính.

Tôn giả A-nan nên biết! Vô lượng công đức của Như Lai, ấy là phần giới, phần định, phần trí tuệ, phần giải thoát và phần giải thoát tri kiến. Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Vô lượng công đức của Như Lai gồm có đầy đủ vô lượng công đức của thần thông biến hóa cùng vô lượng công đức của Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật như thế.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên xét kỹ để thọ trì kinh này.

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con xin lãnh thọ. Pháp này tên là gì? Trong giáo pháp Như Lai, chúng con phải thọ trì như thế nào?

Phật bảo:

–Pháp đây tên là Vị Tăng Hữu, đó là tất cả phương tiện của diệu pháp thanh tịnh, ta đem pháp này ân cần phó chúc cho ông, phải thường giảng nói lưu truyền rộng khắp vì hàng Trời, Người, A-tu-la, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... phân biệt thuyết giảng. Phải gieo trồng chủng tử công đức căn lành của Như Lai, tất cả chúng sinh được nghe pháp này thì có thể nhập vào công đức thiện căn của Như Lai, do nhân duyên đó nên xa lìa mọi phiền não, được thành tựu quả vị Phật. Các Tỳ-kheo nghe Phật giảng nói rồi đều vui mừng, kính lễ phụng hành.





SỐ 689

## KINH THẬM HY HỮU

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật đang trú ngụ trên núi Thấu phong thuộc thành Vương xá cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đông đủ và vô lượng Bồ-tát, chư Thiên, loài người... Lúc ấy, Tôn giả A-nan, vào sáng sớm được chia đi khát thực, cho nên cầm bát vào thành Vương xá tuần tự đi khát thực từng nhà, từ xa nhìn thấy có một lầu gác lớn, vừa xây cất xong, trang hoàng xinh đẹp, thật dễ thương. Thấy rồi liền suy nghĩ: “Nếu các thiện nam hay thiện nữ nào, có thể xây cất lầu gác cao rộng như thế và trang hoàng xinh đẹp tráng lệ như thế, đem dâng cúng cho chúng đại đức Tăng bốn phương, hoặc có thiện nam, thiện nữ nào, sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn, xây dựng bảo tháp, kích cỡ như quả Am-ma-lặc, lấy hạt xá-lợi của Phật bằng hạt cải đặt trong đó, hình dáng trụ cây bằng cây kim lớn, phía trên đỉnh tháp để tướng luân nhỏ như lá táo, hoặc tạo tượng Phật thấp như cây lúa, phước đức phát sinh của hai việc này việc nào nhiều hơn?”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan suy nghĩ như vậy rồi, ở nơi thành Vương xá tuần tự đi khát thực xong, lại trở về chỗ cũ, thọ thực xong xếp y bát, rửa chân xong, sau khi ăn xong, thì đi đến chỗ Như Lai, đến nơi liền đánh lễ dưới chân Thế Tôn, đứng qua một bên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi vào buổi sáng được phân chia đi khát

thực, cho nên con mang y cầm bát vào thành Vương xá thứ tự đi khất thực, từ xa nhìn thấy có một lầu gác lớn, vừa xây cất xong, trang hoàng xinh đẹp. Thấy vậy con liền suy nghĩ: “Nếu thiện nam, hay thiện nữ nào có thể xây cất lầu gác cao rộng như vậy và trang hoàng đẹp đẽ, đem dâng cúng cho chúng đại đức Tăng bốn phương; hoặc có thiện nam, thiện nữ nào, sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn, xây cất tháp lớn như quả Am-ma-lặc, đem xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải đặt vào bên trong; hình dáng trụ cây như cây kim lớn, phía trên để tượng luân nhỏ như lá táo; hoặc tạo tượng Phật nhỏ như cây lúa, như vậy phước đức của hai việc ấy việc nào nhiều hơn? Vì thế hôm nay con thưa hỏi Thế Tôn, xin Như Lai thương xót giảng nói rõ cho.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng tiếng Phạm vi diệu bảo Tôn giả A-nan:

–Lành thay! Lành thay! Hôm nay ông muốn làm lợi ích an vui cho vô lượng chúng sinh và thương xót hàng trời, người nơi thế gian, làm cho họ được lợi ích an vui lớn, cho nên thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa lớn như vậy. Nay ông hãy lắng nghe và tư duy thật kỹ! Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông.

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thưa vâng con rất muốn nghe!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Đối với Nam Thiệm-bộ châu ở phương này, diện tích ngang dọc bảy ngàn dặm, Bắc rộng, Nam hẹp, khu đất hình tròn, người ở trong đó cũng vậy, giả sử hợp hết tất cả lại làm thành một khoảng, hoặc cây mía, hoặc cây cỏ lau, hoặc rừng tre, hoặc ruộng lúa nước, hoặc ruộng mè, đầy đặc trong đó, không thiếu chỗ nào. Như vậy giả sử, khắp ở Thiệm-bộ châu, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác, ở trong đó đầy đặc không thiếu chỗ nào, cũng như cây mía... nếu có một người đối với Thánh chúng đó trọn đời cung kính phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men tốt nhất và các đồ dùng khác và đối với mỗi vị ấy sau khi nhập Niết-bàn,

đúng như pháp thiêu thân thu lấy xá-lợi, xây cất tháp lớn cao rộng, trang hoàng dùng hương xoa, hương bột, hương đốt, vòng hoa và các thứ, phướn lọng đẹp đẽ, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thấp sáng, khen ngợi cúng dường, ý ông thế nào? Phước đức sinh ra do nhân duyên đó có nhiều không?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ngoài châu Nam Thiệm-bộ phương này ra có châu Tỳ-đề-ha phương Đông, diện tích ngang dọc chín ngàn do-tuần, khu đất hình bán nguyệt, mặt người ở trong đó cũng vậy, giả sử hợp hết tất cả lại thành một khoảng, hoặc cây mía, hoặc cây cỏ lau, hoặc rừng tre, hoặc ruộng lúa nước, hoặc ruộng mè... đầy ắp không có chỗ hở. Như vậy, giả sử khắp cả châu Tỳ-đề-ha ở phương Đông ấy, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác, đầy đặc khắp nơi không thiếu chỗ nào cũng như cây mía... nếu có một người đối với Thánh chúng ấy trọn đời cung kính, phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men thượng diệu và các đồ dùng khác, đối với mỗi vị ấy sau khi nhập Niết-bàn, đúng như pháp thiêu thân, thu lấy xá-lợi, xây cất tháp lớn, trang hoàng dùng hương thoa, hương bột, hương đốt, vòng hoa và các thứ, phướn lọng đẹp nhất, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thấp sáng, khen ngợi cúng dường, ý ông thế nào? Phước đức sinh ra do nhân duyên đó có nhiều không?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ngoài châu Tỳ-đề-ha ở phương Đông ra, ở phương Tây có châu Cù-đà-ni diện tích ngang dọc chín ngàn do-tuần, khu đất hình như mặt trời, mặt người ở trong đó cũng vậy. Giả sử hợp hết tất cả lại thành một khoảng, hoặc rừng mía, hoặc rừng cây cỏ lau, hoặc rừng tre, hoặc ruộng lúa nước, hoặc ruộng mè... đầy ắp không thiếu chỗ nào. Như vậy, giả sử khắp cả châu Cù-đà-ni ở phương Tây, hoặc quả

Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác, đầy đặc không có chỗ hở, cũng như cây mía... Nếu có một người đối với Thánh chúng đó suốt đời cung kính, phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men thượng diệu và các đồ cần dùng khác và đối với mỗi vị ấy, sau khi nhập Niết-bàn, đúng như pháp thiêu thân, thu lấy xá-lợi, xây tháp lớn, trang hoàng, dùng hương thoa, hương bột, hương đốt, vòng hoa và các thứ, phước lọng đẹp nhất, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thấp sáng, khen ngợi cúng dường. Ý ông thế nào? Phước đức sinh ra do nhân duyên đó có nhiều không?

A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Ngoài châu Cù-đà-ni ở phương Tây, có châu Đại câu-lô ở phương Bắc, diện tích ngang dọc mười ngàn do-tuần, khu đất hình vuông vắn, mặt người ở trong đó cũng vậy. Nếu dồn hết tất cả lại thành một, hoặc rừng mía, rừng cây lau, hoặc rừng trúc, hoặc ruộng lúa, ruộng mè... đầy ấp trong đó không có chỗ hở. Cũng như vậy, giả sử khắp cả châu Đại câu-lô ở phương Bắc đó, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc chư Độc giác cũng đầy đặc trong đó, không có chỗ hở như rừng mía... Nếu có một người đối với Thánh chúng đó, trọn đời cung kính, phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men thượng diệu và các vật dụng khác và đối với mỗi vị ấy sau khi Niết-bàn, đúng như pháp thiêu thân, thu lấy xá-lợi, dựng tháp cao lớn, trang hoàng, dùng hương thoa, hương bột, hương xông, tràng hoa, cờ lọng đẹp nhất, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thấp sáng, khen ngợi cúng dường, vậy theo ý ông thì sao? Phước đức phát sinh do nhân duyên này có nhiều chăng?

A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Ngoài châu Đại câu-lô ở phương Bắc này ra, Thiên chủ Đế

Thích có đài lầu lớn. Đài này nường vào tám vạn bốn ngàn trụ báu đẹp. Mỗi trụ báu được che phủ bằng đủ loại lưu ly xanh, diệp bảo, dây ngọc cõi trời, dùng sỏi vàng để rải, dùng nước thơm để tưới. Đài này chung quanh có tám vạn bốn ngàn cửa sổ bằng diệp bảo. Mỗi cửa sổ đều có đủ các loại rèm bằng lưu ly xanh, ngọc báu đẹp rủ xuống, trải sỏi vàng, rưới nước hương. Đài này lại có tám vạn bốn ngàn gác canh; mỗi gác canh được che phủ bằng đủ loại lưu ly xanh, dây ngọc diệp pháp cõi trời, rải bằng sỏi vàng rưới bằng nước hương. Giả sử có thiện nam, thiện nữ nào tạo dựng gác lầu cao rộng đẹp đẽ giống như đài tầng báu đẹp của Thiên đế Thích cúng dường cho chúng đại đức Tăng bốn phương, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, phước đức phát sinh do nhân duyên này có nhiều chẳng.

A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Thế Tôn bảo A-nan:

–A-nan! Ngoài bốn châu và đài lầu báu của Thiên đế Thích ra, nếu hoặc có thiện nam, thiện nữ có thể tạo trăm ngàn ức gác lầu cao rộng đẹp đẽ đều như đài lầu báu đẹp của Thiên đế Thích, cúng dường chúng đại đức Tăng bốn phương; lại có thiện nam, thiện nữ, sau khi chư Như Lai Niết-bàn, xây dựng tháp, kích thước thấp như quả Amma-lặc, đem xá-lợi của Phật nhỏ như hạt cải đặt vào tháp, trụ chống như cây kim lớn, trên trụ đặt tượng luân như lá táo, hoặc tạo tượng Phật thấp như cây lúa, thì đối với phước trước so với phước này, trong trăm phần không bằng một phần, trong ngàn phần, trăm ngàn phần, số phần, nhiều phần, vạn phần, ví dụ phần cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần, cũng không bằng một phần. Vì sao? Này A-nan! Vì phước trước tuy nhiều nhưng không thể bằng một phần, bởi các Đức Như Lai ở trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tu tập vô lượng giới, định, tuệ và giải thoát, giải thoát tri kiến đều viên mãn, vì Như Lai đạt được vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả, ở trong mười phương, sáu cõi dùng Thần thông giáo hóa đều đầy đủ, vì Như Lai được vô lượng Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ và các công đức khác đều viên mãn, vì thế nên biết, nếu tạo hình tượng Phật và xây cất tháp lớn, thì phước đức đạt được không thể nghĩ bàn, không thể tỷ dụ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Ông hãy cung kính thọ trì pháp môn này.

A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con xin cung kính thọ trì. Pháp môn vừa nói đó chưa được nói rõ tên là gì và con sẽ phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Pháp môn này tên là Thập Hy Hữu, có thể làm cho chúng sinh gieo trồng tất cả các pháp thanh tịnh viên mãn. Ông hãy lấy danh hiệu này thọ trì. Nay A-nan! Ta từ xưa đến nay đã từng giảng nói khắp cho vô số Trời, Rồng, Dạ-xoa, cho đến Nhân phi nhân... tuyên thuyết khai thị pháp môn như vậy. Vì sao? Vì Thế Tôn muốn làm cho các loài chúng sinh đó đối với Như Lai không điên đảo, cung kính gieo trồng các căn lành, đêm dài giữ gìn được lợi ích an vui, mau thành Vô thượng Bồ-đề.

Lúc ấy, Bạc-già-phạm nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và chúng đại Tỳ-kheo, vô lượng Bồ-tát, Trời, Người, A-tu-la... nghe Đức Phật giảng nói, hết sức vui mừng, tin nhận phụng hành.



SỐ 690

# KINH HY HỮU GIÁO LƯỢNG CÔNG ĐỨC

*Hán dịch: Đồi Tỳ, Tam tạng Xà-na-luật-đa.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, vườn cây Kỳ-đà Cấp cô độc. Lúc ấy, Trưởng lão Tỳ-kheo A-nan đang ngồi một mình ở chỗ vắng vẻ suy nghĩ rằng: Nếu có những người thiện nam, thiện nữ nào có thể thọ trì ba pháp quy y và nói rằng: Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được bao nhiêu công đức? Khởi niệm như vậy rồi, Trưởng lão A-nan vào lúc mặt trời mới mọc, từ chỗ ngồi của mình đứng dậy sửa sang y phục, nhẹ nhàng đi đến chỗ Đức Phật. Đến chỗ Phật rồi đánh lễ dưới chân, trích áo bày vai bên phải, quỳ gối sát đất, chấp tay hướng về Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con ở chỗ vắng vẻ suy nghĩ như vậy: “Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào có thể nói lời rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được bao nhiêu công đức?” Con thật chưa rõ. Nguyên xin Như Lai phân biệt giảng nói, khiến cho các chúng sinh được tri kiến đúng.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Lành thay! Lành thay! Thiện nam! Có trí tuệ chân thật vi diệu hay khéo tư duy, có thể hỏi Như Lai ý nghĩa như vậy. Như ông đã suy nghĩ: Nếu những người thiện nam và thiện nữ kia phát tâm thanh tịnh

nói rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì người ấy sẽ được bao nhiêu công đức? Ông hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ! Ta sẽ giảng nói rõ ràng cho ông.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con rất mong được nghe.

Đức Phật bảo A-nan:

–Cõi Diêm-phù-đề này dài rộng đến bảy ngàn do-tuần, giống như cái hòm xe, phía Nam thì hẹp, phía Bắc thì rộng. Giả sử trong cõi nước ấy đầy khắp các bậc Tu-đà-hoàn, số đông như lúa, mè, tre, lau,... tất cả những bậc chứng quả Tu-đà-hoàn cũng nhiều như vậy. Ở cõi nước ấy có những người thiện nam, thiện nữ suốt cả trăm năm đem tất cả những sự vui thích của thế gian hết lòng dâng cúng. Lại đem đầy đủ bốn thứ vật dụng cúng dường, cung kính, lễ bái. Cho đến sau khi những vị ấy diệt độ, thân lấy xá-lợi xây tháp bảy báu để thờ. Mỗi một tháp ấy đều dùng hương hoa, đèn đuốc nhang dầu, ca hát kỹ nhạc, tơ lụa, phướn lọng đủ các thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ thế nào? Những người thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Không bằng. Những người thiện nam, thiện nữ đem tâm thanh tịnh mà nói rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức rất lớn mà phước đức của những người trước kia thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn, thậm chí dùng toán số, thí dụ cũng không tính kể.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Tạm gác cõi Diêm-phù-đề, giả sử có cõi Tây Ngưu hóa châu dài rộng tám ngàn do-tuần. Cõi ấy hình dạng giống như nửa mặt trăng, trong cõi đó đầy các bậc Tư-đà-hàm số nhiều như lúa mè, tre, lau... Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào suốt cả hai trăm năm, đem mọi thứ vật dụng của thế gian cúng dường như trước. Cho đến sau khi những vị ấy diệt độ, thân lấy xá-lợi xây bảy tháp báu, mỗi tháp đều



dùng hương hoa, đèn đuốc âm nhạc, lụa gấm, cờ, lọng, phướn đủ thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Những thiện nam, thiện nữ ấy hưởng được phước báu nhiều chăng?

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo:

–Này A-nan! Chẳng phải vậy. Phước đức của những người ấy không bằng những người đem tâm thanh tịnh phát nguyện rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Những người này sẽ được công đức hơn phước đức của những người trước kia một trăm phần, ngàn phần, ức phần, trăm ngàn ức phần. Cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể tính kể.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Tạm gác cõi Nam Thiệm-bộ châu, một cõi Tây Ngưu hóa châu, giả sử có cõi Đông Thắng thần châu dài rộng chín ngàn do-tuần. Cõi ấy có hình dáng giống như mặt trăng tròn. Trong cõi đó đều là những vị A-na-hàm số đông như lúa, mè, tre, lau... Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào suốt ba trăm năm, đem đủ bốn thứ vật dụng và các sự vui thích để cúng dường như trước. Cho đến lúc sau khi những vị ấy diệt độ, thân lượm xá-lợi của họ xây bảy tháp báu, mỗi một tháp báu đều đem hương hoa, âm nhạc, phướn lọng, đủ các thứ để cúng dường. Này A-nan! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Chẳng phải vậy. Nếu người ấy đem tâm thanh tịnh phát nguyện rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức hơn trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, ức, trăm ức, phần trăm ngàn ức. Phần cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Này A-nan! Tạm gác cõi Nam Diêm-phù-đề, Tây Ngưu hóa

châu, Đông Thắng thần châu. Giả sử ở cõi Bắc Câu-lô châu có chiều rộng dài mười ngàn do-tuần, cõi ấy hình dạng bốn phương ngay thẳng, xung quanh tề chỉnh. Trong đó toàn là những bậc A-la-hán các lậu đã dứt hết không còn phiền não, tâm được tự tại, đầy đủ chánh giải thoát, chánh trí giải thoát. Tâm của những vị ấy đã điều phục, là bậc Long tượng trong loài người, những việc làm đã làm xong, đặt bỏ gánh nặng xuống đạt được tự lợi không còn thọ thân đời sau. Phạm hạnh đã lập, thân tâm không chướng ngại, hiểu rõ tâm của chúng sinh, chứng sáu Thần thông, đầy đủ tám Giải thoát những vị ấy số đông ví như lúa, mè, tre, lau... Nếu có thiện nam, thiện nữ nào suốt cả bốn trăm năm, đem đủ bốn thứ vật dụng cung kính cúng dường, mọi thứ đầy đủ như trước. Cho đến sau khi những vị ấy diệt độ đều thâu lấy xá-lợi xây bảy tháp báu, mỗi một tháp đều dùng hương hoa, ca nhạc, đèn đuốc, lụa là, cờ, phướn, lọng đủ các thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ kia được phước báu nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Chẳng phải vậy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem tâm thanh tịnh mà nói rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức hơn cả phước đức trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, phần trăm ngàn ức cũng không bằng cho đến dùng thí dụ của toán số cũng không tính kể được.

Bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan:

–Tạm gác lại Nam Diêm-phù-đề, Tây Ngưu hóa châu, Đông Thắng thần châu, Bắc Câu-lô châu, giả sử khắp cả bốn thiên hạ đầy cả Bích-chi-phật, Độc giác, đông ví như lúa, mè, tre, lau... Nếu có người thiện nam, thiện nữ trong mười ngàn năm cung kính cúng dường bốn thứ vật dụng, cung cấp đầy đủ tất cả như trước, cho đến sau khi những vị ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi xây bảy tháp báu, mỗi một tháp đều dùng hương hoa, âm nhạc, đèn đuốc, lọng, cờ, phướn đủ các thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Những thiện nam, thiện nữ ấy phước đức nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Chẳng phải như vậy. Nếu người thiện nam và thiện nữ này đem tâm thanh tịnh nói lời rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức hơn cả phước đức trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, phần trăm ngàn ức cũng không sánh bằng, cho đến dùng toán số mà thí dụ cũng chẳng thể tính kể được.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Tạm gác lại Tứ thiên hạ, có một cõi chiếu sáng của mặt trời, mặt trăng, lại có một ngàn thế giới, một ngàn mặt trăng mặt trời, một ngàn nước bốn biển lớn, một ngàn núi chúa Tu-di, một ngàn cõi Nam Thiệm-bộ châu, Đông Thắng thần châu, Tây Ngưu hóa châu, Bắc Câu-lô châu, một ngàn cõi trời Tứ Thiên vương, một ngàn cõi trời Tam thập tam, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa tự lạc, Tha hóa tự tại, một ngàn cõi Phạm thiên đều không bị hệ thuộc. Trong mỗi ngàn thế giới đều được tự tại. A-nan! Đây gọi là một tiểu thiên thế giới. A-nan! Từ một tiểu thiên thế giới, mỗi mỗi số lượng đủ cả một ngàn nên gọi là trung thiên thế giới. Nay A-nan! Từ trung thiên thế giới, mỗi mỗi số lượng lại đủ cả ngàn, đó gọi là đại thiên thế giới. Nay A-nan! Hợp tất cả tổng số như vậy gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Giả sử trong tam thiên đại thiên thế giới ấy đầy cả chư Phật Như Lai đông như lúa mè, tre, lau... Những Đức Phật Thế Tôn của các cõi ấy đã đạt được Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào trong hai vạn năm, thường đem tất cả những thứ vui thích, y phục, thức ăn, giường nệm thuốc men đủ thứ để cúng dường, cho đến sau khi các Đức Phật ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi xây tháp bảy báu, mỗi một tháp báu đều dùng hoa hương, kỹ nhạc, lọng lụa, cờ phướn, nhang dầu, đèn đuốc cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam và thiện nữ kia được phước nhiều chẳng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có người thường cúng dường một Đức Phật, Thế Tôn suốt hai vạn năm, cung kính cúng dường đầy đủ bốn thứ vật dụng cho đến sau khi Đức Phật ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi của vị ấy xây tháp bảy báu, đều dùng hương hoa, kỹ nhạc, phan lọng hương đèn, nhang dầu tất cả đều đem đến cúng dường phước ấy rất nhiều vô lượng, vô biên không thể tính kể huống nữa là cúng dường chư Phật Thế Tôn trong khắp tam thiên đại thiên thế giới. Trong hai vạn năm thường đem bốn vật dụng cung cấp cúng dường, cho đến sau khi chư Phật ấy diệt độ, gom lấy xá-lợi xây tháp bảy báu, mỗi một tháp dùng hương hoa, kỹ nhạc phướn lọng và đèn dầu, mỗi thứ đều cúng dường, thì người ấy thật được vô lượng, vô biên phước đức không thể kể hết.

Này A-nan! Như vậy chẳng bằng có người thiện nam, thiện nữ đem tâm thanh tịnh nói rằng: Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì người ấy sẽ được công đức thù thắng hơn phước đức trước, gấp cả trăm ngàn vạn lần, không thể đem toán số thí dụ, lời nói mà có thể biết được.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Nếu có người quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, cho đến trong một khoảnh khắc có thể lãnh thọ thập thiện, thọ rồi tu hành, do nhân duyên này nên được vô lượng, vô biên công đức. Này A-nan, nếu có người trong một ngày, một đêm thọ giới bát quan trai, như lời dạy mà tu hành thì công đức đạt được thù thắng hơn phước đức trước gấp cả ngàn vạn lần, trăm ngàn vạn lần cho đến nếu dùng toán số thí dụ cũng không thể tính kể hết được. Này A-nan! Nếu có người thọ trì năm giới đến trọn đời, như lời dạy tu hành sẽ được công đức thù thắng hơn phước đức trước cả trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn phần chẳng thể dùng toán số thí dụ mà có thể biết được. Này A-nan! Nếu có người hay thọ trì giới Thức-xoa-ma-na lại được công đức thù thắng hơn phước đức trước gấp phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn vạn cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể tính được, huống gì là thọ trì giới Tỳ-kheo. Nương vào Ba-la-đề-mộc-xoa (giới) theo lời dạy mà tu hành. Huống nữa lại có người suốt đời thọ trì đại giới Tỳ-kheo, nương nơi giới Ba-la-đề-mộc-xoa như lời dạy mà tu

hành không thiếu khuyết, không phạm, không có ô nhiễm, phạm hạnh thanh tịnh được vô lượng, vô biên công đức thù thắng gấp phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn vạn hơn trước, cho đến dùng toán số để thí dụ cũng không thể bằng được.

Bấy giờ, Trưởng lão A-nan nghe Đức Phật nói về ba pháp quy y này, cho đến người suốt đời phòng hộ gìn giữ đại giới Tỳ-kheo, Ba-la-đề-mộc-xoa và khen ngợi công đức vô lượng chưa từng có. A-nan liền bạch:

–Thật kỳ lạ! Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Kinh này vi diệu không thể nghĩ bàn, ý nghĩa rõ ràng thâm sâu, công đức rộng lớn khó có thể so sánh, tính kể, nên gọi tên là gì? Chúng con làm thế nào để phụng trì?

Đức Phật bảo A-nan:

–Kinh này đặt tên là Hy Hữu Kinh, các ông nên phụng trì. Vì sao? Vì trong kinh này nói về pháp hy hữu, diễn bày pháp thù thắng mà tất cả thế gian khó được nghe, cho nên gọi là Hy Hữu.

Đức Phật nói kinh này xong, Trưởng lão A-nan vâng theo lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.





SỐ 691

## KINH TỐI VÔ TỬ

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Thất-la-phiệt, rừng Thệ-đa, vườn Cấp cô độc cùng với vô lượng đại chúng Tỳ-kheo, vô lượng Bồ-tát, các hàng trời, người tỳ hội đông đủ. Lúc ấy, Tôn giả A-nan ngồi một mình ở chỗ vắng vẻ, suy nghĩ như vậy: “Nếu có thiện nam hoặc thiện nữ nào đem lòng tin thanh tịnh thọ nhận ba pháp quy y và nói rằng: nay con tên là..... quy y Phật, Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn. Quy y như vậy sẽ được bao nhiêu phước đức?” Suy nghĩ rồi vào lúc mặt trời mọc, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục, thông thả đi đến chỗ Thế Tôn, đến rồi đánh lễ dưới chân Phật, trích áo vai bên phải, quỳ gối sát đất, chấp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con một mình ở chỗ vắng vẻ suy nghĩ rằng: “Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem lòng tin thanh tịnh thọ lãnh ba pháp quy y. Nói lời như vậy: Nay con tên là..... quy y Phật, Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn. Quy y như vậy sẽ được bao nhiêu phước đức.”, con còn chưa biết rõ, xin Đức Thế Tôn thương xót giảng nói cho con, làm cho các chúng sinh được chánh tri kiến.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Nay ông nên biết! Cõi Thiệm-bộ châu xung quanh dài rộng

đến bảy ngàn do-tuần. Phương Bắc rộng, Nam hẹp hình giống như thùng xe. Mặt người cũng như vậy. Giả sử trong đó hợp lại làm thành một chỗ, hoặc như rừng mía, hoặc như rừng cỏ lau, rừng tre. Hoặc như ruộng lúa, ruộng mè, xung quanh lấp kín dày đặc không có kẽ hở. Giả sử cõi Thiệm-bộ châu này các bậc Tu-đà-hoàn đầy khắp như lau mía ở trên vậy. Có thiện nam hay thiện nữ suốt một trăm năm, đem đến các thứ y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc thang, đủ các thứ tốt đẹp của thế gian cúng dường, cung kính lễ bái. Đối với mỗi vị Tu-đà-hoàn ấy sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân, gom lấy xá-lợi xây tháp cao lớn trang nghiêm đẹp đẽ, đem các thứ hương thơm, hương bột, vòng hoa tươi đẹp, phướn cờ, lọng báu, âm nhạc, ánh sáng đèn đuốc, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà người ấy được sinh phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem lòng tin thanh tịnh nói lời như vậy: Nay con tên... quy y Phật, Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hoặc thiện nữ này được phước vô lượng. A-nan nên biết phước đức cúng dường như đã nói ở trước so với phước đức của ba pháp quy y này không bằng một phần ở trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần, dùng lượng số tính kể, thí dụ cho đến số nhỏ nhất cũng không tính bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Như ở phương Nam Thiệm-bộ châu có phương Đông Thắng thần châu dài rộng tám ngàn do-tuần giống như nửa mặt trăng, số người cũng như vậy. Giả sử ở trong đó hợp lại thành một đoàn, như rừng mía, rừng cỏ lau, rừng tre, ruộng lúa, ruộng mè,... xung quanh lấp đầy không có chỗ hở. Giả sử khắp cả cõi Đông Thắng thần châu, những vị Tư-đà-hàm nhiều khắp không có khoảng cách như mía, những vị Tư-đà-hàm cũng như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện nữ suốt cả hai trăm năm đem đầy đủ các thứ y phục, thức ăn uống,



giường nằm, thuốc thang tốt đẹp nhất của thế gian cung kính lễ bái cúng dường. Mỗi một vị Tư-đà-hàm ấy sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân thì những người ấy gom lấy xá-lợi xây tháp cao rộng, trang nghiêm, đẹp đẽ, dùng các thứ hương bột, hương thơm vòng hoa tươi đẹp, phướn cờ lọng báu, âm nhạc, đèn đuốc sáng rực tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà người ấy sinh phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

– Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem lòng tin thanh tịnh nói rằng: nay con tên là.... quy y Phật, Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp, bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hay thiện nữ ấy được phước thù thắng. A-nan nên biết, phước đức cúng dường như trước đã nói so với phước đức của ba pháp quy y này không bằng phần một trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, dùng toán số, thí dụ cho đến số cực vi tế nhất cũng không bằng.

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Nay A-nan! Tạm gác lại cõi Đông Thắng thần châu có cõi Tây Ngưu hóa châu, chu vi dài rộng chín ngàn do-tuần hình như mặt trời, mặt người ở đó cũng vậy. Giả sử trong đó hợp lại làm thành một như rừng mía, cỏ lau, rừng tre hoặc như ruộng lúa, ruộng mè... đầy chật khắp không có chỗ hở, giả sử bậc A-na-hàm khắp cõi Tây ngưu hóa châu này đầy chật cũng không có khoảng cách như mía, những vị A-na-hàm cũng như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện nữ suốt cả ba trăm năm, đem các thứ y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc thang tốt đẹp nhất của thế gian cung kính đánh lễ cúng dường. Đối với mỗi một vị A-na-hàm này sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân, liền thâu lượm xá-lợi xây tháp cao rộng đẹp đẽ trang nghiêm, đem hương thơm, hương bột, vòng hoa đẹp, phướn cờ, lọng báu, âm nhạc, đèn đuốc sáng ngời, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà vị ấy sinh phước nhiều không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem lòng tin thanh tịnh nói như vậy: Nay con tên là..... quy y Phật, Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hay thiện nữ này sẽ được phước thù thắng. A-nan nên biết! Phước đức cúng dường đã nói ở trước so với phước đức của ba pháp quy y này không bằng trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần, nếu dùng toán số thí dụ cho đến cực số vi tế nhất cũng không sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Lại nữa, tạm gác lại cõi Tây Ngưu hóa châu ở phương Tây còn có Đại câu-lô châu ở phương Bắc, chu vi dài rộng mười ngàn do-tuần, mặt đất hình vuông, mặt người cũng như vậy. Giả sử ở trong đó hợp lại thành đoàn hoặc như rừng mía, cỏ lau, rừng tre, ruộng lúa, ruộng mè... đầy khắp không có kẽ hở. Giả sử các bậc A-la-hán khắp cả cõi Đại câu-lô châu ở phương Bắc này, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại, đầy đủ chánh trí giải thoát, tâm được điều thuận, như bậc Đại long tượng, việc làm đã xong, thân tâm không còn chướng ngại, biết tánh chúng sinh, đầy đủ sáu Thần thông, chứng tám Giải thoát, cũng đầy khắp không có khoảng cách như mía, tất cả các bậc A-la-hán cũng như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đủ cả bốn trăm năm, đem các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, đầy đủ các thứ tốt đẹp nhất của thế gian đánh lễ cung kính cúng dường. Đối với mỗi một vị A-la-hán sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân liền thâu lấy xá-lợi, xây tháp cao rộng trang nghiêm, đẹp đẽ, đem những thứ hương bột, hương thơm, vòng hoa đẹp đẽ, cờ phướn, lọng báu, âm nhạc, ánh sáng đèn đuốc, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên này mà người ấy được sinh phước nhiều chăng?

A-nan liền bạch:

–Thưa Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật lại bảo A-nan:

–Nếu người thiện nam hay thiện nữ ấy đem lòng tin thanh tịnh

nói lời rằng: Nay con tên là... quy y Phật Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn. Thiện nam hay thiện nữ này được phước đức thù thắng. A-nan nên biết, ba pháp quy y này sẽ được phước đức hơn cả phước đức cúng dường như đã nói ở trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, dùng số lượng thí dụ tính kể cho đến cực số vi tế nhất cũng không thể sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Lại nữa, tạm gác lại phương Bắc Đại châu-lô châu gồm bốn đại châu có núi Thiết luân bao bọc xung quanh, được một mặt trời, mặt trăng chiếu sáng. Giả sử trong cõi đó có tất cả các núi, biển lớn, trừ bờ, còn tất cả đều hợp lại làm một, hoặc rừng mía, rừng lau, rừng tre, hoặc ruộng lúa, ruộng mè dày đặc không có chỗ hở. Giả sử khắp trong các cõi ấy các vị Độc giác thành tựu vô số công đức hơn A-la-hán, đầy khắp cũng không có khoảng cách như mía. Tất cả những vị Độc giác cũng như vậy. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào suốt mười ngàn năm, đem các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, đầy đủ các vật tốt đẹp nhất của thế gian cung kính đảnh lễ cúng dường, đối với mỗi một vị Độc giác sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân, đều thâu lấy xá-lợi xây tháp cao rộng đẹp đẽ trang nghiêm, dùng hương bột, hương thơm, vòng hoa phướn cờ lọng báu, âm nhạc, đèn đuốc, ánh sáng, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà người ấy sinh được phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Đấng Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ bằng lòng tin thanh tịnh nói rằng: Nay con tên là... quy y Phật Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì người thiện nam hay thiện nữ ấy được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Ba pháp quy y này sinh được phước đức so với phước đức cúng dường như đã nói ở trước thì hơn cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, dùng toán số,

thí dụ phần cho đến cực số vi tế phần cũng không sánh bằng một phần.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Lại nữa tạm gác lại một Tứ đại châu, một mặt trời, một mặt trăng chiếu ánh sáng đến, lại có tiểu thiên thế giới, có núi Thiết luân bao bọc xung quanh. Trong núi ấy lại có cả ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn bốn biển lớn, ngàn núi Tô-mê-lư, Đại bảo sơn vương, ngàn bảy núi vàng, núi Luân vi ngàn Nam Thiệm-bộ châu, ngàn Đông Thắng thần châu, ngàn Tây Ngưu hóa châu, ngàn Bắc Câu-lô châu, ngàn cõi trời Tứ đại Thiên vương, ngàn cõi trời Tam thập tam, ngàn cõi trời Dạ-ma, ngàn cõi trời Đế Thích, ngàn cõi trời Hóa lạc, ngàn cõi trời Tha hóa tự tại, ngàn cõi Phạm chúng, một Đại phạm vương ở trong đó tự tại như vậy gọi là một tiểu thiên thế giới. Tiếp theo lại có trung thiên thế giới, có núi Thiết luân bao xung quanh, trong ấy có ngàn tiểu thiên thế giới, như vậy gọi là một trung thiên giới. Lại có đại thiên thế giới có núi Thiết luân bao xung quanh, trong ấy thiên trung thiên giới, đây gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Giả sử trong ấy có tất cả các núi, biển lớn đều hợp lại thành một, hoặc như rừng mía, rừng lau, rừng tre, hoặc như ruộng lúa, ruộng mè, đầy khắp thẳng hàng không có khoảng hở, giả sử trong ấy có các Đức Phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhiều khắp cũng không có khoảng cách như mía, tất cả chư Phật Như Lai cũng vậy. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào suốt hai vạn năm, đem tất cả những vật tốt đẹp nhất của thế gian như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang cung kính đánh lễ cúng dường, mỗi một chư Phật Như Lai ấy sau khi nhập Niết-bàn, như pháp thiêu thân, thân lấy xá-lợi Phật xây tháp cao đẹp, trang nghiêm, đem các thứ long bột, hương thơm, vòng hoa đẹp đẽ, phướn cờ, lọng báu, âm nhạc, ánh sáng đèn đuốc tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên này mà người kia được sinh phước nhiều hay ít?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ này, đối với mỗi Đức Phật trong suốt hai vạn năm, đem tất cả những thứ tốt đẹp nhất của thế gian, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang mà cung kính đảnh lễ cúng dường, sau khi những vị ấy nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân thì thân lấy xá-lợi xây tháp cao rộng, đẹp đẽ, trang nghiêm, đem các thứ hương bột, hương thơm, vòng hoa đẹp đẽ, phướn, cờ, lọng báu, ánh sáng đèn đuốc tán thán cúng dường, phước ấy nhiều vô lượng, vô biên không thể kể hết, huống nữa là đối với chư Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, trải qua hai ngàn năm cúng dường như trước sẽ được sinh phước đức rất nhiều vô lượng vô biên không thể tính kể.

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ đem lòng tin thanh tịnh nói như vậy: Nay con tên là..... xin quy y Phật, Đấng Lương Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hay thiện nữ ấy sẽ được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Ba pháp quy y này được sinh phước đức so với phước đức cúng dường như đã nói ở trước hơn gấp phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, toán số, thí dụ tính kể cho đến cực số vi tế cũng không sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi cho đến trong một khảy móng tay thọ trì thập thiện, nhờ nhân duyên này mà được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Phước đức của người trong một khảy móng tay tu tập thọ trì thập thiện so với phước đức của người chỉ thọ ba pháp quy y như trước đã nói dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ nào mà quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi, cho đến trong một ngày, một đêm thọ trì tám giới thì sẽ được phước đức rất thù thắng.

A-nan nên biết, phước đức của người trong một ngày, một đêm thọ trì tám giới so với phước đức của người trong một khoảnh khắc

thọ thập thiện giới dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không sánh bằng một phần.

Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi cho đến suốt đời thọ trì năm giới sẽ được phước thù thắng.

A-nan nên biết! Phước đức của người suốt đời thọ trì năm giới so với phước đức một ngày một đêm giữ gìn tám giới dù có cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần cho đến cực vô số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Đức Phật lại bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi lại suốt đời siêng năng thọ trì giới luật sẽ được phước đức thù thắng.

A-nan nên biết! Phước đức này so với phước đức như trước đã nói dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, cho đến cực số vi tế phần cũng chẳng bằng một phần.

Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ thọ trì Ni chánh học giới sẽ được phước đức thù thắng.

A-nan nên biết, phước đức này so với phước đức trước dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không sánh bằng một phần.

Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có người hay suốt đời thọ trì giới Tỳ-kheo-ni thì sẽ được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Phước đức này so với phước đức trước dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Thế Tôn bảo A-nan:

–Nếu có người hay hết lòng thọ trì Đại giới Tỳ-kheo sẽ được phước đức rất thù thắng. A-nan nên biết! Công đức này so với công đức như trước đã nói dù có cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần... cho đến cực số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào hay phát tâm Bồ-đề vô thượng cho đến tận đời vị lai thọ trì ba Tụ tịnh giới của Bồ-tát không thiếu khuyết, không phạm sẽ được phước đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, không thể ví dụ so sánh, tối thắng tối tôn, tối thượng, tối diệu.

Lúc ấy, tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy thọ trì ba pháp quy y cho đến ba Tụ tịnh giới của Bồ-tát sẽ được phước đức vô lượng, vô biên, vui mừng hớn hở chưa từng có liền bạch:

–Thật kì lạ thay! Bạch Thế Tôn! Pháp môn này tối thắng, hy hữu không thể nghĩ bàn, ý nghĩa trong sáng thâm sâu, công đức rộng lớn, thật khó có thể so sánh. Kinh này tên gọi là gì? Con sẽ phụng trì.

Đức Phật bảo A-nan:

–Pháp môn này gọi là Tối Vô Tỷ, so sánh tất cả các thứ công đức chân thật, do vậy nên ông phụng trì. Vì sao? Vì trong kinh này nói về pháp tối thắng không thể sánh bằng, tất cả thế gian thật khó nghe được.

Lúc Đức Phật nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan và đại chúng Tỳ-kheo, vô lượng Bồ-tát, hàng Trời, Người, A-tu-la nghe Phật dạy đều tán thán chưa từng có, tín thọ phụng hành.







SỐ 692

## KINH TẠO HÌNH TƯỢNG PHẬT

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, mất tên người dịch.*

Đức Phật đến nước Câu-diêm-duy, có các rừng cây, người chủ tên là Câu-dực. Lúc ấy, vua Ưu-điền mới mười bốn tuổi, nghe tin Đức Phật sắp đến, liền ra lệnh cho tất cả quần thần chuẩn bị xa giá để nghênh đón Đức Phật. Từ xa, trông thấy Đức Phật, vua vui mừng hơn hở, liền xuống xe đi bộ, các quần thần cầm lọng đi hầu hai bên. Nhà vua đi đến trước Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đi quanh ba vòng, quỳ xuống chấp tay tán thán Đức Phật:

–Trên trời dưới trời và nhân dân không ai bằng Phật. Hôm nay thân thể diện mạo của Phật phát ra ánh sáng lớn đến rực rỡ lạ thường, con nhìn Ngài mà không biết chán. Đức Phật là Bạc Thầy khắp cả cõi trời và loài người, Phật Từ Bi thương yêu tất cả chúng sinh.

Đức Phật im lặng không đáp. Vua lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người làm điều thiện sẽ được phước báu sinh vào cõi nào? Sau khi Đức Phật đi rồi con sẽ không còn được nhìn thấy Phật, nên con muốn tạo hình tượng của Phật để cung kính lễ bái cúng dường. Người tạo hình tượng của Đức Phật về sau sẽ được những phước đức gì? Xin Thế Tôn thương xót giảng nói, con rất muốn được nghe.

Đức Phật bảo:

–Này Tiểu vương! Ông hỏi rất hay! Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ!

Nhà vua đáp:

–Dạ vâng! Bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Nếu tạo hình tượng Phật thì người ấy sẽ được rất nhiều phước đức. Nay ta sẽ giảng nói cho ông.

Nhà vua đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con xin lãnh thọ ân đức của Phật.

Đức Phật nói:

–Nếu có người trong thế gian tạo hình tượng Phật thì người ấy đời sau sinh ra ở đâu cũng được mắt trong sáng, diện mạo đoan nghiêm, thân thể tay chân đều đẹp, lúc chết sinh vào cõi trời cũng được thanh tịnh xinh đẹp như các vị trời không khác, mặt mày diện mạo tốt đẹp. Người tạo tượng Phật sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật sẽ sinh vào cõi không có các điều ác, thân thể được hoàn hảo, sau khi chết được sinh vào cõi thứ bảy của Phạm thiên, phước đức thù thắng, thân đoan nghiêm tốt đẹp, các cõi Trời khác chẳng thể sánh bằng, được chư Thiên cung kính. Người tạo hình tượng Phật qua đời sau sẽ được sinh vào nhà giàu sang, người ấy khác hẳn với những người thế gian, không bị sinh vào những nhà nghèo cùng. Người tạo tượng Phật sẽ được phước đức như vậy.

Người tạo tượng Phật đời sau thân thể thường có màu sắc vàng tía sáng rực đẹp đẽ không ai sánh bằng, được sinh vào nhà giàu có, tiền tài của báu nhiều vô số, thường được cha mẹ anh em, họ hàng gần gũi yêu thương. Người tạo tượng Phật đời sau sẽ được sinh vào cõi Diêm-phù-đề đất đai tươi tốt, thường được sinh vào cung điện của Đế vương, hoặc sinh trong nhà vương hầu, những gia đình lương thiện. Người làm tượng Phật sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật, đời sau sẽ làm bậc Đế vương của các nước lớn mạnh nhất, thường được các vua của các nước khác quy phục. Người tạo tượng Phật sẽ được phước báo như vậy. Người tạo tượng Phật sẽ được làm vua Chuyển luân bay lên trời sau lại bay xuống tự tại, không có chỗ nào không đến được. Người tạo tượng Phật sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật đời sau sinh vào cõi thứ bảy của Phạm thiên, tuổi thọ được một kiếp, trí tuệ không ai bằng. Người tạo tượng Phật, sau khi chết không bị sinh vào đường ác, được sinh làm người, luôn giữ tâm mong cầu Phật đạo, người làm tượng Phật thì sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật đời sau thường cung kính Phật, tôn trọng kinh điển, thường đem các thứ gấm vóc tốt đẹp, hương hoa đèn đuốc và các thứ quý báu của thế gian dâng cúng xá-lợi của Phật, người ấy vô số kiếp về sau sẽ được chứng đắc đạo quả Niết-bàn. Người có tâm đem vật quý báu dâng lên Đức Phật chẳng phải là hàng phàm phu mà do đời trước đã hành Phật đạo tạo hình tượng Phật thì được phước đức như vậy. Người tạo tượng Phật, đời sau được phước báo không thể kể hết được. Nước sông biển trong bốn thiên hạ còn có thể lường, phước đức của người tạo hình tượng Phật còn hơn thế nữa, không thể tính lường.

Người tạo hình tượng Phật đời sau sinh ra luôn được mọi người cung kính ủng hộ, ví như trời mưa, người có nhà chắc chắn thì không lo sợ.

Người tạo tượng Phật, đời sau chết không bị sinh vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được sinh lên cõi trời, tuổi thọ ở cõi trời hết lại sinh xuống nhân gian làm con trong nhà giàu có, của cải quý báu nhiều không thể tính kể, sau đó được gặp Phật chứng đạo quả Niết-bàn.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Người làm điều thiện tạo hình tượng Phật được phước đức như thế không bị hao tổn. Lúc ấy, vua Ưu-điền vui mừng đến trước Đức Phật đầu mặt lạy dưới chân cùng các quần thần đánh lễ Phật và thoái lui. Những người ấy sau khi chết đều được sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà.





SỐ 693

# KINH PHẬT THUYẾT TẠO LẬP HÌNH TƯỢNG PHƯỚC BÁO

*Hán dịch: Mất tên người dịch, biên chép vào sách  
đời Đông Tấn.*

Đức Phật đến nước Câu-la-cù, nơi các vườn cây của vị chủ tên là Câu-dực. Khi ấy, nhà vua tên là Ưu-điền mới mười bốn tuổi nghe Đức Phật sắp đến, liền ban sắc lệnh sai các vị quan đại thần chuẩn bị xa giá trang nghiêm để đón tiếp Đức Phật. Từ xa trông thấy Đức Thế Tôn, vua hết sức vui mừng, dừng xe xuống đi bộ, dẹp bỏ các vị quan hầu cận và người cầm lọng, đến phía trước cúi đầu sát đất làm lễ rồi đi tiếp ba lần như vậy. Đức Phật bảo đến đây, nhà vua đi đến phía trước cúi đầu làm lễ nơi chân Phật, rồi đi quanh ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch:

–Trên trời, dưới đất, chư Thiên, loài người không ai sánh bằng Phật. Hôm nay mặt mày thân thể Đức Phật, ánh sáng rực rỡ tốt đẹp đến như vậy, nhìn Đức Phật, con không nhàm chán, Đức Phật là Bậc Đại Sư trên trời, dưới đất, chư Thiên và loài người, Phật đã Từ Bi thương xót cứu giúp rất nhiều.

Đức Phật im lặng không đáp.

Nhà vua lại bạch:

–Người tạo phước lành thì sẽ đạt được gì? Sau khi Phật tịch diệt con sợ không còn gặp Thế Tôn. Hôm nay, con muốn làm hình tượng Phật, phụng sự cúng dường thì được phước báu gì? Nguyện xin Phật

thương xót giảng nói cho con, con muốn nghe biết.

Đức Phật liền bảo:

–Nhà vua còn nhỏ mà đã hỏi về điều thiện lớn như vậy. Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng nói rõ ràng!

Nhà vua liền cúi đầu thọ nhận lời chỉ dạy.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Nếu có làm hình tượng Phật sẽ đạt được nhiều phước đức. Hôm nay, Như Lai sẽ giảng nói tất cả cho nhà vua.

Nhà vua thưa:

–Xin nhận lời dạy của Phật.

Đức Phật nói:

–Người nào trong thế gian có thể tạo được hình tượng Phật thì sau đó đời đời được sinh ra nơi nào, cặp mắt sáng suốt, mặt mày sinh đẹp, thân thể tay chân mềm mại tốt đẹp, sinh vào cõi trời cũng được xinh đẹp sạch sẽ vượt hơn chư Thiên, mắt và mặt mày rất đẹp không ai sánh bằng. Đã tạo được hình tượng Phật thì có phước báo như vậy. Đã tạo hình tượng Phật sinh ở nơi nào cũng đều không gặp các điều ác, thân thể đầy đủ, sau khi chết được sinh lên cõi Phạm thiên bảy lần. Lại ở trong cõi chư Thiên, có thân hình đoan trang tuyệt đẹp không ai sánh bằng, được chư Thiên cung kính, nhờ làm hình tượng Phật phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau luôn sinh vào nhà giàu có tôn quý, thế lực, được sức lực khác hẳn với đời, sinh ở chỗ nào cũng không rơi vào nhà nghèo khổ, làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Tạo hình tượng Phật, đời sau sinh ra có thân hình tuấn tú như vàng ròng, màu sắc đẹp đẽ không ai sánh bằng, luôn được mọi người cung kính ưa mến. Làm hình tượng Phật thì được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau sinh ra ở chỗ nào, luôn sinh ở trong nhà giàu có tài sản châu báu không thể kể xiết, luôn được cha mẹ, anh em dòng họ quý mến, tạo hình tượng Phật được phước báo như vậy. Tạo hình tượng Phật nếu đời sau sinh vào cõi Diêm-phù-đề, luôn được sinh vào trong nhà đế vương công hầu hiền thiện. Làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau được làm vua, đặc biệt tôn quý hơn các vị vua nước

khác, sẽ làm nơi kính ngưỡng cho các vị vua khác. Làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật sẽ được làm vua Chuyển luân, các vị vua trong bốn thiên hạ đều phụ thuộc theo. Làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau sẽ được làm Chuyển luân vương bay lên cõi trời rồi tự do hạ xuống, hành hóa khắp các nơi, làm hình tượng Phật được như vậy. Làm hình tượng Phật thì đời sau sẽ sinh vào cõi Phạm thiên bảy lần, tuổi thọ một kiếp trừ trí tuệ vô thượng của Thế Tôn thì không ai có thể sánh bằng. Tạo hình tượng Phật được phước đức như vậy. Ở trong cõi Phạm thiên tuổi thọ hết thì sẽ trở lại nhân gian, sinh vào nhà có đạo pháp hiếu thuận. Tạo hình tượng Phật được phước đức như vậy. Tạo hình tượng Phật đời sau sinh vào chỗ nào cũng được cha mẹ cưng chiều, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời, tạo hình tượng Phật được phước đức như vậy. Tạo hình tượng Phật sau khi chết không đọa vào ba đường ác, sẽ giữ gìn tâm ý thường muốn mong cầu gặp Đức Phật. Tạo hình tượng Phật đời sau sinh ra chỗ nào đều tôn kính kinh điển, tâm luôn giữ gìn, đem các hoa thơm, lụa đẹp, đèn sáng, trân báu quý giá trong các thiên hạ mà dâng cúng Phật, vô số kiếp sau sẽ gặp được Phật vào đạo Niết-bàn. Người có phát tâm đem trân báu đẹp, vật rất ưa thích cúng dường Phật chẳng phải như phàm nhân khác, đều do đều trước làm hình tượng Phật, tu tập đạo Bồ-tát. Tạo hình tượng Phật được công đức như vậy. Tạo hình tượng Phật được phước đức vô lượng không cùng tận, không kể xiết, như nước sông, biển trong bốn thiên hạ còn có thể đo lường được, làm hình tượng Phật được phước đức rất nhiều, nhiều hơn mười lần nước sông biển trong bốn thiên hạ, đời sau sinh ra nơi nào cũng thường mong cầu Phật đạo. Làm hình tượng Phật ví như trời mưa, người ở trong nhà an ổn không lo lắng về ướt át, người làm hình tượng Phật sau khi chết không đi vào trong các con đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Những chúng sinh nào nhìn thấy hình tượng Phật sinh tâm cung kính, chấp tay hướng về tháp xá-lợi của Phật khi chết liền sinh lên cõi trời, ở cõi trời tuổi thọ hết thì sinh vào trong chốn nhân gian, ở nhà giàu có thế lực, thọ nhận phước báo không thể kể hết như vậy, sẽ được con đường Niết-bàn của Phật.

Đức Phật bảo vua Ưu-điền:

–Người làm điều thiện, tạo hình tượng Phật được phước báo công đức như vậy, chắc chắn không khổ đau.

Lúc ấy, vua Ưu-điền nói kệ tán thán Đức Phật:

*Phật là đại Thánh nhân  
Thuyết pháp cho chúng sinh  
Vườn Câu thâm Cù sư  
Ưu-điền chấp tay hỏi.  
Nghe tiếng Phạm chân thật  
Không động, thành trăm phước  
Người tạo hình tượng Phật  
Đạt được phước báo gì?*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại:

*Vua lắng nghe ta nói  
Phước rộng lớn như đất  
Phước đức không ai bằng  
Tạo hình tượng của Phật  
Thường sinh nhà giàu có  
Ngọc quý báu vô cùng  
Quyến thuộc luôn tôn kính  
Phước báo làm tượng Phật  
Đời đời thân không bệnh  
Thường đạt được Thiên nhân  
Mắt xanh không gì sánh  
Làm hình tượng Đức Phật  
Cha mẹ thấy vui mừng  
Oai đức đoan nghiêm lớn  
Ưu thích không nhàn chán  
Phước báo làm tượng Phật  
Ánh sáng thân màu vàng  
Giống như hình sư tử  
Chúng sinh thấy hoan hỷ*



Phước báo làm tượng Phật  
 Diêm-phù-đề, họ lớn  
 Sát-lợi, Bà-la-môn  
 Phước sinh trong loài người  
 Phước báo làm tượng Phật  
 Không sinh nơi biên địa  
 Không mù, không xấu xí  
 Sáu căn luôn đầy đủ  
 Phước báo làm tượng Phật  
 Lâm chung biết đời trước  
 Thấy Phật ở trước mắt  
 Lúc chết không biết khổ  
 Phước báo tạo tượng Phật  
 Làm vua lớn danh tiếng  
 Xe vàng Chuyển luân vương  
 Làm chủ bốn thiên hạ  
 Phước báo làm tượng Phật  
 Làm Thích Đề-hoàn Nhân  
 Thần túc, cõi thứ hai  
 Cõi Tam thập tam thiên  
 Phước báo làm tượng Phật  
 Vượt ra khỏi cõi Dục  
 Chúng Phạm thiên cung kính  
 Phước báo làm tượng Phật  
 Thọ phước báo như vậy  
 Nếu có thể khắc vẽ  
 Trời đất còn làm được  
 Phước này không thể lường  
 Cho nên cúng dường Phật  
 Hoa thơm, hương, dầu xoa  
 Cúng dường bậc Đại sĩ  
 Được lậu tận vô vi.

Đức Phật nói kinh này xong, nhà vua rất vui mừng, liền đến

trước cúi đầu làm lễ nơi chân Đức Phật, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và năm trăm vị quan hậu cận đều vui mừng đánh lễ Đức Phật. Sau đó đều được vãng sinh về cõi nước Đức Phật A-di-đà làm Đại Bồ-tát đệ nhất tối thắng.

Vua Ưu-điền nghe Đức Phật nói, hết sức vui mừng, thọ nhận tin hiểu, liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.



SỐ 694

# KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Đề-cù-trí.*

## QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật đang ở nơi cõi Tam thập tam thiên, dưới cây Ba-lợi chất-đa-la cùng với vô lượng chúng đại Tỳ-kheo và vô lượng chúng Đại Bồ-tát hội đủ. Đại Bồ-tát Di-lặc làm thượng thủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trên cõi trời ấy ba tháng an cư thuyết pháp cho mẹ, làm nhiều lợi ích cho chư Thiên, làm cho vô lượng chư Thiên giải thoát xa lìa đau khổ vô lượng chư Thiên đều mong cầu pháp lợi ích được phước báo lớn. Lúc ấy, trong chúng có một Thiên tử, tuổi thọ sắp hết năm tướng si hiện ra, nhờ nghe được thần lực của giáo pháp, sau khi mạng chung sinh trở lại cõi trời này, vĩnh viễn xa lìa không rơi vào đường ác.

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề không có Đức Như Lai, ví như đêm tối tăm không có mặt trăng, như nước không có vua, như nhà không có chủ, tất cả các thứ ưa thích đều ngừng lại. Lúc ấy, chúng sinh bơ vơ không nơi nương tựa, đều nghĩ đến Đức Như Lai, ôm lòng luyến mộ, sinh sầu lo lớn, như mất cha mẹ, như bị tên bắn vào tim, cùng đến chỗ Đức Thế Tôn từng ở, khu vườn, tinh xá đều vắng bóng Đức Phật, trong lòng họ dường như càng tăng thêm sự thương tiếc Như Lai.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên ở trong cung điện luôn có lòng thương nhớ khát ngưỡng đối với Phật. Đối với phu nhân, thế nữ, những thứ ưa thích, nhà vua đều không để tâm. Vua lại suy nghĩ như vậy: “Hôm nay, ta lo buồn, không bao lâu nữa sẽ chết. Làm thế nào khi ta chưa bỏ mạng mạng sống cõi nhân gian mà gặp được Đức Phật. Lại suy nghĩ: Ví như có người tâm đã ưa thích mà không được thấy nếu được thấy chỗ ở và người giống như vậy thì có thể hết sầu não. Lại suy nghĩ: Hôm nay, ta đến chỗ Đức Phật ở trước đây mà không gặp Đức Phật, nên buồn rầu thảm thiết muốn chết. Ta xem ở thế gian này không có người nào có trí tuệ, công đức, sắc tướng bằng Như Lai. Làm thế nào khiến cho ta gặp được vị ấy để dứt trừ sầu não?”

Nghĩ vậy rồi vua liền tư duy: “Hôm nay, ta phải tạo hình tượng Phật để lễ bái cúng dường. Lại sinh ra ý niệm này: “Nếu ta tạo hình tượng mà không giống Đức Phật thì sợ sẽ làm cho ta bị vô lượng tội. Lại suy nghĩ: Giả sử trong thế gian, những người có trí tuệ đều tuyên dương công đức của Như Lai thì vẫn không thể cùng tận. Nếu có người tùy theo khả năng khen ngợi sự uy nghi đẹp đẽ của Phật thì cũng được phước đức vô lượng. Hôm nay, ta cũng vậy, nên thuận theo việc làm ấy.”

Lúc đó, liền ban sắc lệnh cho tụ tập những người thợ giỏi trong nước đến. Khi thợ đã đến rồi, vua liền nói:

–Ai có thể làm hình tượng Phật cho ta? Ta sẽ đem châu báu quý giá mà ban thưởng.

Những người thợ giỏi tâu với nhà vua:

–Hôm nay nhà vua đã ra lệnh làm một việc rất khó, tướng tốt của Đức Như Lai thế gian không sánh bằng. Hôm nay, thần làm sao có thể tạo hình tượng Phật. Giả sử trời Tỳ-thủ-yết-ma mà có thể làm được thì cũng không thể giống Đức Như Lai. Hạ thần nếu vâng lệnh tạo hình tượng Phật, thì chỉ có thể làm viên ngọc trên búi tóc giống như tướng bạch hào được một ít, còn các tướng tốt, ánh sáng, oai đức thì ai có thể làm được ư? Đức Thế Tôn sẽ từ trên cõi trời đi xuống. Sự tạo hình tượng nếu có thiếu sót sai lầm thì danh tiếng của

chúng thần đều sẽ mất hết. Họ tính toán như vậy nên không dám làm.

Lúc ấy, nhà vua lại bảo:

–Ta đã hạ quyết tâm rồi, chớ có từ chối. Như người khát nước muốn uống nước sông, đâu có thể vì sự uống không hết mà không uống chẳng?

Lúc ấy, mọi người nghe nhà vua nói, đều quỳ trước mặt tâu:

–Bệ hạ! Chúng thần sẽ tuân theo sắc lệnh đã ban hành nhưng xin nhà vua chấp nhận cho chúng thần đêm nay suy nghĩ kỹ rồi mới làm.

Họ lại tâu với vua:

–Hôm nay, nhà vua tạo hình tượng Phật nên dùng loại gỗ chiên-đàn tịnh khiết, thể chất của nó đẹp gọn chắc chắn nhưng hình tượng ấy ngồi hay đứng, cao thấp như thế nào?

Nhà vua đem lời này hỏi các quan thần. Có một vị quan trí tuệ đến trước vua thưa:

–Tâu đại vương! Nên làm tượng của Như Lai ngồi. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều chứng đắc đại Bồ-đề, chuyển bánh xe chánh pháp, thị hiện thân thông lớn, thu phục ngoại đạo, làm Phật sự lớn thảy đều là hình ngồi. Cho nên phải làm tượng Phật ngồi kiết già trên tòa sư tử.

Bấy giờ, trời Tỳ-thủ-yết-ma từ xa trông thấy việc ấy, biết rõ ý nhà vua muốn tạo hình tượng Phật. Ngay trong đêm ấy, vị trời ấy suy nghĩ: “Ta biết làm việc ấy bằng kỹ xảo nhất, trong thế gian không ai bằng ta. Nếu ta làm thì cũng được giống Phật phần nào.”

Vị ấy biến hình làm người thợ mộc. Đem các vật dụng sáng sớm đi đến bên cửa của nhà vua, vị ấy nhờ người giữ cửa tâu lại với nhà vua:

–Hôm nay, tôi muốn tạo hình tượng Phật cho nhà vua, công nghệ kỹ xảo của tôi trong đời không ai bằng. Muôn tâu đại vương, chớ có sai người khác.

Nhà vua nghe nói như vậy rất vui mừng truyền lệnh cho vào xem mặt thì biết người này là thợ mộc giỏi. Vua suy nghĩ: “Trong thế

gian làm gì có người này, hay là vị trời Tỳ-thủ-yết-ma hoặc là đệ tử của vị trời ấy đến đây chăng?”

Lúc ấy, nhà vua liền cởi chuỗi ngọc đang đeo trên thân ra, tự tay đeo vào cổ vị kia và hứa cho vô số, vô lượng các vật châu báu. Nhà vua cùng với vị quan chủ kho, ở trong kho cùng chọn lựa cây thơm, tự mình gánh vác, khiêng đỡ với vị thợ trời. Lại nói rằng:

–Lành thay! Nhân giả nên dùng cây này làm hình tượng Phật cho tôi, làm hình tượng cho giống Đức Như Lai.

Khi ấy, vị thợ Trời tâu với nhà vua:

–Công nghệ điều luyện của tôi tuy nói là đệ nhất nhưng tạo hình tượng Phật thì hoàn toàn không thể trọn vẹn. Ví như có người dùng cục than vẽ mặt trời nói là giống, điều này không thật có. Giả như dùng vàng ròng để làm hình tượng Phật cũng như vậy. Có ngoại đạo Phạm chí tạo tất cả thế gian nhưng cũng không thể tạo hình tượng Phật với hết các tướng tốt. Nhưng công nghệ điều luyện của tôi là hơn hết trong đời. Cho nên hôm nay tôi làm cho nhà vua. Sáng ngày mai, tức là ngày mồng tám tháng giêng, khi sao Phất-sa hợp với Tỳ-bà-ha-để xuất hiện lúc Đức Phật Đản sinh thì có ứng hiện. Ngày này tốt lành rất thích hợp để làm tượng.

Nói lời này rồi, vị ấy liền cầm cái búa dẫn cây, tiếng vang thấu đến cõi Tam thập tam thiên, đến chỗ Đức Phật. Nhờ thần lực của Phật tiếng vang đến chỗ nào mà chúng sinh nghe được thì tội cấu phiền não đều tiêu trừ. Bấy giờ, Đức Như Lai liền mỉm cười, khen ngợi vô số công đức của vị vua ấy, thậm chí từ xa thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, chủ cõi Tam thập tam thiên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay ở nhân gian có còn người nào mà ở kiếp trước đã từng làm tượng Phật không?

Đức Phật bảo:

–Này Thiên chủ! Những người trong các cõi mà đã từng làm hình tượng Phật, thì trong quá khứ đã giải thoát, trong cõi trời không có hướng chi là nơi khác. Chỉ có cửa phía Bắc có con Tỳ-sa-môn là Na-lý-sa-bà, thuở xưa đã từng tạo hình tượng Bồ-tát, nhờ phước đức

này cho nên đời sau được làm vua, tên là Tần-bà-sa-la. Lại nhờ được gặp ta, hôm nay được sinh lên cõi trời có thế lực lớn, vĩnh viễn xa lìa đường ác. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Nan-đề Ca-diếp. Thuở xưa đã từng tu sửa giảng đường của Phật, nhờ nhân duyên này hoàn toàn được giải thoát. Kiều-phạm Bà-đề kiếp trước làm thân trâu tìm cỏ nước, quay quanh bên phải tinh xá ăn các thứ cỏ tre, nhờ thấy tôn dung của Đức Thế Tôn nên phát tâm hoan hỷ, nương vào phước ấy cho nên hôm nay được giải thoát. Thi-tỳ-la đã từng cầm lọng báu cúng dường tượng Phật. A-dật-lâu-đà chỉ thấp một cây đèn để cúng dường Phật. Thâu-tỳ-na đã từng quét dọn giảng đường của Phật. A-bà-ma-na ở trước tượng Phật thấp đèn bố thí sự sáng sủa. Tỳ-kheo Nan-đà ưa thích, tôn trọng dung nghi của Phật, dùng hương thơm tắm rửa. Có vô lượng các bậc A-la-hán như vậy, đều đã từng ở trước tượng Phật đem vật mọn cúng dường. Cho đến hàng thấp nhất như Na-ca-bà-la, ngồi trước tượng Phật dùng một ít màu vàng, màu đỏ vẽ một hình tượng Phật để cúng dường. Nhờ phước đức này mà các vị ấy xa lìa sự đau khổ, được giải thoát. Này Thiên chủ! Nếu có người có thể đối với giáo pháp của ta khi chưa diệt hết, nên tạo hình tượng Phật thì ở trong hội đầu tiên của Phật Di-lặc được giải thoát. Nếu có chúng sinh chẳng phải vì mình mà cầu giải thoát cho đến muốn đạt được Vô thượng Bồ-đề mà tạo hình tượng Phật thì nên biết đây là nhân của ba mươi hai tướng, có thể làm cho người ấy mau được thành Phật.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên tự suy nghĩ: “Làm thế nào khiến cho việc ta tạo hình tượng Phật mau được thành tựu?” Suy nghĩ rồi, vua nói với người thợ mộc ấy:

–Người có thể cố gắng thêm nữa, mau hoàn tất, để ta sớm được chiêm ngưỡng, lễ bái, cung kính.

Khi ấy, vị trời thợ mộc vận dụng công nghệ điêu luyện, chăm chú siêng năng ngay ngày ấy hoàn thành. Tượng ấy ngồi kiết già, chiều cao bảy thước, mặt và tay chân đều là màu hoàng kim.

Lúc ấy, vua Ưu-đà-diên thấy tượng đã thành tựu, tướng tốt trang nghiêm nên sinh lòng tin thanh tịnh đạt được nhẫn nhu thuận, đã được nhẫn này rồi càng thêm sự lợi ích vui mừng. Những nghiệp chướng và

các phiến não đều được tiêu trừ. Ví như mặt trời vừa xuất hiện, thì sương mù đều tan mất, chỉ trừ một nghiệp mà thân đang chịu, vì đã từng đối với Thánh nhân phát ra lời nói ác.

Bấy giờ, nhà vua liền đem các vật châu báu ban thưởng cho vị thợ mộc trời ấy. Khi đó, vị thợ mộc trời liền cung kính, tâu với vua:

–Tâu bệ hạ, hôm nay, nhà vua tạo hình tượng Phật tâm tôi rất tùy hỷ, nguyện cùng với đại vương đồng tu tập phước này. Hôm nay, những vật mà nhà vua đã ban cho, tôi không dám thọ nhận, nếu cần đem cho thì đợi qua ngày tốt khác. Nói lời này rồi, liền trong đêm ấy bay trở lại cõi trời.

Bấy giờ, các nước lớn như vua A-xà-thế... trước đây đều có lòng ngưỡng mộ Đức Phật, nghe vua Ưu-đà-diên tạo hình tượng Phật, công đức đã thành tựu đều phát tâm vui mừng cùng đến chỗ vua, đem vô lượng hoa thơm cúng dường tượng Phật. Lại dùng vô số các vật châu báu dâng tặng cho nhà vua. Họ đều cảm tạ nói:

–Đại vương đã làm hình tượng Phật thật là điều hiếm có, có thể nhờ được mũi tên độc hại ưu sầu cho tôi.

Lúc đó, Đức Như Lai đang ở trong cõi trời ấy thuyết pháp cho mẹ và làm cho chúng chư Thiên đều được lợi ích, an vui. Những việc làm này đều đã làm xong. Phật bảo các chúng trời:

–Này Thiên tử! Chư Phật Thế Tôn là thân thường trụ, đối với các chúng sinh có thể độ được thì liền xuất hiện giáo hóa giảng nói giáo pháp, nếu việc đã làm xong, lại không còn ai có thể thọ nhận giáo pháp thì Như Lai không xuất hiện nữa. Người không trí tuệ cho rằng Đức Phật quả thật đã diệt độ. Pháp thân của Như Lai là thân thường trụ, thân chân thật không có diệt độ. Này các Thiên tử! Tất cả các pháp của chư Phật đều như vậy. Vì giáo hóa chúng sinh nên có hiện hoặc không hiện.

Bấy giờ, Đức Như Lai lại nói:

–Các ông nên biết, các vị chư Thiên đáng được hóa độ thì đều đã được độ rồi. Hôm nay, Như Lai sẽ trở lại cõi Diêm-phù-đề. Các ông chư Thiên nếu có nhớ ta thì phải siêng năng tinh tấn chớ có buông lung. Vì sao? Vì tội buông lung sẽ làm cho các ông không đạt



được quả Vô thượng Bồ-đề. Nhưng các ông nhờ đời trước đã gieo trồng căn lành, hôm nay được ở đây thọ nhận sự vui sướng của cõi trời, lại tham đắm buông lung, không tu làm phước, thì các sự sung sướng này không thể thuận theo mãi, một khi đã bị tổn giảm thì đọa vào trong đường ác luân hồi. Lại nữa, chư Thiên các ông phiền não rất nặng, thấy có ai hơn mình lại sinh ganh ghét, chưa từng nghĩ rằng sự an vui thù thắng của vị trời ấy là nhờ cảm được rất nhiều phước nghiệp, nếu ta siêng năng tu tập, chắc chắn cũng được như vậy. Lại nữa, hôm nay các ông có ánh sáng của sắc thân như mặt trời mới mọc, nếu ôm tâm ganh ghét thì bị tối tăm giống như than cháy. Lại nữa, nó sẽ làm cho đọa vào địa ngục hắc ám, cho đến không thể thấy được lòng bàn tay của mình. Sau đó, các ông sẽ làm con quỷ ăn đồ nhơ ứ. Lại nữa, chư Thiên các ông thọ các phước báo, thân tướng trang nghiêm thanh tịnh, oai lực dũng mãnh, do vì ganh ghét nên bị làm thân người nữa, vĩnh viễn bỏ mất cái năng lực mạnh mẽ của trượng phu. Này các Thiên tử! Ta nhớ lúc xưa có vô lượng các vị vua, đều bị tâm ganh ghét các người, đã gây hại vô lý. Này các Thiên tử! Thuở xưa, có vị vua của loài A-tu-la tên là Ổ-la, tu hành khổ hạnh, giữ giới thanh tịnh, mà chư Thiên các ông, sai một Thiên nữ tên là Ổ-bà-thi làm mê hoặc tâm vị vua ấy, làm cho giảm bớt hạnh thanh tịnh. Vị vua ấy đã say đắm ô nhiễm, cho nên oai đức bị tổn giảm nên bị trời Na-la-diên sát hại và vô lượng chúng A-tu-la đồng thời bại diệt. Trời Na-la-diên ấy đã giết hại vị vua này. Sau khi giết chúng rồi, vị trời ấy liền thân nhận Thiên nữ Ổ-bà-thi đem về cung trời. Lại có một vị vua tên là Na-ha-thọ, nghe lời chư Thiên các ông nói lời điên cuồng nên giúp cho các chư Thiên đi đánh dẹp A-tu-la. Sau khi đánh dẹp A-tu-la rồi, chư Thiên các ông lại giết hại vị vua ấy. Lại nữa, chư Thiên các ông vì phu nhân Xá-chi cho nên sinh giận dữ, ganh ghét, dèm pha, chê bai, làm cho Tiên nhân A-già-bà vô cơ bị chê bai nên khởi lên ý nguyện xấu ác. Lại nữa, chư Thiên các ông đã từng làm việc cuồng hoặc bảo vua Ê-trà rằng: “Chỗ của Tiên nhân có nhiều vàng.”

Nhà vua tin lời đó, ép buộc đưa ra, do đó Tiên nhân sinh tâm giận dữ, tức thì lửa cháy mạnh thiêu đốt giết vị vua ấy. Thuở xưa, lại

có một vị vua tên là ĐỀ-bà từng thiết lập đại hội để cúng dường. Nhờ phước nghiệp đó nên được oai đức tự tại, ở cõi trời hưởng thọ sự vui sướng cõi trời. Chư Thiên các ông có tâm ganh ghét, làm cho từ trên cõi trời Đao-lợi các ông thoái lui xuống cõi Diêm-phù-đề, thế lực đã có đều bị tan mất, như mặt trăng không có ánh sáng, như dòng sông không có nước. Nay các Thiên tử! Ở đời, có người được oai đức tự tại hoặc đạt được các thiên định, hoặc đạt được thần thông, hoặc đã thành tựu bốn Thần túc... Nếu tâm họ khởi lên một niệm ganh ghét thì công đức này tức thời bị mất, giống như ĐỀ-bà-đạt-đa ngu si sâu dày, mới đối với ta sinh tâm ganh ghét, tức thời bị mất năm thứ thần thông.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con còn nghi ngờ, có điều muốn thưa hỏi. Làm thế nào gọi là ganh ghét.

Lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh thấy người khác hơn mình thì sinh tâm suy nghĩ: Làm thế nào khiến cho ta đạt được điều như của người ấy? Tâm như vậy gọi là ganh ghét chăng?

Phật bảo:

–Không phải. Đây gọi là tâm tham, không phải tâm ganh ghét.

Này Thiên chủ! Ganh ghét là do mình cầu danh lợi, không muốn người khác có. Đối với người đã có lại sinh tâm oán hận thì gọi là ganh ghét.

Lúc ấy, chúng chư Tiên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, quỳ gối chấp tay hướng về Đức Phật đánh lễ, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Đức Phật đã chỉ dạy, chư Thiên chúng con đều phụng hành. Như Lai, Thế Tôn là bậc cha, là vị chủ, là bậc tôn trọng, là bậc tối thắng, có tâm Từ bi đối với chúng con nên mới đến nơi này. Hôm nay, chư Thiên chúng con đều đạt được lợi ích nhưng sở nguyện của chúng con vẫn chưa viên mãn. Có một việc muốn thưa thỉnh Đức Như Lai.

–Bạch Thế Tôn! Người ở thế gian đối với chư Thiên chúng con có nhiều khinh mạn. Vì sao? Vì chư Phật, Như Lai sinh trong loài

người, lại thành Chánh giác trong loài người, ở trong loài người có nhiều vị chứng đắc các quả vị A-la-hán. Các vị có oai đức lớn như Bích-chi-phật, lại xuất hiện trong nhân gian. Hôm nay, Như Lai nếu không ở lại nơi đây mà trở về cõi Diêm-phù-đề, người ở nhân gian cho là chư Thiên chúng con không biết Như Lai có oai đức lớn đáng được chư Thiên cúng dường như pháp. Họ lại cho chư Thiên chúng con không thể cúng dường chư Phật Thế Tôn. Nguyên xin Như Lai ở lại thời gian ngắn thọ nhận sự cúng dường nhỏ mọn của chúng con, làm cho nhân gian biết sự cúng dường chư Thiên chúng con đối với Đức Phật.

Lúc đó Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bấy giờ, Đức Phật bảo tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ông có thể trở về cõi Diêm-phù-đề trước, thăm hỏi bốn chúng, nói như vậy: Tất cả chúng sinh chờ nghĩ đến ta đều nên tập hợp ở nước Tăng-ca-thi, sau bảy ngày sẽ gặp ta.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đánh lễ nơi chân Phật, đánh lễ nơi chân Phật rồi, trong khoảnh khắc đến cõi Diêm-phù-đề, đem lời Đức Phật dặn bảo cho bốn chúng. Lúc ấy, vua Ưu-đà-diên và tất cả chúng sinh nghe Đức Phật nói lời này, thân tâm hết sức vui mừng, đều hết trừ các sầu não, được thanh tịnh.

Bấy giờ, bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều cùng nhau đi đến nước Tăng-ca-thi. Trước hết họ đều vâng tập trong thành Vương xá, bàn với nhau:

–Như Lai Thế Tôn trở về cõi Diêm-phù-đề, ai có thể được phép cung kính lễ bái trước? Đến đời vị lai giáo pháp diệt tận thường làm vị thượng thủ. Bấy giờ, Đại Ca-chiên-diên nghe lời nói này rồi, tâm không vui, sợ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni làm bậc Thượng thủ. Vì sao? Vì trong chúng ấy có hai vị Tỳ-kheo-ni là Ưu-ba-nan-đà và Liên Hoa Sắc có thể thông đạt hoàn hảo tạng pháp của chư Phật. Vì cả hai đã đạt được thần thông, chỉ trừ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra không ai sánh bằng. Nghĩ như vậy rồi, họ dùng nhiều lời chê trách chúng Tỳ-kheo-ni.

Lúc đó, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc bảo với chư ni rằng:

–Chư vị chúng ta đối với thế tục thường được tôn trọng, dù là người thuộc dòng họ thấp kém nhưng vẫn được người đàn ông cung kính, tôn trọng, phục vụ, cúng dường. Các Tỳ-kheo-ni ở trong giáo pháp của chư Phật thì phần nhiều cha mẹ, quyến thuộc đều thuộc dòng họ vua chúa, siêng năng giữ giới, không phạm oai nghi, đầy đủ các công đức nhưng vẫn lễ kính Tỳ-kheo mới thọ giới, mà nay lại bị Tôn giả Ca-chiên-diên dùng nhiều lời trách mắng. Vì các người, ta bày các phương tiện, làm cho các Tỳ-kheo-ni vượt hơn ấy, nói lời này rồi, cùng bốn chúng liền đi đến thành Tăng-ca-thi.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, vua A-xà-thế và vua Nghiêm Xí... nước Tỳ-xá-ly đều dẫn bốn binh lính đi theo trước sau, dùng xe voi, xe ngựa có sức lực mạnh mẽ. Dùng vô số vật báu trang nghiêm, phướn, lọng, hoa thơm và các âm nhạc, oai nghi, dung mạo trang nghiêm giống như chư Thiên, đều cũng đến thành Tăng-ca-thi.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên chuẩn bị bốn binh lính đi theo hầu, xe voi trắng lớn trang hoàng bằng châu báu tự mình cỡi voi trắng lớn trang sức vật báu và đội tượng Phật vừa làm ra với hoa, phướn, âm nhạc đem theo cúng dường từ nước của mình hương về thành Tăng-ca-thi.

Bấy giờ, trời Tỳ-thủ-yết-ma và chúng chư Thiên biết Đức Phật sắp trở về cõi Diêm-phù-đề nên làm ba con đường báu nối từ thành Tăng-ca-thi cho đến cõi trời Đao-lợi. Con đường ở giữa được làm bằng ngọc lưu ly. Đường hai bên đều làm bằng vàng ròng, dưới bước chân đi thì trải bằng bạc trắng, bảy báu của chư Thiên thì trang trí ở khoảng giữa.

Bấy giờ, Đế Thích sai sứ giả đi đến các trời Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại và đến cõi Phạm thế báo rằng:

–Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ trở về cõi Diêm-phù-đề, ai muốn cúng dường thì đem đến đây. Đế Thích lại sai sứ giả đến chỗ Tứ đại Thiên vương và những vị như vua rồng trong biển lớn, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Dạ-xoa... nói rằng:

–Hôm nay Đức Thế Tôn sắp trở lại cõi Diêm-phù-đề. Ai có thể đem các vật của mình đến đây cúng dường. Lúc ấy, chư Thiên sắp

sửa trở về, tất cả chư Thiên trước sau vây quanh oai đức mạnh mẽ, ánh sáng rực rỡ, giống như trăng tròn giữa bầu trời có các vì sao bao quanh, giống như ánh sáng mặt trời mới mọc phát ra rực rỡ. Khi ấy, chúng hội của Phật cũng như vậy.

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề, nhờ oai thần của Đức Phật, có năm việc hy hữu:

1. Làm cho chư Thiên không thấy đồ vật bất tịnh trong nhân gian.

2. Làm cho các người nữ thấy Thiên nam thì không có dục tưởng.

3. Cũng làm cho người nam thấy các Thiên nữ cũng không sinh tâm đắm nhiễm.

4. Làm cho nhân gian từ xa nhìn thấy các loại cúng dường của chư Thiên.

5. Thân của chư Thiên có ánh sáng trong suốt vi diệu mà người thường không nhìn thấy được nhưng nhờ thần lực của Đức Phật hiển bày rõ ràng đều có thể thấy được.

Khi Đức Thế Tôn từ cõi trời bắt đầu bước xuống bậc thềm báu thì Phạm vương ở bên tay phải cầm lọng trắng, Đế Thích bên tay trái cầm phát trần trắng, các chư Thiên khác đều nường vào hư không đi theo Đức Phật xuống. Cùng một lúc họ tấu lên vô số âm nhạc. Mỗi một người tự cầm cờ, phướn, lọng báu, rải hoa cúng dường, còn các vị trời ở cõi Tịnh cư đứng đầy hư không, có vô lượng trăm ngàn chư Thiên, thể nữ cầm chuỗi ngọc báu, tán thán công đức của Phật. Lại có chư Thiên ở giữa hư không mưa xuống vô số hương và vô số hoa, các rồng phun nước ra nước mưa nhỏ thơm. Lúc ấy, ở giữa hư không trong suốt sáng rực không có mây, vang lên tiếng sấm vi diệu người nghe đều ưa thích, thần Càn-thát-bà, thần Khẩn-na-la tấu lên những khúc nhạc vi diệu của Đề-bà-na-ca, ca ngợi sự ra đời của Đức Như Lai. Lúc ấy, trong cõi Diêm-phù-đề, vua và thần dân cùng bốn chúng... vây quanh khắp thành Tăng-ca-thi, hoặc rải hoa thơm, hoặc cầm phướn lọng, thổi ốc tù và, vô số âm nhạc hướng về hư không để cúng dường chấp tay chiêm ngưỡng Đức

Phật. Các loài hoa cõi trời, cõi người chen nhau rơi xuống, ngập đến đầu gối. Các chúng ngoại đạo thấy việc này đều phát tâm quy y đánh lễ cung kính.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bước đi trên thêm sáu dần dần đi xuống được nửa đường, có bốn chúng Thiên vương bày đồ cúng dường, lần cúng dường này rất thù thắng, từ trước đến nay chưa từng có.

Khi ấy, Đức Như Lai thọ nhận sự cúng dường của Thiên vương xong, cùng với đại chúng từ trên thêm sáu bước xuống. Khi đến nơi bậc cuối sắp bước xuống mặt đất thì Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền biến thân hình mình làm Chuyển luân thánh vương thống lãnh bốn binh chủng, cầm bảy báu dẫn đường đi trước, từ hư không hạ xuống, nhanh chóng đến chỗ Đức Phật. Các quốc vương đều sinh ý nghĩ vị Chuyển luân vương này từ chỗ nào đến đây? Khi ấy, Tôn giả Tu Bồ-đề đang ở trong phòng của mình, thấy Đức Thế Tôn đi xuống, liền sửa y phục chỉnh tề, từ xa cúi mình đánh lễ cung kính. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc bỏ thân Chuyển luân vương trở lại thân hình như cũ, vội vàng đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng vô số lời trách mắng, nói rằng:

–Hôm nay người có biết không? Tu-bồ-đề đã đánh lễ ta trước. Người nghe lời ai chỉ dạy mà biến thành Chuyển luân vương dù người xuất gia thọ giới Cụ túc, phần ấy đối với người đã nhiều rồi nhưng trí tuệ thấp kém của người thì giả dối vô biên, lòng Từ bi báo ân như một giọt sương móc, làm sao có thể ở trong giáo pháp của ta mà làm bậc Thượng thủ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc nghe Đức Phật dạy sinh tâm hổ thẹn, thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay, con biết lỗi của mình không phải là ít. Từ nay trở về sau con không dám tái phạm biến hiện thân thông.

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề có quốc vương, đại thần và bốn chúng đều đã đem vô số đồ vật đến cúng dường lên Đức Thế Tôn. Lúc ấy trên đỉnh đầu vua Ưu-đà-diên đội một tượng Phật và các vật châu báu quý giá đến chỗ Đức Như Lai để cúng dường. Thân hình

Phật tướng hảo đầy đủ trang nghiêm, sáng rực rỡ, ở giữa chư Thiên ví như mặt trăng tròn xa lìa các áng mây. Tượng Phật tạo đối với Đức Phật giống như đống cát lớn so với núi Tu-di không thể dụ được, nhưng có bồi tóc xoắn ốc và viên ngọc ở giữa đôi chặng mày có hơi giống Đức Phật nên làm cho bốn chúng biết là tượng Phật.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Quá khứ của Như Lai đã ở trong sinh tử, vì mong cầu đạo Bồ-đề cho nên tu hành vô lượng, vô biên khổ hạnh khó làm, đạt được thân vi diệu tối thượng này không ai sánh bằng. Con đã tạo hình tượng không giống Đức Phật, tự mình suy nghĩ là tội lỗi rất nặng.

Đức Thế Tôn bảo nhà vua:

–Chẳng phải là tội lỗi. Hôm nay, người đã tạo hình tượng được vô lượng công đức, không ai sánh bằng người, hôm nay người đối với ta là người đầu tiên làm phép tắc trong Phật pháp. Do nhân duyên này cho nên làm vô lượng chúng sinh được lợi ích lớn, hôm nay người đã đạt được vô lượng phước đức căn lành rộng lớn.

Lúc ấy, trời Đế Thích lại bảo nhà vua:

–Hôm nay, nhà vua đối với việc này chớ có lo sợ. Đức Như Lai, trước đây khi ở cõi trời, nay ở nhân gian này, đều khen ngợi công đức tạo hình tượng của nhà vua, các chư Thiên cũng đều hoan hỷ. Trong đời vị lai có người nào tin hiểu, nhờ nhà vua nên tạo hình tượng Phật thì nên đạt được phước báo. Hôm nay, nhà vua hết sức vui mừng.



# KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Đề-vân Bát-nhãn.*

## QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử nơi đạo tràng thuộc thành Tăng-ca-thi. Lúc ấy tâm của bốn chúng đều suy nghĩ: Chúng con nguyện Đức Như Lai diễn thuyết về công đức tạo hình tượng. Nếu có chúng sinh tạo hình tượng Phật, dù cho không giống thì được bao nhiêu phước?

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc biết được tâm niệm ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa áo bày vai bên phải, quỳ gối chấp tay bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay vua Ưu-đà-diên làm hình tượng Phật, nếu Phật ở đời hoặc đã Niết-bàn, người có lòng tin có thể tạo theo tượng như vậy thì đạt được công đức. Nguyện xin Thế Tôn giảng nói rõ ràng về tướng ấy.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Bồ-tát Di-lặc! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ghi nhớ kỹ, ta sẽ giảng nói cho ông! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, đối với công đức của Phật chuyên cần buộc niệm, luôn quan sát công đức tự tại của Như Lai, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ đại Bi, trí của Nhất thiết trí, đủ ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp, mỗi mỗi lỗ chân lông đều có vô lượng màu ánh sáng sai khác, có trăm ngàn ức thứ công đức thành tựu trang nghiêm thù thắng, có vô lượng trí tuệ thông đạt sáng suốt, có vô lượng Tam-muội, vô lượng Pháp nhãn, vô lượng Đà-la-ni, vô lượng Thần thông, có tất cả công đức như vậy đều không thể lường hết, xa lìa lỗi lầm không ai sánh bằng. Người này suy nghĩ kỹ như thế phát sinh lòng tin sâu xa, nương vào các tướng tốt để làm tượng Phật, công



đức rộng lớn vô lượng, vô biên không thể kể xiết.

Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu có người đem các màu sắc trang sức vẽ trên tấm lụa, hoặc đúc bằng các loại vàng, bạc, đồng, sắt, chì, thiếc, hoặc còn điêu khắc gỗ thơm chiên-đàn, hoặc bằng ngọc trân châu thêu dệt vào lụa trắng đủ năm màu, hoặc bằng đất đỏ, tro trắng, hoặc bùn hoặc gỗ, các vật như thế tùy theo năng lực của mình để làm tượng Phật, thậm chí nhỏ như một ngón tay cái, có thể làm cho người khác thấy biết là tôn dung Phật, thì phước báo của người ấy, ta sẽ giảng nói.

Này Bồ-tát Di-lặc! Người như vậy trong sinh tử tuy còn luân hồi, nhưng hoàn toàn không sinh vào nhà nghèo khổ thiếu thốn, không sinh vào nhà cõi biên địa thấp kém, gia đình cô quạnh, lại cũng không sinh vào những nhà làm nghề hung ác, buôn bán đắt giá, làm nghề mổ heo, cho đến không sinh vào nhà bần tiện làm nghề hèn hạ, giòng họ không trong sạch, ngoại đạo tà kiến khổ hạnh, ngoại trừ do năng lực phát nguyện ra đều không sinh vào nơi ấy. Người này luôn sinh ra nơi nhà Chuyển luân thánh vương, hoặc dòng họ có thế lực lớn, hoặc sinh vào nhà của Bà-la-môn tu hạnh thanh tịnh, hoặc nhà giàu có tự tại không có lỗi lầm, đã sinh vào những nơi ấy luôn gặp Đức Phật phụng sự cúng dường, hoặc được làm vua, có thể giữ gìn chánh pháp, đem chánh pháp giáo hóa cho người, không thực hành trái với đạo, hoặc cho Chuyển luân thánh vương, thành tựu bảy báu đầy đủ ngàn đứa con, như con chim đại bàng đi khắp bốn thiên hạ, đời sống tự do ưa thích vui cho đến khi qua đời; hoặc làm Đế Thích, vua Dạ-ma thiên, vua Đâu-suất thiên, vua Hóa lạc thiên, vua Tha hóa tự tại thiên, đều thọ nhận sự vui sướng của trời, người, phước báo như vậy nối nhau không gián đoạn, sinh ở nơi nào luôn làm bậc Trưởng phu không thọ nhận thân người nữ, cũng không thọ thân Huỳnh môn nửa nam nửa nữ ty tiện, thọ nhận không có các điều xấu ác, mắt không mù lòa, chột, tai không điếc, mũi không cong queo, miệng không méo lệch, môi không trề ra, cũng không ngắn gãy, sần sùi, răng không thiếu gãy, không đen, không vàng, lưỡi không ngắn hẹp, trán không bướu nhọt, thân không gù lưng, nước da không xanh xao, tay không ngắn cụt, chân

không đi cà thọt, không gầy ốm cũng không quá mập, không dài lăm, cũng không ngắn lăm, tất cả những tướng không đáng ưa này đều không thể có. Thân vị ấy đoan trang, mặt mày tròn trịa, tóc màu xanh biếc, mềm mại óng ánh, môi đỏ như trái Tần-bà, mắt như hoa sen xanh, tướng lưỡi dài rộng, răng trắng bằng khít, lời nói im dịu làm cho mọi người nghe đều ưa thích, cánh tay thon dài, bàn tay bằng phẳng, đùi chân tròn đầy, ngực rộng lớn, tay chân mềm mại như lụa Đâu-la, các tướng đầy đủ không chỗ nào khuyết giảm, như trời Na-la-diên có nhiều sức mạnh.

Này Bồ-tát Di-lặc! Ví như có người bị rơi vào hố nhà xí rồi được thoát ra sau đó dùng nước sạch tẩy rửa phân hôi thối, đem hương thơm xoa thân, mặc quần áo sạch sẽ. Người này sánh với người đang còn ở trong hầm xí vẫn chưa ra được thì sạch, nhơ, thơm, thối cách nhau như thế nào? Nhưng việc này cách xa không bao nhiêu. Nếu người nào ở trong sinh tử, có thể phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật, so với lúc chưa tạo tượng thì cách xa nhau, cũng như vậy; nên biết người này sinh bất cứ ở nơi nào đều thanh tịnh trừ hết các nghiệp chướng, đối với tất cả các kỹ thuật không có thầy dạy mà vẫn tự biết rõ, dù sinh vào cõi người cũng đạt được sáu căn của cõi trời, nếu sinh vào cõi trời thì vượt hơn chúng trời, đã sinh vào nơi nào cũng không có bệnh tật, khổ đau, không có ghẻ lở, bệnh hủi, không có ung thư, không bị ma quỷ dựa nhập, không có điên cuồng, khô gầy, các bệnh dịch tả, sốt rét, táo bón, mụn nhọt mọc cả thân, thổ tả, kiết lỵ, ăn uống quá điều độ bị thương hàn, bại liệt nửa thân, cử động đau đớn, có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh lác như vậy, đều không có, cũng không bị thuốc độc, binh lính, hổ, sói, sư tử, nước lửa, giặc cướp, các duyên như vậy gây hại, thường đạt được an ổn, không phạm các tội.

Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu có chúng sinh đời trước đã tạo nghiệp ác, cho nên phải thọ nhận vô số các việc khổ não, do đó nên bị gông cùm xiềng xích trói buộc, đánh đập, mắng chửi, thiêu, nướng, lột da, nhổ tóc, treo ngược lên cao, tâm chí hoặc bị phân ra từng khúc, nếu phát tâm tin hiểu tạo hình tượng của Phật, đều không phải bị như vậy, nếu giặc cướp phá hoại xâm lấn thành ấp, các tinh biến hóa những

điều quý quái, đói khát, bệnh tật, ung dịch thì người ấy không sinh vào những chỗ như vậy. Nếu nói người sinh vào đó thì đây là không thật.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai luôn giảng nói về thiện nghiệp và bất thiện đều không bị hoại mất. Nếu chúng sinh nào tạo các tội nặng thì sẽ sinh vào nhà dòng họ thấp hèn, nghèo cùng khốn khổ, bệnh tật hành hạ, mạng sống ngắn ngủi. Sau khi phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật những tội báo này sẽ còn phải thọ lấy hay không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Ông hãy lắng nghe! Ghi nhớ ta sẽ giảng nói cho ông. Nếu chúng sinh nào tạo các tội ấy rồi, phát tâm tạo hình tượng mong cầu thiết tha, bày tỏ ăn năn cương quyết chấm dứt hết, thể không có tái phạm thì tội đã tạo đều được tiêu diệt. Hôm nay ta vì ông mà giảng nói việc làm này rõ ràng.

Này Bồ-tát Di-lặc! Ví như có người đời trước keo kiệt, do nhân duyên đó mà chịu sự bần cùng khốn khổ, không có các thứ tài sản vật báu đất giá. Bỗng nhiên, gặp vị Tỳ-kheo đang nhập Diệt tận định, rồi từ định ấy xuất ra, liền đem thức ăn uống cung kính cúng dường vị Tỳ-kheo ấy. Người này đã cúng dường rồi thì không bao giờ bần cùng khốn khổ nữa, phàm có mong cầu gì cũng đều được như ý của mình. Này Bồ-tát Di-lặc! Nghiệp ác đời trước của người bần cùng ấy đã tạo nhưng hiện tại được quả báo tốt là do đâu?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do cúng dường thức ăn cho nên nghiệp ác đời trước thấy đều tiêu diệt hết, vĩnh viễn xa lìa sự nghèo khổ, được giàu có đầy đủ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Như lời ông đã nói, nên biết người này cũng như vậy, do tạo hình tượng cho nên các nghiệp xấu ác ấy đều dứt sạch không còn sót, sự thọ nhận báo ứng thì không còn nhận nữa. Này Bồ-tát Di-lặc! Nghiệp có ba loại:

1. Hiện thọ.
2. Sinh thọ.
3. Hậu thọ.

Ba loại nghiệp này, trong mỗi mỗi nghiệp đều có định và bất định. Nếu người tín tâm tạo hình tượng Phật thì chỉ có chịu định nghiệp của hiện tại một phần ít, ngoài ra đều không còn phải chịu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai luôn giảng nói có năm loại nghiệp sâu nặng, chắc chắn phải đọa vào địa ngục Vô gián. Đó là tội giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, đem tâm ác nghịch làm thân Phật chảy máu, phá sự hòa hợp của Tăng chúng, nếu có chúng sinh đời trước đã tạo tội này đời sau đối với Đức Phật sinh tâm tin hiểu thanh tịnh, tạo hình tượng Phật, người này bị đọa vào địa ngục hay không đọa?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Bồ-tát Di-lặc! Hôm nay, ta sẽ giảng nói ví dụ này cho ông. Ví như có người tay cầm cung tên ở giữa rừng cây, bắn lên chiếc lá, mũi tên ấy xuyên suốt, chẳng bị trở ngại. Nếu có chúng sinh phạm tội nghịch này, đời sau tạo hình tượng Phật, thành tâm tỏ bày ăn năn đạt được “Vô căn tín”, ngã tưởng mỏng cạn thì tuy đọa vào địa ngục, liền được ra khỏi, như mũi tên không dừng lại, cũng như vậy. Lại nữa, như Tỳ-kheo đạt được Thần túc thông, từ bờ bên này đến bờ bên kia, xoay vòng khắp bốn châu, cũng không bị ngăn ngại, người này cũng vậy. Do tội đời trước đã phạm, tạm thời đọa vào địa ngục, không phải nghiệp đời trước làm chướng ngại hẳn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thân của chư Phật Như Lai là pháp tánh, chẳng phải là sắc tướng, nếu lấy sắc tướng làm thân Phật thì Tỳ-kheo Nan-đà cùng Chuyển luân thánh vương đều sẽ thành Phật, vì đều đầy đủ các tướng tốt, hoặc có chúng sinh hủy hoại Pháp thân của Phật, chánh pháp nói không phải chánh pháp, không phải chánh pháp nói là chánh pháp, nhưng sau đó phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật, thì tội nặng này được tiêu diệt hay không tiêu diệt?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu chúng sinh ấy đối với chánh pháp nói chẳng phải là chánh pháp, không phải là chánh pháp nói là chánh pháp, tuy nói bằng miệng mà không phá chánh kiến, sau đó tin thích tạo hình tượng Phật, thì nghiệp ác trước đây chỉ ở nơi thân hiện tại thọ quả báo nhẹ, không đọa vào đường ác nhưng vẫn còn ở trong sinh tử chưa được giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh trộm cướp vật trong chùa chiền hoặc trộm cướp vật của chúng Tăng, vật của Tăng bốn phương, hoặc của Tăng hiện tiền, tự mình lấy dùng, đem cho người khác, tưởng như vật của mình.

Bạch Thế Tôn! Đã thường giảng nói người dùng vật của chùa chiền, vật của chúng Tăng thì tội rất nặng, nhưng chúng sinh ấy tạo tội này rồi lại tự mình hết sức ăn năn hối hận, phát khởi tâm tin thanh tịnh mà tạo hình tượng Phật. Những tội như vậy có tiêu diệt không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu chúng sinh ấy đã từng dùng vật này, sau đó tự mình quán sát rõ ràng có lòng hổ thẹn bày tỏ ăn năn, tùy theo số ấy mà đền trả lại gấp bội, thề không dám trái phạm. Hôm nay ta sẽ nói rõ một ví dụ cho ông. Như có một người nghèo khổ, đời trước bị thiếu nợ nhiều, bỗng gặp được kho của cải có vô số vật báu, đem về trả hết nợ ấy rồi, mà của cải ấy vẫn còn dư. Nên biết người này cũng như vậy, đã trả gấp bội lần ấy. Lại nữa, tạo hình tượng Phật là thoát khỏi các nạn khổ đau, vĩnh viễn được an vui.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã giảng nói ở trong giáo pháp của Phật, phạm Ba-la-di thì không còn được sống chung, hoặc có người đã tạo tội ấy rồi, nên phát tâm nhớ nghĩ công đức của chư Phật mà tạo hình tượng Phật, ở trong giáo pháp của Phật có được sống lại không? Lại nữa, trong đời sống này, được tái sinh lại lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư có chứng đắc được pháp chẳng?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Ví như có người thân bị năm dây trói ràng buộc, nếu được thoát ra như chim thoát ra khỏi lưới đến nơi an ổn không có ngăn ngại. Người này cũng vậy, nếu phát tâm tin hiểu mà nhớ nghĩ công đức của Phật, tạo hình tượng Phật, tất cả nghiệp chướng đều được tiêu trừ, ở trong sinh tử được thoát ra một cách mau chóng không bị chướng ngại. Bồ-tát Di-lặc nên biết! Xe có ba loại: Đó là xe của hàng Thanh văn, xe của hàng Độc giác, xe của chư Phật, người này thích nường vào xe nào thì phát khởi nguyện đó, liền nhờ xe đó mà được giải thoát, nếu chỉ cầu thành Phật mà không cầu quả báo gì khác thì tuy có tội chướng nặng vẫn mau được diệt trừ; tuy ở trong sinh tử mà không bị khổ nạn, cho đến sẽ được chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Đạt được cõi thanh tịnh đầy đủ các tướng tốt, mạng sống và tuổi thọ được lâu dài.

Bấy giờ, ở trong hội chúng những người chưa phát tâm Đại thừa, đều sinh tâm nghi ngờ: Thời quá khứ Như Lai có tạo hình tượng Phật hay chưa tạo hình tượng Phật? Giả như đã tạo thì tại sao tuổi thọ sống có giới hạn, có bệnh tật, có khổ đau như thế? Ở trong cõi nước có nhiều thứ như bản không được sạch sẽ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nường theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con thấy các căn tướng tốt của Như Lai và các dòng họ đều là đệ nhất nên tâm đã chắc chắn không có điều gì nghi ngờ. Nhưng có lúc Đức Thế Tôn đã từng bị mảnh ván gỗ làm chân Phật bị thương. Lại có lúc bị Đề-bà-đạt-đa trên núi xô đá xuống làm chân Phật chảy máu, trước đây cũng có lúc Ngài nói có bệnh, sai Kỳ-bà-điều lấy thuốc chữa bệnh kiết lị, lại có lúc từng bị bệnh đau lưng, bảo Đại Ca-diếp tụng bảy lần pháp Bồ-đề phần để dứt trừ sự đau khổ ấy. lại có lúc từng có các bệnh hoạn, sai A-nan-đà đến nhà Bà-la-môn xin sữa bò, cũng có lúc trong thôn Bà-la-môn an cư ba tháng chỉ ăn lúa của ngựa ăn, lại có lúc đi khát thực mang bát không trở về. Như Thế Tôn nói: Nếu có người nào tạo hình tượng Phật thì các nghiệp chướng đã tạo đều được tiêu diệt, xa lìa các khổ não, không còn có bệnh tật. Đức Thế Tôn đời trước đã từng tạo tượng hay không? Nếu ở đời trước đã từng tạo tượng Phật, vậy

vì sao lại có những việc như vậy?

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ghi nhớ kỹ, Như Lai sẽ giảng nói rõ ràng cho Đại vương!

Này Đại vương! Ta ở đời trước vì mong cầu quả Bồ-đề, đem các vật báu bằng gỗ chiên-đàn họa vẽ tạo hình tượng Phật, vô số lượng ấy nhiều hơn trời người ở trong hội này, nhờ phước đức ấy, tuy ở trong sinh tử chưa dứt hết các hoặc nghiệp nhưng đã thọ thân vững chắc, giống như Kim cang không bị tổn hoại. Này Đại vương! Ta nhớ ở trong quá khứ vô lượng kiếp sinh tử đã tạo hình tượng Phật. Lúc ấy, tuy vẫn còn tham lam giận dữ, vô lượng phiền não xen lẫn, nhưng ta chưa từng lúc nào bị các nghiệp bệnh khổ, bốn đại không điều hòa và quỷ thần xấu ác, các vật cản dùng luôn luôn đầy đủ. Huống chi ngày nay, ta đã chứng đắc Vô thượng Bồ-đề mà còn có việc không vừa ý như vậy hay sao?

Này Đại vương! Nếu xưa kia ta đã tạo hình tượng Phật, nay còn chút dư nghiệp để thọ quả báo này thì làm sao ta tuyên bố bằng lời không sợ hãi rằng tạo hình tượng Phật chắc chắn có thể dứt hết các nghiệp ác.

Này Đại vương! Ở trong quá khứ ta đã bố thí vô lượng thức ăn uống, của báu. Vì sao hôm nay đi khát thực xin không được nên ăn lúa của ngựa. Nếu việc hôm nay có thật. Vì sao ta trong vô lượng kinh điển khen ngợi vô số Bồ thí ba-la-mật? Giảng nói phước nghiệp ấy hoàn toàn có kết quả tốt. Này Đại vương! Ta là người nói lời chân thật, không nói lời dối, nếu ta mà nói dối thì người khác như thế nào? Này Đại vương! Từ lâu ta đã đoạn dứt nghiệp ác, đã xả bỏ những việc khó bỏ, có thể thực hành những điều khó làm, đã xả bỏ thân mạng qua hơn bảy trăm ngàn ức kiếp, đã tạo vô lượng hình tượng chư Phật, đã sám hối vô lượng các tội ác nghiệp báo, làm sao có thể bị những việc như chê bai, thương tích, đau khổ, bệnh tật, đói khát và ăn lúa của ngựa? Nếu đã từng chứng đắc hôm nay lại thoái lui thì cần gì siêng năng tu tập các phước thiện này? Này Đại vương! Pháp thân thường trụ của chư Phật Như Lai, vì độ thoát chúng sinh cho nên hiện

ra việc này mà chẳng phải là sự thật, bị thương ở chân, đau lưng, xin sửa uống thuốc cho đến Niết-bàn, phân chia xá-lợi lưu truyền xây dựng tháp đều là phương tiện quyền xảo của Như Lai nên làm cho các chúng sinh thấy tướng như vậy.

Này Đại vương! Ở trong thế gian, ta hiện ra các việc bệnh hoạn như vậy nhằm chỉ dạy nghiệp báo không mất của chúng sinh, làm cho họ lo sợ, để đoạn trừ các tội lỗi, tu tập các hạnh lành, nhưng sau đó biết rõ thân là thường còn, Pháp thân, tuổi thọ mạng sống không có giới hạn, ở nước thanh tịnh.

Này Đại vương! Chư Phật Như Lai không có hư vọng, đại Bi thuần nhất, trí tuệ thiện xảo, cho nên có thể dùng vô số sự thị hiện như vậy.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghe lời nói này rồi hết sức vui mừng, cùng vô lượng trăm ngàn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có những người nữ, ý chí nhỏ hẹp, phần nhiều ôm lòng ganh ghét, sân giận, xem nhẹ, đua nịnh, còn ân hận không xả bỏ, nhận biết ân mà không báo đáp, dù mong cầu Bồ-đề những không thể bền chắc, luôn tham muốn, mê hoặc tất cả chúng sinh, cũng làm mê hoặc người khác.

Bạch Thế Tôn! Nếu người nữ này tạo hình tượng Phật, các nghiệp như vậy có được tiêu trừ không? Đời vị lai có được làm người nam mạnh mẽ mong cầu quả Phật không? Đối với pháp sinh tử có thể nhàm chán xa lìa không? Nếu không vì duyên nguyện lực thì sẽ không thọ thân người nữ như Cù-đàm-di và phu nhân Ma-gia mẹ của Phật không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu có người nữ nào có thể tạo hình tượng của Phật thì vĩnh viễn không còn thọ thân người nữ nữa, giả sử có thọ thân ấy, thì làm người nữ báu tôn quý đệ nhất. Các người nữ có năm thứ đức, nhưng người nữ này thì vượt hơn những người nữ kia. Những gì là năm?



1. Mang thai sinh con.
2. Dòng họ giàu có.
3. Bản tánh lương thiện.
4. Thân hình thể chất đặc biệt.
5. Dáng dấp xinh đẹp.

Này Bồ-tát Di-lặc! Tất cả người nữ có loại nhân duyên nên luôn làm thân người nữ. Những gì là tám?

1. Ưa thích thân người nữ.
2. Tham muốn về dục của người nữ.
3. Miệng luôn khen ngợi dung mạo đẹp đẽ của người nữ.
4. Tâm không chánh trực che giấu các hành động.
5. Chán thân chồng mình.
6. Nhớ đến người khác.
7. Biết người có ân với mình nhưng mình vẫn phản bội.
8. Tà nguy trau chuốt nhằm mê hoặc người khác.

Nếu ai có thể vĩnh viễn đọa dứt tám việc này mà tạo hình tượng Phật thì cho đến thành Phật, luôn được làm bậc Trưởng phu, nếu thọ lại thân nữ thì điều ấy không thật có.

Này Di-lặc! Có bốn loại nhân duyên làm cho người nam thọ thân người nữ. Những gì là bốn?

1. Giả tiếng người nữ, cười cợt gọi chư Phật, các Bồ-tát và tất cả Thánh nhân.
2. Đối với người nữ giữ giới thanh tịnh đem tâm chê bai nói là phạm giới.
3. Ưa thích việc đua nịnh làm dối trá mọi người.
4. Thấy người khác hơn mình sinh tâm ganh ghét.

Nếu có người nam làm bốn việc này thì sau khi mạng chung chắc chắn thọ thân người nữ, lại còn trải qua vô lượng các đường ác khổ đau. Nếu họ phát tâm tin hiểu sâu xa, bày tỏ ăn năn những gì trước đây đã làm, mà tạo hình tượng Phật thì tội ấy đều được tiêu diệt, nhất định không thọ quả báo người nữ.

Này Di-lặc! Có bốn loại nhân duyên, khiến cho các người nam

thọ thân huỳnh môn. Những gì là bốn?

1. Giết hại người khác, cho đến loài súc sinh.
2. Giữ giới Sa-môn mà giận dữ, cười chê, hủy báng.
3. Tâm tánh phần nhiều là tham dục, cho nên tâm phạm giới.
4. Gần gũi với người phạm giới còn bảo người khác phạm giới.

Có người nam nào đời trước đã làm việc này, sau đó phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật, cho đến khi thành Phật, không thọ quả báo này, luôn làm bậc Trưởng phu các căn đều đủ.

Này Di-lặc! Có bốn loại nghiệp có thể làm cho người nam thọ thân hai hình trong tất cả loài người, làm người thấp hèn nhất. Những gì là bốn?

1. Đối với nơi tôn trọng cung kính gâi như ướ.
2. Đối với thân người nam, đấm nhiễm nơi phi xứ.
3. Đối với thân mình làm việc dâm dục.
4. Buôn bán gái cho người khác.

Nếu những chúng sinh đã từng làm việc này, tự mình hối hận tỏ bày ăn năn trước đây đã sai phạm, khởi tâm tin thanh tịnh tạo hình tượng Phật và đến khi thành Phật, không thọ thân này.

Này Di-lặc! Lại có bốn duyên làm cho tâm của những người nam, luôn sinh tâm ưa muốn sự ái dục như người nữ, ưa thích người khác đối với mình làm việc của người nam. Những gì là bốn?

1. Hoặc hiềm khích, hoặc giễu cợt, hủy báng đối với người khác.
2. Thích làm người nữ mặc quần áo lộng lẫy.
3. Gần gũi với người nữ bà con mà làm điều dâm dật.
4. Quả thật không có phước đức mà nhận người lễ bái.

Vì nhân duyên này làm cho các người nam khởi lên phiền não khác biệt như vậy, nếu tỏ bày ăn năn những tội trước đây đã phạm, không dám tạo tội mới, sinh tâm tin thích tạo hình tượng Phật, tội ấy đã diệt thì tâm này cũng chấm dứt.

Này Bồ-tát Di-lặc! Có năm thứ keo kiết có thể làm hủy hoại chúng sinh. Những gì là năm?

1. Keo kiết đối với chỗ ở làng xóm, do đó sinh vào chốn hoang vắng.

2. Keo kiết chỗ ở, nhà cửa, nên phải làm côn trùng luôn ở trong phân nhơ.

3. Tham tiếc sắc đẹp đoan trang, phải cảm nhận thân hình xấu xí, vô tri.

4. Keo kiết của cải giàu có, sẽ thọ nhận sự bần cùng, cơm không đủ ăn áo không đủ mặc.

5. Keo kiết đối với pháp đã hiểu biết, sẽ thọ nhận quả báo ngu đần của loài súc sinh, nếu tỏ bày ăn năn nghiệp đời trước của mình mà tạo hình tượng Phật, thì vĩnh viễn xa lìa tâm keo kiết trước đây đã có.

Này Bồ-tát Di-lặc! Lại có năm loại duyên, làm cho các chúng sinh sinh vào nơi biên địa và chỗ không có Phật pháp. Những gì là năm?

1. Đối với Tam bảo là ruộng phước lành không tin thanh tịnh.

2. Trái với sự thật, ngược với lý lẽ, thực hành sai lầm theo lời dạy.

3. Sự không đúng như lý mà đem trao truyền.

4. Phá sự hòa hợp của chúng Tăng làm cho thành hai bộ.

5. Thậm chí ít nhất làm cho hai Tỳ-kheo, không hòa hợp.

Nếu vĩnh viễn đoạn dứt nghiệp này, tạo hình tượng Phật thì luôn gặp Đức Phật và thường nghe chánh pháp.

Này Bồ-tát Di-lặc! Chúng sinh có năm loại nhân duyên, thường bị người chán ghét, xua đuổi, thậm chí người chí thân cũng không thích gặp. Những gì là năm?

1. Hai lưỡi.

2. Ác khẩu.

3. Nhiều tranh cãi.

4. Nhiều giận dữ.

5. Lời nói khéo léo nhưng để hủy báng.

Sau đó, nếu phát tâm tạo hình tượng Phật, ăn năn hối cải

nghiệp ác đời trước, thề không dám làm những tội đã tạo thì được trừ diệt, làm cho tất cả mọi người ưa thích cung kính. Vì sao? Vì chư Phật có vô lượng, vô biên phước đức thù thắng, vô lượng, vô biên đại trí tuệ, vô lượng, vô biên Tam-muội giải thoát, vô số pháp công đức hiếm có.

Này thiện nam! Giả sử có người mang tam thiên đại thiên cõi nước nghiền thành vi trần, lại đập vụn từng hạt vi trần ấy. Vi trần của tam thiên đại thiên cõi nước và có số vi trần của tam thiên đại thiên cõi nước như vậy, nếu như có người lấy một hạt vi trần ấy, bằng diệu lực Thần thông đi đến phương Đông, trong khoảng một sát-na vượt qua hai lần, ba lần số tam thiên đại thiên cõi nước nhiều như số vi trần ấy, mỗi sát-na sau đó cũng đều như vậy, cho đến tận cùng kiếp số như số vi trần ấy, trong những kiếp đó, có bao nhiêu sát-na, mỗi một sát-na đều là một kiếp, trải qua nhiều kiếp sát-na sát-na như vậy, đều vượt qua như trước, vượt qua bằng số vi trần của tam thiên đại thiên cõi nước, mới thả một vi trần người này trở lại lấy một hạt vi trần, rồi đi đến phương Đông vượt qua gấp đôi lần trước, thả hạt vi trần đó trở lại, cho đến vi trần của lần thứ ba thì nhiều hơn lần thứ hai, lần lượt như vậy nhiều gấp bội số lần trước, cho đến hết số vi trần nghiền nát này.

Như nói phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc cũng đều như vậy những chỗ mà người này đã trải qua trong bốn phương, tất cả cõi nước nhiều như số vi trần. Các vi trần này tất cả chúng sinh cùng nhau tính toán đo lường cũng có thể biết hết. Nhưng với thân của Như Lai, công đức ở mỗi một lỗ chân lông thì không thể biết hết. Vì sao? Vì công đức của chư Phật Như Lai không có hạn lượng, không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Giả sử trí tuệ của Xá-lợi-phất nhiều như những số vi trần như trước, nhưng vẫn không bằng trí trong một niệm của Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai ở trong mỗi niệm có thể phóng ra Tam-muội, Giải thoát, Tổng trì... hơn số vi trần như trước, vô số, vô lượng công đức thù thắng. Công đức của chư Phật đối với tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật cũng không thể biết được danh tự ấy cho nên nếu có lòng tin thanh tịnh tạo hình tượng Phật thì tất cả nghiệp chướng đều

tiêu trừ, đạt được công đức vô lượng, vô biên, thậm chí sẽ thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhổ sạch tất cả khổ não của chúng sinh. Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Di-lặc, chư Thiên cõi Tam thập tam, vua Ưu-đà-diên, tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... nghe Đức Phật đã giảng nói, đều hết sức vui mừng tin hiểu phụng hành.





SỐ 695

# KINH QUÁN TÂY PHẬT HÌNH TUỌNG

*Hán dịch: Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.*

Bấy giờ, Phật bảo Ma-ha-sát-đầu, chư Thiên, loài người nhất tâm lắng nghe:

–Thân người khó được, đạo giải thoát cũng vậy. Phật xuất hiện ở đời khó gặp. Từ vô lượng kiếp xa xưa, ta làm Cư sĩ tích đức nhiều đời, thường sinh qua lại trong năm đường, không tham của cải, bỏ cả thân mạng để bố thí không chút luyến tiếc. Cho đến lúc làm Thái tử, ta chọn ngày mồng tám tháng tư, lúc sao mai vừa xuất hiện, sinh ra ở thế gian, đi bảy bước, đưa tay phải lên, nói: “Trên trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý nhất. Ta sẽ vì hàng trời, người làm Bạc Đạo Sư Vô thượng.”

Lúc Thái tử sinh ra, mặt đất chấn động. Tứ Thiên vương ở tầng trời thứ nhất cho đến Phạm thiên, Thiên vương Đao-lợi, chư Thiên trong ấy đều đem mười hai loại hương và các thứ nước hoa thơm để tắm Thái tử. Thái tử chứng đắc Phật đạo, diễn bày Thánh pháp, cứu độ chúng sinh. Phật bảo trời, người:

–Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày mồng tám, tháng tư để hạ sinh ở đời. Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày mồng tám, tháng tư để xuất gia, vào núi học đạo. Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày mồng tám, tháng tư để thành Phật. Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày

mồng tám, tháng tư để nhập Niết-bàn.

Phật nói:

–Sở dĩ chọn ngày mồng tám, tháng tư là vì lúc Xuân, Hạ giao nhau, mọi thứ tội lỗi đều dứt sạch, vạn vật đều sinh, khí độc chưa hoành hành, khí hậu điều hòa, không nóng, không lạnh, chính là ngày Phật đản sinh. Sau khi Phật diệt độ, thiện nam, tín nữ nên chí tâm niệm sức công đức vô lượng của Phật, tasm tượng Phật như lúc Phật còn ở đời thì được phước vô lượng không thể tính kể. Lúc ta hành đạo Bồ-tát, ba mươi sáu lần qua lại làm Thiên vương, ba mươi sáu lần qua lại làm Chuyển luân thánh vương, ba mươi sáu lần qua lại làm Phi hành Hoàng đế. Các vị Phật tử có tín tâm, thiện ý nên niệm công đức chư Phật ở mười phương, hoặc dùng các thứ hương, hoa tasm tượng Phật thì có mong cầu điều gì đều được thành tựu. Chư Thiên, Long thần đều ghi nhận và ủng hộ.

Phật bảo các đệ tử:

–Khó được làm thân người, khó được nghe giáo pháp. Vị trời, người nào có thể giảm bớt phần chi tiêu của vợ, con, năm loại tài vật trong nhà dùng để tasm hình tượng Phật như lúc Phật còn ở đời thì sự mong cầu được thành tựu: Mong vượt thoát thế gian, đạt đạo giải thoát, đời đời không gặp phải sự chết chóc, đều đạt được; mong cầu tinh tấn dũng mãnh như Phật Thích-ca thì có thể thành tựu; mong cầu, Bồ-tát Bất thoái chuyển như Văn-thù-sư-lợi đều đạt được; mong cầu làm Chuyển luân thánh vương, tự tại giáo hóa đều đạt được; mong cầu Bích-chi-phật, A-la-hán đều đạt được; mong cầu lìa khỏi ba đường ác đều đạt được, mong cầu sinh ở cõi trời, người giàu có, sung sướng đều đạt được; mong cầu con cháu đông đúc đều đạt được; mong cầu sống lâu không bệnh đều đạt được.

Tham muốn của người đời như biển, thà cất một miếng thịt trên thân chứ không chịu bỏ ra một tiền, một vật cho người. Lúc sinh không đem theo một đồng, chết cũng không cầm theo một tiền. Của cải vẫn ở tại thế gian, người chết phải đơn độc ra đi trong sự luyến tiếc như thế. Người tasm hình tượng Phật thì lúc sống, lúc chết, công đức ấy luôn theo bên mình không bao giờ dứt mất. Người nào có một



tâm niệm thiện, tạo công đức này thì chư Thiên, Thiện thần, Thiên, Long, Bát bộ, Tứ Thiên vương đều ủng hộ. Tắm tượng Phật được sinh phước báu, thường được thanh tịnh. Do nhân duyên này được thành Phật đạo.

Phật nói:

–Người dùng hương hoa tắm hình tượng Phật thì được phước, trí, hiện tại được thanh tịnh, danh tiếng, phước đức. Người dùng hoa thơm rải cúng dường Phật thì được phước báu đẹp đẽ, đoan chánh không ai sánh bằng. Người đem phước lụa che trên Đức Phật thì được phước báo, tại chỗ sinh ra, tự nhiên thường có y phục đẹp vô cùng.

Từ muôn kiếp trước, ta tích chứa công đức, chí thành hành thiện, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến lúc được thành Phật đạo. Ngày nay, các hành giả cùng dùng tâm Từ, ý tốt tin tưởng Phật đạo, mong cầu giải thoát thì nên đem các loại hương, hoa tắm hình tượng Phật, nên vì cha, mẹ bảy đời và quyến thuộc, vợ con, anh, em đang chịu khổ nạn, nên vì chúng sinh khổ khổ trong năm đường, ở mười phương, nên vì những người ngu si không tin Phật đạo, làm cho họ đời sau được sinh làm người đẹp đẽ, thanh bạch, được mọi người tôn kính, không nhiễm bụi trần; ở chỗ sinh ra thường được gặp Phật, ở chỗ sinh ra thường được nghe pháp, ở chỗ sinh ra thường gặp Tỳ-kheo tăng làm cho các hiền giả trí tuệ sáng suốt, thông hiểu kinh điển: Mười hai bộ loại kinh văn, bốn bộ A-hàm, quán niệm hơi thở, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Người nào chí tâm cầu Phật đạo thì mau đạt được quả vị Bất thoái chuyển, làm cho họ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc vàng ròng như trái Ma-tử, có mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng; miệng phát ra tám loại âm thanh, bay đi, nhìn suốt ở chỗ đi đến. Quyến thuộc, chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, Quỷ tử mẫu đều ủng hộ, làm cho họ đi lại an ổn, hoặc đi trong núi thì không gặp thú dữ, hoặc vào quân trận thì không bị binh đao, hoặc đi trên sông ngòi thì không gặp sóng gió, làm cho họ không bị gậy ốm nằm trên giường, làm cho quan huyện không gọi họ đến.

Nếu có vợ con khó sinh thì làm cho được an ổn. Nếu đi buôn bán thì tài lợi gấp trăm phần. Tà ma, ác khí không xâm nhập được. Nước, lửa, trộm cướp, oan gia trái chủ không gây tổn hại. Làm cho những kẻ miệng lưỡi đều điều phục, chữa bỏ, tinh tấn, ăn năn hối cải, hành như Bồ-tát, đắc đạo như Phật.



SỐ 696

# KINH MA-HA SÁT ĐẦU

(CŨNG GỌI LÀ KINH QUÁN PHẬT HÌNH TƯỢNG)

*Hán dịch: Đời Tây Tần, Sa-môn Thích Thánh Kiên.*

Tất cả chúng sinh, chư Thiên, muôn dân, trưởng lão đều nên lắng nghe:

–Phàm được làm người là khó, đạt được đạo Vô thượng cũng vậy. Mạng người khó được, Phật ra đời khó gặp. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trải qua vô số kiếp, lúc còn làm Bạch y, đã dày công tích đức, mỗi đời luôn tự chế ngự tâm ý, lần lượt nơi năm đường, không tham của cải, châu báu mà còn đem cả thân mình bố thí, cho đến khi làm Thái tử, nửa đêm ngày mộng tám tháng tư, lúc sao mai vừa mọc, hạ sinh liền đi bảy bước, đưa tay phải lên mà nói: "Trên trời dưới trời, ta sẽ vì muôn dân mà làm thầy". Khi Thái tử ra đời, trời đất đều chấn động lớn. Phạm thiên nơi tầng trời thứ bảy, Đế Thích, Thiên vương, nơi cõi trời Đao-lợi, tầng trời thứ hai (*trong sáu tầng trời cõi Dục*) và Tứ Thiên vương, tầng trời thứ nhất đều giáng hạ, cầm mười hai loại nước hương thơm và nhiều thứ hoa, để tắm rửa thân thể của Thái tử. Thái tử nguyện sẽ thành Phật, đem đạo pháp mở bày dẫn dắt cho hàng trời, người.

Đức Phật bảo muôn dân trong thiên hạ:

–Chư Phật nơi mười phương đều lấy ngày mộng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày Đản sinh. Chư Phật nơi mười phương đều

lấy ngày mồng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày xuất gia vào núi tu hành học đạo. Chư Phật nơi mười phương đều lấy ngày mồng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày đắc Phật đạo. Chư Phật nơi mười phương đều lấy ngày mồng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày nhập Niết-bàn.

Phật lại nói:

–Sở dĩ dùng ngày mồng tám tháng tư, vì sự giao mùa giữa mùa Xuân và mùa Hạ, tai họa và oan chướng đều hết sạch, vạn vật sinh sôi nảy nở khắp nơi, khí độc chưa chuyển động, thời tiết không lạnh không nóng, điều hòa, dễ chịu, nên Phật sinh vào ngày ấy. Mọi người dân trong thiên hạ cùng nhớ nghĩ đến công đức của Phật thì nên tể hình tượng Đức Phật như khi Phật còn tại thế, do đó nên chỉ rõ cho mọi người.

Phật nói:

–Khi ta còn làm Bồ-tát ở đời, ba mươi sáu lần trở lại làm Thiên vương, Đế Thích, ba mươi sáu lần trở lại làm Kim luân vương, ba mươi sáu lần trở lại làm Hoàng đế Phi Hành. Ngày nay, các Hiền giả, ai có tâm tốt, ý thiện, nhớ nghĩ ân đức của Phật Thích-ca Mâu-ni, thì hãy dùng hương hoa tắm rửa hình tượng Đức Phật, để cầu phước báo bậc nhất. Chư Thiên, Quỷ thần luôn chứng minh cho điều ấy.

Phật bảo:

–Thân người khó được, kinh Phật khó được nghe. Tự mình có thể làm giảm bớt tài sản của năm nhà, dùng để tắm rửa hình tượng Đức Phật, muốn cầu đạt đạo vô vi để độ đời sẽ được như ý nguyện, mãi mãi không cùng với sinh tử hội ngộ đều có thể được. Muốn cầu lập thân tinh tấn dũng mãnh như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thì có thể được. Muốn cầu như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, là bậc Không thoái chuyển, tướng mạo đầy đủ, bay đi khắp nơi để giáo hóa tất cả muôn loài thì có thể được. Muốn cầu chứng đắc A-la-hán, Bích-chi-phật đều chi có thể được. Muốn cầu cắt đứt, đóng kín gốc rễ nơi ba đường ác, sinh lên cõi trời, người đều có thể được. Muốn cầu làm Phạm thiên nơi tầng trời thứ bảy và Đế Thích Thiên vương nơi cõi trời Đạo-

lợi, tầng trời thứ hai đều có thể được. Muốn làm Hoàng đế Phi Hành có thể được. Muốn trở nên giàu sang ở thế gian, có thể được. Muốn cầu sinh trong nhà của cải giàu có trăm ngàn muôn ức, có thể được. Muốn cầu có trăm ngàn con cháu, có thể được. Muốn cầu sống lâu, không bệnh tật có thể được. Người đời thà mất một miếng thịt trên thân chứ không muốn mất một đồng tiền. Con người sinh ra không mang một đồng tiền theo, chết đi cũng không mang một đồng tiền ra đi. Của cải vật chất vẫn lưu giữ lại ở đời, chết phải nhận lấy khổ sở, phiền não. Giữ gìn tiền đó để dùng tắm rửa hình tượng Phật, khi chết hay sống thì phước đó không có đoạn tuyệt.

Đức Phật nói:

–Trong ngoài cõi Diêm-phù-đề có chư Thiên, Phạm thiên, Đế Thích, Quỷ thần, Long vương đều ủng hộ người tắm rửa hình tượng Phật. Do các nhân duyên ấy nên chứng được đạo Niết-bàn của Phật.

Phật nói:

–Đem các loại nước hương thơm để tắm rửa hình tượng Phật thì đạt được phước thanh tịnh, danh thơm khắp mười phương. Đem hoa tươi tốt cúng dường Phật thì đạt được phước là dung mạo đẹp đẽ không ai thể so sánh. Đem cờ lụa cúng dường Phật thì đạt được phước là theo chỗ mình sinh tự nhiên được y phục tốt đẹp, vô giá.

Đức Phật bảo:

–Ta đã dày công tích đức, hành thiện chí thành như Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, nên mới được thành Phật. Tiền mà người tắm hình tượng Phật thu được nhiều hay ít phải chia ra làm ba phần:

1. Tiền Phật.
2. Tiền Pháp.
3. Tiền Tỳ-kheo Tăng.

Tiền Phật dùng tạo hình tượng Phật bằng vàng, bằng đồng, bằng gỗ, bằng đất, bằng cách đắp tượng hay bằng cách vẽ, dùng đồng tiền Phật để làm những việc đó. Tiền cúng dường Pháp là để xây dựng tháp, lầu, tinh xá, có phòng trong ngoài, tường vách, hàng rào, gọi là tiền Pháp. Tăng Tỳ-kheo có vạn đồng tiền mà, tới ngàn vị thì

chia đều ra. Nếu không có chúng Tỳ-kheo thì đem một phần tiền đó góp vào tiền pháp. Nếu có vài người thì cũng phân tiền đó làm ba phần, lấy ra một phần cho họ, còn lại thuộc tiền pháp và tiền tăng. Thậm chí chỉ hơn một đồng cũng không nên dùng sai lạc. Dù lấy một đồng để giúp đỡ ân nhân, thì cuộc sống cũng bị bần hàn, cùng cực, đến đời sau mãi mãi khổ nghèo. Thà dùng dao bén cắt thịt để cho ân nhân, chứ không lấy một đồng tiền tẩm Phật dùng riêng cho ân tuệ. Thà uống nước đồng sôi, chớ không lấy một đồng tiền tẩm Phật để cho phân ân tuệ. Thà tự ném thân mình trong lửa, chứ không lấy một đồng tiền tẩm Phật cho vợ con, hoặc đem dùng chúng trong sinh hoạt ăn uống hàng ngày, thì ngay nơi đời hiện tại, phải nhận lấy sợ hãi, đời sau thân hồn phải chịu thống khổ. Ở đời có nhiều người phát tâm cầu đạt chỗ nguyện hàng ngày bố thí không tính nhiều, ít, đều hướng tới khiến được thêm nhiều, nhưng khi lo công việc xong thì mọi người trong nhà mỗi một, bữa ăn thịnh soạn, nhiều món dùng không hết thì nên để đâu.

Phật bảo:

– Ít nhiều đều phải đưa đến cấp cho Sa-môn trì pháp trong chùa, chúng Tăng tự phân chia. Người đem vật bố thí luôn muốn sinh lợi. Vậy làm thế nào để gieo trồng phước đến nơi thức ăn vào mùa xuân được phát sinh? Nếu đem thức ăn ấy phân chia hết về cho vợ con như là gieo trồng trên đá, cây khô héo không thể sống được. Nếu bố thí muốn được nhiều phước thì phải đem cúng dường chúng Tăng. Như thế là cho một mà được gấp vạn.

Pháp tẩm Phật vào ngày mồng tám tháng tư là dùng cây Đô lương, Hoắc hương, Ngải nấp, hợp ba loại cỏ thơm đó mà giã rồi ngâm sẽ được nước màu xanh. Nếu ít thơm, có thể thêm vào bằng vỏ cây Cam đại tần, rồi lấy Uất kim hương bóp mà ngâm trong nước, cứ tiếp tục vò để tạo thành nước màu đỏ; nếu ít thơm hay không có đủ thì có thể dùng thêm vào bằng, Khưu long hương, đâm giã, sau đó ngâm trong nước, để tạo ra nước màu trắng, nếu ít thơm có thể dùng Hồ phấn làm cho đủ; nếu thiếu không đủ, có thể dùng bạch phấn thêm vào. Lấy Bạch phụ tử để thay vào, đâm giã, sau đó ngâm trong nước để tạo thành màu sắc vàng. Nếu Bạch phụ tử không đủ thì có

thể dùng Chi tử thêm vào, để từ nước đen nhạt thành đen đậm, cuối cùng làm cho sạch sẽ. Bây giờ, được Tinh hoa thủy hay còn gọi là huyền thủy (*nước tím đen*). Dùng nước năm màu quan trọng đó mà rửa một cách cung kính.

Sau cùng, dùng nước sạch rửa tượng. Lấy lụa trắng bằng bông mới mềm mại lau tượng. Rồi, rửa lại lần nữa, gọi là nước thanh tịnh, phước của sự việc này, cùng với phước thứ nhất không khác.







SỐ 697

## KINH DỤC TƯỢNG CÔNG ĐỨC

*Hán dịch: Đời Đường, Pháp sư Bảo Tư Duy,  
người nước Ấn Độ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Linh thú, thuộc thành Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo và vô lượng các Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Thanh Tịnh Tuệ, suy nghĩ: “Vì nhân duyên gì mà các Đức Phật Như Lai được thân thanh tịnh?” Lại nghĩ tiếp: “Như Đức Phật ở đời, được chúng sinh gần gũi cúng dường, sau khi nhập diệt thì cúng dường xá-lợi, hai hạng người cúng dường ấy, phước đức, công đức đạt được có như nhau chăng?”. Suy nghĩ xong, liền nương theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Đức Phật, Như Lai vì nhân duyên gì mà có thân tướng thanh tịnh? Như Đức Phật ở đời được chúng sinh gần gũi cúng dường, sau khi Phật nhập diệt thì cúng dường xá-lợi, hai hạng người cúng dường ấy, phước đức, công đức đạt được có như nhau không?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Nay ông có thể vì các chúng sinh đời vị lai mà thưa hỏi như thế. Ông phải khéo lắng nghe, nay ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

– Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Con xin muốn nghe.

Đức Phật bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

– Các Đức Phật, Như Lai vì cầu đạo Bồ-đề vô thượng mà từ thời xa xưa đã tu tập hết thấy pháp Phật như Tam-muội, Giới, Định, Nhẫn nhục, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Lực, Vô sở úy, Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh rốt ráo, do đó Như Lai được thân thanh tịnh. Lại dùng hương hoa, lọng, cờ để cúng dường, lại nước thơm để tắm rửa thân thể Như Lai; dùng lọng quý che khắp trên thân của Ngài, dùng các món thức ăn, tấu nhạc, đàn ca, tán vịnh Đức Như Lai, đem công đức này hướng về Nhất thiết chủng trí thì đạt được công đức vô lượng, vô biên, thành tựu được đạo Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Vì trí tuệ của Như Lai là vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn, phước đức mà Đức Phật có cũng lại như thế.

Này Thanh Tịnh Tuệ! Sau khi Như Lai nhập diệt, có hai loại xá-lợi:

1. Pháp thân.
2. Hóa thân.

Nếu các thiện nam, thiện nữ nào, cúng dường xá-lợi, tạo dựng hình tượng Đức Phật cho dù nhỏ như hạt lúa mạch, xây tháp giống như hình quả Am-la đỉnh tháp nhọn như mũi kim khâu, lọng che giống như bèo nổi, đặt viên xá-lợi của Phật nhỏ như hạt cải ở trong bảo tháp ấy thì công đức người đó đạt được cũng như người cúng dường khi Như Lai còn ở đời không khác. Người như thế thì được mười lăm loại công đức:

1. Tâm được tịnh niệm.
2. Tâm được thuận theo pháp.
3. Tâm luôn hổ thẹn.
4. Được thấy Đức Như Lai
5. Phát khởi lòng tin trong sạch.
6. Có thể giữ gìn chánh pháp.
7. Hành trì đúng như lời nói.
8. Được gần gũi các Đức Phật.

9. Tùy ý được sinh vào các cõi nước của chư Phật.
  10. Nếu như sinh trong cõi người thì sinh vào dòng họ cao quý, tâm nhu hòa, dịu dàng, được mọi người kính trọng.
  11. Vừa sinh trong cõi đời tâm liền nhớ nghĩ đến Đức Phật.
  12. Các chúng ma quân không thể quấy nhiễu.
  13. Vào thời mạt pháp có thể hộ trì chánh pháp.
  14. Thường được các Đức Phật khắp mười phương luôn che chở, hộ trì.
  15. Mau chóng thành tựu được năm phần Pháp thân.
- Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Hãy dùng tâm thanh tịnh  
 Sau khi Như Lai diệt  
 Người cúng dường xá-lợi  
 Hoặc tạo các tháp miếu.  
 Và hình tượng Như Lai  
 Ở trước tháp tượng ấy  
 Quét, bày Mạn-đà-la  
 Dùng các loại hương hoa.  
 Trải khắp ở trên đó  
 Dùng các nước hương thơm  
 Mà tắm hình tượng Phật  
 Các món ăn thượng diệu.  
 Giữ sạch để cúng dường  
 Khen lạy công đức Phật  
 Khó nghĩ bàn vô lượng  
 Trí tuệ và thần thông  
 Các phương tiện thiện xảo  
 Thấy đều qua bờ giác.*

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ nghe Đức Phật Thế Tôn nói kệ xong, liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật còn ở đời và sau khi diệt độ, các chúng sinh trong đời vị lai làm thế nào để thực hiện việc tắm rửa hình

tượng Phật? Cúi xin Như Lai vì chúng sinh mà mở bày nói rõ.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ! Khi Đức Phật còn ở đời, các chúng sinh phát khởi tâm trong sạch, sau khi Phật nhập diệt, cũng phải làm như thế, không nên chấp nơi tướng có, không, đối với các pháp thiện, tâm phải mang sự khát ngưỡng cầu đạt được không sinh mệt mỏi, chán ghét. Vì sao? Vì nhằm để thành tựu Pháp thân, Báo thân như Như Lai đã thành tựu. Như Lai đã từng vì ông giảng nói bốn pháp Chân đế, mười hai Nhân duyên, sáu pháp Ba-la-mật. Nay Như Lai cũng vì ông mà nói về pháp tắm rửa hình tượng Phật là sự thù thắng nhất trong các sự cúng dường.

Này thiện nam! Nếu muốn tắm rửa tượng thì nên dùng cây Ngưu đầu chiên-đàn, Tử đàn đa-ma-la hương, Cam tùng, cỏ khung cùm Bạch đàn, Uất kim hương, Long não, Trầm hương, Xạ hương, Đinh hương, dùng các loại hương thơm như thế, tùy theo vật ấy mà lấy nấu với nước nóng, đựng trong đồ sạch. Trước tiên lập đàn tràng nơi chỗ đất vuông vức, trang hoàng sàn tọa đẹp đẽ, đặt tượng Đức Phật ở trên ấy, dùng thứ tự các nước hương thơm để tắm rửa hình tượng Ngài. Dùng các nước hương tắm hình tượng xong, lại lấy nước sạch tắm gội vài lần lên tượng đó, mỗi thứ chọn lấy một ít nước để tắm rửa, đốt các loại hương đặt trên đầu mình để làm pháp cúng dường. Lúc đầu, dùng nước rưới từ trên đầu tượng cho tới xuống dưới, nên đọc bài kệ dưới đây:

*Nay con rưới tắm thân Như Lai*

*Chứa trang nghiêm: Công đức, trí tịnh*

*Khiến chúng sinh xa lìa năm trược*

*Nguyện chứng Pháp thân Như Lai tịnh.*

Khi đốt hương nên đọc bài kệ sau đây:

*Hương giới, định, tuệ, giải, tri kiến*

*Khắp mười phương cõi hương thơm tỏa*

*Xin khói hương này cũng như thế*

*Hồi hương năm thân cho tất cả.*

Đức Thế Tôn giảng nói pháp ấy xong, trong chúng có vô lượng

Đại Bồ-tát, chúng đấng Tam-muội thanh tịnh vô cấu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, vô số hàng trời, người đạt được pháp Không thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nên gọi kinh này là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Phật dạy:

– Kinh này nên gọi là kinh Tắm Gội Hình Tượng Các Đức Phật, Được Thân Thanh Tịnh, nên phụng trì như thế.

Phật giảng nói kinh xong, tất cả hội chúng đều rất hoan hỷ, tin tưởng thọ nhận và phụng hành.





SỐ 698

## KINH DỤC PHẬT CÔNG ĐỨC

*Hán dịch: Đời Đại Đường, Sa-môn Thích Nghĩa Tịnh.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn, ở tại đỉnh núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, lại có vô lượng, vô biên chúng Đại Bồ-tát, tám bộ chúng, Thiên, Long, đều vân tập đầy đủ.

Bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ngồi trong chúng hội, vì thương tưởng đến các hữu tình, nên khởi ý tư duy: “Vì nhân duyên gì, các Đức Phật Như Lai, được thân thanh tịnh, tướng tốt đầy đủ?”

Lại nghĩ tiếp: “Các loại chúng sinh được gặp Như Lai, gần gũi cúng dường, thì chỗ phước báo đạt được là vô lượng, vô biên. Chưa biết sau khi Đức Như Lai nhập diệt, các chúng sinh nên tạo sự cúng dường như thế nào, tu tập công đức gì để khiến cho các căn lành đó có thể mau chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng một cách trọn vẹn”.

Suy nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, đánh lễ dưới chân Đức Phật, quỳ gối, chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con xin muốn hỏi, xin Thế Tôn rủ lòng nghe và chấp thuận.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Tùy theo điều ông hỏi, ta sẽ giảng nói.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Các Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác vì nhân duyên gì đạt được thân thanh tịnh, tướng tốt đầy đủ? Lại có các chúng sinh được gặp Như Lai, gần gũi cúng dường thì chỗ phước báo đạt được là vô lượng, vô biên. Chưa rõ là sau khi Như Lai nhập diệt thì các chúng sinh nên tạo sự cúng dường như thế nào, tu tập các công đức gì, để cho những căn lành kia có thể mau chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng một cách rốt ráo?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Ông đã có thể vì chúng sinh nơi đời sau mà thưa hỏi như thế. Nay ông hãy lắng nghe, khéo nhớ nghĩ! Tu hành như lời nói. Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói rõ.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Dạ vâng, thưa Thế Tôn! Chúng con xin muốn nghe!

Phật bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Này thiện nam! Nên biết, Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Tịch lự, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, lực Vô sở úy, Nhất thiết chủng trí, tất cả pháp Phật đều khéo thanh tịnh, cho nên Như Lai thanh tịnh. Nếu đối với chư Phật Như Lai như vậy dùng tâm thanh tịnh, cúng dường đủ các loại hương hoa, anh lạc, lọng, cờ, tòa ngồi, bày ra ở trước Đức Phật, mỗi mỗi loại đều bày biện nghiêm trang, dùng nước hương thượng diệu để tắm gội hình tượng Đức Phật, đốt hương, vận dụng tâm xông khắp pháp giới. Lại dùng thức ăn, thức uống, tấu nhạc, đàn ca, tán vịnh công đức bất cộng của Như Lai, phát nguyện thù thắng hồi hướng về biển Nhất thiết trí vô thượng, thì đạt được vô lượng, vô biên công đức, cho đến đạo quả Bồ-đề luôn khiến tương tục. Vì sao? Vì phước đức và trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn, là vô số, không thể so sánh.

Này thiện nam! Các Đức Phật, Thế Tôn có đầy đủ ba thân: Pháp thân, Thọ dụng thân, Hóa thân. Sau khi Như Lai Niết-bàn, nếu ai muốn cúng dường ba thân này thì nên cúng dường xá-lợi. Có hai loại:

1. Thân cốt xá-lợi.



## 2. Pháp tụng xá-lợi.

Đức Phật liền nói kệ:

*Các pháp từ duyên khởi  
Như Lai nói việc này  
Duyên hết, các pháp hết  
Đại Sa-môn giảng nói.*

Có thiện nam, tín nữ, Tỳ-kheo, năm chúng đệ tử muốn tạo hình tượng Phật, nếu không đủ sức thì làm nhỏ như hạt lúa mạch, tạo dựng tháp như hình quả táo, đỉnh tháp giống như kim khâu, vòm mái giống như mảnh trấu, xá-lợi như hạt cải, hoặc biên chép pháp tụng an trí vào trong đó. Dùng các loại châu báu, quý lạ để cúng dường, tùy theo sức của mình, luôn chí thành ân cần, như hiện thân của ta, không khác.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh, làm được sự cúng dường thù thắng như thế, thì thành tựu được mười lăm công đức để trang nghiêm thân mình:

1. Thường có hổ thẹn.
2. Khởi lòng tin thanh tịnh.
3. Tâm mình luôn ngay thẳng.
4. Gần gũi bạn lành.
5. Thể nhập vào trí tuệ vô lậu.
6. Thường được thấy các Đức Phật.
7. Luôn thọ trì chánh pháp.
8. Luôn làm đúng như lời nói.
9. Tùy ý sinh về cõi nước thanh tịnh của Phật.
10. Nếu sinh nơi loài người thì sinh trong dòng họ lớn, tôn quý, được mọi người sinh tâm hoan hỷ, kính trọng.
11. Sinh ở trong loài người tự nhiên nhớ nghĩ về Phật.
12. Các loại quân ma không thể làm tổn hại.
13. Có thể hộ trì chánh pháp ở đời mạt pháp.
14. Được mười phương chư không gia hộ.
15. Mau chóng thành tựu được năm phần Pháp thân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Sau khi ta nhập diệt  
Xá-lợi được cúng dường  
Hay tạo dựng bảo tháp  
Và hình tượng Như Lai.  
Nơi chốn tượng tháp ấy  
Quét bày Mạn-trà-la  
Dùng các loại hương hoa  
Bày biện khắp trên đó.  
Dùng nước hương tinh khiết  
Rưới lên thân tượng ấy  
Dâng cúng các món ăn  
Hết thầy để cúng dường.  
Tán thán Đức Như Lai  
Khó nghĩ bàn vô lượng  
Trí thần thông phương tiện  
Mau qua đến bờ kia.  
Đạt được thân Kim cang  
Đủ ba mươi hai tướng  
Và tám mươi vẻ đẹp  
Cứu giúp các quần sinh.*

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ nghe kệ xong, liền bạch:

–Chúng sinh nơi đời vị lai nên tắm rửa tượng như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Các ông nên khởi tâm chánh niệm đối với Như Lai, chớ nên vọng chấp nơi nhị biên có, không, đối với các pháp thiện nên có sự khát ngưỡng cầu đạt, không chán, nơi ba môn giải thoát khéo tu tập trí tuệ, chớ bám víu nơi sinh tử luôn cầu xa lìa, luôn khởi tâm đại Từ bi đối với các chúng sinh, nguyện được mau chóng thành tựu ba loại thân.

Này thiện nam! Ta đã vì ông giảng nói bốn Chân đế, mười hai Duyên sinh, sáu pháp Ba-la-mật. Nay cũng lại vì ông và các quốc

vương, vương tử, đại thần, hoàng hậu, cung phi các chúng trời, người, quý, rồng, mà giảng nói về pháp tắm rửa tượng, là pháp tối thượng nhất trong các pháp cúng dường hơn hẳn việc dùng bảy báu, số lượng nhiều như cát sông Hằng để bố thí. Khi tắm rửa tượng thì nên dùng cây Ngũ đầu chiên-đàn, Bạch đàn, Tử đàn, Trầm thủy, Huân lục, Uất kim hương, Long não hương, Linh lăng, Hoắc hương... ở trên miếng đá sạch, mài làm bột hương, rồi chế ra nước hương đựng trong đồ sạch. Ở chỗ thanh tịnh, chọn nơi đất tốt, đắp đàn vuông hay tròn, tùy lúc hoặc lớn hoặc nhỏ, trên ấy tượng Phật nơi sàn tọa để tắm. Dùng các loại nước hương trong sạch, thanh khiết để tắm Phật, sau đó, dùng nước sạch tắm lại. Nước tắm rửa tượng Phật nên lọc sạch, chớ để làm tổn hại côn trùng. Nước tắm rửa tượng Phật còn lại trên đỉnh đầu, nhỏ giọt xuống hai ngón tay, gọi là nước an lành, nước chảy xuống đất sạch chớ để chân giẫm đạp, dùng khăn mềm lau tượng cho sạch, đốt các loại hương quý, thơm ngào ngạt tỏa khắp nơi, đặt hương thơm nơi trước tượng Phật.

Này thiện nam! Do việc làm tắm rửa tượng Phật như thế, nên có thể khiến cho các ông cũng như đại chúng trời, người, ngay nơi đời hiện tại được giàu sang, vui vẻ không bệnh, sống lâu thêm tuổi, mọi chỗ nguyện cầu đều được như ý, bạn bè, quyến thuộc, thân thích, đều được an ổn, chấm dứt hẳn tám nạn, xa lìa nguồn gốc của khổ đau, không còn thọ thân người nữ, mau chóng thành tựu Chánh giác. Sắp đặt như vậy xong, thì đốt các loại hương, đối diện trước tượng Phật, chắp tay thành kính đọc bài tán:

*Nay con tắm các thân Như Lai  
Nhóm trang nghiêm công đức trí tuệ  
Nguyện loài chúng sinh năm trước kia  
Mau chứng Pháp thân Như Lai tịnh.  
Hương giới, định, tuệ, giải, tri kiến  
Khấp cõi mười phương thoảng hương thơm  
Xin khói hương này cũng như thế  
Làm việc Phật vô lượng, vô biên.  
Cũng xin dứt vòng khổ ba đường*

*Khiến được mát mẻ, dứt trừ nóng  
 Điều phát tâm Bồ-đề vô thượng  
 Xa lìa sông ái qua bờ kia.*

Phật giảng nói bài kinh này xong, trong chúng hội có vô lượng, vô biên Bồ-tát đạt được Tam-muội Vô cấu; vô lượng chư Thiên được trí Bất thoái chuyển, các chúng Thanh văn dốc nguyện đạt quả Phật, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thật may mắn được Bậc Đại Sư từ bi thương xót vì chúng con giảng dạy pháp tẩy rửa hình tượng.

–Con nay xin sẽ hết sức khuyến bảo các hàng quốc vương, đại thần, tất cả những người có lòng tin ưa làm tạo các công đức hằng ngày, luôn tẩy rửa thân tượng tôn quý của Như Lai, sẽ đạt được lợi ích lớn, thường nên đánh lễ Phật, hoan hỷ tín thọ, phụng hành.



SỐ 699

## KINH TẠO THÁP CÔNG ĐỨC

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Địa-bà-ha-la,  
tức Nhật Chiếu, người Trung Ấn Độ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại cung trời Đao-lợi, ngự trên tòa bạch ngọc cùng với vô lượng chúng đại Tỳ-kheo, chúng Đại Bồ-tát và Thiên chủ cõi trời ấy hội đủ.

Bấy giờ, có Đại phạm Thiên vương, trời Na-la-diên, trời Đại tự tại và năm loại Càn-thát-bà vương... cùng các quyến thuộc, đều vân tập đến chỗ Đức Phật. Họ muốn hỏi Như Lai về phương pháp tạo dựng tháp và số lượng công đức do tạo dựng tháp mà đạt được. Lúc này trong chúng hội có Bồ-tát Quán Thế Âm, biết ý của chư Thiên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay có các chư Thiên, Càn-thát-bà..., đã đến nơi đây, muốn thỉnh Như Lai giảng nói phương pháp tạo dựng tháp và số lượng công đức do tạo dựng tháp mà có được. Xin Thế Tôn vì họ mà giảng nói rõ cho hết thảy vô lượng chúng sinh được lợi ích.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Này Thiện nam! Nếu chư Thiên, hiện tại ấy và hết thảy chúng sinh ở đời vị lai, tùy địa điểm nào chưa có tháp thì có thể tạo dựng tháp ở nơi đó. Chiều cao của tháp vượt quá ba cõi, cho đến nhỏ nhất thì bằng quả Am-la, đỉnh tháp cao vút tới cõi trời Phạm thiên cho đến

nhỏ nhất thì như kim khâu. Vòm che của tháp trùm che khắp đại thiên, cho đến nhỏ nhất thì như lá táo. Trong tháp cung trí xá-lợi của Như Lai như tóc, răng, râu, móng tay, nhỏ nhất là một phân, hoặc đặt để mười hai bộ kinh thuộc Pháp tạng của Như Lai, cho đến ít nhất là một bài kệ bốn câu, thì công đức của người tạo dựng ấy ngang bằng công đức trời Phạm thiên. Sau khi mạng chung sinh, lên cõi Phạm thế, hết thọ mạng thì sinh vào cõi trời Ngũ tịnh cư, cùng các chư Thiên nơi cõi ấy không khác.

Này thiện nam! Sự việc ta vừa giảng nói như vậy là nhân duyên về lượng công đức của việc tạo tháp. Ông cùng chư Thiên phải nên tu học.

Bồ-tát Quán Thế Âm lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Như Lai giảng nói về việc bày biện xá-lợi và pháp tạng, con đã thọ trì, nhưng con không hiểu ý nghĩa nơi bốn câu kệ của Như Lai đã nêu. Xin Như Lai vì con mà phân biệt giảng nói rõ.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nhân duyên sinh các pháp*

*Ta nói là nhân duyên*

*Nhân duyên hết nên diệt*

*Ta đã nói như thế.*

Này Thiện nam! Ý nghĩa của bài kệ như thế gọi là Pháp thân của Phật. Ông nên ghi chép trong tháp ấy. Vì sao? Vì hết thấy là nhân duyên và chính nơi ấy sinh ra pháp tánh vắng lặng, do đó ta nói là Pháp thân. Nếu có chúng sinh nào hiểu rõ về ý nghĩa của nhân duyên như thế, nên biết người ấy tức là thấy Phật.

Bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm, chư Thiên, hết thấy đại chúng, Càn-thát-bà..., nghe Đức Phật giảng nói đều rất hoan hỷ, tin thọ và phụng hành.



SỐ 700

# KINH CÔNG ĐỨC NHIỀU BÊN PHẢI THÁP PHẬT

*Hán dịch: Đời Đại Chu, Sa-môn Tam tạng Thật-xoa-nan-đà,  
người nước Vu-điền.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật tại tinh xá Kỳ hoàn thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo và vô lượng dân chúng trước sau vây quanh Phật. Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Đức Phật, dùng kệ thưa:

*Đại oai Đức Thế Tôn  
Xin nói cho chúng con  
Quả báo sẽ đạt được  
Do hữu nhiều tháp Phật.*

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Những công đức có được  
Do hữu nhiều tháp Phật  
Nay ta nói chút ít  
Các ông khéo lắng nghe.  
Tất cả các Trời, Rồng  
Dạ-xoa, chúng Quỷ thần  
Đều gần gũi cúng dường*

Do nhiều bên phải tháp.  
 Sống bất cứ nơi nào  
 Đều xa lìa tám nạn  
 Thường sinh nơi an ổn  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Sống bất cứ nơi nào  
 Luôn luôn có trí tuệ  
 Đầy đủ sắc tướng đẹp  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Sống trong cõi trời, người  
 Phước nhiều lại sống lâu  
 Thường được danh tiếng thơm  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Ở cõi Diêm-phù-đề  
 Thường sinh nhà tôn quý  
 Thuộc dòng họ thanh tịnh  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Dung mạo được xinh đẹp  
 Giàu có, nhiều của báu  
 Thường được phong ấp lớn  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Cửa cải luôn có nhiều  
 Nhưng tâm không keo kiệt  
 Mạnh mẽ thường bố thí  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Sắc tướng đẹp vô cùng  
 Ai thấy cũng thích nhìn  
 Thường sống nơi an lạc  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Hoặc làm Sát-lợi vương  
 Có đủ vợ và con  
 Oai đức rất tự tại  
 Do nhiều bên phải tháp.



*Hoặc làm Bà-la-môn  
Giữ giới, giỏi thông đạt  
Chú thuật kinh Vệ-đà  
Do nhiều bên phải tháp.  
Hoặc làm đại trưởng giả  
Giàu sang nhiều tài sản  
Kho lẫm luôn tràn đầy  
Do nhiều bên phải tháp.  
Hoặc làm Chánh pháp vương  
Tự tại vương Diêm-phù  
Đâu-suất đều quy phục  
Do nhiều bên phải tháp.  
Hoặc làm Chuyển luân vương  
Quyền lớn, đủ bảy báu  
Dùng mười thiện độ sinh  
Do nhiều bên phải tháp.  
Được sinh lên cõi trời  
Luôn có oai đức lớn  
Luôn tin nơi pháp Phật  
Do nhiều bên phải tháp.  
Tịnh tin sớm thành tựu  
Không mê chấp các pháp  
Thấy các hành đều không  
Do nhiều bên phải tháp.  
Hết mạng sống trên trời  
Sinh xuống chốn nhân gian  
Vào thai không mê loạn  
Do nhiều bên phải tháp.  
Lúc ở trong thai mẹ  
Không nhiễm các cấu uế  
Như ngọc Ma-ni sạch  
Do nhiều bên phải tháp.  
Trong thai và khi sinh*

Thân mẫu thường an lạc  
 Uống sữa cũng an nhiên  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Cha mẹ và bà con  
 Mọi người đều nuôi dưỡng  
 Nhũ mẫu luôn bên cạnh  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Quyến thuộc đều thương mến  
 Hơn cả cha mẹ mình  
 Tài sản ngày thêm nhiều  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Dạ-xoa, các ác quỷ  
 Không hề làm kinh sợ  
 Cần gì tự nhiên được  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Trải qua trăm ngàn kiếp  
 Thân thể thanh tịnh dần  
 Đầy đủ sắc tướng đẹp  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Mắt sạch, dài, lại rộng  
 Giống như cánh sen xanh  
 Lại được Thiên nhãn tịnh  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Sắc thân đẹp, đầy đặn  
 Các tướng tự trang nghiêm  
 Thành tụ oai lực lớn  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Sinh vào cung Đế Thích  
 Thế lực lớn tự tại  
 Làm Thiên chủ Đạo-lợi  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Sinh cõi Tu-dạ-ma  
 Cõi trời Đâu-suất-đà

*Hóa lạc và Tha hóa  
Do nhiều bên phải tháp.  
Hoặc sinh nơi Phạm thiên  
Phạm thế đại tự tại  
Các trời thường cúng dường  
Do nhiều bên phải tháp.  
Trái ức na-do kiếp  
Thường được những người trí  
Cung kính và cúng dường  
Do nhiều bên phải tháp.  
Thân thể và y phục  
Ức kiếp thường không nỡ  
Đầy đủ pháp Bạch tịnh  
Do nhiều bên phải tháp.  
Đủ sức tinh tấn lớn  
Siêng tu các hành pháp  
Chưa từng có lười, mỗi  
Do nhiều bên phải tháp.  
Dũng mãnh, thường tinh tấn  
Bền vững không thể hoại  
Việc làm mau thành tựu  
Do nhiều bên phải tháp.  
Tiếng vi diệu sâu xa  
Người nghe đều vui mừng  
An lạc, thường không bệnh  
Do nhiều bên phải tháp.  
Theo lời ta giảng dạy  
Chán bỏ khổ ba cõi  
Thành tựu trí xuất thế  
Do nhiều bên phải tháp.  
Thường sống trong giáo pháp  
Bốn Niệm xứ, Chánh cần  
Bốn Như ý, Thần túc*

Do nhiều bên phải tháp.  
 Hiểu rõ bốn Chân đế  
 Căn, Lực, bảy Giác chi  
 Chánh đạo và Thánh quả  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Đẹp hết thấy phiền não  
 Đầy đủ oai đức lớn  
 Sáu Thần túc vô lậu  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Dứt hẳn tham, sân, si  
 Và tất cả chướng ngại  
 Chứng Độc giác Bồ-đề  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Được sắc thân vàng ròng  
 Tướng tốt trang nghiêm thân  
 Làm thầy của trời, người  
 Do nhiều bên phải tháp.  
 Do đem thân, ngữ nghiệp  
 Khen ngợi và hữu nhiều  
 Tháp của Phật Thế Tôn  
 Được lợi ích lớn này.  
 Công đức hữu nhiều tháp  
 Các Đức Phật Thế Tôn  
 Ta theo lời thầy hỏi  
 Lược nói không thể hết.

Nghe Đức Phật nói kệ rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng hội chúng đều vui mừng khôn xiết, tin thọ phụng hành.



SỐ 701

# KINH ÔN THẤT TẨY DỤC CHÚNG TĂNG

(XÂY NHÀ TẮM CÚNG TĂNG)

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao,  
người nước An Tức.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà. Bấy giờ, trong thành có một Đại trưởng giả, con của Nại-nữ, tên là Kỳ-vực. Ông là thầy thuốc giỏi, chữa trị nhiều thứ bệnh.

Thuở nhỏ, Kỳ-vực hiếu học, tài nghệ hơn người, thông đạt ngũ kinh, thiên văn, địa lý, những người được ông ta chữa trị đều khỏi bệnh, người chết sống lại, người bị xe cán cũng lành. Công đức của ông ấy rất nhiều, không thể nói hết, tám nước đều tôn ngưỡng, ai thấy cũng vui mừng.

Một đêm nọ, bỗng nhiên Kỳ-vực nghĩ: “Ngày mai ta nên đến chỗ Phật, thưa hỏi những sự nghi ngờ.” Sáng hôm sau, Kỳ-vực bảo mọi người trong nhà sửa soạn đi đến chỗ Phật. Tới cửa tinh xá, thấy Đức Phật oai nghiêm tươi sáng, hào quang chiếu khắp trời đất, bốn chúng ngồi xung quanh cả mấy vạn người, ai nấy đều nhất tâm lắng nghe Phật thuyết pháp. Kỳ-vực cùng quyến thuộc bèn xuống xe đi thẳng đến lạy sát chân Phật và ngồi qua một bên.

Đức Phật khen:

–Lành thay! Hãy đến đây, Y vương! Muốn hỏi gì cứ hỏi, đừng nghi ngờ.

Kỳ-vực quỳ gối thưa với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tuy sống ở đời, nhưng làm người quê mùa, theo hàng thế tục, chưa từng làm phước. Hôm nay con xin thỉnh Phật cùng Tỳ-kheo Tăng và các Bồ-tát, Đại sĩ vào nhà ấm tắm rửa, nguyện cho chúng sinh trong cõi sinh tử luôn được thanh tịnh, trừ sạch nhơ ố, không gặp các hoạn nạn, xin Phật chấp nhận nguyện của con.

Đức Phật bảo Y vương:

–Hay thay! Ý kiến hay! Ông đã chữa bệnh cho mọi người xa gần đều hết bệnh, ai cũng hoan hỷ. Nay lại thỉnh Phật và chúng Tăng vào nhà ấm tắm rửa, muốn cấp các thứ thuốc ở mười phương trị bệnh và tẩy trừ các thứ cấu ố, phước đó là vô lượng. Ông hãy nhất tâm lắng nghe! Ta sẽ giảng nói về phước báo của công đức xây nhà tắm cúng Tăng cho ông rõ.

Đức Phật bảo Kỳ-vực:

–Pháp tắm rửa là dùng bảy vật, trừ bảy bệnh, được bảy phước đức. Bảy vật ấy là gì?

1. Đốt lửa.
2. Nước sạch.
3. Táo đậu.\*
4. Dầu thoa.
5. Tro.
6. Bàn chải.
7. Nội y.

Trừ bảy thứ bệnh:

1. Bốn đại an ổn.
2. Trừ bệnh gió.
3. Trừ bệnh tê liệt.

---

\* Một loại bột được làm bằng các loại đậu, dùng để tẩy sạch những vết dơ trên thân thể hoặc quần áo.

4. Trừ bệnh lạnh.

5. Trừ bệnh nhiệt khí.

6. Trừ nhơ uế.

7. Thân thể nhẹ nhàng, mắt sáng suốt.

Đó là trừ bảy bệnh cho của chúng Tăng.

Cúng dường như thế được bảy phước đức. Đó là:

1. Bốn đại không bệnh, sinh hoạt thường an ổn, khỏe mạnh, tráng kiện, mọi người kính ngưỡng.

2. Có cuộc sống thanh tịnh, thân thể đoan nghiêm, bụi nước không dính, được người tôn kính.

3. Thân thường thoảng mùi thơm, y phục sạch sẽ, ai thấy cũng vui mừng và tôn kính.

4. Da trơn mịn, đức lớn uy sáng, ai thấy đều cung kính khen ngợi, không ai bì kịp.

5. Nhiều người hầu hạ, phủi dũ bụi nhơ, tự nhiên được phước, thường biết đời trước.

6. Răng trắng, ngay đẹp, thoảng mùi thơm, dạy bảo điều gì ai cũng nghe theo.

7. Sinh ở nơi đâu, y phục tự nhiên đầy đủ trang sức các vật báu, ai thấy cũng kính sợ.

Đức Phật lại bảo y vương Kỳ-vực:

–Người cúng dường việc tắm rửa cho chúng Tăng và các bậc khai sĩ được bảy phước đức như vậy. Nhờ nhân duyên này hoặc làm quan, vua, hoặc làm thần mặt trời, mặt trăng, Tứ Thiên vương, hoặc làm Đế Thích, Chuyển luân thánh vương, hoặc sinh lên cõi Phạm thiên, thọ vô lượng phước báo hoặc làm Bồ-tát phát tâm đạt địa đều thành tựu trọn vẹn, được thành Phật. Nhờ nhân duyên cúng dường chúng Tăng là ruộng phước vô lượng, nên mọi thứ lụt lội, hạn hán không gây hại được.

Lúc đó, Đức Thế Tôn lại đọc kệ tụng cho Kỳ-vực nghe:

*Ta xem trong ba cõi*

*Trời người hưởng phước báo*

Đạo đức không hạn lường  
 Lắng nghe ta giảng nói:  
 Người sống ở cõi đời  
 Doam nghiêm được người kính  
 Thể tánh thường thanh tịnh  
 Do xây nhà tắm Tạng.  
 Hoặc làm bậc Đại thần  
 Của nhiều, thường an ổn  
 Trung dũng lại hiền lương  
 Ra vào không ngăn ngại.  
 Nói năng được người tin  
 Thân thể thường sạch thơm  
 Thông dong lại đẹp đẽ  
 Do xây nhà tắm Tạng.  
 Hoặc sinh nhà Thiên vương  
 Đời sống thường sạch sẽ  
 Tắm rửa bằng nước thơm  
 Xông thân bằng cỏ thơm.  
 Thân hình khác mọi người  
 Ai thấy cũng mừng vui  
 Đây là nhờ phước báo  
 Xây nhà tắm cúng Tạng.  
 Tứ Thiên vương đệ nhất  
 Thống lãnh cả bốn phương  
 Thân đoan nghiêm, sáng đẹp  
 Oai đức giữ bốn cõi.  
 Mặt trời, trăng, các sao  
 Soi chiếu trừ u tối  
 Do xây nhà tắm Tạng  
 Phước báu vang khắp nơi.  
 Trời Đao-lợi đệ nhị  
 Đế Thích tên Nhân-đà  
 Thành báu gồm sáu lớp



Bấy bấu làm cung điện.  
 Bậc Tôn thiên dũng mãnh  
 Đoan nghiêm được sống lâu  
 Do xây nhà tắm Tăng  
 Phước ấy không gì sánh.  
 Hoặc làm Chuyển luân vương  
 Bấy bấu dẫn đi trước  
 Đến khắp hết bốn biển  
 Tám vạn tư bình mã.  
 Bấu sáng chiếu ngày đêm  
 Ngọc nữ thân xinh đẹp  
 Tùy thời cung cấp vật  
 Do xây nhà tắm Tăng.  
 Trời Hóa ứng đệ lục  
 Độc tôn trong Dục giới  
 Đầy đủ tướng trời sáng  
 Oai linh vang sáu trời.  
 Được cam lộ tự nhiên  
 Kỹ nữ thường ở bên  
 Phước đức khó khen hết  
 Do xây nhà tắm Tăng.  
 Phạm ma, Tam bát thiên  
 Cõi Tịnh cư tự tu  
 Tịnh hạnh không cấu uế  
 Không còn thọ thân nữ.  
 Phạm hạnh tự sửa mình  
 Chí hướng đến Nê-hoàn  
 Được sinh cõi trời ấy  
 Do xây nhà tắm Tăng.  
 Phật, tôn quý ba cõi  
 Tu đạo rất siêng năng  
 Chứa nhóm trong nhiều kiếp  
 Nay mới được chân đạo.

*Thân thể như vàng ngọc  
 Bụi trần không bám vướng  
 Đầy đủ tướng tròn sáng  
 Do xây nhà tấm Tăng.  
 Chư Phật nhờ tu được  
 Siêng năng tu mọi hạnh  
 Bố thí khắp ba cõi  
 Không thiếu sót nơi nào.  
 Thánh tôn của chúng Tăng  
 Ruộng phước lành bốn đường  
 Đạo đức từ ấy sinh  
 Hạnh này thật vi diệu.*

Nói kệ xong, Đức Phật lại bảo trưởng giả Kỳ-vực:

–Ta xem các hàng trời, người trong ba cõi cao thấp không đồng, phước đức có nhiều ít đều là do đời trước dụng tâm khác nhau nên thọ quả báo khác nhau như thế. Người hưởng được phước báo đều do xây nhà tấm cúng dường Tăng.

Đức Phật giảng nói kinh xong, Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì? Làm thế nào để khuyên mọi người tu theo.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Kinh này tên là Xây Nhà Tấm Cúng Tăng. Đó là kinh chư Phật đều giảng nói không phải chỉ mình ta. Người nào thực hành thì đạt được độ thoát, không phải do thần ban cho. Người nào cầu phước thanh tịnh thì nên phụng hành.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Trưởng giả Kỳ-vực và quyến thuộc đều vui mừng, chứng đạo Tu-đà-hoàn, đảnh lễ Phật, xin phép trở về chuẩn bị vật dụng. Mọi người trong chúng đều được Đạo tích, cùng lễ Phật, lui ra.



SỐ 702

# KINH THÍ ĐĂNG CÔNG ĐỨC

(CÔNG ĐỨC CÚNG ĐÈN)

*Hán dịch: Đời Cao Tề, Đại sư Na-liên-đề-da-xá,  
người nước Thiên Trúc.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, tại tinh xá Kỳ hoàn thuộc nước Xá-vệ, Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đức Phật có bốn pháp thiện thắng diệu có thể làm cho chúng sinh được vô lượng phước báo, vô lượng ánh sáng, vô lượng sắc đẹp, vô lượng tạng phước, vô lượng tạng lạc, vô lượng tạng: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, biện tài và tất cả pháp vô lậu, dứt mọi chấp trước.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bốn pháp đó:

1. Như Lai là Bạc Ứng Cúng Chánh Biến Tri, được Giới ba-la-mật, đủ vô lượng giới.

2. Được Định ba-la-mật, đủ vô lượng định.

3. Được Tuệ ba-la-mật, đủ vô lượng tuệ, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ do quán xét thông đạt, trí tuệ như tánh, trí tuệ vô số, trí tuệ quyết định, thấy đều nhận biết.

4. Đạt được tâm không ô trước, tâm tạo tác các điều thiện thù thắng, đầy đủ giải thoát vi diệu, giải thoát đệ nhất.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đức Như Lai Chánh Biến Tri luôn xa

rời tất cả pháp ác, thành tựu tất cả pháp thiện, đầy đủ các hạnh, thấy biết đúng như thật xa lìa tối tăm, làm ánh sáng lớn, đầy đủ vô lượng hành trang phước trí, bao trùm cả thế gian, không bị ánh sáng của thế gian che khuất, được Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, đạt được pháp lực của tất cả chư Phật, có thể gồm đủ pháp lực của chư Phật, đạt đủ lực đại Từ bi, lực biện tài của chư Phật. Phương tiện của bản nguyện đều được viên mãn, khéo tu bản nghiệp, đủ ngọc báu trí tuệ, tinh tấn không lười, chẳng hề dừng nghỉ, xa các buồn phiền không bị bức nã, không đắm chấp, khéo điều phục, là rồng chúa lớn, không có các tập khí, còn sót lại là ruộng phước vô thượng cho tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phát tâm thanh tịnh vì cầu phước đức, vì ưa thích phước đức mà niệm tưởng Như Lai, là bậc có phương tiện vô thượng, đầy đủ bốn hạnh, hoàn toàn không còn sinh tử trong đời vị lai, đời hiện tại đã thành tựu vô lượng, vô số giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cho đến chỉ niệm tưởng một loại công đức của Phật. Niệm tưởng về công đức mà Như Lai đã ở trong vô lượng ức na-do-tha, trăm ngàn kiếp tu tập thiện căn, ba minh, tạo phước điền, trì giới thanh tịnh, giới không gì sánh bằng, vượt hơn vô lượng công đức chân thật, cho nên đối trước tháp miếu, hình tượng, dâng cúng đèn sáng cho đến dùng một chút tim đèn hoặc dầu để đốt, dù ánh sáng đó chỉ chiếu rọi một lễ đường, thì này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức ấy, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể nhận biết được, chỉ có Đức Như Lai mới có thể biết rõ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức của người cầu quả báo thế gian hãy còn như thế, huống gì là phước đức của thiện nam, thiện nữ dùng tâm thanh tịnh sâu xa, vui thích không mong quả báo, với sự cung kính, luôn luôn niệm tưởng đến công đức của Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức chiếu rọi một lễ đường hãy còn như vậy, huống chi là chiếu rọi một con đường, hai con đường, ba con đường, bốn con đường, hoặc chiếu một tầng, hai tầng... nhiều tầng của ngọn tháp, hoặc chiếu một mặt, hai mặt cho đến bốn mặt tháp và hình tượng Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cây đèn sáng ấy hoặc có lúc bị tắt nhanh hoặc bị tắt vì gió thổi, dầu hết, tim lụn, hay cả hai thứ cùng hết nên bị tắt. Ví những con rồng vì sân giận mà giăng mây khắp nơi, bên trong ấy phát sinh ánh chớp vừa sáng lên liền diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và những người không thọ giới nào, vì thích pháp thiện, vì bảo hộ thân mình, tin Phật, Pháp, Tăng mà dâng cúng đèn sáng ở tháp miếu Phật, dù chỉ một khoảng thời gian ngắn, thì ruộng phước đức dâng cúng một chút đèn sáng đó sẽ được là vô lượng, phước đức ấy chỉ có chư Phật mới nhận biết, tất cả hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không thể biết được. Phước báo nhận được từ công đức thắp một đèn sáng nhỏ thật không thể nói hết.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn, chỉ có chư Phật Như Lai mới nhận biết diệu nghĩa ấy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức của người cúng đèn là vô lượng, vô biên, không thể tính đếm, chỉ có chư Phật Như Lai mới có thể thấu tỏ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thắp một ngọn đèn nhỏ mà đạt được phước đức hãy còn không thể tính kể như thế, huống gì là sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nào tự thắp, hoặc bảo người thắp một ngọn đèn, hai ngọn đèn cho đến nhiều ngọn đèn, cùng đem hương hoa, anh lạc, cờ phướn, lọng báu và những vật thù thắng vi diệu khác để cúng dường chùa tháp Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Có bốn pháp nên tin thọ đó là:

1. Pháp Phật khôn lường nên tin thọ.
2. Tu tập chút ít căn lành mà được phước báo khôn lường nên tin thọ.
3. Người kính tin Tam bảo, tu tập nghiệp thiện đạt phước báo, cho dù hàng Thanh văn các ông hiện được thấy ta hãy còn không thể biết hết, cũng không thể suy lường được, huống gì là sau khi ta diệt độ, hàng đệ tử Thanh văn cách xa ta mà có thể biết và so lường được sao? Không thể có sự kiện ai có thể nhận biết và suy lường

được việc này, nên phải tín thọ.

4. Các Thanh văn không thể nhận biết và suy lường được những hạnh nghiệp và quả báo của tất cả chúng sinh đã tạo tác và thọ nhận.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các Thanh văn đối với sự việc ấy là không nên suy lường. Vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai thường nói hạnh nghiệp và quả báo của tất cả chúng sinh là không thể nghĩ bàn. Các Đức Phật Ứng Cúng Chánh Biến Tri đời quá khứ đã nói: Nghiệp báo của chúng sinh là không thể nghĩ bàn. Các Đức Phật Ứng Cúng Chánh Biến Tri đời vị lai sẽ nói: Nghiệp báo của chúng sinh là không thể nghĩ bàn. Tín tâm và tự tánh nơi tâm của chúng sinh cũng không thể nhận biết và nghĩ bàn. Việc này nên tín thọ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hàng Thanh văn các ông trụ trong hạt giống Thánh còn không có mắt thật và phương tiện khéo léo để nhận biết nghiệp báo của hết thảy chúng sinh, huống gì là những kẻ tâm khinh suất, yếu kém khác, những kẻ lìa giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, những kẻ mất chánh niệm, những kẻ bị vô minh ngu tối che dày cả mắt, ngay cả các pháp bên trong và bên ngoài thân mình còn không thể biết được. Ta chính là ai? Ta do ai sinh? Ta sống ở đâu? Công đức của ta nhiều hay ít? Làm sao ta sống tương ứng với giới, không tương ứng với giới? Ta là người chánh niệm giới hay thất niệm giới? Những hạnh nghiệp ta làm là của người trí hay của kẻ ngu? Ta từ đâu đến và đi về đi?

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những kẻ phàm phu hiểu biết điên đảo, ngay cả những việc như vậy của bản thân hãy còn không thể biết được, làm sao có thể biết được những loại nghiệp báo của tất cả chúng sinh. Nếu ai nhận biết được, thì không có trường hợp ấy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và sắc tướng của Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri là không tổn giảm.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri có giới vô lượng, giới vô ngại, giới không thể nghĩ bàn, giới không gì

sánh, giới cứu cánh, giới thanh tịnh nên Như Lai nhận biết một cách đúng như thật về nghiệp và nghiệp báo của tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì sao Như Lai nhận biết một cách đúng như thật về nghiệp báo của tất cả chúng sinh?

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai biết một cách đúng như thật có chúng sinh nghiệp thiện hết, nghiệp ác tăng, có chúng sinh nghiệp ác hết, nghiệp thiện tăng, có chúng sinh nghiệp thiện sẽ sinh, nghiệp ác sẽ diệt, có chúng sinh nghiệp ác sẽ sinh, nghiệp thiện sẽ diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai thấu triệt và biết một cách đúng như thật về các loại nghiệp và nghiệp báo sai biệt của tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những chúng sinh đó có người không hiểu biết, có kẻ ngu tối, có người lành, có kẻ dữ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai có trí tuệ và phương tiện thiện xảo như thế nên có thể nói nói trước về các loại nghiệp báo không thể nghĩ bàn của những chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh nào thành tựu tín tâm thì có thể tin ta, còn chúng sinh nào không có tín tâm, rời xa pháp của ta, không tin lời ta, hủy báng ta thì mãi mãi không có lợi ích, bị đọa trong khổ não.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh ấy dâng cúng ngọn đèn sáng ở tháp miếu Phật thì nhờ nghiệp thiện đó mà được quả báo an ổn và vui vẻ. Khi chúng sinh đó làm việc lành, cúng dường đèn sáng thì sự hoan hỷ tương ứng với tín tâm mà sinh khởi nên ngay đời này được ba tâm thanh tịnh:

Những thiện nam, thiện nữ ấy nghĩ: Ta đã thiết lễ cúng dường Đức Như Lai, biết thân không bền chắc nên tưởng đến Pháp thân, biết tiền tài là tai họa nên nghĩ đến Thánh tài. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là tâm thanh tịnh thứ nhất do cúng dường tháp Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những thiện nam, thiện nữ đó phát tâm như vậy: Ta đã cúng dường vào ruộng phước vô thượng tối thắng của Như Lai, là nơi đáng nhận sự cúng dường tối thắng. Nay ta không lo sợ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Với thiện căn

này, ta sẽ gây tạo nhân của đường lành nơi cõi nhân, thiên, được sắc thân tốt đẹp, đầy đủ tài sản, lại được trí tuệ, diệu lạc an ổn, còn có thể đạt được đạo quả Bồ-đề. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là tâm thanh tịnh thứ hai do cúng dường tháp Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ đó nghĩ: Ta đã làm việc bố thí, cúng dường chư Phật, đã tạo phước đức, đã bỏ tham lam keo kiệt, đã trừ tội lỗi bần sần. Nghĩ như thế rồi thì phát triển tâm bố thí không hề tham tiếc. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là tâm thanh tịnh thứ ba do cúng dường tháp Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những thiện nam, thiện nữ đó đã cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật, thì khi lâm chung được ba sự sáng suốt:

Thiện nam, thiện nữ đó khi lâm chung thì phước đức đã tạo từ trước đều hiện tiền, nên nhớ hết pháp thiện không quên. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là sự sáng suốt thứ nhất, nhờ đó mà biết được mình từ trước đã gieo trồng nghiệp thiện nơi Đức Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ khi mạng chung nghĩ là mình đã từng cúng dường trước tháp miếu và hình tượng Phật. Nghĩ như thế nên tâm sinh vui mừng. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là sự sáng suốt thứ hai, nhờ đó mà khởi tâm niệm về sự giác ngộ của Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ đó khi mạng chung thấy chúng sinh khác hành pháp bố thí thì suy nghĩ ta cũng từng đèn nơi chùa Phật. Nay ta phải tập nên tu hạnh bố thí, nghĩ đến bố thí thì được tâm hoan hỷ, được tâm hoan hỷ thì không có sự khổ về chết. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là sự sáng suốt thứ ba, nhờ đó mà có được tâm nghĩ đến giáo pháp.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ dâng cúng đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì khi lâm chung thấy được bốn thứ ánh sáng:

1. Thấy được vầng mặt trời tròn đầy xuất hiện.
2. Thấy được vầng trăng tròn sáng xuất hiện.
3. Thấy được chư Thiên cùng ngồi một nơi.



4. Thấy được Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ngồi nơi cội cây Bồ-đề mới thành tựu quả vị Chánh đẳng giác. Thấy mình tôn kính Đức Như Lai, chấp tay cung kính.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì khi lâm chung thấy được bốn thứ ánh sáng như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn giảng giải ý nghĩa này rồi nói kệ:

*Pháp vương, Đại Tiên nhân vô thượng  
 Người nào dâng cúng tháp miếu ngài  
 Người tạo nghiệp ấy bằng trí tuệ  
 Đạt được vô biên vui tối thắng.  
 Đến lúc mạng chung luôn chánh niệm  
 Biết được ngày xưa dâng cúng đèn  
 Được bốn tâm hỷ lìa các tội  
 Cho nên lúc chết không mê loạn.  
 Thấy được ánh sáng ở mười phương  
 Mặt trời, mặt trăng, từ đất hiện  
 Thấy được na-do-tha chư Thiên  
 Giảng giáo pháp Phật cho chư Thiên.  
 Cha mẹ, vợ con, cùng quyến thuộc  
 Hết thấy vây quanh Đấng Đại bi  
 Không niệm không thấy đến cái chết  
 Người kia chánh niệm không mê loạn.  
 Hiện tiền thấy được cung điện trời  
 Đối với thiện nữ tâm an ổn  
 Lại thấy rừng vườn rất trang nghiêm  
 Đầy đủ năm dục thật thù thắng.  
 Thấy Phật ngồi nơi cội Bồ-đề  
 Trời, Người, Tu-la đều vây quanh  
 Thấy mình chấp tay đứng trước Phật  
 Cúng dường Đức Mâu-ni tối thắng.  
 Đã thấy đạo sư càng kính trọng  
 Tâm tư hoan hỷ thảnh Như Lai  
 Tâm họ hoan hỷ thảnh Thế Tôn*

Tùy thuận họ thỉnh Ngài hiện đến.  
 Người này thỏa nguyện vui sung mãn  
 Đến lúc lâm chung không khổ não  
 Tâm đã vui mừng nơi Đức Phật  
 Không hề kinh sợ lúc lâm chung.  
 Lại không thất niệm trong lúc chết  
 Thấy khắp mười phương cùng sáng chói  
 Sắc thân trắng diệu chuta từng có  
 Đây là quả báo dâng cúng đèn.  
 Chết rồi chắc chắn sinh lên trời  
 Thấy mình ngồi giường nơi cõi đó  
 Có các Thiên nữ vây xung quanh  
 Nhờ cúng dường Phật được quả ấy.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cúng dường đèn sáng nơi  
 tháp miếu Phật thì sau khi chết được sinh lên cõi trời Tam thập tam,  
 được năm thứ thanh tịnh ở cõi trời. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cõi trời  
 đó được năm thứ thanh tịnh gì?

1. Thân thanh tịnh.
2. Được oai đức thù thắng trong các hàng trời.
3. Thường được niệm tuệ thanh tịnh.
4. Thường được nghe tiếng vừa ý.
5. Được bà con khen ngợi nên tâm ý được hoan hỷ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

Vị trời này được thân sáng chói  
 Đây đủ công đức người tôn trọng  
 Là vị đứng đầu ngàn Thiên tử  
 Nhờ cúng dường đèn nơi chùa Phật.  
 Nghe tiếng trời khen thường vừa ý  
 Âm thanh hòa nhã hơn trời khác  
 Đây đủ thắng niệm tuệ bậc nhất  
 Lại được quyến thuộc thù thắng nhất.  
 Vị Thiên tử ấy đi đến đâu

*Tất cả chư Thiên đều kính ngưỡng  
 Ngày xưa tu tập những nghiệp gì  
 Mà nay được thân hình sáng rực.  
 Có cây tên là Thượng hoan hỷ  
 Bao quanh chiếu sáng như mặt trăng  
 Trời kia có được cây quý ấy  
 Trang hoàng nơi vườn của cung điện.  
 Vô lượng chúng trời đều kinh ngạc  
 Hoa của cây này tên là gì?  
 Giống như ánh sáng đèn chiếu rọi  
 Tỏa ra hương thơm thật như ý.  
 Các hàng quyến thuộc cõi trời này  
 Lấy cây hoa ấy trang điểm thân  
 Trong vô lượng ức các cõi trời  
 Sáng sọi rực rỡ như mặt trời.*

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nhờ cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật nên được sinh lên cõi trời Tam thập tam. Vị trời ấy tự biết: Hiện nay ta đang sống ở đây, đến lúc nào thì ta qua đời. Lúc sắp chết, Thiên tử thù thắng đó thuyết pháp khuyến hóa quyến thuộc và chư Thiên để họ được hoan hỷ. Sau khi chết không bị đọa vào đường ác, sinh xuống cõi người, trong gia đình tin Phật pháp, thuộc dòng họ tôn quý. Dù thời không có Phật cũng không sinh vào nhà tà kiến, xem thường việc tốt xấu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

*Vị trời ấy được trí như vậy  
 Biết được thời gian sống cõi trời  
 Vị trời ấy cũng tự biết mình  
 Lại biết không lâu mạng sẽ hết.  
 Khi năm tướng chết vừa xuất hiện  
 Tuổi thọ vị này cũng sắp dứt  
 Liền nói chánh pháp cho chư Thiên  
 Xa lìa ngu si, tâm không buồn.  
 Nói với chư Thiên lời như vậy*

Các hành vô thường, cũng không vui  
 Đã có sinh ra đều phải chết  
 Không nghĩ sắp chết vẫn nói pháp.  
 Các hàng quyến thuộc đều buồn khổ  
 Vô lượng chúng trời cũng như vậy  
 Tuy đã thấy được năm tướng hiện  
 Tự niệm công đức không lo rầu.  
 Tuổi thọ đã hết ở cõi trời  
 Tức thời sinh xuống chốn nhân gian  
 Vào thai ra thai niệm không loạn  
 Thường hưởng an lạc không khổ não.  
 Sinh ra liền được Túc mạng thông  
 Có thể nhớ được nơi đã đến  
 Nghĩ khổ con người không ham thích  
 Bồng chốc đã kề bên cái chết.  
 Nghĩ đến quả báo ở cõi trời  
 Cõi nhân gian này chẳng phải vui  
 Cõi trời còn khổ huống loài người?  
 Các hành không bền thường biến động.  
 Vị ấy vừa đến tuổi lớn khôn  
 Bỏ nhà xuất gia, tu học đạo  
 Tâm thường không hành giác quán ác  
 Liền được quả báo như thế này.  
 Đời đời luôn được Túc mạng thông  
 Cũng thường không tạo các nghiệp ác  
 Nhất định xuất gia giữ giới tịnh  
 Đó là quả báo cúng đèn sáng.  
 Luôn luôn không mù, không tật nguyện  
 Đôi mắt luôn thấy biết sáng suốt  
 Thân không có bệnh, tiếng hòa nhã  
 Tâm thường thông tỏ không ngu si.  
 Mắt thường không bệnh không bị chột  
 Sinh vào loài nào mắt cũng sáng

Không bị chột mắt hay đui mù  
 Hai mắt cũng thường không như loạn.  
 Mắt dài, đen trắng rất rõ ràng  
 Sạch đẹp tựa như cánh sen xanh  
 Mắt sáng thấy được vật nhỏ nhiệm  
 Như châu ma-ni không tỳ vết  
 Trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp.  
 Được nhục nhãn sáng, không hư hoại  
 Lại không có các bệnh về mắt  
 Đó là quả báo cúng đèn sáng  
 Dòng dõi, tướng tốt khác biệt luận.  
 Hiểu rõ tất cả các công nghệ  
 Người có trí tuệ hay quán sát  
 Diệu tuệ hiểu được Đệ nhất nghĩa  
 Khéo quán các hành không chủ tử.  
 Thường được hiểu sáng trong pháp Phật  
 Thấy được tất cả Phật Thế Tôn  
 Cung kính thực hành pháp cúng dường.  
 Đời đời được sắc thân đoan nghiêm  
 Bà con, quyến thuộc, đều kính mến  
 Được của cải báu, uy lực lớn  
 Và được bà con luôn thân cận.  
 Như đèn sáng kia trừ tối tăm  
 Rực rỡ soi sáng khắp mười phương  
 Ánh sáng người đó cũng như vậy  
 Không bị u tối che khuất mắt.  
 Ai có tín tâm với tháp Phật  
 Dâng cúng đèn sáng, ngọc anh lạc  
 Khi cúng đèn sáng tâm thanh tịnh  
 Thành bậc Tối thắng trong nhân gian.  
 Xinh đẹp đặc biệt thật đáng yêu  
 Tất cả thế gian đều ưa thích  
 Tâm không xem thường điều tốt xấu

Cũng không ham thích các tà đạo.  
 Không hề tin theo đám tà giáo  
 Và những ác kiến ở thế gian  
 Nếu làm quốc vương thường biết đủ  
 Không tham nước người gây chiến tranh.  
 Thường không khổ nã, không tham ái  
 Và cũng không có các phiền nã  
 Không có tất cả những sa đọa  
 Không có tiếng xấu, không buồn phiền.  
 Nếu làm đại thần nói điều chi  
 Vua và dân chúng đều tin tưởng  
 Thân không có những bệnh suy yếu  
 Không làm huỳnh môn, không trái đạo.  
 Đầy đủ thân tướng sống an lạc  
 Khổ hoạn không sao vướng đến thân  
 Không hề thấy những điềm mộng xấu  
 Thức ngủ mọi lúc đều an ổn.  
 Đời đời thường được các kho báu  
 Cúng dường tất cả chùa tháp Phật  
 Công đức chư Phật không biên giới  
 Người kia được phước cũng như vậy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh nào cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì được bốn pháp đáng ưa thích:

1. Sắc thân.
2. Cửa cải.
3. Thiện nghệ.
4. Trí tuệ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chúng sinh nào thắp đèn sáng cúng dường tháp miếu Phật thì được bốn pháp đáng ưa thích như thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Thân hình tròn đầy, đủ đại lực  
 Không gây chiến tranh với người khác

*Đi khắp mọi nơi không phiền muộn  
Do cúng dường đèn nơi tháp Phật.  
Sinh nhà quý tộc, giàu có nhất  
Đầy đủ công đức người tôn kính  
Đời đời luôn được Trí tức mạng  
Do cúng dường đèn nơi tháp Phật.  
Luôn luôn thương tưởng các chúng sinh  
Nói năng được bà con kính thọ  
Tâm không gây hại, luôn nhu hòa  
Không hề tạo những nghiệp đạo ác.*

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh cúng dường nơi tháp Phật thì được bốn thứ thanh tịnh:

1. Thân nghiệp thanh tịnh.
2. Khẩu nghiệp thanh tịnh.
3. Ý nghiệp thanh tịnh.
4. Thiện hữu thanh tịnh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là được thân nghiệp thanh tịnh? Nếu thiện nam, thiện nữ nào sống ở mọi nơi xa lìa sát sinh, không có ý giết hại, xa lìa trộm cắp, tà dâm, đối vợ mình còn không tà hạnh, hướng gì là đối với vợ người khác, không uống rượu và buông lung phóng đãng, không dùng dao gậy và những dụng cụ gây khổ để áp bức chúng sinh, xa lìa pháp bất thiện và các nghiệp ác, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Xa lìa các nghiệp thân tịnh gọi là thân nghiệp thanh tịnh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào gọi là khẩu nghiệp thanh tịnh? Người đó đời đời không nói dối, nếu không thấy nghe thì không nói dối, còn nếu thấy nghe thì hợp thời được hỏi mới nói, vì lợi mình lợi người mà không nói khác. Giả sử có người bảo nói dối, nhưng vì giữ gìn lời nói chân thật nên không hề nói dối, không đem lời người này nói cho người kia, không đem việc người kia nói cho người này. Hai người bạn gây hại nhau từ trước thì không làm cho tăng thêm, nói ra điều gì thì nhằm hòa giải sự tranh luận, lại xa lìa những lời nói đau lòng, lời thô tục, ác khổ, lời không vui, không thích, lời không dịu

dàng, lời khó nghe, lời gây khổ người khác, lời kết oán thù. Nói những lời nhu hòa dịu dàng, vừa ý, không thô tục, làm êm tai, lời hay dễ nghe, lời nhiều người mến thích, lời đáng yêu, đáng thích, lời trừ bỏ oán thù, xa lìa lời thù dật, không nghĩ khác, nói khác, không trái hẹn, không che giấu sự thật, không phiến nói nhiều, không nói lời trái thời, luôn nói lời tốt ráo. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Xa lìa khẩu nghiệp không thanh tịnh như thế thì thành tựu khẩu nghiệp thanh tịnh. Xá-lợi-phất, đó gọi là khẩu nghiệp thanh tịnh.

Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là ý nghiệp thanh tịnh? Không tham vướng tài sản vật báu của người khác, không sinh tâm sân giận, xa lìa tâm gây hại, xa lìa tà kiến, không có ác kiến.

Xá-lợi-phất! Xa lìa các nghiệp như vậy gọi là ý nghiệp thanh tịnh.

Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là được thiện hữu thanh tịnh?

Nếu các thiện hữu xa lìa vọng ngữ, không uống rượu, lìa các thô ác, được điều phục, chánh kiến, đến nơi đâu đều được người gần gũi thăm hỏi, tín thọ. Lại đến chỗ các Đức Phật, các vị Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác để gần gũi, cúng dường, học hỏi những điều chưa nghe. Xá-lợi-phất! Đó là thiện hữu thanh tịnh. Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ cúng đèn sáng nơi chùa Phật thì được bốn thứ thanh tịnh như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

*Vì muốn tháp sáng nên cúng đèn  
Khéo điều phục nghiệp thân, khẩu, ý  
Xa lìa tà kiến đủ giới tịnh  
Do đó có được mắt như ý.  
Giống như mặt trời sáng mười phương  
Mau được thành tựu, các lậu hết  
Có trí tuệ lớn, đủ oai đức  
Được Thiên nhân tịnh, trừ trần cấu.  
Kẻ trí hiểu được tâm chúng sinh  
Cũng được thông minh và biện tài  
Dễ dàng đạt được đạo Nhị thừa*



*Do cúng đèn Phật được quả ấy.  
Cầu quả Bồ-đề Phật vô thượng  
Thiên nhân trí tuệ và tài vật  
Đối ba việc này không tổn giảm  
Do cúng dường đèn nơi tháp Phật.*

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào trụ trong pháp Đại thừa mà cúng dường đèn nơi tháp miếu Phật thì đời đời được tám thắng pháp đáng vui:

1. Được nhục nhằn thù thắng.
2. Được niệm thù thắng không thể suy lường.
3. Được phần Thiên nhân thù thắng, tột bậc.
4. Không thiếu giới, nhờ tu tập đạo đầy đủ
5. Được trí viên mãn chứng Niết-bàn.
6. Được nơi chốn không tai nạn nhờ làm việc lành từ trước.

7. Được gặp chư Phật nhờ làm việc lành, hay làm mất sáng cho chúng sinh.

8. Nhờ căn lành nên thiện nam, thiện nữ có được xe báu của Chuyển luân thánh vương, không bị người khác gây chướng ngại, thân hình đoan nghiêm hoặc làm Đế Thích có oai lực lớn, có đủ ngàn mắt, hoặc làm Phạm vương được đại thiên định, khéo biết mọi việc của trời Phạm vương.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nhờ hồi hướng căn lành lên quả vị Bồ-đề mà được tám thắng pháp đáng vui ấy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ nào trụ trong pháp Đại thừa thì được tám pháp thù thắng khôn lường.

1. Được vô lượng Phật nhãn.
2. Được vô lượng Thân thông của Như Lai.
3. Được vô lượng giới của Như Lai.
4. Được vô lượng Tam-muội của Như Lai
5. Được vô lượng trí tuệ của Như Lai.
6. Được vô lượng giải thoát của Như Lai.
7. Được vô lượng giải thoát tri kiến của Như Lai.

8. Được hội nhập nhận biết về chỗ ưa thích nơi tâm của hết thầy chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Thiện nam, thiện nữ nào cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì được tám pháp thù thắng khôn lường như thế.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh nào thấy pháp sư liền nghĩ: “Làm sao để pháp sư luôn giảng nói chỉ dạy pháp Phật? Nên cúng dường dầu đèn cho Pháp sư. Do cúng dường mà pháp sư bố thí đèn pháp.” Nghĩ xong liền đem đèn dâng cúng. Nhờ căn lành mà được tám thứ tư lương (hành trang) khôn lường:

1. Được tư lương là vô lượng chánh niệm.
2. Được tư lương là vô lượng đại trí.
3. Được tư lương là vô lượng tín tâm.
4. Được tư lương là vô lượng tinh tấn
5. Được tư lương là vô lượng đại tuệ.
6. Được tư lương là vô lượng Tam-muội.
7. Được tư lương là vô lượng biện tài.
8. Được tư lương là vô lượng phước đức.

Đồng thời được bốn biện tài và vô ngại tuần tự được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh nào thấy người cúng dường trước Đức Như Lai mà khởi tín tâm thanh tịnh, chấp tay, phát tâm tùy hỷ thì nhờ căn lành ấy đạt được tám pháp tăng thượng:

1. Được sắc thân tăng thượng.
2. Được quyền thuộc tăng thượng.
3. Được giới tăng thượng.
4. Được đời sống tăng thượng trong hàng trời, người.
5. Được tín tâm tăng thượng.
6. Được biện tài tăng thượng.
7. Được Thánh đạo tăng thượng.
8. Được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Xá-lợi-phất! Đó là tám pháp tăng thượng. Này Tôn giả Xá-lợi-

phát! Vì sao đạt được tám pháp tăng thượng ấy?

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì Phật có vô lượng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nếu cúng dường Phật thì đạt được quả báo, lợi ích cũng lại vô lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

*Thực hành hạnh xuất ly  
Siêng tu giáo pháp Phật  
Trừ bỏ chúng ma chết  
Như voi phá rừng cây.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Có năm pháp rất khó đạt được:

1. Được thân người là khó.
2. Tin thích pháp Phật là khó.
3. Vui thích pháp Phật được xuất gia là khó.
4. Đầy đủ giới tịnh là khó.
5. Dứt hết các lậu là khó.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các chúng sinh khó đạt được năm pháp này, nhưng các thầy đã đạt được.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên để khuyên bảo Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nên nói kệ:

*Tu pháp bố thí nơi tháp Phật  
Vì lợi chúng sinh cầu Bồ-đề  
Kẻ trí tu đạo thắng nhân này  
Đời đời thường được quả tối thắng.  
Sống đời thù thắng trong trời, người  
Được các hàng trời kính, cúng dường  
Như núi Tu-di không lay động  
Ánh sáng soi chiếu khắp mười phương.  
Thiên chúng thấy được đều cung kính  
Lại được mến yêu sinh lòng tin  
Tu pháp cúng dường và khen ngợi  
Tất cả đều thường thích gặp.*

Lạ thay Thiên tử tướng phước đức  
 Như ánh sáng trời chiếu Phạm cung  
 Vị này từng tu những nghiệp gì  
 Mà được thân hình sáng rực thế.  
 Thấy vậy ai mà không tu thiện  
 Và không tu học giới Thánh hiền?  
 Bởi lẽ gặp Phật sinh nhàm chán  
 Nghe pháp vi diệu lại buông lung?  
 Người ấy đời trước ở nhân gian  
 Thường dâng cúng đèn nơi tháp Phật  
 Thiết lễ cúng dường trong pháp Phật  
 Khéo được phước lợi sinh cõi trời.  
 Tôi nguyện luôn luôn được thân người  
 Phát tịnh tâm tín giáo pháp Phật  
 Sống trong Phật đạo không buông lung  
 Thà bỏ thân mạng không bỏ pháp.  
 Có được người thân thật là khó  
 Kẻ ngu vì sao không làm phước  
 Hao phí tiền tài không đúng pháp  
 Chết thì đọa vào hầm hiểm lớn.  
 Thấy trời Vô cấu có oai đức  
 Tâm tự hối trách, phát lời nguyện  
 Nguyện thường được sinh ở cõi người  
 Siêng năng tu tập các phạm hạnh.  
 Nguyện lúc lâm chung được tịnh tín  
 Ở trong chánh pháp của Như Lai  
 Nguyện được chánh niệm, không tán loạn  
 Được thấy vô lượng Đức Như Lai.  
 Được ngàn ức trời kính, cúng dường  
 Vui hưởng thỏa thích cùng Thiên nữ  
 Các hàng Thiên nữ đều kính mến  
 Thiên nữ trang hoàng vườn vui thú.  
 Các trời đem hương đến xông ướp

Tai nghe tất cả các tiếng hay  
 Vị trời này đi đến nơi đâu  
 Đều thấy được các sắc thượng diệu.  
 Những màu sắc ấy thật đáng yêu  
 Thường không thấy những sắc màu xấu  
 Lại thường tiếp xúc vật thắng diệu  
 Đều do đem đèn dăng cúng chùa.  
 Sau khi bỏ thân, sinh cõi người  
 Chánh niệm ở trong thai của mẹ  
 Sinh ra nhớ được việc cõi trời  
 Oai lực, trí tuệ, không bị mất.  
 Vị này đã tạo việc như thế  
 Được làm đại đức Chuyển luân vương  
 Thân hình, dung mạo, thật đoan nghiêm  
 Do cúng dường đèn được quả ấy.  
 Nhờ tu nghiệp này được sống lâu  
 Luôn trụ thanh tịnh và an lạc  
 Thân thể không hề bị bệnh đau  
 Cúng đèn có được quả báo ấy.  
 Không có nạn vua, nạn oán giặc  
 Người khác không dám xâm phạm vợ  
 Không bị kẻ ác gây nhiễu loạn  
 Do đem đèn sáng cúng dường Phật.  
 An ổn, giàu có, không lo sợ  
 Sang cả uy lực, nhiều của báu  
 Được ngọc anh lạc và vườn rừng  
 Là nhờ đốt đèn dăng cúng Phật.  
 Lại được thấy các Đức Thế Tôn  
 Thấy rồi tâm niệm sinh cung kính  
 Vì cúng dường Phật bằng tâm hỷ  
 Bỏ cả ngôi vua để xuất gia.  
 Trí vô lượng, cứu cánh của Phật  
 Đây đủ đức tốt, giáo hóa người

Cúng dường đèn sáng nơi tháp Phật  
 Thân hình rực rỡ như đèn chiếu.  
 Mắt Mâu-ni trâu chúa thanh tịnh  
 Đem đèn soi sáng nơi tháp này  
 Đạt được đạo vô lậu, vô thượng  
 Thân hình sáng chói chiếu mười phương.  
 Thấy bốn chân đế, đủ mười Lục  
 Các pháp bất cộng cũng trọn vẹn  
 Được mắt thấy khắp thành Thiện thế  
 Quả này là do cúng dường đèn.  
 Giả sử tất cả các chúng sinh  
 Xưa từng cúng dường vô lượng Phật  
 Đủ oai đức lớn thấy thật nghĩa  
 Ưc kiếp sẽ thành đạo Duyên giác.  
 Tất cả thế giới trong mười phương  
 Đều bày đèn sáng không hề sót  
 Đem những đèn sáng nơi các cõi  
 Tín tâm cúng dường cho vị ấy.  
 Người thực hành pháp cúng dường này  
 Trong vô lượng kiếp thường không dứt  
 Nếu đem một đèn dâng cúng Phật  
 Được phước vô lượng hơn người trước.  
 Dầu đèn nhiều như nước biển cả  
 Tim đèn lớn bằng núi Tu-di  
 Nếu ai đốt được đèn như thế  
 Soi khắp tất cả các thế giới.  
 Giữ lòng kính tín thật sâu xa  
 Chí nguyện chỉ cầu đạo Duyên giác  
 Mười phương đều đặt đèn như thế  
 Nhất tâm cung kính mà cúng dường.  
 Nếu người phát khởi tâm Bồ-đề  
 Tay cầm đuốc đỏ cúng dường Phật  
 Người này được phước hơn người kia

*Ta hiểu nghĩa thật nói như thế.  
 Tất cả chúng sinh trong mười phương  
 Ai nấy đều cúng đủ như trên  
 Trải qua vô lượng hằng sa kiếp  
 Tâm chí chỉ cầu đạo Duyên giác.  
 Nếu người đốt một ngọn đèn sáng  
 Hoặc lễ một lạy tháp miếu Phật  
 Cầu đạo vô thượng vì chúng sinh  
 Phước này nhiều hơn trước vô lượng.  
 Khó thấy, khó lường cảnh giới Phật  
 Người trí nghe qua sinh hoan hỷ  
 Kẻ không tín tâm nghe chẳng vui  
 Ma ngu si kia hoại chánh pháp.  
 Thật khó chứng được tịnh pháp giới  
 Tất cả thế gian chỉ có Phật  
 Vì thế các người nên hoan hỷ  
 Nên mong cầu được công đức Phật.*

Nghe Đức Phật giảng nói pháp này, Tuệ mạng Xá-lợi-phất...  
 cùng vô lượng chúng Trời, Người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la,  
 Ma-hầu-la-già, Nhân Phi nhân đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng  
 Bồ-đề, vui mừng khôn xiết, đánh lễ, lui ra.







SỐ 703

## KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN

*Hán dịch: Đời Dao Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập.*

Nếu gieo trồng một ít hạt giống thiện vào ruộng phước thù thắng, thì được hưởng cái vui nơi cảnh trời, người, sau chứng đắc Niết-bàn. Là người có trí tuệ phải nên hết lòng siêng năng tu tập nghiệp thiện. Phước điền tức là Phật. Hào quang nơi thân Phật như ánh sáng vàng ròng hội tụ, dùng công đức trí tuệ tự trang nghiêm, nên được Thiên nhân viên mãn, khéo quan sát các căn của chúng sinh. Vì thế gian u ám mà làm đèn sáng, vì chúng sinh ngu si mà làm người thân thiện. Các thiện đầy đủ, danh tiếng vang lừng, Thế Tôn Mâu-ni là chỗ nương tựa của chúng trời, người. Nếu ai đem tâm chí thành tu phước đều được phước báo.

Thuở xưa, thành Vương xá nằm giữa năm ngọn núi cũng là một trong năm thành lớn của nước Ma-già-đà. Thành Vương xá là một đô thành gồm nhiều nhà cửa sầm uất, đường sá ngang dọc thênh thang, đền đài, nhà cửa tráng lệ với vòm mái cao ngất, thoáng rộng, lan can bao quanh có rừng, hồ tuyệt đẹp, dòng nước chảy đi, chảy về giao nhau lưu chuyển. Rừng cây rậm rạp, cành lá sum suê, hoa trái đầy cành phản chiếu cả ánh sáng nhật nguyệt. Mùi hương ngào ngạt của rừng hoa, theo làn gió thổi bay đi bốn phương. Khắp cả thành, những bậc Thắng trí tu hành phạm hạnh từ xa đến đây, tất cả đều cho vùng đất này là trang nghiêm thù thắng nên tâm được hỷ lạc. Vua A-xà-thế là người trị vì ngôi thành này, ông lấy chánh pháp trị nước, dùng đạo

giáo hóa nên được mọi người xa gần kính trọng, tập trung về đây sinh sống. Người người tu thiện, dân chúng trong nước đông đúc hưởng cuộc sống ấm no, an lạc.

Bấy giờ, trong thành có một Trưởng giả rất giàu có, kho tàng đầy ắp như Tỳ-sa-môn, nhưng không có con nối dõi, nên thường làm lễ cầu đảo Thần thánh để xin một mụn con. Không bao lâu, vợ ông mang thai, tròn đầy mười tháng hạ sinh một nam nhi. Túc duyên nơi đời trước của đứa bé có phước đức, nên ngày mới sinh ra, một ngón tay của nó đã phát ra ánh sáng lớn, chiếu xa mười dặm. Cha mẹ đứa bé quá vui mừng, liền thiết bày đại hội, mời thân tộc và các thầy tướng đến để đặt tên cho con. Vì ngón tay của đứa bé có hào quang nên đặt tên là Đăng Chỉ. Mọi người trong hội thấy đứa bé có tướng khác lạ nên khen ngợi là chưa từng có. Một Bà-la-môn tên Bà Tu vốn bác học đa văn thông hiểu mọi việc, thuộc lòng bốn quyển kinh Vệ-dà cũng có mặt nơi đại hội. Thấy đứa bé đáng vẻ kỳ lạ, tướng tá phi thường, nên mỉm cười nói: “Đứa bé này có thể là trời Na-la-diên, Thích Đề-hoàn nhân, hay Thiên tử của mặt trời, hoặc các Đại đức Thiên thị hiện hạ sinh.”

Cha mẹ đứa bé nghe vậy càng hoan hỷ bội phần, thiết bày đại hội bảy ngày, bảy đêm bố thí làm phước, do vậy tiếng đồn lan khắp cả nước đều nghe biết về Trưởng giả sinh phước tử. Lời đồn tốt đẹp đã thấu đến tai vua. Nhà vua nghe vậy liền hạ lệnh triệu đứa bé vào cung, Trưởng giả vâng lệnh ẵm đứa bé vào vương cung, đúng lúc nhà vua đang có yến hội với đủ loại đàn nhạc, nên không ai bấm báo. Trưởng giả không dám vào, còn đứng ở phía trước, ngón tay của đứa bé tỏa ra ánh sáng chiếu thấu vào hậu cung, sáng chói đỏ rực, chiếu đến thân vua và sáng cả hậu cung, hết thấy mọi thứ ở đấy đều được phủ màu vàng ròng. Ánh sáng chiếu khắp vương cung giống như chìm sâu nơi biển nước mênh mông. Nhà vua lấy làm lạ hỏi:

–Ánh sáng ấy từ đâu đến, bỗng nhiên chiếu vào cung ta? Há phải là Đức Thế Tôn muốn giáo hóa chúng sinh nên đến hoàng cung chăng? Hay là Đại đức, chư Thiên, Thích Đề-hoàn Nhân, Nhật Thiên tử,... giáng hạ?

Nhà vua bèn sai người ra ngoài cổng xem sao. Người ấy ra xem rồi quay vào bẩm:

–Tâu Đại vương! Đứa bé mà Đại vương cho gọi đang đứng trước cửa. Bàn tay của nó để trên vai nữ mẫu, có một ngón phóng ra hào quang chiếu thấu đến đây, nên mới có ánh sáng này.

Vua sắc lệnh:

–Hãy mau ẵm đứa bé đến đây.

Nhà vua thấy đứa bé kỳ lạ, liền nắm tay nó xem tướng, nói:

–Lục sư ngoại đạo cho là không có nhân quả, chính là dối gạt mê lầm. Nếu không có nhân quả thì sao có đứa bé này? Từ lúc sinh đến giờ dung mạo siêu tuyệt, ngón tay tỏa ánh sáng, chiếu khắp. Lấy đó mà xét: Những kẻ ngoại đạo hãm hại chúng sinh sẽ bị đọa vào cõi ác. Theo ta nhận biết, đứa bé này không phải từ cõi trời Tự tại hóa sinh xuống, cũng chẳng phải là Thần linh tự nhiên mà có ngón tay phát ra ánh sáng, tất nhân nơi phước đức từ đời trước nên đạt được quả báo thiện, vì sớm nhận biết lời giảng nói của Phật là chân thật, không hư dối. Phật thuyết giảng về vô số nghiệp duyên, trang nghiêm thế gian, tất cả chúng sinh mắt thấy báo ứng mà không chịu tu phước, hoàn toàn là chuyện lạ.

Nhà vua nói tiếp:

–Nay ta còn nghi ngờ, không biết ánh sáng ấy do mặt trời hay là hào quang chiếu rọi của ngón tay kia, ta muốn xét kỹ sự việc này.

Sau khi mặt trời lặn, đợi đến nửa đêm, nhà vua và các quần thần đem đứa bé đặt lên lưng voi, dẫn ra phía trước, vào trong khu vườn. Ánh sáng từ nơi ngón tay của đứa bé chiếu sáng rực rỡ phá tan màn đêm, nhìn thấy chim thú, hoa quả trong khu vườn không khác gì ban ngày. Nhà vua thốt lên khen ngợi:

–Lời Phật thuyết giảng vi diệu biết bao! Ngày hôm nay tâm ta đổi với nhân quả lòng tin càng thêm vững chắc và xem nhẹ các lục sư vì quá ngu tối mê muội, do đấy đối với Phật ta càng tôn ngưỡng gấp bội.

Khi ấy, Kỳ-vực thưa với nhà vua:

–Tâu Đại vương! Trong kinh Đức Phật nói: Nếu không thấy rõ nghiệp nên tham lam keo kiệt. Còn nếu thấy rõ nghiệp thì tham lam keo kiệt vĩnh viễn chấm dứt. Nay thấy Đấng Chỉ có phước báo đó, giả sử khiến bị khốn cùng khánh kiệt, vẫn còn tu nghiệp thiện, huống chi là giàu có mà không chịu tác phước sao?

Kỳ-vực vừa dứt lời thì trời cũng vừa sáng, mọi người dẫn Đấng Chỉ hồi cung. Nhà vua rất vui, ban tặng nhiều châu báu rồi cho phép đưa Đấng Chỉ trở về nhà.

Theo năm tháng Đấng Chỉ dần dần lớn khôn. Trưởng giả thân phụ đã dò hỏi nhiều nhà quyền quý, muốn tìm người sánh vai để cầu hôn chọn vợ cho Đấng Chỉ. Gia đình trưởng giả đã giàu có lại gồm đủ các mặt như lễ giáo, gia phong, khuê môn hòa thuận, tài sản vật báu thịnh vượng. Nhưng ở đời hễ có thịnh thì có suy, hội hợp thì có biệt ly. Vợ chồng trưởng giả đều qua đời! Giống như mặt trời vừa lặn, ánh sáng nhường chỗ cho màn đêm. Như vầng trăng bị lu mờ khi bình minh ló dạng. Như ngọn lửa hồng lụi tàn chỉ còn lại đồng tro than. Tráng kiện, sắc đẹp bị hủy hoại khi bệnh tật hoành hành. Thiếu niên, trai trẻ, sẽ bị già nua xâm nhập, mến yêu thân thể này rồi tử thần cũng đoạt mạng. Sau khi cha mẹ quá vãng, cuộc sống gia đình dần dần hao tổn, mà Đấng Chỉ thuở thiếu thời do giàu có nên xa xỉ, không giữ gia nghiệp, giao du với bạn xấu, tâm ý phóng đãng, đam mê tử sắc, tiền của tiêu phí vô độ, kho tàng dự trữ, tích chứa không còn ai lo liệu, như trăng tròn khuyết dần rồi mất hẳn.

Bấy giờ, nước này có phong tục một năm lễ hội một lần. Mọi người tập hợp, quây quần xung quanh núi. Đấng Chỉ cũng đến dự hội, anh ta ăn mặc trang sức một cách xa hoa phung phí, mang đàn nhạc, dẫn theo kỹ nữ tất cả đều lộng lẫy, không khác gì một vương giả, khiến hầu hết các người trong hội ai cũng kính nể khen ngợi. Họ cùng nhau ăn uống, vui chơi thỏa ý, trống chuông đua nhau trỗi dậy, đàn ca vang lừng, cả một vùng rộng lớn hiện đầy sự nhảy múa ca hát, âm thanh vang dội gần như “lay chuyển núi lấp che hang.”

Khi bọn giặc cướp biết Đấng Chỉ đi dự hội trong thời gian chưa về, chúng bèn đến nhà anh ta rình rập, không thấy người, liền xông

vào lấy hết tiền của không còn một thứ gì. Trời tối, Đăng Chỉ trở về, thấy nhà cửa bị giặc cướp vợ vét sạch, chỉ ngổn ngang cây, đá, gạch, ngói,... trước sự tình như vậy Đăng Chỉ tuyệt vọng ngã quy xuống đất, người nhà bên cạnh lấy nước phun vào mặt mới tỉnh lại, khóc lóc ưu sầu suy nghĩ: “Xưa cha ta đã làm nhiều công việc luôn có phương pháp thích hợp để tu trị gia nghiệp, lao nhọc tích chứa của cải vật báu đầy kho. Cha ta sinh con nuôi dưỡng lớn khôn là thấy đã có người để ủy thác, giao phó, cố sao ta không chịu giữ gìn sự nghiệp của cha mình lại làm một kẻ dối lừa, biếng nhác chạy theo cảnh phù phiếm? Tài sản kho đụn của phụ thân chỉ trong một sớm một chiều là tan biến, trống rỗng, gia súc thì chạy tán loạn, ngó quanh quẩn trong nhà chỉ còn con ta đeo anh lạc và một vài bộ đồ, nếu đem đổi lấy miếng cơm để độ nhật trong lúc cấp thời thì cũng sẽ hết sạch, vậy làm sao đây.”

Lúc này, ánh sáng nơi ngón tay của Đăng Chỉ cũng biến mất. Vì quá túng quẫn, người vợ khinh rẻ anh ta nên đã bỏ đi, nô tỳ, tôi tớ cũng trốn hết. Thân bằng quyến thuộc, chỗ quen biết, tình cảm ngày trước luôn thắm thiết, giờ thì quay lưng, đoạn tuyệt như oán thù. Họ thấy anh ta bần cùng sợ theo nhờ vả nên trở mặt giận dữ. Vợ hãy còn ruồng bỏ huống chi là người dưng. Nên biết, cảnh đói nghèo giống như là địa ngục, bần cùng tạm bợ so với cái chết không khác nhau. Trước đây đời sống sung túc luôn an vui giờ gặp cảnh khốn cùng thì không còn chỗ cậy nhờ, chẳng nơi nương tựa. Lửa tâm ưu phiền đốt cháy, chất độc sâu muện càng hừng hực. Sắc diện suy hao, dung mạo tiêu tụy, chuyển đổi rõ rệt. Thân thể ốm gầy, đói khát mòn mỏi. Đôi mắt bị mờ dần, tất cả xương cốt lộ ra. Da mỏng bao bọc, gân huyết lộ bày. Đầu tóc bù xù, tay chân teo ốm. Sắc da trắng bệch hình hài bần thủ, lại không có mảnh áo che thân, nên Đăng Chỉ phải vào trong đồng rác hôi thối, lượm nhặt từng miếng lớn, miếng nhỏ chấp vá để mặc, mới có thể che được tấm thân gầy. Đăng Chỉ ăn ngủ gần nơi đồng rác lớn, không có giường chiếu, nhiều người thân quen cũ trông thấy mà không biết, phải lê la đi khắp các ngõ hẻm xin ăn như con quạ đói. Một hôm, Đăng Chỉ biết bên kia đường có nhà người bạn, bèn đến xin miếng cơm, bị người giữ cổng ngăn cản không cho,

nhưng Đấng Chỉ không nghe cứ rình chờ để đột nhập vào nên bị một trận đòn nhục nhã. Chủ nhà chạy ra lấy roi muốn đánh thêm, Đấng Chỉ vội cúi mình quỳ lạy van xin, chủ nhà càng khinh miệt, không đoái hoài đến tuy cũng cho vào nhà, nhưng coi anh ta không ra gì, không nói một lời, không mời ngồi, chỉ thí cho một ít thức ăn không đủ no quăng ném vào bát.

Bấy giờ, trong nước ấy có tục khi cưới vợ, sinh con, cạo tóc đều tổ chức lễ hội, Đấng Chỉ lân la đến các nơi ấy, hy vọng xin được miếng cơm thừa, nhưng đều bị khinh khi đã không hề cho ngồi, lại xua đuổi ra ngoài, cố gắng van nài lắm thì chỉ được một ít thức ăn dư đựng trong bát của bọn đầy tớ. Đấng Chỉ suy nghĩ: “Sao ta đến nông nổi này, nghèo khổ và cô độc.” Lại thầm nghĩ: “Hôm nay, tinh thần ta như bị hôn mê, tâm trí hết nhận biết được nữa. Không rõ ta bây giờ ngày xưa là hình hài gì tạo tác gì mà phải thọ thân như thế này? Sự đời khổ nào cay đắng không phải là ngẫu nhiên. Ví như rừng cây không hoa nên loài ong xa lánh. Như cỏ lá bị sương móc làm héo úa, tàn rụng, ao hồ khô cạn thì chim hồng, nhạn không còn lai vãng, rừng rậm bị thiêu đốt thì đám hươu nai đâu còn lui tới, ruộng lúa cấy xong thì không còn người thu gặt. Bây giờ ta nghèo khổ khốn khó nếu kể lể trước đây từng giàu có, thì chẳng ai tin, nói ra cũng vô ích thôi! Người đời tuy đông đảo, nhưng không ai thêm biết đến ta, do ta nghèo khổ nên tương lai mù mịt. Ví như đồng hoang lửa bốc cháy, chẳng có ai muốn ngó ngang tới. Như cây khô không còn tàng lá, nên không ai dừng chân nương bóng. Như lúa mạ bị mưa đá, sương móc làm hư hại thất thu. Như nhà có rắn độc nên mọi người xa lánh. Như thức ăn có chất độc lẫn lộn nên không có người thưởng thức. Như mồ mả hoang vắng không người trông coi. Như nhà xí dơ dáy, bẩn thỉu, đầy dẫy hôi thối. Như kẻ đồ tể bị người đời khinh ghét. Như kẻ thường trộm cắp bị mọi người nghi ngờ. Ta bây giờ cũng giống với những hoàn cảnh như vậy. Nhất cử nhất động đều bị khinh ngờ, chỗ có thể nói ra mở lời thì chỉ thêm lỗi, nói ra có đúng họ cũng cho là sai, tạo nghiệp thiện thì cũng cho là làm điều xấu. Đôi khi lợi dụng được chút thời cơ để nhanh chân thì lại bị chê khinh là vội vã, hấp tấp, nếu được lúc

thành thơ, thì bị quở là cái thứ đáng bỏ đi, nếu mở miệng khen ngợi thì bảo là dua nịnh, còn như không khen thì bị dè bủ: “Hạng người bần cùng đó thường không có lời hay.” Nếu có lời chỉ dạy thì bị mắng là dối gạt theo sự hiểu biết của các bậc Trưởng thượng, kỳ cựu, còn nói năng có chút hoạt bát thì bảo nhiều lời. Hoặc im lặng không nói thì cho là ẩn tình. Còn nói năng thẳng thắn thì bảo là thô lỗ cộc cằn. Nếu cầu theo ý người, lại cho là dua nịnh, quanh co. Nếu có ý định thân cận nương tựa thì bảo là huyễn hoặc. Còn như không gần gũi thì nói là kiêu mạn ngông láo. Nếu thuận theo lời nói của người khác thì bảo là “giả vờ giữ lấy ý người.” Còn không tùy thuận thì nói là tự chuyên. Hoặc cần phải “ôm chân núp bóng” thì bị mắng là khiếp nhược, ty tiện. Nếu không ngã theo ý họ, thì bị mắng là bần cùng mà còn có tự ngã. Còn tự ý phóng khoáng một chút thì cho là kẻ ngu si không biết dè dặt. Nếu mình khiêm tốn, thì họ nói: “Hắn không thô lỗ như thế chẳng qua là trá hình tướng đảng hoàng, chín chắn.” Nếu lại vui vẻ, an nhàn đôi chút thì họ dùng lời mắng nhiếc: “Hình tướng ấy khác nào thằng điên.” Còn như buồn thảm thì bảo: “Vây là từ trước tới nay tâm nó không bao giờ vui, là thứ ngậm độc.” Nếu nghe theo lời người khác nói thì bảo là: “Hắn bị sai khiến là lấy ngu thay trí nên chịu nhiều hổ thẹn.” Nếu im lặng thì lại nói là ngu xuẩn, không biết đạo lý. Nếu ít tranh luận biện bạch thì là nói không tin tội phước. Như có tìm tòi thì bảo là: “Tùy tiện mà được chữ không biết liêm sỉ.” Nếu không đòi hỏi thì lại nói “Nay tuy không cầu, nhưng sau này sẽ mong muốn nhiều hơn.” Nếu dẫn chứng kinh sách để nói thì bảo giả vờ thông minh. Còn như nói lời mộc mạc thì lại khinh chê là khờ khạo, ngu độn. Nếu luận bàn rõ về sự thật thì lại bảo là nói năng ồn ào. Còn chỉ thì thầm việc riêng tư, dù có nói lời đúng đắn cũng cho là gièm pha, nịnh hót. Nếu mặc áo mới thì nói mượn đồ để trang sức. Còn mặc áo rách thì lại chế giễu là nghèo hèn thấp kém. Nếu ăn uống nhiều thì nói là đói khát, tham ăn. Còn như ăn uống ít thì bảo: “Trong bụng thực ra là đói mà giả vờ từ tốn.” Nếu nói bàn về kinh luận thì bảo: “Hắn muốn hiển bày cái hiểu biết của mình, ý phô trương ta đây không hề ngu muội.” Còn như không nói về kinh luận thì bảo là đồ ngu tối không

biết gì, đáng cho đi chặn bò. Nếu kể lể về sự nghiệp ngày xưa thì nói tự đề cao là khoác lác. Còn như im lặng thì nói gia môn tài sản của nó đúng là đã cạn kiệt.”

Những người nghèo khổ đi, đứng, qua lại, nói năng, ngẩng lên cúi xuống hết thấy là lỗi lầm, sai sót. Còn người giàu sang thì nhất cử nhất động làm việc gì cũng đều đúng, nếu có gây ra những điều phi pháp cũng không có tội. Người bần cùng như thầy quỷ di chuyển khiến tất cả đều sợ; như gặp bệnh nan y khó có thể trị liệu. Như nơi hoang vắng, nguy hiểm, tuyệt nhiên không có một chút nước uống hay ngọn cỏ. Như rơi vào biển lớn, chìm đắm trong vô số lớp sóng cuộn cuộn. Như người bị ấn yết hầu hơi thở không phát ra được. Như đôi mắt bị nhắm, không biết chỗ hướng đến. Như đóng rác ứ đọng cao dày khó có thể tẩy, khử. Như oan gia tuy cùng nhau sinh hoạt, nhưng không bỏ được tâm ác. Như vào mùa hè giếng nước khô cạn, nếu rơi xuống sẽ bị chết ngột. Như vào trong đầm lầy sâu lún không thể bước ra. Như núi lở, nước chảy ào ạt. Như gió lốc thổi tràn cây cối bị gãy đổ. Nghèo khổ cũng như thế. Những khổ cực nơi bần cùng đều có thể hủy hoại: Sắc đẹp, trai tráng, khí lực, danh tiếng, chủng tộc, nhà cửa, trí tuệ, trì giới, bố thí, hổ thẹn, nhân nghĩa, tín hạnh, uy dũng, ý chí đều mất hết. Lại sinh ra đói lạnh, oán ghét, thô lỗ, hẹp hòi, sâu muộn, độc ác, oán trách, mắc tội, những cái khổ như vậy đều từ bần cùng sinh ra. Ví như chỗ cất giấu có nhiều thứ tạp vật, nên nấp giấu bên trong cái nghèo cùng là thân tâm có đủ loại khổ não. Phàm là người giàu sang thì oai đức cao quý, dung mạo đàng hoàng, tâm ý độ lượng, quảng đại, khoan dung, lễ nghĩa đủ đầy, có thể sinh trí dũng, tăng trưởng gia nghiệp, quyến thuộc hòa thuận, tiếng lành đồn xa. Đấng Chỉ suy nghĩ: “Ta nay quá nghèo khổ ở đời không ai hơn nữa, đã không thể tự sát để bỏ thân này, vậy phải có phương pháp gì để tạo sự sống còn.” Lại nghĩ: “Người đời luôn tệ bạc! Bất quá ta đi vác tử thi, việc đó tuy đồng hàng với việc ác nhưng đời sau không thọ nghiệp khổ, còn hơn là làm những việc khác như sát sinh, hay những điều bất thiện. Cứ theo ý nghĩ này mà xin làm công việc vác xác ấy.”

Bấy giờ, có người nghe Đấng Chỉ xin việc làm, nên thuê vác



xác chết. Đăng Chỉ nhận lời, theo như người hướng dẫn vác một xác chết đến nghĩa địa, tới nơi Đăng Chỉ muốn ném xuống, nhưng xác chết lại ôm lấy Đăng Chỉ, ghì chặt không gỡ ra được, như đứa bé ôm lấy cha mẹ. Đăng Chỉ cố gắng hết sức để bung chạy nhưng cũng không thể thoát thân. Thân chết bấu xương sống như chất keo gắn buông chẳng được, tháo không ra. Đăng Chỉ quá sợ hãi, suy nghĩ: “Bây giờ ta tìm đến chỗ nào đó để nhờ kẻ khác cứu mình.” Bèn vội vã chạy vào thôn Chiên-đà-la, la lên:

–Nếu ai có thể gỡ giùm thân chết trên lưng tôi, tôi sẽ trả tiền giá gấp đôi.

Những người Chiên-đà-la nghe rõ, tất cả cùng xúm lại kéo thân chết, nhưng cũng không ra. Có một người đứng ngoài thấy thế mắng Đăng Chỉ:

–Thằng điên, hà cớ gì vác thân chết chạy vào thôn xóm người ta.

Rồi họ xúm nhau lấy cây đánh, lượm đá ném. Thân thể Đăng Chỉ đầy thương tích, đau đớn xen lẫn sợ hãi. Có người thương xót, đưa anh đến thành. Vừa đi tới dưới cổng thành thì người giữ cửa ngăn lại, đánh Đăng Chỉ không cho đến gần cửa. Đâu có ai ngu si gì mà vác tử thi đi vào thành? Đăng Chỉ nhìn lại thân phận mình, thân thể đầy thương tích do gậy gộc. Trần trề ảo não Đăng Chỉ khóc lớn, nói:

–Ta chính vì miếng ăn nên phải làm việc thô bỉ này, hôm nay bỗng nhiên gặp khổ lớn. Cũng vì bản khốn, không tìm được việc làm, vì vậy phải làm nghề đê tiện ấy. Mình chỉ mong kiếm tiền lấy đó để tự sinh nhai, sao mới một ngày lại gặp chuyện cay đắng? Nhưng thà vác xác chết khác chớ không chịu mang mãi thân sống.

Vừa khóc vừa kể lể, người giữ cổng quá cảm động nên cho Đăng Chỉ trở về nhà. Bản thân không nhà, nên trước tiên xin ăn cùng những người nghèo khổ, sống chung với họ, nhưng khi trông thấy xác chết trên lưng anh ta, tất cả đều bỏ đi. Về đến nhà rồi thì thân chết tự rớt xuống đất, khi ấy Đăng Chỉ càng thêm khiếp sợ, sầu muộn tuyệt vọng ngã quỵ xuống đất, hồi lâu mới tỉnh lại, thấy thân chết kia cả

cánh tay thuần là vàng ròng. Tuy còn sợ nhưng thấy màu vàng ròng đẹp, liền đến bên cạnh thầy chết lấy dao chém thử thì đúng là vàng ròng thật. Được vàng, Đấng Chỉ lòng vui mừng bèn dùng dao cắt đầu, tay, chân, vừa cắt xong trong khoảnh khắc thì tay, chân, đầu bằng vàng lại mọc ra như cũ y hệt con người lúc trước.

Như ông vua mất nước, trở lại ngôi vị. Như người mù, nay mắt lành thấy được ánh sáng. Như nhớ thương người con gái nọ lâu ngày, nay gặp nhau, giao hoan. Như người học thiên bỗng nhiên được chứng đạo. Đấng Chỉ hiện tại vui mừng cũng như thế. Đấng Chỉ có kho tàng châu báu nhiều hơn trước gấp bội, oai đức danh tiếng hơn ngày xưa. Họ hàng, bằng hữu, vợ con, tôi tớ tất cả đều trở lại. Đấng Chỉ than:

–Chao ôi! Quái lạ thay, giàu có tốt đỉnh nhiều uy lực nên có thể sai khiến người ta mau chóng quay về. Còn nghèo hèn thì cũng có thể làm cho những người thân lệ làng bỏ đi. Trước đây ta bần hàn, thăm hỏi người thân thiết, họ đoạn tuyệt giao du, hầu như không một ai thèm nói chuyện với ta. Hôm nay, tất cả đều nghiêm chỉnh vâng lời, chấp tay cung kính. Giả sử sinh nơi như Đế Thích, dũng lực như Lama, thấy biết như Thiên sư, nếu không có tiền tài thì cũng không được như vậy. Ai giàu có, không cần biết là trí hay ngu đều tôn xưng họ là tốt. Nếu thực chất họ không biết gì, thì người đời cứ cho là trí, cũng được oai thế, nhiều danh thơm tiếng tốt. Mặc dù già nua, xấu xí nhưng cũng có phụ nữ trẻ đẹp yêu mến, cận kề người ấy.

Bấy giờ, nghe Đấng Chỉ giàu sang trở lại vua A-xà-thế liền hạ lệnh cho người đến thu giữ tất cả tài sản của Đấng Chỉ, chỉ còn mỗi một thầy chết họ ném bỏ lại trong nhà. Nhưng xác chết lại biến thành vàng thật, Đấng Chỉ biết vua muốn được bảo vật này, liền lấy đầu, tay, chân bằng vàng đem dâng cho vua. Nhà vua được vàng rồi hồi cung. Sau đó, Đấng Chỉ suy nghĩ nói kệ:

*Năm dục dễ lay động  
Như ánh chớp, rấn độc  
Sang giàu chẳng dừng lâu  
Nên sinh tâm chán bỏ.*

Đăng Chỉ lấy châu báu bố thí cho mọi người, đoạn xuất gia cầu đạo theo giáo pháp của Như Lai, tinh tấn tu tập chứng đạo quả A-la-hán. Tuy đắc đạo quả nhưng cái xác bằng vàng cứ ám ảnh mãi.

Một hôm, có vị Tỳ-kheo hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Tỳ-kheo Đăng Chỉ từ khi sinh đến nay có ngón tay phát sáng? Vì nhân duyên gì phải chịu cảnh nghèo khổ? Và vì nhân duyên gì mà có thân bằng vàng thường theo ám ảnh?

Phật bảo:

–Này Tỳ-kheo! Hãy chí tâm lắng nghe, ta sẽ vì ông nói rõ về túc duyên đó!

Vào thời xa xưa, Tỳ-kheo Đăng Chỉ sinh tại nước Ba-la-nại, trong gia đình Đại trưởng giả, lúc nhỏ lấy xe ra ngoài dạo chơi, chiều tối mới trở về thì cửa bên ngoài nhà đã đóng, bèn gọi lớn: “Mở cửa!” nhưng không một ai ra mở cửa. Hồi lâu, người mẹ mới ra mở cửa cho con, Đăng Chỉ giận dữ mắng người mẹ: “Cả nhà đi vác thầy chết rồi hay sao, hoặc là bọn cướp đến giết cả nên chẳng có mạng nào ra mở cửa cho tôi.” Do nghiệp duyên đó nên Đăng Chỉ sau khi chết bị đọa vào địa ngục, lúc sinh trở lại làm người, dư báo của nghiệp cũ còn lại nên phải thọ nhận cảnh nghèo khổ ấy. Còn chuyện ánh sáng nơi ngón tay và thân bằng vàng ta sẽ nói cho ông nghe:

Thời quá khứ, chín mươi một kiếp về trước có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, giáo hóa độ sinh rồi nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ mãi ở đời. Bảy giờ, Đăng Chỉ là một Đại trưởng giả, gia đình rất giàu có. Một hôm, Đăng Chỉ đi chùa tháp để cung kính lễ bái, nhân thấy một pho tượng bằng đất gãy rớt một ngón tay. Đăng Chỉ bèn lượm ngón tay ấy sửa lại và lấy vàng lá thếp lên pho tượng kia, đoạn phát nguyện: “Tôi xin dùng hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường và nhờ công đức tu sửa tượng này, xin nguyện: Nếu được sinh lên cõi trời hay sinh vào cõi người luôn được ở chỗ giàu có tôn quý, còn giả như bị rơi rớt thì vẫn được trở lại như vậy, lại khiến tôi ở trong giáo pháp của Như Lai xuất gia tu tập đắc đạo.”

Vì Đăng Chỉ tu bổ ngón tay nơi tượng Phật và thếp vàng pho

tượng ấy nên được phước báo ngón tay có hào quang và được tử thi toàn vàng. Còn do ác khẩu nên khi ra khỏi địa ngục thì bị quả báo bần cùng.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh về chuyện Đăng Chử, có chư Thiên, dân chúng tung rải các loại hoa, tấu nhạc trời, chư Thiên cúng dường xong thì trở về thiên cung. Đó là nhân duyên đối với hình tượng Phật chỉ gieo trồng một ít phước nghiệp mà chỗ phước báo đạt được là rất lớn, cho đến chứng đắc quả vị Niết-bàn. Tu sửa hình tượng Phật hãy còn như thế huống gì là đối với Pháp thân của Như Lai? Ở nơi giáo pháp của Phật mà tu hành đúng như lời chỉ dạy thì công đức đó là không hạn lượng. Nếu muốn sinh lên cõi trời, hay làm người, thọ hưởng những hạnh phúc thì phải chí tâm lắng nghe pháp. Còn Đăng Chử phải thọ quả báo đại khổ là do ác khẩu. Phải nên sợ hãi mọi sự khổ não, xa lìa ác khẩu, các nghiệp bất thiện. Theo đấy mà xét tất cả vinh hoa phú quý nơi người đời không nên tham đắm, còn đối với sự tôn quý của chư Thiên cũng chẳng nên ham thích. Nên biết bần cùng là hội tụ của những khổ lớn, muốn đoạn trừ bần cùng thì không nên tham lam, keo kiệt. Như lời trong kinh dạy: “Người bần cùng là đại khổ.”



SỐ 704

# KINH LÂU CÁC CHÁNH PHÁP CAM LỘ CỔ

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Sa-môn Thiên Túc Tai,  
Tây Thiên Trúc của Ấn Độ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà phát khởi tâm chân thật, đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, Tôn giả đầu mặt đánh lễ sát chân Phật, kính lễ xong, đứng sang một bên, rồi Tôn giả A-nan-đà bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là gieo trồng thiện căn thanh tịnh? Thế nào là tạo Mạn-noa-la? Thế nào là quy y thọ trì học giới? Thế nào là chấp tay cúng kính Như Lai, thành tựu nghiệp thiện gì?

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thiện căn luân hồi chẳng diệt? thế nào là nghiệp dứt hết, chứng đắc được Niết-bàn? Và tạo hình tượng Như Lai thì đạt được công đức ra sao?

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan-đà! Hiện tại đối với năm đức phải tu tập, gìn giữ cho thanh tịnh. Lại nói dùng những gì gọi là phát tự tâm, phát tha tâm khiến bậc Hiền thánh được tâm hoan hỷ, nghiệp thiện hiển bày rõ ràng, mọi chỗ mong cầu đều đạt được, sau khi thân hoại mạng chung sinh về trời Thiện thế.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm đối với Phật nên chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la bốn phương, thì ta nói người đó về đời vị lai, ở Bắc Câu-lô châu làm người chủ giàu sang, sau khi thân hoại mạng chung được sinh về cung trời Đao-lợi?

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm đối với Phật nên chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la như hình bán nguyệt, thì ta nói người đó vào đời vị lai, ở Đông Thắng thân châu làm bậc chủ giàu sang, sau khi mạng chung được sinh về cõi trời Dạ-ma.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm đối với Phật nên chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la hình chiếc xe, thì ta nói người vào đó vào đời vị lai, ở Tây Ngưu hóa châu làm bậc chủ giàu sang, sau khi thân hoại mạng chung được sinh về cung trời Đâu-suất.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm vì Phật mà chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la hình tròn, thì ta nói người đó đời vị lai, ở Nam Diêm-phù châu làm bậc chủ phú quý, sau khi thân hoại mạng chung được sinh về cõi trời Hóa lạc.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người quy y Phật, Pháp, Tăng và hộ trì tịnh giới, thì ta nói thiện căn, phước đức của người đó là vô lượng, vô biên. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác chứng đắc tận cùng về cảnh giới Niết-bàn cũng không thể so sánh được.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Tôn giả A-nan-đà:

–Tùy ý ông nên biết, hoa sen hồng kia mềm mại không như Cây Vô-ưu lá sắc đỏ vi diệu. Lưỡi ta cũng như thế, dài ra phủ cả diện môn cho đến mái tóc như ông đã thấy.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nói lời vọng ngữ, nói thêu dệt, ác khẩu, hai lưỡi thì làm gì có được điều đó? Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác duy chỉ nói lời chân thật mới có tướng lưỡi như vậy. Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người đem thân mạng quy y, chấp tay, đánh lễ Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thì chúng sinh đó được ta cứu độ. Vì sao? Vì pháp giới của Như Lai luôn quyết định như vậy. Nếu có người thành tâm chấp tay lễ bái và thực hành bố thí. Lại có người như lúc rửa tay, rửa sạch những đồ đựng và trong khoảnh khắc ấy phát tâm lợi sinh và nguyện cho hết thảy chúng sinh hiện có đều

được an lạc, thì ta nói người đó đã mở cửa phước đức, đóng cửa đường ác tránh khỏi ba kiếp. Thế nào là ba kiếp? Là kiếp đao binh, kiếp bệnh tật, kiếp đói khổ. Nay Tôn giả A-nan-đà! Lại có người trong một ngày gìn giữ giới pháp, xa lìa sự sát sinh thì người ấy không sinh vào kiếp đao binh. Nếu dùng các thứ váng sữa sống, chín, mật, dầu, đường phèn cúng dường cho chúng Tăng, thì người ấy không sinh vào kiếp bệnh tật. Nếu đem một bát thức ăn, nước uống cúng dường cho chúng Tăng, thì người ấy sẽ không sinh vào kiếp đói khổ. Nay Tôn giả A-nan-đà! Có ba thiện căn vô tận vô biên ở trong chốn luân hồi cũng không bị diệt tận, mà còn đến được Niết-bàn. Những gì là ba? Nghĩa là đối với Đức Như Lai gieo trồng thiện căn, là vô tận vô biên nên ở trong chốn luân hồi cũng không bị diệt tận, rốt cuộc là chứng đắc quả vị Niết-bàn. Đối với Pháp, đối với Tăng cũng gieo trồng thiện căn, thì cũng là vô tận vô biên, ở trong cõi luân hồi cũng không bị diệt tận và đời vị lai tất đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng công đức của mình bảo Tôn giả A-nan-đà:

– Ông có thấy Nam Diêm-phù châu kia không?

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Nay Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu tạo nên Nam Diêm-phù châu hình bánh xe dài rộng đúng bảy ngàn do-tuần, đem bố thí, cúng dường cho tăng chúng tứ phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cho đến Duyên giác... Nếu có người, sau khi Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ lớn bằng quả Am-ma-lặc, trên đỉnh tháp đặt hình bánh xe pháp dù nhỏ như cây kim, tạo cái lọng để che hình giống lá táo, rồi bên trong tháp tôn tượng Phật như hạt lúa mạch, đặt xá-lợi như hạt cải trắng ở phía dưới, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn, hơn hẳn những người đã nói ở trước. A-nan-đà, hãy gác lại việc nói về Nam Diêm-phù châu.

Nay Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu làm Đông Thắng thân châu, xung quanh, bốn mặt như hình bán nguyệt, chiều dài rộng đúng tám ngàn do-tuần, bố thí, cúng dường

cho chúng Tăng ở bốn phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc nếu có người, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù nhỏ như quả Am-ma-lặc, trên đỉnh tháp tạo hình bánh xe pháp, nhọn như cây kim, làm cái lọng che hình lá táo, bên trong an trí tượng Phật bằng hạt lúa mạch, lại đặt xá-lợi như hạt cải trắng phía dưới, thì ta nói phước đức người này là rộng lớn hơn hẳn những người đã nói ở trước. A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói hai Nam Diêm-phù châu và Đông Thắng thân.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào có lòng tin, lấy bảy báu làm châu Tây-ngưu-hóa tròn như mặt trăng, dài rộng đúng chín ngàn do-tuần, đem cái đó cúng dường chúng tăng tứ phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ như quả Am-ma-lặc, mũi tháp nhọn như cây kim, hình cãm xe pháp luân, trên có lọng che như lá táo, bên trong an trí tượng Phật bằng hạt lúa mạch, phía dưới đặt xá-lợi như hạt cải trắng, thì ta nói phước đức người này là rộng lớn hơn hẳn những người trước. A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói về ba châu kể trên.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu làm Bắc Câu-lô châu, tất cả bốn mặt đều vuông rộng mười ngàn do-tuần, đem cúng dường cho chúng tăng bốn phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ nhỏ như quả Am-ma-lặc, đỉnh tháp nhọn như cây kim, hình pháp luân, trên có lọng che như lá táo, bên trong tháp tôn trí tượng Phật bằng hạt lúa mạch, phía dưới đặt xá-lợi như hạt cải trắng, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn hơn hẳn những người trước.

A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói về bốn châu nêu trên. Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu làm thiên pháp đường của thiên chủ Đế Thích đem bố thí cúng dường cho chúng Tăng ở bốn phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-



la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ như quả Am-ma-lặc, trang nghiêm đủ loại, làm đỉnh tháp kiểu pháp luân, lọng che ở trên, tôn trí hình tượng Phật và đặt xá-lợi, giống như trước không khác, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn hơn hẳn những người trước.

A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói về bốn châu và Thiện pháp đường.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào có lòng tin, cho đến lấy bảy báu làm tam thiên đại thiên thế giới, đem bố thí cúng dường cho chúng tăng bốn phương và các bậc đã chứng đắc tứ quả, cả Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ như quả Am-ma-lặc, trang nghiêm đủ loại, tướng pháp luân, lọng che tôn trí hình tượng Phật và đặt xá-lợi, giống như trước không khác, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn hơn hẳn những người trước. Vì sao? Này Tôn giả A-nan-đà! Vì Như Lai hành trì Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Nhất thiết trí là vô lượng, vô biên, cho đến mười Lực, bốn Trí, ba pháp Bất cộng và bốn Niệm xứ; thậm chí tâm đại Bi cũng vô lượng, vô biên là do Như Lai có công đức như vậy. Này Tôn giả A-nan-đà! Khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết pháp thì khắp cả tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Chánh pháp hiện được nêu giảng tên là gì? Và thọ trì như thế nào?

Phật bảo A-nan-đà:

–Kinh này tên là Chánh Pháp Cam Lộ Cổ, cũng gọi là Vị Tăng Hữu Chánh Pháp, nên thọ trì như vậy.

Tôn giả A-nan-đà với tâm hy hữu, vâng theo sự chỉ dạy của Phật tín thọ phụng hành, đảnh lễ và lui ra.





SỐ 705

## KINH BỐ THÍ

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hiền,  
người Tây Thiên.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, nhân đó, Phật thuyết giảng pháp bố thí có ba mươi bảy loại:

1. Dem lòng tin kiên cố hành trì pháp bố thí, sẽ xa lìa được tất cả sự ganh ghét và được mọi người tôn kính.

2. Bố thí đúng thời được ba nghiệp thanh tịnh, bốn thời an ổn.

3. Thường hành Bố thí thì thân tâm luôn được an vui, không bị tán loạn.

4. Chính tay mình Bố thí thì sẽ được ngón tay thon dài, thân tướng đoan nghiêm.

5. Vì người khác Bố thí lại được người khác hành Bố thí, xả bỏ nhiều hơn.

6. Dựa theo pháp Bố thí, thì tâm lìa mọi sự chấp giữ về tướng, được phước vô vi.

7. Dùng tất cả hình sắc thượng diệu Bố thí thì được sắc thân đoan nghiêm, mọi người đều yêu mến.

8. Dem đủ loại hương thơm vi diệu Bố thí, thì luôn được thọ dụng sự cúng dường là hương Chiên-đàn.

9. Dem các vị thượng diệu Bố thí thì các vị bậc nhất trong mọi

thứ vị, bổ ích toàn diện cho thân thể.

10. Đúng như pháp tôn quý Bồ thí thì được mọi an ổn, diêu lạc, ai ai cũng thích gặp.

11. Đem tâm rộng lớn Bồ thí thì được phước rộng lớn vô lượng.

12. Đem thức ăn ngon Bồ thí thì luôn tránh khỏi cảnh đói khổ, kho lẫm luôn đầy ắp.

13. Đem nước uống Bồ thí thì đi đến bất cứ nơi đâu không bao giờ bị đói khát.

14. Dùng y phục Bồ thí thì được y phục thượng diệu, thân tướng trang nghiêm.

15. Đem trú xứ Bồ thí thì được ruộng vườn nhà cửa thênh thang, lầu các tráng lệ.

16. Dùng ngọạ cụ Bồ thí thì được sinh trong nhà quý tộc, mọi thứ vật dụng cần thiết đều sạch đẹp.

17. Đem voi, ngựa, xe cộ Bồ thí thì được bốn thần túc với diêu dụng vô ngại.

18. Dùng thuốc thang bồ thí thì được an ổn diêu lạc, tất cả bệnh tật đều không có.

19. Đem kinh pháp cúng dường bồ thí thì được thần thông như Túc mạng thông...

20. Đem hoa quả cúng dường thì được hoa bảy Giác chi.

21. Đem tràng hoa cúng dường thì giải thoát khỏi ba thứ cấu uế tham, sân, si.

22. Đem hương cúng dường thì xa lìa khỏi các thứ phiền não, cấu uế.

23. Đem dù lọng cúng dường thì đạt được pháp tự tại.

24. Đem chuông linh cúng dường thì được âm thanh, lời nói êm dịu.

25. Đem âm nhạc cúng dường thì được Phạm âm thâm diệu.

26. Đem đèn sáng cúng dường thì được Thiên nhãn thanh tịnh.

27. Đem tơ lụa đủ màu cúng dường thì được y phục giải thoát.

28. Lấy nước hương rưới rửa tháp miếu của Như Lai;

29. Lấy nước tắm gội thân tướng Như Lai;

30. Lấy dầu thơm thoa xức nơi tượng Phật, cả ba trường hợp cùng được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

31. Đem nước hương cúng dường cho chúng Tăng tắm, thì được sinh vào gia đình phú quý, ít bệnh, an vui.

32. Đem tâm Từ bố thí thì được dung mạo hiền hòa, dứt hết mọi sân hận.

33. Đem tâm Bi bố thí thì xa lánh được sự sát hại.

34. Đem tâm Hỷ bố thí thì đạt được vô sở úy, xa lìa ưu não.

35. Đem tâm Xả bố thí thì được xa lìa mọi sự chướng quái ngại, chứng đạt tịch diệt an vui.

36. Đem nhiều thứ bố thí thì được vô số chủng loại phước đức.

37. Lấy tâm vô trụ, vô tướng bố thí thì được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Đó là ba mươi bảy loại, là hạnh Bố thí vi diệu của người trí, các ông nên thọ trì.

Bấy giờ, quốc vương nước Xá-vệ bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con nên thực hành Bố thí như thế nào?

Phật bảo:

–Nếu Đại vương khi hành Bố thí để cầu phước báo thắng diệu thì dấy khởi tâm Từ, không sát hại, lìa bỏ các ganh ghét, tương ưng chánh kiến, lánh xa điều bất thiện, kiên trì giữ gìn giới cấm, thân cận thiện hữu, đóng cửa hướng ác, mở đường sinh Thiên, tự lợi, lợi tha, tâm luôn bình đẳng. Bố thí như vậy là bố thí, đích thực là ruộng phước lớn.

Lại nữa, thực hành bố thí thì luôn được báo ứng theo tâm nguyện của mình. Nếu chính tay mình dùng màu sắc đẹp, hương thơm, vị thượng diệu, sự tiếp xúc mềm mại bố thí thì được phước báo là mọi người tôn trọng, quyến thuộc đông đúc, giàu có, an lạc. Hoặc đem thức ăn, nước uống bố thí thì được sức mạnh. Hoặc đem sữa,

dầu, đèn bố thí thì được Thiên nhân. Hoặc dùng âm nhạc bố thí thì được Thiên nữ. Hoặc đem thuốc thang bố thí thì được trường thọ. Hoặc đem trú xứ bố thí thì được lầu gác ruộng vườn. Hoặc dùng pháp nêu giảng đem bố thí thì được cam lộ.

Phật lại bảo:

–Nếu Đại vương dùng mười pháp thiện hành thí thì được mười loại báo ứng.

Mười pháp thiện là:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cắp.
3. Không dâm dục.
4. Không vọng ngữ.
5. Không nói thêu dệt.
6. Không nói ác khẩu.
7. Không nói hai lưỡi.
8. Không tham.
9. Không sân.
10. Không si.

Thì mạng sống không bị chết yểu, tài sản không hề tán thất, quyến thuộc đông đảo, trong sạch. Lời nói thành thật, xa lìa mọi thứ ganh ghét, người người thấy đều vui, thân hữu hòa thuận, không bị cảnh nghèo túng, dung mạo đoan nghiêm, trí tuệ tương ứng, nói chung là đạt được các quả báo như thế.

Phật bảo:

–Này Đại vương! Nếu đem các thứ thức ăn, nước uống thượng diệu cúng dường Tam bảo thì được năm loại lợi ích:

1. Thân tướng đoan nghiêm.
2. Khí lực tăng thịnh.
3. Thọ mạng lâu dài.
4. An ổn diệu lạc.
5. Thành tựu biện tài.

Như thế, tất cả chúng sinh nơi Nam Thiệm-bộ châu, cha mẹ, vợ

con, nam nữ, quyến thuộc, hành trì các việc bố thí như trên thì tùy theo chỗ nguyện cầu, không việc gì là không viên mãn.

Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp này xong, tất cả đại chúng đều hoan hỷ, đánh lễ và lui ra.







SỐ 706

## KINH NGŨ ĐẠI THÍ

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.*

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm loại đại thí, nay ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Những gì là năm?

1. Không sát sinh là đại thí.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không vọng ngữ.
5. Không uống rượu, là đại thí.

Vì ý nghĩa gì mà nói giữ giới không sát sinh là đại thí? Vì không sát sinh là bố thí vô úy cho vô lượng hữu tình. Nhờ bố thí ấy nên không oán, không ghét, không hại, vì vô lượng hữu tình kia được vô úy rồi thì không oán, không ghét, không hại, khi sinh thiên hay ở nhân gian đều an ổn, hạnh phúc. Do đó không sát sinh gọi là đại thí. Không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu cũng lại như vậy.





SỐ 707

## KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC

*Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm  
đời Đông Tấn.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Tỳ-xá-ly. Lúc này, đến giờ thọ trai, Đức Phật vào thành khất thực.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có một Lê-xa tên Tỳ-la-tiện-na (*y dịch là Dũng quân*). Ví như và các Thiên nữ đồng vui đùa, thì vương tử này và các thể nữ ở trên lầu vui chơi, đắm đuối trong sắc dục cũng lại như vậy. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng Nhất thiết trí nghe rõ âm thanh hoan lạc ấy rồi bảo Tôn giả A-nan:

–Ta biết người này tham đắm năm thứ dục lạc, sau bảy ngày nữa thì mạng chung. Như vậy, anh ta sẽ xa lìa mọi sự hoan lạc bên người thân, nhất định phải chết. A-nan! Nếu người này không bỏ dục lạc, không xuất gia thì khi mạng chung có thể bị đọa vào địa ngục.

Khi đó vâng lời chỉ dạy của Đức Phật, muốn đem lại lợi ích cho vương tử ấy, nên Tôn giả A-nan đi đến nhà anh ta. Vương tử nghe Tôn giả A-nan ở bên ngoài, liền đi ra nghênh đón, do tâm tôn kính nên thỉnh Tôn giả A-nan vào nhà an tọa. Tôn giả A-nan vừa an tọa thì vương tử cung kính thưa:

–Quý hóa thay! Người bạn tốt đã đến đây. Hôm nay, thật đúng lúc, tôi gặp được Tôn giả là hết sức vui mừng. Nếu Tôn giả hoan hỷ,

có thể dạy bảo tôi về giáo pháp của Phật, giúp tôi được an lạc.

Vương tử thừa thỉnh ba lần như vậy. Tôn giả A-nan vì muốn cho vương tử được nhiều lợi ích nên im lặng không nói. Vương tử lại thưa:

–Đại tiên Tỳ-đà-a Mâu-ni, luôn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, có hiềm hận gì mà mặc nhiên không nói. Không thấy bảo ban gì dù đã thưa đến lần thứ ba. Tôn giả là người giữ gìn pháp tạng của Phật, luôn đem lại lợi ích cho thế gian.

Tôn giả A-nan buồn bã nói:

–Xin hãy lắng nghe! Sau bảy ngày nữa bạn sẽ qua đời. Nếu bạn cứ ở mãi trong năm dục không giác ngộ, không xuất gia tu tập thì khi mạng chung bạn sẽ bị đọa vào địa ngục. Phật là Bạc Nhất Thiết Trí, lời nói đúng đắn, thuyết giảng đúng đắn, đã nói về bạn như thế. Ví như ngọn lửa thiêu đốt mọi vật, thấy đều không sai, bạn nên suy nghĩ cho kỹ.

Vương tử nghe nói vậy thì lo sợ, buồn rầu, không vui, nói:

–Theo lời chỉ dạy của Tôn giả A-nan, tôi phải xuất gia, nhưng tôi muốn thọ hưởng hoan lạc thêm sáu ngày nữa, đến ngày thứ bảy tôi sẽ giả tử người thân, quyết định xuất gia. Tôn giả A-nan đồng ý.

Đến ngày thứ bảy, Tỳ-la-tiện-na sợ sinh tử nên cầu Phật xuất gia, Đức Phật liền chấp thuận. Qua một ngày một đêm, Tiện-na tu trì tịnh giới rồi mạng chung. Sau khi lo liệu việc hỏa thiêu và cung kính xong, Tôn giả A-nan cùng họ hàng của Tiện-na đến hỏi Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Tỳ-la-tiện-na ấy nay đã mạng chung, thân thức sinh về đâu?

Bấy giờ, Đức Phật Thế Tôn bậc Thầy của hàng trời người, Bạc Nhất Thiết Trí dùng đại Phạm âm hơn tiếng sấm vang, hơn các tiếng hót vi diệu của chim Ca-lăng-lần-già, đã dùng tám thứ âm thanh bảo Tôn giả A-nan:

–Này Tôn giả A-nan! Tỳ-kheo Tỳ-la-tiện-na ấy do sợ khổ của sinh tử nơi địa ngục nên đã xả bỏ dục lạc xuất gia, trong một ngày một đêm hạnh trì tịnh giới, xả bỏ cõi đời này, sinh về cõi trời Tứ Thiên vương, làm con Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Vốn buông tâm thọ hoan lạc nơi năm dục, cũng tham đắm với năm dục nơi

các thể nữ cùng vui chơi thọ lạc, thọ mạng ở cõi trời này là năm trăm năm, qua đời thì sinh về cõi trời Tam thập tam, làm con Đế Thích thọ hưởng đầy đủ năm dục, sung sướng bậc nhất nơi cõi trời, thọ mạng một ngàn năm, sau khi mạng chung được sinh nơi cõi Diêm thiên làm vương tử của Diêm Thiên vương, buông tâm thọ hưởng sắc, thanh, hương, vị, xúc nơi cõi trời, thọ mạng hai ngàn năm, qua đời ở đây thì sinh về cõi trời Đâu-suất làm vương tử, tiếp tục thọ hưởng năm dục. Khi mắt thấy rõ về tướng dục, tâm tự nhàm chán, thường bàn luận về chánh pháp, về trí tuệ giải thoát. Nơi cõi trời có tuổi thọ hơn hết, mãn bốn ngàn năm, mạng chung sinh lên cõi trời Tự tại, làm con của Thiên vương, lại thọ hưởng vô số các thứ dục lạc, ứng hóa theo tâm niệm kéo dài tám ngàn năm, qua đời thì sinh về cõi trời Tha hóa tự tại, cũng được làm con Thiên vương. Cõi trời thứ sáu này, mọi dục lạc ở đây thì năm cõi trời phía dưới đều không thể so sánh. Thọ mạng nơi cõi trời này là một vạn sáu ngàn năm, với đủ loại dục lạc bậc nhất trong sáu cõi trời. Thọ lạc như vậy qua lại bảy lần trong sáu tầng trời cõi Dục. Tỳ-la-tiện-na ấy do một ngày một đêm xuất gia hành trì tinh tấn nên mãn hai mươi kiếp, không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thường sinh nơi cõi trời, cõi người, thọ phước báo tự nhiên. Kiếp sau cùng nơi cõi người sinh vào nhà giàu có, tài sản phong phú, châu báu đầy đủ. Khi tuổi tráng niên đã qua, các căn suy yếu, lo sợ họa hoạn nơi sinh, lão, bệnh, tử, nên Tiện-na nhàm chán ở đời, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, thân mang pháp phục, siêng năng tinh tấn tu tập, giữ bốn oai nghi, thường hành chánh niệm, quán xét về năm ấm là khổ, không, vô ngã, hiểu rõ về pháp nhân duyên, thành Bích-chi-phật hiệu là Tỳ Lưu Đế, lúc ấy phóng hào quang lớn, có nhiều chư Thiên, người phát sinh thiện căn, khiến cho các chúng sinh gieo trồng nhân duyên giải thoát nơi ba thừa.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan chấp tay bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Nếu có người hóa độ cho kẻ khác xuất gia, người xuất gia ấy tu tập hoàn thành được mọi việc cần thiết thì phước đức đạt được như thế nào? Nếu lại có người hủy phá nhân duyên xuất gia của người khác thì thọ tội báo gì? Xin Thế Tôn chỉ dạy rõ.

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Nếu ông sống đủ trong một trăm năm để hỏi ta việc này, ta cũng dùng trí tuệ vô tận đủ trong một trăm năm, trừ những lúc ăn uống, để vì ông mà giảng nói rộng về công đức của người ấy vẫn không thể hết được. Người do luôn được sinh nơi cõi trời, cõi người, thường làm quốc vương, thọ hưởng mọi sự an lạc. Nếu có người, đối với pháp Sa-môn ấy giúp khiến kẻ khác xuất gia, hoặc lại tạo nhân duyên giúp đỡ kẻ kia xuất gia, thì người đó, dù ở trong sinh tử cũng thường thọ nhận diệu lạc. Dù ta có đủ một trăm tuổi để nói về công đức ấy cũng không thể hết. Như vậy, này Tôn giả A-nan! Ông có đủ một trăm năm dành hết cả tuổi thọ đó để hỏi ta, còn ta sống đến khi nhập Niết-bàn, giảng nói về công đức này cũng không thể hết.

Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu lại có người phá hoại nhân duyên xuất gia người khác tức là cướp mất kho tàng phước đức, tài sản pháp thiện vô tận, hủy hoại nhân Niết-bàn của ba mươi bảy pháp Bồ-đề. Hoặc có người muốn phá hoại nhân duyên xuất gia thì phải khéo quán sát sự việc như vậy. Vì sao? Vì tội báo đó sẽ bị đọa nơi địa ngục, thường bị mù mắt, thọ khổ cùng cực. Nếu làm súc sinh, khi sinh ra cũng bị mù mắt bẩm sinh. Nếu sinh trong cõi nạ quỷ, sinh ra cũng bị mù bẩm sinh, bị đọa trong ba đường ác khổ ấy không biết bao giờ mới được giải thoát. Nếu sinh làm người, ngay trong thai mẹ cũng lại bị mù. Này Tôn giả A-nan! Ông ở trong một trăm năm luôn hỏi về nghĩa đó, còn ta cũng trong một trăm năm dùng trí tuệ vô tận giải thích về tội báo ấy cũng không thể hết. Người ấy ở trong bốn cõi sinh ra luôn bị mù mắt. Ta rốt cuộc cũng không thể biết người ấy lúc nào thì được thoát khỏi. Vì sao? Vì đã phá hủy sự xuất gia với vô lượng, vô biên công đức được thành tựu từ sự xuất gia ấy. Do phá thiện duyên ngăn cản sự việc xuất gia như thế, nên phải thọ vô lượng tội. Nếu ở trong tám kính trí tuệ thanh tịnh này thì giúp họ có được các pháp thiện, giải thoát. Nếu thấy người xuất gia tu trì tịnh giới, hưởng đến nẻo giải thoát, mà phá công việc xuất gia của người ấy là tạo chướng ngại lớn, do nhân duyên đó nên sinh ra luôn bị mù, không thấy Niết-bàn là do hủy hoại sự việc xuất

gia. Luôn quán về mười hai nhân duyên như vô minh nên được giải thoát. Do phá hoại sự xuất gia, hủy hoại con mắt trí tuệ của họ, nên mắt tuệ của mình bị che mờ, từ đời này qua đời khác sinh ra luôn bị mù mắt không thấy rõ về ba cõi là do tạo chướng ngại đối với sự xuất gia. Người xuất gia nên nhận biết rõ về năm ấm, hai mươi kiến chấp nơi ngã nhân hưởng tới chánh đạo, mà phá nhân xuất gia là hủy hoại chánh kiến, do đó sinh ra thường bị mù mắt, không thấy chánh đạo. Người xuất gia nên nhận biết tất cả pháp tụ và trụ xứ của pháp thiện, nên quán xét Pháp thân thanh tịnh của chư Phật. Do phá nhân duyên thiện của việc xuất gia nên sinh ra luôn bị mù mắt, không thể thấy được Pháp thân của Phật. Do nhân nơi người xuất gia đã có đủ hình tướng của bậc Sa-môn cùng trì giới thanh tịnh là hạt giống phước điền nơi Phật đạo, nên nguyên nhân phá hoại sự việc xuất gia ấy thì ở trong pháp thiện bị đoạn tất cả hy vọng. Do tội duyên ấy nên đời đời thường bị mù mắt. Người xuất gia nên khéo quán sát tất cả thân tâm đều là khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh, mà phá hoại người xuất gia ấy, là tạo chướng ngại lớn tức như phá hủy đôi mắt của người đó, phá hủy đôi mắt ấy nên không còn thấy bốn Đạo, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Chánh đạo, hưởng đến thành Niết-bàn. Do tội duyên như vậy nên sinh ra luôn bị mù, cho đến không thấy các nẻo Không, Vô tướng, Vô tác thanh tịnh, pháp thiện hưởng đến thành Niết-bàn. Vì thế người có trí tuệ biết rõ người xuất gia sẽ thành tựu các pháp thiện như thế, nên không phá hoại nhân duyên của pháp thiện đó, như vậy sẽ không bị tội. Ai hủy phá hoại việc xuất gia của kẻ khác là nhân duyên của vị Sa-môn chánh kiến thì mãi mãi không thể thấy được thành Niết-bàn, sinh ra thường bị mù. Nếu có người nào nơi một cõi khác, xuất gia tu trì tịnh giới hơn một trăm kiếp; lại có người ở nơi cõi Diêm-phù-đề này xuất gia trì giới chỉ trong một ngày một đêm, thậm chí chỉ trong khoảnh khắc xuất gia thanh tịnh thì được mười sáu phần, còn người xuất gia trì giới nơi cõi kia chỉ bằng một phần mười sáu người xuất gia ở Diêm-phù-đề. Như có người điên đảo hành dâm chi em nữ, không phải là chỗ hành dâm, bị chống cự rồi sinh ra căm ghét, thì tội báo đó không thể tính kể hết. Hoặc như có người tư duy đúng, có tâm

xuất gia, nhắm xả bỏ các thứ xấu ác. Nếu lại có người khác phá hoại nhân duyên xuất gia của người này, không để được mãn nguyện, thì nhân duyên của tội báo đó tăng trưởng hơn trước cho đến trăm kiếp.

Tôn giả A-nan lại bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-la-tiện-na này nhờ chỗ gieo trồng thiện căn sinh ra ở chốn tôn quý, thọ hưởng phước lạc là vì đời quá khứ cũng có hành thiện, hay chỉ nhờ vào công đức xuất gia một ngày một đêm nơi hiện tại mà thọ hưởng nhiều phước báo như thế?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông không cần phải quan sát về nhân duyên quá khứ, chỉ đối với một ngày một đêm ấy xuất gia thanh tịnh, thiện căn đạt được đủ để trong sáu tầng trời cõi Dục bảy lần qua lại thọ hưởng phước báo, nơi hai mươi kiếp thường chịu cảnh sinh tử. Đời sau cùng sinh nơi loài người cũng được thọ hưởng cảnh an lạc nhất, cũng sinh trong nhà giàu có, tuổi tráng niên trôi qua các căn suy yếu dần do sợ cái khổ nơi sinh lão bệnh tử nên Tỳ-la-tiện-na xuất gia trì giới, thành Bích-chi-phật.

Phật lại bảo A-nan:

–Ta sẽ nói ví dụ, ông nên khéo lắng nghe. Ví như nơi bốn cõi thiên hạ: Đông Phát-bà-đê, Nam Diêm-phù-đê, Tây Cù-da-ni, Bắc Uất-đan-việt, các bậc A-la-hán trong bốn cõi ấy nhiều như lúa, mè, rừng rậm. Nếu có một người đủ trong một trăm năm tận tâm cúng dường các vị A-la-hán ấy những thứ như y phục, thức ăn, nước uống, thuốc thang trị bệnh, phòng xá, ngọc cụ; cho đến sau khi các vị ấy nhập Niết-bàn lại xây dựng tháp miếu dùng đủ loại châu báu, hoa hương, anh lạc, cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, giăng treo các loại chuông báu, quét rưới nước hương, dùng những câu kệ tụng tán thán, cúng dường thì công đức đạt được tất nhiên là rất nhiều. Nếu có người vì nhằm giải thoát mà xuất gia thọ giới, dù chỉ một ngày một đêm hành trì tinh tấn, thì công đức này được mười sáu phần, công đức nơi người trước chỉ bằng một phần. Do nhân duyên như vậy các thiện nam nên xuất gia, tu trì tịnh giới.



–Các thiện nam, những người cần tạo công đức, cầu pháp thiện, tự thọ pháp, thì không nên tạo chướng ngại đối với nhân duyên xuất gia mà cần phải tạo phương tiện khuyến khích, giúp họ thành tựu.

Khi ấy, cả đại chúng nghe Phật thuyết giảng pháp thấy đều nhàm chán cảnh đời, đều xuất gia trì giới, có người chứng đắc Tu-đà-hoàn, thậm chí có người chứng đắc quả vị A-la-hán, có người gieo hạt giống thiện căn nơi quả vị Bích-chi-phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Mọi người rất vui mừng, đánh lễ nguyện hết lòng phụng hành.





SỐ 708

# KINH LIỄU BẢN SINH TỬ

(KINH BIẾT RÕ NGUỒN GỐC SINH TỬ)

*Hán dịch: Đời Đông Ngô Ưu-bà-tác Chi Khiêm, người  
nước Nguyệt Chi.*

Đức Phật giảng nói như vậy: “Nếu Tỳ-kheo nào thấy duyên khởi thì thấy pháp, đã thấy pháp thì thấy Như Lai.”

Lúc ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

–Này các Hiền giả! Đức Phật nói: “Nếu các Tỳ-kheo thấy Duyên khởi thì thấy Pháp, đã thấy Pháp thì thấy Như Lai.” Lời dạy ấy có ý nghĩa gì? Nghĩa là nói về hữu duyên.

Nếu thấy duyên khởi không có mạng, chẳng phải mạng thì thấy pháp. Thấy pháp không có mạng, chẳng phải mạng là thấy Như Lai. Nên tùy theo trí tuệ ấy. Ở đây có hai điều thấy được duyên khởi bên ngoài và có hai điều thấy được duyên khởi bên trong cộng lại là bốn.

Thế nào là hai điều thấy được duyên khởi bên ngoài? Đó là tướng nhân trói buộc và tướng duyên trói buộc.

Tướng nhân trói buộc là những gì? Là do từ hạt giống sinh ra rễ, từ gốc rễ sinh ra lá, từ lá sinh ra nhánh cành, từ nhánh cành sinh ra đốt đoạn, từ đốt đoạn sinh ra hoa, từ hoa kết thành quả. Đó là tướng nhân trói buộc.

Sao gọi là tướng duyên trói buộc?

Là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng. Từ nhân duyên có các chủng ấy nên sinh ra các thứ. Đất là thể nắm giữ, nước là thể ẩm ướt, lửa là thể nóng ấm, gió là thể lay động, hư không là thể không có chướng ngại. Như vậy thì đúng thời tiết, hội đủ duyên, khiến hạt giống sinh. Hạt giống kia chẳng biết mình sinh ra gốc rễ. Gốc rễ chẳng biết mình từ hạt giống mà có. Gốc rễ chẳng biết mình sinh ra lá. Lá chẳng biết do gốc rễ mà có mình. Lá chẳng biết mình sinh ra thân cây. Thân cây chẳng biết mình từ lá mà có. Đốt cây, nụ hoa, quả cũng chẳng tự biết mình chuyển tướng mà có. Đất chẳng biết mình sinh ra hạt giống. Hạt giống cũng chẳng biết đất nắm giữ lấy mình. Nước cũng chẳng biết mình làm ẩm ướt hạt giống. Hạt giống cũng chẳng biết nước làm thấm nhuần mình. Cho đến lửa, gió, hư không đều chẳng cùng biết nhau.

Này các Hiền giả! Từ nhân duyên nên có được cơ hội để hạt giống nảy sinh, chẳng phải tự mình tạo, chẳng do cái khác tạo, cũng chẳng phải là không nhân sinh ra nên dùng năm điều để thấy được duyên khởi bên ngoài.

Sao gọi là năm?

1. Chẳng thường.
2. Chẳng đoạn.
3. Không thường không đoạn.
4. Hạt giống chẳng tiêu mất.
5. Hình dáng và tướng trạng chẳng cố định.

Hạt giống kia đã hư hoại thì chẳng phải là thường còn. Có gốc rễ mọc ra là chẳng đoạn diệt. Phần gốc rễ, hạt giống sai khác nên thời gian chẳng dài chẳng ngắn. Hạt giống ít mà sinh nhiều quả thì chẳng tiêu mất. Quả được sinh ra như hạt giống lúc đầu, nhưng hình dáng và tướng trạng của hạt giống chẳng cố định.

Nên biết hai việc ấy thấy được duyên khởi bên trong tướng nhân trói buộc và tướng duyên trói buộc.

Sao gọi là tướng nhân trói buộc?

Là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ

duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ não. Như thế chính là khối khổ lớn được tạo thành. Vô minh kia chẳng biết mình tạo ra hành, hành chẳng biết mình từ vô minh mà có. Hành chẳng biết mình tạo ra thức, thức chẳng biết mình do hành mà có. Thức chẳng biết mình tạo ra danh sắc, danh sắc chẳng biết do thức mà có, lục nhập, xúc, thọ ái, thủ, hữu, sinh cho đến lão tử, lại cùng lưu chuyển mà chẳng biết nhau. Đó là từ vô minh có hành, do hành có thức, do thức có danh sắc, do danh sắc có lục nhập, do lục nhập có xúc, do xúc có thọ, từ thọ có ái, do ái có thủ, do thủ có hữu, do hữu có sinh, do sinh có lão tử, ưu, bi, khổ, não như trên đã nói. Đó là tính khổ lớn, nhóm đủ duyên mà thành có bệnh. Nếu cái kia không sinh thì không có lão tử, ưu, bi, khổ não.

Này các Hiền giả! Nhân duyên khởi nên duyên là pháp sinh. Có duyên khởi chẳng duyên nơi pháp sinh. Có duyên pháp sinh chẳng duyên khởi. Có duyên khởi duyên nơi pháp sinh. Có chẳng duyên khởi chẳng duyên nơi pháp sinh.

Sao gọi là duyên khởi chẳng duyên nơi pháp sinh?

Là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử. Đó là khối khổ lớn hội đủ duyên mà thành hữu, như nói ở trên. Ấy gọi là duyên khởi chẳng có duyên nơi pháp sinh.

Sao gọi là duyên pháp sinh chẳng phải là duyên khởi? Như là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Đó gọi là duyên pháp sinh, chẳng phải là duyên khởi.

Sao gọi là duyên khởi, duyên nơi pháp sinh? Nếu sinh ra, an trụ không dứt bỏ sự sống của già, chết thì sự sinh ra, an trụ là cùng gần với nhân duyên, cùng gần với nhân tồn tại, cùng gần với nhân vi tế, cùng gần với nhân chân thật, cùng gần với nhân chân như, cùng gần với nhân không sai biệt, cùng gần với nhân không cuồng loạn, cùng gần với nhân duyên khởi. Do duyên sinh các pháp như thế với hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành. ấy gọi là duyên khởi, duyên nơi pháp sinh.

Sao gọi là chẳng duyên khởi, chẳng duyên nơi pháp sinh? Đó là người chứng đắc đạo.

Do đâu vô minh kia được xem như sáu chủng? Sáu chủng giữ lấy như người nữ, người nam.

Những gì là sáu? Là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng. Thân kia được an trú là nhờ địa chủng. Như nắm giữ, chẳng để tiêu mất, đó là thủy chủng. Ăn uống, thưởng thức, ngủ nghỉ được an lạc là nhờ hỏa chủng. Hơi thở vào ra nơi thân, đó là phong chủng. Bốn đại kia với chỗ không thể nắm giữ là không theo đấy mà chuyển như mũi tên bắn ra, đó là thức chủng. Như địa chủng kia, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải người, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải thân, chẳng phải đối tượng của thân, chẳng phải đời sống con người, chẳng phải thiếu niên, chẳng phải tạo tác, hay không tạo tác, không phải trú hay vô trú, chẳng phải trí hay vô trí, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải ta, chẳng phải cái của ta, chẳng phải từ kia có vị không có chủ. Thủy, hỏa, phong, không chủng cũng lại như thế. Thức chủng chẳng phải nam chẳng phải nữ, chẳng phải người, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải là thân, chẳng phải là đối tượng của thân, chẳng phải đời sống con người, chẳng phải thiếu niên, chẳng tạo tác hay không tạo tác, chẳng trú hay vô trú, chẳng phải trí hay không trí, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải ta, chẳng phải cái của ta, chẳng phải từ kia có vị không có chủ. Như thế, chỉ từ sáu chủng mà tạo ra các tướng như tướng đồng nhất, tướng bất hợp, tướng là nữ, tướng là nam, tướng là vọng, tướng là thân, tướng là tự tại, gắng gượng cho là tự tại, thọ nhận không biết bao nhiêu loại nên gọi là vô minh.

Lúc ấy cho rằng: “Do tánh si nên tướng là tịnh, tướng là thường, tướng là lạc, tướng là thân (ngã) rồi nghi ngờ khởi vọng tướng, chẳng phải là chỗ chính yếu. Đức Phật gọi đó là vô minh, cũng là nhận thức sai lầm về vật, không có trí tuệ phát sinh. Vọng tướng nên gọi là vô minh. Vọng tướng nên gọi là hành. Nhận biết về vật nên gọi là thức. Năm tánh nên gọi là danh sắc. Nương nơi gốc của danh sắc mà có lực nhập. Hợp đủ ba yếu tố nên gọi là xúc. Vì hành của xúc nên gọi là thọ. Thọ mà ưa thích nên gọi là ái. Ái được đàn trải rộng nên gọi là thủ. Thủ nên lại có hành nên là hữu. Năm tánh thành tựu đủ nên gọi là sinh. các chủng tử đã thành thực nên gọi là lão). Mạng căn kết thúc

nên gọi là tử. Trong sự bực bội nóng nảy là ưu. Nói năng cuồng loạn là bi. Năm thức nơi thân cùng hợp lại làm năm khổ. Tâm thức thân hợp lại là buồn bã. Tâm niệm bị quấy nhiễu là não. Hữu nên có sinh. như vậy sở tri chướng hiện rõ, đó gọi là gồm đủ khối khổ lớn, từ đó nhận lấy những sự xấu kém. Do từ đó tham đắm nên lại sinh. Điều ấy ban đầu chẳng thể thấy biết, chẳng thể lường tính. Lại tối tăm là nghĩa của vô minh. Tạo thành là nghĩa của hành. Nhận biết là nghĩa của thức. Duyên trụ nơi thức. Thức đó cùng nương vào nhau là nghĩa của danh sắc. Trụ nơi đó mà chẳng giữ riêng là nghĩa của lục nhập. Thay đổi rồi hợp lại là nghĩa của xúc. Từ đó nhận biết là nghĩa của thọ. Khao khát muốn được vật, như lửa thiêu đốt không biết chán là nghĩa của ái. Nắm giữ là nghĩa của thủ. Phải có sự hiện hữu là nghĩa của hữu. Đốc hướng tới năm tánh là nghĩa của sinh. Thành thực là nghĩa của lão. Các hành tan hoại là nghĩa của tử. Nói về nghĩa như thế cũng là tướng của mười hai duyên khởi. Lại từ vô minh tạo ra phước đức, cũng từ vô minh tạo ra tội lỗi. Đó là duyên nơi vô minh. Hành có các hành động tạo ra phước đức, có hành động tạo ra phi phước đức, do đó có thức, tức là hành làm duyên cho thức do thức tạo tánh hành nơi danh sắc thành tựu đầy đủ đó là thức duyên danh sắc. Duyên sinh ấy luôn luôn tạo ra để thọ nhận, đó là danh sắc duyên lục nhập. Nhãn thức hợp với xúc, đó gọi là lục nhập duyên xúc. Như xúc, thọ nhận biết cũng vậy, đó gọi là xúc duyên thọ. Do từ không nhận biết về thọ là hành sai biệt. Từ nơi hình tượng tham ái liền giữ lấy, đó gọi là thọ duyên ái. Theo hình tượng của ái lại chiếm lấy đó là ái duyên thủ. Có thủ vì ba hành nơi thân, khẩu, ý. Đó là thủ duyên hữu. Hành của hữu càng khó nhọc nên lại có đủ yếu tố để thành sinh, đó là hữu duyên sinh. Năm tánh đã thành nên có lão tử, đó là mười hai duyên khởi tiếp nối nhau lưu chuyển lần lượt tạo ra ruộng nghiệp. Thức tạo ra hạt giống cho hành. Vô minh tạo ra sự đối đãi nơi hành. Như đất năm giữ hạt giống, nước làm hạt giống không tan, lửa làm hạt giống thành thực, gió làm hạt giống sinh trưởng, hư không làm hạt giống không bị ngăn ngại. Hành tạo ra ruộng nghiệp cũng lại như thế. Ái tạo sự thấm nhuần cho hành. Hành kia chẳng biết mình tạo ra ruộng nghiệp. Ái chẳng biết mình làm thấm nhuần hành. Thức chẳng

biết mình làm hạt giống cho hành. Vô minh chẳng biết mình làm sự đối đãi nơi hành. Như đất chẳng biết mình nắm giữ hạt giống. Nước, lửa, gió, hư không như trên đã nói. Từ có hành khó nhọc nên lại có đủ yếu tố để thành sinh, đây cũng không có từ đời này là sự bức bách, chỉ là nhân duyên cùng nắm giữ. Ví như tấm gương trong thì càng sáng rõ, nhờ duyên bên trong, ngoài mới sinh hình tượng của mặt. Cái mặt cũng chẳng mất ở đây mà sinh ra ở kia. Trong gương từ chỗ có nhân duyên của mặt chẳng thiếu. Nên đây chẳng phải chết ở đây, sinh ở kia. Vì có nhân duyên của tình khổ không thiếu từ đó có thọ nhận. Như ngọn lửa do thọ nhận nên cháy mãi ngày đêm không gián đoạn, ngọn lửa ấy cũng không đi đâu. Thức cũng như thế, không bị thân tướng trói buộc phải qua lại trong năm đường, có duyên thì sinh, là pháp vô chủ. Ví như vầng trăng cách mặt nước bốn mươi chín do-tuần, mà hình tròn hiện rõ ở dưới nước đầy đủ không thiếu, chẳng phải mặt trăng lặn ở kia mà sinh ở nơi này. Quán về sinh tử cũng phải như thế. Đó là sự trói buộc của tướng nhân.

Sao gọi là tướng duyên trói buộc? Như Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: “Nhãn căn duyên nơi sắc trần sinh ra nhãn thức. Nhãn căn kia chẳng biết mình tạo ra duyên nương tựa. Sắc trần chẳng biết mình làm đối tượng cho thức. Ánh sáng chẳng biết mình làm sự chiếu sáng cho thức. Hư không chẳng biết mình không làm chướng ngại cho thức. Thức chẳng biết mình sinh tạo sự hiện hữu ấy. Nhãn căn, sắc pháp, ánh sáng, hư không, nhớ nghĩ tạo đủ duyên cho nhãn thức gồm đủ yếu tố sinh. Tai, mũi, miệng, thân, tâm, duyên với các pháp nên tâm thức sinh. Nhãn căn kia chẳng biết mình làm cho thức nương tựa. Sắc pháp chẳng biết mình làm cho thức hành động. Tâm chẳng biết mình làm cho thức tỏa ánh sáng. Hư không chẳng biết mình khiến cho thức không bị chướng ngại. Thức cũng chẳng biết mình thành tựu được từ nhân duyên này.”

Này Tôn giả A-nan! Duyên nơi tâm pháp, ánh sáng, hư không, ý niệm, tạo đủ duyên cho tâm thức phát sinh, ở đây chẳng phải tự tạo ra, chẳng do cái khác tạo, chẳng phải tự tha cùng tạo, chẳng phải là không nhân sinh ra, chẳng phải ngã, chẳng phải đối tượng của ngã,



chẳng phải không nhân mà có. Nên dùng năm điều ấy nơi thấy được duyên khởi bên trong.

Sao gọi là năm? Là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đi, tạo tác ít quả báo nhiều, hình dáng và tướng trạng chẳng cố định. Người kia nếu đã chết, thân hư hoại thì chẳng phải là thường, ra đời có thân phận là chẳng đoạn; hoặc cùng đi, hay đi khác, phần khác nên là chẳng đi. Tạo tác ít quả báo nhiều nghĩa là các hành chẳng tiêu mất, như quả báo của các hành sinh ra, chẳng phải là hình tượng. Nếu thấy duyên khởi này không có mạng, chẳng phải là mạng là thấy pháp. Thấy pháp không có mạng, chẳng phải là mạng thì thấy bốn Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ví như người sáng suốt thấy bức tranh của họa sĩ khen bức tranh đẹp, họa sĩ giỏi. Người thấy bốn Đế cũng như vậy. Phật biết tất cả, thấy tất cả, do đó được sự hoan hỷ không lìa Phật, đạt được các pháp, cho đến cái vui của giới chân thật không thể xa lìa.





SỐ 709

## KINH ĐẠO VU

(KINH NÓI VỀ CÂY LÚA CÂY KHOAI)

*Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm  
đời Đông Tấn.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và chúng Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ kinh hành của Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc và Tôn giả Xá-lợi-phất cùng ngồi trên tảng đá.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Hôm nay, Đức Thế Tôn trông thấy cây lúa cây khoai, rồi nói thế này: “Này chư Tỳ-kheo! Thấy mười hai Nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật.” Khi ấy, Đức Thế Tôn đã nói như thế rồi an trú trong im lặng.

Thưa Bồ-tát Di-lặc! Vì sao Thế Tôn đã nói lời kinh ấy? Lại vì ý nghĩa gì mà nói: Thấy mười hai Nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật? Sao gọi là mười hai Nhân duyên? Sao gọi là thấy nhân duyên tức là thấy pháp? Sao gọi thấy pháp tức là thấy Phật?

Bồ-tát Di-lặc nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đức Phật Thế Tôn thường nói: “Thấy mười hai Nhân duyên

tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật”.

Mười hai Nhân duyên là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Mọi thứ khổ tập hợp lại là do khổ ấm lớn làm nhân duyên, cho nên Phật nói mười hai nhân duyên.

Sao gọi là pháp? Là tám Chánh đạo và quả Niết-bàn. Như Lai nói vấn tắt về pháp ấy.

Sao gọi là Phật? Là vị có khả năng giác ngộ về tất cả pháp, nên gọi là Phật. Nếu dùng Tuệ nhãn thấy Pháp thân chân thật thì có thể thành tựu pháp tu học Bồ-đề.

Sao gọi là thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật? Đức Phật đã nói thế này: “Mười hai Nhân duyên thường tiếp nối nhau khởi lên, thấy như thật, vô sinh, thấy không điên đảo, không sinh khởi, không tạo tác, chẳng phải hữu vi, không trụ vô vi, chẳng phải là cảnh giới của tâm, vắng lặng vô tướng. Vì thế nên thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thường tiếp nối nhau khởi lên, không sinh, thấy như thật, chẳng điên đảo, không khởi sinh, không tạo tác, chẳng phải hữu vi, không trụ vô vi, chẳng phải cảnh giới của tâm, vắng lặng vô tướng. Vì thế, cho nên thấy mười hai Nhân duyên tức là thấy đạo Vô thượng, đầy đủ Pháp thân.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Sao gọi là mười hai Nhân duyên?

Bồ-tát Di-lặc đáp rằng:

–Có nhân có duyên, gọi là pháp Nhân duyên. Đây là Phật nói vấn tắt về tướng nhân duyên. Do nhân này có thể sinh quả ấy. Như Lai ra đời pháp từ Nhân duyên sinh. Như Lai không ra đời pháp cũng từ nhân duyên sinh. Tánh và tướng thường trụ, không có các phiền não, rốt ráo như thật, chẳng phải là chẳng như thật. Đó là pháp chân thật, xa lìa pháp điên đảo.

Lại nữa, pháp mười hai Nhân duyên từ hai loại sinh ra.

Những gì là hai? Một là nhân; hai là quả. Pháp do nhân duyên sinh lại có hai loại: Một là nội nhân duyên; hai là ngoại nhân duyên.

Pháp ngoại nhân duyên (nhân duyên bên ngoài) do đâu mà sinh? Như từ hạt giống có thể sinh mầm, từ mầm sinh lá, từ lá sinh đốt, từ đốt sinh thân, từ thân cây sinh nụ, từ nụ sinh hoa, từ hoa sinh quả. Không có hạt thì không có mầm, cho đến không có hoa, quả. Có hạt nên mầm sinh, cho đến có hoa nên có quả, nhưng hạt chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình từ hạt mà sinh, cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh quả, quả cũng chẳng nghĩ mình do hoa mà sinh. Nhưng kỳ thật hạt có thể sinh mầm. Như thế gọi là pháp từ nhân bên ngoài sinh ra.

Những gì gọi là pháp từ duyên bên ngoài sinh? Đó là đất, nước, lửa, gió, không, thời. Địa chủng thì giữ vững, thủy chủng thì thấm nhuần, hỏa chủng thì thành thực, phong chủng thì phát khởi, không chủng chẳng tạo sự chướng ngại, lại nhờ thời tiết biến đổi, khí hậu điều hòa, đầy đủ sáu duyên như thế mới sinh. Nếu sáu duyên không đầy đủ thì vật không thể sinh. Đất, nước, lửa, gió, không, thời, sáu duyên phải điều hòa, chẳng tăng, chẳng giảm, thì vật mới sinh được. Đất cũng chẳng nói mình có thể nắm giữ. Nước cũng chẳng nói mình có thể thấm nhuần. Lửa cũng chẳng nói mình có thể thành thực. Gió cũng chẳng nói mình có thể phát khởi. Hư không chẳng nói mình có thể không làm chướng ngại. Thời tiết cũng chẳng nói mình có thể làm cho sinh. Hạt giống cũng chẳng nói mình nhờ sáu duyên sinh được mầm. Mầm cũng chẳng nói mình do một số duyên sinh. Tuy chẳng nghĩ từ một số duyên kia sinh, nhưng kỳ thực do các duyên hòa hợp mà mầm sinh, cũng chẳng do tự sinh, cũng chẳng do cái khác sinh, cũng chẳng do tự tha hợp lại sinh, cũng chẳng do trời Tự tại sinh, cũng chẳng do thời gian, phương hướng sinh, cũng chẳng do bản tánh sinh, cũng chẳng do vô nhân sinh. Đó là thứ tự của pháp sinh. Như thế pháp từ duyên bên ngoài sinh nhờ năm tính chất, nên biết: Chẳng đoạn cũng chẳng thường, cũng chẳng từ đây đến kia, như hạt ít mà quả rất nhiều, giống nhau, tiếp nối nhau chẳng sinh vật khác.

Sao gọi là chẳng đoạn? Do hạt, mầm, rễ, thân, thứ tự tiếp nối nhau nên chẳng đoạn diệt.

Sao gọi là chẳng thường? Mầm, thân, hoa, quả, mỗi loại tự khác nhau nên chẳng thường, cũng chẳng do hạt diệt rồi sau mầm mới sinh, cũng chẳng phải hạt chẳng diệt mà mầm lại sinh, mà do pháp nhân duyên nên mầm nảy thì hạt vắng mặt, thứ tự mà sinh khởi nên chẳng thường. Danh tướng của hạt và mầm mỗi thứ khác biệt, nên chẳng phải từ đây đến kia; hạt ít quả nhiều cho nên phải biết chẳng phải là một. Đó là hạt ít mà nhiều quả. Như hạt chẳng sinh quả khác với nó, nên gọi là giống nhau, tiếp nối nhau. Do năm loại duyên bên ngoài này mà các pháp được sinh.

Pháp nội nhân duyên (nhân duyên bên trong) do hai loại sinh.

Sao gọi là nhân? Từ vô minh cho đến lão tử, vô minh diệt tức hành diệt, cho đến sinh diệt tức lão tử diệt. Vì vô minh nên có hành, cho đến vì có sinh nên có lão tử, nhưng vô minh chẳng nói mình có thể sinh hành, hành cũng chẳng nói từ vô minh mà sinh, cho đến lão, bệnh tử cũng chẳng nói mình từ sinh mà sinh. Nhưng kỳ thực, có vô minh thì có hành, có sinh thì có lão tử. Đó là nội nhân thứ tự mà sinh pháp.

Sao gọi là pháp từ duyên bên trong sinh? Đó là sáu giới địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

Sao gọi là địa? Vì nó có thể nắm giữ, kiên cố nên gọi là địa giới.

Sao gọi là thủy? Vì nó có thể làm ẩm ướt, thấm nhuần nên gọi là thủy giới.

Sao gọi là hỏa? Vì nó có thể làm thành thực nên gọi là hỏa giới.

Sao gọi là phong? Vì nó có thể tạo hơi thổi vô hơi thổi ra nên gọi là phong giới.

Sao gọi là không? Vì nó có thể không tạo sự ngăn che nên gọi là không giới.

Sao gọi là thức? Bốn ấm, năm thức cũng gọi là danh, cũng gọi là thức. Như thế các pháp hòa hợp thì gọi là thân. Tâm hữu lậu thì gọi là thức. Như thế bốn ấm là năm tình căn gọi là sắc. Sáu duyên như

thế gọi là thân. Nếu sáu duyên đầy đủ, không tổn hại thì mới thành thân thể. Duyên ấy nếu giảm thì thân chẳng thành. Đất cũng chẳng nghĩ mình có thể giữ gìn, kiên cố. Nước cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thấm nhuần. Lửa cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thành thực. Gió cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo hơi thở vô, hơi thở ra. Hư không cũng chẳng nghĩ mình có thể không tạo sự chướng ngại. Thức cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo sự sinh trưởng. Thân cũng chẳng nghĩ mình do một số duyên sinh. Nếu không có sáu duyên này thì thân cũng chẳng sinh. Đất cũng vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ mạng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, cũng chẳng phi nam, chẳng phi nữ, chẳng phải đây chẳng phải kia. Nước, lửa, gió cho đến thức... cũng đều vô ngã... vô chúng sinh, vô thọ mạng, cho đến cũng chẳng phải đây, chẳng phải kia.

Sao gọi là vô minh? Vô minh là ở trong sáu giới, khởi lên tưởng về một, tưởng tụ tập, tưởng thường còn, tưởng bất động, tưởng bất hoại, tưởng niềm vui bên trong, tưởng chúng sinh, tưởng thọ mạng, tưởng nhân, tưởng ngã, tưởng ngã sở, khởi lên muôn vàn các loại tưởng như thế, gọi là vô minh. Như thế trong năm căn của chúng sinh khởi lên tham dục, sân hận; hành và tưởng cũng như thế. Đắm chấp theo tất cả pháp giả danh thì gọi là thức. Bốn ấm là danh, sắc ấm là sắc, đó gọi là danh sắc. Danh sắc tăng trưởng phát sinh lục nhập. Lục nhập tăng trưởng phát sinh xúc. Xúc tăng trưởng phát sinh thọ. Thọ tăng trưởng phát sinh ái. Ái tăng trưởng phát sinh thủ. Thủ tăng trưởng phát sinh hữu. Hữu tăng trưởng nên có thể phát sinh hậu ấm gọi là sinh. Sinh tăng, trưởng, biến hoại gọi là già; thọ ấm hư hoại nên gọi là chết; thường phát sinh sự bức bội, ganh ghét, nên gọi là ưu, bi, khổ, não. Năm căn chống trái, hư hại thì gọi là thân khổ. Ý chẳng hòa thuận ưa thích thì gọi là tâm khổ. Sự tụ tập của các khổ như thế thường ở trong tối tăm thì gọi là vô minh. Tạo ra các nghiệp thì gọi là hành. Phân biệt các pháp thì gọi là thức. Có chỗ kiến lập thì gọi là danh sắc. Sáu căn mở ra thì gọi là lục nhập. Gặp duyên tiếp trần thì gọi là xúc. Cảm biết được khổ vui thì gọi là thọ. Như khát nước mong cầu được uống thì gọi là ái. Có sự nắm giữ thì gọi là thủ. Khởi tạo các nghiệp thì gọi là hữu. Thân sau mới sinh thì gọi là sinh. Sống ở đời bị

thay đổi, suy kém thì gọi là già. Cuối cùng tan rã thì gọi là chết. Theo đuổi luyến tiếc việc làm, lời nói, âm thanh,... đã qua thì gọi là ưu khổ, sự việc đem đến chỗ bức bách nơi thân thì gọi là khổ não. Theo đuổi sự thương nhớ tiếp nối nhau gọi là bi. Phiền não buộc trói thì gọi là não. Tà kiến, hiểu sai thì gọi là vô minh. Dùng sự hiểu biết sai lầm này mà phát khởi ba nghiệp thì gọi là hành. Các nghiệp thiện, ác... có thể thọ nhận quả báo thì gọi là thức. Do nghiệp ô uế, vô ký sinh thức ô uế vô ký, nghiệp bất động sinh thức bất động. Từ thức phát sinh danh sắc. Từ danh sắc phát sinh Lục nhập. Từ lục nhập phát sinh xúc. Từ xúc phát sinh thọ. Từ thọ phát sinh ái; từ ái phát sinh thủ; từ thủ phát sinh hữu, từ hữu phát sinh sinh; từ sinh có lão tử, ưu, bi, khổ, não.

Bồ-tát Di-lặc nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Mười hai Nhân duyên mỗi thứ đều có quả, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải hữu vi, chẳng lìa hữu vi, chẳng phải pháp tận, chẳng phải pháp lìa dục, chẳng phải pháp diệt, có Phật hay không có Phật, pháp ấy vẫn nối tiếp nhau chẳng đoạn diệt, giống như dòng nước sông chảy hoài không bao giờ dừng.

Bồ-tát Di-lặc lại nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Mười hai Nhân duyên mỗi thứ đều có nhân, mỗi thứ đều có duyên, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải hữu vi, chẳng lìa hữu vi, chẳng phải pháp tận, chẳng phải pháp lìa dục, chẳng phải pháp diệt, có Phật hay không có Phật, pháp ấy vẫn luôn nối tiếp nhau, chẳng đoạn tuyệt, giống như dòng nước sông chảy hoài chẳng bao giờ dừng. Có thể dùng bốn duyên làm tăng trưởng mười hai duyên.

Những gì là bốn? Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức. Thức là thể của hạt giống, nghiệp là thể của đám ruộng, vô minh và ái là thể của phiền não, có thể nuôi lớn thức. Nghiệp là ruộng của thức, ái là sự ẩm ướt thấm nhuần, vô minh che lấp hạt giống của thức. Nghiệp chẳng nghĩ mình có thể phát sinh hạt giống của thức. Ái cũng chẳng nghĩ mình có thể làm ẩm ướt, thấm nhuần. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình có thể che lấp hạt giống của thức. Thức cũng



chẳng nghĩ mình từ một số nhân duyên sinh ra.

Lại nữa, nghiệp là đám ruộng của thức, vô minh là phân, nước tham ái là sự thấm nhuần, mới phát sinh mầm danh sắc... mà mầm danh sắc cũng chẳng do tự sinh, cũng chẳng do cái khác sinh, cũng chẳng do tự tha hợp lại sinh, cũng chẳng do trời Tự tại sinh, cũng chẳng do thời tiết, phương hướng sinh, cũng chẳng do bản thể sinh, cũng chẳng do vô nhân duyên sinh.

Lại nữa, do các duyên nơi dục lạc và tinh khí của cha mẹ hòa hợp nên phát sinh mầm danh sắc, vốn là cái không có chủ thể, không có ngã, không có tạo tác, không có thọ mạng, giống như hư không, như huyễn hóa, do các duyên hòa hợp mà sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nhân thức do năm nhân duyên phát sinh.

Những gì là năm? Đó là nhãn căn, sắc pháp, ánh sáng, hư không, tác ý, nhờ đó thức mới phát sinh được. Nhân thức nương nơi nhãn căn, lấy sắc pháp làm cảnh giới, duyên nơi ánh sáng để chiếu soi, hư không chẳng tạo ra sự chướng ngại, tác ý phát khởi nên sinh nhãn thức. Như thế nếu các duyên không hòa hợp thì nhãn thức không thể sinh, nhưng nhãn thức cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo ra thể tướng. Sắc pháp cũng chẳng nghĩ mình có thể làm cảnh giới. Ánh sáng cũng chẳng nghĩ mình có thể chiếu soi. Hư không cũng chẳng nghĩ mình có thể không làm ngăn ngại. Tác ý cũng chẳng nghĩ mình có thể phát khởi nhãn thức. Nhân thức cũng chẳng nghĩ mình do một số duyên mà phát sinh. Nhưng nhãn thức này thật sự là nhờ các duyên hòa hợp mà phát sinh. Như thế, các căn sinh ra các thức, thứ tự cũng nói như vậy.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Không có pháp từ đời này đến đời khác, chỉ có nghiệp quả mang theo và các duyên hòa hợp mới sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như gương sáng có thể hiện rõ cảnh vật bên ngoài mặt gương để ở mỗi chỗ khác nhau, dù các vật không đi đến, nhưng thấy cùng một chỗ.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Giống như mặt trăng trên bầu

trời, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, dòng nước ở dưới, trăng chiếu ở trên. Mặt trăng tuy chỉ có một nhưng hiện trong nhiều dòng nước. Thể của mặt trăng không rơi xuống nước, chất nước cũng chẳng đi lên. Như thế, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chúng sinh chẳng do từ đời này đến đời sau, chẳng do đời sau đến đời này, nhưng có nghiệp quả theo nhân duyên báo ứng, chẳng thể tổn giảm.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như lửa gặp củi thì cháy, củi hết thì tắt. Như thế nghiệp kết sinh thức biến khắp các cõi có thể phát khởi quả danh sắc, không có ngã, không có chủ thể, cũng không có người thọ nhận như hư không, như khi lửa bốc cháy, như huyễn, như mộng, không có pháp thật, nhưng nhân duyên nơi quả báo thiện ác của nó, tùy theo nghiệp chẳng mất đi.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Mười hai Nhân duyên cũng do năm nhân duyên sinh, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đến, chẳng đi, ít nhân nhiều quả, cũng giống nhau, tiếp nối nhau, thứ tự mà sinh khởi.

Sao gọi là chẳng thường? Một ấm diệt thì một ấm khác sinh, diệt chẳng phải sinh, sinh chẳng phải là diệt, nên gọi là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Giống như cái cân, khi cao khi thấp, ở đây thì diệt, ở kia thì sinh. Cho nên gọi là chẳng đoạn, đã thấy biết như thật.

Sao gọi là chẳng đến, chẳng đi? Hạt không có đi và đến chỗ mầm, cũng vậy, mầm không đi và đến chỗ hạt. Vì lẽ đó nên không có từ đây đến kia. Nhưng kỳ thực, dùng ít hạt có thể gặt được nhiều quả.

Sao gọi là tương tự sinh? Như nhân bất thiện thì sinh quả bất thiện, như nhân thiện thì sinh quả thiện. Vì thế gọi là tương tự, tiếp nối nhau mà sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Phật đã nói, thường quán sát mười hai nhân duyên thì gọi là chánh kiến. Nếu người quán sát một cách chân chánh về mười hai nhân duyên thì đối với thân trong quá khứ không sinh tưởng có, đối với thân trong đời vị lai cũng không sinh tưởng không. Chẳng nghĩ là chúng sinh từ đâu đến và đi

về đâu? Nếu Sa-môn, Bà-la-môn và người đời tạo thành các kiến chấp: Kiến chấp về ngã, về chúng sinh, về thọ mạng, về trượng phu, về an lành không an lành, mà thấy đúng về mười hai nhân duyên như cây Đa-la chặt đứt đầu thì không thể sinh lại được tức kiến chấp về ngã liền đoạn trừ. Nếu người thấy đúng về mười hai nhân duyên thì được tâm tư như vậy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh nào có thể nhận rõ được pháp ấy thì chắc chắn được Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Bồ-tát Di-lặc giảng nói như thế rồi hoan hỷ lui ra, còn tám bộ chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la và các đại chúng đánh lễ Bồ-tát Di-lặc, hoan hỷ tín thọ, phụng hành.





SỐ 710

# KINH TỪ THỊ BỒ-TÁT SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA DUYÊN SINH ĐẠO CÁN DỤ

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Sa-môn Bất Không.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Thấu phong thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và chúng Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi Tử đi đến chỗ kinh hành của Đại Bồ-tát Từ Thị. Bồ-tát Từ Thị và Tuệ mạng Xá-lợi Tử cùng ngồi trên tảng đá. Khi ấy, Tuệ mạng Xá-lợi Tử hỏi Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Ngày nay, Đức Thế Tôn xem xét về gốc cây lúa, bảo các vị Tỳ-kheo thế này: “Này các Tỳ-kheo! Nếu ai thấy duyên sinh tức là thấy pháp. Nếu ai thấy pháp tức thấy Phật”. Đức Bà-già-phạm đã nói thế rồi an trú trong im lặng. Câu kinh mà Như Lai nói đó có ý nghĩa gì? Sao gọi là duyên sinh? Sao gọi là pháp? Sao gọi là Phật? Sao gọi là thấy duyên sinh tức là thấy pháp? Sao gọi thấy pháp tức là thấy Phật?

Đại Bồ-tát Từ Thị bảo Tuệ mạng Xá-lợi Tử:

–Đức Thế Tôn thường vì các Tỳ-kheo nói nghĩa thế này: “Nếu thấy duyên sinh tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy Phật.” Duyên sinh nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh

sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Như Lai nói đây chính là duyên sinh.

Sao gọi là pháp? Như Lai nói tóm lược là tám Thánh đạo chứng đắc quả Niết-bàn. Đó gọi là pháp.

Sao gọi là Phật? Vị giác ngộ tất cả các pháp, dùng Tuệ nhãn của bậc Thánh chứng Niết-bàn, thấy được pháp cần tu học để đạt Bồ-đề. Đó gọi là Phật.

Sao gọi là thấy duyên sinh? Như Lai nói duyên sinh này thường trụ, không có nhân, không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có diên đảo, vô sinh, vô tác, vô vi, vô đối, vô ngại. Thấy tự tánh vắng lặng tức thấy pháp. Nếu thấy các chủng loại như thế thường trụ, không có nhân, không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, chẳng diên đảo, vô sinh, vô đối, vô ngại thì đó là thấy pháp. Từ đây về sau liền thấy Pháp thân, thấy được Như Lai hiện chứng chánh trí.

Lại hỏi:

–Duyên sinh nghĩa là gì?

Đáp:

–Có nhân, có duyên, chẳng phải không nhân duyên, gọi là duyên sinh. Nhưng ở trong đấy, Như Lai nói tóm lược về tướng của duyên sinh: Do nhân này nên có thể sinh quả này. Dù Như Lai ra đời hay không ra đời thì pháp tánh, pháp trụ, pháp vị thuận theo duyên sinh, chân như, chẳng diên đảo, chẳng khác, như chân thật, chẳng khác, chân thật chẳng diên đảo, chẳng lầm lẫn, đúng là như thế...

Lại nữa, duyên sinh là hai loại nhân phát khởi. Những gì là hai? Một là hệ thuộc nhân; hai là hệ thuộc duyên.

Pháp duyên sinh ấy nên biết có hai loại. Đó là trong và ngoài. Duyên bên ngoài sinh hệ thuộc nhân thế nào? Nghĩa là do hạt giống sinh ra mầm, do mầm sinh ra lá, do lá sinh cành, do cành sinh thân, do thân sinh nhánh, do nhánh sinh hoa, do hoa sinh quả. Nếu không có hạt giống thì mầm không do đâu sinh, cho đến không có hoa thì quả cũng không có chỗ để sinh. Có hạt nên sinh mầm cho đến có hoa

nên sinh quả. Nhưng hạt chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình do hạt sinh, cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh quả, quả cũng chẳng nghĩ mình do hoa sinh. Có hạt nên mầm mới sinh, cho đến có hoa thì sinh quả. Như thế là ngoại duyên sinh, nên biết là hệ thuộc với nhân.

Sao gọi là duyên bên ngoài sinh hệ thuộc với duyên? Nghĩa là sáu giới hòa hợp với duyên sinh, hệ thuộc với duyên.

Sao gọi là sáu giới? Đó là địa, thủy, hỏa, phong, không, thời hòa hợp duyên sinh, hệ thuộc với duyên.

Sao gọi là địa, thủy, hỏa, phong, không, thời giới? Khiến hạt giống được bảo trì gọi là địa giới, khiến hạt giống thấm nhuần gọi là thủy giới, khiến hạt giống thành thực gọi là hỏa giới, khiến hạt giống tăng trưởng gọi là phong giới, khiến hạt giống không có chướng ngại gọi là không giới, khiến hạt giống biến đổi gọi là thời giới. Nếu không có các duyên thì hạt giống chẳng nảy mầm; nếu không thiếu địa giới, không thiếu thủy, hỏa, phong, không, thời giới, tất cả hòa hợp thì hạt giống nảy mầm. Địa giới ấy chẳng nghĩ mình có thể bảo trì hạt giống. Thủy giới chẳng nghĩ mình có thể làm thấm nhuần hạt giống. Hỏa giới chẳng nghĩ mình có thể làm chín hạt giống. Phong giới chẳng nghĩ mình có thể làm tăng trưởng hạt giống. Không giới chẳng nghĩ mình có thể khiến hạt giống phát triển, không có chướng ngại. Thời giới chẳng nghĩ mình có thể biến đổi hạt giống. Hạt giống đó cũng chẳng nghĩ mình do các duyên mới sinh được mầm. Nhưng nhờ các duyên như thế mà hạt giống nảy mầm, mầm đó chẳng tự tạo, chẳng do cái khác tạo, chẳng do cả hai cùng tạo, chẳng do trời Tự tại tạo, chẳng do thời gian biến đổi tạo, chẳng do tự tánh sinh, chẳng hệ thuộc người tạo tác hay vô nhân sinh. Như thế hạt giống nhờ đất, nước, lửa, gió, hư không, thời tiết hòa hợp lại mà sinh. Pháp ngoại duyên sinh này nên biết có năm tính chất: chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng di chuyển, nhân ít, quả nhiều, tương tự, tương tục, chẳng sinh vật khác.

Sao gọi là chẳng thường? Vì hạt và mầm khác nhau nên chẳng phải là hạt mầm, cũng chẳng do hủy hoại hạt rồi mầm mới sinh, nhưng kỳ thực hạt chết nên mầm sinh. Vì hạt chết, mầm sinh nên gọi là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Trước thì hạt giống chẳng hoại để sinh mầm, cũng chẳng phải là chẳng hoại. Như thế hạt giống hoại, hòa hợp sinh ra mầm gọi là chẳng đoạn.

Chẳng di chuyển là hạt giống và mầm khác nhau. Nhân ít quả nhiều là hạt giống ít mà quả hột lại nhiều. Tương tự, tương tục là tùy theo trồng hạt giống nào thì thu quả cũng thế. Như vậy, nên biết đó là năm tính chất của pháp ngoại duyên sinh.

Sao gọi là nội duyên sinh? Có hai loại được sinh.

Những gì là hai loại? Một là hệ thuộc nhân; hai là hệ thuộc duyên.

Pháp nội duyên sinh hệ thuộc với nhân nào? Đó là vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử. Nếu không có vô minh thì không có hành, nhưng có vô minh nên có hành, cho đến có sinh làm điều kiện cho lão tử được sinh. Vô minh đó chẳng nghĩ mình có thể tạo ra hành, hành chẳng nghĩ mình do vô minh tạo ra, cho đến sinh chẳng nghĩ mình có thể sinh lão tử. Nhưng có vô minh thì có hành sinh cho đến có sinh thì có lão tử sinh. Như thế là pháp nội duyên sinh hệ thuộc với nhân.

Sao gọi là pháp nội duyên sinh liên hệ với duyên? Đó là sáu giới hòa hợp mà sinh.

Sao gọi là sáu giới hòa hợp? Đó là địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới hòa hợp làm duyên sinh hệ thuộc với duyên.

Sao gọi là địa giới? Thế cứng khiến cho thân hợp lại gọi là địa giới.

Sao gọi là thủy giới? Khiến cho thân được thấm giữ gọi là thủy giới.

Sao gọi là hỏa giới? Khiến cho các thức ăn uống trong thân tiêu hóa, gọi là hỏa giới.

Sao gọi là phong giới? Khiến tạo ra hơi thở vô ra trong thân gọi là phong giới.

Sao gọi là không giới? Khiến tạo ra khoảng trống trong thân gọi là không giới.

Sao gọi là thức giới? Khiến chuyển danh sắc như bó cỏ lau, năm



thức tương ứng, có ý thức hữu lậu gọi là thức giới.

Nếu không có sáu giới thì thân người chẳng thành. Nếu chẳng thiếu nội địa giới, chẳng thiếu thủy, hỏa, phong, không, thức giới thì tất cả hòa hợp có thể sinh thân. Địa giới đó chẳng nghĩ mình là chất cứng có thể khiến cho thân tụ hợp. Thủy giới chẳng nghĩ mình có thể khiến cho thân tạo sự giữ gìn. Hỏa giới chẳng nghĩ mình có thể làm tiêu hóa thức ăn, uống trong thân. Phong giới chẳng nghĩ mình có thể khiến thân tạo hơi thở vào ra. Không giới chẳng nghĩ mình có thể khiến tạo thành khoảng trống trong thân. Thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể chuyển được danh sắc giống như bó cỏ lau. Thân cũng chẳng nghĩ mình do các duyên kia mà sinh. Nhưng mà có các duyên như thế mới sinh thân. Địa giới ấy không ngã, không nhân, không mạng, không thọ mạng, không ý sinh, không nho đồng, không nam, không nữ, không phi nam nữ, không ngô, ngã, cũng không gì khác. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng không ngã, không nhân, không mạng, không thọ mạng, không ý sinh, không nho đồng, không nữ, không nam, không phi nam nữ, không ngô, ngã, không gì khác.

Sao gọi là vô minh?

Đối với sáu giới này, khởi lên tưởng một, tưởng hợp, tưởng thường, tưởng vững chắc, tưởng thường hằng, tưởng vui, tưởng yên lặng, tưởng chúng sinh, tưởng mạng, tưởng thọ mạng, tưởng ý sinh, tưởng nho đồng tưởng ngô, ngã, tưởng tác giả. Khởi các loại tưởng như thế mà không biết, gọi là vô minh. Từ cảnh giới có vô minh như thế sinh tham, sân, si; từ tham, sân, si kia, sinh ra hành. Từ hành kia bày ra các việc gọi là thức. Thức ấy sinh bốn uẩn. Danh sắc kia nương tựa vào các căn, cùng sáu xứ ba pháp hợp gọi là xúc; xúc sinh thọ; thọ tham đắm nên sinh ái; ái phát triển mạnh nên gọi là thủ; thủ lại sinh hữu, nghiệp hữu làm nhân sinh uẩn; uẩn chín mùi gọi là lão, uẩn hư hoại nên gọi là chết. Đối với ái mê hoặc, tham chấp tạo nhiệt não gọi là sầu; theo đuổi thương nhớ việc làm, lời nói, âm thanh đã qua gọi là than thở. Năm thức thân tương ứng gọi là khổ; ý chẳng vui gọi là ưu; tùy phiền não nên gọi là não; ngu si đen tối gọi là vô minh; tạo tác gọi là hành; phân biệt rõ ràng gọi là thức; hỗ tương nhau, thâm

giữ gọi là danh sắc; nương nơi xứ sở gọi là lục xứ; gặp cảnh nên gọi là xúc; lãnh nạp nên gọi là thọ; khát ái nên gọi là ái; nắm giữ nên gọi là thủ, thủ lại sinh hữu nên gọi là hữu; có thể sinh ra nên gọi là sinh; căn chín nên gọi là già; hoại diệt nên gọi là chết; thương nhớ nên gọi là sầu; buồn bã, tẩm tức gọi là than thở; ý không vui gọi là ưu; bức bách nơi thân thể nên gọi là khổ; chẳng vừa ý nên gọi là não; chẳng tu hạnh chân thật gọi là tà hạnh; không biết nên gọi là vô minh. Có vô minh nên tạo tác các loại hành; phước cận hành, phi phước cận hành, bất động cận hành. Khi phát khởi hành phước cận hành và hành phi phước cận hành nên gọi là thức. Vì thế gọi là vô minh duyên hành. Khi khởi hành phi phước cận hành và hành phi phước cận hành cũng gọi là thức. Vì thế gọi là hành duyên thức. Khi khởi hành bất động cận hành và hành bất động cận hành cũng gọi là thức. Vì thế gọi là thức duyên danh sắc. Danh sắc tăng trưởng tạo ra môn lục xứ, cho nên gọi là danh sắc duyên lục xứ. Thân lục xứ chuyển nên gọi là lục xứ duyên xúc. Cùng loại xúc sinh cùng loại thọ, nên gọi là xúc duyên thọ. Đối với thọ đấm chấp cái vui sai biệt cho nên gọi là thọ duyên ái. Ái đấm đuối nơi hoan lạc nên ái chẳng thể xả bỏ, luôn luôn vui vẻ cầu tìm, cho nên gọi là ái duyên thủ. Như thế mưu cầu được sinh lại, nên hữu khởi nghiệp nơi thân, khẩu, ý. Vì thế gọi là thủ duyên hữu. Do nghiệp nên sinh trong vòng năm uẩn, gọi là hữu duyên sinh. Do uẩn sinh nên phải chịu suy héo, hoại diệt gọi là sinh duyên lão tử. Như thế gọi là mười hai duyên sinh. Lần lượt thay đổi làm nhân, chẳng thường, chẳng tạo tác, chẳng có suy tư, cũng không có duyên sinh, không có pháp tận cùng, không có pháp lìa dục, không có pháp diệt, từ vô thủy đến nay lưu chuyển không ngừng như dòng nước sông chảy xiết. Nếu duyên sinh chẳng gián đoạn, chuyển dịch như dòng sông thì đó là mười hai duyên sinh hòa hợp với bốn chi mà tạo ra nhân chuyển động.

Những gì là bốn? Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức. Tự tánh nơi hạt giống của thức kia là nhân; tự tánh của ruộng nghiệp là nhân; tự tánh của phiền não là ái, vô minh là nhân. Nghiệp, phiền não, thức có thể sinh hạt giống. Như thế nghiệp, thức tạo ra ruộng của hạt giống; ái, thức làm hạt giống thấm nhuần; vô minh, thức làm hạt giống phát

sinh. Nhưng nghiệp đó chẳng nghĩ là mình và hạt giống thức tạo ra ruộng; ái chẳng nghĩ là mình và hạt giống thức tạo sự thấm nhuần; vô minh chẳng nghĩ là mình làm cho hạt giống thức phát sinh; hạt giống thức chẳng nghĩ là mình do các duyên mà sinh. Nhưng kỳ thực hạt giống thức an lập nghiệp phiền não, dùng ái làm cho thấm nhuần, dùng vô minh che đất, sinh ra mầm non danh sắc. Mầm non danh sắc đó chẳng tự tạo, chẳng do cái khác tạo, chẳng do cả hai cùng tạo, chẳng do trời Tự tại tạo, chẳng do biến dịch thời gian tạo, chẳng do tự tánh sinh, chẳng liên hệ ở nhân, không có nhân cũng chẳng sinh. Nhưng lại do lúc cha mẹ hòa hợp tương ứng và các duyên khác tương ứng, tiếp nối nhau sinh. Hạt giống thức ấy ở trong bụng mẹ, mầm non của danh sắc sinh, từ vô chủ (vô sinh), vô ngã mà trao tướng của pháp như huyễn, nhân duyên chẳng thiếu. Do năm loại duyên sinh nhân thức.

Những gì là năm? Nhân duyên sắc, ánh sáng và hư không, từ đó sinh tác ý. Nhân thức nương nơi sắc làm đối tượng duyên; ánh sáng dùng để chiếu sáng; hư không tạo chỗ không chướng ngại, do đó sinh tác ý, để rồi nghĩ kỹ. Nếu không có các duyên thì nhân thức chẳng sinh. Nếu thiếu nhân xứ bên trong như là sắc, ánh sáng hư không, tác ý thì nhân thức chẳng sinh. Như thế năm duyên chẳng thiếu, tất cả hòa hợp lại thì sinh nhân thức. Nhân căn kia chẳng nghĩ là mình và nhân thức tạo ra chỗ dựa. Sắc pháp kia chẳng nghĩ là mình và nhân thức làm đối tượng duyên. Ánh sáng chẳng nghĩ là mình và nhân thức tạo ra duyên chiếu sáng. Hư không chẳng nghĩ là mình và nhân thức tạo ra duyên không chướng ngại. Ý sinh ra chẳng nghĩ là mình và nhân thức tạo ra sự suy nghĩ kỹ. Nhân thức lại chẳng nghĩ là mình được nhiều duyên sinh ra. Vì có nhiều duyên nên nhân thức mới sinh. Bốn căn còn lại, nên biết như trước. Kỳ thật không có pháp, chẳng do đời này di chuyển đến đời kia vì có nghiệp báo thiết lập ra nhân duyên chẳng thiếu sót. Ví như gương sáng hiện rõ khuôn mặt trong đó. Khuôn mặt đó chẳng di chuyển vào nơi gương, mà ở trong gương này có khuôn mặt trong đó, vì nhân duyên chẳng thiếu. Như thế, chẳng do ở đây diệt đi đến chỗ kia, do có nhân duyên nghiệp báo chiêu cảm nên chẳng thể thiếu sót. Ví như vàng trắng cách mặt đất

bốn vạn do-tuần, ở trong các đồ vật kim loại mà có ít nước, thì thấy hiện bóng trăng trong đó. Nhưng thật ra chẳng do ở đó rơi xuống rồi hiện ở trong đồ vật kim loại đựng ít nước kia, mà do có các duyên hòa hợp nên ảnh hiện như thế, chẳng do diệt ở đây rồi sinh ở chỗ kia, vì có tướng nghiệp báo chiêu cảm theo nhân duyên nên chẳng thiếu. Ví như không có củi thì lửa chẳng sinh, có củi thì lửa mới sinh. Hạt giống thức do nghiệp phiền não sinh, từ chỗ sinh đó, tiếp nối nhau lưu chuyển thành mầm non danh sắc. Như thế là vô chủ, là pháp vô ngã, pháp không có chỗ nắm giữ, thay đổi với nhau làm nhân duyên như là huyễn tướng, vì tự tánh nơi pháp là nhân duyên chẳng thiếu. Nên biết năm loại pháp nội duyên sinh là chẳng thường chẳng đoạn chẳng di chuyển, ít nhân nhiều quả, tương tự, tiếp nối nhau mà sinh.

Sao gọi là chẳng thường? Uẩn bên này chết thì ở nơi kia uẩn khác sinh, chẳng phải uẩn này chết tức là uẩn sinh kia. Nhưng uẩn chết diệt thì ở nơi kia uẩn sinh hiện khởi. Đó là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn?

Chẳng phải trước diệt uẩn tử, rồi sau mới khởi lên uẩn sinh, cũng chẳng phải không diệt uẩn tử và ngay khi đó có uẩn sinh như cái cân chẳng hạ thấp chẳng giơ cao gọi là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng di chuyển? Vì các loại sai biệt khác chuyển sinh, nên gọi là chẳng di chuyển.

Sao gọi là ít nhân nhiều quả? Đối với thân này tạo nghiệp thiện ác ít, đối với thân đời sau thọ nhận quả báo thiện ác nhiều.

Sao gọi là giống nhau, tiếp nối nhau? Giống như hiện tại thọ thân tạo nghiệp tức là ở đời sau thọ quả báo. Nếu pháp duyên sinh này là như thật dùng Tuệ nhãn chân chánh trong thời gian dài tu pháp vô nhân, vô ngã, chẳng điên đảo, chẳng sinh, chẳng diệt, vô tác, vô vi, không có ngăn che, không có đối tượng duyên, vắng lặng, vô úy, không đoạt lấy, không cùng tận, tự tánh như huyễn, không tịch chẳng vững chắc, như đau đớn, như ung nhọt, chất ngại, tánh vô thường, tánh khổ, tánh không, tánh vô ngã, thì đời trước chẳng lưu chuyển. Nếu ta ở đời quá khứ đã từng hiện hữu thì ta là ai đã từng hiện hữu ở

quá khứ? Ta ở quá khứ tại sao lại hiện hữu? Lại còn lưu chuyển ở đời sau, nghĩa là ta ở vị lai sẽ hiện hữu? Ta là ai ở vị lai sẽ hiện hữu? Ta sẽ hiện hữu ở vị lai như thế nào? Ta ở vị lai chẳng hiện hữu? Ta là ai ở vị lai không hiện hữu? Ta ở vị lai tại sao không hiện hữu? Lại ở hiện tại chẳng lưu chuyển? Ở hiện tại ta có hiện hữu không? Ta là ai có mặt ở hiện tại? Tại sao ta có mặt ở hiện tại? Hữu tình chết ở đây lại sinh đến chỗ nào? Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong thế gian có kiến chấp đó là trói buộc nơi các kiến chấp về ngã, về chúng sinh, về thọ mạng và các kiến chấp khác là hy vọng được tốt lành. Nếu khi ấy dùng chánh kiến tương ứng thì ắt đoạn được các trói buộc, chứng được biến tri, như chặt cây Đa-la, không có tánh sở hữu, nhập vào thắng nghĩa. Trong thời gian lâu dài ở trong các cõi, giác ngộ bất sinh, bất diệt, thành tựu được tính nhẫn nhục, tạo vô biên việc lợi lạc cho hữu tình. Nếu có người nam, người nữ tốt nào, đối với kinh này hoặc trong một khoảnh khắc xem xét kỹ về lý duyên sinh, thì tức khắc có thể tức thì diệt được nghiệp chướng rất nặng từ thời vô thủy đến nay, nhóm hợp nhiều phước đức, trí tuệ thông đạt, dứt hẳn tà kiến, nói pháp vô úy. Đại đức Xá-lợi Tử cùng người nam, người nữ tốt kia được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đại Bồ-đề.

Cụ thọ Xá-lợi Tử và tám bộ chúng Trời, Rồng, Dược-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người và chẳng phải người, nghe Bồ-tát Từ Thị giảng nói xong kinh ấy, tâm rất hân hoan, vô cùng tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Bồ-tát Từ Thị, hoan hỷ làm theo.





SỐ 711

## KINH ĐẠI THỪA XÁ-LÊ-SA-ĐAM-MA

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ở tại đỉnh núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, lại còn có chúng Đại Bồ-tát, đứng đầu là Bồ-tát Từ Thị.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn quán sát Xá-lê-sa-đam-ma rồi, bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo nào đối với mười hai duyên sinh, có thể thấy rõ, đó là thấy pháp. Đã thấy pháp tức là thấy Phật.

Đức Thế Tôn nói thế rồi an trú trong im lặng.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi Tử liền nghĩ: “Nay Đức Thế Tôn của ta nói pháp như thế nghĩa là gì? Làm sao để biết rõ?” Rồi Tôn giả liền đi tới chỗ Bồ-tát Từ Thị, đến nơi, cùng gặp nhau, dùng lời nhu hòa thăm hỏi, rồi cùng ngồi xuống nơi tảng đá lớn.

Xá-lợi Tử bạch Bồ-tát Từ Thị:

–Nay, Đức Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà nói kinh Xá-lê-sa-đam-ma rằng: “Vị Tỳ-kheo nào đối với mười hai duyên sinh có thể nhận thấy rõ đó gọi là thấy pháp. Đã thấy pháp tức là thấy Phật.”

Thưa Bồ-tát! Nay tôi không hiểu rõ ý nghĩa đó. Những gì gọi là mười hai duyên sinh? Sao gọi là pháp? Sao gọi là Phật? Cầu xin Bồ-tát giảng nói văn tắt.

Bồ-tát Từ Thị bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Như Lai Pháp Vương đầy đủ Nhất thiết trí, tùy theo việc mà giảng nói pháp thâm diệu. Nay tôn giả hỏi tôi, thì tôi xin nói vắn tắt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như Đức Thế Tôn nói:

–Nếu có Tỳ-kheo nào đối với mười hai duyên sinh có thể nhận thấy rõ, đó là thấy pháp. Nếu thấy pháp, tức là thấy Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Mười hai duyên sinh nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Sinh khởi như thế tức là một khối khổ lớn hình thành.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Vô minh kia diệt tức hành diệt, hành diệt tức thức diệt, thức diệt tức danh sắc diệt, danh sắc diệt tức lục nhập diệt, lục nhập diệt tức xúc diệt, xúc diệt tức thọ diệt, thọ diệt tức ái diệt, ái diệt tức thủ diệt, thủ diệt tức hữu diệt, hữu diệt tức sinh diệt, sinh diệt tức lão tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Diệt như thế tức là một khối khổ lớn diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như thế, Đức Thế Tôn nói là mười hai duyên sinh.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là pháp?

Bồ-tát bảo:

–Tám Thánh đạo, đó gọi là pháp, gồm có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần (chánh tinh tấn), chánh niệm, chánh định. Quả báo của tám Thánh đạo đó là Niết-bàn. Cho nên Đức Thế Tôn đã nói vắn tắt gọi là pháp.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là Phật?

Bồ-tát bảo:

–Nếu biết tất cả các pháp thì gọi là Phật. Như thế là chứng đắc mắt trí tuệ của bậc Thánh, thấy pháp Bồ-đề phần, mới chứng được Pháp thân. Lại nữa, thế nào là thấy mười hai duyên như Đức Phật nói? Nếu người nào thường thấy mười hai duyên này vô sinh, vô diệt,



vô tác, vô vi, không lấy, không chấp, như thật, chẳng điên đảo, vắng lặng, không sợ hãi, thì đó là bậc Đại Thánh vô tận vắng bật tất cả đều là vô tánh. Nếu thấy như thế là người thấy Pháp. Nếu thường thấy vô sinh, vô diệt, vô tác, vô vi, không lấy, không chấp, như thật, chẳng điên đảo, vắng lặng, không sợ hãi, thì đó là bậc Đại thánh vô tận vắng bật thấy pháp là vô tánh. Người kia thấy được Pháp thân vô thượng. Đức Phật là vị chứng đắc chánh pháp, chánh trí, Tam-muội vắng lặng.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

– Vì sao gọi là mười hai duyên?

Bồ-tát bảo:

– Vì có nhân có duyên nên gọi là mười hai duyên.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Pháp ấy cũng chẳng phải nhân, chẳng phải duyên, cũng chẳng phải không nhân duyên, lại từ duyên mà có. Nay tôi nói vấn tắt về tướng của nó. Dù Đức Như Lai ra đời hay không ra đời thì pháp nhân duyên ấy vẫn thường trụ, bình đẳng, như thật, chẳng hư dối, là pháp chân thật, lìa điên đảo.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như thế duyên sinh phân làm hai nghĩa. Những gì là hai? Một là, do nhân; hai là, do duyên. Hai loại nghĩa này phân làm bên trong và bên ngoài.

Duyên bên trong do nhân sinh ra, nghĩa là do hạt sinh mầm, do mầm sinh cây non, do cây non sinh thân cây, do thân cây sinh cành lá, do cành lá sinh hoa quả. Nếu không có hạt giống thì chẳng sinh cây non, cho đến hoa quả cũng không có được. Nếu có hạt giống thì cây non, thân cây sinh ra, cho đến hoa quả không thể không có.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Hạt giống kia chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm. Mầm cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh cây non, thân cây. Như thế cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh quả, quả cũng chẳng nghĩ mình có thể do hoa sinh. Như thế, có thể thấy ngoại duyên từ nhân sinh ra.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhân bên ngoài do duyên sinh ra, nghĩa là phải duyên với sáu giới tập hợp.

Sáu giới là gì? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, hư

không giới, thức giới. Địa giới kia có khả năng đứng yên; thủy giới có khả năng thấm nhuần; hỏa giới có khả năng làm nóng ấm; phong giới có khả năng dao động; không giới có khả năng không ngăn ngại; thức giới có thể tạo sự thành tựu. Sáu giới như thế tùy theo các duyên mà hòa hợp. Hạt giống được sinh mầm, cây non, hoa, quả, không gì là không đầy đủ. Như thế, một trong sáu giới không hòa hợp thì hạt giống không thể sinh, cho đến hoa quả cũng không thể có được. Nhưng sáu giới kia mỗi thứ không có ngã. Đất kia chẳng nói ta có thể đứng yên; nước cũng chẳng nói ta có thể thấm nhuần; lửa cũng chẳng nói ta có thể làm nóng ấm; gió cũng chẳng nói ta có thể dao động; hư không cũng chẳng nói ta có thể không ngăn ngại; thời cũng chẳng nói ta có thể thành tựu, nhưng hạt giống kia chẳng nói ta có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nói ta do các duyên mà sinh được. Mầm... kia sinh ra chẳng phải tự tạo, chẳng do cái khác tạo, cũng chẳng do tự tha cùng tạo, chẳng do trời Tự tại hóa ra, cũng chẳng do thời gian hóa ra, cũng chẳng do duyên sinh ra, cũng chẳng do một việc sinh ra, cũng không phải không do nhân sinh ra. Nhưng các phần đất, nước, lửa, gió, hư không, thời kia và hạt giống, hoa quả từ đó mà sinh, chẳng tức, chẳng lìa, vì không có tận diệt. Ngoại duyên sinh này lại có năm tính chất.

Những gì là năm? Đó là chẳng thường, chẳng đoạn, tuy diệt mà chẳng tận, nhân ít, quả nhiều, làm đối tượng duyên cho nhau.

Sao gọi là chẳng thường? Nghĩa là tên hạt giống và mầm khác nhau.

Sao gọi là chẳng đoạn? Nghĩa là do hạt giống mới có mầm, mầm sinh cành lá.

Sao gọi là tuy diệt chẳng tận? Tuy diệt là hạt giống hoại giống như tiêu mất. Bất tận là truyền hạt giống thành mầm.

Sao gọi là nhân ít quả nhiều? Nghĩa là một hạt giống làm nhân mà quả nhiều gấp bội.

Sao gọi là cùng nhau làm đối tượng duyên? Nghĩa là nhân nơi hạt giống mà có mầm cho đến hoa quả, giống như dây chuyền, rồi lại làm hạt giống.

Lại nữa, sao gọi là mười hai duyên bên trong? Mười hai duyên này lại có hai nghĩa.

Những gì là hai? Một là do nhân; hai là do duyên.

Sao gọi là do nhân làm? Nhân vô minh mới có hành, cho đến sinh, lão tử, ưu, bi, khổ, não. Nếu không có vô minh thì hành cũng không, cho đến không có lão tử, ưu, bi, khổ, não. Nhưng vô minh kia chẳng nghĩ mình có thể sinh hành, hành cũng chẳng nghĩ mình do vô minh sinh, cho đến sinh cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh già, chết, ưu, bi, khổ não. Lão tử... cũng chẳng nghĩ mình do sinh mà sinh khởi. Đó là tướng do nhân sinh khởi.

Sao gọi là do duyên sinh? Nghĩa là duyên nơi sáu giới thì được hòa hợp.

Những gì là sáu? Đó là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Khi sáu giới này hòa hợp thì gọi là do duyên sinh.

Sao gọi là địa giới? Đó là chất cứng rắn của thân thì gọi là địa giới; chất thấm nhuần của thân thì gọi là thủy giới; hơi thở vào ra thì gọi là phong giới; chỗ không chướng ngại của thân thì gọi là không giới; nhãn thức cho đến thức thứ tám thì gọi là thức giới. Vì duyên sáu giới như thế hòa hợp nên mới sinh thân. Nhưng địa giới kia chẳng nghĩ mình có thể chắc thật, thủy giới cũng chẳng nghĩ mình có thể thấm nhuần, hỏa giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm nóng ấm, phong giới cũng chẳng nghĩ mình có thể thổi vào ra, không giới cũng chẳng nghĩ mình có thể không chướng ngại, thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể thành tựu, thân cũng chẳng nghĩ mình do các duyên sinh, nhưng không có các duyên thì thân cũng chẳng thành. Mà địa giới kia thì không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, cũng không tự, không tha, cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, cũng không tự, không tha.

Lại nữa, nếu đối với sáu giới như thế mà khởi tưởng một, tưởng phàm phu, tưởng thường, tưởng thật, tưởng lâu dài, tưởng vui, tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ mạng, tưởng loài máy

động, là do không có trí tuệ nên tạo ra nhiều loại tướng như thế, cho nên nói là vô minh. Do vô minh nên sinh tham dục, sân hận. Vô minh duyên hành. Hành cũng như thế đằm chấp theo giả danh, sinh ra các vọng tướng gọi là thức. Thức sinh danh sắc, danh sắc sinh lục nhập, lục nhập sinh xúc, xúc sinh thọ, thọ sinh ái, ái sinh thủ, thủ sinh hữu. Vì hữu nên sinh uẩn sau gọi là sinh; sinh đã suy biến thì già, uẩn bại hoại nên phải chết. Vì ngu si nên phát sinh ưu, bi, khổ, não. Lại vì các khổ ấy tích tụ lại bức bách thân tâm ở chỗ rất tối tăm gọi là vô minh, tạo tác là hành, phân biệt là thức, tướng đứng yên là danh sắc, sáu căn môn là lục nhập đối trần cảnh gọi là xúc, khổ vui gọi là thọ, khao khát gọi là ái, tìm cầu gọi là thủ, lại sinh nghiệp là hữu, uẩn sau sinh là sinh, uẩn sinh là già, uẩn bại hoại là chết, lo nghĩ là ưu, thảm thiết là bi, các khổ là khổ, quấy rối là não.

Lại nữa, đối lập chân thật là hư vọng, dùng tà kiến làm chánh kiến, vì vô trí nên gọi là vô minh. Hành có ba loại là phước hành, phi phước hành, vô tướng hành, tạo phước hành được trí phước hành; tạo phi phước hành được trí phi phước hành; tạo vô tướng hành được trí vô tướng hành; như thế cho đến lão tử, ưu, bi, khổ, não. Mười hai duyên này mỗi thứ có nhân có quả, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng hữu vi, chẳng rời hữu vi, chẳng phải tâm pháp, chẳng phải tận pháp, chẳng phải diệt pháp, xưa nay tự nó sinh ra chẳng đoạn, ví như dòng nước sông chảy hoài không bao giờ dừng.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị lại bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Mười hai duyên kia lại dùng bốn duyên tăng trưởng. Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức..., hạt giống của thức kia dùng tự tánh làm nhân, dùng nghiệp làm đất vì vô minh, ái, phiền não, che giấu nên hạt giống thức phát sinh; nghiệp kia cùng thức làm đất, ái và thức làm thấm nhuần, vô minh che lấp thức được thành tựu. Nghiệp kia chẳng nghĩ mình có thể cùng hạt giống thức làm đất. Ái cũng chẳng nghĩ mình có thể cùng hạt giống thức làm sự thấm nhuần. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình có thể cùng hạt giống thức làm sự che lấp. Vì duyên ấy nên hạt giống thức thành tựu mà thức cũng chẳng nghĩ mình do các duyên sinh. Lại nữa, nghiệp là đất của thức, ái là sự thấm nhuần, vô minh che lấp nên hạt giống mới sinh. Ở trong thai mẹ là mầm non

danh sắc. Mầm non danh sắc kia chẳng phải tự sinh, chẳng phải do cái khác sinh, chẳng tự tha hòa hợp sinh, cũng chẳng phải trời Tự tại sinh, cũng chẳng phải thời gian hóa sinh, cũng chẳng do gốc sinh, cũng chẳng phải không có nhân duyên sinh, pháp đó thật do cha mẹ hòa hợp với các duyên mà sinh. Nhưng mầm của danh sắc kia vốn vô chủ, cũng không có nắm giữ, xả bỏ, tự tánh nhân duyên như hư không, huyễn hóa.

Lại nữa, nhãn thức sinh, có năm loại nhân duyên. Những gì là năm? Đó là nhãn, sắc, ánh sáng, hư không, ý niệm, do năm duyên này mà sinh nhãn thức, dùng nhãn căn làm chỗ an trú, dùng sắc làm chỗ bám vào, dùng ánh sáng để chiếu sáng, dùng hư không để không ngăn ngại, cho nên ý niệm khởi các sự tác động. Vì duyên ấy nên nhãn thức phát sinh. Nếu nhãn, sắc, ánh sáng, hư không, ý niệm... các duyên không hòa hợp thì nhãn thức chẳng sinh. Nhưng nhãn căn chẳng nghĩ mình có thể làm nhãn thức sinh. Sắc cũng chẳng nghĩ mình có thể làm chỗ vin dựa của thức. Ánh sáng cũng chẳng nghĩ mình có thể chiếu sáng cho thức. Hư không cũng chẳng nghĩ mình có thể khiến thức không có sự ngăn che. Ý cũng chẳng nghĩ mình có thể khiến thức khởi dậy sự tạo tác. Thức cũng chẳng nghĩ mình có thể do các duyên sinh. Nhưng nhãn thức thật là do các duyên hòa hợp mà sinh. Như thế, các căn thứ tự mà sinh, đều cũng như vậy.

Lại nữa, không có pháp từ đời này đến đời sau, chỉ do nhân duyên, nghiệp quả, vọng tưởng mà sinh, lại như gương sáng soi mặt, mặt hiện ở trong gương, thật không có mặt vào bên trong gương, do nhân duyên vọng tưởng mà hiển hiện. Lại như trăng tròn ở cao trên hư không, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, ảnh hiện dưới các mặt nước, chẳng phải mặt trăng tiêu mất ở đó mà sinh xuống mặt nước này, cũng do nhân duyên vọng tưởng nên xuất hiện. Lại như lấy lửa thì đốt củi, củi hết thì lửa tắt.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Không có chúng sinh từ đời này đến đời sau, cũng chẳng phải từ đời sau đến đời này, chỉ do nghiệp kết thành hạt giống thức, được sinh ra mọi nơi, gá vào thai tạng của mẹ sinh ra mầm danh sắc. Pháp nhân duyên này xưa nay

vốn vô chủ, vô ngã, không có nắm giữ, không có xả bỏ, như hư không, như huyễn hóa, không có thật pháp mà do báo ứng của nghiệp thiện ác nên chẳng mất đi.

Lại nữa, mười hai duyên lại dùng năm việc để nói. Những gì là năm? Đó là vô thường, chẳng đoạn, không diệt, nhân ít quả nhiều, tương tự.

Sao gọi là vô thường? Nghĩa là uẩn này diệt thì uẩn kia sinh, diệt tức chẳng phải sinh, sinh tức chẳng phải diệt, vì sinh diệt khác nhau, cho nên gọi là vô thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Nghĩa là như cái cân khi cao khi thấp, đây diệt thì kia sinh. Cho nên gọi là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng diệt? Nghĩa là nghiệp nhân đã gây ra ở cõi chúng sinh thì đều chẳng thể diệt.

Sao gọi là nhân ít quả nhiều? Nghĩa là việc tạo nhân, cũng như việc làm ruộng, hễ chuyên tâm, nỗ lực, siêng năng thì thu hoạch kết quả rất nhiều.

Sao gọi là tương tự? Nghĩa là nghiệp đã tạo thì chẳng thu được quả báo khác được. Cho nên gọi là tương tự.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như Đức Phật đã nói:

–Nếu có thể quán sát mười hai Nhân duyên thì gọi là người chánh quán chánh trí tuệ.

Sao gọi là chánh quán chánh trí tuệ? Nghĩa là quan sát sự sinh khởi trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, chẳng khởi tưởng có không, không từ đâu đến, không đi về đâu. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn và người thế gian có thể quán sát pháp ấy là bất sinh, bất diệt, vô tác, vô vi, không lấy, không bỏ, chẳng điên đảo, vắng lặng, đình chỉ, vô tánh và nếu có thể thấy pháp như thế thì được vắng lặng, biết rõ, không có bệnh, không có ung nhọt, như bệnh hoa mắt hết, ngã kiến liền trừ, như đầu cây Đa-la bị chặt thì không sinh lại được. Đó là chứng đắc được pháp bất sinh, bất diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Đó là người đạt được pháp nhẫn đầy đủ sẽ được Như Lai, Bạc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng phu,

Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị đã giảng nói xong pháp ấy. Tôn giả Xá-lợi Tử và các chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... hoan hỷ tín thọ, đánh lễ rồi lui ra.







SỐ 712

## KINH ĐẠI THỪA ĐẠO VU

*Hán dịch: Mật tên người dịch.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn, ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và các Đại Bồ-tát hội đủ.

Bấy giờ, Cù thọ Xá-lợi Tử đi đến chỗ kinh hành của Đại Bồ-tát Di-lặc, đến nơi cùng nhau hỏi han vui vẻ, rồi ngồi trên tảng đá lớn. Lúc ấy, Cù thọ Xá-lợi Tử hướng về Đại Bồ-tát Di-lặc nói:

–Bạch Bồ-tát Di-lặc! Hôm nay Đức Thế Tôn xem thấy cây lúa, cây cỏ, gọi các Tỳ-kheo đến và nói: “Này các Tỳ-kheo! Nếu ai thấy nhân duyên thì người đó thấy pháp. Nếu thấy pháp thì thấy được Phật.” Phật giảng nói như thế rồi im lặng không nói.

Bạch Bồ-tát Di-lặc! Vì sao Đức Thiện Thệ nói như vậy? Việc ấy là thế nào? Cái gì là nhân duyên? Cái gì là pháp? Sao gọi là Phật? Sao gọi là thấy nhân duyên thì thấy được pháp? Vì sao thấy pháp thì thấy được Phật?

Đại Bồ-tát Di-lặc trả lời Cù thọ Xá-lợi Tử:

–Hôm nay, Đức Phật, Bạc Pháp Vương Chánh Biến Tri bảo các Tỳ-kheo: “Nếu ai thấy nhân duyên thì thấy được pháp. Nếu thấy pháp thì thấy được Phật.”

Trong ấy cái gì là nhân duyên? Nói nhân duyên là: “Ở đây có nên ở kia có, ở đây sinh nên ở kia sinh. Tức là vô minh duyên hành,

hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não từ đó mới sinh khởi. Như thế là hình thành toàn bộ khổ uẩn rất lớn.” Ở đây, nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não phải diệt. Như thế diệt trừ toàn bộ khổ uẩn rất lớn. Đây là pháp nhân duyên mà Đức Thế Tôn giảng nói.

Cái gì là pháp? Là tám phần Thánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là tám Thánh đạo, quả là Niết-bàn. Đức Thế Tôn nói đó là pháp.

Sao gọi là Phật? Tức là vị nhận biết tất cả pháp, gọi là Phật. Dùng Tuệ nhãn đó với Pháp thân thì thấy được pháp Bồ-đề nơi bậc Hữu học và Vô học.

Vì sao thấy nhân duyên? Như Phật đã nói. Nếu ai thấy được pháp nhân duyên là thường, không thọ mạng, lìa thọ mạng, tánh như thật, tánh không sai lầm, vô sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, không chướng ngại, không cảnh giới, vắng lặng, không sợ, không xâm đoạt, chẳng phải tướng vắng lặng là thấy đúng. Nếu đạt được như thế, đối với pháp cũng thấy thường, không thọ mạng, lìa thọ mạng, tánh như thật, tánh không sai lầm, vô sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, không chướng ngại, không cảnh giới, vắng lặng, không sợ, không xâm đoạt, chẳng phải tướng vắng lặng thì chứng đắc chánh trí, tỏ ngộ được thắng pháp, dùng Pháp thân vô thượng mà thấy được Phật.

Hỏi:

–Vì sao gọi là nhân duyên?

Đáp:

–Có nhân có duyên gọi là nhân duyên, chẳng phải là vô nhân, vô duyên. Cho nên gọi là pháp nhân duyên. Đức Thế Tôn nói vấn tất

về tướng của nhân duyên. Đó là duyên kia sinh. Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện thì pháp tánh vẫn thường trụ, cho đến pháp tánh, pháp tánh trụ, pháp tánh định, khởi lên tánh nhân duyên tương ứng, tánh chân như, tánh không sai lầm, tánh không thay đổi, tánh chân thật, tánh thực tế, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng điên đảo... Nói như vậy, tức pháp nhân duyên này dùng hai loại nhân duyên mới sinh khởi được.

Sao gọi là hai? Đó là nhân tương ứng và duyên tương ứng. Mỗi cái còn có hai phần là trong và ngoài.

Ở đây, cái gì là nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài? Đó là từ hạt sinh mầm, từ mầm sinh lá, từ lá sinh thân cây, từ thân cây sinh đốt cây, từ đốt cây sinh nụ, từ nụ sinh hoa, từ hoa sinh quả. Nếu không có hạt thì mầm chẳng sinh, cho đến nếu không có hoa thì quả cũng chẳng sinh. Có hạt nên mầm sinh, như thế có hoa thì quả cũng được sinh. Hạt đó chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình do hạt sinh, cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình sinh được quả, quả cũng chẳng nghĩ mình do hoa sinh. Tuy nhiên, có hạt nên mầm mới sinh. Như thế, có hoa thì quả mới thành tựu. Nên quán về nghĩa nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài như thế.

Nên quán như thế nào nghĩa duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài? Quán về sáu giới hòa hợp.

Những gì là sáu giới hòa hợp? Đó là đất, nước, lửa, gió, không, thức giới... hòa hợp thì pháp ngoại nhân duyên mới được sinh khởi. Nên quán nghĩa duyên tương ứng với pháp ngoại nhân duyên như thế. Địa giới có thể nắm giữ hạt, thủy giới làm thấm nhuần hạt, hỏa giới có thể làm nóng ấm hạt, phong giới làm dao động hạt, không giới thì không ngăn che hạt, thời giới có thể làm thay đổi hạt. Nếu không có các duyên này thì hạt chẳng thể sinh mầm được, cũng như ngoại địa giới thì không thể không đầy đủ. Như thế cho đến nước, lửa, gió, không, thời... không thể không đầy đủ. Tất cả đều phải hòa hợp. Khi hạt giống diệt thì mầm mới nảy sinh. Ở đây địa giới chẳng nghĩ mình có thể nắm giữ hạt giống. Như thế thủy giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thấm nhuần hạt giống. Hỏa giới cũng chẳng

nghĩ mình làm nóng hạt giống. Phong giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm dao động hạt giống. Không giới cũng chẳng nghĩ mình không ngăn che hạt giống. Thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thay đổi hạt giống. Hạt giống cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình do các duyên ấy mà sinh. Tuy nhiên có các duyên này tới khi hạt diệt thì mầm mới sinh. Như thế khi có hoa thì quả mới sinh. Mầm kia cũng chẳng tự tạo, cũng chẳng do cái khác tạo, cũng chẳng do tự tha cùng tạo, chẳng do trời Tự tại tạo, cũng chẳng phải thời biến, chẳng phải tự tánh sinh, cũng chẳng phải không có nhân mà sinh. Tuy nhiên, địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới... hòa hợp khi hạt giống diệt thì mầm mới sinh. Cho nên phải quán nghĩa duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài như thế. Nên dùng năm loại quán pháp nhân duyên bên ngoài kia.

Những gì là năm? Đó là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng di chuyển, từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn, tương tự cùng cái kia.

Sao gọi là chẳng thường? Vì mầm và hạt mỗi cái khác nhau, mầm kia chẳng phải hạt, chẳng phải khi hạt hư rồi mầm mới sinh, cũng chẳng phải không diệt rồi mới sinh khởi. Khi hạt hư rồi mầm mới sinh. Đó là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Chẳng phải hạt lúc trước hư rồi mầm mới sinh, cũng chẳng phải không diệt rồi mới sinh khởi, hạt giống cũng hư. Nên lúc ấy như cái cân khi cao khi thấp mà mầm sinh được. Đó là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng di chuyển? Mầm và hạt khác nhau. Mầm chẳng phải hạt. Cho nên chẳng di chuyển.

Sao gọi nhân nhỏ sinh quả lớn? Từ hạt giống nhỏ mà sinh quả to. Cho nên từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn.

Sao gọi tương tự với cái kia? Như hạt được trồng sinh quả giống nó. Cho nên tương tự cùng cái kia. Đó là dùng năm loại quán về pháp nhân duyên bên ngoài.

Như thế pháp nhân duyên bên trong cũng dùng hai loại mà được sinh khởi.

Những gì là hai? Đó là nhân tương ứng và duyên tương ứng.

Cái gì là nghĩa nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên trong? Đó là bắt đầu từ vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử. Nếu vô minh chẳng sinh thì hành cũng chẳng có, cho đến nếu không có sinh thì lão tử chẳng có. Như thế có vô minh nên hành mới sinh được, cho đến có sinh nên lão tử có được. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình sinh được hành, hành cũng chẳng nghĩ mình do vô minh sinh, cho đến sinh cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh lão tử, lão tử cũng chẳng nghĩ mình do sinh mà có. Tuy nhiên, có vô minh nên hành mới sinh. Như thế có sinh nên lão tử có mặt. Vì vậy nên quán nghĩa nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên trong như thế.

Phải quán như thế nào việc duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên trong? Nên quán sáu giới hòa hợp.

Những gì là sáu giới hòa hợp? Đó là địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới... hòa hợp. Nên quán việc duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên trong như thế.

Cái gì là tướng của địa giới nơi pháp nhân duyên bên trong? Đó là cái tạo sự bền vững, chắc chắn ở trong thân này gọi là địa giới; là cái khiến cho thân này kết dính gọi là thủy giới; là những cái mà thân ăn, uống, nhai, nuốt, có thể tiêu hóa được gọi là hỏa giới; là sự tạo hơi thở vào trong ra ngoài trong thân này gọi là phong giới; là cái tạo ra khoảng trống trong thân này gọi là không giới; ngũ thức thân (năm thức trước) tương ứng với ý thức hữu lậu giống như bó lau (lục căn, lục trần), thành tựu được thân này là mầm danh sắc gọi là thức giới. Nếu không có các duyên ấy thì thân chẳng sinh, như nội địa giới không thể không đầy đủ; như thế cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức giới... không thể không đầy đủ. Tất cả hòa hợp thì thân được sinh. Địa giới kia cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo sự bền chắc trong thân; thủy giới cũng chẳng nghĩ mình làm cho thân được kết dính; hỏa giới cũng chẳng nghĩ mình có thể tiêu hóa những thứ mà thân ăn, uống, nhai, nuốt; phong giới cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo được cái khoảng trống trong thân; thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo thành tựu mầm danh sắc nơi thân này; thân cũng chẳng nghĩ mình do các duyên mà sinh. Tuy nhiên, khi có các duyên này thì thân mới

sinh. Địa giới kia, cũng chẳng phải là ta, chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là thọ mạng, chẳng phải là sự sinh, chẳng phải là nho đồng, chẳng phải là tác giả, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải hoàng môn, chẳng phải trời Tự tại, chẳng phải ngã sở, cũng chẳng phải cái gì khác. Như thế cho đến thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới, cũng chẳng phải là ta, chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là thọ mạng, chẳng phải là sự sinh, chẳng phải là nho đồng, chẳng phải là tác giả, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải hoàng môn, chẳng phải trời Tự tại, chẳng phải ngã sở, cũng chẳng phải cái gì khác.

Cái gì là vô minh? Đối với sáu giới này khởi lên tưởng một, tưởng nhiều, tưởng thường, tưởng bền chắc, tưởng chẳng hoại, tưởng an lạc, tưởng chúng sinh, thọ mạng, sinh khởi, dưỡng dục, sĩ phu, nho đồng, tác giả, ngã, ngã sở... và còn chẳng biết nhiều thứ. Đây là vô minh. Có vô minh nên đối với các cảnh giới khởi lên tham, sân, si. Đối với các cảnh giới khởi lên tham, sân, si, đây là vô minh duyên hành, mà đối với các việc có thể phân biệt rõ, gọi đó là thức. Thức cùng sinh với bốn thủ uẩn thì đó là danh sắc. Các căn nương nơi danh sắc gọi là lục nhập. Ba pháp hòa hợp gọi là xúc. Biết thọ nhận xúc ấy gọi đó là thọ. Thọ tham chấp gọi đó là ái. Ái tăng trưởng gọi đó là thủ. Từ thủ sinh ra nghiệp gọi đó là hữu. Rồi nhân đó uẩn sinh gọi đó là sinh. Đã sinh rồi uẩn thành thực gọi đó là lão. Đã già rồi thì uẩn hoại diệt gọi đó là tử. Khi lâm chung, nội tâm đầy tham đắm và bức bách thân tâm gọi đó là sầu. Do sầu não nên sinh ra các ngôn từ gọi đó là bi ai. Năm thức trước chịu khổ gọi đó là khổ, ý thức tác ý chịu các khổ gọi đó là ưu, đầy đủ như thế cùng với tùy phiền não gọi đó là não. Tối tăm dày đặc nên gọi là vô minh. Tạo tác nên gọi là hành. Phân biệt nên gọi là thức. Nương nhau nên gọi là danh sắc. Làm cửa sinh gọi là lục nhập. Tiếp xúc và chạm nên gọi là xúc. Thọ nhận nên gọi là thọ. Khao khát nên gọi là ái. Chấp giữ nên gọi là thủ. Có sự sinh đời sau đó gọi là hữu. Năm uẩn được sinh gọi là sinh. Uẩn thành thực gọi là lão. Uẩn hư hoại gọi là tử, sầu muộn gọi là sầu. Bi thán gọi là bi ai. Thân phiền não gọi là khổ. Tâm phiền não gọi là ưu, phiền não quá nhiều nên gọi là não.

Lại nữa, chẳng rõ về chân tánh, điên đảo, không biết gọi là vô minh. Như thế có vô minh nên tạo được ba hành: Phước hành, tội hành, bất động hành. Từ nơi phước hành mà sinh thức phước hành, đó là vô minh duyên hành. Từ nơi tội hành mà sinh thức tội hành, thì đó gọi là hành duyên thức. Từ nơi bất động hành mà sinh thức bất động hành thì đó gọi là thức duyên danh sắc. Danh sắc phát triển nên từ trong cửa lục nhập thành tựu được mọi việc, đó là danh sắc duyên lục nhập. Từ nơi lục nhập mà sinh lục xứ đó là lục nhập duyên xúc. Từ nơi xúc sinh cảm thọ đó thì đó gọi là xúc duyên thọ. Đã biết thọ rồi sinh nhiễm ái, tham đắm, đó gọi là thọ duyên ái. Biết rồi mà sinh nhiễm ái tham đắm chẳng muốn xa rời sắc đẹp, sự an vui và cùng đắm các vui nơi ấy, đó là ái duyên thủ. Đã cầu được cái vui đó, từ thân miệng, ý tạo ra nghiệp cho thân sau này, đó gọi là thủ duyên hữu. Từ nơi nghiệp đó sinh ra uẩn, đó là hữu duyên sinh. Đã sinh, rồi các uẩn thành thực và hoại diệt thì đó gọi là sinh duyên lão tử. Cho nên mười hai pháp Nhân duyên đó hỗ tương làm nhân, hỗ tương làm duyên, chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng hữu vi, chẳng vô vi, chẳng vô nhân, chẳng vô duyên, chẳng có thọ nhận, chẳng có pháp tận cùng, chẳng có pháp hoại, chẳng có pháp diệt. Từ vô thủy đến nay như dòng nước chảy mạnh không bao giờ dừng. Tuy nhiên, pháp mười hai phần nhân duyên này, hỗ tương làm nhân, hỗ tương làm duyên chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng hữu vi, chẳng vô vi, chẳng vô nhân, chẳng vô duyên, chẳng có thọ nhận, chẳng phải pháp tận cùng, chẳng phải pháp hoại, chẳng phải pháp diệt. Từ vô thủy đến nay như dòng nước chảy mạnh không bao giờ dừng. Có bốn phần của chúng có thể thu tóm pháp mười hai Nhân duyên.

Những gì là bốn? Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức. Thức là dùng tánh của chủng tử làm nhân. Nghiệp là dùng tánh của ruộng làm nhân. Vô minh và ái dùng tánh của phiền não làm nhân. Trong ấy, nghiệp và phiền não có thể sinh thức của hạt giống. Nghiệp thì có thể tạo ra đám ruộng thức của hạt giống. Ái có thể làm thấm nhuần thức của hạt giống. Vô minh có thể gieo trồng thức của hạt giống. Nếu không có các duyên này thì thức của hạt giống không

thể thành. Nghiệp kia cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo ra đám ruộng thức của chủng tử (hạt giống). Ái cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thắm nhuần thức của chủng tử. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình có thể gieo trồng thức của chủng tử. Thức của hạt giống kia cũng chẳng nghĩ mình do các duyên này mà sinh. Tuy nhiên, thức của hạt giống nương nơi đám ruộng nghiệp kia và sự thắm nhuần của ái, là nơi chốn được sinh từ sự hoại nát của vô minh. Vào nơi thai mẹ có thể sinh mầm của danh sắc. Mầm của danh sắc kia cũng chẳng tự tạo, cũng chẳng phải tha tạo, chẳng phải tự tha cùng tạo, chẳng phải trời Tự tại biến hóa, cũng chẳng phải thời biến, chẳng phải tự tánh sinh, chẳng phải nhờ tạo ra, cũng chẳng phải vô nhân mà sinh. Tuy nhiên, lúc cha mẹ hòa hợp và lúc các duyên khác hòa hợp, nên pháp vô ngã, không có ngã, ngã sở, giống như hư không. Các pháp huyền hóa ấy, nhân và các duyên không thể không đầy đủ, y vào đó mà sinh, vào thai mẹ thì thức của chủng tử thành tựu chấp thọ nơi mầm của danh sắc. Như khi nhãn thức sinh, nếu đầy đủ năm duyên thì sinh được.

Những gì là năm? Đó là nương vào nhãn, sắc, ánh sáng, hư không, nương vào tác ý nên nhãn thức được sinh. Trong đấy nhãn thì có thể tạo chỗ dựa của nhãn thức, sắc làm cảnh cho nhãn thức. Ánh sáng làm cho vật hiện rõ. Hư không làm cho các vật không bị chướng ngại. Tác ý thì phóng tâm đến các việc. Nếu không có các duyên này thì nhãn thức chẳng sinh. Như bên trong mắt không thể không đầy đủ, như thế cho đến, sắc, ánh sáng, hư không, tác ý không thể không đầy đủ. Lúc tất cả các thứ ấy hòa hợp thì nhãn thức sinh. Mắt kia cũng chẳng nghĩ mình làm chỗ dựa cho nhãn thức. Sắc kia cũng chẳng nghĩ mình làm cảnh cho nhãn thức. Ánh sáng cũng chẳng nghĩ mình làm các vật hiện rõ cho nhãn thức. Hư không cũng chẳng nghĩ mình làm các vật không bị chướng ngại cho nhãn thức. Tác ý cũng chẳng nghĩ mình tạo suy nghĩ cho nhãn thức. Nhãn thức kia cũng chẳng nghĩ mình do các duyên này mà có. Tuy nhiên, có các duyên ấy, nhãn thức mới sinh, cho đến các căn còn lại, tùy loại mà biết. Như thế không có pháp nhỏ ít nào mà từ đời này di chuyển đến đời khác. Tuy nhiên, nhân và các duyên không thể không đầy đủ nên nghiệp quả cũng



hiện. Ví như nơi tấm gương sáng hiện hình dáng của mặt. Tuy hình dáng của mặt kia không di chuyển vào trong gương, nhưng nhân và các duyên không thể không đầy đủ thì hình dáng của mặt cũng hiện. Như thế không có pháp nhỏ bé nào được cho là từ nơi này diệt để sinh ở chỗ khác. Nhân và các duyên không thể không đầy đủ nên nghiệp quả cũng hiện. Như vàng trắng cách bốn vạn hai ngàn do-tuần mà hiện bày ở đây. Hình tượng của vàng trắng kia hiện rõ trong các đồ vật nhỏ có chứa nước. Vàng trắng kia cũng chẳng từ nơi đó di chuyển đến nơi đồ vật có nước. Tuy nhiên, nhân và các duyên không thể không đầy đủ, nên vàng trắng cũng hiện. Như thế không có pháp nhỏ ít nào cho là từ nơi này diệt mà sinh ra ở chỗ khác. Nhưng nhân và các duyên không thể không đầy đủ nên nghiệp quả cũng hiện. Ví như lửa kia, nhân và các duyên nếu không đầy đủ thì không thể thiêu đốt. Khi nhân và các duyên đầy đủ mới có thể đốt thiêu được. Pháp vô ngã như thế là không có ngã, ngã sở, giống như hư không, nường nơi pháp huyễn đó, nhân và các duyên không thể không đầy đủ. Nơi chốn được sinh ra, vào thai mẹ thì có thể thành tựu được thức của chủng tử. Nghiệp và phiền não sinh ra mầm của danh sắc. Cho nên phải quán việc duyên tương ứng với pháp nội nhân duyên như thế. Phải dùng năm loại pháp để quán nhân duyên bên trong.

Những gì là năm? Đó là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng di chuyển, từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn tương tự với cái khác.

Sao gọi là chẳng thường? Tức là uẩn kia sau khi diệt cùng với phần uẩn sinh kia, mỗi thứ khác nhau. Vì uẩn kia sau khi diệt chẳng phải là phần uẩn sinh. Uẩn kia sau khi diệt cũng diệt thì phần uẩn sinh mới được hiện hữu, nên là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Chẳng phải nương vào lúc hoại diệt của uẩn kia sau khi diệt mà uẩn của phần sinh được có, cũng chẳng phải là không diệt. Uẩn kia sau khi diệt cũng diệt, nên lúc đó, uẩn của phần sinh giống như cái cân khi cao khi thấp mà được sinh, nên là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng di chuyển? Vì các hữu tình, từ chỗ không có chúng đồng phận, có thể sinh nơi chúng đồng phận, nên chẳng di chuyển.

Sao gọi là từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn? Tạo nơi nghiệp nhỏ mà chiêu cảm quả báo lớn, nên từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn.

Như chỗ tạo nhân nào thì gặt được quả đó tức tương tự cùng với cái kia. Cho nên phải dùng năm loại pháp để quán nhân duyên bên trong.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như lại có người, có thể dùng chánh trí, thường quán pháp nhân duyên mà Như Lai đã giảng nói là: Không có thọ mạng, xa lìa thọ mạng, tánh như thật, tánh không sai lầm, vô sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, không chướng ngại, không cảnh giới, vắng lặng, không sợ, không xâm đoạt, không tận cùng, tướng chẳng vắng lặng, không có hư dối, không chắc thật, như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, lầm lỗi, vô thường, khổ, không, vô ngã. Ta ở quá khứ có sinh chăng hay không sinh chăng? Chẳng phân biệt biên vực của quá khứ. Ở đời vị lai sinh ở nơi chốn nào? Cũng chẳng phân biệt biên vực của vị lai. Đây là đâu? Sao ta lại ở đây? Tạo ra vật gì? Các hữu tình này do đâu mà đến? Từ nơi này diệt thì sinh vào chỗ nào? Cũng chẳng phân biệt sự hiện hữu của hiện tại, lại có thể diệt. Ở thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn chẳng đồng nơi các kiến chấp. Kiến chấp về ngã, về chúng sinh, về thọ mạng, về người, về sự hy hữu, về chỗ an lành, về sự chia hợp, thấy đều khéo biết rõ, như cây đa-la biết rõ đoạn trừ sạch các gốc rễ, thì đời vị lai chứng được pháp vô sinh, vô diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu lại có người đạt đầy đủ Vô sinh pháp nhẫn như thế, khéo biết rõ được pháp nhân duyên này thì được Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn liền thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc đã giảng nói như thế. Tôn giả Xá-lợi Tử và tám bộ chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... nghe Đại Bồ-tát Di-lặc giảng nói thấy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.



SỐ 713

# KINH BỒI ĐA HẠ TƯ DUY THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

*Hán dịch: Đời Đông Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm,  
người nước Nguyệt Chi.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Đức Phật gọi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo liền đáp:

– Dạ vâng! Tỳ-kheo xin nghe theo lời Phật dạy.

Phật liền giảng nói:

– Nay các Tỳ-kheo! Khi xưa ta chưa đạt được Phật đạo, còn làm Bồ-tát có ý nghĩ: “Ôi! Thế gian là trò đùa lớn. Vì sinh, lão, tử, vì thường thọ nhận nhiều thống khổ, nên vào lúc nào thì lão, tử được dứt trừ?”

Các Tỳ-kheo nên tự tư duy để được ý đó. Vì đâu mà có lão tử? Và lão tử lại do từ nhân duyên gì? Tỳ-kheo nên nghĩ, vốn được hợp ý: Do sinh nên có lão tử và lão tử lại do sinh làm nhân duyên.

Tỳ-kheo nên tư duy tiếp: Vì đâu mà có sinh? Và sinh lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo nên tự tư duy xét suy, bèn được như ý. Vì hữu mà có sinh và sinh do hữu làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy ý đó: Vì đâu mà có hữu? Hữu lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy xét suy, bèn sinh ưng ý: Vì thọ nên có hữu, hữu cũng lại do thọ

làm nhân duyên. Tỳ-kheo liền tư duy: Vì đâu mà có thủ? Thủ lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy suy xét, được ngay ý đó: Vì ái nên có thủ và thủ cũng do ái làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có ái? Ái lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy suy xét, được như ý: Vì thọ nên có ái và ái cũng do thọ làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có thọ? Và thọ lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo bèn tư duy suy xét kỹ, được hợp ý. Vì có xúc nên có thọ và thọ do xúc làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có xúc? Và xúc do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy suy xét đó, bèn được ứng ý, do lục nhập nên có xúc và xúc lại do lục nhập làm nhân duyên. Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Vì đâu có lục nhập? Và lục nhập lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo bèn tư duy xét kỹ đó, được hợp ý: Do danh sắc nên có lục nhập và lục nhập do danh sắc làm nhân duyên. Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Vì đâu có danh sắc? Và danh sắc lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo bèn tư duy xét suy, được hợp ý. Do thức nên có danh sắc và danh sắc do thức làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có thức? Và thức lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ, có được như ý. Do Danh sắc mà có Thức và thức lại do danh sắc làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy, nảy sinh ý đó. Đó là những gì? Đó là sự hoàn lại của thức, chẳng còn như trước, thức do danh sắc làm nhân duyên và ngược lại danh sắc do thức làm nhân duyên, lục nhập do danh sắc làm nhân duyên, xúc do lục nhập làm nhân duyên, thọ do xúc làm nhân duyên, ái do thọ làm nhân duyên, thủ do ái làm nhân duyên, hữu do thủ làm nhân duyên, sinh do hữu làm nhân duyên, lão tử, ưu, sầu khổ do sinh làm nhân duyên. Sầu là do không như ý mà có. Như vậy chỉ là do năm ấm. Tất cả khổ do tụ hợp mà sinh.

Tỳ-kheo liền tư duy: Vì đâu không có lão tử? Cũng vì sao lão tử tận diệt? Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ, thì được vừa ý: Không có sinh thì lão tử cũng không có, sinh đã tận thì lão tử cũng tận.

Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Vì đâu mà chẳng có sinh? Cũng vậy, sinh lại do nhân duyên gì mà diệt? Tỳ-kheo bèn tư duy suy xét, vừa được như ý: Không có hữu thì sinh cũng chẳng có, hữu tận diệt thì sinh tận diệt.

Tỳ-kheo liền tư duy: Không có những gì thì hữu không có? Đoạn diệt những gì thì hữu đoạn diệt?

Các Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ: Ý được thỏa mãn tức là không có thủ thì hữu cũng không có, thủ đã tận diệt nên hữu mới tận diệt.

Các Tỳ-kheo liền tư duy: Không có những gì thì thủ không có? Cũng vậy, đoạn diệt những gì thì thủ đoạn diệt? Các Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ, được như ý: Không có ái nên cũng không có thủ, ái đã tận diệt, thủ mới tận diệt.

Các Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Không có những gì thì ái không có? Tận diệt gì thì ái tận diệt? Các Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ. Được mãn nguyện không có thọ nên ái mới không có. Thọ đã tận thì ái cũng tận.

Các Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có thọ. Tận diệt những gì thì thọ tận diệt, Tỳ-kheo liền tư duy, được như ý: Không có xúc (cánh lạc) thì thọ không có. Xúc đoạn diệt thì thọ cũng đoạn diệt.

Các Tỳ-kheo lại tư duy tiếp: Không có những gì thì xúc không có? Tận diệt những gì thì xúc tận diệt? Lại tư duy xét kỹ, được như ý: Không có lục nhập thì xúc không có, đoạn diệt lục nhập thì xúc đoạn diệt.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì lục nhập không có? Đoạn tận những gì thì đoạn tận lục nhập? Lại tư duy xét kỹ, thì có được như ý: Không có danh sắc thì không có lục nhập, tận diệt danh sắc thì tận diệt lục nhập.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có danh sắc? Lại đoạn tận những gì thì đoạn tận danh sắc? Lại tư duy xét kỹ, có được như ý: Thức không có thì danh sắc cũng không có. Lại diệt đoạn thức thì đoạn diệt danh sắc.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có thức? Lại đoạn tận những gì thì thức đoạn tận? Lại liền tư duy xét kỹ, được như ý muốn: Không có ương chủng (hành) thì thức cũng không có, ương chủng (hành) đã diệt thì thức cũng diệt.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có hành? Tận

diệt những gì thì hành tận diệt? Lại liền tư duy xét kỹ, được ứng ý: Không có si (vô minh) thì cũng không có hành. Si (vô minh) đã diệt thì hành cũng diệt. Hành đã diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt. Sầu, khổ, não đều diệt. Như thế, cuối cùng toàn bộ khổ ấm đều diệt.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Khi ấy ta lại nghĩ: Vì ta gặp được nơi đạo, từ đó, mà ta mới đi theo được. Đã đi theo nên biết lão tử, cũng biết nguyên nhân của lão tử, cũng biết sự vắng mặt của lão tử, cũng biết con đường đi qua để vượt khỏi lão tử. Sinh cũng thế, hữu cũng thế, thủ cũng thế, ái cũng thế, thọ cũng thế, xúc cũng thế, lục nhập cũng thế, danh sắc cũng thế, thức cũng thế, hành cũng thế. Mới biết được si (vô minh) cũng biết được nguyên nhân của vô minh, cũng biết sự diệt trừ của vô minh, cũng biết được con đường tu tập để diệt trừ của vô minh. Ví như có Tỳ-kheo hay người đời, ở nơi đầm trống vắng đi dạo, liền gặp con đường xưa, thấy có dấu vết của hành giả, người đó liền theo dấu vết, đã theo dấu vết mới gặp thành xưa, có đầy đủ vườn đẹp, cây đẹp, ao đẹp, sông đẹp, núi đẹp, cái nào cũng đẹp, vườn đầy đủ phong phú, vui vẻ. Người đó liền nghĩ: “Nếu nay ta phải đi đến bạch vua thì ta đi ở giữa đầm trống, chỗ dạo chơi, mới gặp con đường cũ, nên người đó đi đến nơi ấy, đã đi theo thì gặp được thành cũ, đầy đủ vườn đẹp, đầy đủ cây đẹp, đầy đủ ao đẹp, đồng đẹp, núi đẹp, hào thành cũng đẹp, vườn cảnh phong phú, tươi tốt, an lạc. Vua có thể ở đó. Vua liền đóng đô ở đó. Về sau, tăng trưởng, thịnh vượng, dân chúng đông đúc, đời sống phát đạt.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Ta cũng như thế, gặp được chỗ đường cũ, Phật xưa theo đấy làm hành giả, nên đã đi theo đường cũ, đã đi theo mới biết chỗ của lão tử, cũng biết nhiều nguyên nhân của lão tử, cũng biết sự dứt trừ lão tử, cũng biết con đường vượt thế gian của lão tử, biết sinh cũng thế, biết hữu cũng thế, biết thủ cũng thế, biết ái cũng thế, biết thọ cũng thế, biết xúc cũng thế, biết lục nhập cũng thế, biết danh sắc

cũng thế, biết thức cũng thế, biết hành cũng thế, biết vô minh, nguyên nhân của vô minh, cũng biết sự diệt trừ của vô minh, cũng biết con đường tu tập để diệt trừ vô minh trong thế gian.

Phật liền nói với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di:

–Nếu Tỳ-kheo nên thọ trì đúng như vậy thì mới đắc đạo, đạo chẳng mất, là đạo vi diệu. Tỳ-kheo-ni cũng thế, Ưu-bà-tắc cũng thế, Ưu-bà-di cũng thế. Nếu hành đúng, thọ trì chân chánh thì mới theo đạo và đắc đạo, có thể hành đúng như pháp. Như vậy là người hành pháp vô vi, tăng trưởng đến mọi phương. Chư Thiên cũng như người, đã thấy Phật giảng nói như thế, các Tỳ-kheo nắm giữ trước ý nghĩa đã giảng nói, tín thọ phụng hành.







SỐ 714

## KINH DUYÊN KHỞI THÁNH ĐẠO

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm mười vị đại Tỳ-kheo và vô lượng chúng Đại Bồ-tát, cư ngụ tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo với đại chúng:

–Khi chưa chứng đắc Tam-bồ-đề, ta ngồi một cách an nhiên, tự tại ở nơi vắng vẻ, suy nghĩ: “Lạ thay! Thế gian chìm đắm trong bể khổ, đều không hiểu biết pháp xuất ly, thật đáng buồn thay. Nghĩa là, tuy có sinh có già có chết, mất nơi này sinh nơi khác, nhưng các hữu tình không thể biết một cách đúng như thật về pháp xuất ly khỏi sinh lão tử.”

Ta lại nghĩ: “Do đâu mà có già chết (lão tử), vậy già chết lại phát sinh từ đâu?” Khi theo lý suy nghĩ về việc ấy, ta liền sinh ra sự nhận xét một cách như thật như vậy: Vì có sinh nên mới có già chết; như vậy, già chết là do sinh làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có sinh? Vậy, sinh lại từ đâu mà có? Ta liền theo ý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét đúng đắn: Vì có hữu nên mới có sinh; như vậy, sinh là do hữu làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có hữu? Vậy, hữu lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét đúng đắn sau: Do có thủ nên mới có hữu; như vậy, hữu là do thủ làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có thủ? Vậy, thủ lại do đâu mà có? Ta

liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có ái nên mới có thủ; như vậy, thủ là do ái làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có ái? Vậy, ái lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có thọ nên mới có ái; như vậy, ái là do thọ làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có thọ? Vậy, thọ lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có xúc nên mới có thọ; như vậy, thọ là do xúc làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có xúc? Vậy, xúc lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có lục xứ nên mới có xúc; như vậy, xúc là do lục xứ làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có lục xứ? Vậy, lục xứ lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có danh sắc nên mới có lục xứ; như vậy, lục xứ là do danh sắc làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có danh sắc? Vậy, danh sắc lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có thức nên mới có danh sắc; như vậy, danh sắc là do thức làm duyên. Ta nghĩ tới thức, ý liền trở lại, không tiếp tục nữa. Ta cho rằng: Thức làm duyên mà có danh sắc, danh sắc làm duyên mới có lục xứ, lục xứ làm duyên mới có xúc, xúc làm duyên thọ, thọ làm duyên ái, ái làm duyên thủ, thủ làm duyên hữu, hữu làm duyên sinh, sinh làm duyên mà có già, chết, buồn rầu, đau khổ, phiền não phát sinh. Như thế, nhóm họp lại chỉ toàn là những đầu khổ lớn lao.

Ta lại nghĩ: “Vì không có nguyên nhân nên không có già chết; nguyên nhân diệt nên lão tử diệt theo.” Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có sinh nên không có già chết; do sinh diệt nên lão tử cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân nên không có sinh; nguyên nhân diệt nên sinh cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có hữu nên không có sinh; do hữu diệt nên sinh cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân nên không có hữu; nguyên nhân diệt nên hữu cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có thủ nên không có hữu; do thủ diệt nên hữu cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân nên

không có thủ; nguyên nhân diệt nên thủ cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có ái nên không có thủ; do ái diệt nên thủ cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên không có ái; nguyên nhân gì diệt thì ái cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có thọ nên không có ái; do thọ diệt nên ái cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên không có thọ; nguyên nhân gì diệt nên thọ cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác rằng: Không có xúc nên không có thọ; do xúc diệt nên thọ cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên có xúc; nguyên nhân gì diệt nên xúc diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có lục xứ nên không có xúc; do lục xứ diệt thì xúc cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên không có lục xứ; nguyên nhân gì diệt thì lục xứ diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có danh sắc nên không có lục xứ; do danh sắc diệt nên lục xứ cũng diệt. Ta lại nghĩ: Do không có nguyên nhân gì nên không có danh sắc; nguyên nhân gì diệt thì danh sắc diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác rằng: Do không có thức nên không có danh sắc; do thức diệt nên danh sắc cũng diệt. Ta lại nghĩ: Do không có nguyên nhân gì nên không có thức; nguyên nhân gì diệt thì thức diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do không có hành nên không có thức; do hành diệt nên thức cũng diệt. Ta lại nghĩ: Do có nguyên nhân gì mà có hành; nguyên nhân gì diệt thì hành diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác rằng: do không có vô minh nên không có hành, do vô minh diệt nên hành cũng diệt, do hành diệt cho nên thức diệt, do thức diệt cho nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục xứ diệt, do lục xứ diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sinh diệt, do sinh diệt nên già chết, sầu buồn, đau khổ, phiền muộn đều diệt theo. Cứ như vậy, diệt trừ hoàn toàn mọi khổ đau lớn lao.

Ta lại nghĩ: “Ta nay chứng đắc được dấu vết của đạo xưa, đi

theo con đường xưa, là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên đã đi qua.” Ví như có người đi giữa nơi rừng rậm hoang vắng nguy hiểm, đột nhiên bắt gặp dấu vết của đạo xưa, con đường xưa, là dấu vết hành hóa của các bậc tu tập từ xưa đã từng đi. Anh ta vội lần theo. Khi lần theo dấu vết, anh ta thấy thành quách xưa, nơi đóng đô của vua xưa. Nơi ấy có đủ vườn tược, ao rạch sạch sẽ, tươi tốt, thật đáng ưa thích. Thấy như vậy, anh ta suy nghĩ: Ta phải mau về báo cho vua biết việc này. Khi ấy, người nọ liền đến gặp vua, thưa: Đại vương! Đại vương nên biết! Do có việc đi ở nơi rừng rậm hoang vắng nguy hiểm, đột nhiên thần gặp được dấu vết từng đi của đạo xưa, đường xưa, là dấu vết hành hóa của người xưa, thần vội lần theo dấu vết thì bắt gặp thành quách xưa, kinh đô của vua thời xưa. Nơi ấy, vườn tược, ao rạch đầy đủ, sạch đẹp, huy hoàng, thật đáng ưa thích. Tâu Đại vương, nếu như nay Đại vương đóng đô ở thành ấy, nhất định sẽ khiến cho đất nước được hưng thịnh, rộng lớn, yên ổn, giàu có, dân chúng sung túc. Khi đó, vua liền cho đóng đô ở thành ấy. Về sau, kinh đô nơi vua ở được hưng thịnh, rộng lớn, yên ổn, giàu có, muôn dân sung túc.

Ta cũng như vậy, nay cũng đã chứng đắc được dấu vết của đạo xưa, lối đi xưa là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên. Vậy, thế nào là dấu vết của đạo xưa, lối đi xưa là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên. Nên biết rằng: Đây chính là tám chi Thánh đạo. Đầu tiên là chánh kiến, kế đến là chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần (chánh tinh tấn), chánh niệm, chánh định, chỉ đến thứ tám. Như vậy, đây gọi là dấu vết của đạo xưa, lối đi xưa là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên mà khi xưa ta đã lần theo. Khi lần theo dấu vết, ta từng thấy lão tử, thấy nguyên nhân của lão tử, thấy sự diệt trừ lão tử, thấy được con đường tu tập để diệt trừ lão tử. Như thế, ta đã từng thấy sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xứ, danh sắc, thức, hành; đã từng thấy nguyên nhân của hành, thấy hành diệt, từng thấy con đường tu tập để diệt trừ hành. Đối với pháp này, ta tự nhiên thông đạt.

Khi đã bày tỏ sự chứng đắc của mình rồi, Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng với các hàng

ngoại đạo, Sa-môn, các Bà-la-môn và những hàng xuất gia khác cùng vô lượng đại chúng:

–Này các Tỳ-kheo! Trong giáo pháp của ta, nếu ai có khả năng tu hành một cách nghiêm túc, thành tựu, chủ thể chứng đắc thì liền có khả năng chứng đắc chánh lý pháp thiện. Này các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vô lượng đại chúng! Như trong giáo pháp của ta, nếu ai có khả năng tu hành một cách nghiêm túc, thành tựu, chủ thể chứng đắc thì liền có khả năng chứng đắc chánh lý pháp thiện. Như vậy, mới có khả năng làm tăng trưởng phạm hạnh và cũng sẽ tạo lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh, vì các hàng trời, người mà mở bày chỉ rõ nẻo thiện, đúng.

Khi ấy, các Tỳ-kheo và chư Đại Bồ-tát, vô lượng đại chúng nghe những lời Phật giảng nói, khen ngợi cho là chưa từng có, thấy đều hết sức vui mừng, tín thọ, phụng hành.





SỐ 715

## KINH CỰU THÀNH DỤ

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Tam tạng Pháp sư Pháp Hiền.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng hội đủ.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng:

–Này Tỳ-kheo! Vào thuở trước, khi ta chưa chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở đơn độc một chỗ, tâm sinh nghi vấn: Nhân gì mà tất cả chúng sinh nơi thế gian phải chịu khổ não theo luân hồi? Vì sinh, lão, tử, diệt rồi lại sinh, do các chúng sinh đó chẳng biết như thật, nên không thể xuất ly khỏi cái khổ nơi sinh, lão tử. Nay ta suy tư về cái khổ của lão tử ấy do nhân gì mà có? Lại do duyên gì có lão tử này? Đã suy nghĩ vậy, liền lia các duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ, mới biết như thật. Nay, lão tử này do từ nhân sinh mà có, lại do duyên sinh mà có lão tử, ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy: Nhân gì có sinh? Lại vì duyên gì có pháp sinh ấy? Đã suy nghĩ rồi, liền lia các duyên dựa định tâm mà quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật: Sinh là do nhân hữu mà khởi, lại do duyên hữu mà phát khởi pháp sinh ấy, ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy: Nhân gì phát khởi hữu? Lại vì duyên gì mà có pháp hữu ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lia các duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật, hữu do nhân thủ mà phát khởi, lại do duyên thủ phát khởi pháp hữu ấy. Ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy, nhân

gì có thủ? Lại do duyên gì có pháp thủ ấy? Đã tư duy vậy, liền lia các duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ, mới biết như thật, thủ do nhân ái mà có, lại do duyên ái mà có pháp thủ ấy. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nhân gì có ái? Lại vì duyên gì có pháp ái ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lia các duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Ái do nhân thọ mà có, lại do duyên thọ mà có pháp ái ấy. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Nhân gì có thọ? Lại vì duyên gì có pháp thọ ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Thọ do nhân xúc mà có, lại do duyên xúc mà có pháp thọ ấy. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nhân gì có xúc? Lại vì duyên gì có pháp xúc ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật, xúc do nhân lục xứ mà có, lại do duyên lục xứ mà có pháp xúc ấy. Ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy: Nay, nhân gì mà có lục xứ ấy? Lại do duyên gì có pháp lục xứ? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật, lục xứ là do nhân danh sắc mà có, do duyên danh sắc mới có pháp lục xứ. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nay, nhân gì mà danh sắc ấy có? Lại do duyên gì có danh sắc ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật, danh sắc kia do nhân thức mà có, lại do duyên thức mới có pháp danh sắc. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nhân gì có thức? Lại do duyên gì có pháp thức ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Như thế pháp thức do nhân danh sắc mà có, do duyên danh sắc mới có pháp thức ấy. Do duyên thức này nên sinh được các hành. Do đó danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não, cho nên hình thành đại khổ uẩn. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Do nhân gì nên không có được lão tử? Pháp gì đã được diệt thì lão tử diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp sinh tức là không có lão tử, pháp sinh đã diệt thì lão tử cũng diệt. Ta



đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp sinh không có? Pháp gì đã diệt thì pháp sinh được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm mà quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp hữu thì không có pháp sinh, nếu pháp hữu diệt thì pháp sinh cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy; pháp gì không có thì pháp hữu không sinh? Pháp gì đã diệt thì pháp hữu diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp thủ thì pháp hữu cũng không có, pháp thủ đã diệt thì pháp hữu cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp thủ không có? Pháp gì đã diệt thì pháp thủ được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp ái thì không có pháp thủ. Pháp ái đã diệt thì pháp thủ cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp ái không? Pháp gì đã diệt thì pháp ái diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp thọ thì pháp ái cũng không có. Pháp thọ diệt thì pháp ái cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp thọ không có? Pháp gì đã diệt thì pháp thọ được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp xúc thì pháp thọ cũng không có. Pháp xúc đã diệt thì pháp thọ cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp xúc chẳng có? Pháp gì đã diệt thì pháp xúc được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm mà quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có lục xứ thì pháp xúc cũng không có được. Lục xứ đã diệt thì pháp xúc cũng diệt. Ta đã biết pháp này lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp lục xứ không có? Pháp gì đã diệt thì lục xứ cũng diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm mà quán sát. đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có danh sắc thì lục xứ chẳng có. Danh sắc đã diệt, lục xứ cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì danh sắc chẳng có? Pháp gì đã diệt thì danh sắc cũng diệt. Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết

như thật. Nếu không có pháp thức thì danh sắc cũng không. Pháp thức diệt thì danh sắc cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp thức cũng chẳng có? Pháp gì đã diệt thì pháp thức cũng diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp hành thì pháp thức cũng không có. Nếu pháp hành diệt thì pháp thức cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp hành cũng chẳng có? Pháp gì đã diệt thì pháp hành được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lia mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có vô minh thì pháp hành chẳng có. Vô minh đã diệt thì pháp hành cũng diệt. Do đó vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Do vậy một khổ uẩn lớn diệt, mỗi mỗi đều biết rõ về pháp đã như vậy.

Lại còn tư duy: Nay ta đã theo dấu tích con đường mà chư Phật đi, đã mặc áo giáp người xưa mặc, đã đến thành Niết-bàn của người xưa.

Đức Phật lại bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Ví như có người muốn đến chỗ xa thì theo dấu tích con đường mà người xưa đi, lại mặc áo giáp người xưa mặc, mới tìm thấy đô thành cũ của người xưa, hoặc đi vào núi sâu, hoặc đi vào đồng rộng, đi mãi chẳng dừng, nên đến thành cũ kia. Thành ấy rộng lớn, mới là đô thành của nhà vua thuở trước. Đô thành này uy nghiêm, tráng lệ, thanh tịnh, ao hồ, vườn cây, cung điện đều rất đẹp. Người đó trông thấy thì lòng không muốn rời. Người đó đã thấy liền tự tư duy: “Nay ta về trở lại nơi bản quốc, đem đầy đủ việc này khởi tấu lên vua.” Đã về bản quốc rồi liền tấu lên vua: “Đại vương nên biết! Thần mặc áo giáp người xưa mặc, theo dấu tích nơi con đường người xưa đi, hoặc đi vào núi sâu, hoặc đi vào đồng rộng, đi mãi chẳng dừng, nên đến một thành cũ, thành ấy rộng lớn là đô thành của vua thuở trước, đô thành kia uy nghiêm, tráng lệ, thanh tịnh, ao hồ, vườn cây, cung điện đều rất đẹp. Người ta trông thấy tâm không chán

bỏ. Đại vương nên dời đô đến nơi đó.” Vua nghe tâu, liền chuẩn tấu, bèn giao cho cận thần lo liệu công việc dời đô, vua ngự trị nơi thành đô càng trở nên uy nghiêm, tráng lệ, dân chúng đông đúc, đời sống sung túc bội phần.

Này các Tỳ-kheo! Ta cũng như vậy, theo dấu tích nơi con đường cũ chư Phật đi, mặc áo giáp cũ chư Phật đã mặc, đi đến thành Niết-bàn cũ của chư Phật.

Này các Tỳ-kheo! Con đường cũ là gì? Áo giáp cũ là gì? Thành cũ là gì? Tức là tám con đường chánh mà chư Phật quá khứ đã đi, nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các Tỳ-kheo! Tám con đường chân chánh ấy tức là con đường cũ, tức là áo giáp cũ, tức là thành cũ. Chư Phật trước đã đi, ta cũng đi theo dấu tích đó mới có thể thấy được nguyên nhân của lão tử. Cho nên ta chứng được sự diệt trừ lão tử, cho đến quán thấy sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xứ, danh sắc, thức... đều diệt. Lại quán nguyên nhân của hành cũng hành diệt. Pháp hành đã diệt, Vô minh cũng diệt. Vô minh đã diệt tức là không có chỗ quán. Lúc ấy, ta tự dùng lực Thần thông thành tựu Chánh đẳng Chánh giác.

Này các Tỳ-kheo! Ta đã thuyết giảng rõ chánh pháp như thế. Các ông phải siêng năng, nên học như thế, nên hành như thế, ghi nhớ, tu tập mới thành tựu các phạm hạnh, truyền bá giáo pháp khắp cả Trời, người, độ khắp chúng sinh tạo nhiều lợi ích. Cho đến các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, ngoại đạo, Ni-kiền-tử... cũng nên tu tập lưu truyền như thế, để độ khắp chúng sinh tạo nhiều lợi ích.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng nói kinh ấy xong, tất cả đại chúng nghe Đức Phật giảng nói thấy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.





SỐ 716

# KINH DUYÊN SINH SƠ THẮNG PHẦN PHÁP BẢN

*Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Đạt-ma-cấp-đa,  
người nước Thiên Trúc.*

## QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Lúc đó, tại giảng đường có rất nhiều Tỳ-kheo đang tập hợp bàn luận:

–Này các vị! Đức Thế Tôn thường dùng vô lượng các môn để nói về mười hai phần duyên sinh. Trong mười hai chi đó, trước tiên diển nói vô minh dùng làm thể của duyên. Do nhân duyên gì, trong tất cả phiến não nơi các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm thể của duyên? Đối với vô minh này thấy được điều thù thắng gì?

Các Tỳ-kheo này đang tụ tập bàn luận về vấn đề đó chưa xong. Cũng ngay hôm ấy, Đức Thế Tôn nhập định, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, nghe sự nghị luận của các Tỳ-kheo ấy. Về xế chiều, Đức Thế Tôn xả định, đến nơi giảng đường, đến rồi đứng trước chúng Tỳ-kheo và ngồi vào tòa vừa được bày biện. Ngồi xong, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo! Có gì các vị tụ tập nơi đây và đang bàn luận dở dang về vấn đề gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa Đại Đức! Chúng Tỳ-kheo các con tụ tập nơi đây nghị luận thế này:

–Này các vị! Đức Thế Tôn từng dùng vô lượng các môn để nói về mười hai phần duyên sinh. Trong mười hai chi đó, trước hết diễn nói vô minh dùng làm thể của duyên. Do nhân duyên gì trong tất cả phiền não nơi các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm thể của duyên. Đối với vô minh này thấy được sự thù thắng gì?

–Thưa Đại Đức! Chúng Tỳ-kheo các con tập trung nơi đây và đang bàn luận chưa xong về vấn đề đó.

Các Tỳ-kheo vừa thưa xong, Đức Thế Tôn liền bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Có pháp môn tên là Duyên Sinh Sơ Thắng Phần, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các vị mà giảng nói!

Này các Tỳ-kheo! Thế nào là pháp môn Duyên Sinh Sơ Thắng Phần? Có mười một pháp thù thắng trong sự thù thắng, an lập vô minh làm duyên đầu tiên cho duyên sinh. Những gì là mười một?

1. Phan duyên thù thắng.
2. Chủng loại thù thắng.
3. Do tự thù thắng.
4. Đẳng khởi thù thắng.
5. Chuyển sinh thù thắng.
6. Điên đảo thù thắng.
7. Tướng thù thắng.
8. Nghiệp thù thắng.
9. Chướng ngại thù thắng.
10. Thuận phược thù thắng.
11. Đối trị thù thắng.

Khi ấy, có Tỳ-kheo khác, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, bày vai phải, hướng lên Đức Thế Tôn, chấp tay cúi mình bạch:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Phan duyên thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nhân, quả đều là lỗi lầm, tất cả phần nhiệm nơi nhân quả, cùng với tất cả phần tịnh của công đức, cả hai đều là chỗ duyên dựa của vô minh.

Này Tỳ-kheo! Đó là Phan duyên thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Chủng loại thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Che lấp chân thật, hiển bày cái không chân thật.

Này Tỳ-kheo! Đó là Chủng loại thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Do tự thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với tất cả Phiền não nhiễm, Nghiệp nhiễm, Sinh nhiễm làm đầu mối cho trụ xứ căn bản.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả Phiền não nhiễm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói có ba thứ phiền não là tất cả phiền não nhiễm. Đó là phiền não không trí tuệ, phiền não nghi tuệ và phiền não tà tuệ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả Nghiệp nhiễm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói về tự tướng nơi ba thứ sai biệt là thân, miệng, ý và tướng chướng ngại đối trị nơi ba thứ sai biệt (*chướng ngại không phải là phước; đối trị là phước và bất động*) thấu tóm chung mọi Nghiệp nhiễm.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả thứ Sinh nhiễm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói về chỗ nương dựa của ba thọ. Đó là thọ khổ, thọ vui và thọ không khổ không vui.

Ba khổ là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ, thân tóm chung mọi Sinh nhiễm.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả thứ phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm đều do vô minh làm đầu mối cho trụ xứ căn bản?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ở trong thật đế có hai thứ ngu: Chưa sinh phiền não nhiễm liền khiến nó sinh. Nếu đã sinh rồi thì làm cho nó dần dần tăng trưởng. Chưa sinh nghiệp nhiễm thì khiến nó sinh, nếu đã sinh rồi lại theo đó mà tích tập. Chưa sinh sinh nhiễm thì khiến nó sinh, nếu đã sinh rồi thì không thể di chuyển. Thế nên nói tất cả thứ phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm đều do vô minh làm đầu mối của trụ xứ căn bản.

Này Tỳ-kheo! Đó là Đầu mối (do tự) thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Đẳng khởi thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này đối với Khổ để nơi đời vị lai thân giữ thân sinh do ngu lầm nên không rõ. Đối với Khổ đế của hiện tại, thân giữ thân đã đạt được cũng do ngu lầm nên không hiểu. Do ngu lầm cho nên thân chứa duyên sinh và chuyển xuất duyên sinh, thân chứa hòa hợp cùng chuyển xuất hòa hợp. Hai thứ duyên sinh này và hai thân vị lai, hiện tại ngu lầm, đều do vô minh làm duyên đẳng khởi.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là thân chứa duyên sinh, hòa hợp nơi thân chứa?

Đức Phật nói:



–Này Tỳ-kheo! Thứ nhất, vô minh duyên hành, hành duyên thức. Cũng như vậy danh sắc, lục nhập, xúc duyên thọ. Đó gọi là thân chứa duyên sinh, hòa hợp nơi thân chứa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Chuyển xuất duyên sinh hòa hợp Chuyển xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Thứ hai, trong duyên của vô minh thì thọ duyên ái, ái duyên thủ. Cũng giống như vậy, hữu duyên sinh, cho đến sinh duyên lão tử. Đó gọi là chuyển xuất duyên sinh hòa hợp chuyển xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là vô minh đứng đầu, đối với sự thân chứa duyên sinh hòa hợp nơi thân chứa mà khởi lên duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này đối với thân sinh trở lại do ngu lằm không hiểu, liền cầu sinh tử lại. Do ngu lằm cầu sinh trở lại ấy nên ở trong chỗ sinh lại ấy đã thấy toàn việc tốt. Nhưng ở nơi ái của hiện tại không ái cảnh giới, do chấp trước phân biệt tạo ra hạnh phi phước. Nghĩa là đối với các vật dụng sinh ra bần cùng, đối với chỗ tổn não sinh ra sân hận tương ứng, đối với tốt xấu không giữ được sự suy nghĩ so lường, liền khởi các hành buông lung, mê lằm, suy nghĩ về việc ác của đời khác lại không hay biết. Thế nên tạo hành phi phước, vô minh làm duyên. Nếu ở trong chỗ sinh trở lại hoặc thấy việc tốt, hoặc thấy nẻo xuất ly, liền tạo hành phước và hành bất động, hoặc nhân nơi chỗ giảng nói pháp mà hiểu biết, hoặc tự tu tập tinh niệm. Trong sự giác niệm ấy tuy có tâm thiện nhưng chẳng phải là suy nghĩ chân chánh. Vì lý do đó cho nên bị sự sinh trở lại mê hoặc dắt dẫn. Đó là đối với sự sinh trở lại chỉ thấy việc tốt, không có khiếm nhược, thấy nẻo xuất ly không khiếm nhược, nơi phước, phi phước đều hành bất động, tương ác, đối được đối trị... trong sáu thức thân cùng sinh cùng diệt, tức ở trong quả báo hiện tại Thức sinh diệt, đặt để các hạnh được huân tập ấy, sau mới sinh ra mọi chủng tử hiện có thân giữ tương ứng, mọi chủng tử hiện có đều đã thân giữ, sau nếu phát sinh

tức là có thứ lớp. Nghĩa là thâm tóm danh sắc, lục nhập, xúc... dần dần phát sinh, danh sắc... ở trong quả báo hiện tại nơi thức ấy sinh ra tướng nhân, chưa phải là tướng quả. Thế nên nói là thâm chứa duyên sinh.

Này Tỳ-kheo! Đó là vô minh thứ nhất đối với những sự thâm chứa duyên sinh hòa hợp nơi sự thâm chứa mà khởi duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là vô minh sau, đối với chuyển xuất duyên sinh hòa hợp chuyển xuất ấy mà khởi duyên?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Nơi thân hiện tại này khởi lên mê lầm, do lục nhập, xúc làm duyên thọ sinh, liền được mùi vị ấy. Do được mùi vị ấy cho nên đời vị lai trở lại tìm cầu thọ nhận loại này. Khi cầu liền khởi lên thủ, ở trong lạc thọ khát ái làm duyên nên sinh ra dục thủ.

Dục thủ là dục phân biệt, dục ấy đứng đầu nên mới có phiền não của cõi Dục. Nếu lại cùng thọ mới làm duyên liền sinh không có khát ái, cùng hạnh chán lìa, nó tương ứng với sự nhàm chán, xa lìa chưa là đạo lý. Nó dựa vào khát ái, chẳng phải phương tiện, tìm cầu không có thời hạn tức có xuất ly khỏi tà kiến, quyết định là tà kiến và nương tựa vào hai tà kiến đó (nương tựa cũng có hai hợp làm bốn thứ), do nó khiến khát ái ấy duyên vào thủ. Nếu lấy thủ ấy làm chỗ nương tựa thì chưa được lìa dục. Như vậy, lúc chết, bốn thứ kiến chấp ấy cùng với phiền não của cõi Dục, do dục khát ái làm duyên sinh thủ. Nếu lại lìa dục, lìa sắc thì khát ái của cõi Sắc, cõi Vô sắc sinh ra thường hữu. Nếu ở trong cõi Sắc, cõi Vô sắc khi sinh phiền não thì nơi hai cõi ấy liền khởi thủ. Phiền não của hai cõi ấy và các cái kiến chấp này, hoặc do khát ái của cõi Sắc làm duyên sinh thủ; hoặc do khát ái của cõi Vô sắc làm duyên sinh thủ. Như vậy là khát ái duyên thủ, đã được quả báo của các hành huân tập nơi thức cùng thủ mà sinh. Thủ ấy thâm tóm rồi, trước đã tích tập các hành hiện có, khát ái hiện có chưa diệt, mỗi mỗi xứ ấy được hiện tiền, vì khiến tự thân chuyển xuất. Do nhân duyên ấy, hữu đối với xuất sinh, cho nên nói hành ấy là hữu. Vì lực của thủ ấy nên hành là hữu, đối với tử này

trước đã thấu chứa, nên sự xuất sinh làm duyên chuyển xuất, do đó gọi là hữu duyên sinh. Ở trong sự chuyển xuất, khi xuất sinh tướng hoại khác với đời trước. Lại đến giai đoạn ấy, cái chết tới gần, thọ mạng hết, thế nên gọi là sinh duyên lão tử.

Này Tỳ-kheo! Đó là Vô minh thứ hai đối với chuyển xuất duyên sinh hòa hợp chuyển xuất đầy khởi làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vì sao trong chuyển xuất duyên sinh chỉ nói đến hai thứ khát ái, thủ mà không nói là các hành duyên.

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Khát ái, thủ nơi cảnh giới của mình, theo sự sai biệt mà đoạn trừ. Như khát dục và thủ, không nên tạo nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc với hành bất động, duyên chẳng phải là cảnh giới. Như khát dục, đối với hành bất động như là sắc khát, ở trong cõi Vô sắc là vô sắc khát, ở trong cõi Dục, cõi Sắc là sắc khát, ở trong cõi Dục cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vì sao dục khát cùng thủ không làm duyên với hành phước và hành phi phước?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với cảnh giới đang có hiện tiền này, ái cùng với không ái làm duyên tăng thượng. Do có dục khát khởi lên căn bất thiện, tạo hành phi phước. Vì ở trong nhân quả nơi hành phi phước không biết được cái ác ấy, đó là tâm ác và chỗ làm ác... Vì không biết nên khởi hành phi phước. Mà tâm và chỗ làm ác... ấy chỉ do vô minh làm duyên, chẳng phải khát ái làm duyên, cùng với căn bất thiện nhưng không cùng với cảnh giới. Nếu do dục khát tạo hành phước, nường vào lòng tin mà làm. Nghĩa là tin chết rồi sinh, sinh ắt phải nhờ vào duyên. Do tin thấu nên mọi khát thủ được hiện bày. Ta chỉ nêu bày về chỗ làm che lấp vô ký, nếu pháp che lấp vô ký thì không thể đầy khởi hành. Do ở trong nhân quả hành phước không biết xuất ly, mong cầu có thể sinh ái liền tạo hành phước. Thế nên, tuy nói hành phước cũng do vô minh làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Vì sao khát thủ của cõi Sắc không cùng với cõi Sắc làm duyên cho hành bất động?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Người chưa lia dục, sắc khát chưa sinh, chưa được trụ xứ, vì chưa có thời, chưa được trụ xứ, nên không thể làm duyên cho hành bất động của cõi Sắc khiến nó được khởi. Như Sắc giới khát ở trong hành bất động của cõi Sắc. Do vậy, cõi Vô sắc khát ở trong hành bất động của cõi Vô sắc cũng như vậy. Do ở trong thân cõi Sắc, thân cõi Vô sắc có lỗi lầm xấu ác, thấy được việc tốt ấy tưởng niệm suy nghĩ, hoặc nhân nói pháp, hoặc nhân dạy dỗ trao truyền pháp, nên có sự suy nghĩ không chân chánh này, cùng với hành ấy làm duyên. Nhưng sự suy nghĩ không chân chánh này do vô minh dẫn dắt, không suy nghĩ quả chân chánh cùng với vô minh hòa hợp và hành bất động làm duyên, thế nên hành bất động ấy cũng do vô minh làm duyên.

Tỳ-kheo nên biết! Lại không có một khát ái làm nương tựa, tạo các hành phước và hành bất động. Do không có khát ái cho nên thấy sự lỗi lầm của các hữu, thế thì đâu cần cầu hữu, nhưng lại không biết như thật về vô hữu. Do không biết như thật, lại chưa được đạo đối trị, cho nên mê lầm chỗ chẳng phải đối trị làm tưởng đối trị, liền tạo hành phước và hành bất động.

Này Tỳ-kheo! Do nhân duyên đó cho nên biết chỉ do vô minh duyên hành, chẳng phải khát thủ làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Nếu hành đối với sáu thức thân hòa hợp cùng sinh thì vì sao nói hành duyên với thức?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Trong sáu thức thân này, hành bất động phước, phi phước... hòa hợp cùng sinh cùng diệt, tức đối với quả báo nơi thức nêu bày các hành huân tập, đối với cái mới và cái khác xuất sinh sau quả báo nơi thức, tạo phương tiện dẫn dắt. Thế nên nói hành duyên thức.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, các phần như thế đối với thức đồng thời thâm chứa chủng tử thì vì sao nói thời tùy theo thứ lớp mà nêu bày?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là do thứ lớp của vị lai sinh chuyển.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Do đâu nói danh sắc, lục nhập, xúc, thọ... là thiền ma, theo nghĩa dịch là sinh. Tức là quả báo chưa chết, tên gọi chung đã nêu ở trước, chẳng phải là mới thọ sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cùng nhân nơi sự nương dựa của thọ dụng và cùng nhân thọ dụng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ gọi là sinh, không sắc thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu danh không trụ trong sắc thì thiền ma (sinh) tiếp tục chuyển thì không tương ứng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có sắc sinh, không danh thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu sắc không cùng hợp với danh, không được thâm giữ thì sẽ hoại mất, không được tăng trưởng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có thức duyên lục nhập thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lúc đầu chưa đủ lục nhập, chỉ có thân căn và ý căn, khi nó chuyển sinh thì chưa có hữu. Hai căn thể này, chỉ có danh sắc là có mặt từ lúc đầu dùng làm thứ lớp cùng với lục nhập ấy làm duyên đầy đủ. Thế nên nói danh sắc duyên lục nhập.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có lục nhập đầy đủ tức là thiền ma (sinh) đã rất ráo, vì sao lại nói xúc và thọ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lục nhập và thiền ma rất ráo này là chỗ nương tựa thọ dụng rất ráo nhưng chưa thọ dụng. Phải có thọ dụng rất ráo, mới là nhân chung để lãnh thọ. Do đó chỗ nương dựa của thọ dụng rất ráo và thọ dụng rất ráo mới được gọi là thiền ma (sinh) rất ráo. Nên biết như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Đó là do vô minh duyên khát ái cũng nói là thọ duyên. Nếu chỉ vô minh duyên khát ái không dùng thọ duyên thì sẽ có lỗi lầm gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ba thứ khát, ba thứ hữu nhất thời chuyển sinh. Quả nhiên là do thọ duyên nơi khát cùng nhau làm lực thì không có chuyển sinh. Thế nên không chỉ có vô minh duyên khát ái.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ thọ duyên khát ái thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Tất cả các khát đều dùng thọ làm duyên, nhưng lại có thọ chẳng phải là duyên của các thứ khát nên cùng với các khát làm diệt duyên. Thế nên không chỉ có thọ duyên với khát.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có khát duyên với hữu không dùng thủ duyên, thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Khát gọi là cầu, đối với đường ác kia, ắt không có cầu, nhưng lại tạo hành phi phước. Tuy cầu đường thiện nhưng lại trái nhau. Khi quả chuyển sinh chẳng phải khát làm duyên, tự dùng thủ làm duyên nên khiến nó chuyển sinh.

Tỳ-kheo nói:

–Người không có khát gọi là không mong cầu. Người này không mong cầu, tuy là trái nhau, nhưng tạo hành phước hành bất động thì quả cũng chuyển sinh.

Này Tỳ-kheo! Do nhân duyên đó cho nên không chỉ khát duyên với hữu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu thủ duyên hữu, hữu duyên sinh thì do đâu không nói thủ ấy và hữu dùng làm Tập đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do khát nên có thể tạo ra bốn thứ nghiệp.

1. Đối với tự thân thọ cảnh giới, tham đẹp bị nghiệp trói buộc.
2. Đối với khát thủ tạo ra nghiệp đặng khởi.
3. Đối với hành hữu tạo nghiệp dắt dẫn.
4. Đối với khi chết rồi gây ra nghiệp trói buộc liên tục.

Thế nên nói khát là Tập đế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Có sinh, có già và có chết thì vì sao danh sắc, lục nhập, xúc, thọ cùng tướng của sinh đều hiển bày, gọi là già chết?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Chỗ có phát sinh ra tướng ấy, do thuận với ba khổ trói buộc thị hiện.

Tỳ-kheo bạch với Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Sinh biểu hiện cái khổ nào?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Biểu hiện hành khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Già biểu hiện cái khổ nào?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Biểu hiện hoại khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Chết biểu hiện cái khổ nào?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Biểu hiện khổ khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Bốn tướng phát sinh cùng với sinh, già, bệnh, chết có gì sai khác?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn thứ tướng phát sinh ấy tùy theo thứ tự mà sinh. Nếu sinh thì tùy theo chỗ tướng tự mà sinh, trong chỗ phát sinh ấy, nên biết tướng sinh là như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Tướng phát sinh sinh theo thứ tự, vậy nó giống cái gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Khi mới gieo giống tức sẽ mọc, rồi dần dần phát triển. Thứ tự nơi chỗ xuất thai sinh kia cùng với thứ lớp tăng trưởng, tăng trưởng rồi nên có thể được thọ dụng sinh của thế tục, nó sinh theo thứ tự vậy cái gì là đối tượng được sinh? Các giới nhập sinh mà không có ngã. Vì sao? Vì năm chúng (uẩn) tăng trưởng đời đời. Do vô thường và sức của mạng căn, thời, trụ có hạn lượng, cũng là chỗ sinh của vô thường.

Này Tỳ-kheo! Bốn thứ tướng phát sinh bị thời phần hủy hoại liền tạo ra năm thứ suy xấu nên gọi là già.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Những gì là năm tướng suy xấu?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo!

1. Tóc suy xấu, là tóc bạc.
2. Chỗ nương tựa suy xấu (nương tựa tức là thân) thịt, sắc lực suy xấu.
3. Nghiệp suy xấu, nghĩa là khi nói năng bị ho hen đứt quãng; lúc đứng thì cong như lưng bò; lúc ngồi thì thân nặng nề chồm về phía trước, khi đi phải chống gậy, ý chí rối bời, suy niệm càng yếu ớt.



4. Thọ dụng suy xấu, nghĩa là đối với các thứ cần dùng trong hiện tại lại dùng rất ít. Đối với các việc vui chơi thích thú lại không còn hứng thú nữa. Đối với sắc căn nơi cảnh giới của mình không thể đi nhanh chóng và cũng không thể đi được.

5. Mạng căn suy xấu, tức tuổi thọ hết, cái chết tới gần, duyên ít dần đi, chết là điều không thể tránh khỏi.

Này Tỳ-kheo! Trong bốn tướng phát sinh ấy cũng có sáu thứ chết sai khác, nên biết:

1. Tận cánh tử.
2. Bất tận cánh tử.
3. Tự tướng tử.
4. Bất tận cánh tử phần.
5. Tận cánh tử phần.
6. Phi thời thời tử.

Này Tỳ-kheo! Nơi số đó, Tự tướng tử là thức ở trong thân, đời đổi, phát xuất phần khác cùng với sắc căn diệt mất, nên biết như vậy.

Này Tỳ-kheo! Tướng phát sinh của danh sắc cùng với sinh, già, chết có sự sai khác như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Ba thứ khát ái đều nói là duyên sinh cùng với sinh tạo nhân, vì sao chỉ nói sinh của cõi Dục.

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do sinh của cõi Dục là thô nên không thể tán thán cũng không thể chỉ dạy. Vì quay trở lại chẳng phải là thể của pháp giải thoát.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu thân chứa duyên sinh này cùng với chuyển xuất để nói về mười hai phần thì trong mười hai phần đó, bao nhiêu là phần của chủ thể thân chứa, bao nhiêu là phần của đối tượng được thân chứa, bao nhiêu là phần của chủ thể chuyển xuất, bao nhiêu là phần của đối tượng được chuyển xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh cùng với hành và một phần của thức là phần của chủ thể thân chứa. Một phần thức ấy và danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là phần của đối tượng được thân chứa.

Này Tỳ-kheo! Một phần thọ ấy và khát ái, thủ, hữu là phần của chủ thể chuyển xuất. Sinh, già, chết là phần của đối tượng được chuyển xuất. Nên biết, một phần danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, cũng là phần của đối tượng được chuyển xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Phần của chủ thể thân chứa này và phần của chủ thể chuyển xuất ấy là một thời sinh có thể thấy, hay là theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Một thời sinh, cũng nói là theo thứ tự.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Phần của chủ thể thân chứa và phần của chủ thể chuyển xuất đã là một thời sinh thì vì sao lúc đầu nói phần của chủ thể thân chứa, sau nói phần của chủ thể chuyển xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do đối tượng được thân chứa có chuyển xuất, cho nên không thể không do đối tượng được thân chứa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vô minh duyên với suy nghĩ không chân chánh thì do đâu nói cùng với vô minh làm duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do vô minh ấy bị suy nghĩ không chân chánh dắt dẫn cùng với hành làm duyên, từ vô minh sinh xúc, thọ và khát ái làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Có bao nhiêu tướng khi lược nói về duyên sinh, có thể nhận biết?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói có ba tướng duyên sinh có thể nhận biết:

1. Tướng duyên sinh bất động (*Nê-lê đời Hạ dịch là bất động, tức là nghĩa không. Do không cho nên không có động tác*).

2. Tướng duyên sinh vô thường.

3. Tướng duyên sinh kham năng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Có bốn thứ duyên như Đức Thế Tôn đã nói như nhân duyên, vô gián duyên (*xưa gọi là Thứ đệ duyên*), phan duyên và tăng thượng duyên (*cũng gọi là sinh duyên*).

Thưa Đại Đức! Trong đó do những duyên gì vô minh cùng hành làm duyên, cũng do những duyên gì sinh cùng với lão tử làm duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do các hành chuyển sinh đồng tướng cho nên ta nói bốn thứ duyên. Trong nghĩa này chỉ có tăng thượng duyên. Ý ta nói là vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử thì tăng thượng duyên ấy lại đấm chắp nơi không tướng và đấm chắp nơi tướng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là không đấm chắp tướng tăng thượng duyên? Thế nào là đấm chắp tướng tăng thượng duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong chỗ chưa sinh suy nghĩ không chân chánh thì vô minh thuận với tùy miên, cùng với các hành không đấm chắp nơi tướng làm duyên. Nếu sinh rồi thì là đấm chắp nơi tướng.

Này Tỳ-kheo! Suy nghĩ không chân chánh ấy hòa hợp cùng với hành, đối với lục thức thân hòa hợp cùng sinh, sinh rồi nhưng chưa diệt, cùng với Thức không đấm chắp nơi tướng làm duyên. Nếu sinh diệt rồi tức là đấm chắp nơi tướng.

Này Tỳ-kheo! Nếu thức chưa đến lúc chết cùng với danh sắc không đấm chắp nơi tướng làm duyên (*thức cùng danh sắc đấm chắp nơi tướng làm duyên, trong bản Phạm không có câu này*), thì như thức đối với danh sắc như vậy. Thân chứa danh sắc đối với chuyển xuất

danh sắc cũng vậy. Như danh sắc đối với danh sắc, như thế đối với lục nhập, xúc đối với xúc, thọ đối với thọ cũng lại như vậy. Như vô minh đối với hành, như vậy vô minh đối với khát ái, khát ái đối với thủ, thủ đối với hữu cũng như vậy. Như thức đối với danh sắc..., đối với danh sắc... như thế hữu đối với sinh cũng vậy.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Thai nhi còn trong thai, sinh ra em bé, đến lúc thiếu niên, cùng với già chết không đảm chấp nơi tướng làm duyên. Nếu đến lúc căn tàn, tuổi thọ hết thì trong cái đảm chấp tướng làm duyên cũng vậy, nên biết như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu Đức Thế Tôn đã từng ở nơi nhân chung duyên chung cùng do pháp môn, nhân nơi khát ái cho nên nói về nghiệp, trong đó có mật ý gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do có chỗ thâm tóm nghiệp, nhân nơi khát ái cho nên giảng nói. Đây là mật ý.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nhân nơi nghĩa nào để nhận thấy, duyên nơi nghĩa nào để nhận thấy, do dùng nghĩa nào để nhận thấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Chính ở chỗ gieo trồng chủng tử nơi đời sau, nhân nơi nghĩa ấy để nhận thấy. Quyết định giữ vững chỗ chuyển xuất của sinh ấy, duyên nơi nghĩa này để thấy. Chết rồi, hướng đến chỗ sinh cùng với sinh, do nơi nghĩa ấy để thấy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Duyên sinh thì cú nghĩa là gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Điều tự có duyên, đồng tích tụ tương tục, cho nên sinh ra các phần này.



# KINH DUYÊN SINH SƠ THẮNG PHẦN PHÁP BẢN

## QUYỂN HẠ

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Chỉ phát sinh duyên sinh liên tục này hay là riêng có duyên sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ta nói tám môn Duyên sinh:

1. Thọ dụng thế tục. Như nhãn duyên sắc sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp có xúc, xúc duyên thọ như vậy...

2. Nói trợ trì, duyên sinh như bốn thứ thức ăn làm duyên, căn lớn lên được trụ sẽ có tăng ích.

3. Nói nhân trợ trì, duyên sinh như mầm trong các thứ lúa, một khi ruộng có đầy đủ yếu tố như nước... gieo hạt liền nảy mầm.

4. Nói xuất sinh tục hệ, duyên sinh như phần của chủ thể thân giữ và phần của chủ thể chuyển xuất, đối với xuất sinh thân chứa và đối tượng được chuyển xuất.

5. Nói đối với xuất sinh chỗ tương tục gắn với duyên sinh. Như thế giới hoặc nhân hoặc duyên chuyển thành, chuyển hoại có thể biết.

6. Xuất sinh nhập là duyên sinh như nghiệp bất thiện và thiện hữu lậu. Ba đường ác và hàng trời, người... sai khác có thể biết.

7. Nói thanh tịnh là duyên sinh, như dùng âm thanh khác và tự suy nghĩ chân chánh làm nhân, do chánh kiến sinh nên vô minh diệt, vô minh diệt nên hành diệt.

Như vậy cho đến sinh diệt cho nên lão tử diệt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Như vô minh thứ tự duyên hành... sinh... ngược lại diệt cũng theo thứ tự phải không?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Không phải thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vậy sao phải nói diệt theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Phần trước không sinh chủ thể, phần sau không sinh pháp thị hiện.

Này Tỳ-kheo! Không có tướng bất sinh, tức có diệt chuyển. Tám là nói tự tại, là duyên sinh như Tỳ-kheo khéo suy nghĩ, tu định làm duyên, nếu muốn như vậy thì tùy theo sự tin hiểu, tức là sự sai khác giữa đây có, kia không.

Này Tỳ-kheo! Đây là ta nói tám môn duyên sinh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Như Đức Thế Tôn từng nói, nhân nơi nghiệp cho nên thọ sinh, nhân nơi khát ái cho nên chuyển xuất, có mật ý gì khi nói như thế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do Vô minh duyên cho nên mỗi mỗi hành phước, hành phi phước hành bất động ở trong cái hữu thọ xưa đã làm, đã tích tập, mỗi mỗi chủng tử của nhân thọ sinh tích tụ mà thấu giữ. Trong đó khát ái còn chưa trừ diệt. Do khát ái cho nên lại đối với hữu mà thân kia chuyển xuất. Hành hữu ấy có thể chẳng phải là không khát ái. Thế nên nói nhân nơi nghiệp nên thọ sinh, nhân nơi khát ái nên chuyển xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu nhân nơi khát ái mà chuyển xuất thì do đâu thủ duyên hữu, chẳng phải khát ái duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Có khát ái này như không thủ kia, không thể duyên nơi hành phi phước ở trong đường ác mà xuất sinh và không có khát ái như không thủ kia, không thể duyên nơi hành phước, hành bất

động, đối với thân phi định địa và thân định địa trong hai đường thiện mà xuất sinh. Thế nên chẳng phải chỉ khát ái duyên hữu mà thủ cũng duyên hữu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Như Đức Thế Tôn từng đối với đại do trong pháp môn, nói rằng: “Này A-nan-đà! Các chúng sinh ấy ở trong chủng loại chúng sinh, hoặc không có sinh nhưng cũng có sinh. Nếu tất cả các chủng loại đó đều không có sinh duyên lão tử thì cũng có thể biết.”

Bạch Thế Tôn! Có mật ý gì mà Thế Tôn nói như thế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Mật ý ta nói là sinh của thân chứa và sinh của chuyển xuất, đối với tăng thượng duyên của lão tử không đấm chấp tướng và đấm chấp tướng, là mật ý này.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế Tôn đã nói cú nghĩa của duyên sinh, nhưng chưa nói nghĩa của duyên sinh, làm thế nào để thấy nghĩa đó?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói có mười một thứ nghĩa duyên sinh có thể nhận thấy. Đó là nghĩa không tác giả là nghĩa duyên sinh, nghĩa cộng nhân giả, nghĩa không chúng sinh, nghĩa tha sinh, nghĩa bất động, nghĩa vô thường, nghĩa niệm niệm không, nghĩa nhân quả liên tục không gián đoạn, nghĩa chủng chủng nhân quả, nghĩa nhân quả tương tự, nghĩa quyết định nhân quả, nghĩa duyên sinh này có thể nhận thấy như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Đức Thế Tôn từng nói duyên sinh ấy rất là thâm diệu nhưng làm sao để thấy sự thâm diệu của duyên sinh ấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do mười một nghĩa thâm diệu như vậy cho nên có thể thấy năm thứ thâm diệu. Đó là nhân, tướng, sinh, chuyển trụ, phát chuyển thâm diệu.

Này Tỳ-kheo! Lại có năm thứ duyên sinh thâm diệu có thể

thấy: Tướng thâm diệu, nhiếp chủng thâm diệu, nhân thâm diệu. Quả thâm diệu, chuyển xuất nhân quả sai khác đối trị thâm diệu.

Này Tỳ-kheo! Lại có năm thứ Duyên sinh thâm diệu có thể thấy: Nhiếp thâm diệu, thuận thâm diệu, nghịch thâm diệu, thủ thâm diệu, cảnh giới thâm diệu.

Này Tỳ-kheo! Đó là Đẳng khởi thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Chuyển trụ thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói vô minh có bốn thứ chuyển trụ: Thuận miên chuyển trụ (xưa gọi là Sử). Khởi xứ chuyển trụ (xưa gọi là Phược, cũng gọi là thượng tâm). Tương ứng chuyển trụ. Độc bất cộng chuyển trụ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Cái gì là chỗ chuyển trụ làm duyên cho vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ngoài cái này ra, phàm phu do không suy nghĩ chân chánh dắt dẫn bốn thứ vô minh cùng với hành phước, hành phi phước hành bất động làm duyên.

Này Tỳ-kheo! Ngoài cái này ra, phàm phu nếu cùng phước, bất động tương ứng với tâm tạo nghiệp thiện, thì vẫn còn là nơi cần thiết của suy nghĩ không chân chánh.

Này Tỳ-kheo! Pháp bên trong ấy nơi hàng phàm phu buông lung, lại do không cùng với vô minh. Còn phần vô minh khác thì buông lung dắt dẫn kia cùng với hành làm duyên.

Này Tỳ-kheo! Pháp bên trong ấy nơi hàng phàm phu không buông lung hàng tu học theo bậc Thánh, vọng niệm dắt dẫn ba thứ vô minh cùng với phi phước làm duyên, nhưng phi phước ấy không thể tạo ra hữu nơi cõi ác. Thế nên, phi phước ấy không phải là vô minh duyên hành. Ta thường nói về vô minh bất cộng, pháp bên trong ấy, nơi hàng phàm phu hàng tu học buông lung chưa đoạn, nhưng Thánh học giả đã đoạn. Phàm phu không buông lung ấy, nếu phát sinh hành



phước hành bất động, đối với chánh pháp phát sinh suy nghĩ chân chánh tương ứng với tâm, đồng thời nhân giải thoát và hưởng giải thoát đều cũng phát sinh. Vì chỗ tăng thượng ấy, nên hai đường thiện phát sinh tức sẽ chuyển xuất, nhưng chưa đoạn bốn thứ vô minh tăng thượng.

Này Tỳ-kheo! Nhưng Thánh học giả do đoạn vô minh bất cộng, không tạo nghiệp mới, mọi nghiệp cũ do thuận theo sức của tùy miên. Nếu chưa trừ đoạn thì xúc ấy cũng có thể dứt hết. Như vậy vô minh ấy duyên hành sinh, sinh dần dần diệt không lại tăng trưởng. Vì nhân duyên đó cho nên biết bậc tu hóa nơi pháp bên trong ấy không tạo vô minh duyên hành.

Này Tỳ-kheo! Vì ngoài pháp phạm phu ấy cho nên phát khởi, ta nói tùy thuận đầy đủ. Duyên sinh nhiễm ô chẳng phải là pháp bên trong ấy.

Này Tỳ-kheo! Đó là Chuyển trú thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là điên đảo thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn thứ vô minh này ở trong đế thì không nhưng cho là có và có thì lại hủy báng là không là hai thứ điên đảo.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là không mà cho là có và có mà hủy báng là không là hai thứ điên đảo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do bốn thứ nhân duyên: Đó là phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp. Cõi trời và giải thoát, không phải là phương tiện thấy là phương tiện. Đó là điên đảo: Không mà cho là có hoặc do tà kiến nên đều hủy báng cho là không. Nghĩa là có mà hủy báng là không.

Này Tỳ-kheo! Đó là Điên đảo thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng mạo thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Có hai thứ có thể nhận thấy.

1. Tự tướng vi tế sai biệt.
2. Ái không ái và cảnh giới của hai thứ điên đảo, đồng tướng sai biệt.

Này Tỳ-kheo! Mọi thứ vô minh hiện có khởi lên như vậy, vi tế, khó nhận biết, khó thấy, hướng nữa là thuận theo tùy miên. Tất cả những gì tương ứng với vô minh đều vi tế khó biết, khó thấy hướng nữa là bất cộng. Các ái, không ái cùng trong cảnh giới của hai thứ điên đảo che lấp tướng chân thật nên chỉ thấy mỗi tướng điên đảo, cùng nhau chuyển hành, còn các phiền não khác thì không như thế. Nếu thân kiến khác cùng với đồng tướng phiền não, cũng lại do vô minh ấy làm chỗ nương tựa mới được chuyển sinh.

Này Tỳ-kheo! Đó là tướng mạo thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tác nghiệp thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết, lược nói về vô minh có hai thứ nghiệp.

1. Tất cả các thứ phát chuyển, cùng nương tựa nơi nghiệp là vô minh.
2. Tất cả các thứ bội chuyển cùng tạo nghiệp chướng ngại là vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả các thứ phát chuyển?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu xứ chuyển sinh, hoặc chuyển sinh như chuyển sinh thì đó là tất cả các thứ phát chuyển.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Xứ nào chuyển sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong đạo lưu chuyển, do tự ngã phân biệt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Pháp nào chuyển sinh?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Các nhập trong ngoài, do tự ngã thân lấy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là chuyển sinh?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Nghiệp và báo phát chuyển liên tục, do tự ngã phân biệt và phân biệt tà.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả các thứ bội chuyển?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Lược nói về bốn thứ bội chuyển:

1. Bội chuyển nương tựa.
2. Bội chuyển duyên vin.
3. Bội chuyển tư niệm.
4. Bội chuyển quả thành.

Này Tỳ-kheo! Đó là tác nghiệp thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là ác đối (chướng ngại) thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Ác đối thắng pháp nơi vô minh và ác đối quảng pháp nơi vô minh, nên thấy hai thứ chướng ngại nơi vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là ác đối thắng pháp nơi vô minh?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Trong năm căn ấy, dùng để thân lấy hoặc dùng để hòa hợp thì gọi là tuệ căn. Gây chướng ngại điều này tức là vô minh. Thế nên gọi là ác đối thắng pháp.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là ác đối quảng pháp nơi vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Mọi trí do văn, tư, tu tạo nên, tạo chướng ngại đối với điều ấy tức là vô minh. Thế nên gọi là ác đối quảng pháp.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu nói vô trí là vô minh thì há cho vô hữu kia là vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Không phải thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu cho trí vô hữu là vô minh thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Tướng vô minh như vậy là không thể an lập. Vì sao? Này Tỳ-kheo! Vì văn tuệ không có tư tuệ; tư tuệ không có tu tuệ. Tu tuệ thế gian không có tu tuệ xuất thế gian. Học trí xuất thế gian không có vô học trí. Trí của bậc Thanh văn vô học không có Trí của Như Lai. Như vậy thì kia cũng là có trí, kia cũng là vô trí. Như thế là có vô minh nên có thể lập tướng ấy.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Trong ba thiện căn ta nói không có si. Trong đó si không có mà có không si, chẳng phải do si không có mà là không si. Nay cũng chẳng phải do minh không mà là vô minh. Lại các pháp của tâm không biết chân thật nên gọi là vô minh; cũng như các pháp của tâm nhận biết chân thật cho nên gọi là trí.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu cho vô hữu là vô minh thì trong mười một thứ vô minh thù thắng ấy, đây tức là vô hữu. Thế nên chẳng phải là minh không có mà là vô minh.

Này Tỳ-kheo! Đó là ác đối thù (chướng ngại) thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là thuận phược thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cho đến cõi trời Hữu danh... chúng sinh trong ba cõi đối với Đế ấy nếu chưa có trí thì nó là không, không thiếu chỗ thuận theo tùy miên luôn bị trói buộc, cũng do sự trói buộc đó nên

các chúng sinh kia bị đủ sự trói buộc. Hoặc phần nhân quả trong cõi thiện, cõi ác cũng chưa có trí, thì sự vi tế ấy là chúng sinh nơi cõi Vô sắc, kể đến là cõi Sắc, tầng thượng là cõi Dục. Nhưng vi tế, trung bình tầng thượng, nơi vị lai có pháp sinh như thế là thuận theo sự trói buộc.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu A-la-hán dứt hết các lậu thì nên biết chướng ngại ấy, cũng là thuận theo sự trói buộc của vô minh. Như thế thuận theo sự trói buộc từ hành... của vô minh, cũng có thể thấy.

Này Tỳ-kheo! Đó là thuận phược thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là đối trị thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Có hai thứ trí dùng để đối trị vô minh:

1. Nhân nơi âm thanh khác hoặc là chẳng nhân, là thiếu phần nơi trí pháp giới.

2. Nhân nơi âm thanh khác mà không phải là thiếu phần, là trí pháp giới vô lượng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Tất cả thiếu phần nơi trí pháp giới, duyên vin thế nào, chủng tướng thế nào, tạo nghiệp thế nào, làm sao để nhận thấy?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Thiếu phần nơi trí pháp giới ấy, duyên vin nơi bốn niệm có mười sáu thứ tướng, cùng với vô minh kết hợp, đối với phiền não, nghiệp sinh khởi các nhiễm, tạo nghiệp xa lìa. Nên nhận thấy như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Sinh khổ, vậy làm thế nào để thấy?

Đức Phật nói:

– Này Tỳ-kheo! Nướng tựa nhân khổ bên trong, nướng tựa nhân khổ bên ngoài và nướng tựa nơi hai thứ khổ ấy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là nhân khổ bên trong?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bệnh khổ, già khổ và chết khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là nhân khổ bên ngoài?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Không thương yêu gặp nhau là khổ. Yêu thương phải chia lìa là khổ; mong cầu không được là khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là nương tựa hai thứ khổ ấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói về năm thọ ấm.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu thân trong hiện tại có tham ái.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là lại có khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu ở nơi thân vị lai có mong cầu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là ưa muốn cùng hành với khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đối với bản thân có thể thân lấy thọ dụng trong cảnh giới hiện tại mà có tham đắm vị.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Thế nào là xứ xứ ưa muốn khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu chưa được cảnh giới thì truy cầu mọi thứ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Khát ái này làm thế nào để đoạn trừ hết sa chỉ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bạc Kiến đạo nên đoạn trừ. Đoạn trừ phiền não, đoạn trừ thượng phần hạ phần kết sử, quả khổ nơi vị lai nên đoạn khát ái, quả khổ hiện tại nên đoạn khát ái. Vì thế cho nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là xả?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Hoặc nói bạc Kiến đạo nên đoạn, đoạn trừ phiền não nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là bờ bến rốt ráo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Hoặc nơi bạc Tu đạo nên đoạn, đoạn trừ phiền não, nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tận?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đoạn trừ hạ phần kết sử, nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là lìa?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do đoạn trừ thượng phần kết sử nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là diệt?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do đoạn trừ rốt ráo nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là vắng lặng?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Quả khổ nơi vị lai là khát ái cần đoạn trừ nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là dứt bật?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Quả khổ nơi hiện tại là khát ái cần đoạn trừ nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh kiến?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Hoặc lúc chứng biết về hành trí ở trước, hoặc lúc chứng đắc về trí, hoặc chứng đạt Hậu đắc trí, siêu việt hơn chỗ nhận biết nơi phương tiện hành giáo.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là phân biệt chân chánh (chánh tư duy)?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đối với Tam bảo có sự hiểu biết đúng đắn rồi, thì nơi vào lòng tin chân chánh, đối với công đức ấy nhớ nghĩ, phân biệt thuận hợp, siêu việt hơn các các giáo pháp nơi những dị luận...

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh ngữ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bậc Thánh đã yêu kính giới, thâm nhận pháp vô lậu, suy nghĩ vô lậu cùng chuyển, xa lìa bốn nghiệp của miệng, thoát khỏi đường ác.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh nghiệp?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bậc Thánh yêu kính giới, thâm nhận pháp vô lậu, suy nghĩ vô lậu cùng chuyển, xa lìa ba nghiệp của thân, thoát khỏi đường ác.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:



– Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh mạng?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bậc Thánh yêu kính giới, thâm nhận pháp vô lậu, suy nghĩ vô lậu cùng chuyển, xa lìa chỗ đầy khởi nghiệp nơi thân miệng của tà mạng, thoát khỏi đường ác.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh tinh tấn?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đối với giải thoát vô thượng, nương tựa ưa thích, phát khởi tinh tấn, xa lìa chướng ngại, đầy đủ đối trị.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh niệm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu khi tương ưng, hợp với chỉ, quán, ba thứ cùng tạo chỗ nương tựa rồi, lúc nào cũng ở trong ba thứ tướng ấy, do không buông lung, cùng nhập nơi chánh trụ, đối với cảnh duyên tâm luôn không quên. Ở trong tu đạo siêu việt, chẳng tương ưng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh định?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu ở nơi bảy thứ định này tu hành đối trị đầy đủ rồi thì nhất tâm chuyên hướng, cho đến bảy thứ ấy cùng với hành sai biệt làm chỗ nương tựa, cùng với công đức thù thắng phát sinh làm chỗ nương tựa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu niệm xứ như vậy cùng với các Giác trợ pháp (bảy Giác chi) đều thâm tóm làm đạo, vì sao chỉ nói tám phần đạo của bậc Thánh, dùng làm tướng của đạo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do tám phần đạo của bậc Thánh, nên mọi sở hữu còn lại nơi các giác trợ pháp đều được thâm nhận.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Đại Đức! Nếu cái khổ này có bốn thứ tướng, thì trong đó thế nào là tướng vô thường?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong cái khổ, nếu thấy được pháp sinh diệt thì đó là tướng vô thường.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng khổ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Dùng pháp sinh diệt kia làm chỗ nương tựa rồi, nếu thấy chỗ thuận theo sự trói buộc của ba khổ thì đó là tướng khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng không?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong khổ, nếu thấy lìa nơi ngã, vật, thì đó là tướng không.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng vô ngã?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong khổ, nếu thấy ngã tự lìa tướng, thì đó là tướng vô ngã.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu nơi bốn thứ dùng làm tướng tập, thì trong đó cái gì là tướng nhân?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với khát ái, nếu thấy được thể của nhân nơi chủng tử của các khổ thì đó là tướng nhân.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng tập?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với khát ái, nếu thấy được thể của sinh nhân tương tục thì đó là tướng tập.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ở nơi khát ái nếu thấy thể của sinh nhân năm sai biệt nơi năm cõi thì đó là tướng sinh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ở trong khát ái nếu thấy được thể của nhân chấp trì nơi duyên sai biệt khác thì đó là tướng duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu Diệt đế này có bốn thứ tướng, thì trong đó cái gì là tướng diệt?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy phiền não diệt thì đó là tướng diệt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng chỉ (dừng dứt)?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy khổ chấm dứt thì đó là tướng dừng dứt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng vi diệu?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy vô tội, thanh tịnh, an lạc thì đó là tướng vi diệu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy ra khỏi vô thường, thì đó là tướng xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu bốn thứ ấy dùng làm tướng đạo thì trong đó cái gì là tướng đạo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với đạo ấy, nếu thấy chỗ nhận thức tương ưng và không điên đảo thì đó là tướng đạo.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng như?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với đạo ấy, nếu thấy được pháp xuất thế vô lậu, thì đó là tướng như.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng dấu vết?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với Thánh đạo nếu thấy được hành ở nơi thuận hành thì đó là tướng dấu vết.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng thừa?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với đạo ấy, nếu thấy được chỗ vô thượng thì đó là tướng thừa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Do đâu chỉ có bốn Thánh đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cùng nhân quả nhiễm tịnh đều thâm tóm (cùng nhân quả là nhiễm tức nhân quả cùng nhiễm, tịnh tức nhân quả cùng tịnh, nên gọi là cùng).

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Các đế như khổ... do đâu lần lượt nói đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bệnh là do thoát được là pháp tương tự (*Bệnh nghĩa là khổ. Do nghĩa là tập. Thoát nghĩa là diệt. Được nghĩa là đạo*).

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Bốn Thánh đế này là chứng đắc cùng một lúc hay là chứng đắc theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Có đạo lý nên chứng đắc trong một lúc. Có đạo lý nên chứng đắc theo thứ lớp (*Đạo lý cũng gọi là nhân duyên, cũng gọi là phương tiện*).

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chứng đắc trong một lúc thì đạo lý ấy là gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bên trong tự nhận biết cảnh giới của chân trí nơi đế, duyên dựa chẳng phải là nghĩa an lập, do duyên dựa chung nên chứng đắc trong một lúc.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Còn những đạo lý nào chứng đắc theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Người đã có trí tu trị và trí hậu đắc nên nơi tự tướng, nhân quả đã quán sát tướng ấy, vì chẳng phải là duyên vào nhau nên chứng đắc theo thứ lớp.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nay Đức Thế Tôn đã nói bốn Thánh đế rồi, vì sao lại nói hai đế là Thế đế và Tối thắng nghĩa đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với bốn Thánh đế ấy, nếu là cảnh giới của trí pháp trụ thì đó là Thế đế. Còn nếu bên trong tự có cảnh giới của trí tối thắng nghĩa, chẳng phải là cảnh giới của trí an lập, thì đó là Tối thắng nghĩa đế. Nên thấy như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu bốn Thánh đế chẳng phải là Thánh, cũng là đế nơi Thánh cũng là đế, thì vì sao lấy Thánh gọi về đế ấy. Vì Thánh đế là do Đức Thế Tôn đã giảng nói?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Tuy chẳng phải là Thánh, nhưng cũng ở trong pháp thể của đế ấy, không trí mà tin. Còn bậc Thánh, đối với thể của pháp ấy thì tin bằng trí tuệ. Vì ý nghĩa đó, cho nên đây gọi là Thánh đế. Nên thấy như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Chẳng phải là thiếu phần mà là trí pháp giới vô lượng, thì duyên vin như thế nào, chủng tướng nào, tạo nghiệp gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cũng là bốn Thánh đế dùng làm chỗ duyên vào, tướng đế thanh tịnh là tướng, tất cả thứ nhập đế là tướng, cùng với hết thảy chúng sinh tạo tất cả nghĩa lợi làm tướng.

Lại thiếu phần trí pháp giới là Thanh văn, không trái với nghĩa lợi của chúng sinh, không hiện tiền là tướng. Duyên giác trái với nghĩa lợi của chúng sinh làm tướng.

Lại trí pháp giới vô lượng là xa lìa tạo nghiệp, nghĩa là xa lìa tất cả phiền não chướng và sở tri chướng, cùng với chỗ nương tựa tạo nghiệp. Tức là cùng đạt được Nhất thiết chủng biến trí pháp giới thanh tịnh, làm chỗ nương tựa, che chở cứu giúp làm nghiệp. Nghĩa là che chở cứu giúp tất cả các chúng sinh... các nơi chốn bức não.

Này Tỳ-kheo! Đó là sự đối trị thù thắng của vô minh.

Các Tỳ-kheo tán thán:

–Hay thay! Thưa Đại Đức!

Các Tỳ-kheo ấy nghe lời Đức Thế Tôn giảng dạy đều vui mừng im lặng, tâm rất thích thú, hoan hỷ.



SỐ 717

# KINH PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI SƠ THẮNG PHÁP MÔN

*Hán dịch: Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.*

## QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc Xá-vệ.

Lúc đó, có rất nhiều chúng đại Tỳ-kheo tập hội tại giảng đường An thích cùng nhau luận bàn:

–Này các Đại đức! Đức Thế Tôn từng dùng vô lượng môn sai khác để giảng nói về mười hai phần duyên khởi sâu xa. Trong mười hai chi đó đầu tiên nói về vô minh dùng làm tánh của duyên. Vì nhân duyên gì trong tất cả phiền não, các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm tánh của duyên? Đối với vô minh này thấy được những sự thù thắng gì?

Do nhân duyên đó nên khởi lên tranh luận.

Lúc đó, Đức Thế Tôn đang du hóa ở cõi trời, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn cả người thường, nghe được sự việc như vậy. Về xế chiều, Đức Thế Tôn xả định, đi đến trước đại chúng, nơi giảng đường An thích, rồi ngồi xếp bằng trên tòa vừa được trải bày. Đức Thế Tôn dùng âm thanh vi diệu bảo các đại chúng:

–Vì sao các vị tập hợp tại nơi này cùng nhau tranh luận? Vì bàn luận việc gì mà tập hợp nơi đây?

Đức Thế Tôn vừa hỏi xong, các đại chúng liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con tập hợp nơi đây bàn luận về việc như thế này: “Này các Đại đức! Đức Thế Tôn thường dùng vô lượng môn sai khác để giảng nói về mười hai phần duyên khởi sâu xa. Trong mười hai chi đó, trước hết nói vô minh dùng làm tánh của duyên. Vì nhân duyên gì trong tất cả phiền não, các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm tánh của duyên? Đối với vô minh này thấy được những sự thù thắng gì?”

Bạch Thế Tôn! Vì vấn đề đó mà chúng con khởi lên tranh luận. Hôm nay chúng con bàn luận việc này nên tập hợp nơi đây.

Các Tỳ-kheo vừa thưa xong, Đức Thế Tôn liền bảo:

–Này đại chúng! Ta có pháp môn Phân Biệt Duyên Khởi Sơ Thắng như vậy, các vị nên lắng nghe và tác ý cực tốt, ta sẽ vì các vị mà giảng nói!

Thế nào là pháp môn Phân Biệt Duyên Khởi Sơ Thắng? Là mười một việc thù thắng, đối với duyên khởi trước hết nói vô minh dùng làm tánh duyên. Những gì là mười một?

1. Sở duyên thù thắng.
2. Hành tướng thù thắng.
3. Nhân duyên thù thắng.
4. Đẳng khởi thù thắng.
5. Chuyển dị thù thắng.
6. Tà hành thù thắng.
7. Tướng trạng thù thắng.
8. Tác nghiệp thù thắng.
9. Chương ngại thù thắng.
10. Tùy phục thù thắng.
11. Đối trị thù thắng.

Lúc đó, trong chúng có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai phải, chắp tay lễ Đức Phật rồi thưa:



– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Sở duyên thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối tượng được duyên (Sở duyên) của vô minh tức là tất cả hoặc nhân hoặc quả, có các lỗi lầm tạp nhiễm, cho đến tất cả hoặc nhân hoặc quả có các công đức thanh tịnh. Đó gọi là Sở duyên (đối tượng được duyên) thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Hành tướng thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này che lấp chân thật, hiển bày hư vọng, dùng điều ấy làm hành tướng. Đó gọi là Hành tướng thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Nhân duyên thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này bao trùm tất cả phiền não tạp nhiễm, các nghiệp tạp nhiễm, các sinh tạp nhiễm, có khả năng làm chỗ nương tựa căn bản cho nhân duyên.

Thế nào là tất cả phiền não nhiễm? Lược nói có ba loại phiền não, thâu tóm hết tất cả phiền não tạp nhiễm. Đó là phiền não vô tri, phiền não do dự và phiền não điên đảo.

Thế nào là tất cả các nghiệp tạp nhiễm? Nghĩa là lược nói có ba tự tướng sai biệt, là nghiệp nơi thân, miệng, ý và ba đối trị chướng ngại sai biệt là phước, phi phước và nghiệp bất động, thâu tóm hết tất cả các nghiệp tạp nhiễm.

Thế nào là tất cả các sinh tạp nhiễm? Lược nêu có ba thứ nương tựa nơi ba thọ. Đó là vui, khổ và không khổ không vui, là chỗ khởi lên ba khổ: Hoại khổ, khổ khổ và hành khổ, thâu tóm hết tất cả các sinh tạp nhiễm.

Thế nào là vô minh bao trùm tất cả phiền não tạp nhiễm, các nghiệp tạp nhiễm, có khả năng làm chỗ tựa căn bản cho nhân duyên? Nghĩa là đối với các đế có hai thứ ngu có khả năng khiến tất

cả phiền não tạp nhiễm chưa sinh làm cho sinh, sinh rồi làm cho tăng trưởng, cũng khiến cho tất cả các nghiệp tạp nhiễm chưa sinh liền sinh, sinh rồi càng thêm tích tập, cũng khiến cho tất cả các sinh tạp nhiễm chưa sinh liền sinh, sinh rồi không chuyển. Thế nên, ta nói vô minh này bao trùm hết tất cả phiền não tạp nhiễm, các nghiệp tạp nhiễm, các sinh tạp nhiễm có khả năng làm chỗ nương tựa căn bản cho nhân duyên. Đây gọi là nhân duyên thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đẳng khởi thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là vô minh này, hoặc ngu đối với Khổ đế nơi vị lai, là chỗ thâm tóm thọ tự thể của đời sau. Hoặc ngu đối với pháp Khổ đế nơi hiện tại, là chỗ thâm giữ được tự thể. Như vậy là người ngu, hoặc có chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi; hoặc có chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi. Hai duyên khởi này do ngu tối nơi pháp vị lai và hiện tại, tự thể vô minh tạo duyên cùng khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Thứ nhất là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ. Đó là chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Thứ hai là vô minh duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Đây gọi là chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là thứ nhất vô minh cùng với chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi tạo duyên cùng khởi?

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Có một loại, nghĩa là ngu muội nơi vị lai, nơi tự thể đời sau, tức liền phát khởi mong cầu về đời sau. Do ngu về chỗ sinh nên mới mong cầu đời sau, đối với đời sau chỉ thấy công đức thù thắng. Hoặc đối với pháp hiện tại chấp trước cảnh có thể yêu thích, hoặc không yêu thích, do phân biệt tà vạy nên tạo ra hành phi phước. Người ấy đối với vật dụng của đời sống sinh ra chấp trước tham đắm. Hoặc đối với chỗ oán ghét sinh ra sân hận và tương ứng ấy không thể xác định. Công đức, lỗi lầm, buông lung, ngu muội nên tạo ra hạnh ác này, tức đời sau sẽ có lỗi lầm, không thể suy nghĩ, không thể hiểu rõ. Hành tướng nơi vô minh hay tạo ra duyên của hành phi phước như vậy. Nếu đời sau thấy công đức thù thắng, hoặc thấy nẻo xuất ly liền tạo hành phước, hoặc hành bất động. Người ấy nương vào giáo pháp hoặc nương nơi pháp được chỉ dạy phát khởi suy nghĩ, lựa chọn và tu tập, nên có khả năng chủ thể tạo ra hạnh này, nên biết như vậy mà suy nghĩ, lựa chọn, tu tập. Tuy tại tâm thiện, nhưng lại tác ý tư duy không đúng lý, nên đời sau bị ngu si dắt dẫn. Nghĩa là nơi đời sau chỉ thấy công đức thù thắng, bị si che lấp và thấy nẻo xuất ly bị si che lấp. Như vậy, hành phi phước, hành phước, hành bất động, chướng ngại, đối trị và sáu thức thân cùng sinh cùng diệt, có khả năng chủ thể ở hiện tại đã được sinh diệt, trong quả báo nơi thức, sắp đặt các hành, ba thứ Tập khí do phương tiện này thâm nhận chủng tử mới sinh của đời sau. Do thâm nhận chủng tử mới của đời sau, cho nên ở trong đời hiện tại đã là chỗ dấy khởi đời sau, là chỗ thâm tóm danh sắc, lục xứ, xúc, thọ theo thứ lớp mà sinh. Đây gọi là sắc... ở trong hiện tại đã được quả báo nơi thức, chỉ khởi tánh nhân chưa có tánh quả. Do đó chỉ gọi là duyên khởi của đối tượng được dẫn. Như vậy gọi là vô minh thứ nhất cùng với chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi tạo duyên đẳng khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là vô minh thứ hai cùng với chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi tạo duyên đẳng khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Có một loại ngu tối nơi hiện tại, đã được tự thể, đối với nơi chốn của lục xúc làm duyên sinh thọ, liền khởi đấm chấp nơi vị. Do đấm chấp vị nên mong cầu vị lai. Thọ do mong cầu như vậy nên khi truy cầu liền khởi lên Thủ, lạc thọ khởi lên thì ái làm duyên, phát sinh dục thủ. Nói dục thủ nghĩa là đối với các dục vọng phân biệt tham chấp, đây là thượng thủ, đây là tiền hành, liền có tất cả phiền não của cõi Dục. Nếu lại do khổ thọ làm duyên, sinh không có ái, chán lìa cùng hành, phi lý dắt dẫn, chán lìa tương ứng, nương vào ái ấy, phương tiện không chân chánh, khi cầu không có liền phát khởi ác kiến xuất ly, ác kiến định kỳ và hai thứ này là chỗ nương của ác kiến. Do nghĩa này, cho nên gọi là ái duyên thủ. Nếu đem thủ ấy làm chỗ dựa, không lìa dục tham mà mạng chung. Do các kiến chấp lầy cùng với tất cả phiền não ở cõi Dục, gọi là có ái của cõi Dục làm duyên thủ. Nếu lìa tham dục, hoặc lìa tham sắc, thì ái nơi cõi Sắc hoặc ái nơi cõi Vô sắc ấy liền được nơi sinh. Người ấy ở cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc lúc phiền não được chuyển, phát khởi thủ nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Do các phiền não nơi sắc, vô sắc ấy và các kiến chấp kia, gọi là có ái của cõi Sắc làm duyên thủ và ái của cõi Vô sắc làm duyên thủ. Do làm duyên thủ như vậy, nên trước được vô số các hành là chỗ huân tập của thức nơi quả dị thực, gọi là hữu thủ. Do như vậy nên thủ là chỗ thâm tóm thọ, trước là nơi tích tập chủng tử của hành. Nếu mỗi mỗi xứ kia các ái chưa đoạn, tức mỗi mỗi xứ ấy công năng hiện tiền có thể sinh ra đời sau. Do các hành... ấy có thể có sinh nơi vị lai, hay khiến sinh hữu cùng nhập hiện tại. Nên gọi là hữu. Do sức mạnh của thủ ấy nên hành... hành hữu lầy đó làm duyên, từ đấy mạng chung, trước đã dẫn phát lần lần sinh khởi. Do nghĩa đó nên gọi là hữu duyên sinh. Sinh tức đã sinh ra, trước khởi thời phần biến đổi gọi là già, đến cuối cùng mạng hết gọi là chết. Do đó nên gọi là sinh duyên lão tử. Như vậy gọi là vô minh thứ hai cùng với chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên đẳng khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Do duyên gì không nói hai thứ ái thủ là chủ thể sinh duyên khởi cùng hành làm duyên?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Hai thứ ái thủ tự nơi cảnh giới của mình là chỗ hành có sai biệt. Vì sao? Vì cõi Dục ái thủ của cõi Dục, cùng với các hành bất động nơi cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc ấy làm duyên đấng khởi không ứng hợp với đạo lý, nên chẳng phải là cảnh giới. Như nói hai thứ ái thủ ở cõi Dục đối với hành bất động; hai thứ ái thủ ở cõi Sắc đối với các hành bất động nơi cõi Vô sắc cũng vậy. Hoặc hai thứ ái thủ ở cõi Vô sắc đối với hành nơi cõi Dục hoặc hành nơi cõi Sắc, cho đến hai thứ ái thủ ở cõi Sắc đối với hành của cõi Dục, nên biết cũng như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì hai thứ ái thủ ở cõi Dục không cùng với hành phi phước, hành phước làm duyên?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vì các hữu hiện tiền, các cảnh giới của ái, chẳng phải ái là sức tăng thượng, nên phát sinh dục ái, khởi lên căn bất thiện, tạo ra hành phi phước, tất cả đều do nhân và quả, trong hành phi phước không biết lỗi lầm, do ý vui nên có lỗi lầm, hoặc do gia hạnh nên có lỗi lầm, khởi lên hành phi phước. Ý vui, gia hạnh với lỗi lầm như vậy, chỉ do vô minh dùng làm thắng duyên, chẳng phải là cảnh giới nơi ái và căn bất thiện. Nếu do dục ái tạo các hành phước thì sự tin đó làm chỗ nương tựa mới tạo ra hành này, đối với tử và sinh, khởi lên định tín ái. Thủ ấy do tín thân phục ngã nếu bày làm hữu phú vô ký. Nếu pháp nơi cõi Dục là hữu phú vô ký thì đối với chỗ phát khởi các hành không có công năng tối thắng. Vì đối với nhân quả và hành phước không biết nẻo xuất ly, cầu sinh khả ái, tạo ra hành phước này. Hành phước này cũng chỉ có vô minh dùng làm thắng duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì hai thứ ái thủ ở cõi Sắc không làm duyên cho hành bất động của cõi Sắc?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các hữu chưa lìa tham nơi cõi Dục, ái... ở cõi Sắc chưa được nơi sinh. Nếu không xứ sinh thì không gánh vác, cho nên không phải là duyên của hành bất động ở cõi Sắc. Như nói hai thứ ái thủ ở cõi Sắc đối với các hành bất động ở cõi Sắc; như vậy hai thứ ái thủ ở Vô sắc đối với các hành bất động ở cõi Vô sắc, nên biết cũng như vậy. Người ấy ở cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc, có thân lỗi lầm, khởi có công đức tác ý tạo tưởng kiến chấp, hoặc nương giáo pháp, hoặc nương nơi pháp được chỉ dạy phát khởi phi lý như vậy, tác ý có thể làm duyên cho hành bất động ở cõi ấy. Khởi lên tác ý phi lý như vậy nên bị vô minh dắt dẫn. Vô minh như thế do khởi tác ý phi lý này và quả làm bạn, hay làm duyên cho hành bất động ở cõi ấy. Vì thế nên biết hành bất động ấy cũng chỉ có vô minh dùng làm thắng duyên. Lại có một loại nương nơi không có ái, tạo các hành phước hoặc hành bất động. Do không có hữu ái như vậy cho nên đối với các hữu thấy nhiều lỗi lầm, lẽ nào lại mong cầu các hữu nơi vị lai, nhưng đối với chỗ không có hữu thì không biết như thật. Do không biết cho nên không được các hữu nơi đạo đối trị chân thật. Lại do không biết nên đối với chỗ không phải đối trị, khởi lên tưởng đối trị, tạo các hành phước hoặc hành bất động đều do đạo lý ấy. Các hành như vậy nên biết chỉ dùng vô minh làm duyên chứ chẳng phải ái và thủ làm các hành duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Các hành hiện có cùng với thân lục thức tương ưng cùng hiện hữu, đồng sinh đồng diệt thì do đây nói hành là duyên thức?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là do thân lục thức cùng hành phước, hành phi phước và hành bất động tương ưng cùng hiện hữu, đồng sinh đồng diệt, trong thức dị thực nêu bày các hành, huân tập chủng tử dẫn dắt phát sinh ra thức dị thực mới khác, đều do đạo lý này. Vì thế nên nói hành duyên thức.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, các phần chủng tử trong thức dị thực đồng thời dẫn phát mà lại nói có thứ tự trước sau?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Chúng đối với vị lai có thứ tự trước sau mà sinh khởi, nên nói như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì danh sắc, lục xứ, xúc, thọ gọi là tướng của sinh thân nơi vị lai?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do chúng là nhân nương tựa của thọ dụng và thể của nhân thọ dụng ấy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ gọi là sinh, đều không có sắc ấy thì điều đó có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu trong một đời chỉ có danh ấy mà không nương nơi sắc trụ, sinh khởi tương tục thì không ứng với đạo lý.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ sắc sinh, đều không có danh ấy thì điều đó có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu chỉ có sắc không danh để giữ lấy thọ nhận tức là ứng hợp với tan hoại không thể được tăng trưởng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ nói thức duyên lục xứ thì điều đó có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Khi mới thọ sinh, lục xứ chưa đủ, chỉ có thân căn và ý căn chuyển, cho nên không thể được, do đó hai căn làm thể. Vì đầu tiên có danh sắc nên theo thứ lớp tăng trưởng, về sau đầy đủ lục xứ làm duyên, cho nên nói danh sắc duyên lục xứ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lục xứ đầy đủ, sinh thân rất ráo thì duyên gì lại nói hai thứ xúc, thọ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu ở nơi sinh thân lục xứ đã đầy đủ, thì tuy là chỗ dựa nương rất ráo của thọ dụng, nhưng chưa được gọi là thọ dụng rất ráo. Do nhân và thọ mới được gọi là thọ dụng rất ráo. Vì thế nên biết cần phải có chỗ dựa rất ráo của thọ dụng và cùng thọ dụng nơi thể của nhân rất ráo thì mới được gọi là sinh thân rất ráo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như nói vô minh làm duyên sinh ái. Lại nói thọ làm duyên ái? Nếu chỉ có vô minh là duyên ái, không duyên nơi thọ thì có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ái có ba thứ, cùng một lúc ba thứ đều khởi lên, do ái quán đời thọ làm duyên, chẳng phải một lúc khởi, do đạo lý này, chẳng phải chỉ vô minh cùng ái làm duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như thế ái này chỉ có thọ làm duyên thì điều ấy có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Tất cả thọ đều là duyên ái, nhưng lại có thọ chẳng phải là duyên ái, nó hay làm duyên đoạn diệt các ái. Thế nên chẳng phải có thọ làm duyên ái.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ nói ái cùng hữu làm duyên, không duyên với thủ, thì đây có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Mong cầu gọi là ái, đối với cõi hiểm ác không có mong cầu, nhưng do chỗ tạo tác chẳng phải là hành phước, tuy cầu cõi thiện nhưng trái với quả sinh, quả sinh ấy đâu duyên với ái, chỉ nên dùng thủ ấy làm duyên. Lại như đã nói không có ái, mong cầu không có, khi cầu không có, do tạo hành phước, hành bất động, cho



nên trái nhau với quả sinh, quả sinh này đâu duyên với ái, chỉ nên nói thủ ấy làm duyên. Do đạo lý này chẳng phải chỉ dùng ái cùng hữu làm duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Nếu thủ duyên hữu, hữu duyên sinh thì do duyên gì không nói thủ cùng với hữu dùng làm Tập đế?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Ái có thể tạo ra bốn thứ nghiệp:

1. Ái này, ở trong thọ của cảnh giới nơi thể ấy hay tạo ra nghiệp tham vị bị trói buộc.

2. Ái này hay phát khởi các nghiệp thủ.

3. Ái này có thể tạo tác khiến chỗ dẫn dắt hành ở trước cùng thành có nghiệp.

4. Ái này sau khi chết hay tạo ra nghiệp sinh liên tục. Do nhân duyên này cho nên chỉ nói ái ấy dùng làm Tập đế.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Nếu sinh, lão, tử, danh sắc, lục xứ, thọ làm tướng, đối với sinh thân này thì do duyên gì mà hiển bày tên gọi của sinh lão tử?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Vì hiển bày tướng của sinh thân như vậy có ba thứ khổ thành tánh của khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Sinh biểu hiện khổ nào?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Sinh biểu hiện hành khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Lão biểu hiện khổ nào?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Lão biểu hiện hoại khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Tử biểu hiện khổ nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Tử biểu hiện về khổ khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Bốn thứ tướng của sinh thân như vậy, do sinh, lão tử có sai biệt gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn thứ tướng của sinh thân ấy hoặc là theo thứ lớp sinh, hoặc thuộc theo kia mà sinh, hoặc như vậy sinh. Nên biết đó gọi là sinh thân sinh tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thứ lớp sinh thân sinh tướng?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Trước hết có hạ chủng sinh, từ chỗ vô gián này có tạm tăng sinh, từ vô gián này có xuất thai sinh, từ vô gián này có tạm trưởng sinh, khi lớn rồi thọ dụng ngôn thuyết có thể được đấng sinh. Phẩm loại như vậy gọi là thứ lớp sinh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Cái tùy thuộc ấy ai sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! uẩn giới xứ sinh đều không có ngã. Vì sao? Vì các uẩn... lần lần tăng trưởng, tánh nó là vô thường, tức pháp vô thường nên có tướng sinh này.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do sức của mạng căn nên có trụ tạm thời, pháp phần hạn, tánh nó là vô thường, pháp vô thường nên như vậy mà sinh, tức là bốn thứ tướng của sinh thân ấy theo thời phần biến đổi, nên biết có thể tạo ra năm thứ suy tổn gọi là lão (già):

1. Râu tóc suy tổn, do màu sắc nơi râu tóc suy hoại.
2. Thân tướng suy tổn, nghĩa là hình sắc da dẻ sức lực đều suy tổn.

3. Tác nghiệp suy tổn, khi nói ra thì ho hen, thân thể rã rời, đứng thì lưng khòm, do lưng eo không còn đủ sức lực, ngồi thì khòm thấp, thân thể yếu gầy, đi phải chống gậy, thân hư liệt, mỗi khi suy nghĩ trí thức ngu tối chậm chạp, ý niệm hỗn loạn.

4. Thọ dụng suy tổn, đối với vật dụng hiện tại, thọ dụng yếu kém, đối với các thứ vật dụng vui chơi, tất cả không còn ham thích thọ dụng, đối với cảnh giới của chỗ hành nơi các sắc căn không thể mau chóng, lanh lẹ, hoặc không còn đi được nữa.

5. Mạng căn suy tổn, tuổi thọ sắp hết, cái chết đến gần, gặp duyên chết yếu thì không thể kham nổi.

Tức ở trong bốn thứ tướng sinh thân này, lại có sáu tướng tử sai khác:

1. Tử cứu cánh.
2. Tử không cứu cánh.
3. Tử tự tướng.
4. Tướng sai khác của phần tử không cứu cánh.
5. Tướng sai khác của phần tử cứu cánh.
6. Tử thời phi thời.

Nên biết trong ấy tử tự tướng là thức lìa thân, là tướng diệt mất sai khác của sắc căn. Như vậy gọi là trong tướng sinh thân, tướng danh sắc... do sinh, lão, tử mà có sai khác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Ở trong duyên khởi nói có ba thứ ái, tất cả đều là duyên sinh thân, thì do duyên gì, chỗ nào cũng phần nhiều chỉ nói sinh thân của cõi Dục?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Tướng sinh thân ở cõi Dục rất thô, dễ hiển lộ, chẳng phải là con đường giải thoát vĩnh viễn mà là thoái lùi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Như trước đã nói các thứ dẫn dắt duyên khởi, các sinh duyên khởi có mười hai phần, trong các phần đó cái nào là chủ thể dẫn, cái nào là đối tượng được dẫn, cái nào là chủ thể sinh, cái nào là đối tượng được sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết trong mười hai phần này, vô minh cùng với hành và một phần của thức gọi là chủ thể dẫn.

Lại có một phần của thức và danh sắc, lục xứ, xúc, thọ gọi là đối tượng được dẫn.

Lại có một phần thọ, ái, thủ, hữu gọi là chủ thể sinh. Sinh và lão tử gọi là đối tượng được sinh.

Nên biết, một phần danh sắc, lục xứ cùng với xúc, thọ cũng gọi là đối tượng được sinh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Các phần như vậy hoặc dẫn hoặc sinh là dấy khởi một lúc, hay là dấy khởi theo thứ tự?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Khởi cùng một lúc nhưng cũng nói là theo thứ tự.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Các phần như vậy nếu khởi một lúc thì vì nhân duyên gì trước nói dẫn sau nói sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Cốt yếu là do có dẫn sau mới có sinh, chứ chẳng phải là không dẫn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Vô minh cũng dẫn với tác ý phi lý, thì do đâu chỉ nói vô minh làm duyên?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh cũng dẫn tác ý phi lý, cùng hành làm duyên. Lại từ vô minh sinh ra xúc, thọ làm duyên sinh ra ái. Thế nên nói lệch một bên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Lược do bao nhiêu tướng mới biết là duyên khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược do ba tướng để biết về duyên khởi:

1. Do không động tác để biết tướng duyên khởi.
2. Do tánh vô thường để biết tướng duyên khởi.
3. Do có thể nhận lấy nên biết tướng duyên khởi.



# KINH PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI SƠ THẮNG PHÁP MÔN QUYỂN HẠ

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Như các chỗ khác nói duyên có bốn thứ:

1. Nhân duyên.
2. Đẳng vô gián duyên.
3. Sở duyên duyên.
4. Tăng thượng duyên.

– Bạch Thế Tôn! Nay nương vào duyên nào để nói vô minh duyên hành, nương vào duyên nào để nói về thứ tự, cho đến sinh duyên lão tử?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Ta nương vào tổng tướng của các hành mà nói rõ có bốn thứ duyên. Nay trong nghĩa này ta chỉ nương vào một duyên tăng thượng để nói vô minh duyên hành, theo thứ lớp cho đến sinh duyên lão tử. Duyên tăng thượng này lại có hai thứ: Một xa; hai gần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Duyên tăng thượng này thế nào là xa, thế nào là gần?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Lúc tác ý phi lý nếu chưa sinh thì vô minh, tùy miên hay vì các hành xa làm duyên tăng thượng, khi sinh rồi lại tạo duyên tăng thượng gần, tác ý phi lý để dắt dẫn các hành, cùng với thân lục thức tương ứng cũng có đồng sinh đồng diệt. Nếu lúc chưa sinh nó có thể vì thức tạo duyên tăng thượng xa, sinh rồi liền có thể

vì thức tạo duyên tăng thượng gần. Khi chưa chết thức vì danh sắc làm duyên tăng thượng xa, đã chết rồi thức cũng vì danh sắc tạo duyên tăng thượng gần. Như do thức ấy kỳ vọng nơi danh sắc kia, như thế, do chỗ dẫn dắt danh sắc thì kỳ vọng về chỗ sinh ra nơi danh sắc ấy cũng vậy. Như do danh sắc kỳ vọng nơi danh sắc kia. Do thế, lục xứ kỳ vọng nơi lục xứ ấy, xúc kỳ vọng với xúc, thọ kỳ vọng với thọ, cũng lại như vậy. Như do vô minh kỳ vọng nơi các hành, vô minh kỳ vọng nơi ái, ái kỳ vọng với thủ, thủ kỳ vọng với hữu, cũng lại như thế. Như do thức ấy kỳ vọng nơi danh sắc, do danh sắc... kỳ vọng nơi danh sắc... Như vậy do hữu vọng sinh cũng thế. Nếu ở trong thai tạng lần lần thành em bé, đồng tử, thiếu niên, sinh có thể vì lão tử làm duyên tăng thượng xa, các căn thành thực khi mạng sắp hết, nên biết đến lúc đó có thể làm duyên tăng thượng gần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như có nhân, có duyên, có lý do, kinh Pháp Môn nói ái là nhân của nghiệp, vậy có mật ý gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đã có chỗ thâm tóm nghiệp dùng ái làm nhân, đó là mật ý mà ta muốn nói.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nhân duyên này do ba thứ nghĩa riêng, làm sao để biết?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các chủ thể dẫn phát sinh chủng tử của sinh sau, đó là nghĩa của nhân. Nếu cùng với sinh ấy làm chỗ nương tựa, làm chỗ nắm giữ khiến được sinh khởi. Đó là nghĩa duyên. Mạng đã hết dắt dẫn sinh gần khiến được phát khởi, đó là nghĩa của lý do. Nên biết ba nghĩa sai biệt như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nói duyên khởi là cú nghĩa gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các phần như vậy đều do tự duyên hòa hợp

không khiếm khuyết, khởi lên liên tục. Như thế gọi là cú nghĩa của duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ có sinh này là duyên khởi liên tục hay là còn có duyên khởi nào khác?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ta nói duyên khởi, lược có tám môn:

1. Duyên khởi nói có thọ dụng cảnh giới thế tục. Nghĩa là từ duyên nơi nhãn, sắc sinh ra nhãn thức, ba việc hòa hợp liền có xúc, xúc là duyên thọ, nói rộng như vậy.

2. Duyên khởi nói có nhậm trì. Nghĩa là duyên vào bốn thứ ăn mà các căn nơi đại chủng an trụ, tăng trưởng.

3. Duyên khởi nói có thực nhân. Nghĩa là mong cho hạt giống gieo xuống ruộng, nhờ đủ các yếu tố như nước nên nảy mầm...

4. Duyên khởi nói có tất cả sinh thân tương tục. Nghĩa là, do chủ thể dẫn chủ thể sinh nơi các phần sinh riêng tất cả các đối tượng được dẫn đối tượng được sinh.

5. Duyên khởi nói có tất cả sinh thân được nương tựa, giữ gìn. Nghĩa là, các thế giới do các nhân duyên nêu bày thành hoại.

6. Duyên khởi nói có tất cả sinh thân sai biệt. Nghĩa là do nghiệp bất thiện, thiện, hữu lậu nêu bày sự khác biệt giữa ba đường ác, trời người.

7. Duyên khởi nói có thanh tịnh. Nghĩa là dựa vào âm thanh khác và nương vào chính mình, tác ý đúng như lý, phát sinh sự nhận thức đúng đắn có thể diệt trừ vô minh. Do vô minh diệt cho nên các hành theo đó mà diệt. Nói rộng cho đến do sinh diệt cho nên lão tử cũng theo đó mà diệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như vô minh... thứ tự làm duyên, rồi sinh hành... như vậy khi diệt có theo thứ tự không?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Không phải vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:



–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì theo thứ lớp để nói về diệt?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vì muốn hiển bày chỉ rõ do các phần trước không sinh công năng khiến các phần sau được pháp bất sinh, cho nên nói theo thứ lớp. Nhưng không phải vì sinh tướng pháp diệt mà có thứ lớp chuyển.

8. Duyên khởi nói có tự tại. Nghĩa là, khéo tu sửa, tinh lự (định) làm duyên, các người tu định tùy chỗ nguyện vui, như vậy đều thành tựu trọn không sai khác. Đó là ta lược nói về tám môn duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói: “Nhân nơi nghiệp cho nên sinh, nhân nơi ái cho nên chuyển”, là dựa vào mật ý gì mà nói như thế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh làm duyên, trước đối với các hữu, tạo tác, tăng trưởng các thứ hành phước, hoặc hành phi phước, hoặc hành bất động, dẫn phát thân nhận vô số các thứ chủng tử sai biệt của sinh thân, trong cái hữu ấy hoặc là ái chưa đoạn. Do ái này cho nên hay khiến hành... chuyển thành hữu, hữu khởi lên hữu sau có công năng của tự thể. Như vậy, công năng không lìa ái. Ta dựa vào mật ý ấy cho nên nói như vậy: Nhân nơi nghiệp cho nên sinh, nhân nơi ái cho nên chuyển.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đức Thế Tôn nói ái là nhân chuyển thì do duyên gì chỉ nói thủ là duyên hữu, chẳng phải ái duyên hữu?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu lìa thủ thì hữu ái không thể làm duyên chuyển biến chẳng phải là hành phước... khiến thành chi hữu sinh nơi các đường ác. Lại nếu lìa thủ thì không có các ái, không thể làm duyên chuyển biến hành phước, hành bất động... khiến thành chi hữu, đối với địa bất định và địa định sinh nơi các cõi thiện. Thế nên chẳng phải chỉ có ái làm duyên hữu, nhưng chỉ hữu nhất định duyên đối với thủ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như kinh Pháp môn đại nhân duyên nói: “Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu đối với các loại hữu tình kia không có sự sinh nên không có loại sinh như vậy như vậy. Nếu tất cả sinh đều không có thì không nên nêu bày sinh duyên lão tử.” Nương vào mật ý gì mà Phật nói như vậy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ta dựa vào hai thứ mật ý là sinh của đối tượng được dẫn và sinh của đối tượng được sinh để nói ra như vậy. Lại nương vào hai mật ý là lão tử là duyên tăng thượng xa và nương vào lão tử là duyên tăng thượng gần mà nói ra như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trước vì lược nói về cú nghĩa duyên khởi, nghĩa của duyên khởi ấy chưa nói, vậy nên biết như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các nghĩa của duyên khởi lược nói có mười một, nên biết như vậy:

1. Không tác giả là nghĩa duyên khởi.
  2. Có nhân sinh là nghĩa duyên khởi.
  3. Là hữu tình là nghĩa duyên khởi.
  4. Y tha khởi là nghĩa duyên khởi.
  5. Không động tác là nghĩa duyên khởi.
  6. Tánh vô thường là nghĩa duyên khởi.
  7. Sát-na diệt là nghĩa duyên khởi.
  8. Nhân quả tương tục không gián đoạn là nghĩa duyên khởi.
  9. Vô số phẩm loại sai biệt của nhân quả là nghĩa duyên khởi.
  10. Nhân quả hỗ tương thuận hợp là nghĩa duyên khởi.
  11. Nhân quả quyết định không tạp loạn là nghĩa duyên khởi.
- Nên biết nghĩa tóm lược của duyên khởi là như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như các kinh khác nói: “Duyên khởi hết sức thâm diệu.” Vậy làm sao để biết tướng duyên khởi thâm diệu như vậy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Dựa vào nghĩa tóm lược của mười một duyên khởi, nên biết duyên khởi có năm tướng thâm diệu:

1. Nhân thâm diệu.
2. Tướng thâm diệu.
3. Sinh thâm diệu.
4. Sai biệt thâm diệu.
5. Lưu chuyển thâm diệu.

Nên biết tướng duyên khởi là thâm diệu.

Lại có năm thứ:

1. Tướng thâm diệu.
2. Dẫn nghiệp các phần nhân quả thâm diệu.
3. Sinh khởi các phần nhân quả thâm diệu.
4. Sai biệt thâm diệu.
5. Đối trị thâm diệu.

Nên biết duyên khởi lại có năm thứ tướng thâm diệu:

1. Thân tóm thâm diệu.
2. Thuận thứ thâm diệu.
3. Nghịch thứ thâm diệu.
4. Nắm giữ thâm diệu.
5. Sở hành thâm diệu.

Đây gọi là Đẳng khởi thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Chuyển dị thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nêu có bốn thứ vô minh chuyển dị:

1. Vô minh nơi tùy miên chuyển dị.
2. Vô minh nơi triền phược chuyển dị.
3. Vô minh nơi tương ưng chuyển dị.
4. Vô minh nơi bất cộng chuyển dị.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người có những vô minh chuyển dị mà nói vô minh là duyên sinh hành?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ngoại pháp dị sinh với tác ý phi lý là chỗ dẫn khởi bốn thứ vô minh chuyển dị. Do đó làm duyên, sinh hành phước, hành phi phước và hành bất động. Như vậy đã nói ngoại pháp dị sinh, mọi hành phước và hành bất động tương ứng với tâm thiện. Tất cả đều là tác ý phi lý làm chỗ dẫn dắt cùng phát khởi. Nội pháp dị sinh, nếu người buông lung, trừ một thứ vô minh bất cộng, ngoài ra, vô minh còn lại dẫn phát buông lung, làm duyên sinh hành nơi nội pháp dị sinh. Nếu người không buông lung, siêng chủ thể tu học và bậc Thánh hữu học thì ba thứ vô minh, dẫn đến vọng niệm làm duyên phi phước. Nhưng phi phước này không thể làm duyên tạo nên ba đường ác. Cho nên phi phước ấy, ta không nói là vô minh duyên hành. Như vậy chỗ nói về vô minh bất cộng nơi nội pháp dị sinh tuy không buông lung, nhưng người tu học cũng chưa có thể đoạn. Các bậc Thánh hữu học nên biết là đã vĩnh viễn đoạn. Lại nơi nội pháp dị sinh không buông lung, nếu tạo hành phước và hành bất động thì đó là tác ý như lý chánh pháp, dẫn đến tương ứng với tâm thiện giải thoát làm chỗ tựa cho hồi hướng giải thoát mà dẫn phát. Tuy đối với cõi thiện cảm sinh thù thắng, nhưng chẳng phải là vô minh khởi duyên tăng thượng nhưng có thể tạo ra bốn thứ vô minh kia, đoạn duyên tăng thượng nơi các bậc Thánh hữu học, đã vĩnh viễn đoạn trừ vô minh bất cộng, không tạo nghiệp mới, mọi nghiệp cũ hiện có do sức mạnh của tùy miên nên chưa đoạn diệt vĩnh viễn, tạm xúc rồi lại nhả ra. Như vậy mọi vô minh duyên hành, đời đời tạm diệt, không lại tăng trưởng. Do đạo lý ấy, nên biết nội pháp nơi các vị hữu học không duyên vô minh, lại tạo các hạnh. Thế nên chỉ nương nơi ngoại pháp dị sinh ta nói thuận theo thứ lớp duyên khởi tạp nhiễm, đạt viên mãn tốt bậc, chẳng phải trụ nơi nội pháp. Đây gọi là Chuyển dị thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tà hạnh thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn vô minh ấy, đối với các đế đều có thể phát khởi hai thứ tà hạnh tăng ích, hay tổn giảm.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là hai thứ tà hạnh tăng ích, tổn giảm?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do bốn thứ điên đảo: Đối với phi pháp lại thấy là pháp; hoặc đối với pháp thấy là phi pháp. Hoặc đối với đường giải thoát sinh thiên chẳng phải phương tiện lại thấy là phương tiện; phương tiện lại thấy chẳng phải phương tiện. Như vậy gọi là tà hạnh tăng ích. Tất cả tà kiến bài bác các hữu, như vậy gọi là tà hạnh tổn giảm. Đây là tà hạnh thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng trạng thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết vô minh có hai thứ tướng:

1. Tự tướng vi tế thù thắng.

2. Đối với khắp cả ái và không ái đều chẳng phải là cảnh giới thù thắng của cộng tướng. Vì sao? Vì vô minh trói buộc hãy còn là vi tế khó biết khó hiểu, huống nữa là chỗ có tùy miên nơi vô minh.

Tương ứng vô minh hãy còn là vi tế khó biết, khó hiểu, huống nữa là chỗ có vô minh bất cộng, đối với tất cả ái không ái đều chẳng phải là cảnh giới, che lấp thật tướng, lộ tướng hư vọng, cộng tướng chuyển chẳng phải phiền não khác có tướng như vậy, thế nên nó thù thắng. Các thân kiến khác cùng với cộng tướng phiền não cũng dùng vô minh làm chỗ nương tựa mà chuyển. Đây gọi là tướng trạng thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tác nghiệp thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết vô minh lược có hai thứ là chỗ tạo tác sự nghiệp:

1. Vô minh bao quát hết, có thể tạo tác tất cả chỗ dựa cho sự nghiệp lưu chuyển.

2. Vô minh bao quát hết, có thể chủ thể tạo tác tất cả chỗ vắng lặng hay làm chướng ngại sự nghiệp.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là tất cả lưu chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Hoặc là Xứ chuyển, hoặc là Sự chuyển, hoặc như vậy chuyển, ta nói chung là tất cả đều lưu chuyển.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Xứ chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Đối với nơi chốn của ba đời do ngã phân biệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Sự chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Lục xứ trong ngoài do ngã chấp giữ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là như vậy chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Các nghiệp dị thực lưu chuyển tương tục, do ngã phân biệt, do tà phân biệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là tất cả vắng lặng.

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Tất cả vắng lặng lược có bốn thứ:

1. Chỗ nương dựa vắng lặng.
2. Đối tượng được duyên vắng lặng.
3. Tác ý vắng lặng.
4. Quả thành vắng lặng.

Đây gọi là Tác nghiệp thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Chướng ngại thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết vô minh làm chướng ngại pháp thù thắng, làm chướng ngại pháp rộng lớn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Vô minh làm chướng ngại pháp thù thắng như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nói pháp thù thắng là có khả năng thâm tóm nắm căn khiến chúng hòa hợp. Nếu làm chướng ngại tuệ căn thì đấy tức là vô minh. Thế nên gọi là làm chướng ngại pháp thù thắng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Vô minh làm chướng ngại pháp rộng lớn như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nói pháp rộng lớn nghĩa là do văn thành trí (văn tuệ), do tư thành trí (tư tuệ) và do tu thành trí (tu tuệ). Làm chướng ngại ba trí này tức là vô minh. Thế nên nói là tạo chướng ngại pháp rộng lớn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như nói không trí gọi là vô minh, thì chỉ trí ấy không có, gọi là vô minh chăng?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Chẳng phải chỉ trí ấy không có, gọi là vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ trí ấy không có gọi là vô minh thì có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu như thế thì vô minh ấy thật không thể lập thể tướng quyết định. Vì sao? Vì trên thể tánh của văn tuệ không có tư tuệ. Trên thể tánh của tư tuệ không có tu tuệ. Trên thể tánh của tu

tuệ nơi tất cả thế gian tu không có tất cả Tu tuệ của xuất thế gian. Trên trí của bậc hữu học xuất thế gian không có trí của các bậc Vô học. Trên trí của bậc Thanh văn vô học không có đẳng trí của Như Lai. Nếu như vậy nên tức là trí, tức là vô trí. Thế thì vô minh không thể lập thể tướng quyết định. Lại nữa ta đối với ba thiện căn kia nói có vô si, nên chỉ là si không nói là vô si, nhưng chẳng phải là si không có mới gọi là vô si. Cho nên không phải là minh không có gọi là vô minh, nhưng riêng có nhất tâm nơi pháp hiện có, không biết chân thật nên gọi là vô minh. Như riêng có nhất tâm nơi pháp hiện có, hiểu biết chân thật nên gọi là trí. Lại chỉ minh không có gọi là vô minh, thì không có điều ấy. Tất cả vô minh với mười một thứ thù thắng. Do đấy nên biết chẳng phải là chỉ minh không có nên gọi là vô minh. Đây gọi là Chương ngại thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tùy phược thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Hữu tình trong ba cõi, cho đến cõi trời Hữu đảnh, đối với các đế, mọi thứ vô trí, tùy miên hiện có đều theo sự trói buộc chưa khuyết, chưa giảm, do chỗ hữu tình ấy nên nói là bị trói buộc hoàn toàn.

Lại nữa vô trí này nơi đường thiện, đường ác theo nhân quả sai khác. Hữu tình nơi cõi Vô sắc có hạ phẩm ấy; hữu tình nơi cõi Sắc có trung phẩm ấy; hữu tình nơi cõi Dục có thượng phẩm ấy. Thành tựu ba phẩm Vô minh như vậy, các loại hữu tình nơi vị lai có thể sinh. Mỗi mỗi pháp như vậy, ba phẩm tùy theo đó mà trói buộc, đó gọi là dị sinh (phàm phu). Nếu các bậc Thánh dần dần theo thứ lớp đoạn trừ vĩnh viễn. Hoặc đầy đủ phẩm thượng trung thì nhất định có trung hạ, hoặc có trung hạ nhưng không có thượng trung. Lại các bậc A-la-hán, tuy dứt hết các lậu, thoát khỏi phiền não chướng nên còn biết hãy còn sở tri chướng, thâm tóm vô minh theo đó mà trói buộc. Vô minh như vậy, nên biết nó đeo đuổi hữu tình mãi mãi, chỉ trừ chư Phật, ngoài ra đều bị trói buộc. Đó gọi là Tùy phược thù thắng của vô minh.



Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đối trị thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Có hai Trí vi diệu nhằm đối trị vô minh:

1. Trí vi diệu của pháp giới còn có hạn lượng, nương vào âm thanh khác, hoặc không nương vào.

2. Trí vi diệu pháp của giới vô lượng toàn phần nương vào âm thanh khác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Trí vi diệu của pháp giới còn có phần, hạn lượng là duyên gì? Có hành tướng gì? Tạo sự nghiệp gì?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Trí vi diệu của pháp giới còn có phần, hạn lượng, duyên vào bốn Thánh đế, có mười sáu hành tướng, tạo nghiệp với các... phiền não như vô minh... sinh tất cả tạp nhiễm, là sự nghiệp trói buộc.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được tướng sinh khổ?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Đây là duyên khổ bên trong nương tựa vào tánh, duyên khổ bên ngoài nương tựa vào tánh, cả hai duyên khổ đều nương tựa vào tánh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Duyên khổ bên trong, tướng trạng như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Tỳ-kheo! Duyên khổ bên trong là bệnh khổ, già khổ và chết khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của duyên khổ bên ngoài như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Khổ vì chẳng phải ái mà hòa hợp, khổ vì yêu thương lại chia ly, khổ vì cầu không được.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của cả hai duyên khổ như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là lược nói về khổ của năm thủ uẩn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ái?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là ở trong hiện tại tham chấp nơi tự thể.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của ái đời sau như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là ở đời vị lai mong cầu nơi tự thể.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tham lam cùng hành với ái?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là đối với của cải đã được thâm nhận nơi cảnh giới hiện tiền, tham đắm sâu xa nơi vị.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tham ái theo từng đối tượng.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là đối với của cải chưa được thâm nhận, chẳng phải là cảnh giới hiện tiền, lại truy cầu đủ thứ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ái này được đoạn trừ vĩnh viễn, không còn gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là chỗ đoạn trừ phiền não của bậc Kiến đạo, tu đạo, đoạn trừ các kết sử nơi hạ phần, thượng phần, đoạn trừ rốt ráo, đoạn trừ quả khổ nơi các ái ở vị lai, đoạn trừ quả khổ nơi các ái ở

hiện tại. Đó gọi là đoạn trừ vĩnh viễn các ái, không còn gì.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là trừ bỏ?

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Là chỗ đoạn trừ các thứ phiền não của bậc Kiến đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là biến đổi hoàn toàn?

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Là chỗ đoạn trừ các phiền não của bậc tu đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là vĩnh viễn dứt hết?

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn các kết sử hạ phần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là xa lìa?

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn các kết sử thượng phần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là vĩnh viễn diệt trừ.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ tận gốc.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là tịch tĩnh.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn quả khổ nơi ái ở vị lai.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là chìm ẩn?

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn quả khổ nơi ái ở hiện tại.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh kiến.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là dùng phương tiện tuệ để quán hiện tiền, tuệ hiện quán đúng đắn cùng hiện quán với hậu đắc tuệ, siêu việt hơn chỗ hiểu biết theo phương tiện Thánh giáo và các thứ hiểu biết tà vạy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh tư duy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là đối với Tam bảo đã đạt được chứng tịnh, làm chỗ nương tựa, đối với công đức ấy theo niệm suy nghĩ, siêu việt hơn sự quy y nơi thầy ngoại đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh ngữ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là đối với chỗ yêu kính thâm tóm các giới pháp vô lậu của bậc Thánh, tác ý vô lậu đồng thời chuyển đổi, nơi bốn ngữ nghiệp có khả chủ thể xa lìa một cách đúng đắn, thoát khỏi mọi đường hiểm ác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh nghiệp?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là chỗ yêu kính thâm tóm giới pháp vô lậu của bậc Thánh, tác ý vô lậu đồng thời chuyển đổi, nơi ba thân nghiệp có khả chủ thể xa lìa một cách đúng đắn, thoát khỏi mọi đường hiểm ác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh mạng.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là chỗ yêu kính thâm tóm giới pháp vô lậu của bậc Thánh, tác ý vô lậu đồng thời chuyển đổi, đối với tà mạng khởi lên hai nghiệp nơi thân, miệng, có khả chủ thể xa lìa một

cách đúng đắn, thoát khỏi mọi đường hiểm ác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh cần (chánh tinh tấn)?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát tối thượng, ham thích làm chỗ nương tựa, phát khởi sự siêng chủ thể tinh tấn, xa lìa mọi chướng ngại, đối trị viên mãn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh niệm?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Siêng tu tập Chỉ Quán, nơi các sự Du-già, nương tựa ba tướng, luôn ở trong ba thứ tướng và không buông lung, cùng hiện hành nơi cảnh giới, tâm hiện rõ ràng, siêu việt, xa lìa nẻo gia hạnh của tu đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh định?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là do hội đủ bảy thứ định như vậy, hỗ trợ tạo sự tốt đẹp cho tâm cảnh làm một tánh, cho đến có thể tạo ra làm chỗ nương tựa cho bảy chi thắng tiến như thế, cùng dẫn phát làm chỗ nương tựa cho các công đức thù thắng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp Bồ-đề phần hiện có như bốn Niệm trụ... đều thâm tóm Thánh đạo, thì do đâu chỉ nói tám chi Thánh đạo dùng làm Đạo đế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Chỗ giảng nói tám chi Thánh đạo như vậy là thâm tóm khắp tất cả pháp phần Bồ-đề.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Ở trong Khổ đế có bốn hành tướng. Vì sao ban đầu gọi là hành tướng vô thường? Nghĩa là đối với Khổ đế, tánh của các pháp là sinh diệt phải chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi là hành tướng khổ? Nghĩa là đối với Khổ đế tức dùng tánh của các pháp sinh diệt làm chỗ nương tựa, nơi ba thứ khổ theo đuổi pháp tánh phải chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng không? Nghĩa là đối với Khổ đế, lìa tánh thật ngã, phải chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng vô ngã? Nghĩa là đối với Khổ đế, tánh chẳng phải là tướng ngã, phải chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trong Tập đế có bốn hành tướng. Vì sao thứ nhất gọi hành tướng nhân? Nghĩa là ở trong chỗ có thể gieo trồng chủng tử của các khổ, ái là nhân duyên, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi hành tướng tập? Nghĩa là ở trong đấy khởi tướng tục nhân duyên là ái, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng sinh? Nghĩa là ở trong năm cõi sai biệt, Ái là nhân duyên sinh khởi, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng duyên? Nghĩa là ở trong chỗ có thể tạo ra duyên khác để dẫn khởi, ái là nhân duyên, nên chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trong Diệt đế có bốn hành tướng. Vì sao thứ nhất gọi hành tướng diệt? Nghĩa là ở trong sự đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não được vắng lặng, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi hành tướng tịch tĩnh? Nghĩa là ở trong chỗ đoạn trừ vĩnh viễn các khổ được tịch tĩnh, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng vi diệu? Nghĩa là ở trong chỗ đoạn trừ vĩnh viễn không còn tội lỗi, tánh thanh tịnh an lạc, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng lìa? Nghĩa là ở trong chỗ đoạn trừ vĩnh viễn tánh thường trụ, nên chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trong Đạo đế có bốn hành tướng. Vì sao thứ

nhất gọi là hành tướng đạo? Nghĩa là đối với Thánh đạo cùng với cảnh giới tương ứng, tánh không tánh điên đảo, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi hành tướng như? Nghĩa là đối với Thánh đạo hoàn toàn xuất thế gian, tánh lìa các lậu, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng hành? Nghĩa là đối với Thánh đạo, Thánh trước Thánh sau cùng đi trên một con đường, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng xuất? Nghĩa là ở trong Thánh đạo, tánh là vô thượng, nên chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì Thánh đế chỉ có bốn thứ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn Đế như vậy là thấu tóm hết tất cả nhân quả nhiễm tịnh với tánh sai biệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì bốn Đế được nêu giảng theo thứ tự trước sau như vậy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do vì thế gian có các thứ bệnh, cho nên phải dùng pháp giống như thuốc hay để biết được nguyên nhân của bệnh và diệt trừ bệnh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Khi nhập Kiến đạo, đối với bốn Đế này là hiện quán tức thì hay là hiện quán dần dần?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Có đạo lý riêng gọi là hiện quán tức thì có đạo lý riêng gọi là hiện quán dần dần.

Đạo lý riêng nào gọi là hiện quán tức thì? Là Thánh trí tự nội chứng đắc chân đế, đối với cảnh giới chân trí là nghĩa phi an lập, vì duyên nơi tổng tướng nên gọi là hiện quán tức thì.

Đạo lý riêng nào gọi là hiện quán dần dần? Là trí sơ nghiệp và

trí hậu đắc, quán sát tự tướng và tướng nhân quả. Do tạo duyên nơi biệt tướng của hành tướng nên gọi là hiện quán dần dần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Đã có bốn Thánh đế như vậy do đâu Đức Thế Tôn lại nói hai đế: Thế tục đế và Thắng nghĩa đế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong bốn Thánh đế như vậy, nếu là cảnh giới nơi đối tượng được hành hóa của trí pháp trụ, thì đó là Thế tục đế. Nếu là cảnh giới nơi đối tượng được hành hóa của trí Tối thắng nghĩa tự nội chứng đắc, chẳng phải là cảnh giới nơi đối tượng được hành hóa của trí phi nhập, thì đó là Thắng nghĩa đế.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Đế như vậy đối với Thánh, chẳng phải Thánh thấy đều là đế, thì duyên gì Như Lai chỉ nói Thánh đế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn Đế như vậy, đối với chẳng phải Thánh, chỉ do pháp như thế mà nói là đế, không do chánh trí quyết định tin, để gọi là đế. Đối với các Thánh, cũng do pháp như vậy mà gọi là đế, nhưng cũng do chánh trí quyết định tin, nên gọi là đế. Do vậy Như Lai chỉ nói bốn thứ gọi là Thánh đế.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trí vi diệu pháp giới toàn phần vô lượng đối tượng được duyên là gì? Có hành tướng gì? Tạo sự nghiệp gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Trí này cũng dùng bốn Đế như vậy làm đối tượng được duyên, trừ hành tướng, thanh tịnh nơi tướng của tướng để nhập vào hành tướng tất cả các đế, đối với hữu tình tạo tác mọi thứ nghĩa lợi, hưởng đến hành tướng nơi trí vi diệu của pháp giới còn có hạn lượng. Nếu là các Thanh văn, đối với hữu tình tạo tác cả nghĩa lợi, không có sự từ bỏ hành tướng hưởng đến. Nếu là các Độc giác, đối với hữu tình tạo tác tất cả nghĩa lợi, xả bỏ hành tướng. Còn trí vi diệu của pháp giới vô lượng, toàn phần có thể tạo ra sự nghiệp làm chỗ nương dựa để lìa mọi trói buộc của tất cả hai thứ chướng là



phiền não và sở tri. Lại tạo ra sự nghiệp làm chỗ nương dựa để chứng đắc Nhất thiết chủng trí với pháp giới thanh tịnh trọn vẹn. Lại tạo ra sự nghiệp làm chỗ nương dựa để cứu giúp, diệt trừ mọi tai họa của hết hảy chúng sinh. Đó gọi là sự Đối trị thù thắng của vô minh.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói kinh này rồi, các chúng Tỳ-kheo đều im lặng lãnh ngộ, thâm tâm tùy hỷ, khen ngợi là chưa từng có, nghe lời Đức Phật dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.





SỐ 718

## KINH PHÂN BIỆT DUYÊN SINH

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Thiên*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn an tọa nơi cội cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên cạnh hồ Ô-lư-vĩ-loa sau khi thành Phật chưa lâu, một mình ở đây, Ngài tư duy: “Pháp khổ trong thế gian không một ai thoát khỏi, nhưng chẳng ai lo sợ, thật sự là vậy. Quán sát như thế là lợi ích lớn. Pháp lạc của thế gian cũng thế, không ai muốn tránh, không ai nhầm chán, thật sự là vậy. Quán sát như thế là lợi ích lớn.” Ngài lại suy nghĩ: “Tất cả hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn... trong thế gian, không ai hiểu rõ về pháp này. Nếu ai tư duy đúng đắn, hiểu rõ khổ và lạc, thấu đạt rõ ràng như vậy thấy đó chẳng phải là pháp cứu cánh. Còn như luôn suy nghĩ và y theo pháp để tu hành thì người này sẽ đạt được đầy đủ các pháp giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến... Tất cả chư Phật ở quá khứ, vị lai đều biết rõ về khổ, lạc nơi thế gian, biết một cách tận tường, theo pháp tu hành, bằng sức tu hành của chính mình để chứng thành đạo quả Chánh giác. Vì sao? Vì pháp này rất hy hữu, không ai có thể hiểu rõ được. Tất cả Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đối với pháp này hiểu rõ tường tận, như pháp tu hành nên chứng thành Chánh giác. Đối với pháp khổ, lạc trong thế gian, các Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời vị lai đều biết rõ tường tận, như pháp tu hành nên đạo quả được viên mãn.”

Bấy giờ, Đại phạm Thiên vương, chủ cõi Ta-bà, nhờ oai lực của Phật nên biết được tâm niệm của ngài. Ví như vị đại lực sĩ trong khoảng co duỗi cánh tay, vị ấy rời khỏi cõi Phạm thiên đến chỗ Đức Phật, cung kính lễ lạy và ở trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như những điều Thế Tôn đã suy nghĩ, khổ, vui trong thế gian không ai tránh khỏi suy tư như thế là lợi ích lớn, dù ở quá khứ hay vị lai cũng đều như vậy. Trong cõi Trời, Người, Ma, Phạm, chỉ có Đức Phật, Thế Tôn mới hiểu rõ một cách rốt ráo là tăng hay giảm, là thiện hay ác..., phân biệt rõ ràng về pháp duyên sinh. Chỉ với trí tuệ và năng lực của Phật mới biết một cách đúng như thật.

Đức Phật bảo Phạm vương:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Với tất cả pháp, chúng sinh trong thế gian không đủ trí tuệ, không nhận thức được thì không hiểu rõ, vì bị vô minh si ám che lấp. Đó là vô minh. Từ vô minh làm duyên mà sinh ra hành. Hành có ba. Đó là thân hành, khẩu hành và ý hành.

Lại từ hành làm duyên mà sinh ra thức. Thức có sáu. Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Do thức làm duyên mà sinh ra danh sắc. Danh thì trừ sắc ra còn bốn, đó là thọ, tưởng, hành và thức. Sắc, đó là bốn đại. Tất cả sắc pháp đều do bốn đại sinh ra. Như vậy cả hai sắc uẩn và danh uẩn gọi là danh sắc.

Do danh sắc làm duyên mà sinh ra sáu xứ. Có sáu xứ bên trong, đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ.

Do sáu xứ làm duyên mà sinh ra xúc. Xúc có sáu, đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Do xúc làm duyên mà sinh ra thọ. Thọ có ba, đó là thọ lạc, thọ khổ và thọ không khổ không lạc.

Do thọ làm duyên mà sinh ra ái. Ái có ba, đó là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Do ái làm duyên mà sinh ra thủ. Thủ có bốn, đó là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Do thủ làm duyên mà sinh ra hữu. Hữu có ba, đó là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Do hữu làm duyên có pháp sinh. Pháp sinh đó là cảnh giới của chúng sinh, theo uẩn sinh khởi nên mỗi chỗ mỗi khác. Pháp sinh, diệt luôn biến đổi. Do sinh làm nguồn gốc mà có uẩn, xứ, giới cho đến các pháp thuộc mạng căn. Đó gọi là sinh.

Do Sinh làm duyên mà có lão tử. Lão nghĩa là tâm thức ở trong trạng thái mê muội, khí lực suy yếu, tóc bạc mặt nhăn, rên rỉ, thở thoi thóp, thân thể yếu ớt cho đến các căn đều suy bại. Đó là lão (già).

Còn tướng tử như thế nào? Tử nghĩa là cảnh giới khác biệt của các chúng sinh đã thay đổi, tất cả đều quy về vô thường, tuổi thọ đến kỳ hạn thì chấm dứt, không còn cảm xúc và hơi nóng. Khi mạng căn đã diệt hết thì các uẩn cũng xả bỏ, bốn đại đều tan. Đó là chết.

Trên đã nói về hai pháp lão và tử. Nói như vậy, ta gọi là phân biệt về pháp duyên sinh. Ai hiểu rõ về điều này thì sẽ được năm phần Pháp thân.

Nghe Đức Phật giảng nói về pháp duyên sinh, Phạm vương hoan hỷ lạ Phật rồi trở về cõi Phạm thiên.





SỐ 719

# KINH THẬP NHỊ DUYÊN SINH TƯỜNG THỤY

(ĐIỂM LÀNH CỦA MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN)

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.*

## QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngồi kiết già ở giữa đại chúng, tất cả đang cung kính ngồi vây quanh chiêm ngưỡng Đức Như Lai và trước Phật nói kệ:

*Đảnh lễ Phật biến trí  
Chánh biến tri chân thật  
Quá khứ và vị lai  
Diễn giảng pháp duyên sinh.  
Thấy thế gian hư vọng  
Điên đảo luân hồi khổ  
Nghiệp phiền não vô biên  
Xin Phật hãy giảng nói.*

Bấy giờ, trong chúng hội, vô lượng trăm ngàn người, trời, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đại chúng hiện nay và cả đời vị lai đều thích nghe pháp thâm diệu. Cúi xin Thế Tôn hãy giảng nói.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Các ông hãy lắng nghe cho rõ. Vì các ông, ta sẽ giảng nói! Nay các thiện nam! Ai muốn thấu rõ điểm lành của mười hai duyên sinh, nghĩa là từ vô minh đến lão tử, luân chuyển theo thứ lớp, tức là ở trong mười hai tháng đều có điểm lành nhưng lại khác nhau. Bắt đầu từ tháng mười đến tháng chín. Lại từ ngày mùng một cho đến ngày mười lăm, so sánh điểm lành thì vui sướng và lo buồn rất nhiều chẳng phải một.

Nay các thiện nam! Mười hai chi này bắt đầu từ tháng mười (Bảo sa = 10, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Vô minh.

Mùng hai: Lão tử.

Mùng ba: Chi sinh.

Mùng bốn: Chi hữu.

Mùng năm: Chi thủ.

Mùng sáu: Chi ái.

Mùng bảy: Chi thọ.

Mùng tám: Chi xúc.

Mùng chín: Lục nhập.

Mùng mười: Danh sắc.

Mười một: Chi thức.

Mười hai: Chi hành.

Từ tháng mười một (Ma khư = 11, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi hành.

Mùng hai: Vô minh.

Mùng ba: Lão tử.

Mùng bốn: Chi sinh.

Mùng năm: Chi hữu.

Mùng sáu: Chi thủ.

Mùng bảy: Chi ái.

Mùng tám: Chi thọ.

Mùng chín: Chi xúc.



Mùng mười: Lục nhập.

Mười một: Danh sắc.

Mười hai: Chi thức.

\* Từ tháng mười hai (Phả-la-nu-na = 12, ma tấy = tháng)

Mùng một: Chi thức.

Mùng hai: Chi hành.

Mùng ba: Vô minh.

Mùng bốn: Lão tử.

Mùng năm: Chi sinh.

Mùng sáu: Chi hữu.

Mùng bảy: Chi thủ.

Mùng tám: Chi ái.

Mùng chín: Chi thọ.

Mùng mười: Chi xúc.

Mười một: Lục nhập.

Mười hai: Danh sắc.

Từ tháng giêng (Tải-đát-la = Nhị hợp chánh, ma tấy = tháng)

Mùng một: Danh sắc.

Mùng hai: Chi thức.

Mùng ba: Chi hành.

Mùng bốn: Vô minh.

Mùng năm: Lão tử.

Mùng sáu: Chi sinh.

Mùng bảy: Chi hữu.

Mùng tám: Chi thủ.

Mùng chín: Chi ái.

Mùng mười: Chi thọ.

Mười một: Chi xúc.

Mười hai: Lục nhập.

Từ tháng hai (Phê-xá-khư = 2, ma tấy = tháng)

Mùng một: Lục nhập.

Mừng hai: Danh sắc.  
 Mừng ba: Chi thức.  
 Mừng bốn: Chi hành.  
 Mừng năm: Vô minh.  
 Mừng sáu: Lão tử.  
 Mừng bảy: Chi sinh.  
 Mừng tám: Chi hữu.  
 Mừng chín: Chi thủ.  
 Mừng mười: Chi ái.  
 Mười một: Chi thọ.  
 Mười hai: Chi xúc.  
 Từ tháng ba (Nhĩ-sắt-trá = 3, ma tấy = tháng)  
 Mừng một: Chi xúc.  
 Mừng hai: Lục nhập.  
 Mừng ba: Danh sắc.  
 Mừng bốn: Chi thức.  
 Mừng năm: Chi hành.  
 Mừng sáu: Vô minh.  
 Mừng bảy: Lão tử.  
 Mừng tám: Chi sinh.  
 Mừng chín: Chi hữu.  
 Mừng mười: Chi thủ.  
 Mười một: Chi ái.  
 Mười hai: Chi thọ.  
 Từ tháng tư (A-sa-sá = 4, ma tấy = tháng)  
 Mừng một: Chi thọ.  
 Mừng hai: Chi xúc.  
 Mừng ba: Lục nhập.  
 Mừng bốn: Danh sắc.  
 Mừng năm: Chi thức.  
 Mừng sáu: Chi hành.

Mùng bảy: Vô minh.

Mùng tám: Lão tử.

Mùng chín: Chi sinh.

Mùng mười: Chi hữu.

Mười một: Chi thủ.

Mười hai: Chi ái.

Từ tháng năm (Thất-la-phước-na = 5, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi ái.

Mùng hai: Chi thọ.

Mùng ba: Chi xúc.

Mùng bốn: Lục nhập.

Mùng năm: Danh sắc.

Mùng sáu: Chi thức.

Mùng bảy: Chi hành.

Mùng tám: Vô minh.

Mùng chín: Lão tử.

Mùng mười: Chi sinh.

Mười một: Chi hữu.

Mười hai: Chi thủ.

Từ tháng sáu (Bà-nại-la-bà-nại = 6, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi thủ.

Mùng hai: Chi ái.

Mùng ba: Chi thọ.

Mùng bốn: Chi xúc.

Mùng năm: Lục nhập.

Mùng sáu: Danh sắc.

Mùng bảy: Chi thức.

Mùng tám: Chi hành.

Mùng chín: Vô minh.

Mùng mười: Lão tử.

Mười một: Chi sinh.

Mười hai: Chi hữu.

Từ tháng bảy (A-thấp-phước-dụ-nhược = 7, ma tấy = tháng)

Mùng một: Chi hữu.

Mùng hai: Chi thủ.

Mùng ba: Chi ái.

Mùng bốn: Chi thọ.

Mùng năm: Chi xúc.

Mùng sáu: Lục nhập.

Mùng bảy: Danh sắc.

Mùng tám: Chi thức.

Mùng chín: Chi hành.

Mùng mười: Vô minh.

Mười một: Lão tử.

Mười hai: Chi sinh.

Từ tháng tám (Ca-lị-đề-ca = 8, ma tấy = tháng)

Mùng một: Chi sinh.

Mùng hai: Chi hữu.

Mùng ba: Chi thủ.

Mùng bốn: Chi ái.

Mùng năm: Chi thọ.

Mùng sáu: Chi xúc.

Mùng bảy: Lục nhập.

Mùng tám: Danh sắc.

Mùng chín: Chi thức.

Mùng mười: Chi hành.

Mười một: Vô minh.

Mười hai: Lão tử.

Từ tháng chín (Ma-lăng-nga-thi-lị-sa = 9, ma tấy = tháng)

Mùng một: Lão tử.

Mùng hai: Chi sinh.

Mùng ba: Chi hữu.

Mùng bốn: Chi thủ.  
 Mùng năm: Chi ái.  
 Mùng sáu: Chi thọ.  
 Mùng bảy: Chi xúc.  
 Mùng tám: Lục nhập.  
 Mùng chín: Danh sắc.  
 Mùng mười: Chi thức.  
 Mười một: Chi hành.  
 Mười hai: Vô minh

Mỗi tháng ngày mười ba cũng như mùng ba. Mỗi tháng ngày mười bốn như mùng bốn, ngày mười lăm mùng năm chuẩn theo lý cũng vậy.

Mùng một tháng mười năm Hợi thuộc chi vô minh.  
 Mùng một tháng mười một năm Tý thuộc chi hành.  
 Mùng một tháng mười hai năm Sửu thuộc chi thức.  
 Mùng một tháng giêng năm Dần thuộc chi danh sắc.  
 Mùng một tháng hai năm Mão thuộc chi lục nhập.  
 Mùng một tháng ba năm Thìn thuộc chi xúc.  
 Mùng một tháng tư năm Tỵ thuộc chi thọ.  
 Mùng một tháng năm năm Ngọ thuộc chi ái.  
 Mùng một tháng sáu năm Mùi thuộc chi thủ.  
 Mùng một tháng bảy năm Thân thuộc chi hữu.  
 Mùng một tháng tám năm Dậu thuộc chi sinh.  
 Mùng một tháng chín năm Tuất thuộc chi lão tử.

Chú thích:

*Chi hữu chuyển thuận, lâu ngày chảy ngược, còn tháng Hắc-bạch, như kinh nói rõ.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các đại chúng:

– Với mười hai chi, người nào quán sát chu đáo, nhớ nghĩ không quên, thì biết rõ vui hay buồn.

Sinh vào ngày vô minh: Mùng chín tháng chín năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì sung sướng có tài của, quyền thuộc không

biết, không bệnh hoạn, nói nhiều. Sống tám mươi một tuổi. Chết vào ngày hành.

Sinh vào ngày hành: Mừng tám tháng tám năm thứ tám bị nạn. Nếu không qua đời thì được phú quý, chỉ có hai anh em, sống lâu ít bệnh, có đức hạnh, biết chánh pháp, rất nhiều bạn bè, giỏi tay nghề. Sống tám mươi tám tuổi. Chết vào ngày thức.

Sinh vào ngày thức: Mừng năm tháng năm năm thứ năm bị nạn. Nếu không qua đời thì lành lợi dưng mãi, luôn thiếu thốn vật quý, ai thấy đều hoan hỷ. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày danh sắc.

Sinh vào ngày danh sắc: Mừng sáu tháng sáu năm thứ chín, thứ mười gặp hoạn nạn. Nếu không qua đời thì ít bệnh, nhiều oán thù, con bị chết yếu, nghèo khổ, thiếu thốn, sợ sệt. Về sau được phú quý, ưa thích bố thí. Sống tám mươi tuổi, chết vào ngày lục nhập.

Sinh vào ngày lục nhập: Mừng năm trong tháng ba tháng tư, năm thứ tám thứ chín gặp tai nạn. Nếu không qua đời thì bị ganh ghét, nhiều bệnh, bần cùng khốn khổ, keo kiệt, tham đắm ái. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày xúc.

Sinh vào ngày xúc: Ngày hai mươi lăm, trong tháng ba tháng chín, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì luôn luôn bệnh hoạn, ăn nói khéo léo biết phương pháp, cố chấp ngã kiến, có tài sản, đồ kỳ sắc đẹp. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày thọ.

Sinh vào ngày thọ: Mừng hai, mừng mười, tháng hai tháng tám, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ở chỗ rất tôn quý, rất giàu sang, có hai vợ, nhiều của cải, giỏi tay nghề. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày ái.

Sinh vào ngày ái: Mừng mười, tháng ba tháng năm, năm thứ chín gặp nạn. Nếu không qua đời thì giàu sang số một, con cháu đầy đàn, ít bệnh, nhiều thù oán. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày thủ.

Sinh vào ngày thủ: trong mừng chín, hai tháng tám và chín, năm thứ chín gặp nạn. Nếu không qua đời thì khinh mạn khó điều phục, bạn bè bạo ác, rất nhiều oan gia, làm điều sai trái phạm giới. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày hữu.

Sinh vào ngày hữu: Mừng chín, tháng hai tháng tám, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ham vợ người, ít ngủ, giòng họ giàu sang, đứng đầu trong quân đội. Sống sáu mươi tuổi. Chết vào ngày chi sinh.

Sinh vào ngày chi sinh: Mừng năm, tháng chín, năm thứ chín, mười bị nạn. Nếu không qua đời thì giàu có, nhiều bệnh, giữ gìn đất nước, tôn sùng đạo đức. Sống bảy mươi tuổi. Chết vào ngày lão tử.

Sinh vào ngày lão tử: Mừng hai, trong tháng chín, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ngu si mê loạn, tham lam trộm cướp, thông minh lanh lợi, quyến thuộc hòa thuận, rất nhiều oan gia. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày vô minh.

Trên đã so sánh xong về điềm lành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Ai bệnh vào ngày vô minh thì đó là nạn Dạ-xoa, nên giữ gìn cẩn thận. Tối mừng năm khỏi bệnh.

Bệnh vào ngày hành: Mừng ba mừng bảy bị nạn, tối mừng hai lành bệnh.

Bệnh vào ngày thức: Mừng năm bị nạn, tối mừng bảy hết bệnh.

Bệnh vào ngày danh sắc: Vào mừng ba mừng năm bị nạn, ngày đêm ấy sống chết bấp bênh.

Bệnh vào ngày lục nhập: Vào mừng ba mừng bốn gặp nạn, tối mừng mười hết bệnh.

Bệnh vào ngày xúc: Mừng ba gặp nạn, mừng tám hết bệnh; thường bệnh nhưng sống lâu.

Bệnh vào ngày thọ: Mừng năm gặp nạn, mừng chín hết; tháng mười gặp nạn.

Bệnh vào ngày ái: Mừng tám mừng mười bị nạn, ngày mười chín sống chết bấp bênh.

Ngày thủ bị hoạn nạn: Nếu bị nạn ngày ấy, mừng mười chết.

Ngày hữu bị hoạn nạn: Mừng ba mừng chín bị nạn, tai nạn không bao giờ khỏi.

Ngày chi sinh bị tai hoạn: Mừng năm gặp nạn, mừng tám bớt, cho đến ngày hai mươi được khỏi nạn.

Ngày chi sinh bị tai nạn: Mừng ba mừng bảy bị nạn. Xảy ra tai nạn rồi được khỏi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu người nào khi ra đi mà quán sát mười hai chi thì sẽ biết lành hay xấu.

Ngày vô minh: Đi về phương Đông thì an lạc tốt đẹp; đi thật xa về phương Nam tranh cãi kiện tụng đều được như ý; đi về phương Tây: Nghe chuyện không vừa ý; đi phương Bắc: Nghe tiếng hòa nhã êm dịu.

Ngày chi hành đi về phương Đông: Đi xa bình an không chướng ngại; đi phương Nam: Lo buồn, trở về an vui; đi phương Tây: Trên đường được ăn uống đầy đủ; đi phương Bắc: Trở về bình an.

Ngày chi thức đi về phương Đông: Trên đường đi rất khổ sở; đi phương Nam: Được trở về chỗ cũ; đi phương Tây: Gặp tranh cãi kiện tụng, bị lừa gạt; đi phương Bắc: Mắc tội trở về chỗ cũ.

Ngày danh sắc đi về phương Đông: Được tốt lành giàu có; đi phương Nam: Mọi việc đều viên mãn; đi phương Tây: Được sự mong cầu; đi phương Bắc: Trên đường nhiều khổ sở.

Ngày lục nhập đi về phương Đông: Được nhiều tài lợi; đi phương Nam: Tốt lành, trở về theo ý muốn; đi phương Tây: Ước nguyện đều đầy đủ, tất cả đều thành tựu; đi phương Bắc: Được theo sự mong cầu.

Ngày xúc đi về phương Đông: Tài của bị mất mát; đi phương Nam: An ổn; đi phương Tây: Tranh cãi, sợ hãi; đi phương Bắc: Mau trở về, tài lợi phát đạt.

Ngày chi thọ đi về phương Đông: Lo buồn sợ hãi, đi qua khỏi được thoát; đi phương Nam: Sợ hãi tranh cãi; đi phương Tây: Nghe tin người mất; đi phương Bắc: Được lợi theo ý muốn, nghe tin không vui.

Ngày chi ái đi về phương Đông được tài lợi; đi phương Nam: Tài lợi ít, mau về lại chỗ cũ; đi phương Tây: Nghe tin người mất; đi phương Bắc: Tự do vui sướng.

Ngày chi thủ đi về phương Đông: Sợ hãi, trên đường đi gặp



nhiều khổ sở; đi phương Nam: An lạc; đi phương Tây: ít lo sợ; đi phương Bắc: Được như ý muốn, mau trở về chỗ cũ.

Ngày chi hữu đi phương Đông: khổ sở lo sợ; đi phương Nam: Mau về chỗ cũ, được lợi ích theo ý muốn; đi phương Tây: Mọi việc tiến triển, mau về lại chỗ cũ; đi phương Bắc: Được lợi ích, mau trở về chỗ cũ.

Ngày chi sinh đi về phương Đông: Tài sản bị phá hoại; đi phương Nam: Hợp ý; đi phương Tây: Được về chỗ cũ; đi phương Bắc: Có tài lợi.

Ngày Lão tử đi về phương Đông: Mau chóng trở về; đi phương Nam: Được nghe lời thương mến; đi phương Tây: Sợ hãi; đi phương Bắc: Trở về bình an, vui vẻ tốt đẹp.

Bấy giờ, đại chúng lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu đời có giặc cướp thì sao biết rõ được?

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Nếu muốn biết rõ những việc của giặc cướp thì cần xét kỹ mười hai chi hữu.

Này các thiện nam! Nếu ngày vô minh có giặc cướp đến, của cải ở phương Bắc bị tổn thất, giặc đi vào phương Đông của nhà, tâm giặc độc ác, tốc ít; ở đó không lâu, đến mừng chín chắc chắn lấy lại được tài của.

Ngày chi hành có giặc cướp, với tướng mạo màu đỏ sậm, mặc áo cũ, giặc ấy bị tội. Nếu đến phương Đông thì việc ấy tự hết.

Ngày chi thức có giặc cướp, từ nhà họ đi ra, tóc ít màu đỏ sậm, nghe người ngoài nói được lấy lại tài vật.

Ngày chi danh sắc có giặc cướp, tuy hai anh em nhưng có một người không tốt, đứng đầu trong tay nghề, đến ngày hai mươi mốt thì lấy lại được của cải quý báu.

Ngày lục nhập có giặc cướp, ra khỏi nhà họ, thân thể màu vàng sậm, ganh ghét xấu ác, mắt to dữ tợn, đi dọc theo ven sông, đồ đạc cất giấu trong nhà gần chỗ ở quyến thuộc, đến mừng hai được mất không rõ, của cải không xác định.

Ngày chi xúc có giặc cướp, ra khỏi nhà, thân cao tóc đen, vui vẻ

rồi lại si ám giống như khóc lóc. Nếu có tranh cãi thì lấy lại được tài vật.

Ngày chi thọ có giặc cướp, có một người trong xóm làng, chó trong nhà màu đen, đến ngày hai mươi chắc chắn bắt được cướp.

Ngày chi ái có giặc cướp, họ từ phương Tây đến ở riêng một làng, thân cao đẹp, chân chó trong nhà màu đen, tranh cãi và bàn luận với người ấy chắc chắn được việc.

Ngày chi thủ có giặc cướp từ phương Nam đến, tranh cãi và bàn luận với một người trong số đó chắc chắn lấy lại được tài sản.

Ngày chi hữu có giặc cướp từ phương Đông đến, biện luận lanh lợi, gian trá nhiều nghi ngờ, từ quyển thuộc mà ra.

Ngày chi sinh có giặc cướp, cùng đi ba người, trong đó hai người lạ, một người quen thân, vội vàng tìm kiếm, cuối cùng lấy lại được tài của quý báu.

Ngày chi lão tử có giặc cướp đến từ phương Bắc, hình dáng gọn gàng, răng hư đầu tóc bạc, đến ngày hai mươi lăm thì lấy lại được tài sản.

Bấy giờ, trong chúng hội bạch:

– Bạch Thế Tôn! Với các chi, khi mắt bị nháy động thì sự việc xảy ra như thế nào?

Đức Phật bảo đại chúng:

– Nếu người nào muốn biết việc này cần phải xét kỹ mười hai duyên sinh thì biết rõ tất cả buồn vui ở vị lai, chắc chắn không hư dối.

Thiện nam nào ở chi vô minh khi mắt trái nháy động thì cha mẹ kính sợ.

Ngày chi hành, mắt trái nháy động thì vui vẻ.

Ngày chi thức, mắt trái nháy động: Mong muốn hay xả bỏ đều vừa ý.

Ngày chi danh sắc, mắt trái nháy động: Thu hoạch được tài lợi.

Ngày chi lục nhập, mắt trái nháy động: Cha mẹ không vui vẻ.

Ngày chi xúc, mắt trái nháy động: Chắc chắn có tranh luận.

Ngày chi thọ, mắt trái nháy động: Mong cầu điều gì đều vừa ý.

Ngày chi ái, mắt trái nháy động: Có người thân cốt nhục đến.

Ngày chi thủ, mắt trái nháy động: Xảy ra tranh luận.

Ngày chi sinh, mắt trái nháy động: Có thư từ, tin tức ở xa.

Ngày lão tử, mắt trái nháy động: Sở cầu đều thuận theo ý muốn.

–Nếu ai quán sát mười hai chi nhân duyên thì đều biết rõ:

Ngày chi vô minh, mắt phải nháy động: Cha mẹ kính sợ.

Ngày chi hành, mắt phải nháy động: Mọi việc đều đạt theo ý muốn.

Ngày chi thức, mắt phải nháy động: Xảy ra tranh luận.

Ngày chi danh sắc, mắt phải nháy động: Có áo mới.

Ngày chi lục nhập, mắt phải nháy động: Tài sản bị phá tan.

Ngày chi xúc, mắt phải nháy động: Có tài vật.

Ngày chi thọ, mắt phải nháy động: Có việc đau buồn khóc than.

Ngày chi ái, mắt phải nháy động: Tài sản ít bị mất.

Ngày chi thủ, mắt phải nháy động: Thu hoạch nhiều trân bảo.

Ngày chi hữu, mắt phải nháy động: Tranh luận, mất tài của kiếm lại được.

Ngày chi sinh, mắt phải nháy động: Mong đợi người đến hay cầu tài vật chắc chắn có.

Ngày chi lão tử, mắt phải nháy động: Có sự vui mừng, hòa hợp thành tựu.

Việc mắt nháy động đã nêu xong.



# KINH THẬP NHỊ DUYÊN SINH TƯỜNG THỤY

(ĐIỂM LÀNH CỦA MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN)

## QUYỂN HẠ

Mùng một tháng mười năm Hợi thuộc chi vô minh.  
 Mùng một tháng mười một năm Tý thuộc chi hành.  
 Mùng một tháng mười hai năm Sửu thuộc chi thức.  
 Mùng một tháng giêng năm Dần thuộc chi danh sắc.  
 Mùng một tháng hai năm Mão thuộc chi lục nhập.  
 Mùng một tháng ba năm Thìn thuộc chi xúc.  
 Mùng một tháng bốn năm Tỵ thuộc chi thọ.  
 Mùng một tháng năm năm Ngọ thuộc chi ái.  
 Mùng một tháng sáu năm Mùi thuộc chi thủ.  
 Mùng một tháng bảy năm Thân thuộc chi hữu.  
 Mùng một tháng tám năm Dậu thuộc chi sinh.  
 Mùng một tháng chín năm Tuất thuộc chi lão tử.

Pháp nói:

Chi hữu chuyển thuận, lâu ngày chảy ngược, còn tháng hắc, bạch, như kinh giảng nói.

Bấy giờ, trong chúng hội có vô lượng trời, người bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chim quạ kêu thời gian đến bất thường, làm sao biết rõ, cúi xin Ngài giảng nói.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Với mười hai chi duyên sinh, ai quán sát thật kỹ thì biết được vui hay buồn.

Ngày vô minh quạ kêu bên phải thì vợ con vui vẻ; quạ kêu bên trái thì chắc chắn có người ở xa đến.

Ngày chi hành quạ kêu bên phải thì an vui; kêu bên trái có tài.

Ngày chi thức quạ kêu bên phải mong muốn được như ý; quạ kêu bên trái: Hy vọng không thành tựu.

Ngày chi danh sắc quạ kêu bên phải được tài; quạ kêu bên trái bị ngỗ tù.

Ngày chi lục nhập quạ kêu bên phải thì sợ hãi; quạ kêu bên trái thì tranh cãi kiện tụng.

Ngày chi xúc quạ kêu bên phải: sợ hãi; kêu bên trái có người nhà đến.

Ngày chi thọ quạ kêu bên phải: hợp ý; kêu bên trái được tin, mất mát tài sản.

Ngày chi ái quạ kêu bên phải: an lành; kêu bên trái có tin vui.

Ngày chi thủ quạ kêu bên phải bị khổ sở; kêu bên trái được an vui.

Ngày chi hữu quạ kêu bên phải có người đến thăm; kêu bên trái an lành.

Ngày chi sinh quạ kêu bên phải cầu gì được nấy; kêu bên trái được tin, tài sản bị phá hoại.

Ngày chi lão tử quạ kêu bên phải không có hoạn nạn; kêu bên trái tài sản bị phá hoại còn ít.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy chúng hội:

–Người nào vào ngày vô minh quạ kêu phương Bắc chắc chắn có lợi.

Ngày chi hành, quạ kêu phương Bắc có sự an lành.

Ngày chi thức, quạ kêu phương Bắc may mắn hợp ý.

Ngày chi danh sắc, quạ kêu phương Bắc nghe những điều vui vẻ.

Ngày chi lục nhập, quạ kêu phương Bắc được việc đi xa, tài sản cách xa chắc chắn không lấy lại được.

Ngày chi xúc, quạ kêu phương Bắc xảy ra sự tranh cãi kiện tụng.

Ngày chi thọ, quạ kêu phương Bắc an lành.

Ngày chi ái, quạ kêu phương Bắc không còn sự lệ thuộc.

Ngày chi thủ, quạ kêu phương Bắc có tin người chết.

Ngày chi hữu, quạ kêu phương Bắc chắc chắn có y phục tài vật.

Ngày chi sinh, quạ kêu phương Bắc có người đến thăm hỏi.

Ngày chi lão tử, quạ kêu phương Bắc tất cả an lành.

Bấy giờ, đại chúng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tâm và nướu của răng trên động thì biết được những gì?

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Với mười hai chi duyên sinh, người nào nhớ nghĩ không quên thì đều thấu đạt rõ ràng.

Ngày chi vô minh, nướu của răng trên động có bậc Đại thánh đến.

Ngày chi hành, nướu của răng trên động, người chủ trong nhà hòa thuận.

Ngày chi thức, nướu của răng trên động chắc chắn có bậc Thánh đến.

Ngày chi danh sắc, nướu của răng trên động có nhiều tài vật.

Ngày chi lục nhập, nướu của răng trên động gặp phiền não.

Ngày chi xúc, nướu của răng trên động toại ý, vui vẻ.

Ngày chi thọ, nướu của răng trên động có điều sợ hãi.

Ngày chi ái, nướu của răng trên động gia tài phát triển.

Ngày chi thủ, nướu của răng trên động có người trong nhà chết yếu.

Ngày chi hữu, nướu của răng trên động, có bậc Thánh đến.

Ngày chi sinh, nướu của răng trên động, chắc chắn có trộm cướp.

Ngày chi lão tử, nướu của răng trên động trong nhà hòa hợp.

–Nếu ai quán mười hai chi thì biết rõ vui hay buồn.

Ngày vô minh tâm hồi hộp có tranh cãi kiện tụng phiền não.

Ngày chi hành tâm hồi hộp có tài vật.

Ngày chi thức tâm hồi hộp có sự sợ hãi.

Ngày chi danh sắc tâm hồi hộp, cha mẹ vui vẻ.

Ngày chi lão tử tâm hồi hộp sở cầu đều hợp ý có ngay.

Ngày chi xúc tâm hồi hộp cha mẹ sợ hãi.

Ngày chi thọ tâm hồi hộp đi về phương Nam cúng tế mới thích nghi an lành.

Ngày chi ái tâm hồi hộp bị nhiều phiền não.

Ngày chi thủ tâm hồi hộp có người xấu đến.

Ngày chi hữu tâm hồi hộp có sự lo buồn.

Ngày chi sinh tâm hồi hộp, chấn chấn lo sợ.

Ngày chi lão tử tâm hồi hộp nhất định có người già chết.

Bấy giờ, đại chúng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười hai chi này có điềm lành như vậy. Đối với những việc dùng hằng ngày chưa có thể biết rõ thì làm như thế nào, cúi xin Ngài giảng nói.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu người nào đối với ngày chi vô minh và ngày chi hành: Nhóm họp tiệc tùng, tu sửa ruộng vườn nhà cửa, hỏi việc gặp người sang trọng, gọi đầu đều tốt, tắm rửa, may y phục nên cẩn thận.

Ngày chi hành: Tìm mọi cách để nghe pháp, học tập cung tên, thu phục oán thù giặc cướp, tắm rửa đều nên sử dụng, gọi đầu gặp nạn, may y phục hư hoại dùng phải cẩn thận.

Ngày chi thức: Vua nhận quán đảnh, thu phục quân thù, sửa sang xóm làng quận huyện nhà cửa đều thành tựu tốt lành, gọi đầu xúc miệng may y phục nên dùng; tắm rửa sợ hãi, nhất thiết nên cẩn thận.

Ngày chi danh sắc: Làm việc luôn thành công, cắt bỏ tóc, móng tay, tài của trâu đầy tràn đều nên dùng, gọi đầu đổi sắc, tắm rửa sợ hãi. Nếu may y phục vui vẻ nhưng mau hư.

Ngày chi lục nhập: Vua thọ quán đảnh, sửa sang xóm làng viên mãn thành tựu, dừng cho người khác lễ bái, dời đổi nhà mới, của cải mau hết, thu hoạch mắc tội; tắm rửa cha mẹ sợ hãi, gọi đầu được khen không sợ.

Ngày chi xúc: Làm việc thiện không thành tựu; việc ác hại người, mau bị phạm tội.

Ngày chi thủ: Làm việc gì cha mẹ đều sợ hãi, tắm rửa may y phục, người thương không bao lâu, chắc chắn bị bệnh huyết quang, may y phục chưa giặc chớ mặc.

Ngày chi thọ: Tìm cầu việc gì đều may mắn, giao dịch bố thí, tu sửa tịnh xá, vui vẻ nên dùng, gọi đầu sợ hãi, đạt được không vừa ý; may y phục, mong muốn không khó khăn lắm, gặp bạn được may mắn.

Ngày chi ái: Cửa cải trần báu thu hoạch tốt lành, nhẹ nhàng mau chóng, việc làm rất may mắn, gọi đầu không tốt, may y phục đầy đủ.

Ngày chi thủ: Cạo tóc trẻ con, làm việc nhẹ nhàng đều nên dùng. Thầy độ đệ tử, cạo bỏ râu tóc, điều chế thuốc thang, tiễn khách cưới gả, vui vẻ phú quý, tắm rửa được tài lợi, may y phục vui vẻ.

Ngày chi hữu: Kết giao bạn tri thức, tránh xa tất cả việc tranh cãi kiện tụng, không nên gọi đầu, may y phục, tắm rửa đều may mắn.

Ngày chi sinh: Sửa sang nhà cửa, yên ngựa kho chứa; gặp quan sang trọng đều dùng tốt, tắm rửa đi xa cũng nên dùng; gọi đầu vui vẻ, may y phục nên mặc ngay ngày ấy.

Ngày chi lão tử: Có việc không tốt xảy ra, sang giàu nhiều của cải, làm lợi ích và việc bàn luận xa lìa các điều quấy, gọi đầu mau kết quả, ăn uống ngon ngọt, tắm rửa buồn phiền, may y phục rất lâu.

Khi ấy chúng hội bạch:

– Bạch Thế Tôn! Khi chân bị giật, đất động, quạ kêu, chó sủa, dẫu, lửa, chuột làm hại, tốt xấu chưa hiểu rõ như thế nào, cúi xin Ngài giảng nói.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Với mười hai chi duyên sinh, người nào nhớ nghĩ quán sát kỹ thì sẽ biết được tốt hay xấu. Vì sao? Vì ngày chi vô minh, chân bị giật có tin vui.

Ngày chi hành, chân bị giật việc của chủ không tốt dừng dùng.

Ngày chi thức, danh sắc chân bị giật xảy ra tranh luận.

Ngày chi lục nhập, chân bị giật có người chết.

Ba ngày chi xúc, thọ, ái, chân bị giật xảy ra sự tranh cãi.



Ngày chi thủ, chân bị giệt có người chết.

Ngày chi hữu, chân bị giệt được y phục.

Ngày chi sinh, sợ hãi nạn cướp bệnh tật.

Ngày chi lão tử, chân bị giệt có sự đau buồn.

–Lại nữa quán sát mười hai hữu chi:

Ngày chi vô minh chân bị giệt: Có giặc cướp đến nhà; chó sủa thì có người xa đến thăm hỏi; áo bị cháy không sao; áo bị chuột cắn bị tai nạn; quạ kêu có người nhà đến thăm; áo bị bắn dầu có tin người chết; đất động được ân vua.

Ngày chi hành chân bị giệt: Ra đi được may mắn; chó rủa có chút việc quan trọng; quạ kêu chắc chắn có tin mừng hoặc thấy bệnh huyết quang; áo bị cháy thì an lành; áo bị chuột gặm được giàu có lớn; áo bị bắn dầu được nhiều của cải; đất động bị đói khát, giặc cướp sát hại, người nước ngoài đến xâm lăng.

Ngày chi thức chân bị giệt: Có phi nhân đến; chó sủa có giặc cướp đến được lấy lại của cải; quạ kêu xảy ra tranh cãi; áo bị cháy thì có lợi; áo bị gặm của cải mất lấy lại được; áo bị bắn dầu cha mẹ sợ hãi; đất động hai vua thôn tính nhau.

Ngày chi danh sắc chân bị giệt được tài lợi không cầu mà tự nhiên đến; chó sủa có người chết; quạ kêu có người thân đến; áo bị gặm bị mất của, có cướp đến; áo bị cháy được vui vẻ; áo bị bắn dầu có đại nhân nhớ nghĩ; đất động có xảy ra oán giặc, dẹp trừ sự tranh giành cho đất nước.

Ngày chi lục nhập nếu chân bị giệt có bạn từ xa đến, gia đình an vui; chó sủa có tranh cãi; quạ kêu có người đến, làm việc hòa hợp; áo bị chuột cắn có người chết đuối; áo bị cháy bị tổn hại, tranh cãi được tài lợi; áo bị bắn dầu có việc sợ hãi; đất động người già chết.

Ngày chi xúc chân bị giệt được nghe tin vui; chó nhà sủa có giặc cướp đến; quạ kêu sợ hãi; áo bị chuột cắn được tài vật; áo bị cháy biểu hiện có người chết; áo bị bắn dầu quyến thuộc vui vẻ; đất động có tranh cãi.

Ngày chi thọ chân bị giệt ra đi vui vẻ; chó nhà sủa có Thánh giả đến; áo bị chuột gặm được gặp chủ; áo bị cháy có việc nhỏ xảy ra; áo

bị dơ dầu không vừa ý; đất động chấn chấn có tin xa đến.

Ngày chi ái chân bị giạt có tài; chó sủa không đúng lúc chắc chắn có kiện tụng giận dữ; quạ kêu nghe tin của con; áo bị chuột cắn nhất định có người chết; áo bị cháy có tài vật; áo bị bỏng dầu may mắn; đất động chấn chấn có oán giặc và có sứ mạng từ phương Đông đến.

Ngày chi thủ chân bị giạt mắc tội, có tin người chết; chó sủa không đúng lúc có xảy ra tranh cãi; quạ kêu có quyền thuộc chết; áo bị chuột cắn có nạn đói khát; áo bị cháy chắc chắn được lợi; áo bị dơ dầu bị mất mát của cải; đất động có kẻ bên ngoài đến xâm hại.

Ngày chi hữu chân bị giạt nghe tin giặc đến; chó sủa không đúng lúc đất đai không an ninh; áo bị chuột gặm nhà có kẻ giặc đến; áo bị cháy được ăn uống ngon; áo bị bỏng dầu vui vẻ; đất động được phần thịnh.

Ngày chi sinh chân bị giạt người ở xa mau về; chó sủa không đúng lúc có việc vui vẻ; quạ kêu an vui hòa hợp; áo bị chuột cắn nhiều tài lợi; áo bị lửa cháy đồ đạc tăng trưởng; áo bị bỏng dầu chấn chấn có tin vui; đất động có quân binh kéo đến.

Ngày chi lão tử chân bị giạt tranh luận không thật; chó sủa không đúng lúc có bạn ở xa đến; quạ kêu có tranh cãi; áo bị chuột cắn mất mát của cải; áo bị cháy gặp nạn ở tù; áo bị bỏng dầu xảy ra tranh luận; đất động có nạn ở phương Đông.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Đối với mười hai hữu chi duyên sinh, người nào nhớ nghĩ không quên thì chắc chắn thấu rõ những việc buồn vui.

Ngày chi vô minh: Đạt được tài vật.

Ngày chi hành: Lượm nhặt tài vật.

Ngày chi thức: Học tay nghề.

Ngày chi danh sắc: Quyến thuộc vui vẻ.

Ngày chi lục nhập: Kết bạn được tốt.

Ngày chi xúc: Nên phá dẹp quân oán thù.

Ngày chi thọ: Nên cưới hỏi.

Ngày chi ái: Vâng lệnh vua ngăn chặn điều phi pháp.

Ngày chi thủ: Nên biết việc của người trên.

*(Bản Hán thiếu hai chi hữu và sinh)*

Ngày chi lão tử: Xảy ra nghiệp phi pháp, chánh hạnh không dùng.

Bấy giờ, đại chúng bạch Thế Tôn:

–Mười hai chi này khi bói hỏi phải làm thế nào?

Thế Tôn bảo đại chúng:

–Người nào với ngày vô minh muốn xin bói hỏi thì được tài vật, yên ngựa may mắn, quyến thuộc hòa hợp, không mong cầu chớ được dùng.

Ngày chi hành: Việc nên bói hỏi, ra đi được ăn uống, nhớ con nghĩ đến bạn, nói pháp đều tốt đẹp.

Ngày chi thức: Nếu bói hỏi gặp việc chớ vội vui, kết bạn tri thức, không buồn phiền, nói năng thành công, tai nạn được tiêu trừ.

Ngày chi danh sắc: Nếu bói hỏi sợ sệt phiền não, việc làm không thành công, cốt nhục ly biệt.

Ngày chi lục nhập: Đi bói hỏi đạt được tài lợi, gia thất an vui, con cái giàu sang.

Ngày chi xúc: Bói hỏi có tranh cãi, lo buồn sợ giặc, hoạn nạn vô cớ, quyến thuộc không hòa.

Ngày chi thọ: Muốn bói hỏi được nhiều vật báu, thức ăn uống y phục, gia thất an hòa, trang hoàng đầy đủ.

Ngày chi ái: Muốn bói hỏi tâm ý phân rẽ, sở cầu không thành, tất cả đều thành tựu.

Ngày chi thủ: Bói hỏi ai thấy đều hoan hỷ khen ngợi hộ trì, được phục vụ ngay tại chỗ, được tài lợi vui vẻ.

Ngày chi hữu: Muốn bói hỏi sợ bị tội pháp vua, phá hoại lo buồn, cốt nhục ly tan.

Ngày chi danh: Muốn bói hỏi được nhiều tài vật, ai nấy hài hòa, viên mãn thành tựu, bạn tốt vui mừng, trân trọng khen ngợi.

Ngày chi lão tử: Muốn bói hỏi thiện ác không chính xác, gặp

sao hung không tốt đẹp, việc hư hao rất lo âu, luôn tham lam, sân hận.

Nói pháp này xong, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu người nào quán kỹ mười hai duyên sinh thì hiểu rõ thiện ác, vui buồn, được mất. Nên vẽ bản đồ bánh xe quay viết rõ ràng vào đó. Nghĩa là từ vô minh đến lão tử. Ghi ngày tháng rõ ràng, sắp xếp theo thứ tự mười hai tướng trạng là chuột, bò, cọp, thỏ, rồng, rắn, ngựa, dê, khỉ, gà, chó, heo (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Hãy đem bản đồ bánh xe quay theo thứ tự mà giảng nói cho người.

Nghe Phật giảng nói vậy, đại chúng rất vui mừng, tín thọ phụng hành.



SỐ 720

# KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP

*Hán dịch: Mất tên người dịch (Nay dựa vào bản sao lại đời Tần).*

## QUYỂN THƯỢNG

Mười hai Nhân duyên là gốc của sinh tử, là hang sâu, nhà ở của tất cả chúng sinh, là cảnh giới cư ngụ của Thiên ma Ba-tuần. Nếu ai có trí tuệ quán xét tất cả những tội lỗi, hoạn nạn của nhân duyên thì vĩnh viễn không còn sa vào sinh tử. Cảnh giới của ma là Thiên ma.

Bấy giờ, phát sinh lo buồn lớn, biển cả nhân duyên sâu rộng không bờ bến. Người trí vào biển này giống như chủ buôn, quán sát tánh tướng thì có thể hiểu biết rõ ràng đạt được châu báu vô thượng là Nhất thiết chủng trí. Trong các Thần chú đây là tối thượng vi diệu. Trong vô lượng kiếp, chư Phật Thế Tôn tu hành sáu pháp Ba-la-mật, tích chứa các hạnh lành, đoạn trừ các kết sử và ma năm ấm, ma chết cùng ma phiền não, lập vững những lời thệ nguyện mong cầu đoạn trừ sinh tử để thoát khỏi ba cõi, thành tựu mười Lực, bốn Vô sở úy. Nơi tất cả pháp đạt được Trí vô ngại, làm ngọn đèn sáng cho tất cả chúng sinh. Người chứng đắc tịch diệt là bạn lành rất thân thiện của chúng sinh trong ba cõi, có thể chuyển bánh xe chánh pháp, thổi loa đại pháp, giương cao buồm pháp lớn, đánh trống đại pháp, thắp đèn đại pháp, dựng cầu đại pháp, chèo thuyền đại pháp, cất cao tiếng pháp, cứu độ người qua bờ bên kia, hoàn thành các nguyện rộng lớn,

thu phục tất cả hàng ngoại đạo, cứu độ tất cả những ai có duyên, làm cho các hàng trời, người đều có lòng tin hiểu. Bậc Đại nhân như vậy đối với các pháp khác đều không sinh tâm cho là chưa từng có, đối với pháp nhân duyên lại khởi tưởng sâu xa cho là hiếm có. Chỉ có Phật Như Lai mới có thể hiểu tận tường nghĩa thâm diệu, còn những người trí khác không ai có thể hiểu được. Những hàng đại tiên đầu vàng cậy mình có trí tuệ rất kiêu mạn còn bị vô minh che lấp, đem trí hữu lậu tạo ra các bộ kinh luận cũng không thể thoát khỏi những tà kiến điên đảo, mê hoặc. Dù mặc áo bằng cỏ, đoạn thực, ở nơi thanh vắng với trăm ngàn khổ hạnh nhưng cuối cùng vẫn ở trong sinh tử không chút giải thoát. Tất cả chúng sinh bị vô minh che lấp nên sinh tham. Do tham làm nhân duyên nên vào trong biển lớn bị gió dữ xoáy sâu, băng lội qua đường sá xa xôi cách trở mạo hiểm suýt chết. Nơi chiến trường tàn hại lẫn nhau, chịu đựng vô lượng khổ não. Nếu ai hiểu mười hai nhân duyên một cách sâu xa thì thấy năm đường trong ba cõi này do nhân duyên ấy tạo ra các nghiệp, thọ đủ loại thân. Ví như thế gian, ai khéo tạo nhạc thì sử dụng tám âm, cung thương hài hòa, thanh, luật hợp nhau phát cùng một lượt. Lại như thợ vẽ giỏi trình bày khéo léo các màu sắc, khắc họa hình tượng tươi sáng đẹp đẽ. Mười hai nhân duyên cũng lại như vậy, có thể kết hợp tạo ra các quả của nghiệp, luân hồi trong sinh tử không cùng tận. Như con trùng Khẩn-na biến đổi màu sắc theo ba thời kỳ. Đầu tiên biến màu đất, giữa chừng biến màu đỏ và cuối cùng biến thành màu vàng. Mười hai nhân duyên cũng lại như vậy, có thể biến các chúng sinh nơi ba thời gian thành già, bệnh và chết. Ba cõi, năm đường, rắn độc bốn đại, giặc cướp năm âm, làng trống sáu nhập, lại có thể biến làm Chuyển luân thánh vương, Thích, Phạm, Tứ thiên và các vua nhỏ thọ hưởng diệu lạc.

Hoặc làm người nghèo giàu, sang hèn, ngu dốt, trí tuệ, sống lâu, chết yểu. Hoặc làm thân trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu đủ các khổ sở không thể tính kể. Không có thầy mà Đức Thế Tôn tự giác ngộ. Dùng thuốc trí tuệ để mở màng mắt vô minh của Kiều-trần-như... Dùng mưa đại pháp để dập tắt ngọn lửa phiền não của Ưu-lâu-Ca-diếp... dùng thuốc trí tối thượng là nhận biết nhân duyên để điều

trị bệnh kết sử của Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên... Dùng móc câu trí này đưa Ma-ha Ca-diếp vào đường chân chánh của Phật. Dùng thang chánh pháp để các Bà-la-môn đại danh bước lên nhà giải thoát. Dùng búa trí ấy chặt đứt cây thân kiến của các đại A-la-hán: Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nâu-lâu-đà, Phú-lâu-na, Ma-ha Câu-hy-la, Nan-đà, Tôn-đà-la Nan-đà.... Dùng chân trí ấy để diệt trừ tâm niệm nơi Phạm vương cho rằng mình có tướng Nhất thiết trí. Dùng diệu lực của trí này làm cho Thiên đế cầu xin làm đệ tử. Dùng pháp tài ấy phân chia cho tám vạn bốn ngàn người đi theo vua Tần-bà-sa-la được đầy đủ không bị hao tổn. Dùng chánh trí này khiến cho vua Bạch Tịnh làm Pháp vương tử. Dùng đại trí ấy cứu vượt nỗi khổ A-tỳ của Ương-quật-ma-la cực ác, trí ấy có thể làm cho Bà-la-môn, cư sĩ quay về với chánh đạo, có thể tạo sự trang nghiêm lớn để người nữ trí cạn cột thâm nhập vào giác ý. Dùng sức như thế để thu phục Phạm chí móng tay dài, để có thể phá trừ sức mạnh của Tát-già-ni-kiền, có thể làm cho Bà-la-môn Am-mộc-tra sợ hãi, làm đứt tư tưởng của Bà-la-môn Thi-la-bặc cho mình có đại trí. Dùng nước cam lộ ấy cho người ngu ám uống để được đại trí. Dùng năng lực của chú nguyện này làm cho rắn độc bốn đại không thể cắn được. Rút đao ra khiến cho giặc cướp không ai có thể đuổi theo kịp. Dùng pháp nhãn ấy để thấy rõ sáu nhập là xóm làng trống vắng. Dùng quân của pháp này phá tan oán địch là năm triền cái, có thể đạt được trí đứng đầu không sợ năm dục. Dùng trí thuyền pháp ấy để vượt qua biển cả sóng gió kết sử đến bờ Niết-bàn. Dùng trí tuệ này vượt qua sông tro lớn, không bị thiêu đốt do các nhập trong và ngoài. Có thể khiến cho mũi nhọn kết sử khổ não không hề đâm trúng được. Có thể ở trong chỗ rất tối tăm là vô minh nhưng không mê muội. Nếu chúng sinh nào quán sát, làm ánh sáng chiếu rọi rõ để an lập chúng sinh nơi đất bằng phẳng của giới đạt được Niệm xứ để làm sự nghỉ ngơi, băng qua đường chánh cần lên ngôi nhà như ý, leo lên lầu năm căn vào phòng năm lực, ngửi mùi thơm bảy Giác chi, uống nước tám Chánh đạo, ngồi nơi giường Niết-bàn hữu dư, tiếp xúc ngọn gió mát vô lậu của bốn Thiên. Ai làm được như vậy tức là tri thức thiện chân chánh của chúng sinh. Không phá giới thanh tịnh, tu tập thiền định, làm tăng trưởng tuệ giác, phá

trừ các cõi ác, đạt được đạo giải thoát, quán sát bốn phương là bốn Đế, đốt cỏ là các kiến chấp, phá tan đá thân kiến, bẻ gãy đại A-tu-la giới thủ, thấy rõ lưới của ma năm dục, vượt qua đường nguy hiểm đồng hoang đến thành Niết-bàn, cắt đứt lưới tham dục, phá tan quỷ ganh ghét Tỳ-xá-già, rửa sạch tham keo, nhổ ra ngã mạn, triệt hạ ngã, ngã sở, nhổ gốc ba độc, diệt các kết sử, chấm dứt vòng sinh tử, đoạn trừ dây thọ thân, phá bỏ vòng xích sắt nhân duyên, làm ngã cây đại thọ um tùm ba cõi, thoát khỏi hủn bào thai, vượt qua biển khổ lớn già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não.

*Muốn biết nhân duyên*

*Thể tánh vi tế*

*Nếu ai thiếu trí*

*Nói thật tướng nó.*

*Như người đem đầu*

*Muốn chọi núi đá*

*Là lưới rất rộng*

*Bao quanh ba cõi.*

*Đây là rừng tà*

*Mê hoặc hành giả*

*Đây là bẫy xấu*

*Bẫy nai phàm phu.*

*Ai lọt bẫy này*

*Pháp lành bị diệt*

*Ma chiên-đà-la*

*Bị trúng tên độc.*

*Đây là khoan trí*

*Khoan biển vô minh*

*Ai khoan biển duyên?*

*Thích-ca Mâu-ni*

*Thành tựu đại trí*

*Cam lộ Niết-bàn.*

Mười hai nhân duyên này chỉ có Đức Phật có thể thấy, có thể trừ diệt sự mê hoặc nơi chính mình và còn đem giáo hóa cho người



khác. Như xưa kia, được nghe vua Chiết-trá ở thành Uất-thiên-na siêng năng tu tập bố thí, hạnh tốt nhẫn nhục, cung kính các bậc tôn túc, có sức mạnh lớn, binh chúng hùng dũng, oai lực thu phục bốn biển, sáng suốt trong việc trị vì, xét xử an ủi vô vô, thương dân chúng giống như bò mẹ thương ghé con. Thời gian sau, dân chúng ở thành Uất-thiên-na bị bệnh dịch rất nặng, người chết hơn nửa. Số dân trong thành ít dần. Mặc dù dùng thuốc thang để giảm bớt tai nạn, nhưng lại càng cháy dữ dội hơn giống như thêm dầu vào lửa. Người chết đến nổi trên các ngã đường chỉ còn ít dấu chân người. Chó sói, dã can đầy khắp các ngõ hẻm và còn xâm nhập vào nhà người. Chim diều hâu, chim thú bay từng đàn che cả mặt trời, mặt trăng. Cả thành đau thương, kêu khóc gào thét khắp các nẻo đường. Cây chết trong thành gom lại giống như nghĩa địa.

Thấy dân chúng trong nước chết quá nhiều như vậy, vua Chiết-trá lòng đau như cắt, khổ não giống như vào trận chiến bị địch bắt trời, đau buồn lo sợ quên cả tánh mạng. Vào đêm yên tĩnh, một mình suy nghĩ về phương kế, lập chí kiên cường bằng cách nào để đuổi con quỷ bệnh dịch ấy. Vua lấy thuốc A-già-đà thoa khắp thân, đọc chú hộ thân, mặc áo giáp châu như ý, cầm kiếm bén nhọn một mình ra khỏi cung điện, đến miếu nơi đầu đường ở ngã tư trong thành, vua nhìn khắp nơi lòng giếng, dưới cầu, rừng cây, chợ búa, bến đò, thấy những con quỷ với những thân tướng và giọng nói khác nhau, đang tàn hại, rất hung ác, giết người vô độ, cây chết nằm la liệt ở trước mặt chúng. Chúng lấy đầu lâu làm vật đựng máu tủy người, tay móc ruột phổi lòi phân như nhớt, hoặc lấy ruột người quấn trên thân, giạt cây người chết ăn rồi cãi vả, tranh giành, xô đánh nhau. Ác quỷ yêu mị tai ác như vậy đầy khắp trong thành.

Thấy vậy, như chim cánh vàng muốn bắt rồng, vua liền xâm nhập trong bọn quỷ nói với con quỷ Đất sắt:

– Vì sao ngươi làm như thế?

Rồi vua dùng kệ hỏi:

*Vì sao dùng ruột người  
Quấn xen vào thân người*

*Tay cầm vật đầu lâu  
 Đựng đầy máu tử não?  
 Sống gây bệnh tật dữ  
 Luôn cướp mạng căn người  
 Ăn nuốt máu thịt người  
 Để no nê đầy đủ?*

Các con quỷ dùng kệ trả lời:

*Tôi là quỷ đi đêm  
 Pháp ăn thịt tử người  
 Phèo phổi và năm tạng  
 Như được nếm cam lộ  
 Nay dân ông bị họa  
 Chính do tôi gây ra.*

Vua hỏi:

–Tai họa như vậy thật sự là do người gây ra?

La-sát đáp:

–Chính do tôi tạo ra.

Vua lại hỏi:

–Người nay tại sao không mau bỏ việc này?

Các quỷ đáp:

–Tôi không thể bỏ được. Vì sao?

*Thép đâm đầu nhọn  
 Thở tánh lửa nóng  
 Tánh của La-sát  
 Pháp ăn thịt người.*

Vua lại hỏi:

–Vì sao người không buông bỏ việc làm này? Người không thấy đao sắc của ta như mây xanh, như hoa Ưu-bát, như rắn độc lúc giận dữ sao? Với sức lực của cánh tay, ta cầm cây kiếm bén này đủ để khiến người từ bỏ việc làm ác.

La-sát trả lời:

–Ông là vua trong thiên hạ có quyền lực, bày dùng sức lực và

đao bén để cắt thân tôi thì giống như hạt mè. Mặc dù có thể như lửa gây ra tai họa nhưng cũng không thể diệt được tôi.

Vua hỏi:

– Vì sao người biết không diệt được?

La-sát liền chỉ cây đại thụ ở phía Nam rồi trả lời:

– Dưới cây ấy có đại La-sát mặt gồm bốn mắt, ngó liếc dữ tợn, tướng mạo hung ác, tay chụp mắt nhìn, có thể gây tai họa lớn giết chết người. Tật bệnh này do La-sát ấy gây nên khiến cho chúng sinh chết chóc cùng tận. Ông là đại trượng phu, trước tiên hãy đến thu phục nó thì chúng tôi sẽ theo ông.

Nghe nói vậy, vua vội vàng đến nói với đại La-sát:

– Tên người là gì?

– Tôi tên Thù Phúc (Ruột thông) muốn hiện hình lúc nào cũng được. Với sức lực của mình tôi có thể làm cho dân chúng của ông bị tai họa.

Nghe vậy, vua nói:

– Nay ta có thể khiến tai họa chấm dứt.

La-sát hỏi:

– Nói chấm dứt là thế nào?

Vua bảo:

– Lâu nay ta suy nghĩ về những kẻ nào đã làm cho thế gian này đau khổ. Hiện nay mới biết là chính người, ta không để cho dân chúng bị đau khổ nữa.

La-sát hỏi:

– Ông định làm gì?

Vua nói:

– Cây kiếm bén này của ta chưa hề nếm máu. Vì muôn dân trong nước, chắc chắn hôm nay ta phải dùng kiếm này để uống máu người giống như uống cam lộ.

La-sát nói:

– Việc ấy thật uống công, không thể nào giải quyết được những khổ nhọc của ông được đâu.

Vua hỏi:

–Vì sao không giải quyết được?

La-sát trả lời:

–Ông hãy nhìn kỹ về ba cửa nơi phía Nam, ở đó có La-sát tên Đại cổ (trống lớn), cần phải có sức mạnh mới có thể thu phục được nó. Tôi đứng đây không chạy trốn, ông hãy đến thu phục nó trước.

Nghe nói vậy, vua ở trong chỗ tối bèn rút kiếm ra đi thẳng đến cửa phía Nam thấy La-sát ấy ngồi dang hai chân, ngã ngửa ngó lên, thân có ba đầu, mặc áo giáp dạ rất dày, cây chĩa ba màu đen sậm trông rất dễ sợ.

Vua nghĩ: “Con quỷ này hôm nay, sau khi đã gây tội ác rồi thì lại thanh thản quá. Chỉ có ta là đau khổ. Dùng oai vũ của mình ta sẽ bảo các vị vua nhỏ dưới quyền phải vâng lời khiến La-sát-này sẽ bị trừng trị.” Thấy vua có oai đức vũ dũng, La-sát hoảng sợ đứng dậy, chấp tay giơ sát đỉnh đầu nói:

–Xin hãy đến đây Đại vương! Oai đức của Ngài rất đáng kính trọng giống như Đế Thích, xin rủ lòng thương cứu giúp người trên thế gian mà đến chỗ con.

Vua nói:

–Người đã gây cho dân chúng ta bị tai họa chết chóc, nay giả vờ khen ngợi ta nhưng lại tạo các việc ác tà trời.

La-sát nói:

–Vua hãy tin lời tôi, hãy nghe những gì tôi đã nói. Tai họa ở thế gian đều chẳng do tôi gây ra. Ngoài thành có quỷ tên Ma-ha-xá-niết ung dung đi trong ban đêm, có bốn đầu, bốn mặt, oai lực rất lớn và cũng chính là chủ của tôi. Nếu thu phục được nó thì vua được tiếng tốt đồn xa.

Nghe nói vậy, vua vội chạy thật mau ra khỏi thành, thấy La-sát ấy dùng đầu lâu làm vòng hoa cột trên bốn đầu, dùng da ươi của voi lớn làm y phục, dùng trăm rắn quấn quanh lưng, dùng đủ loại rắn độc làm chuỗi ngọc, hai răng bén như cái cửa chìa ra để móc ruột người, thân nó to lớn lấy máu xoa khắp, những đốt tay chân như chiêm-đàn đỏ. Lại lấy đầu lâu đựng đầy máu mủ rồi đặt ở phía trước hít vô thở

ra, nếm ăn no nê, tay cầm kích nhọn đi quanh thân người chết.

Thấy như vậy, với oai lực, vũ dũng khiến tim vua bị kích động giống như nhọn gió dữ thổi ngã cây đại thọ, như hai con sư tử khi gặp nhau càng hăng hái mạnh bạo, vua quát lớn:

–Này chủ quỷ đi đêm kia! Người coi thường ta đến thế sao? Dù người có tung hoành, độc ác, làm tổn hại dân chúng, dù đã chế thuốc thang trị liệu cũng giống như rót dầu vào lửa, hôm nay, giờ chết của người đã đến.

La-sát nói:

–Thưa chúa đất! Ông chớ vội tức giận mà hãy nghe tôi nói. Nếu bị tai họa thì trước hết phải hỏi tội rồi sau mới kết tội. Trăm họ bị tai họa chẳng phải do tôi tạo ra. Vì tôi yếu ớt, không có quyền lực nên bị người khác sai khiến. Phía trước con đường này có nữ quỷ, tôi bị nó sai khiến, khống chế, chứ chẳng phải do tôi làm.

Vua hỏi:

–Nữ quỷ ấy tên gì?

La-sát trả lời:

–Rất ác, bên ngoài giả vờ tỏ vẻ hiền hòa nhưng trong lòng độc ác tàn bạo. Chỉ trong chốc lát nó biến hiện rất nhiều thân. Nếu ông thu phục được nó thì tôi sẽ đi theo ông.

Vua suy nghĩ: “Con quỷ này không có quyền gì cả, phải tìm bắt con quỷ kia.”

Bấy giờ, La-sát nữ hóa thân biến làm phu nhân mà vua yêu mến. Nó đi sau vua nói:

–Thiếp luôn được vua yêu chuộng, vậy sao ban đêm lại bỏ thiếp để đi đến đây? Hay là đã yêu thương người nào rồi?

Nghe nói vậy, vua không biết sự thể thật giả ra sao, liền quay đầu lại, nhìn biết ngay đó là con quỷ.

Vua nói:

–Đại đức hãy đứng lại! Người đã ăn nuốt bao nhiêu là dân chúng trong thành rồi nay muốn ăn luôn ta sao? Như sức của lượng nước xoáy chảy dữ có thể nhận chìm hoặc làm trôi nhưng không thể khiến cho đá lớn, núi nặng phải trôi nổi.

Vua nắm tay nữ quý nói:

–Hãy từ bỏ các huyền hóa của người mà hiện nguyên hình đi, người đã gây ra tội ác khủng khiếp, ta bắt người thật chẳng oan uổng gì cả.

La-sát lập tức chắp tay lạy, nói:

–Tôi xin chí thành đảnh lễ vua.

Lúc này, nghe có tiếng lạ, vua nhìn ngó bốn phía.

La-sát hỏi:

–Vì sao vua nhìn ngó vậy?

Vua hỏi lại:

–Đó là tiếng gì?

La-sát trả lời:

–Tôi muốn được chỉ dạy nên phát ra tiếng ca hát ấy. Tiếng đàn đó là của tôi. Tất cả tai họa do nữ quý ấy gây ra, nó bắt tôi ở đây.

Biết La-sát này bị kẻ khác sai sử, vua bắt ca nữ này và hỏi:

–Tên người là gì?

La-sát trả lời:

–Tôi tên Tam Thùy Phát (*Ba lộn tóc rữ*).

Lại nói tiếp:

–Tôi có chủ tên Tứ Nha (*Bốn răng*).

Nghe vậy, vua liền thả ca nữ, tìm bắt La-sát Tứ Nha.

Tứ nha nói với vua:

–Chẳng phải lỗi của tôi. Cách đây không xa lắm có sáu con La-sát:

1. Vân lư.
2. Sơn khâu.
3. Ung phúc.
4. Kim cang chủ.
5. Kiến độc.
6. Trịch quyển.

Sáu con La-sát-này là chủ của tôi.

Nghe nói vậy, vua vội đến chỗ ấy và bắt được sáu La-sát.

La-sát nói:

–Tôi cũng bị người khác sai khiến.

Vua hỏi:

–Ai đã sai khiến các người?

Sáu La-sát nói:

–Có hai La-sát, một tên Ngưu Nhĩ và một con có tên Thủ Kịch, chúng đã sai khiến chúng tôi. Vua hãy đến thu phục chúng.

Vua bắt hai con La-sát ấy, chúng nói:

–Chúng tôi không có quyền lực. Chúng tôi còn có chủ nữa.

Vua hỏi:

–Chủ của các người là ai?

La-sát trả lời:

–Tên là Túc Tật Kim sí điểu (chim Cánh vàng mau chóng).

Tức thì vua bắt Chim cánh vàng.

Chim cánh vàng nói:

–Có ba nam tử là chủ của tôi, một tên là Cực Ác, hai tên là Hỏa Phát và ba tên là Chiên-đàn.

Vua liền suy nghĩ: “Ta nay tìm bắt quỷ là nhằm để diệt trừ tai họa, nhưng các con quỷ này cứ lần lượt chỉ những nơi xa xôi hiểm trở, hoang vắng. Mặc dù xa xôi, nếu không tìm được nó thì mỗi tai họa không bao giờ chấm dứt.”

Vua bèn tiến về phía trước thấy có ba con La-sát. Từ xa thấy vua, bọn La-sát ấy liền bỏ chạy lẫn trốn.

Vua bảo:

–Hãy đứng lại, ngọn kiếm bén này của ta chưa hề đem ra dùng, vì bảo vệ cho dân chúng trong nước mà ta phải băng lợi đường sá xa xôi đến đây. Làm sao các người có thể chạy trốn?

Nghe vua an ủi như vậy, bọn La-sát quay trở lại, chắp tay nói:

–Cách đây không xa, có một nghĩa địa rộng lớn rậm rạp, ở đấy có nhiều hang ổ của các loài chim thú dữ, nào hổ, sói, dã can, hùm beo, điều hâu, chim ưng giành ăn lẫn nhau phát ra tiếng kêu rất kinh hãi, chúng chạy tung hoành đây khắp.

Vua hỏi:

–Ồ đó có vật gì?

La-sát trả lời:

–Ồ đó có La-sát, hình dáng thô xấu luôn phình trướng đói khát, trầy da, da như mây đen, hai mắt sáng như điện chớp, răng mọc nhọn chồng lên chìa ra ngoài môi trông rất hung dữ. Có các quỷ thần làm quyến thuộc và đều tuân theo nó, những việc phi pháp trên thế gian đều do nó tạo ra. Bề đẳng của nó hung ác, một khi nổi dậy rất khó điều phục. Nếu thu phục được con quỷ có sức lực ấy thì oai đức của vua đồn khắp thiên hạ. Khi ấy chúng tôi sẽ xin cúi đầu phục tùng.

Nghe nói vậy, vua càng phẩn chấn trở nên hăng hái mạnh mẽ vô cùng. Giống như ngọn sóng lớn của biển, lập tức vua đến chỗ con quỷ kia. Chỗ đó sương bụi mịt mù, gió dữ nóng rực thổi thổi người chết che lấp cả vùng khiến càng tối tăm chẳng thấy gì cả. Chỉ thấy quỷ La-sát ấy với hình thù, tướng mạo như vừa nói. Xung quanh đấy thì hôi thối bịt bùng, nơi nào cũng có đầu lâu, tóc tai xương móng thì nhiều như gò núi. Vì hư hoại nên y phục mục nát bày la liệt trên đất, vò hư bị bể vung vãi tứ tung không chỗ nào có thể đi được. Hoặc thấy thân phình trướng, giòi trùng rửa nát. Tiếng thú dữ gào rú vang khắp giống như binh đao, giặc cướp rất đáng ghê sợ. Lại có các loài quỷ chỉ toàn ăn máu, thịt người để sống. Chúng đều là loài hung dữ tàn bạo, mắt như điện chớp, trên đầu lửa cháy đỏ rực, mũi to lồi lên, hai răng nanh nhọn hoắt chìa ra, tai như cái sọt. Hình thù xấu ác không thể nói hết, lấy da hổ sói làm y phục, lấy đầu lâu đựng mỡ để trong tay phải rẩy vào lửa. Thấy vậy, vua âu sầu nói:

–Chao ôi! Vì sao tự ý mình có sức mạnh mà bạo ác đến thế? Nếu không tiêu diệt được chúng thì ta không còn ở ngôi vua nữa. Hoặc dùng năng lực của thuốc thì bọn quỷ đều phải chạy tán loạn. Ta nên đi mau đến trước tóm lấy tóc của quỷ La-sát kia. Vì muôn dân trong nước, ta phải diệt trừ con đầu sỏ của bọn La-sát-này.

Nói vậy xong, vua nhìn khắp bốn phía, rồi lập tức nhảy vọt lên như sư tử gầm quay hướng về Thần kỳ bốn phương của chư Thiên, nói:



–Gốc của cây độc tai họa cho cả nước ta sẽ trừ khử, chặt đến tận chân tóc.

Ý mình có sức mạnh, La-sát cười khà khà nói:

–Ai dám vào dòng thác để ngăn chặn dòng nước? Ai dám vào miệng cọp để đếm răng của nó? Ai dám đụng đến rắn độc hung dữ? Dù đáng Trọng phu anh hùng mạnh mẽ trong tất cả thế gian nhiều đến ngàn ức vạn ta cũng tiêu diệt. Vì sao dám nhổ tóc của ta? Thôi người đừng nói nhiều, những người anh hùng dũng mãnh trong đời không ai có thể chống cự lại được ta, chỉ trừ Chiết-trá. Người là ai mà dám nhổ tóc ta?

Vua nghe những lời tự xưng như vậy, liền vui vẻ trả lời:

–Lành thay! Hiền sĩ! Chiết-trá chính là ta đây.

Nghe nói vậy, con quỷ vừa mừng vừa sợ nói:

–Xin hãy tha lỗi cho tôi! Xin vua rũ lòng thương xót đừng nổi giận nữa. Từ nay về sau tôi sẽ diệt trừ tai họa cho vua.

Nói xong, quỷ bèn biến mất. Nhờ oai lực của vua nên đám quỷ thần ở đấy đều thoái tán. Dân chúng trong nước ngày càng hưng thịnh, không còn những tai họa, cuộc sống giống như chư Thiên.



## KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP

### QUYỂN TRUNG

Lại nữa, vì ý nghĩa gì mà đưa ra ví dụ này? Đây không phải là lời nói thêu dệt, không phải là nói không đúng lúc. Vì sao? Vì muốn phát triển rộng lớn ý nghĩa thâm diệu của pháp Phật. Vì muốn làm sáng tỏ lý nhân duyên nên đưa ra nhiều cách thí dụ.

Nói về thành của vua là dụ cho ba cõi. Trong thành ba cõi có khổ về sinh già, bệnh, chết, ưu bi khổ não, khổ vì yêu thương mà xa lìa, khổ vì cầu không được, khổ vì oán ghét mà gặp nhau, hủy báng mắng nhiếc, bêu xấu, giữ giới, phá giới,... vô số các khổ như vậy không thể nào kể hết. Bệnh dịch phiền não làm tan mất các căn lành, Bồ-tát thương yêu họ giống như bà mẹ thương yêu ghé con. Lại còn làm bạn thân thiện với chúng sinh, lập lời thề dũng mãnh cứu vớt hết thảy. Biết rõ sinh tử do nhân quả kết tập, hiểu rõ về chánh pháp hay phi pháp, có đầy đủ bốn nhiếp pháp, thành tựu nhất thừa, có tâm rộng lớn với chúng sinh, quán sát đau khổ vì mãi bị luân hồi nơi năm đường, luôn bị răn độc bốn đại, oán giặc năm ấm, xóm trống sáu nhập, bị hại do sự yêu thương, dối trá, thân thiện, ngu si, cố chấp vào ngã và ngã sở. Những chúng sinh ấy bị phiền não trói buộc, vì sao không cứu vớt họ?

Sau khi suy nghĩ như vậy, Bồ-tát rời khỏi cung điện xuất gia, mặc áo giáp tinh tấn, dùng thần chú bốn nhiếp để tự hộ vệ, dùng thuốc hay thân Niệm xứ để xoa thân, lấy công đức nhẫn nhục để làm mâu giáo, ở trong vô lượng kiếp luôn tu tập trí tuệ giống như kiếm bén, chuyên tâm chánh niệm, giống như đường lớn của vua. Khi ngồi nơi đạo tràng, quán sát các căn nguyên đau khổ của tất cả chúng sinh, phát thệ nguyện rộng lớn quyết nhổ bỏ gốc đau khổ ấy. Nguồn gốc khổ này bức bách muôn loài, là khổ não rất lớn, đứng đầu nơi các tai

họa; bị chín mươi sáu loại ngu si che lấp nên không biết rõ về nguyên nhân hoạn nạn sinh già, bệnh, chết. Khi Bồ-tát quán sát đúng đắn thì thấy vô lượng khổ não của sinh già, bệnh, chết. Hiểu nghĩa ấy rồi, Bồ-tát hỏi già:

–Người tên là gì?

Già trả lời:

–Tôi tên là già.

Bồ-tát hỏi:

–Người làm già thế nào?

Già trả lời:

–Già tôi có thể làm già cả ba cõi.

Bồ-tát hỏi:

–Người đã làm gì?

Già trả lời:

–Tôi không làm gì cả.

Bồ-tát hỏi:

–Người vì ái lạc mà bị đói khát, người luôn nhớ nghĩ giống như sóng nắng cây chuối, cuối cùng đều bị tan hoại. Người là sóng nắng hiện lên giữa đường hiểm trở có thể diệt bỏ sự vui thích của sáu căn, hủy hoại thân mạnh khỏe như mưa đá làm hoại hoa, dời đổi sức mạnh, làm khô cạn sáu tình. Tại sao nói rằng không làm gì?

Già trả lời:

–Việc này đúng thật là như vậy.

Bồ-tát hỏi:

–Hai chữ già và chết, trong ba cõi đều nghe mà không hiểu về ý nghĩa?

Già nói:

–Ông đã hiểu biết rất rõ về tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Người thứ hai kia là gì?

Già trả lời:

–Nó tên là chết.

Bồ-tát hỏi chết:

–Tên của người sao thô ác quá vậy?

Chết trả lời:

–Không những cái tên thô ác mà việc làm của tôi càng rất thô ác. Tất cả các loài trong thế gian như Trời, Người, A-tu-la, cả đến Dạ-xoa, Quỷ thần tôi đều giết sạch. Như đại La-sát có thể phá hoại đất nước, tôi cũng vậy, có thể phá hoại mạng sống của tất cả hữu tình.

Bồ-tát hỏi:

–Kỳ quái thay! Người rất ác, chẳng có chút lòng Từ bi. Người đi tới khắp mọi nơi chốn, với nghiệp ác độc hèn hạ không gì hơn người.

Chết trả lời:

–Việc ấy chính là bản chất của tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Bản chất của người mặc dù là như vậy, nhưng với tâm và sức mạnh của ta, ta sẽ đánh bại được người. Dù khó thu phục người nhưng ta sẽ tinh tấn, quyết chiến thắng người. Giống như sóng lớn nơi biển cả không thể xô đẩy được núi, cũng vậy, người đừng hòng giết được ta.

Chết nói:

–Tuy ông nghĩ như vậy nhưng e rằng ông chưa thể chế phục được tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Vì sao người nghi ngờ ta không có khả năng thu phục người?

Chết trả lời:

–Nếu ai tinh tấn, có phương tiện thiện xảo mới có thể thu phục được tôi. Tôi nghi ngờ ông chưa có đủ tinh tấn, dũng mãnh.

Bồ-tát nói:

–Người hãy quán sát ta. Ở trong vô lượng kiếp, ta dùng phương tiện Từ bi đã đem thân mạng mình thay thế cho các chúng sinh, kể cả phải gặp oán thù sâu nặng. Giả sử dùng kiếm bén chẻ thân thể ta ra

từng mảnh, nhưng ta luôn có lòng Từ bi với họ, phương tiện ấy đủ tiêu diệt người không?

Chết trả lời:

–Cần gì nói nhiều về những chuyện đã qua đến thế, đâu đủ để trấn áp khiến tôi phải khổ não. Tôi sẽ thật lòng nói rõ nguồn gốc cho ông. Nguồn gốc ấy chính là sinh. Sinh tức sinh ra vô lượng khổ não cho tất cả thế gian. Rắn độc bốn đại, giặc oán năm ấm, đồ đựng sáu tình, luân hồi trong năm đường đều do sinh gây ra. Sinh này ban đầu đã sinh ra tất cả khổ, hưởng chi là chặng giữa và sau cùng. Ai thọ sinh thì cũng khổ giống như chúng tôi, không thể tính đếm. Nếu ai xả bỏ sinh thì không còn tai họa. Tất cả tai họa đều do sinh gây ra. Ví như không có củi thì không bị lửa thiêu đốt, nếu không có rừng thì không bị búa chặt, nếu không có bình thì không bị chày đập vỡ, như không có hoa thì không bị sương phá phá hoại. Với những ví dụ này đủ biết sinh tạo ra quá nhiều tai họa. Nay ông nhất quyết thể nguyện muốn tiêu diệt chết thì hãy trừ diệt sinh trước. Vì có sinh này nên có già, bệnh, chết ưu bi khổ não. Trong các tai họa, nó đều có thể lực.

Bồ-tát nói:

–Ta hiểu việc này, nếu có núi thì Kim cang sẽ làm hoại. Nếu không có núi thì Kim cang dù cứng nhưng làm sao hoại được? Phàm có thân tất có các khổ. Nếu không có thân thì khổ ở đâu?

Bấy giờ, Bồ-tát liền buông bỏ già và chết nhưng bắt sinh lại hỏi:

–Người tên gì?

Sinh trả lời:

–Tôi có rất nhiều tên. Nhưng trong đó, tên nổi tiếng, thù thắng nhất là sinh.

Bồ-tát hỏi:

–Vì sao đặt tên sinh?

Sinh trả lời:

–Ông hãy tự quán sát.

Bồ-tát liền tự quán sát sinh rồi nói:

–Rõ ràng là sinh này đã có mặt trong tất cả cõi. Từ hai nghĩa hợp lại mà sinh ra nghĩa sinh.

Sinh nói:

–Trí tuệ của ông chân thật, chẳng điên đảo, hiểu rất đúng.

Bồ-tát hỏi:

–Sinh này sinh ra tất cả khổ. Vì sao không đặt tên là Phát Sinh Tất Cả Khổ mà chỉ đặt tên sinh?

Sinh trả lời:

–Tôi có lỗi đúng như ông đã nói.

Bồ-tát hỏi:

–Người không biết rằng ta có lời thề nguyện kiên cố để đoạn trừ người sao? Ta dùng lòng Từ bi để diệt trừ tất cả khổ trong thế gian.

Sinh trả lời:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông đã nêu. Tôi không có quyền lực, chỉ theo người khác, hữu bất tôi làm theo. Nam tử nơi các hữu được thế lực đó có thể sinh ra tất cả khổ của sinh tử. Nếu không tin sao ông không tự quán xét.

Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta quán sinh thì sẽ biết hữu. Ba hữu này là ba con rồng lớn có thể mưa dữ trút xuống sông sinh rồi chảy vào biển chết. Do sông làm nhân duyên nên đẩy chúng sinh chìm đắm trong biển khổ.” Bấy giờ, Bồ-tát liền thả sinh mà bắt hữu, quả trách:

–Vì tất cả các loài ta nguyện làm bậc cứu vớt, cầm kiếm trí tuệ chém quân thù. Vì sao người dám buông lung bồi thêm sức cho sinh?

Hữu trả lời:

–Móc câu bốn thủ kéo tôi bỏ trong hữu. Bốn thủ mạnh mẽ nên luôn bắt những kẻ ngu dại. Tôi làm sao không thể nghe lời.

Bồ-tát liền bỏ hữu để quả trách bốn thủ:

–Người nếu có gì để cho hữu? Người chỉ làm cho các khổ tăng trưởng thì đâu có gì là cho hữu?

Thủ trả lời:

–Ví như hư không chẳng thể mọc cây cối, phải có đầy đủ nhân

duyên là đất nước thì mới mọc cây cối. Nếu không có nước ái thì làm gì sinh cây hữu? Ông không nên quả trách tôi.

Bồ-tát bèn thả bốn thủ rồi bắt ái. Ái nói với Bồ-tát:

–Con vua Tịnh Phạn! Xin hãy đến đây! Trong vô lượng kiếp ông đã tạo nhiều công đức, tu tập các hạnh lành. Oai lực của ông hơn hẳn Phạm thiên, Đế Thích. Ông nên định tâm lại để nhận chút cúng dường của tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Ông lấy gì cúng dường?

Ái trả lời:

–Tôi cúng dường bằng thú vui nơi năm căn thọ nhận năm dục.

Bồ-tát hỏi:

–Năm căn này có gì mà mời ta?

Ái trả lời:

–Tôi lấy sắc, hương, vị, xúc để mời ông.

Bồ-tát hỏi:

–Người lấy sự thơm ngon của quả độc để mời ta sao?

Ái nói:

–Vì sao nói độc?

Bồ-tát:

–Năm dục này ví như bắt con dê quăng trong lửa, như người mù rớt xuống hang sâu. Nó xa lìa đường giải thoát, lấp bít cửa Niết-bàn. Người có trí thậm chí trong mộng còn xa lìa năm dục huống chi là khi thức.

Ái nói:

–Năm dục của chư Thiên không vượt trội sao?

Bồ-tát nói:

–Nó như huyền như mộng. Dù Thiên nữ Tôn-đà-la đẹp đẽ như mặt trời, ở trên cõi trời ca hát vui chơi nơi cung điện, khi phước hết, qua đời rồi trở lại trong địa ngục, đâu phải chuyện để lừa gạt.

Ái nói:

–Ông chê cõi Dục, còn chư Thiên ở cõi Sắc chẳng lẽ không vui

sao? Trong cõi Sắc ấy chú tâm thiền định, ít bị hoạn nạn.

Bồ-tát:

–Ta biết rõ những khổ hoạn trong cõi Sắc ấy.

Ái hỏi:

–Ông quán sát thế nào mà biết được?

Bồ-tát trả lời:

–Mặc dù thiền định sinh vào cõi Phạm thế, nhưng khi phước hết thì qua đời cũng có thể bị đọa vào ba đường ác. Ví như bị đốt nóng lại lấy nước lạnh tưới vào. Chúng sinh vì phước mỏng nên chịu khổ não trong luân hồi.

Ái nói:

–Như chỗ ông hiểu thì cõi Hữu đảnh là tối thượng, nhưng tâm ông quê mùa như cỏ lau.

Bồ-tát hỏi:

–Sao gọi là Hữu đảnh?

Ái thưa:

–Bốn cõi nơi cõi Vô sắc tên là Hữu đảnh.

Bồ-tát hỏi:

–Bốn cõi nơi cõi Vô sắc có thể là tướng ra sao?

Ái đáp:

–Tất cả chư Thiên trong cõi Vô sắc ấy định tuổi thọ là tám vạn đại kiếp.

Bồ-tát hỏi:

–Đại kiếp ấy khi hết thì được những gì?

Ái trả lời:

–Tám vạn kiếp hết gọi là chấm dứt.

Bồ-tát nói:

–Ô hô! Lạ thay! Quán cõi Dục thì khổ não vô lượng. Quán cõi Sắc thì thể tánh tất bị hư hoại, đến bốn cõi nơi cõi Vô sắc thì cũng không thoát khỏi cái chết. Trong thế gian vui ít khổ nhiều, thật đáng thương thay.

Ái nói:



–Nếu ông muốn ra khỏi cảnh giới của tôi thì tìm cầu hoan lạc ở đâu?

Bồ-tát hỏi:

–Cảnh giới của người hiện hữu ở nơi chốn nào?

Ái trả lời:

–Tất cả các pháp hữu vi là cảnh giới của tôi.

Bồ-tát nói:

–Tất cả các pháp hữu vi luôn thao túng cái chết là cảnh giới của người. Còn ta nay dốc vượt khỏi cảnh giới hữu vi, nơi mà chết không đến được, vĩnh viễn xa lìa chỗ chết, không còn chỗ yêu thương mà phải xa lìa, oán ghét mà phải gặp nhau, không có chỗ cho sinh, già, bệnh, ưu, bi, khổ não, chỗ tận cùng của năm ấm, chỗ diệt bỏ năm căn, chỗ các căn không được tác dụng, chỗ bình Nhất thiết trí phát cam lộ. Những chỗ như vậy lẽ nào chẳng phải là ra khỏi cảnh giới của người sao?

Nghe vậy, ái cười to nói:

–Vô lượng bậc Đại tiên như Tỳ-du-mật-đa-la, Bà-sát... đều nói như vậy nhưng chưa có ai đạt được.

Bồ-tát nói:

–Mặc dù họ mong cầu nhưng vì họ không biết cách.

Ái hỏi:

–Còn ông có cách gì?

Bồ-tát nói:

–Người hãy bỏ thói làm mê hoặc chúng sinh và sự kiêu mạn to lớn. Ta sẽ tiêu diệt người giống như voi lớn nhỏ cỏ con.

Ái nói:

–Lành thay! Ông có lòng Từ bi lớn với chúng sinh. Tôi chỉ nương vào thọ nên trước hết ông hãy nắm bắt lấy thọ.

Bồ-tát nói:

–Ta nay quán xét tất cả hữu, sinh rất kỹ. Ai cũng đều sợ hãi thể tướng của khổ. Các căn giống ruồi lay động mong cầu nơi lạc, lạc không tự tại, chỉ do người khác mà có lạc, nó là pháp đối trá, hư

vọng, tạm có. Kẻ ngu si mặc dù luôn bị lạc tạo tình mà không biết nhằm chán. Lạc tạo mọi buồng lung, có thể cướp mất các căn, mê hoặc lòng người, rơi vào hang sâu phạm phu. Như ruồi rớt trong mật, được vị ngọt rất ít mà tổn thất rất nhiều. Không phân biệt được tốt xấu, hễ thấy thì sinh ái. Như lấy dầu rớt vào lửa lớn thì lửa cháy càng dữ dội hơn. Ái hãy đứng đây, đợi ta bắt thọ về rồi sau sẽ trị người. Tội lỗi của người và thọ như nhau nên cần phải trị tội người.

Ái nói:

–Con vua Tịnh Phạn! Mặc dù ông mạnh mẽ, có ý muốn như vậy nhưng e rằng cũng không thể ngăn chặn được tôi. Vì sao? Vì thuở xưa, có đại Tiên nhân đầu vàng ra đời vào thời kỳ an lành, sống tám vạn tuổi, đạo đức sâu dày vậy mà không thể làm tổn hại được tôi, hướng chi là ông ở vào đời sau cùng, xấu ác, tuổi thọ ngắn ngủi không đầy một trăm.

Bồ-tát hỏi:

–Ta xuất hiện vào đời ác sao?

Ái nói:

–Đúng là xuất hiện vào đời ác.

Bồ-tát:

–Hôm nay đâu có bị phiền não quấy nhiễu, ra đời vào thời kiếp ô trược xấu ác nhưng nếu không phá trừ cửa vô minh của người thì làm sao được gọi là Đại trưởng phu?

Ái nói:

–Xin hãy dừng lại, chớ tự đề cao mình.

Bồ-tát bảo:

–Ta khen ngợi đúng thời chứ chẳng phải là phi thời... Đúng lúc đúng nơi là lời nói chân thật, lời nói có nghĩa. Ví như không thể che ánh sáng mặt trời mới mọc, cũng vậy, khó che được ánh sáng của bậc Trí đại nhân.

Ái nói:

–Tôi quan sát chí của ông, mặc dù mạnh mẽ, tinh tấn, nhưng chưa thành tựu. Lại tự khen mình, giống như mây sấm giáng trận mưa lớn làm chim chóc vui mừng. Còn ông chỉ nổi mây sấm mà chẳng

thấy nước mưa. Như vậy trời hạn hán mà sấm chớp thì có lợi ích gì. Lấy ý này mà lường thì lời nói của ông là không thật.

Bồ-tát nói:

–Ta sẽ kể người nghe việc không hư dối. Trong vô lượng kiếp, ta đã tô bồi những hạnh lành, nhất tâm định ý. Với kiếm bén trí tuệ, ta sẽ chém người.

Ái nói:

–Làm sao chết được?

Bồ-tát nói:

–Ai quấy nhiễu ta bằng những tiếng ca hát này thì kẻ ấy bắt tay với nghiệp phiền não, sờ vào cây đàn ba cỗi làm não loạn, mê hoặc tất cả chúng sinh dua nịnh.

Ái nói:

–Thật sự tôi muốn hướng dẫn như người ca hát này muốn đánh đàn. Vì đây là sở trường của tôi. Hiện nay tôi bị hấn bắt làm, bị hấn sai sử.

Bồ-tát hỏi:

–Đó là ai phải không?

Ái đáp:

–Đúng vậy!

Bồ-tát hỏi:

–Ái là ngọn lửa dữ thiêu cháy khắp mọi nơi. Ái ấy đắm vào lạc thì đều rơi trong ái. Kẻ ngu dại rơi vào đó giống như con thiêu thân đâm đầu vào lửa.

Ái nói:

–Ông quán sát rất tận tường.

Bồ-tát nói:

–Ta biết mọi sự ham thích các vui trong sinh tử chẵn chẵn đều do ái làm hại. Cũng như các loài chim thú vì ham mùi vị nên tất bị sập bẫy.

Ái nói:

–Ông thật sự biết rất rõ. Nhưng tôi có thể làm cho các kẻ phạm

phu đắm vào thú vui của hữu, đời sau sẽ bị đau khổ. Chúng sinh ham thú vui của hữu đều do tôi tạo ra. Cho đến sinh lên cõi trời Hữu đành còn phải trở lại bị đọa lạc.

Bồ-tát:

–Người nói chẳng đúng sự thật. Trên thế gian khao khát nhất không gì hơn ái. Giống như khát mà uống nước muối thì càng khát gấp bội. Cũng vậy, uống nước hữu thì càng tăng thêm ái.

Ái nói:

–Ông đừng giết tôi.

Bồ-tát:

–Mặc dù người nói điều tốt lành nhưng trong lòng đầy độc ác. Nếu không trừ khử người thì ta làm sao an ổn? Dầu vậy nhưng người hãy đợi đấy, ta sẽ đến bắt thọ.

Bồ-tát suy nghĩ: “Do đâu có thọ?” Thế rồi Bồ-tát tận lực cố gắng, thân tâm dững mãnh không chút khiếp sợ, từ bỏ sự ồn náo đạt được tịch định, vào quả vị Nhất thiết trí liền thấy thọ và nói với nó:

–Từ lâu xa đến nay người đối gạt chúng sinh, ta là người bạn không mời của chúng sinh. Từ nay trở về sau người không được quấy nhiễu họ nữa.

Thọ nói:

–Tôi quấy nhiễu họ những gì?

Bồ-tát:

–Ai thọ thân thì thể tánh đều khổ, giả vờ hiện tướng vui vẻ để làm mê hoặc kẻ phàm ngu. Mặc dù hiện người thân thiện nhưng thật ra là kẻ thù lớn.

Thọ nói:

–Thật sự có lỗi ấy nhưng các chúng sinh vẫn tham đắm vào tôi, giống như ong lấy hoa chỉ ham mùi vị nhưng lại quấy nhiễu không dừng.

Bồ-tát nói:

–Người nói rất đúng. Giống như vì thích vào biển mà người ta phải gặp đủ mọi tai nạn, vì thích xông vào trận chiến, cung tên như mưa tuyết, nào mâu giáo để tàn hại nhau, vì do ham muốn mà băng

qua nơi xa xôi hiểm trở, đồng hoang đói khát nhiều gian nan. Vì do ham muốn mà gây các hạnh khổ, nào đâm đầu xuống vực sâu, nhảy vào lửa, nằm thứ nóng đốt thân, nằm trên gai góc bỏ ăn uống, ngồi trên gai cỏ, mặc bằng vỏ cây và cỏ, ăn rau trái, vì ham muốn mà làm các khí cụ cày ruộng, đào đất, trồng cây, xây nhà cửa, may y phục. Những việc như vậy cho là vui nên gây vô lượng khổ.

Thọ nói:

–Đúng như vậy. Nhưng tôi có thể làm cho tất cả chúng sinh vì do ham muốn mà chịu vô lượng khổ. Tôi rất thô tháo, không khi nào đứng yên. Những chúng sinh đắm chìm vào lạc thọ nói rằng tôi luôn như vậy.

Bồ-tát nói:

–Tất cả chúng sinh thật đáng thương. Lúc nào cũng bị người làm mê hoặc. Vì chúng sinh ngu ám nên bị người quấy nhiễu.

Thọ nói:

–Tôi lỗi của tôi không chỉ bằng chừng ấy mà còn nặng hơn thế nữa. Nó vận động lưu chuyển từ vô thủy đến giờ. Tất cả chúng sinh luôn thọ nhận tôi mà không biết nhàm chán. Giống như đem dầu quăng vào lửa thì lửa vẫn không biết đủ. Tất cả đều tham đắm vào lạc. Tôi không có lỗi gì cả.

Bồ-tát nói:

–Hôm nay, ta đến gần bên oán tặc ái Bồ-tát lớn tiếng hô to và rút kiếm trí tuệ muốn đến chém ngay.

Ái nói:

–Nhưng do thọ chứ đâu phải lỗi của tôi. Xét theo lời ông thì hãy chém thọ. Vì nếu không có thọ thì không có ái.

Thọ nói:

–Tôi không có quyền gì cả vì bị xúc sai khiến. Dù ông có hại tôi thì ông cũng không có lợi gì cả.

Bấy giờ, Bồ-tát đã hiểu về thứ lớp, dùng tay trí tuệ rờ vào xúc, nói:

–Người tên là gì mà gây khổ đau cho chúng sinh đến thế? Do người mà có thọ, làm cho hai chân sinh tử càng tăng trưởng, bít lấp cửa Niết-bàn?

Xúc nói:

– Vấn đề sinh ra thọ thì thật đúng như vậy nhưng nhờ ba nhân duyên mà xúc mới được sinh. Giống như phải có dùi, lửa và công của người hợp lại mới phát ra lửa. Tôi cũng vậy, có đủ ba việc nhân, thức, duyên hòa hợp lại mới sinh ra xúc, do xúc làm duyên mà sinh ra thọ. Nếu không có lục nhập thì làm sao có tôi?

Bồ-tát nói:

– Người nói đúng. Nếu lia ba nhân duyên thì không có xúc. Nguồn gốc sinh ra xúc thì gắn với sáu căn. Xúc! Người hãy đợi đây, ta phải đi bắt sáu căn, kẻ đồng tội với người.

Khi đã rõ tướng của xúc rồi, Bồ-tát lại tìm sáu căn, nói:

– Sáu căn này là tổ yến, như bọt nước, như mụn nhọt mới mọc, không bao lâu sẽ bị vỡ tan, có sức mạnh gì mà tự cao như vậy?

Sáu căn nói:

– Vì sao ông nói như vậy?

Bồ-tát nói:

– Vì có người nên làm xúc thêm năng lực. Đã từ mình sống tung hoành còn làm duyên sinh ra các khổ. Ta đã dẹp bỏ sự tranh cãi, đâu thèm tranh cãi với người.

Sáu nhập nói:

– Dù tôi nhỏ bé nhưng có thể sinh ra xúc.

Bồ-tát nói:

– Ta quán nguồn gốc của xúc là do người. Sáu nhập là ngôi nhà lớn chứa vô lượng khổ não. Người luôn buông lung, điên cuồng tâm không bao giờ tịch tĩnh, luôn thô tháo không hòa thuận, cứ chạy theo duyên không biết nhàm chán. Sáu căn ngu dại tham lam sáu xúc để tìm kiếm sáu trần.

Sáu nhập nói:

– Tâm chúng sinh rộng lớn, ông muốn điều phục tôi thì phải chiến thắng danh sắc trước. Nếu ông cố sức khổ nhọc để ngăn cản tôi thì trước hết nên thu phục danh sắc.



## KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP

### QUYỂN HẠ

Sau khi thu phục sáu nhập, Bồ-tát lại quán sát danh sắc. Biết được thể tướng của nó, Bồ-tát nói:

–Do người mà sinh ra bao thứ khổ lớn cho chúng sinh. Người hãy mau quay trở lại nghiệp của chính mình.

Danh sắc nói:

–Tôi thấy mình không có lỗi.

Bồ-tát:

–Vì sao người không thấy có lỗi. Người là kẻ dối trá, bản thể rất ác. Do người mà sinh sáu tình của tất cả chúng sinh nơi thế gian.

Danh sắc nói:

–Việc này đúng như vậy. Tôi giống như cây có thể sinh ra cành lá. Vì đã có tôi thì có cành lá sáu tình.

Bồ-tát nói:

–Ta sẽ dùng búa bén trí tuệ chặt đứt cội gốc của người thì cành lá sáu tình kia tự nhiên rơi rụng.

Danh sắc nói:

–Ông không thể nào chặt giết được thức của tôi đâu. Với sức mạnh của cánh tay thức, nó sẽ bảo vệ tôi. Loại thức này nếu không rơi trong đất danh sắc thì sẽ không có các khổ.

Bồ-tát nói:

–Đúng vậy! Nếu thức không ở trong thai mẹ, sống trong Ca-la-la thì thân chúng sinh không bao giờ sinh trưởng. Nếu thức không ở trong Ca-la-la thì Ca-la-la này liền bị hư hoại, nếu hư hoại thì làm sao có thân chúng sinh? Do đó, ta sẽ dùng lửa trí tuệ thiêu đốt hạt giống thức.

Xả bỏ danh sắc, Bồ-tát lại quán sát thức, rồi nói:

–Người giống như huyễn hóa, thể tánh mê muội. Giống như khỉ vượn luôn thô tháo không đứng yên, như điện chớp không ngưng nghỉ, như ngựa không điều phục thì không đi vào đường chính, như voi say tung hoành khó cấm, chế.

Thức nói:

–Tôi lấy thân làm thành, sáu nhập làm cửa. Tôi chính là chủ của thành ấy. Tất cả các pháp đều phải tuân theo, đưa tôi lên hàng đầu. Vậy chẳng phải là vua sao?

Bồ-tát nói:

–Trong trăm ngàn kiếp, ta đã mài kiếm trí tuệ. Hôm nay ta phải tiêu diệt ngôi vua của người.

Thức nói:

–Kỳ lạ thay, tôi đã không có lỗi mà lại vô cớ oán ghét tôi.

Bồ-tát nói:

–Vì sao nói oán ghét vô cớ? Người đã tạo ra hoạn nạn danh sắc, chẳng lẽ không phải là đáng oán ghét sao?

Thức nói:

–Tôi và danh sắc thật sự cùng nương vào hữu. Nếu không có thức thì không có danh sắc, nếu không có danh sắc thì không có thức.

Bồ-tát nói:

–Lạ thay! Danh sắc và thức đúng là bạn thâm giao với nhau, là nguồn gốc luân hồi của tất cả chúng sinh.

Thức nói:

–Danh sắc đích thực là người bạn thâm giao của tôi. Vì bị hành sai sử nên bỏ tôi trong nghiệp không được tự do. Tôi theo nghiệp thiện ác thọ thân nơi năm đường.

Bồ-tát nói:

–Người bị hành sai khiến mà còn đến như vậy, thật sự là người có lỗi nhưng hãy đợi ta làm sáng tỏ. Ta sẽ dùng Tuệ nhãn quán sát hành rồi sau đó hỏi tội người.

Bấy giờ, Bồ-tát thả thức ra rồi đến chỗ hành. Hành kinh sợ nói:



–Ông là ai mà mạnh mẽ nhanh nhẹn, mặc áo giáp không hư hoại, tay cầm kiếm Bồ-đề bén nặng? Chúng sinh ngu si ở mãi trong đêm u ám mà chấp ngã, ngã sở, một mình đi trong tối tăm, buông lung thật đáng khiếp sợ.

Bồ-tát nói:

–Người thọ thân đã lâu rồi, hôm nay ta quán sát thấu rõ rốt ráo về người.

Hành sợ hãi nói:

–Làm thế nào để thấu đạt?

Bồ-tát nói:

–Từ xa xưa ta đã phát lời thề nguyện kiên cố, cúng dường cung kính Phật Đại Thích-ca Mâu-ni từ sự tắm rửa, ăn uống, đi ở, hết sức rất tinh tấn mãi đến ngày hôm nay. Từ đó ta luôn tô bồi công đức, chưa bao giờ biếng nhác.

Hành nói:

–Tôi thấy ông trang nghiêm công đức chưa được bao lâu!

Bồ-tát:

–Đừng nói như vậy. Ở a-tăng-kỳ kiếp đầu tiên ta chưa được thọ ký, đủ hai a-tăng-kỳ kiếp mới được thọ ký thành tựu đạo quả để cứu giúp chúng sinh.

Hành nói:

–Kỳ lạ thay! Ông có thể yêu thương chúng sinh.

Bồ-tát:

–Ta yêu thương chúng sinh với lòng Từ bi, yêu thương mà không đắm nhiễm để sinh luyến ái. Giống như có đàn voi trong rừng bốn bên toàn là lửa, ai thấy nguy ách ấy mà lại không thương xót. Cuối cùng con voi lớn nhất trong đàn kéo cành cây đập lửa để dẫn đường băng qua thoát khỏi nạn lửa. Cũng vậy, tất cả chúng sinh bị sinh già, bệnh, chết quẩn kết quanh thân, người trí nào lại không thương xót, muốn cứu họ thoát khỏi nạn.

Hành nói:

–Ông có lòng Từ bi yêu thương chúng sinh như vậy, sao vào rồi bỏ đi?

Bồ-tát:

–Ta cứu vớt chúng sinh chưa bao giờ xả bỏ. Ta theo một bên thức để quán sát sinh tử. Các tai họa lớn ấy là do người gây ra. Vì để diệt người nên ta đến bên người. Do người mà được sinh lên cõi trời thứ hai làm Đế Thích ham muốn không nhàm chán. Cũng do người mà được sinh nơi cõi Phạm thế, ngồi tòa sen nhập thiền định, lần lượt lên tới cõi trời Hữu danh phi tướng, đến lúc qua đời lại sinh xuống ba cõi ác. Những việc như vậy đều do người gây ra.

Hành nói:

–Đúng như điều ông đã nói. Dẫn đường vua thức chính là tôi. thức đi đâu tôi luôn làm người chỉ đường, giúp đỡ đến nơi đến chốn.

Bồ-tát:

–Ta sẽ dùng đá chánh kiến, mài kiếm trí tuệ để chẻ người ra từng mảnh.

Hành nói:

–Xin ông đừng làm như vậy, chỉ mệt nhọc chứ chẳng bỏ ích gì.

Bồ-tát hỏi:

–Vì sao không bỏ ích?

Hành nói:

–Tất cả dù lửa kết sử là mẹ của khổ lớn, đó là Vô minh, nơi chứa đầy đầy các khổ não ô uế. Tất cả tai họa đều do nó tạo ra, ông lại muốn bắt tôi thì đâu có bỏ ích gì.

Bồ-tát nói:

–Vô minh ấy ở đâu?

Hành nói:

–Vô minh ấy bị La-sát phiền não Tỳ-xá-xà bao quanh, khó có thể thu phục được nó. Hiện nay nó ở nghĩa địa nhiều bạo ác của kết sử ngu si.

Nhờ hành, biết được chỗ của vô minh, Bồ-tát phấn chấn mạnh mẽ tìm đến chỗ nó, quát lớn:

–Những con quỷ La-sát phiền não kết sử kia, nếu chiến thắng được ta thì ta chịu chết, còn như ta chiến thắng thì các người chắc

chấn bị tan nát. Những La-sát kết sử phiền não kia, ta sẽ tiêu diệt không cho sống sót một mạng nào cả.

Hành nói:

–Nếu ông dũng mãnh tinh tấn thì hãy nhập Tam-muội Đại vô úy kim cang. Cửa giải thoát được mở ra và diệt trừ vô minh đâu có gì là khó.

Bấy giờ, Bồ-tát dũng mãnh nhìn bốn phía, bắt được vô minh và hỏi:

–Sao hôm nay người không ở nơi nghĩa địa kết tập phiền não đủ các thứ ác, bụi trần phiền não, gió dữ phiền não làm che lấp Tuệ nhãn khiến cho không thấy gì cả. Là chỗ chứa phân cỏ nghi hối, đua nịnh, thầy phá giới chết vì năm dục, thân người mục nát bày ra bữa bãi, hôi thối đầy dẫy trong nghĩa địa ấy. Gió dữ giác quán thổi ba độc, lửa cháy hừng hực, những dục ác, ngã mạn, trạo cử không ngừng cất tiếng cười vang nơi đồng xương. Thân chết buông lung, máu mủ dơ dáy của các luật nghi ác chảy đầy trên mặt đất. Bình gốm ba cõi chứa đựng chất cấu uế phá bỏ các căn lành, những đồ đựng bị phá vỡ tan nát trên đất. Tóc đoạn kiến, thường kiến bị gió thổi rối tung, áo không hở không thẹn rách bần bày đầy khắp nơi mồ mả; cát đá kết sử phiền não thì khô cứng thô rít. Chín mươi sáu loại quạ thúu, các loại chim tà kiến đậu ngủ đêm khắp vùng. Hoặc có lúc có chúng sinh chó sói, chồn cáo, mèo chuột do tham hữu làm hang nơi đây. Có kẻ giới thủ mặc vỏ lá cây rơi rụng khô héo trong gò mả, có việc xử đoán phi pháp phá hư giường rồi đem bỏ bữa tại đây. Hoặc có người khổ hạnh đâm đầu xuống vực sâu, chạy vào hầm lửa, nằm trên gai góc như lửa đốt thiêu nướng tại đây. Hoặc có người tự ý mình nhiều sức lực, sắc đẹp, tài trí của thân mạng mà kiêu mạn làm ô uế đầy ắp. Hoặc có gai góc oán hận ganh ghét đầy dẫy. Hoặc có những con nặng, ruồi giác quán phá hại các căn lành, sâu giòi bất tịnh hôi thối dơ nhớp đồn nơi tử thi. Hoặc có giặc oán phiền não năm cái dừng nghỉ khắp chỗ. Hoặc có kẻ chấp ngã và ngã sở, các thầy chú thuật tu tập nơi đây. Hoặc có những tà luận dị kiến như cáo, cú mèo kêu la inh ỏi khắp chốn. Lại có La-sát-nắm bẫy ái. Hoặc có La-sát cầm chày thù miên vui chơi theo năm dục. Hoặc cầm cây chĩa ba

bén nhọn đủ màu sắc ghê tởm của bất thiện điên cuồng kêu la, cười lớn không sợ sệt. Hoặc có La-sát lắc đầu lay thân trộn mắt kêu gào, nhảy nhót, lung lay, vỗ đùi, hò hét, hoặc thổi sáo, ca hát, nhảy múa. La-sát sân hận, La-sát oán thù, La-sát xem thường việc ác, coi nặng sự báo thù, La-sát bạo ác, La-sát tham lam, mạn, mạn mạn, ngã mạn, tà mạn, đại mạn, ham muốn phi pháp, những cái tham về dục, tham về điều ác. Những La-sát phiền não kết sử hung hiểm như vậy nhiều không thể tính kể.

Đến gò mả kết sử, Bồ-tát thấy những tội lỗi hung ác của Vô minh là che lấp Tuệ nhãn, cản trở nguồn thân làm cho chúng sinh không thấy Bốn Đế, bị đọa vào đường ác, nên Bồ-tát nói:

– Vô minh ấy làm người dẫn đường đi đến đồng hoang sinh tử, làm đồng lửa dữ thiêu đốt sinh già, bệnh, chết, là cha mẹ của nghiệp kết sử phiền não, làm bít lấp cửa Niết-bàn, mở rộng các cõi ác. Nó đi khắp nơi trong ba cõi, đầu lớn buông lung, trán rộng nghi ngờ, mặt xấu huyễn hoặc, nhớ nghĩ tà vạy, mũi bệnh hoạn, mắt tà kiến, mắt có con người chớp bốn điên đảo, rình rập giặc ác, lông nhiều, tai to thông xuống, ganh ghét, tà mạng, dua nịnh, hư dối, ích kỷ, kiêu căng, ham muốn lợi dưỡng để làm răng nhọn, sáu mươi hai tà kiến làm tóc, tham ăn, ba ái làm cổ dài, các luật nghi ác làm móng tay dài, thọ lấy kết sử và nghiệp làm hai vú, phình trướng to lớn không biết đủ làm bụng, thù miên, trạo hối sâu đen làm rún, nhiều tham ái làm âm tàng, mười tám giới làm hai đùi, những tham muốn phi pháp ác làm hai đầu gối, ngã kiến, nhân kiến làm hai bắp chân, voi lớn da dẻ như nhớt không xấu hổ làm y phục, lấy áo vải to hôi hám không biết thẹn làm mền, ngồi giường kết sử, La-sát các kiết lại làm người hầu. Trong số các La-sát phiền não ấy ai dù có một ngàn lưỡi cũng không thể nào nói hết tội lỗi của nó.

Lại thấy La-sát vô minh đứng bên cạnh và đang quay bánh xe, người trí ở thế gian nhìn mà phát sợ.

Bấy giờ, Bồ-tát càng tinh tấn hơn, liền chứng đắc Định ý tăng thượng nhất tâm, hết sức vui mừng tâm thanh tịnh lần lần đạt được ngôi Bất động, vững vàng đi đến chỗ La-sát vô minh. Đến chỗ bằng phẳng đất không phiền não, dẹp trừ cát đá gai góc của tâm độc ác,

hiềm hận, giận dữ, lấy nước mưa Từ bi làm thấm nhuần đất bụi tám pháp, rồi rẩy lên đất để sinh các căn lành xanh tốt, căn lành an lạc làm pháp Nhị túc (phước đức, trí tuệ), bốn nhiếp, giữ gìn cẩn thận pháp nhị túc vượt qua các dị luận, dùng tay phải Định nắm gọn đầu tóc rối loạn lớn của sáu mươi hai kiến, dùng tay trái Trí tuệ rút kiếm bén, làm tâm không mời cho chúng sinh rồi gầm tiếng sư tử:

– Trong vô lượng trụ xứ của Phật, ta đã thu thập các pháp lành, dùng xe Đại thừa thể cứu vớt tất cả chúng sinh. Nhờ thành quả tinh tấn trong vô lượng kiếp ấy nên ngày nay được thành tựu. Tất cả chúng sinh bị lửa lớn sinh tử thiêu đốt, hôm nay ta sẽ vì họ mà tiêu diệt và chiến thắng quân giặc kết sử, đoạn tận mạch máu các hành, tạo con đường ra khỏi thế gian, nhổ sạch những nguy nan hiểm trở.

Nghe tiếng gầm ấy, La-sát vô minh vỗ tay cười lớn và nói:

– Đại phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la-tỳ-nữ, Đế Thích, Tứ thiên, mặt trời, mặt trăng, những vì sao còn quỳ trước ta, bị ta khống chế. Vô lượng chư Tiên: Bà-tẩu tiên, Bà-tẩu-ưu-lưu, Quạt-bà-lê dùng trí đức để mong ra khỏi cảnh giới của ta, nhưng đều bị ta làm mê hoặc nên không biết lối thoát. Tất cả chúng sinh đều bị buộc chặt trong vòng sinh tử, xoay tròn nơi hữu, không chút sức lực, những việc như vậy do ta làm ra. Thật là ngu không tự xét mình mà lại dám nắm tóc ta. Tất cả chúng sinh, Trời, Người, A-tu-la, do sức mạnh của ta nên luôn làm cho họ hao mòn không thôi. Ông là ai mà vội vàng đến đây dám la lớn trước mặt ta, để xướng căn lành như mặt trời mới mọc? Điều này xưa nay ta chưa hề nghe thấy bao giờ. Tất cả chúng sinh bị mù tối nên không hay biết, với Tuệ nhãn của ông đã giúp họ thấy rõ, sáng vi diệu đến như vậy. Ai ở trong sóng gió dữ dội của biển khổ não sinh tử chỉ dạy vượt qua để đến bờ bên kia? Tất cả phàm phu si ám trong con đường tà, ai dẫn họ vào con đường chánh? Nhà vô minh đen tối ai cầm ngọn đuốc sáng chiếu rọi? Tôi mà ra lệnh thì cả ba cõi đều tuân theo, không ai dám chống trái. Các hàng chư Thiên, ngoại đạo đều vui thích. Đại phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la... nhờ sức của ta mà sinh khởi tưởng thưởng. Người tối thắng vô úy nào mà không sợ ta? Lại dám nắm tóc của ta? Lành thay! Lành thay! Nhất định ông sinh trong dòng họ Đức Phật.

Diệu lực từ chánh quán, công đức đại Bi không gì sánh bằng làm thể, tức là Bồ-tát thương yêu chúng sinh, đức ấy tôn nghiêm như núi chúa Tu-di. Ngoài người thù thắng này, tất cả thế gian không ai dám giơ tay nắm tóc ta cả!

Bồ-tát nói:

–Những lời người nói thật chính xác. Từ xưa đến nay ta luôn tu tập các hạnh lành với mục đích là để cứu độ tất cả chúng sinh. Như lời người nói, vị Bồ-tát ấy chính là ta đây.

Vô minh nói:

–Ông có lòng từ bi thương yêu chúng sinh, với trí quyết định, bất động, mà cứu giúp họ. Đối với oán, thân đều bình đẳng một vị. Như lửa hừng hực đốt cháy lá tươi, cũng vậy, trí tuệ của ông đã thiêu cháy tôi. Ông vững vàng chân chánh, tôi sẽ vâng theo lời dạy của ông, trọn không dám chống trái.

Bồ-tát nói:

–Ta dùng khổ, không, vô thường, vô ngã để ấn chứng. Ta khuyên người hãy đi mau không nên chậm trễ.

Bồ-tát nói ấn ấy xong, La-sát vô minh bèn dẫn bọn phiến não ác chạy trốn vào chín mươi sáu tà luận và chúng ở yên trong ngu si.

Bấy giờ, Bồ-tát tập hợp rộng khắp các tư lương đạo phẩm, không thầy mà tự giác ngộ, diệt trừ vô minh. Cho nên đại chúng phải tu tập sáu độ chứa giữ đủ các pháp lành.

*Quán sát kỹ về lời Phật dạy  
Sau đạt vui lớn, hiểu nghĩa sâu  
Xưa ta từng nghe có người mù  
Trong nhà trống nhìn ngắm chày gỗ.  
Đầu chày nghiêng đâm vào tổ ong  
Nghe tiếng ong, người mù chạy trốn  
Lừa trong nhà trống bị ong chích  
Đau quá, lừa rút xuống hố sâu.  
Trong hố, rỗng ác đang giận dữ  
Bủa mây sấm sét mưa đá lớn  
Trong không trung sét đánh âm âm*

*Trong xóm quỷ ác rất dữ tợn.  
 Mưa lửa lớn phủ khắp đất nước  
 Thế giới chúng sinh bị lửa bức  
 Cùng nhau chạy trốn vào sông sâu  
 Dưới đáy sông là cung điện La-sát.  
 Nuốt máu, tinh khí của chúng sinh  
 Ai vào sông đến cung điện ấy  
 Bị đau đớn không thể ra được  
 Vào núi đá chỉ một lỗ trống.  
 Chúng sinh ra khỏi lỗ vào biển  
 Nước biển mặn tiêu tan thân thể  
 Khóc lóc kêu gào gọi mẹ cha  
 Chư thần ai đến cứu giúp tôi.*

Khi ấy, trong biển lớn có vua Ngựa thần, thường ăn gạo cám chín rục, mập, khỏe đẹp. Nghe chúng sinh bị khổ não, vua ngựa nói:

– Ai muốn vượt qua bờ bên kia để đến cõi Diêm-phù-đề.

Những người rơi trong biển đều giơ tay phải kêu:

– Cứu tôi, cứu tôi.

Lập tức, vua ngựa phẫn chấn, làm cho tám vạn bốn ngàn lông tự nhiên dài ra, kéo mọi người đều được cứu thoát.

Vì sao đưa ra ví dụ này?

Nói về người mù là dụ cho tất cả chúng sinh vô minh. Con ong là dụ cho hành. Con lừa là dụ cho thức. Lửa rơi xuống vực sâu là dụ thức bị đọa nơi danh sắc. Mưa đá sấm sét là dụ cho hoạn nạn vô thường trong sáu tình. Quỷ ác là dụ cho xúc. Mưa và lửa là dụ cho các thọ. Đâm đầu xuống sông là dụ cho ái. Trong biển, La-sát ăn tinh khí người là dụ cho bốn thủ. Chìm đắm không ra khỏi là dụ cho ba cõi. Lỗ núi đá là dụ cho sinh. Biển lớn là dụ cho lão tử ưu bi khổ não. Vua ngựa thần là dụ cho Phật, thân mập khỏe, chân thật, kiên cố với đầy đủ công đức lành, dùng tám vạn bốn ngàn lông của chánh niệm định, vì chúng sinh khởi tâm Từ bi thương xót. Tất cả chúng sinh đều bị khổ lớn: Bị sinh làm sinh, bị già làm già, bị chết làm chết. Nhưng tất cả chúng sinh không ai biết dùng phương pháp nào để tìm con

đường giải thoát. Chư Phật dẫn dắt chúng sinh ra khỏi khổ nạn. Người cõi con ngựa tức là hành giả cõi pháp luân.

Năm vị Tỳ-kheo như Kiều-trần-như... năm người như Da-xá... năm mươi người, con của Trưởng giả... sáu mươi người của Hiền ấp... một ngàn người của anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp... hai trăm năm mươi vị của hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-kiên... tám vạn bốn ngàn người của vua Tần-bà-sa-la... cuối cùng là Tu-bạt-đà-la, cho đến tám vạn bốn ngàn tạng pháp sâu xa để lại.

Nếu có chúng sinh nào nghe một câu một kệ, đều là nhân duyên để đến cửa Niết-bàn.

